TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

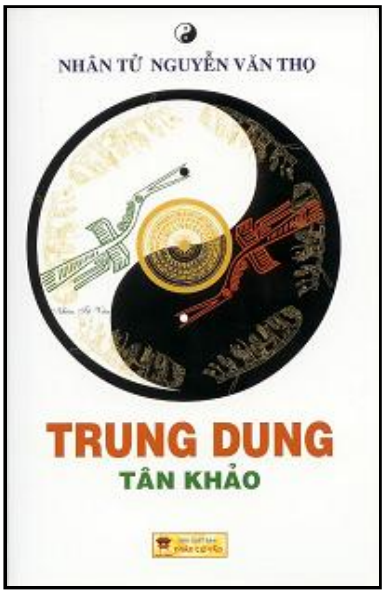

Mục lục

Tựa của ông Phạm Đình Tân (Đoàn trưởng Tinh Việt Văn đoàn)

Lời nói đầu của tác giả

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

Chương 1: Tàn tích và xây dựng

Chương 2: Bầu không khí đạo giáo thời thái cổ

Chương 3: Đạo thống Trung Dung

Chương 4: Chữ Tính, chữ Mệnh trong đạo Trung Dung

Chương 5: Tinh hoa Khổng giáo trong Tứ thư Ngũ kinh

Chương 6: Hai chữ Trung Dung

Chương 7: Xuất xứ và đại ý Trung Dung

Chương 8: Khai thác Trung Dung

Chương 9: Trung Dung và Dịch lý

Chương 10: Bản thể & hiện tượng luận theo Trung Dung & Dịch lý

Chương 11: Vũ trụ quan theo Trung Dung và Dịch lý

Chương 12: Nhân sinh quan theo Trung Dung và Dịch lý

Chương 13: Sử quan theo Trung Dung và Dịch lý

Chương 14: Những định luật chính chi phối con người và hoàn vũ theo Trung Dung và Dịch lý

Chương 15: Di tích Trung Điểm và vòng Dịch trong hoàn vũ

Chương 16: Tổng luận

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

Tựa của Chu Hi

Chương 1: Thiên Đạo tại nhân tâm

Chương 2: Trung Dung là Đạo của quân tử

Chương 3: Đạo Trung Dung cao siêu

Chương 4: Trung Dung là Đạo của Thánh Hiền, không phải Đạo của phàm phu tục tử

Chương 5: Ít người theo được Đạo Trung Dung

Chương 6: Hai đường lối Đạo đời: Khôn ngoan và Xảo trá

Chương 7: Hai đường lối Đạo đời: Khôn ngoan và Xảo trá (tt)

Chương 8: Hai đường lối Đạo đời: Nhân đức và Tài cán

Chương 9: Hai đường lối Đạo đời: Nhân đức và Tài cán (tt.)

Chương 10: Hai đường lối Đạo đời: Sức mạnh tinh thần và Sức mạnh thể chất

Chương 11: Cư kính hành giản

Chương 12: Đạo Trời ẩn áo lại mênh mông

Chương 13: Đạo chẳng xa người

Chương 14: Quân tử lạc thiên tri mệnh

Chương 15: Tiên tu kỳ thân, hậu trị kỳ quốc

Chương 16: Trời chẳng xa người

Chương 17: Hạnh phúc của Thánh Nhân

Chương 18: Hạnh phúc của Thánh Nhân (tt.)

Chương 19: Hiếu là nối chí tổ tông

Chương 20: Sự hoàn thiện là lý tưởng của quốc gia, nhân quần, xã hội

Chương 21: Thiện Đạo và Nhân Đạo

Chương 22: Thánh Nhân cùng lý tận tánh

Chương 23: Phương pháp tu thân để tiến tới Thánh Hiền

Chương 24: Thánh Nhân tiên tri

Chương 25: Thánh Nhân trong ngoài trọn hảo

Chương 26: Thánh Nhân phối Thiên

Chương 27: Mênh mang là Đạo Thánh Hiền

Chương 28: Đạo Thánh Hiền phải hợp với Đạo cổ nhân

Chương 29: Đạo Thánh Nhân hợp tâm lý, lịch sử, thiên cơ

Chương 30: Thánh Nhân dữ Thiên đồng đức

Chương 31: Thánh Nhân là hiện thân của Thượng Đế

Chương 32: Thánh Nhân là bậc đại trí và hoàn hảo

Chương 33: Chân Đạo tại nhân tâm

QUYỂN III TRUNG DUNG YẾU CHỈ & PHỤ LỤC

TRUNG DUNG YẾU CHỈ

PHỤ LỤC

* Phụ lục 1:
    A. Đạo thống Trung Dung của Mạnh Tử
    B. Thánh Hiền Đạo thống truyền thụ tổng tự thuyết của Miễn Trai
* Phụ lục 2:
    A. Bàn về chữ Tính theo Mạnh Tử
    B. Luận về Tính theo Chu Hi
* Phụ lục 3:
    A. Ý niệm về Trời về Thượng Đế trong Tứ Thư Ngũ Kinh
    B. Quan niệm Thiên nhân hợp nhất, Thiên nhân tương dữ trong Tứ Thư Ngũ Kinh
* Phụ lục 4: Trung đồ
* Phụ lục 5: Nguyên Đạo huấn của Hoài Nam Tử
* Phụ lục 6: Giải thích hình vẽ trong quyển I
* Phụ lục 7: Aperçu du Nouvel Essai sur le Centre Eternel
* Phụ lục 8: Glance on the New Essay of the Eternal Center
* Phụ lục 9: Tầm quan trọng của Trung Điểm trong Thiên văn và Địa lý
* Phụ lục 10: Trung Đạo chi truyền phú của Lương Gia Hòa — Trung Dung Ca (phóng tác)

SÁCH THAM KHẢO

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục » Lời tựa » Lời nói đầu

LỜI TỰA

Tác giả bộ Trung Dung tân khảo có nhã ý nhờ tôi đề tựa cuốn sách của ông. Tôi chẳng dám từ chối, trước để khỏi phụ lòng tin cậy của tác giả, sau vì tôi là một trong những người đầu tiên đã nhận thấy giá trị cuốn sách và đã trao tặng cho tác giả giải thưởng Lecomte du Noüy của Tinh Việt văn đoàn năm 1960-1961. Tôi đã đọc bộ sách, và đã cùng với tác giả thảo luận về đề tài cũng như về những quan niệm của ông trình bày trong đó, vậy thiết nghĩ tôi có thể tóm lược vài nét đại cương về cuốn sách để giới thiệu nó với độc giả. Trước tiên, đọc sơ qua bộ Trung Dung tân khảo, ta thấy ngay tác giả chẳng những khảo cứu Trung Dung, mà còn xây dựng một học thuyết mới mẻ về Trung Dung nữa.

Tác giả đã khảo cứu Trung Dung về nhiều khía cạnh:

- Từ nguyên (étymologie)
- Ngữ nghĩa (sémantique)
- Tượng hình (symbolique)
- Triết học (philosophie)
- Sử học (Histoire)
- Đạo học (Religion)

Tác giả đã biến một đề tài rất khô khan, rất phức tạp, khó hiểu thành một đề tài linh động, hấp dẫn, sáng suốt. Được vậy, có lẽ vì tác giả đã tìm ra chìa khóa để mở kho tàng tư tưởng cổ nhân. Theo tác giả chìa khóa ấy đã dấu sẵn trong nhan đề sách, trong hai chữ Trung Dung và trong tượng hình của chữ Trung 中. Tác giả dịch Trung Dung là Trung điểm bất biến, và dùng hai chữ Trung Dung để tìm ra nguyên lý và cùng đích của cuộc đời. Cũng như trong hình học, trung điểm hay tâm điểm có thể sinh ra nhiều vòng tròn, thì trong Trời đất, một nguyên lý, một tâm điểm bất biến cũng có thể phát huy ra muôn vàn hình tượng tạo dựng nên muôn loài, muôn vật. Tác giả lại dựa vào định luật tuần hoàn, phản phúc của Trời đất, mà suy luận ngược lại rằng cùng đích cuộc đời của mỗi người chính là tìm ra tâm điểm bất biến của vũ trụ, của tâm hồn con người.

Tác giả dựa vào tượng hình, cho rằng chữ Trung 中 chẳng qua là một vòng tròn với tâm điểm ⊙, hay một tấm bia tròn với một mũi tên xuyên qua giữa hồng tâm φ. Như vậy chữ Trung cũng đã đủ để ám chỉ nguyên lý và cùng đích của cuộc đời. Trong tất cả bộ sách tác giả chứng minh bằng mọi phương cách, cố dẫn chứng bằng lời lẽ của các nhà hiền triết Nho giáo để chứng minh rằng Trung tâm, Trung điểm là ngôi vị của Thái cực, của Trời.

Cho nên, muốn tìm đạo, tìm Trời, tìm tinh hoa nhân loại phải tìm trong tâm khảm con người, trong trung tâm điểm của con người. Tất cả vấn đề là làm sao tìm ra được tâm con người. Muốn đạt mục đích ấy, tác giả đã dùng phương pháp đạo giáo đối chiếu (religions comparées), triết học đối chiếu (philosophies

comparées), tượng hình đối chiếu (symboliques comparées) để xác định đâu là tâm khảm con người.

Dựa vào những chứng cớ trên, tác giả chủ trương tâm khảm con người không nằm trong lồng ngực như nhân gian thường chủ trương, mà chính là ở giữa não thất III, ở giữa não con người. Nhờ những quan niệm vừa giản dị, vừa độc đáo nói trên, tác giả đã tìm ra được những gì bí ẩn của Trung Dung.

Trong ba tập Trung Dung tân khảo, tác giả đã dùng nhiều phương pháp khác nhau cốt chứng minh Trung Dung là Trung đạo hay là một huyền học.

Trung đạo (ésotérisme)[1] tức là giai đoạn «nhập thất» [2] được truyền tâm pháp, và những lẽ huyền vi, khác với ngoại đạo (exotérisme) hay giai đoạn sơ bộ của các đạo giáo tức là giai đoạn mới được truyền thụ những điều thô thiển phù phiếm.[3]

Chu Hi cũng đã nhận chân Trung Dung có mục đích tối hậu là đưa con người đến chỗ cùng huyền, cực thánh.[4] Như đã nói trên, Trung đạo là một giai đoạn đạo giáo tối thượng, nên chỉ chú trọng đến những lẽ huyền vi cao diệu, vì thế còn gọi là huyền học (mysticisme). Nó đòi hỏi con người một tư chất thông minh đặc biệt, một cố gắng không ngừng, và một ân sủng đặc biệt của Thượng đế. Vì thế những người phàm trần khó bề thấu hiểu, tiến tới. Xưa ở cổng trường của Pythagore có dựng tượng thần Hermès, và bệ tượng có đề hai chữ: Eskato béléloï nghĩa là: «Phàm phu xin lùi gót.» [5]

Dẫu sao, cũng nên bàn qua về Trung đạo, về huyền học để đọc giả dễ thông cảm với tác giả bộ Trung Dung tân khảo này. Trung đạo hay huyền học có nét đại cương sau đây:

1) Tin tưởng, và hơn thế nữa, cảm giác thấy một nguyên lý bất biến, hay nói nôm na là có Trời, có Thượng đế tiềm ẩn trong tâm hồn mình.

2) Tu sửa tâm hồn mình cho hết khuyết điểm dở dang, để nên giống khuôn thiêng bất biến, nên giống khuôn thiêng hoàn thiện của Trời nơi đáy lòng mình.

3) Mục đích tối hậu của công cuộc tu thân, của cuộc đời là để trở nên hoàn thiện như Trời, để kết hợp với Trời, đó là «phối Thiên» theo Trung Dung.

4) Phương tiện mục đích để đạt mục tiêu đó là học hỏi không ngừng để tìm ra nguồn gốc định mệnh hết sức cao quí của con người, triền miên suy tư để tìm ra những định luật Trời đất, những định luật tâm lý hầu giúp mình cải tiến, biến hóa tâm hồn, tiến tới tinh hoa, tiến tới hoàn thiện, tóm lại là cố gắng mãi mãi, cố gắng không ngừng, để lướt thắng mọi trở lực, băng qua mọi giai đoạn, và chỉ ngừng lại ở mức hoàn thiện. Đó là «Chỉ ư chí thiện» của Đại học.

5) Kết quả tối hậu mà con người sẽ gặt hái được tức là «Phối Thiên» tức là kết hợp với Trời, cùng đất Trời trường sinh bất tử. Những quan niệm, những chủ trương nói trên đã được đề cập tới trong Trung Dung, và đã được đề cập tới một cách tinh vi tế nhị, kiến người ta phải suy tư nhiều mới nhận thức được. Những quan niệm này cũng không phải là di sản riêng tư của Trung Dung hay của Khổng thuyết, mà trái lại chúng là di sản của danh nhân, hiền triết mọi nơi, mọi đời: Lão Tử, Trang tử, Bồ đề đạt ma, Krishna, Orphée, Hermès, Pythagore, Platon, Jean de la Croix hay Eckhart cũng chẳng chủ trương chi khác lạ hơn... Dịch kinh cũng đã viết: «Thiên hạ lo gì nghĩ gì? đường đi khác nhau, nhưng mục đích là một, tư lự trăm chiều mà chân lý không hai.» [6]

Bộ Trung Dung tân khảo gồm ba tập:

- Tập một: Trung Dung khảo luận

- Tập hai: Trung Dung bình dịch

- Tập ba: Trung Dung yếu chỉ và phụ lục.

Trong tập Trung Dung khảo luận, ta có dịp cùng tác giả đi chu du trong "rừng nho, biển thánh", thưởng thức kinh Thi, tìm lại bí quyết tương truyền từ Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công cho tới Khổng Tử, Mạnh Tử, khảo sát đường lối tư tưởng của danh nho danh sĩ Trung Hoa, cũng như của cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm, mở rộng tầm khảo sát ra cho tới các đạo giáo, các môn phái triết học, các phát minh tối tân của y học, khoa học. Tất cả những khảo sát đó cốt để tìm ra nguyên lý cuộc đời, tìm ra đường đi, nước bước của con người, của nhân loại tùy theo mỗi tuổi mỗi thời, và cũng là để tìm ra cùng đích cao sang tối hậu của con người.

Trong tập Trung Dung bình dịch, tác giả đã dùng các thể thơ lục bát, song thất lục bát và thơ mới để dịch toàn bộ Trung Dung. Vì dịch giả thấu triệt được mạch lạc ý tứ Trung Dung, nên thường dịch rất lưu loát. Tác giả lại còn toát lược đại ý mỗi chương mỗi đoạn để độc giả thấy rõ ý nghĩa mạch lạc Trung Dung. Ngoài ra, trong mỗi bài mỗi đoạn, tác giả còn trưng thêm nhiều danh ngôn, danh ý để đối chiếu, như muốn đem Trung Dung hòa tấu chung với bản nhạc tư tưởng mọi nơi mọi đời, vừa làm tăng thêm ý vị Trung Dung, vừa giúp độc giả hiểu thấu sâu rộng.

Trong tập Trung Dung yếu chỉ và phụ lục, tác giả thâu tóm vi ý Trung Dung bằng 200 câu thơ song thất lục bát, lời văn giản dị, nhẹ nhàng. Ngoài ra còn thêm một phần phụ lục rất dồi dào, tập trung lại nhiều thiên khảo luận có dính dấp tới Trung Dung, để mọi người rộng đường tham khảo.

Đọc bộ Trung Dung tân khảo, ta nhận thấy tác giả đã dày công nghiên cứu và làm sáng tỏ một vấn đề then chốt của đạo Nho. Tuy là một thiên khảo luận, một đề tài triết học và siêu hình học nhưng tác giả đã có một lối hành văn dễ hiểu, không nhàm chán.

Đằng khác, tác giả còn đưa ra nhiều quan điểm triết học, và nhân sinh quan rất mới mẻ, mặc dầu vốn đã tiềm tàng trong Tứ thư, Ngũ kinh. Thiết tưởng cũng nên nêu ra ít nhiều chủ trương của tác giả:

I. Về con người, tác giả phân tách ra nhiều tầng lớp, và chủ trương trong lớp nhân tâm phù phiếm, biến thiên còn có lớp đạo tâm, thiên tâm là khu nữu, làm tiêu chuẩn, chủ chốt. Mọi nơi mọi đời đều hướng về chân tâm ấy như là quê thật của mình. Đó là thiên địa chi tâm, đó là núi Côn Lôn với dân Trung Hoa, đó là núi Tu Di với dân Ấn Độ; đó là Jerusalem, là núi Sion đối với dân Do Thái, đó là Athènes, là Delphes là nơi chôn nhau cắt rốn (emphalos = ombilic) đối với dân Hy Lạp, v.v.[7]

2. Tác giả dựa vào Trung Dung và Dịch kinh đưa ra một nhân sinh quan vô cùng biến hóa, luôn thích thời mà cũng luôn siêu thời trước thấp sau cao, trước trọng vật chất, sau trọng tinh thần, tuần tự nhi tiên đúng theo quẻ âm dương tiêu trưởng của Trời đất, để chung cuộc tiến tới hoàn thiện.

3. Tác giả cũng còn dựa vào vòng Dịch, để suy ra định luật tuần hoàn, và đưa ra một giả thiết mới mẻ về chu kỳ lịch sử nhân loại, gồm hai chiều xuôi ngược, từ tinh thần tiến ra vật chất, rồi từ vật chất trở lại tinh thần, và chủ trương rằng: lúc chung cuộc lịch sử, nhân loại sẽ sống hoàn thiện theo đúng thiên ý, phối hợp với Trời.

4. Tác giả còn đưa ra một giả thiết mới mẻ về y học, về cơ thể học (anatomie) khi chủ trương rằng trung tâm não bộ là chân tâm của con người, để đi đến một kết luận triết học, đạo học rằng Trời chẳng xa người mà tiềm ẩn trong ngay tâm khảm, trong đầu não con người.

5. Nhưng có lẽ một phát minh độc đáo nhất là tác giả chỉ dùng một tâm điểm và một hay nhiều vòng tròn đồng tâm để mà khám phá ra huyền cơ vũ trụ, khám phá ra các tầng lớp trong con người, khám phá ra các định luật chi phối con người, và vũ trụ. Lúc thì tác giả để vòng tròn đứng nguyên cho ta thấy một chân tâm và nhiều tầng lớp khác nhau bao bọc; lúc để vòng tròn di động cho ta trông thấy sự biến thiên

chất chưởng của các tầng lớp bên ngoài, và sự bất biến hằng cứu của trung tâm, cũng như để suy ra các định luật «hiển-vi», «tụ-tán», những lẽ «vãng-phản», «tồn-vong», «doanh-hư» của vũ trụ, của con người. Tác giả cũng chỉ dùng có một hình tròn để làm như một chìa khóa tìm ra tinh hoa các đạo giáo; tìm ra trung điểm, trung đạo của các đạo giáo; dùng một tâm điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm để phơi bày những tương đồng tương dị của các đạo giáo, dùng hình tròn để tìm ra nguyên ủy thủy chung của cuộc đời, dùng một tâm điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm để thuyết minh hai chiều vãng phản của cuộc đời, để chủ trương rằng con người phải luôn tiến bước không được dừng chân đứng lại ở chặng đường nào, ở giai cấp nào, mà phải tiến tới trung tâm điểm, tiến tới hoàn thiện.

Đọc bộ Trung Dung tân khảo, chẳng những ta thâu thái được tinh hoa đạo Nho, mà còn lĩnh hội được quan điểm, tư tưởng của các bậc hiền triết mọi nơi mọi thời.

Đọc Trung Dung, ta liên tưởng tới những học thuyết Âu Á cổ kim đã lấy Trung điểm, lấy Trời làm khởi điểm và cùng điểm của vũ trụ, của con người.

Sách Zohar chẳng hạn cũng đã gọi khởi điểm đó là Yod. Tâm điểm tối thượng ấy dần dà biến thành nhiều tầng lớp, để phát sinh ra muôn vật, phát sinh ra vũ trụ; tầng trong tế vi, cao diệu tầng ngoài cục mịch thô sơ, như áo như vỏ hỗ trợ tầng trong.

Tâm điểm là Thượng đế, các tầng lớp bên ngoài là những lớp vỏ, lớp áo, là quần sinh vũ trụ. Lúc chung cuộc, đấng Tối Cao sẽ vứt bỏ mọi lớp áo xống bên ngoài, mà hiện ra trong vinh quang tuyệt đối; vả lại mọi sự cũng trở về cội gốc như đã phát sinh ra do cội gốc, như Henri Sérouya đã trình bày trong cuốn Kabbale.

René Guénon một nhà huyền học cận đại cũng đề cập nhiều đến Trung điểm, Trung Dung trong các sách của ông.[8]

Nhà triết học trứ danh hiện đại là Carl G. Jung cũng đã dày công khảo cứu về Trung Dung, Trung điểm theo ý nghĩa huyền học.[9]

Trong cuốn Jnana Yoga, ông Vivekananka nhà hiền triết Ấn Độ cũng chủ trương cần phải tìm cho ra tâm điểm bất biến của vũ trụ và của tâm hồn con người, rồi ra mới xác định được các tầng cấp giá trị. Ông quan niệm tâm điểm vũ trụ hay Thượng đế ở ngay trong tâm hồn con người, và quyết đoán rằng các hiền triết xưa nay đều quay về thâm tâm mình để tìm cho ra tâm điểm bất biến đó.[10]

… Hai chiều tiến hóa, vãng phản của tâm thần mà tác giả luôn luôn đề cập tới trong bộ Trung Dung tân khảo làm chúng ta nhớ lại quan niệm của Pythagore về định luật «Âm dương tiêu tức» của Trời đất.[11]

Tóm lại, với công phu tìm tòi khảo sát, tác giả cuốn Trung Dung tân khảo đã khai thác được cả một kho tàng tư tưởng của cổ nhân, đã tìm ra được nhiều điều bí ẩn về thân thế và định mệnh con người, đã phơi bày ra được các tầng lớp trong con người, đã phác họa được vòng tuần hoàn của cuộc đời, vẻ ra được một con đường để con người có thể đi theo, xuyên qua vật chất trần thế để hoàn thiện mình, tiến tới Thượng đế, nguồn gốc của mọi vật.

Viết về một vấn đề cũ đã khó, viết về một đề tài cũ mà còn tìm ra được những cái hay, cái mới lại càng khó hơn. Tác giả cuốn Trung Dung tân khảo đã thành công về điểm sau này.

Người Nhật đã nói: «Ông Khổng tại Nhật Bổn là ông Khổng sống, ông Khổng tại Trung Hoa là ông Khổng chết.» Đó là vì người Nhật đã biết tìm cái mới, cái tinh hoa của Khổng học, trong khi người Trung Hoa chỉ biết truyền dạy cho nhau một chiều về tư tưởng người xưa từ mấy ngàn đời.

Ước gì cuốn Trung Dung tân khảo này sẽ gây cảm hứng cho nhiều tâm hồn thiện chí khác chịu khó

tìm tòi khảo cứu Khổng thuyết, một học thuyết đã làm nền tảng cho văn hóa Á Đông, để vị Vạn thế thánh sư của Trung Hoa trở thành Đức Khổng sống trên đất Việt Nam, hầu mưu ích cho cá nhân và cho cả dân tộc.

Sài gòn, ngày kỷ niệm Khổng Tử 28-9-1963

PHẠM ĐÌNH TÂN

Đoàn trưởng Tinh Việt Văn đoàn

---

[1] Xem các đồ bản của tác giả như các tầng lớp con người (hình 3). Trung đạo (hình 19)

[2] Tử viết: «Do chi sắt, hề vi ư Khâu chi môn.» Môn nhân bất kính Tử Lộ. Tử viết: «Do dã thăng dường hĩ, vị nhập thất dã.» 子 曰: 由 之 瑟 奚 為 丘 之 門. 門 人 不 敬 子 路. 子 曰: 由 也 升 堂 矣, 未 入 室 也 (Luận Ngữ, Tiên tấn, XI câu 14)

[3] ... C'est un jour heureux, un jour d'or, comme disait les Anciens, que celui où Pythagore recevait le novice dans sa demeure et l'acceptait solennellement au rang de ses disciples. On entrait d'abord en rapports suivis et directs avec le maître; on pénétrait dans la cour intérieure de son habitation, réservée à ses fidèles. De là le nom d'ésotériques (ceux du dedans) opposé à celui d'exotériques (ceux du dehors). La véritable initiation commençait... (Edouard Schuré, Les grands initiés, p. 327)

[4] Chung ngôn thánh thần công hóa chi cực. 終 言 聖 神 功 化 之 極. Trung Dung, chương I.

[5] cf. Les grands initiés, p. 318.

[6] Thiên hạ hà tư hà lự? Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự. Thiên hạ hà tư hà lự? 天 下 何 思 何 慮? 天 下 同 歸 而 殊 塗, 一 致 百 慮. 天 下 何 思 何 慮? (Dịch hệ từ hạ)

[7] Xem các ảnh trong phụ lục IX.

[8] Như các cuốn của René Guénon: Le Symbolisme de la Croix, L'homme et son devenir selon le Védanta, Symboles fondamentaux de la science sacrée…

[9] Xem Carl Gustav Jung, Psychology and Alchemy.

[10] Xem Swami Vivekananda, Jnana Yoga, tr. 138 và 500.

[11] "C'est donc en Égypte que Pythagore acquit cette vue d'en haut qui permet d'apercevoir les sphères de la vie et les sciences dans un ordre concentrique de comprendre l'involution de l'esprit dans la matière par la création universelle et son évolution ou sa remontée vers l'unité par cette création individuelle qui s'appelle le développement d'une conscience…» (Edouard Schouré, Les grands Initiés, p. 284)

» Mục lục » Lời tựa » Lời nói đầu

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» Mục lục » Lời tựa » Lời nói đầu

* Hỡi các nước hãy ca tụng Chúa!

ngợi khen Người, tất cả các dân!

(Thánh vịnh 117)

Laudate Dominum omnes gentes,

Laudate eum omnes populi.

(Psalmus 117)

* ... Những người vội vã, những kẻ phù du sẽ ngạc nhiên và bực bội vì trong giờ phút khẩn trương nước sôi, lửa bỏng như nay, mà lại viết cuốn sách không màu sắc thời gian, không liên quan đến thời cuộc, mà lại muốn đặt vấn đề trên những dữ kiện vĩnh cửu. Nhưng thực ra, vĩnh cửu là con đường ngắn nhất từ thời gian này sang thời gian khác, vả lại cuộc đời thường lạc hướng và có vô số lỗi lầm.

... Les gens hâtifs et éphémères s'étonneront et se scandaliseront qu'en une heure où le temps presse, où les décisions menacent, un livre ait été écrit pour sortir de l'actualité et pour tenter de reposer le problème dans ses données éterrnelles. Mais c'est que l'eternité reste le plus court chemin d'un temps à un autre temps: l'actualité souvent dévie et ne compte pas ses erreurs. (Robert Aron, Retour de l'Eternel, Edition Albin Michel, 13-16 passim et Anthologie juive, page 516).

* ... Đạo ta chỉ dùng một nguyên lý mà bao quát hết.

... Ngô đạo nhất dĩ quán chi.

吾 道 一 以 貫 之

(Luận ngữ, Lý nhân đệ tứ)

... Un unique principe me suffit pour tout embrasser. (Granet, la pensée chinoise, page 15)

* Công tôn Sửu nói: «Đạo ngài thời cao thật, đẹp thật, nhưng y như lên Trời, tưởng chừng không sao đạt tới được. Sao ngài chẳng hạ thấp xuống cho vừa sức người, để họ hằng ngày ra công học tập.»

Mạnh tử đáp: «Người thợ khéo không vì người thợ vụng mà bỏ thằng, mặc. Chàng Nghệ không vì kẻ bắn dở mà thay đổi phép dương cung. Người quân tử dạy dương cung, nhưng không bắn hộ... Lập ra Trung đạo, ai có sức thì theo...»

Công tôn Sửu viết: «Đạo tắc cao hỹ, mỹ hỹ, nghi nhược đăng thiên nhiên, tự bất khả cập dã. Hà bất sử bỉ vi khả cơ cập, nhi nhật tư tư dã.»

Mạnh tử viết: «Đại tượng bất vị chuyết công cải phế thằng mặc. Nghệ bất vị chuyết xạ biến kỳ cấu luật. Quân tử dẫn, nhi bất phát... Trung đạo nhi lập; năng giả tùng chi.» (Mạnh Tử, Tận tâm, thượng, đoạn 41)

公 孫 丑 曰: «道 則 高 矣, 美 矣.宜 若 登 天 然, 似 不 可 及 也. 何 不 使 彼 為 可 幾 及, 而 日

孳 孳 也.»

孟 子 曰: «大 匠 不 為 拙 工 改 廢 繩 墨. 羿 不 為 拙 射 變 其 彀 率. 君 子 引, 而 不 發... 中 道 而 立; 能 者 從 之.»

LỜI NÓI ĐẦU

Ba tập Trung Dung tân khảo đều có mục đích:

Khảo sát một quan niệm then chốt mà đạo Khổng gọi là tâm pháp 心 法.

Quan niệm đó là:

1. Chẳng những tin có Trời, mà lại tin có Trời ngự trị ẩn áo nơi đáy lòng mình. Trong «Nhân tâm nghiêng ngửa» đa đoan còn có «Đạo tâm ẩn áo»: «Nhân tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi.» 人 心 惟 巍 道 心 惟 微.

2. Đạo tâm, ảnh tượng Trời ẩn áo đó chính là Tính (nature esprit, essence) hiểu theo nghĩa siêu hình.

3. Như vậy Tính sẽ là Nguồn sống thiêng liêng, là Tinh (Essence), là Nhất (Unité), là Thành, là Toàn thiện (Perfection).

4. Và là mệnh Trời (volonté divine: Thiên mệnh chi vị tính 天 命 之 謂 性).

5. Theo mệnh Trời đó chính là Đạo (Suất tính chi vị đạo 率 性 之 謂 道).

6. Niềm tin tưởng đó sẽ làm cho mình kính sợ, lo sửa tâm hồn để trở nên hoàn thiện.

7. Hoàn thiện là lên tới «Thái cực» tuyệt đỉnh công phu, kết hợp với Trời (Phối thiên).

8. Như vậy là đi từ «Thiên nhân tương dữ» (alliance) khởi thủy đến chỗ «Thiên nhân nhất quán» (Union mystique) tận cùng.

TÓM LẠI:

Trời là trung tâm điểm nhân loại (Trung 中) bất biến trường tồn (Dung 庸). Mục đích Trung Dung là cố gắng tu luyện để đi từ biên khu trần thế, xác thân, lý trí, tâm hồn vào tới được trung tâm điểm đó, và từ chỗ biến thiên của cuộc đời vào tới chỗ bất biến trường tồn đó.

Nhưng dĩ nhiên đó là một công trình tuyệt khó. Chỉ có bậc chí thành, chí thiện mới gọi được là «đắc trung» 得 中. «Đắc trung» là «đắc Đạo» 得 道; «đắc Đạo» là «phối thiên» 配 天.

Trung Dung tức là giai đoạn «Huyền đồng» (tâm dữ Huyền đồng 心 與 玄 同 - Union de l'âme au Principe, Union mystique, mysticisme), điểm hội tụ của triết và đạo, là «cùng lý» của đời sống con người.

Nhân tử NGUYỄN VĂN THỌ cẩn chí

Saigon, ngày 1-4-1964

» Mục lục » Lời tựa » Lời nói đầu

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 1
TÀN TÍCH VÀ XÂY DỰNG

A. NHỮNG QUAN NIỆM SAI LẠC VỀ TRUNG DUNG

Từ xưa đến nay, hai chữ Trung Dung đã thành sáo ngữ thông thường ở cửa miệng dân gian, Ai cũng cho rằng mình quán triệt đạo Trung Dung, tuy chẳng hiểu Trung Dung nói gì. Ai cũng cho rằng Trung Dung là không thái quá, không bất cập, một chủ nghĩa trung lập, nước đôi, lấp lửng giữa dòng, chẳng ra môn, mà cũng chẳng ra khoai, để rồi nhún vai ngâm lên hai câu thơ Xuân Diệu.

«Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.»

Nhưng nếu Trung Dung dễ dàng, thô thiển như vậy, thì tại sao danh nho ngàn đời dám cho nó là «tâm pháp» của Đạo Khổng, thì làm sao Chu Hi dám khen đó là một đạo tuyệt diệu Trời ban và không bao giờ thay đổi được.

Nhưng trước khi phục hồi Trung Dung, khảo sát Trung Dung, ta hãy nhỏ vài giọt lệ tâm tình khóc cho Trung Dung, vì Trung Dung cũng như học thuyết Khổng Tử đã bị nhiều học giả, vô tình hay hữu ý, buông lời phỉ báng tận tình.

Học giả Léon Wieger viết trong quyển Lịch sử đạo giáo và triết học Trung Hoa như sau: «Đức Khổng đòi hỏi nơi vương giả, nơi hiền nhân, quân tử cái gì? Bác ái hay hy sinh. Ồ! Đâu phải thế… Ngài đòi hỏi một khối óc trung lập, một con tim lạnh lùng na ná như chủ trương của Hồng phạm, Cửu trù: Chẳng thương chẳng ghét, không thiên kiến, không tin tưởng chắn chắn, không chí bền bỉ, không bản ngã… Thoạt tiên, đừng vội khen hay chê, theo hay bỏ… Rồi sau khi đã suy xét, đừng có nghiên theo cực đoan nào vì thái quá hay bất cập đều hại. Phải theo đường Trung Dung, có thái độ chiết trung. Đừng hăng hái nhiệt thành, chớ thất vọng lạnh lùng, bao giờ cũng điềm đạm theo thời. Phải bắt chước Trời lạnh lùng, không tây vị, và lúc hành sự phải biết chần chờ khoan dãn, len lỏi nước đôi.» [1]

Bình luận học thuyết Khổng Tử, ông René Grousset viết: «Tất cả những vấn đề cao cả, quan thiết đến định mệnh nhân loại đều bị hạ xuống thành chủ trương công ích hay tùy thời xử thế. Thiếu nền tảng siêu hình, luân lý Khổng Tử chỉ dựa vào những sự kiện xã hội.» [2]

Ông P.H. Bernard còn phán quyết hách dịch và dõng dạc gấp bội: «Cái mà xưa ta gọi là triết học Khổng Tử chỉ là sự phủ quyết của triết lý. Đó là bất cứ cái gì: Xã hội học, kinh tế học, một cuốn sách dạy lịch sự thơ ngây và thành thực, chứ nhất định không phải là triết lý thực sự.» [3]

Đọc những lời phê bình đó chúng ta cảm thấy chua xót vì thấy lỗi lầm chung của chúng ta là không hiểu, đã vội phê phán người xưa, thấy trân châu tưởng lầm là mắt cá.

Ông Robert Magnenoz suy nghĩ về duyên do thắng lợi của chủ nghĩa Cộng Sản ở lục địa Trung Hoa

đã viết đại khái như sau:

«Âu Châu và Mỹ Châu đã ra công phá vỡ những con đê ngàn đời từng ngăn ngọn thủy triều Đông Á, đã cố phá những cơ cấu, những truyền thống và những nguồn gốc triết học Đông Phương. Những thân cây dân tộc Á Đông vì thế mà héo hon. Nhân đó, chủ nghĩa Cộng Sản mới có thể tháp vào mà mọc lên như qua cát, sắn bìm, làm nghẹt hết chồi văn minh Đông Á.» [4]

B. LÝ DO PHÁT SINH

Lời Ông Magnenoz thật hữu lý.

Sở dĩ có sự mạt sát đả kích như vậy là vì phê phán sai lầm. Những lời phê phán sai lầm ấy không nên làm ta bỡ ngỡ vì ngay ở Á Đông ta, xưa nay nhiều người cũng có luận điệu ấy.

Lý do tổng quát là vì:

1. Họ sẵn là thành kiến.
2. Có thành kiến rồi họ vặn vẹo lời thánh hiền cho ăn khớp với những thành kiến mình. Văn còn nguyên, ý đổi hết vì bị tách khỏi chương cú.
3. Họ dịch sai hay căn cứ vào những bản dịch sai mà lập luận.
4. Khi đã trót phê phán, phiên dịch sai lầm, họ không có gan cải chính.
5. Không hiểu hết ý tứ thâm viễn cổ nhân.
6. Thành thử, có những học thuyết Khổng Tử giả, những đạo Trung Dung giả lưu hành.

Các học giả dựa vào những tài liệu sẵn có mà lập luận phê phán. Nên khi phê bình, có thể họ đã phê bình những ý tưởng của ai ai; khi mạt sát, họ mạt sát những chủ trương chi chi, chứ thực không phải ý tưởng chủ trương của Đức Khổng. Nhiều khi họ mạt sát chính ý kiến sai lầm của họ.

Họ y như hiệp sĩ Don Quichotte đại chiến với những máy xay gạo có quạt gió, vì tưởng đó chính là một đoàn khổng lồ, nghịch tặc. Họ như Don Quichotte rất có tâm huyết, nhưng đã hoài công khai chiến với chính những ảo tưởng, ảo vọng của họ.

Dân chúng thiếu thời giờ đọc sách, xét suy. Không đọc được nguyên văn chính bản, họ chỉ có thể dùng những bản dịch, xem những bài bình luận. Đọc những bản dịch ngây ngô,xem những bài bình luận nông cạn, dân chúng kết luận tư tưởng thánh nhân xưa nông cạn, lập luận thánh nhân xưa ngây ngô, nên họ chán, chẳng muốn theo.

Dân đã chán, thì đạo nào cũng lụn bại. Dân đã có thành kiến thì khó mà bỏ được. Các học giả bị tiêm nhiễm thiên kiến đang lưu hành trong dân gian thời đại mình, nên lúc khảo cứu rất dễ lầm lạc. Lầm lạc lại được truyền bá. Thế là vòng luẩn quẩn đi đi, lại lại, càng ngày càng to tát, nguy hại thêm.

Cho nên bao dang dở, bao chếch mác, bôi tro, trát trấu vào đạo Khổng nói riêng và các đạo nói chung là vì lầm lạc cả:

Hoặc giải thích nông cạn chẳng tinh tường,

Hoặc trình diễn nói năng không khúc chiết,

Hoặc sa vào vòng huấn hỗ, từ chương,

Hoặc không quán triệt hết điều hơn, lẽ thiệt.[5]

Mạnh Tử nói: «Đừng vì văn hại chữ, đừng vì chữ hại nghĩa. Lấy ý mình đón ý tác giả, thế mới được.» [6]

C.TÔN CHỈ VÀ CHƯƠNG TRÌNH KHẢO CỨU

Vậy khảo sát đạo Trung Dung, ta cần rất thận trọng. Ta nên khảo sát đạo Trung Dung với tinh thần vô tư, gạt bỏ thành kiến, hòa mình vào quan điểm của tiền nhân, cố tìm cho ra ý tứ cao siêu mạch lạc, ẩn áo.

Chu Hi nói: Đạo Trung Dung là một đạo Trời ban. Đức Khổng cho ra rằng Trời ban đạo đó cho nhân loại từ thời vua Nghiêu, khoảng 1500 năm trước ngài. Mạnh Tử thời Chiến Quốc, Miễn Trai đời Tống[7] đã ghi lại rõ ràng chuỗi liên châu đạo thống, xác định những bậc thánh hiền đã được vinh hạnh cầm bó đuốc chân lý soi cho đời qua các thế hệ. Bao ẩn áo của đạo Trung Dung cũng đã được nghiên cứu qua các thời đại.

Vậy trong công trình khảo sát Trung Dung,chúng ta phải lần lượt đi từng bước một:

1. Đọc Kinh Thi để tắm mình trong bầu không khí tín ngưỡng Trung Hoa thời cổ.
2. Nương vào Mạnh Tử, Miễn Trai tiên sinh để dò ra đạo thống Trung Dung.
3. Cố gỡ mối tơ vò siêu hình học của Trung Dung nói riêng và Khổng giáo nói chung. Mối tơ vò ấy là hai chữ Tính, Mệnh.
4. Tìm tinh hoa Khổng giáo trong Tứ thư, Ngũ kinh.
5. Tìm hiểu hai chữ Trung Dung.
6. Trở về Trung Dung để tìm hiểu ý tứ, mạch lạc.
7. So sánh Trung Dung và Dịch lý để suy ra bản thể và hiện tượng và những vũ trụ quan, nhân sinh quan, sử quan tương ứng, cũng như những định luật chính chi phối hoàn võ và con người. Tìm dấu vết Trung Dung và Dịch lý trong các thư tịch, đền đài khắp hoàn cầu để tìm ra mối tương đồng giữa các quốc gia các thế hệ…
8. Cuối cùng chúng ta mơi kết luận tổng quát.

Chúng ta phải vất vả như vậy, phải đi quanh quất trong rừng lịch sử,triết học, văn chương, như vậy mới có thể lên tới đạo Trung Dung được, vì nó quá cao, quá khó.

Chúng ta đừng sốt ruột; sốt ruột sẽ hỏng việc: mạ có thời gian mọc, mới thành cây lúa; nếu nương nó lên cho chóng dài, chóng lớn, nó sẽ chết.

Vậy muốn tìm cho ra manh mối đạo Trung Dung, ta phải ngang nhiên rong ruổi trên triền không gian và thời gian, lật gai góc cá học thuyết, mà tìm cho ra đường lớn của người xưa. Nhưng trước khi lên đường, chúng ta những muốn nói như Lý Thái Bạch:

Đường đi khó, tìm đường đi khó quá…

Rút kiếm bén, ngỡ ngàng trông đây đó,

Lòng hoang mang ta biết sẽ đi đâu?

Muốn qua Hoàng Hà, băng giá lấp sông sâu !

Muốn trèo non Thái, tuyết một mầu ảm đạm !

Muốn khuây khỏa, vừa ra khe buông câu tạm,

Đã mơ màng thuyền mộng lướt Trời mây !

Đường muôn ngả, đường muôn ngả đâu còn đây ?

Khó đi quá, tìm đường đi khó quá …

Nhưng gió lộng sẽ phá muôn tầm sóng cả,

Thổi buồm mây một lá tếch ngàn khơi,

Đại đạo lớn, lớn trùm cả khung Trời,

Mà bịn rịn, ta chưa ra đi nổi…[8]

Nhưng mà thôi, ta hãy ra đi …

Vì: «Đã sinh ra ở trần hoàn,

Phải tìm cho biết ngọn nguồn, lạch sông...»

CHÚ THÍCH

[1] Ceci posé, du prince et de ses auxiliaires, de l'homme supérieur, de l'altruiste conçu à sa manière, Confucius exige quoi… la charité, le dévouement… Oh! pas du tout. Il exige la neutralité de l'esprit et cette froideur du cœur que nous avons vu préconisées par la Grande Règle. Pas de sympathie, pas d'antipathie, pas d'idée préconçue, pas de conviction ferme, pas de volonté tenace, pas de moi personnel… D'abord, à première vue, ne pas approuver, ne pas désapprouver, ne pas embrasser, ne pas repousser… En suite, après réflexion, ne jamais se déterminer pour un extrême, car excès et déficit sont également mauvais.

Suivre toujours la voie moyenne, prendre une position moyenne. Jamais de chaud enthousiasme, jamais de désespoir glacé; toujours un calme opportunisme. Imiter la froide impartialité du Ciel, et, dans l'action, temporiser comme lui et louvoyer… (L. Wieger, Histoire des Croyances Religieuses et des Opinions Philosophiques en Chine, p. 135.)

[2] Les plus hauts problèmes de la destinée humaine étaient ramenés à une question d'utilité ou mieux d'opportunité sociale. Dépourvue de base métaphysique, la morale de Confucius sera simplement fondée sur les faits sociaux. (Trần Văn Hiến Minh, La conception confucéenne de l'homme, p. 15)

[3] Ce qu'on appelait la philosophie confucianiste, dit-il, était la négation de la philosophie; c'était tout ce qu'on voudra: de la sociologie, de l'économie politique, un manuel de civilité naïve et honnête - tout, sauf une philosophie véritable. (Ibidem, p. 13)

[4] L'Europe, puis l'Amérique, se sont acharnées à rompre les digues séculaires des institutions, des traditions et des philosophies qui contenaient la marée asiatique. Le traumatisme que le XXè siècle a produit sur des civilisations qui étaient contemporaines des Pharaons, s'est développé en une prolifération artificielle d'idées qu'il aurait fallu au préalable adapter et non pas servir, à ces peuples politiquement jeunes, comme des panacées universelles.

Le nationalisme d'abord, et son cousin germain, le communisme, entés sur des troncs étiolés, ont proliféré comme une liane parasite et menacent d'étouffer les vielles souches des civilisations asiatiques. C'est ce que récoltent les Blancs pour avoir soulevé le couvercle de la boîte à Pandore et laisser s'échapper des idées qu'eux seuls avaient réussi à domestiquer. C'est ce qu'ils récoltent aussi pour avoir oublié que celui qui sème le vent récolte la tempête. (De Confucius à Lénine – Préface)

[5] Hoặc thích yên nhi bất tinh. Hoặc ngữ yên nhi bất tường… Hoặc nịch ư huấn hỗ từ chương. Hoặc cấm độc thư cùng lý. 或 釋 焉 而 不 精, 或 語 焉 而 不 詳 [...] 或 溺 於 訓 詁 辭 章, 或 禁 讀 窮 理. (Trung

Dung phú)

[6] Mạnh Tử viết: Bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại ý, dĩ ý nghịch chí, thị vị đắc chi. 孟子曰: 不以文害辭, 不以辭害意, 以意逆志, 是謂得之 (Mạnh Tử – Vạn Chương chương cú thượng, số 4). Phan Bội Châu, Khổng học đăng II, tr. 620.

[7] Xem Phụ lục 1.

[8] … Bạt kiếm tứ cố, tâm mang nhiên ! 拔劍四顧心茫然

Dục độ Hoàng Hà, băng tắc xuyên, 欲渡黃河冰塞川

Tương đăng Thái Hàng, tuyết ám thiên, 將登太行雪暗天

Nhàn lai thùy điếu tọa khê thượng, 閒來垂釣坐溪上

Hốt phục thừa chu mộng nhật biên. 忽復乘舟夢日邊

Hành lộ nan ! Hành lộ nan ! 行路難行路難

Đa kỳ lộ, kim an tại? 多歧路今安在

Trường phong phá lãng, hội hữu thì, 長風破浪會有時

Trực quải vân phàm tế thương hải. 直掛雲帆濟滄海

Đại đạo nhược thanh thiên, 大道若青天

Ngã do bất đắc xuất… 我猶不得出…

(Bài thơ «Hành lộ nan» 行路難 của Lý Thái Bạch 李太白)

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 2
BẦU KHÔNG KHÍ ĐẠO GIÁO THỜI THÁI CỔ

Đ ức Khổng nói trong Luận Ngữ:

«Ta trần thuật chứ không sáng tạo,

Tin cổ nhân, mộ đạo cổ nhân.» [1]

Trung Dung viết thêm: «Trọng Ni tổ thuật Nghiêu, Thuấn, hiến chương Văn, Võ.» (Đức Khổng nối tiếp đạo Thuấn, Nghiêu, làm sáng tỏ lối đường Văn Võ.)

Thế là ta phải đi ngược dòng sông lịch sử cho lên tới thời Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ mới hiểu được đạo Trung Dung được tường tận hẳn hoi, cũng y như:

«Muốn tắm mát thời lên ngọn cái con sông đào,

Muốn ăn sim chín thời vào rừng xanh.» (Ca dao)

Ta hãy cùng nhau dở kinh Thi, thiên Đại nhã cho lòng xô lùi về cảnh đời dĩ vãng, phiêu diêu lên tới dĩ vãng xa xăm, để sống với dân gian thời Trung Hoa thượng cổ:

Thuở xa xăm ấy, nhân loại như dây dưa, mọc lan man,[2] chưa có nhà cửa, sống trong hang hốc…

Nhưng họ tin sùng Thượng Đế và tin Thượng Đế sống rất gần vua, gần dân, gần quân sĩ:

Trong cuộc giao tranh quyết liệt với binh vua Trụ

ở Mục Dã, Võ Vương muốn gây tinh thần nhuệ khí cho quân sĩ đã kêu lên: «Thượng đế ở với ba quân. Ba quân đừng nghi ngại.»

Kinh Thi viết:

Quân Thương Ân bạt ngàn Mục Dã,

Một rừng người chật cả sa tràng,

Cho ba quân thêm dạ sắt, gan vàng,

Võ Vương kêu: Thượng Đế ở cùng ta đó,

Ba quân hãy vững lòng, vững dạ.[3]

Lời kêu gọi đó đã làm binh sĩ nhà Chu hứng khởi, ào lên đánh tan quân Thương Ân trong có một buổi sáng.

Kinh Thi viết thêm:

Nơi Mục Dã mênh mang rộng rãi,

Xe bạch đàn chói chói, chang chang,

Ngựa tứ nguyên, phau phau đẹp rỡ ràng,

Khương Thượng phụ, trông oai phong lẫm lẫm,

Ngài như chim ưng, xòe tung đôi cánh,

Giúp Võ Vương, thế mạnh xiết bao.

Cả phá Thương, ba quân tiến ào ào,

Sau một sáng, Trời thanh quang trở lại.[4]

Thời buổi thô sơ ấy, nhân loại tin rằng Trời chiếu ánh sáng muôn trùng vào tâm hồn họ để làm khuôn phép, mẫu mực, để ra mệnh lệnh cho họ theo. Các vương giả, hiền nhân thời ấy cố sống sao đức hạnh tuyệt vời để kết hợp với Trời, để có thể được là vẻ sáng của Trời như Văn Vương. Họ mong muốn được đức hạnh như Trời (dữ thiên đồng đức). Hễ thấy ai có:

«Đức sáng quắc, sáng choang ở dưới,

Họ liền biết:

«Mệnh hiển dương chói lọi ở trên.» [5]

Thời buổi ấy, các bậc trí thức vương giả, tin có ảnh tượng Trời trong đáy lòng mình. Văn Vương nói: Chẳng thấy nhãn tiền, nhưng vẫn giáng lâm, chẳng phải long đong, mà vẫn giữ được.[6]

Văn Vương lên tới một trình độ đức hạnh siêu việt, nếu như vẻ sáng Thượng Đế. Vì thế gọi là Văn Vương, ý nói Thượng Đế là chất, mà ngài là văn, là vẻ sáng Trời được phát huy ra.

Kinh Thi viết:

Việc Trời chẳng tiếng, chẳng tăm,

Nên dùng dạng thức vua Văn hiển hình,

Cho muôn dân thấy mà tin.[7]

Kinh Thi viết thêm:

Văn vương trọn một lòng kính nể,

Làm chói chang thượng đế ra ngoài,

Muôn nghìn phúc lộc chiêu lai,

Một niềm nhân đức chẳng sai lòng vàng.[8]

Khi Văn Vương băng hà, Chu Công thuật lại công nghiệp Văn vương rằng:

Văn Vương ở trên Trời cao thẳm,

Trên Trời cao, rạng ánh sáng quang minh.

Nước Chu tuế nguyệt dư nghìn,

Nhưng mà thiên mệnh mới truyền từ đây.

Phải chăng vì Chu đầy vinh hiển,

Phải chăng vì Đế mệnh gặp thời,

Văn Vương lên xuống thảnh thơi,

Hai bên Thượng Đế tới lui thanh nhàn.[9]

Thời buổi thô sơ ấy, họ quan niệm rằng nối chí tổ tiên, giữ vẹn đạo Trời, ấy là hiếu kính.

Kinh Thi viết:

Muốn nhớ tới tổ tiên khi trước,
Hãy gắng công tích đức tu thân,
Mệnh Trời phối hiệp vào thân,
Muôn ngàn phúc lộc xa gần chiêu lai.
Thuở nhà Ân còn thời thịnh trị,
Đã từng cùng Thượng Đế tất giao .
Gương triều Ân hãy soi vào,
Mệnh Trời cao cả, lẽ nào dễ đâu.[10]

Thời buổi thô sơ ấy họ sống thuận mệnh Trời.

Kinh Thi viết:

Mệnh Trời ấy há đâu có dễ,
Muốn cho ta đừng kể tư nhân,
Biểu dương phóng phát thiện chân…[11]

Tóm lại thời buổi ấy, những hiền nhân quân tử đã thông hiểu lẽ «Thiên nhân tương dữ», Trời người giao hảo, tình Trời người cá nước duyên ưa, thiên ý nhân tâm hòa hợp. Thời buổi ấy những bậc thánh vương đã biết sống những ngày thanh bình, thảnh đãng, vô tư, như những bông hoa tắm mình trong ánh bình minh dịu dàng của muôn thế hệ.

Các bậc thánh hiền Trung Hoa về sau, nhân khảo sát lại nguồn tín ngưỡng cổ thời mà lập đạo, sáng tạo các lý thuyết triết học.

Lão Tử lập đạo Lão, một đạo huyền đồng (mysticisme), mong hòa mình với Trời, với Đạo để được trường sinh. Lão Tử bắt nguồn đạo mình lên tận Hoàng Đế.

Đức Khổng bắt nguồn đạo Trung Dung từ thời vua Nghiêu .

Khảo lại kinh Thi ta đã đoán được phần nào những thuyết «Thiên nhân tương dữ», «Thiên nhân nhất quán» của ngài, và ta sẽ thấy đạo Trung Dung cũng là một đạo huyền đồng (mysticisme).

Sau này, Mặc Tử cho bắt nguồn đạo mình từ thời nhà Hạ. Nhưng lòng tin Trời, kính Trời của các vị đó, chẳng ai nhường ai.

Nguồn tín ngưỡng sâu xa đó có lẽ cũng đã phát sinh ra những lý thuyết triết học:

- «Thể, Dụng»

- «Khinh danh, vụ thực» các đời sau.

CHÚ THÍCH

[1] Tử viết: Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ. 子 曰: 述 而 不 作 信 而 好 古. Luận ngữ - Thuật nhi VII. 98.

[2] Miên miên qua điệt, dân chi sơ sinh… 綿 綿 瓜 瓞 民 之 初 生

Đào phục đào huyệt, vị hữu gia thất. 陶 復 陶 穴 未 有 家 室. (Kinh Thi, chương Đại minh)

[3] Ân Thương chi lữ 殷 商 之 旅
Kỳ hội như lâm 其 會 如 林
Thỉ vu Mục Dã 矢 于 牧 野
Duy dư hầu hâm 維 予 侯 興
Thượng đế lâm nhữ, 上 帝 臨 汝
Vô nhị nhĩ tâm. 無 貳 爾 心
(Kinh Thi, Văn Vương, thất chương, chương bát cú)

[4] Mục Dã dương dương 牧 野 洋 洋
Đàn xa hoàng hoàng 檀 車 煌 煌
Tứ Nguyên bành bành 駟 騵 彭 彭
Duy Sư Thượng Phụ 維 師 尚 父
Thời duy ưng dương 時 維 鷹 揚
Lượng bỉ Võ Vương 涼 彼 武 王
Tứ phạt Đại Thương 肆 伐 大 商
Hội triêu thanh minh. 會 朝 清 明
(Kinh Thi, Văn Vương thất chương, chương bát cú)

[5] Minh minh tại hạ 明 明 在 下
Hách hách tại thượng 赫 赫 在 上
(Văn Vương thất chương, chương bát cú)
Xem thêm: Phúc âm thánh Matthieu V, 14-16: Các người là sự sáng thế gian, một cái thành ở trên núi thì không khi nào bị khuất được, cũng không ai thắp đèn để dưới thùng, mà là để trên chân đèn soi cho mọi người trong nhà. Sự sáng các người hãy rạng sáng trước mắt nhân loại, để họ thấy những việc lành các người và ngợi khen cha các người trên Trời.

[6] Bất hiển diệc lâm, vô dịch diệc bảo. 不 顯 亦 臨, 無 射 亦 保 (Kinh Thi, Đại Nhã, Tư trai tứ chương, chương lục cú)

[7] Thượng thiên chi tải 上 天 之 載
Vô thanh vô xú 無 聲 無 臭
Nghi hình Văn Vương 儀 刑 文 王
Vạn bang tác phu. 萬 邦 作 孚
(Kinh Thi, Đại Nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất)

[8] Duy thử Văn vương 惟 此 文 王
Tiểu tâm dực dực 小 心 翼 翼
Chiêu sự Thượng Đế 昭 事 上 帝
Duật hoài đa phúc 聿 懷 多 福
Quyết đức bất hồi 厥 德 不 回

(Kinh Thi, Văn Vương thất chương bát cú)

[9] Văn Vương tại thượng, ô chiêu vu thiên. Chu tuy cựu bang, kỳ mệnh duy tân. Hữu Chu bất hiển. Đế mệnh bất thời. Văn Vương trắc giáng. Tại Đế tả hữu. 文 王 在 上, 於 昭 于 天. 周 雖 舊 邦, 其 命 維 新. 有 周 不 顯. 帝 命 不 時. 文 王 陟 降. 在 帝 左 右. (Kinh Thi, Văn Vương)

[10] Vô niệm nhĩ tổ, 無 念 爾 祖
Duật tu quyết đức 聿 修 厥 德
Vĩnh ngôn phối mệnh 永 言 配 命
Tu cầu đa phúc 須 求 多 福
Ân chi vị táng sư 殷 之 未 喪 師
Khắc phối Thượng Đế 克 配 上 帝
Nghi giám vu Ân 宜 鑒 于 殷
Tuấn mệnh bất dị 駿 命 不 易

[11] Mệnh chi bất dị 命 之 不 易
Vô át nhĩ cung 無 遏 爾 躬
Tuyên chiêu nghĩa văn… 宣 昭 義 聞
Kinh Thi, Đại nhã tam - Văn vương chi thập tam chi nhất.

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 3

ĐẠO THỐNG TRUNG DUNG [1]

S au khi quen thung thổ, quen đường đi, nước bước của dân Trung Hoa thời cổ, ta hãy thung dung cùng Miễn Trai tiên sinh, thả thuyền mộng cho xuôi dòng thời gian. Buồn quế, chèo mây của chúng ta sẽ từ từ lướt sóng qua thế hệ, lững thững từ thời Nghiêu xuôi xuống, để tìm ra chuỗi liên châu đạo thống đạo Trung Dung.

Vua Nghiêu là đấng thánh nhân.[2] Ngài được Trời truyền đạo. Khi vua Nghiêu truyền đạo ấy cho vua Thuấn,[3] ngài khuyên:

«Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,

Ra công ra sức giữ nguyên lòng Trời.»

Vua Thuấn truyền tâm pháp ấy cho vua Vũ.

Ngài dạy:

«Lòng của Trời siêu vi, huyền ảo,

Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng.

Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,

Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.» [4]

Vua Thang nhận đạo thống, suy nghĩ và phát minh ra phương pháp tiết dục. Ngài nói: «Lấy nghĩa chế sự, lấy lễ chế tâm.» [5]

Văn Vương lĩnh hội được tinh hoa thấm thúy của đạo Trung Dung đã bước lên tới một độ nhân đức cao siêu. Ngài luôn mường tượng như có Thượng đế ở trước mặt. Ngài nói: «Chẳng thấy nhãn tiền, nhưng vẫn giáng lâm, chẳng phải vất vả, nhưng vẫn giữ được.» [6]

Châm ngôn của Võ Vương là:

«Kính cẩn chăng dễ khinh,

Trọng nghĩa rẻ dục tình,

Thế là đường lối phải,

Thế là ý khuôn xanh.» [7]

Châm ngôn của Chu Công là:

«Kính xin ngay ngắn tâm hồn,

Theo đường nghĩa lý vuông tròn công tư.» [8]

Hơn 1500 năm sau thời vua Nghiêu, hơn 500 năm thời Văn Vương, đạo Trời lại ngưng đọng nơi Đức Khổng. Đức Khổng lại cảm thấy mình là vẻ sáng của Thượng Đế, Ngài lại bôn ba đi truyền dạy đạo Trời. Khi bị vây ở đất Khuông, Ngài nói: «Văn Vương đã thác, vẻ sáng nay chẳng ở đây sao? Nếu Trời muốn để mất vẻ sáng ấy, thì sau khi Văn Vương thăng hà đâu có ban cho ta. Nếu Trời không muốn mất vẻ sáng ấy, thì người đất Khuông làm gì được ta ? » [9]

Thế là ta bắt được liên châu đạo thống đạo Trung Dung. Đạo ấy do Trời ban cho các thánh hiền. Quang huy ngài chiếu soi vào các thánh hiền thế hệ. Quang huy ấy đạo nho gọi là Tính. Tính là nguồn mạch hoàn thiện, linh diệu, huyền vi, phát sinh ra muôn điều cao siêu, đẹp đẽ.

Hội ý tiên nho, ta có thể phác họa lại cương lĩnh đạo thống Trung Dung bằng mấy vần thơ sau:

Trộm nghĩ rằng duyên do sinh bát quái, Lạc thư,
Làm tâm điểm cho cuộc Trời đất doanh hư,
Gồm Thái cực, cả hai bề động tĩnh,
Làm chủ chốt cho muôn điều chân chính,
Thao túng hết vi diệu của Hoàng Thiên,
Duyên do đó ngự trong tâm ta, ẩn áo, an nhiên,
Làm vua Nghiêu treo cao gương đức cả,
Làm Vua Thuấn kính tin vô tư lự,
Cho Đại Võ nương vào khi giáo hóa,
Cho Cao Dao lấy đó để dạy đời,
Thành Thang nhờ đó nên hiền thánh hơn người,
Y Doãn, Lai Châu nương vào nên nhân đức,
Văn Vương những ước mơ mà chưa thấy được,
Vũ Vương, Chu Công rong ruổi trên đường Ngài,
Ngài cho Đức Khổng biết chóng chậm, tiến lui,
Cái thuật ấy xưa nay ai vượt nổi ?
Cảm thấy ngài cao, chắc, trước, sau, vươn khó tới,
Như Nhan Hồi thiên hạ dễ mấy mươi;
Đạo nhất quán thầy Tăng thấy nơi Người,
Mạnh Tử nhờ đức, tài bồi hạo nhiên chi khí. [10]

HÌNH 1

CHÚ THÍCH

[1] Xem Thánh hiền đạo thống truyền thụ tổng tự thuyết của Miễn Trai và Mạnh Tử ở phần phụ lục I.

[2] Mạnh Tử viết: Nghiêu Thuấn tính chi dã. (Mạnh Tử, Tận tâm, chương cú hạ số 33, tr. 276)

[3] Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 188 và tiếp theo.

Mạnh Tử, Tận tâm, chương cú hạ số 38, tr. 284…

[4] Nhân tâm duy nguy 人心惟危

Đạo tâm duy vi 道心惟微

Duy tinh duy nhất 惟精惟一

Doãn chấp quyết trung 允執厥中

Kinh Thư, III, Đại Vũ mô,15.

[5] Dĩ nghĩa chế sự, dĩ lễ chế tâm. 以義制事, 以禮制心.

[6] Bất hiển diệc lâm, vô dịch diệc bảo. 不顯亦臨, 無射亦保.

- Đại Nhã - Tư trai tứ chương, chương lục cú.

- Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 191.

[7] Kính thắng đãi giả cát, 敬勝殆者吉

Nghĩa thắng dục giả tùng. 義勝欲者從

- Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 192.

[8] Kính dĩ trực nội. Nghĩa dĩ phương ngoại. 敬以直內. 義以方外. - Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 191.

[9] Tử úy ư Khuông viết: Văn vương ký một, văn bất tại tư hồ? Thiên chi tương táng tư văn dã, hậu tử giả bất đắc dự ư tư văn dã. Thiên chi vị táng tư văn dã. Khuông nhân kỳ như dư hà? 子畏於匡曰: 文王既沒, 文不在斯乎? 天之將喪斯文也. 後死者不得與於斯文也. 天之未喪斯文也. 匡人其如予何? - Luận ngữ, Tử Hãn đệ cửu, tr. 134 (Bản dịch Đoàn Trung Còn)

[10] Phỏng dịch theo Trung Dung phú của Lương Gia Hòa:

Tưởng phù Hà xuất thiên bào	想夫河出天苞
Lạc thổ địa phù	洛吐地符
Ngũ thập cư trung	五十居中
Bị Thái cực chi động tĩnh	備太極之動靜
Trung chính vi chủ,	中正為主
Diệu Hoàng cực chi liễm phu,	妙皇極之斂敷
Kỳ tại ư tâm.	其在於心
Tắc Nghiêu chi khắc minh tuấn đức	則堯之克明峻德
Thuấn chi kính giới vô ngu	舜之敬戒無虞
Vũ chi thai nhi giáo cật	禹之台而教訖
Cao Doãn địch nhi trần mô,	皋允迪而陳謨
Thang chấp chi dĩ lập hiền	湯執之以立賢
Nhi Y Doãn, Lai Châu hàm kỳ đức	而伊尹萊茱咸其德
Văn vọng chi nhi vị kiến,	文望之而未見
Vũ Vương, Chu Công trì kỳ đồ.	武王周公馳其途
Sĩ, chỉ, cửu, tốc, Thánh chi thời,	仕止久速聖之時
Trọng Ni bất khả du dã.	仲尼不可踰也
Cao, kiên, tiền, hậu hữu sở lập	高堅前後有所立
Nhan thị kỳ thứ cơ hồ	顏氏其庶幾乎
Nhất quán chi đạo, Tăng cầu chư kỷ	一貫之道曾求諸己
Hạo nhiên chi khí, Mạnh thiện dưỡng ngô.	浩然之氣孟善養吾

Trung Dung phú của Lương Gia Hòa. Xem Cổ học tinh hoa, Quảng Nam, Thu Canh Tý 1960, tr. 21 (Xem Phụ lục 10).

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 4
CHỮ TÍNH, CHỮ MỆNH TRONG ĐẠO TRUNG DUNG

Đ ã biết đạo Thống Trung Dung, ta phải nghiên cứu lại hai chữ Tính, Mệnh. Đó là điều kiện thiết yếu để hiểu Trung Dung và Nho giáo.

Đầu Trung Dung, Tử Tư viết:

«Bản tính cũng chính là thiên mệnh

Đạo là noi theo tính bản thiên.»

Như vậy hai chữ Tính, Mệnh là đề tài then chốt của Trung Dung.

Đọc tựa Kinh Thư Đại Toàn ta thấy viết: «Xưa nay tâm pháp đều bắt nguồn ở hai chữ Tính Mệnh. Thánh hiền muôn đời không thay đổi được.» [1]

Mấy lời ấy tưởng đã đủ thôi thúc ta suy cứu cho ra mối manh hai chữ Tính Mệnh.

I. CHỮ TÍNH MỆNH TRONG DÂN GIAN

Trước tiên, chúng ta đừng lẫn lộn chữ Tính, chữ Mệnh trong Nho giáo với chữ Tính, chữ Mệnh trong dân gian, vì thực ra cũng một hình hài văn tự, mà ý nghĩa thì khác biệt nhau Trời vực.

Tính theo nghĩa dân gian là phản ứng thường gặp của cá nhân.

Mỗi người phản ứng một cách, nên tính cũng biến đổi theo người, vì thế, có câu «Bá nhân, bá tính».

Tính đó là tính nết, là thói quen. Tính đó là thường tình, là tâm tính.

Mệnh theo nghĩa dân gian là số mệnh, số phận. Số mệnh mỗi người mỗi khác, vì lệ thuộc vào thân thế và hoàn cảnh. Số mệnh có dở, có hay, có truân chuyên, có hạnh phúc. Nhiều người cho rằng số mệnh dở, hay đều do Trời tiền định:

Ngẫm hay muôn sự tại Trời,

Trời kia đã bắt làm người có thân.

Bắt phong trần, phải phong trần,

Cho thanh cao, mới được phần thanh cao. (Kiều)

Quan niệm có thể làm cho con người đi đến chỗ ù lì, hết phấn đấu:

«Cũng liều nhắm mắt đưa chân,

Mà xem con Tạo xoay vần đến đâu.» (Kiều)

II. CHỮ TÍNH MỆNH THEO MỘT SỐ NHO GIA

Ta cũng sẽ không hiểu chữ Tính, chữ Mệnh, theo chủ trương của ít nhiều Nho gia.

Theo chủ trương này, thì mệnh là công trình nhập thế (Quan nguyệt quật 觀 月 窟), cải tạo hoàn cảnh, tượng trưng bằng nửa vòng Dịch đầu, từ quẻ Cấu đến quẻ Khôn, còn Tính là công trình xuất thế (Kiến thiên căn 見 天 根), cải tạo tâm hồn, tượng trưng bằng nửa vòng Dịch sau, từ Phục đến Càn.[2]

Ý muốn nói, con người cần phải dùng đời mình để cải tạo hoàn cảnh và để tu thân, có thế mới hoàn tất được Tính Mệnh mình.

Lời bàn giải trên thực cũng đã tinh vi tế nhị.

III. CHỮ TÍNH MỆNH THEO KHỔNG GIÁO

Nhưng chữ tính, chữ mệnh trong Khổng giáo còn cao siêu huyền diệu gấp bội.

Ngay các cao đệ đức Khổng cũng không dễ được nghe ngài bàn tới.

Tử Cống nói:

«Văn chương bình luận phán phê,

Văn chương Phu Tử ta nghe thường rồi.

Còn như Tính với đạo Trời,

Mấy đời thầy giảng, mấy đời ta nghe.» [3]

Câu này tả nỗi sốt ruột của Tử Cống muốn được nghe thầy truyền tâm pháp mà chưa được. Chưa được nghe, vì chưa xứng đáng nghe: đường lối cổ nhân là vậy.

Về chữ mệnh, Đức Khổng khiêm tốn nói: «Ta bàn chữ Mệnh không nổi.» Tuy ngài có tài thuyết minh, biện bác trổi xa hơn Tể Ngã, Tử Cống.[4]

Lời nói đó làm ta liên tưởng tới một câu của Lão Tử:

«Đạo Trời ôm ấp một mình,

Còn hơn vất vả thuyết minh suốt đời.»[5]

Mấy lời Đức Khổng nói trên cốt để ta lưu tâm suy cứu về chữ Mệnh, đừng nông nổi hiểu lầm, vì hiểu được chữ Mệnh, ta sẽ đổi được lề lối sống.

Đức Khổng năm mươi tuổi mới biết mệnh Trời.[6]

Tăng Tử kết thúc quyển Luận Ngữ bằng một lời giáo hóa của Đức Khổng: «Chẳng hiểu mệnh Trời, không đáng gọi là người quân tử.» [7]

Hai chữ Tính Mệnh của đạo Khổng nó khúc mắc vô biên, tuy khác nghĩa nhau mà vẫn dính liền nhau như Càn Khôn quyện. Nó rất quý báu, nó chính là Tính Mệnh ta, vì vậy ta cần phải tìm hiểu cho tường tận.

A. Chữ Tính

Thời Khổng Tử, chữ Tính đã thông dụng, nhưng ít được bàn giải minh bạch. Mạnh Tử là người đầu tiên đề xướng thuyết tính thiện. Đến đời Tống, các danh nho mới bàn giải kỹ lưỡng về chữ Tính.

Cho nên muốn hiểu chữ Tính, phải tham khảo Tống nho.

Minh Đạo tiên sinh thường nói: «Tính cùng đạo Trời nếu không tự đắc thì không biết được.» [8]

Theo Hoành Cừ, Tính là lẽ chí thiện, chí mỹ của Trời đất.[9]

Trình Y Xuyên cho tính là chân nguyên, là Lý, là «Vật năng sinh».[10]

Ngũ Phong nói: «Tính là lẽ mà Trời đất sở dĩ thành lập, nên Tính là điều kín nhiệm của quỉ thần.» [11]

Lại nói: «Tính bản nhiên ấy chí thiện; đã bảo rằng chí thiện, tức là tuyệt đối.» [12]

Tính hay thiên tính, thiên lý là nguồn mạch sự sống, là chân, thiện, mỹ. Vì thế, Trung Dung định nghĩa «Tính» là hoàn thiện, quang minh.[13]

Theo Mạnh Tử và Chu Hi, tính hàm súc vạn lý, nhưng phân cương lĩnh lớn lao gồm bốn điều, mệnh danh là nhân, nghĩa, lễ, trí.[14]

Sự khảo sát này đưa đến một sự kiện rất quan trọng. Đó là sự phân biệt giữa tính và tâm. Theo quan điểm các đại hiền triết Nho giáo, thì tính và tâm khác nhau muôn trùng. Vì tính là thiên tính, thiên lý, không phải là tâm tính, tâm tình như ta thường hiểu.

Tuy nhiên, đôi đàng vẫn có liên hệ mật thiết với nhau. Chu Hi nói: «Tính như Thái cực, tâm như âm dương, tuy khác nhau Trời vực, như vẫn lồng vào nhau như bóng với hình, tuy một mà hai, tuy hai mà một.» [15]

Ta hãy dùng một thí dụ, để phân biệt tính với tâm, đồng thời xác định liên hệ giữa tính với tâm:

Thiên tính hay đạo tâm như mặt Trời muôn thuở, huy hoàng, viên mãn, tâm tình hay nhân tâm như vầng trăng, tròn khuyết, sáng tối với thời gian.

Đạo tâm muôn thuở, chiếu diệu ánh sáng nhân, nghĩa, lễ, trí xuống nhân tâm như mặt Trời soi sáng cho vầng trăng.

Nhưng những tia sáng muôn trùng đó lúc tỏa xuống tối nhân tâm đã dấu bớt rực rỡ, thu bớt quang huy để hòa mình cùng trần cấu nhân loại.

Lòng nhân từ (nhân 仁), bát ngát, mênh mông, ứng xuống lòng người, làm cho con người cảm thấy nỗi niềm, trắc ẩn, bất nhẫn trước mọi nỗi đau thương. Có lúc ta thương vay, xót mướn, thương vẩn, thương vơ:

«Thương con quốc rũ kêu mùa hạ,

Thương cánh bèo trôi dạt bể đông,

Thương vợ chồng Ngâu duyên chểnh mảng,

Thương cha mẹ nhện số long đong.»

Ta thương tự nhiên ta thương:

Thấy người hoạn nạn thì thương,

Thấy người tàn tật lại càng thương thay.

Chính nghĩa muôn thuở (Nghĩa 義), vẻ đẹp ngàn đời chiếu xuống lòng ta cô đọng lại thành lòng tu ố,

lòng biết liêm sỉ: tự nhiên ta xấu hổ, ta ngượng nghịu vì những điều xằng bậy mình làm ghét những điều chếch mác, dở dang, chê những chuyện bạo tàn, bóc lột, thích những nghĩa cử:

«Anh hùng đã gọi tiếng rằng,

Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha.» (Kiều)

Trật tự uy nghi muôn thuở (Lễ 禮) soi xuống tâm hồn ta, biến thành lòng từ nhượng, làm cho ta biết khiêm tốn,biết phục thiện, biết gò bó mình vào vòng lễ giáo, trong khi dục tình, như ngựa ô truy, luôn luôn muốn rong ruổi trên đường đời để gây can qua, máu lửa.

Trí quang minh, rực rỡ (Trí 智) chiếu xuống lòng ta sinh ra sự biết thị phi biết hay, biết dở, hay để làm, dở để tránh.

Tóm lại, tính là hoàn thiện tuyệt đối. Tính đó, tính quang Trời đó, vẫn lẩn trong tâm ta nhưng ta đâu có hay, có biết, cho nên tâm hồn ta vẫn điên đảo, ngả nghiêng.

«Lòng của Trời siêu vi, huyền ảo,

Lòng người điên đảo, ngả nghiêng.»

Tính đó, nguồn chân, thiện, mỹ đó, là khuôn vàng, thước ngọc cho ta theo. Tính đó là đường đưa ta về với Trời, vì thế gọi là đạo, Tính đó là mệnh lệnh của Trời truyền. Ta phải theo chân «tính» đó, soi gương «tính» đó để hoàn thiện mình, y như đất noi theo gương Trời.[16]

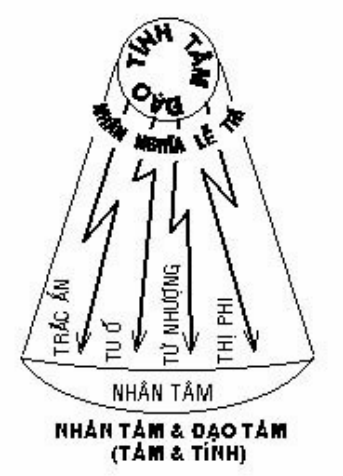

HÌNH 2

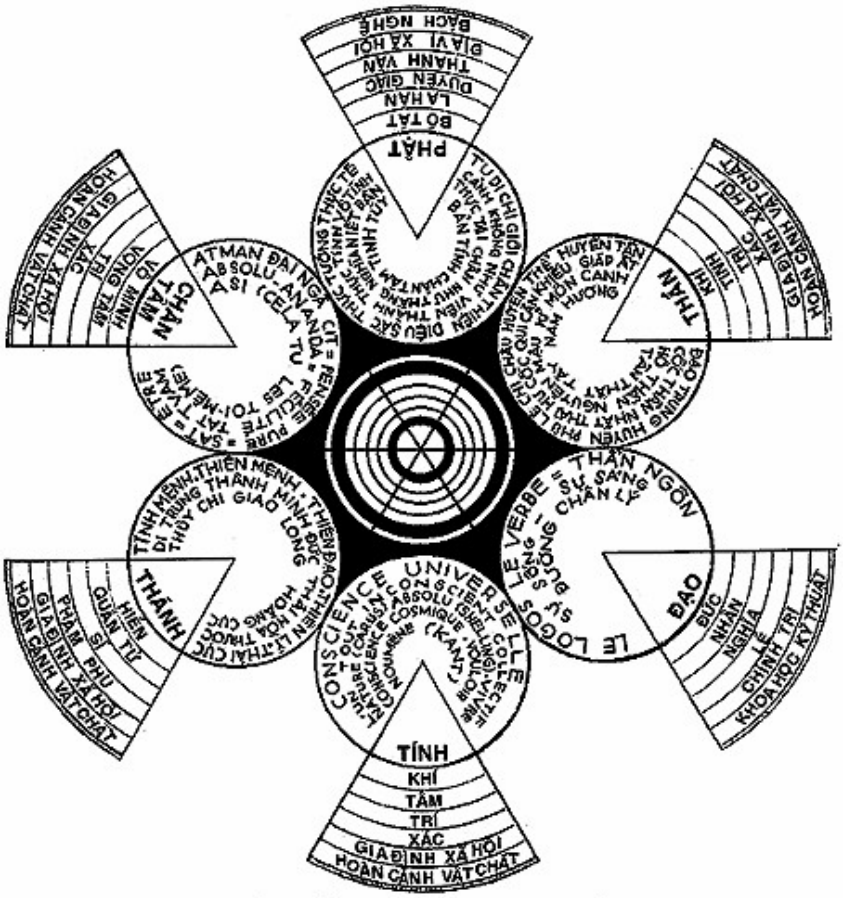

CÁC TẦNG LỚP CON NGƯỜI
ĐỐI CHIẾU VỚI CÁC ĐẠO GIÁO VÀ CÁC TRIẾT THUYẾT

HÌNH 3

Mạnh Tử viết:

Thấu triệt lòng, sẽ hay biết tính,
Hay biết tính, nhất định biết Trời,
Tồn tâm, dưỡng tính chẳng rời,
Đó là giữ đạo thờ Trời chẳng sai.
Yểu hay thọ không thay lòng dạ,
Cứ tu thân một thuở đợi Ngài.
Đó là theo đúng mệnh Trời.
Mệnh Trời đó chớ rời gang tấc,
Theo ý Trời ta chắc không sai.
Cho nên kẻ biết mệnh Trời,
Tường long vách lở là nơi chẳng gần.
Sống trọn đạo đến cùng rồi chết,
Thế là theo đúng hết mệnh Trời,
Gông cùm chết uổng một đời,
Ấy đâu phải chính ý Trời muốn đâu.

Muốn có Ngài, tìm cầu sẽ có,

Muốn mất Ngài, cứ bỏ Ngài đi,

Những điều ích lợi tinh vi,

Lòng ta ta kiếm ta đi ta tìm,

Tìm cầu Ngài, ta liền có đạo.

Có được Ngài, trọn hảo mệnh Trời.

Tìm điều vật chất bên ngoài.

Ngoài mình tìm kiếm sẽ hoài mất công.[17]

Cả vạn vật ở trong ta đó,

Quay về ta, ta cố tinh thành,

Kiện toàn, hoàn thiện, tinh anh,

Vui nào hơn được khi mình đang vui...

Cố đối với mọi người tử tế,

Muốn tìm Nhân ấy thế là Nhân.

Vẫn mang Ngài, mà thân chẳng hiển,

Vì quá quen nên khiến chẳng suy.

Suốt đời Ngài độ ta đi,

Nhưng mà dung tục biết chi đạo Ngài.[18]

Quan niệm về tính, sự phân biệt giữa tính và tâm của Khổng giáo đem đối chiếu với các chủ trương của các đại hiền triết Đông Tây sẽ không thấy sai biệt.

Các đại hiền triết Đông Tây cũng như danh nho lịch đại, đều cố tiến sâu vào đáy thẳm tâm hồn để tìm cho ra căn để tâm hồn mà các ngài cho là tuyệt đối thể, bất biến, trường tồn, vừa tế vi huyền diệu, vừa mênh mông bao quát vũ trụ.

Ý thức (conscience psychologique), hay nói cách khác, những hiện tượng tâm lý (phénomènes psychiques), góp lại dưới danh từ tâm hồn mới chỉ là những hiện tượng phù phiếm, chưa phải là toàn thể tâm hồn.

Dưới lớp ý thức phù phiếm còn có lớp tiềm thức mênh mông, làm căn bản cho tâm hồn.

Mỗi học thuyết triết học lại dùng những danh từ riêng để diễn tả căn bản tâm hồn ấy. Đó là:

- Atman (Đại ngã) trong triết học Bà la môn.

- A-lai-da thức, Đệ bát thức, Hàm tàng thức, chân như, Phật tính, bản lai diện mục, v.v... trong Phật giáo.

- Đạo, cốc thần, huyền tẫn, v.v. trong đạo Lão.

- Thần (Le «Nus») của Anaxagore

- Đạo (Le «Logos») của Philon và Plotin, của thánh Jean.

- Toàn nhất (L'Un-Tout) của Hartmann.

- Tuyệt đối thể (L'Absolu) của Shelling.

- Tự thể (Noumène) của Kant.

- Vô thức đại đồng (inconscient collectif) của Jung

- Thực thể (L'Être)

- Tâm đại đồng (conscience universelle)

- Thiên địa chi tâm (conscience cosmique) v.v...

trong siêu hình học Âu Châu.

Các thánh hiền trong Khổng giáo chủ trương trong tâm có Tính, dưới lớp «nhân tâm nghiêng ngửa», còn có nền tảng «đạo tâm siêu vi» ẩn áo, thì các hiền thánh Đông Tây cũng chủ trương tương tự, nghĩa là tâm hồn ta có hai phần: một phần thẳm sâu, ẩn áo huyền vi, cao minh linh diệu, hoàn thiện tuyệt đối, hằng cửu bất biến, đó là bản thể, bản tính nhân loại; một phần là ta, là tâm hồn ta theo nghĩa thông tục, biến thiên, nhỏ nhoi, hèn mọn cần được uốn nắn, giũa mài.

Hai phần đó là:

Đại ngã, Tiểu ngã trong Bà la môn; Chân tâm, vọng tâm trong đạo Phật; Đạo và tâm trong đạo Lão, thần và hồn (Le Nus – La divine raison – et la Psukhê – l'âme) trong các học thuyết Âu Châu.

Sự phân biệt này giúp ta hiểu được những điều khúc mắc, ẩn áo, dung hòa được những mâu thuẫn giữa các môn phái triết học Đông Tây.[19]

Muốn hiểu chữ tính cho tường tận, tưởng nên trưng thêm một đoạn văn của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh:

Người chí thánh hòa mình với Đạo,
Dáng dấp người ẩn áo với Trời.
Trời sinh ra khắp muôn loài,
Phất phơ, phất phưởng ảnh Trời ở trong.
Ngỡ muôn loài tối tăm, u uẩn,
Tinh quang Trời vẫn lẩn trong tâm,
Tinh quang ấy thực thiên chân,
Khơi nguồn tín ngưỡng xa gần xưa nay.
Xưa và nay tên Ngài vẫn đó,
Tên Ngài còn mới có chúng sinh.
Ta hay dáng dấp «nguồn sinh»,
Là nhờ phương pháp thuyết trình trên đây.[20]

B. Chữ Mệnh

Chữ mệnh vừa là mệnh Trời, vừa là định mệnh con người. Vậy Trời muốn gì, và định mệnh con người sẽ ra sao?

Đạo Nho cho rằng: Trời muốn con người tận thiện mình, hiển dương tính Trời để kết hợp với Trời, thông phần vinh hiển của Trời.

Kinh Thi viết:

«Mệnh Trời ấy há đâu có dễ:

Muốn cho ta đừng kể tư thân,

Biểu dương phóng phát thiện chân...» [21]

Tất cả kho Kinh Dịch cốt dạy ta thấu hiểu căn bản con người, để hoàn tất sứ mạng con người.[22]

Thiệu Khang Tiết chủ trương sự tiến hóa của vạn vật rồi ra cũng sẽ kết thúc bằng sự hoàn thiện. Ông viết: «Nhất biến thành vạn, rồi ra vạn lại trở về nhất; mà nhất chính là thiên địa chi tâm là tạo hóa chi nguyên.» [23]

Nhưng muốn hiểu mệnh Trời không phải dễ. Dịch nói: «Phải thông suốt lý lẽ, am tường bản tính, mới có thể thấu đáo được thiên mệnh.» [24]

Vì hiểu mệnh Trời, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn đã nên như những vị sao sáng, chiếu diệu tinh quang cho tới những thế hệ này. Vì hiểu mệnh Trời, nên Nghiêu, Thuấn đã:

«Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,

Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.» [25]

Hiểu mệnh Trời, Thành Thang đã cố đạt tới tinh hoa nhân loại, tới Trung Dung, Hạ Vũ đã cố đạt tới hoàn thiện; sự hoàn thiện đó hoặc gọi là đức, là nhân, là kính, là thành, lời tuy khác nhưng ý là một, nghĩa là không ngoài sự làm sáng tỏa nguồn mạch kỳ diệu của tâm hồn.[26]

Vậy mệnh Trời là muốn cho ta tìm cho ra bản thể mình, theo tiếng lương tâm, phục tòng thiên lý, tận thiện mình để kết hợp với Trời.

Đó cũng chính là chủ trương «qui nguyên phục mệnh» của đạo Lão.

Muôn loài sinh hóa đa đoan,

Rồi ra cùng phải lai hoàn bản nguyên.

Hoàn bản nguyên, an nhiên phục mệnh,

Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.[27]

Nhà bác học Lecomte du Noüy gần đây cũng viết trong quyển Định mệnh con người: «Mọi người hãy ghi nhớ rằng định mệnh con người rất cao quý. Con người xin đừng bao giờ quên tàn lửa Trời trong thâm tâm mình. Con người có toàn quyền khinh miệt hay làm tiêu ma ngọn lửa thiêng đó, nhưng cũng có toàn quyền tiến tới gần Thượng đế bằng cách ra công ra sức hoạt động với Ngài và vì Ngài.» [28]

HÌNH 4: Tính mệnh song tu, âm dương hợp nhất: Phổ chiếu đồ.[29]

Như vậy theo tiên hiền, Tính thật là hoàn hảo, Mệnh thật là cao sang.

Tính mệnh là điểm Trời người gặp gỡ.

Trương Tử viết: «Tinh hoa Trời ban cho người, gọi là Mệnh; tinh hoa người thụ hưởng do Trời, gọi là Tính.» [30]

Ngô Thảo Lư viết: «Tính hay Mệnh đều là Thái cực.» [31]

Nhưng hai chữ Tính - Mệnh theo thời gian, đã trải mấy tang thương.

Đối với dân gian, như ta đã thấy, chữ Tính chữ Mệnh có ý nghĩa rất nghèo nàn, chật hẹp.

Thay vì có ý nghĩa phổ biến, phổ quát như xưa, hai chữ tính mệnh được đem áp dụng trong những trường hợp cụ thể, đặc thù, cho nên Tính trở nên chất chưởng, biến thiên, Mệnh trở nên đa đoan, bất định.

Nói đến theo «tính tự nhiên» ai cũng rùng mình, cho là vô lý, là trụy lạc. Nói tới Mệnh, mọi người liên tưởng đến gian lao, khổ sở hơn là sung sướng, thảnh thơi. Theo thời gian, chữ Tính toàn thiện, bao hàm thiên lý, thiên đạo đã bị pha phôi.

Ánh hào quang nguyên nghĩa đã mất; chữ Tính chỉ còn gợi ra những hình ảnh phù du, biến ảo của tâm trạng con người. Chữ Mệnh cao sang, toàn bích cũng đã bị tả tơi, bị chia sẻ vô hạn định như một tấm bản đồ gia phả quí báu đã rách nát. Chữ Mệnh nay đã phong trần chịu sánh vai cùng chữ số mệnh, số mệnh. Số phận, số mệnh chỉ còn là phân số nhỏ nhoi của định mệnh toàn bích, một trận đường trần gian trên con đường thiên lý.

Dở lại những trang sách cũ, ta mới thấy đối với các thánh hiền ngàn xưa, Tính Mệnh là ngọc châu vô

giá. Tính là thiên tính, thiên lý, thiên lý, cho nên theo «tính tự nhiên» (suất tính) là lý tưởng của các ngài, là đạt tới định mệnh cao cả của con người, là thuận mệnh Trời.

Tóm lại hai chữ định mệnh chẳng qua là khởi điểm và cùng điểm của lịch sử nhân loại. Vì thông phần tính Trời, nhân loại sẽ thực hiện được mệnh Trời, nghĩa là đạt được sự hoàn thiện, lúc lịch sử nhân loại cáo chung.

Suy ra, thì lịch sử của nhân loại chính là sự diễn tiến của Tính Mệnh qua hoàn cảnh, và tâm tính. Muốn thực hiện được Tính Trời, qui phục Mệnh Trời, con người sẽ phải qua những giai đoạn phàm phu, sĩ, quân tử, hiền, và thánh.

Nói cách khác, những trạng thái nhân loại phô diễn trong không gian phàm phu, sĩ, quân tử, hiền, thánh cũng sẽ là những trạng thái nhân loại tuần tự diễn tiến trong thời gian, và động cơ lịch sử sẽ là hoàn cảnh, tâm, tính, và mệnh.[32]

Phàm phu là những người chỉ biết có tâm biến thiên, nên không tự chủ, tự cường được là luôn bị lôi cuốn theo hoàn cảnh, đồng hóa với hoàn cảnh.

Sĩ là những người chịu suy tư học hỏi để tìm cách chế ngự hoàn cảnh.

Quân tử là những người gắng gỏi học hành, cố công truy cứu để tìm cho ra Tính ẩn khuất sau tâm, mong sống thoát vòng cương tỏa của hoàn cảnh, tâm tình.

Hiền là những người đã tiến xa hơn, phân biệt rõ tính và tâm, phân định rõ ngôi chủ tớ, tâm hồn tự nhiên theo thiên tính, thiên lý, Đó là «suất Tính» để thuận mệnh Trời.

Thánh là những người mà đời sống hoàn toàn phù hợp thiên tính, thiên lý, đến nỗi lòng riêng chẳng còn, niềm tây đã sạch, trở nên một tấm gương phổ quát cho nhân thế soi chung. Đó là «phục mệnh» để «phối thiên» và hưởng trường sinh bất tử.

Nếu như vậy, lịch sử nhân loại cũng phải có những giai đoạn tương tự, nghĩa là có thời kỳ con người bị hoàn cảnh chi phối, có thời kỳ sẽ chế ngự được hoàn cảnh, có thời kỳ sẽ thám hiểm tầng sâu tâm hồn để tìm cho ra Tính ẩn khuất sau tâm, có thời kỳ sẽ tự động sống thuận Mệnh Trời, phục tòng thiên lý, và tới chung cuộc lịch sử, con người sẽ tiến tới hoàn thiện cả về tinh thần lẫn vật chất.[33]

Trên con đường thực hiện Thiên Tính để phục tòng Thiên Mệnh, con người có hai bảo vật, đó là chí thông minh và lòng dũng cảm. Tính Mệnh con người được bảo tòan chính là nhờ ở sự triền miên suy tư, và công trình gắng gỏi liên tục của con người.

CHÚ THÍCH

[1] Tâm pháp chi nguyên ư tính mệnh giả tiên hậu đồng quỹ; bách thế chi thánh quân hiền phụ vị năng dịch dã. 心 法 之 源 於 性 命 者 先 後 同 揆;百 世 之 聖 君 賢 父 未 能 易 也. - Kinh Thư Đại Toàn, Quyển I - Tựa.

[2] Án chư thuyết tuy dị, kỳ dĩ dương sinh vi Thiên căn, âm sinh vi nguyệt quật, vô bất đồng dã. Cái Khang Tiết chi ý sở vị Thiên căn giả tính dã, sở vị nguyệt quật giả, mệnh dã. Tính mệnh song tu, Lão thị chi học dã. 案 諸 說 雖 異, 其 以 陽 生 為 天 根, 陰 生 為 月 窟, 無 不 同 也. 蓋 康 節 之 意 所 謂 天 根 者 性 也, 所 謂 月 窟 者 命 也. 性 命 雙 修 老 氏 之 學 也. - Tống Nguyên Học Án, q. X, tr. 11.

* (1 bis) Vô vi dĩ tu nội, Hữu vi dĩ tu ngoại. Tu nội giả, tính dã; tu ngoại giả mệnh dã. Thượng đức giả tu tính, nhi mệnh tức lập, tự thành nhi minh dã. Hạ đức giả, tu tiên tu mệnh nhi hậu tu tính. Tự Minh nhi thành dã… 無 為 以 修 內, 有 為 以 修 外. 修 內 者, 性 也. 修 外 者, 命 也. 上 德 者 修 性, 而 命 即

立, 自 誠 而 明 也. 下 德 者 須 先 修 命 而 後 修 性. 自 明 而 誠 也. - Coi đoạn Đồ Thư hợp nhất (Chu Dịch Xiển Chân)

* Hà vị tính? Nhất linh khuếch triệt, viên đồng Thái Hư. Tức Thủy tuy nguyên Càn Nguyên dã. Hà vị mệnh? Nhất khí nhân uẩn. Chủ trì vạn hóa. Tức tư sinh chi Khôn Nguyên dã. 何 謂 性?一 靈 廓 徹, 圓 同 太 虛. 即 始 資 元, 乾 元 也. 何 謂 命? 一 氣 氤 蘊. 主 持 萬 化, 即 資 生 之 坤 元 也. - Tiên Học Tập Cẩm, tr.101.

[3] Tử Cống viết: Phu tử chi văn chương, khả đắc nhi văn dã. Phu tử chi ngôn Tính dữ Thiên đạo bất khả đắc nhi văn dã. 子 貢 曰: 夫 子 之 文 章 可 得 而 聞 也. 夫 子 之 言 性 與 天 道 不 可 得 而 聞 也.- Luận Ngữ, Công Dã Tràng, V-12, tr. 70.

[4] Ngã ư từ mệnh, tắc bất năng dã 我 於 辭 命 則 不 能 也 - Mạnh Tử, Công Tôn Sửu, chương cú thượng số 2, tr. 92.

[5] Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung. 多 言 數 窮 不 如 守 中.

[6] Ngũ thập tri thiên mệnh. 五 十 知 天 命 - Luận Ngữ. Vi chính II.

[7] Bất tri Thiên mệnh vô dĩ vi quân tử dã. 不 知 天 命 無 以為 君 子 也 - Luận Ngữ. quyển 10 - Nghiêu viết, 20-3, tr. 314.

[8] Tính dữ thiên đạo, phi tự đắc chi tắc bất tri. 性 與 天 道 非 自 得 之則 不 知.- Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 78.

[9] Theo Hoành Cừ, người ta ai cũng có hai tính: Một tính bản nhiên của Trời đất phú cho, thì ai cũng lành vì đó là lẽ chí thiện, chí mỹ của trời đất. Một tính bẩm thụ của khí chất, mà khí chất có dày mỏng, trong đục khác nhau, thành thử tính ấy tùy sự bất đồng của khí chất mà trở nên lành hay dữ. Kẻ bẩm thụ được khí chất tốt đẹp, trong trẻo thì thính thiện; kẻ bẩm thụ phải khí chất mỏng manh vẩn đục, thì tính ác. Tuy nhiên, dù một người hung ác đến bực nào, nếu biết mà biến đổi tính ác kia đi, sẽ giữ được nguyên cái tính lành là tính vốn có của mình. - Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 62.

[10] Chân nguyên tức là lý; lý là vật năng sinh, khí là vật sở sinh. Vật năng sinh có thể sinh sinh không ngừng, còn vật sở sinh cũng được cái lý chân nguyên sinh ra vô cùng tận. (Trình Y Xuyên) - Bửu Cầm, Tống Nho. tr. 89.

[11] Tính dã giả thiên địa chi sở lập dã. 性 也 者 天 地 之 所 立 也.- Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 114-115.

[12] Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 114-115, 119.

[13] Trung Dung, ch. XXI: Tự thành minh, vị chi tính. 自 誠 明 之 謂 性.

[14] - Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 140-141 - Mạnh Tư, Công Tôn Sửu chương cú thượng số 6, tr.104 và tiếp theo. - Xin đọc: Phụ lục 2.

[15] Tính do thái cực dã, tâm do âm dương dã. Thái cực chỉ tại âm dương chi trung, phi năng ly âm dương dã. Nhiên chi luận Thái cực, tắc Thái cực tự thị Thái cực, âm dương tự thị âm dương. Duy tính dữ tâm diệc nhiên, sở vị nhất nhi nhị, nhị nhi nhất dã. 性 猶 太極 也. 心 猶 陰 陽 也. 太 極 只 在 陰 陽 之 中, 非 能 離 陰 陽 也. 然之 論 太 極, 則 太 極 自 是 太 極, 陰 陽 自 是 陰 陽. 惟 性 與 心 亦 然, 所 謂 一 而 二, 二 而 一 也. - Le Philosophe Tchou-Hi, Sa doctrine, son influence, par le P. Stanislas le Gall S.J. p. 112.

[16] Thành tượng chi vị Kiền, hiệu pháp chi vị Khôn. 成象之謂乾, 效法之謂坤 - Dịch Kinh, Hệ từ thượng. Dịch Kinh Tân Khảo, tr. 3588.

[17] Mạnh Tử viết: «Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính giả. Tri kỳ tính, tắc tri Thiên hĩ. Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã, yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã. Mạc phi mệnh dã. Thuận thụ kỳ chính. Thị cố, tri Mệnh giả, bất lập hồ nham tường chi hạ. Tận kỳ đạo nhi tử giả chính mệnh dã. Trất cốc tự giả, phi chính mệnh dã. Cầu, tắc đắc chi. Xả, tắc thất chi. Thị cầu hữu ích ư đắc dã. Cầu tại ngã giả dã. Cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mệnh. Thị cầu vô ích ư đắc dã, cầu tại ngoại giả dã.»

孟子曰: 盡其心者知其性也. 知其性則知天矣. 存其心養其性所以事天也. 殀壽不貳, 修身以俟之, 所以立命也. 莫非命也. 順受其正. 是故知命者不立巖牆之下. 盡其道而死者正命也. 桎梏死者, 非正命也. 求則得之, 舍則失之. 是求有益於得也. 求在我也. 求之有道, 得之有命. 是求無益於得也. 求在外者也.

[18] «Vạn vật giai bị ư ngã hĩ. Phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên. Cưỡng thứ nhi hành, cầu nhân mạc cận yên.» 萬物皆備於我矣. 反身而誠樂莫大焉.

«Hành chi nhi bất trứ yên, tập chi nhi bất sát yên; chung thân do chi, nhi bất tri kỳ đạo giả, chúng dã.» 強恕而行, 求仁莫近焉行之而不著焉. 習之而不察焉. 終身由之而不知其道者眾也. - Mạnh Tử, Tận tâm chương cú thượng số 1 và 2 tr. 216.

[19] Ví dụ: ta có thể dung hòa được thuyết «nhất thể bất biến» (Monisme immobiliste) của phái Eléates, với thuyết «đa thể biến thiên» (pluralisme mobiliste) của Héraclite. - Xem: D. Badareu, L'individuel chez Aristote, tr. 9.

[20] Khổng đức chi dung, duy đạo thị tòng. Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt; hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng, hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật. Ảo hề minh hề, kỳ trung hữu tinh. Kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín. Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ; ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tai. dĩ thử. 孔德之容, 惟道是從. 道之為物, 惟恍惟惚. 惚兮恍兮, 其中有象; 恍兮惚兮, 其中有物; 窈兮冥兮, 其中有精; 其精甚真, 其中有信. 自古及今, 其名不去, 以閱眾甫. 吾何以知眾甫之狀哉? 以此. - Đạo Đức Kinh, ch. 21.

[21] Mệnh chi bất dị, vô át nhĩ cung. Tuyên chiêu nghĩa văn. 命之不易無遏爾躬. 宣昭義聞. -Kinh Thi, đại nhã tam Văn Vương chi thập tam chi nhất.

[22] Kỳ vi thư dã, quản đại tất bị, dĩ thuận tính mệnh chi lý, thông u minh chi cố, tận sự vật chi tình, nhi khai vật thành vụ chi đạo. 其為書也, 廣大悉備. 以順性命之理, 通幽冥之故, 盡事物之情而開物成務之道. -Dịch Kinh Đại Toàn, Chu Dịch Trình Tử.

[23] Thiên địa vạn vật mạc bất dĩ nhất vi bản nguyên; ư nhất nhi diễn chi dĩ vi vạn, cùng thiên hạ chi số nhi phục qui ư nhất: nhất dã hà dã. Thiên địa chi tâm dã. Tạo hóa chi nguyên dã. 天地萬物不莫不以一為本原, 於一而衍之以萬, 窮天下之數而復歸於一. 一者何也. 天地之心也. 造化之原也.- Tống Nguyên học án, q.10, tr. 50.

[24] Duy tinh duy nhất. Doãn chấp quyết trung. 惟精惟一允執厥中 - Kinh Thư.

[25] Cùng lý tận tính dĩ chí ư mệnh. - Dịch, Thuyết quái.

[26] «Tinh nhất chấp trung» Nghiêu Thuấn tương thụ chi tâm pháp dã, kiến «trung' (Thang), «kiến cực» (Vũ). Thương, Thang, Chu, Vũ, tương truyền chi tâm pháp dã. Viết đức, viết nhân, viết kính, viết thành,

ngôn tuy thù nhi lý tắc vô phi sở dĩ minh thử tâm chi diệu dã... 窮 理 盡 性 以 至 於 命 精 一 執 中 堯 舜 相 受 之 心 法 也. 建 中 (湯)見 極 (武). 商 湯 周 武 相 傳 之 心 法 也. 曰 德, 曰 仁, 曰 敬, 曰 誠, 言 雖 殊 而 理 則 無 非 所 以 明 此 心 之 妙 也. - Kinh Thư Đại Toàn, q.1, chú.

[27] Đạo Đức Kinh, ch. XVI:

Phù vật vân vân,	夫 物 芸 芸
Các qui kỳ căn,	各 歸 其 根
Qui căn viết tĩnh	歸 根 曰 靜
Tĩnh viết phụng mệnh	靜 曰 復 命
Phục mệnh viết thường.	復 命 曰 常

[28] «Let every man remember that the destiny of mankind is incomparable... And let him above all never foget that the divine spark is in him, in him alone, and that he is free to disregard it, to kill it, or to come closer to God by showing his eagerness to work with Him, and for Him.» (Human Destiny- Preface)

[29] Đồ bản này linh mục Henri Doré phóng tác theo nguyên bản trong bộ Tính Mệnh Khuê Chỉ quyển 1 trang 20, và đã bỏ đi nhiều chi tiết, những chữ Hán viết nơi hình là: Xá nữ, Thủ linh, Xích thủy, Linh sơn; Linh quan; Linh đài; Tính hải; Tâm nguyên; Trung hoàng; Hoàng bà; Giá cá; Tây phương; Qui trung; Huỳnh đình; Bá bính; Huỳnh trung; Chân thổ; Hoa trì; Sinh môn; Huyền khiếu; Thổ phủ; Khí hải; Nguyên quan; Huyền minh. Gọi là Phổ chiếu vì nhìn được cả hai bề tương đối (Kiếu) và tuyệt đối của con người. (Diệu, kiếu tề quan, thị vị phổ chiếu).

[30] Trương Tử viết: Thiên thụ ư nhân tắc vi mệnh, nhân thụ ư thiên tắc vi tính...

.. Trình tử viết: Thiên sở phú vi mệnh, vật sở thụ vi tính. Tại thiên viết mệnh, tại nhân viết tính. Thiên chi phú dư chi vi mệnh, bẩm chi tại ngã chi vị tính. Kiến ư sự vật chi vị lý. Lý dã, tính dã, mệnh dã, tam giả vị thường hữu dị. Thiên mệnh do thiên tạo dã, dĩ kỳ dụng nhi ngôn chi, tắc vị chi mệnh, mệnh giả tạo hóa chi vị dã... (Wieger, Textes Philosophiques, tome II, p. 191-192)

[31] Đạo dã, lý dã, thành dã, thiên dã, đế dã, thần dã, mệnh dã, tính dã, đức dã, nhân dã, thái cực dã, danh tuy bất đồng kỳ thực nhất dã. 道 也 理 也 誠 也 天 也 帝 也 神 也 命 也 性 也 德 也 仁 也 太 極 也. 名 雖 不 同 其 實 一 也. (Tống Nguyên học án, q. 12, tr. 8)

[32] L'histoire est totalisation diachronique - c'est-à-dire, à travers le temps – et synchronique – c'est-à-dire dans le même moment. (Marxisme et Existentialisme, Tribune libre Plon, p.6)

[33] cf. Théorie diachronique et synchronique de l'histoire. L'histoire est totalisation diachronique - c'est-à-dire, à travers le temps – et synchronique – c'est-à-dire dans le même moment. (Marxisme et Existentialisme, Tribune libre Plon, p.8)

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 5
TINH HOA KHỔNG GIÁO TRONG TỨ THƯ, NGŨ KINH

Muốn hiểu ý nghĩa một đoạn sách, cần biết chủ trương cả cuốn sách. Muốn hiểu ý nghĩa một cuốn sách, cần biết chủ trương toàn bộ sách.

Vậy muốn hiểu Trung Dung, tất nhiên ta phải duyệt qua những quan niệm then chốt, cốt cán trong Tứ Thư, Ngũ Kinh.

Nếu tạm gác những vấn đề thiên lý - chính trị thông thường sang một bên, ta có thể toát lược những tư tưởng nòng cốt trong Tứ Thư, Ngũ Kinh như sau:

1. Trời là chủ tể vũ trụ vạn vật.

Tứ Thư, Ngũ Kinh nhất là Thi, Thư luôn đề cập tới Trời, tới Thượng Đế.[1]

2. Trời là thực thể cho muôn loài, muôn vật dựa nương làm chủ chốt mọi biến hóa và là căn nguyên mọi hiện tượng.

Niềm tin tưởng này được cụ thể hóa bằng vòng Dịch tiên thiên, trong đó tâm điểm là thái cực, tượng trưng cho Trời bất biến, trường tồn, các hào quái bên ngoài tượng trưng cho muôn hiện tượng luân lưu biến hóa. Đó là quan niệm «thiên địa vạn vật nhất thể» của Nho giáo.[2]

3. Trời người quan hệ hết sức mật thiết với nhau:

Các thánh hiền nho giáo đều chủ trương thuyết «thiên nhân hợp nhất», «thiên nhân tương dữ».[3]

Trung Dung viết:

«Biết người trước phải biết Trời

Hiểu Trời chẳng nổi hiểu người làm sao.» [4]

Kinh Khi cũng viết:

«Trời xanh dẫn dắt chúng dân,

Như là tấu khúc nhạc huân nhạc trì.

Trời người đôi ngọc chương khuê,

Bên cho bên lấy đề huề biết bao.

Tay cầm, tay dắt, khéo sao,

Trời xanh dẫn dắt dân nào khó chi.» [5]

Thực ra quan niệm này là một di sản tinh thần lưu truyền từ thượng cổ mà cả Nho lẫn Lão đều thừa hưởng được.[6]

4. Trời luôn ẩn áo, ngự trị trong lòng người.[7]

Thiên mệnh, thiên lý, thiên đạo «một giây một phút chẳng rời khỏi ta”.[8]

Thiên mệnh, thiên lý chính là tính (bản tính), cách (cốt cách) con người.[9]

Như vậy tâm hồn con người tuy một mà hai:

Trong nhân tâm ngửa nghiêng, còn có đạo tâm siêu vi, ẩn áo.[10]

Dưới lớp nhân tính còn có thiên lý làm khuôn phép.[11]

Phần thiên lý, thiên tính, phổ quát chí thành, chí thiện ấy, Tứ Thư, Ngũ Kinh gọi là:

- Dịch 易 [12]
- Thần 神 [13]
- Thái cực 太 極 [14]
- Thiên địa chi tâm 天 地 之 心 [15]
- Đạo tâm 道 心 [16]
- Hoàng cực 黃 極 [17]
- Trung 中 (衷) [18]
- Di 彝 [19]
- Tắc 則 [20]
- Tính 性 [21]
- Cách 格 [22]

5. Mọi người phải học hỏi để tìm cho ra bản tính chí thiện, cho ra cốt cách, căn nguyên ấy

Tìm ra được là trí tri, là đi tới cùng tột của hiểu biết.[23]

6. Muốn tìm đạo Trời, phải tìm trong đáy lòng.

Vì bản tính con người, vì thiên lý, thiên đạo tiềm ẩn đáy lòng, nên muốn tìm ra bản tính, muốn tìm ra thiên lý, thiên đạo cần phải «quay về ta mà tìm mà kiếm», Cần phải hồi tâm, tĩnh trí, tránh phóng đãng,[24] tập trung tư tưởng, mài miệt suy tư mới thành công được.[25]

Chu Hi viết:

«Những học giả muốn tìm đạo ấy
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai.
Dẹp tan cám dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung.» [26]

Mạnh Tử cũng viết:

«Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay về ta, ta cố tinh thành

Kiện toàn hoàn thiện tinh anh,

Vui nào hơn được vui mình đang vui.» [27]

7. Phải biết «kính cẩn», «khử nhân dục», «tồn thiên lý», hoàn thiện mình để kết hợp với Trời.

Khi đã tìm thấy Trời ẩn áo ngự trị trong lòng mình, con người phải kình cẩn[28] cố gắng hoàn thiện mình,[29] noi gương Trời,[30] rũ bỏ mọi tình ý riêng tây (vô ý),[31] thoát khỏi cái mình nhỏ nhoi, ti tiện (vô ngã)[32] để sống kết hợp với Trời,[33] Đó là phối thiên;[34] đó là cực điểm tiến hóa của con người,[35] đó là đạt thế trung hòa,[36] đạt tới trung tâm huyền diệu của vũ trụ và của lòng người.

8. Trong công cuộc tu thân cần phải luôn gắng gỏi công trình, luôn luôn học hỏi suy tư.

Học cho biết mình biết người, biết định luật vũ trụ biết Trời thế để xuất xử, hành tàng cho hợp thời, hợp cảnh. Đó là thời trung.[37]

Có học hỏi, có cố gắng mới phát huy được sự cao đại, huy hoàng, thiên mỹ tiềm ẩn nơi mình, mới có thể đạt thiên đức, thiên đạo, mới có thể tung mình qua không gian, thời gian phù phiếm, biến thiên, trở về trung cung, hằng cửu bất dịch.

Tất cả học thuyết Khổng Tử là cốt dạy cho ta tìm ra chân, thiện, mỹ, cao minh tinh vi, hằng cữu bất biến, đạt tới trung đạo, thiên đạo, thiên đức, chưa đạt mức chí thành, chí thiện, người quân tử chẳng thể nào dựng chân đứng lại...[38]

9. Tuy nhiên như đạo Trời có âm, có dương, đạo người cũng có hai chiều tinh thần, vật chất.

Người quân tử phải thu xếp thì giờ lo sao cho trong ngoài trọn vẹn hai bề.[39]

Nửa đời đầu, cố học hỏi để phát triển khả năng, tiến vào đới để mưu sinh, cải tạo hoàn cảnh, tô điểm gian sơn.

Nửa đời sau, khi mọi chuyện đời đã giải quyết êm thấm, sẽ quay về «đạo» , tu luyện bản thân, treo gương cho đời, cầu mong sau cho nên chí thành cí thiện, để kết hợp với Trời.[40]

Đó là ý nghĩa đầu đuôi của cuộc đời theo Ngũ Kinh.

10. Đạt tới mức chí thành, chí thiện, sẽ được mệnh danh là thiên tử, là hoàng, là đế.[41]

Đó là huy hiệu cố nhân tặng dữ cho các thánh vương như Phục Hi, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Văn, Võ.[42]

Những tư tưởng cao đẹp nói trên theo đà thời gian, đã bị trần ai thể hệ che lấp mất.

Tước vị thiên tử đem áp dụng quàng xiên. Chữ Hoàng, chữ Đế không còn dùng để chỉ những người có đức độ sánh đất Trời theo nguyên nghĩa nữa, mà dùng để tăng bốc, suy tôn bất kỳ vua chúa nào.

Mọi sự, từ tượng hình đến học thuyết, đến danh tự đều bị moi móc mất tinh hoa, mất nhân, mất tâm, chỉ còn lại cái võ vô vị bên ngoài, quay cuồn héo hon trong gió lốc thời gian.

Chữ tính, chữ mệnh như những hoàng tữ bị lưu đày đọa lạc, có vẻ mặt man mọi, bi thương.

Những chữ «thiên nhân tương dữ», «phối thiên», «phối mệnh» nằm ngơ ngác trên những trang sách như tàn tích một lâu đài cổ, dầu dãi gió sương chẳng còn ai ngó ngàng tới nữa.

Cho nên, khảo cứu một học thuyết, cũng như khảo cổ tìm di tích, cần tốn công phu, một đàng đào bới đất cát để tìm di tích cũ, một đàng đào bới tư tưởng để tìm cho ra vi ý tiến thân.

Cả đôi bên cần phải biết lọc lõi, biết tẩy trừ những hoen ố thời gian, nhân sinh, nhân thế mới có thể tìm ra được những gì quý báu của tiền nhân được.

CHÚ THÍCH

[1] Xem Phụ lục 3 «Ý niệm về Trời, về Thượng đế trong Tứ Thư, Ngũ Kinh», trong đó đã ghi các chương tiết trong Tứ Thư, Ngũ Kinh đề cập Trời, Thượng Đế.

[2] Tây minh chi ý nhận thiên địa vi nhất gia dĩ, Dịch nhất thư ngộ thiên địa vi nhất dĩ... 西銘之意認天地之一家已. 易一書悟天地為一已 (Tăng Dập, Tống Nguyên học án, quyển 74 tr.15)

[3] Trung Quốc tự Đường, Ngu dĩ lai, tức hữu «thiên nhân hợp nhất»chi tư tưởng. Kính thiên tức sở dĩ ái nhân, ái dân tức sơ dĩ tôn thiên... Lịch đại thánh triết mạc bất kế tục hoành dương tử «thiên nhân hợp nhất»chi đạo. Lão tử tức kỳ nhất dã. 中國自唐虞以來, 即有天人合一之思想. 敬天即所以愛人, 愛民即即所以尊天歷代聖哲莫不繼續宏揚此天人合一之道老子即其一也. (Trương Kỳ Quân, Trung Hoa ngũ thiên niên sử).

[4] Tư tri nhân bất khả dĩ bất tri Thiên. 思知人不可以不知天 (Trung Dung, ch. 20)

[5] Thiên chi dũ dân 天之牖民
Như huân như trì 如壎如篪
Như chương như khuê 如璋如圭
Như thủ như huề 如取如攜
Huề vô viết ích, 攜無曰益
Dũ dân khổng dịch 牖民孔易 (Thi bản)

[6] Xem phụ lục 3 «Quan niệm thiên nhân tương dữ trong Tứ Thư Ngũ Kinh».

[7] Thể vật nhi bất khả di. 體物而不可移 (Trung Dung, ch. 26)

[8] Trung Dung, ch. 1.

[9] Trung Dung, ch. 1. Đại Học, ch. 1. Trí tri tại cách vật. Vật cách nhi hậu tri trí. 致知在格物. 物格而後知致.

[10] Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung. 人心惟危道心惟微, 惟精惟一允執厥中 (Thư, Đại Vũ Mô, 15)

[11] Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bỉnh di. hiểu thị ý đức. 天生蒸民有物有則, 民之秉彝. 好是懿德. Kinh Thi, Đại Nhã, Chưng dân VI.

[12] Dịch Hệ từ thượng: Thiên địa thiết vị nhi dịch hành hồ kỳ trung hĩ. 天地設位而行乎其中矣.
Dịch hệ từ hạ: Càn khôn thành liệt nhi dịch lập hồ kỳ trung hĩ. 乾坤成列而易立乎其中矣.

[13] Thần dã giả diệu vạn vật nhi vi ngôn giả dã. 神也者妙萬物而為言者也. (Thuyết quái)

[14] Thị cố dịch hữu Thái cực. 是故易有太極 (Hệ từ thượng)

[15] Phục quái.

[16] Ngu thư.

[17] Chu thư, IV. Hồng Phạm 4.

[18] Thượng Thư, III thang cáo 2.

[19] Kinh Thi Đại Nhã, Đãng, Chưng dân VI, 11.

[20] Kinh Thi Đại Nhã, Đãng, Chưng dân VI, 11.

[21] Trung Dung, ch. I.

[22] Đại Học, ch. I.

[23] Trí tri tại cách vật, vật cách nhi hậu tri trí. 致 知 在 格 物. 物 格 而 後 知 致. (Đại Học, ch.I)

Trung tức chí lý, hà thường bất kiêm chí nghĩa. Đại học văn ngôn giai ngôn tri chí. Sở vị chí giả tức thử lý dã. Ngữ độc Dịch giả viết năng tri thái cực tức thị tri chí. Ngữ độc Hồng Phạm giả viết năng tri hoàng cực tức tri chí; phù khởi bất khả, cái đồng chỉ thử lý tắc viết cực, viết trung, viết chí, kỳ thật nhất giả. 中 即 至 理, 何 常 不 兼 至 義. 大 學 文 言 皆 言 知 至. 所 謂 至 者 即 此 理 也. 語 讀 易 者 曰 能 知 太 極 即 是 知 至. 語 讀 洪 範 者 曰 能 知 黃 極 即 知 至; 夫 豈 不 可, 蓋 同 指 此 理 則 曰 極 曰 中 曰 至, 其 實 一 也. Phụ Chu Lục, Thái cực đồ thuyết biện. (Tống Nguyên học án, quyển 12, tr.6)

[24] Trung Dung, ch.1; ch.33. Bình luận của Chu Hi.

[25] Quân tử hoàng trung thông lý. (Dịch khôn quái)

[26] Trung Dung, ch.1. Chú thích của Chu Hi.

[27] Mạnh Tử, Tận tâm chương cú thượng, 1-2, tr. 216.

[28] Trung Dung, ch.1.

[29] Trung Dung, ch. 30.

[30] Duy thiên vi đại, duy nghiêu tắc chi. 惟 天 為 大, 惟 堯 則 之. (Luận Ngữ, Thái Bá đệ bát 19)

- Lễ Ký, quyển I, Trọng Ni yến cư 仲 尼 宴 居, tr.10.

- Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức. 天 行 健 君 子 以 自 強 不 息 (Dịch, Càn quái)

[31] Luận Ngữ, Tử Hãn, đệ cửu, 4.

[32] Luận Ngữ, Tử Hãn đệ cửu, 4.

[33] Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, âm dương chi nghĩa phối nhật nguyệt, Dị giản chi thiện phối chí đức. 廣 大 配 天 地, 變 通 配 四 時, 陰 陽 之 義 配 日 月. 易 簡 而 善 配 至 德.(Dịch Hệ từ thượng)

[34] Cố viết phối thiên. 故 曰 配 天 (Trung Dung)

[35] Hội kỳ hữu cực, qui kỳ hữu cực. 會 其 有 極 歸 其 有 極 (Hồng Phạm 13) - Duy hoàng tác cực. 惟 皇 作 極 (Hồng phạm 10)

- Trí quảng đại nhi tận tinh vi; cực cao minh nhi đạo trung dung. 致 廣 大 而 盡 精 微 極 高 明 而 道 中 庸 (Trung Dung, ch. 27)

[36] Trí Trung hòa 智 中 和 (Trung Dung, ch.1)

[37] Quân tử chi trung dung dã, quân tử nhi thời trung. 君 子 之 中 庸 也, 君 子 而 時 中.

[38] - Chỉ ư chí thiện 止 於 至 善 (Đại Học)

- Thung dung trung đạo: Thánh nhân dã. 從 容 中 道 聖 人 也 (Trung Dung, ch. 20)

- Trí quảng đại nhi tận tinh vi, cực cao minh nhi đạo trung dung. 致 廣 大 而 盡 精 微 極 高 明 而 道 中 庸 (Trung Dung, ch. 27)

- Cẩu bất cố thông minh, thánh trí, đạt thiên đức giả, kỳ thục năng tri chi. 苟 不 固 通 明 聖 智 達 天 德 者 其 孰 能 知 之 (Trung Dung, ch. 32)

[39] Thành kỷ nhân dã, thành vật trí dã, tính chi đức dã, hiệp hội ngoại chi đạo dã. Cố thì thố chi nghi dã. 成 己 人 也, 成 物 智 也, 性 之 德 也, 合 內 外 之 道 也 故 時 措 之 宜 也 (Trung Dung, ch. 25)

[40] Hội kỳ hữu cực, qui kỳ hữu cực 會 其 有 極 歸 其 有 極 (Hồng Phạm 13) - Duy hoàng tác cực 惟 皇 作 極 (Hồng Phạm 10)

- Cố viết: Phối thiên 故 曰 配 天 (Trung Dung, ch. 31)

[41] Đế 帝 : Đức hợp thiên giả xưng đế. 德 合 天 者 稱 帝 (Bạch Hổ Thông) (Khang Hi tự điển) Hoàng 皇 : Đại dã, thiên dã. 大 也 天 也 (Khang Hi tự điển)

[42] Xin đọc thêm: Trần Trọng Kim, Nho giáo, q., tr. 39–40, tr. 213–218; q. II, tr. 105.

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 6

HAI CHỮ TRUNG DUNG

V iết sách khó, nhưng tìm nhan đề sách cũng chẳng phải dễ. Sách là nhan đề phân tán ra, nhan đề là sách cô đọng lại.

Tiền nhân xưa chắc đã lao tâm, khổ tứ nhiều mới tìm ra được hai chữ Trung Dung. Hơn nữa, với sự sâu sắc thâm trầm cố hữu, chắc các ngài cũng đã cố làm sao cho hai chữ Trung Dung được thật sâu sắc thâm trầm.

Ngược lại, ngày nay muốn tìm hiểu hai chữ Trung Dung cũng không phải là chuyện dễ. Phải khảo cứu từ nguyên, nghiên cứu tượng hình (symbole), căn cứ vào lời giải thích của các danh nhân danh sĩ lịch đại, mới mong tìm ra manh mối được.

Trung 中, theo từ nguyên[1] là một mũi tên bắn trúng hồng tâm.

Trung 中là giữa, là tâm điểm (centre); Dung 庸 là thường (permanent, éternel), là bất biến (immuable, invariable).[2]

Hội những ý trên ta đã thấy mục đích Trung Dung là muốn tìm cho ra tâm điểm vũ trụ, tâm điểm cuộc đời, băng qua mọi biến thiên, để trở về tâm điểm bất biến hằng cửu ấy.

Xét về tượng hình (symbole), ta thấy trung điểm, trung cung từ Á sang Âu, tự cổ chí kim, luôn luôn tượng trưng cho ngôi vị tối thượng.

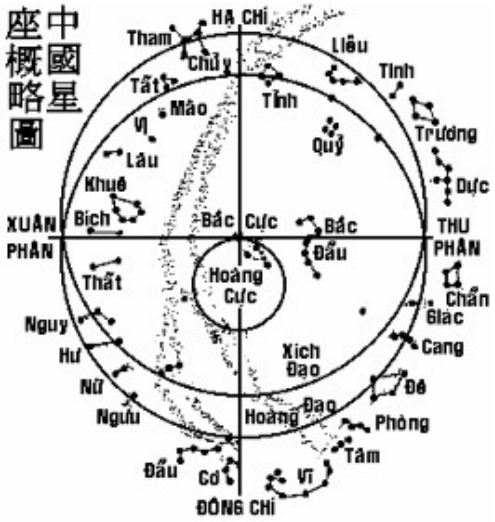

HÌNH 5: Trung Quốc tinh tòa khái lược đồ.

Để chứng minh điều ấy, chúng ta hãy nên phóng khoáng, đừng gò bó mình vào trong đời Xuân Thu, Chiến Quốc, trong biên giới Trung Hoa, hay phạm vi Nho giáo, mà hãy tạm cho lòng chu du khắp bốn phương, tung hoành trong lịch sử nhân loại để tìm hiểu chữ Trung.

Khảo sát thư tịch Nho giáo, ta thấy trung điểm, trung dung bao giờ cũng tượng trưng cho ngôi chí tôn vô đối. Đó là:

- Hoàng Cực trong thiên văn.[3]
- Thiên Trì trong la bàn địa lý.[4]
- Thái Cực trong thiên Tiên thiên bát quái.
- Ngũ thập trong Hà Đồ.[5]
- Ngũ trong Lạc Thư.
- Hoàng Cực trong Hồng Phạm Cửu Trù.
- Trung Cung trong Minh Đường.[6]

Dịch luôn đề cập đến Trung,[7] Trung Hành,[8] Trung Đạo.[9]

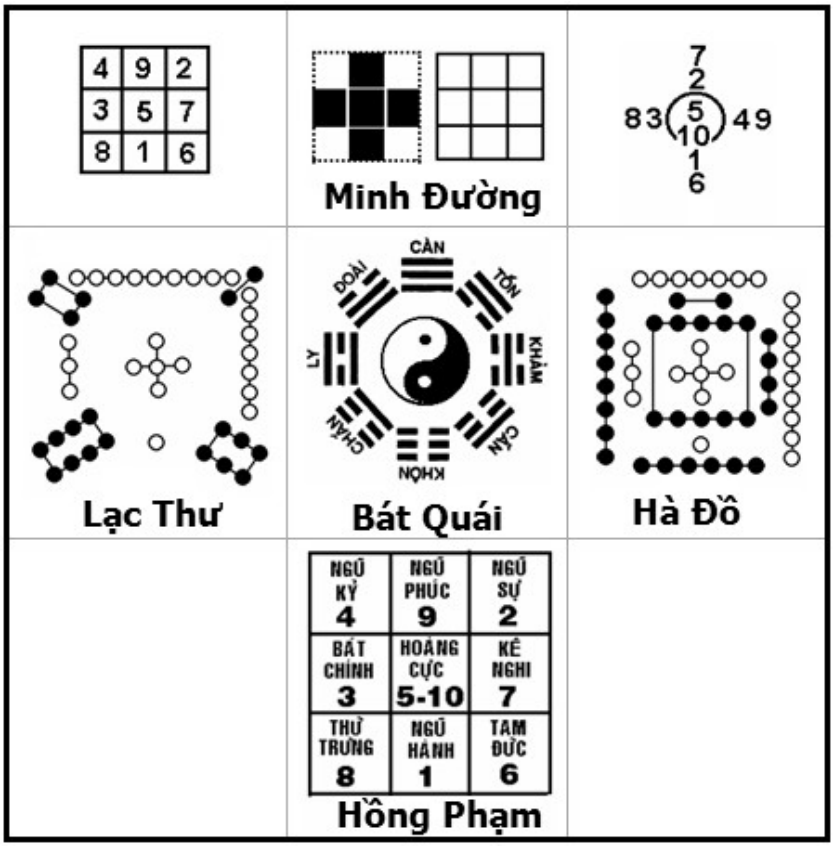

HÌNH 6: Trung Điểm trong Đồ Thư.

Dịch chủ trương: Chính trung là ngôi vị của trời[10] và người quân tử phải thông hiểu nghĩa lý của chữ Trung.[11]

HÌNH 7: Đế xuất Chấn đồ

Hình trích trong Dịch kinh lai chú đồ giải của Lô lăng Cao tuyết Quân và Vĩnh xuyên Lăng hậu tử.

Trung điểm của bát quái đồ có viết chữ Đế 帝 và 5 chấm (Nơi dưới chú: «Vương Tạo hóa chi tôn xưng tức Thiên, Ngũ dã.» 王 造 化 之 尊 稱 即 天 五 也. Nghĩa là: Đế hay Vương là tiếng để tôn xưng đấng Tạo hóa tức Trung, tức ngũ.

Trong quyển Dịch kinh lai chú đồ giải có một đồ hình Hậu thiên bát quái, ở tâm điểm có chữ Đế.[12]

Lễ Ký cho rằng: Trung Dung là đạo của bậc vương giả.[13]

Đọc Mạnh Tử ta cũng thấy chữ Trung bao hàm nghĩa hoàn thiện.[14]

Đời Hán, Vương Thông cũng đề cập tới «trung thuyết» theo vi ý của Dịch và chủ trương:

«Mặc cho biến hóa muôn nghìn,

Trung tâm ta vẫn giữ nguyên chẳng rời.» [15]

Đến đời Tống, chữ Trung trở nên minh xác hơn.

Ngũ Phong (Hồ Hoằng, ?-†1163) định nghĩa Tính là tuyệt đối siêu việt trên các quan niệm thiện ác, và chủ trương Trung tượng cho Tính.[16]

Lam Điền Lữ Thị cũng cho rằng: «Trung chính là Tính, là Thiên đạo.» [17]

Nhưng đọc những lời tranh luận của Chu Hi và Lục Tượng Sơn chữ Trung và chữ Thái Cực[18] ta mới hiểu rõ ràng quan niệm của tiên nho về chữ Trung.

Chu Hi cho rằng Thái Cực ở trung tâm vạn vật nhưng Thái cực không phải là trung điểm. Trung như vậy chỉ là ngôi vị của Thái Cực.[19]

Ông viết: Gọi là cực để diễn tả sự chí cực của Lý ây, gọi là Trung để diễn tả sự không lệch lạc của Lý ấy. Tuy cùng một lý, nhưng danh nghĩa phải dùng cho tùy nghi, thích dáng.[20]

Lục Tượng Sơn phóng khoáng hơn, chủ trương dứt khoát rằng: Trung là cực. Ông viết: Cực cũng là Lý ấy, Trung cũng là Lý ấy.[21]

Lại nói: Gọi là Nhất hay Trung cũng vẫn là Thái Cực.[22]

Khảo sát nền văn học nước nhà, ta thấy Cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) cũng đã thấu nghĩa chữ Trung, thấu hiểu định mệnh cao sang con người.

Năm Nhâm Thìn (1532)- lúc ấy Cụ 41 tuổi - nhân cùng các hương lão dạo chơi bến Trung Tân 中 津

bên sông Tuyết Giang, Cụ thấy hai chữ Trung Tân có thể bao quát đạo làm người nên cho xây một quán gọi là quán «Trung Tân», dựng một bia gọi là bia «Trung Tân» trên bến sông, để truyền sở học uyên nguyên lại cho hậu thế.

Cụ cắt nghĩa Trung là hoàn thiện, Tân là bến bờ, ý muốn nói con người chỉ được dừng chân nơi bến bờ hoàn thiện.[23]

Nhân sinh quan của Cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm chính là nhân sinh quan của Trung Dung, Đại Học; nhân sinh quan của các bậc thánh hiền.

Tổng hợp các quan điểm thánh hiền Nho giáo, ta thấy Trung là ngôi vị của Thái Cực, của Hoàng Cực, bất thiên, bất ỷ, là nguồn gốc vạn vật, và là tuyệt đỉnh hoàn thiện làm tiêu chuẩn cho muôn loài, muôn vật vươn lên.

☸

Mở rộng tầm khảo sát, ta sẽ thấy trung tâm, trung điểm bao giờ cũng tượng trưng cho căn nguyên, cho Tuyệt đối thể và Trung đạo là đạo «vô thượng», là đạo Huyền đồng (mysticisme), hay là Thiên đạo. Vì thế các nhà huyền học (mystiques), tự cổ chí kim, không phân đạo giáo, đều truyền thụ cho nhau một chữ Trung.

Huyền học Hồi giáo gọi trung điểm là thiên cung (station divine).[24] Huyền học Do Thái (Qabbalah hébraðque) gọi Trung điểm là «Thánh điện» (Saint Palais),[25] hay Trung cung (the Middle Chamber).[26]

Phật giáo cũng đề cập nhiều tới Trung Đạo (Majjhimā patipadā). Đức Phật Thích Ca đã tìm ra Trung Đạo và Trung Đạo đem lại cho con người viên giác thanh tịnh, niết bàn.[27]

Thiên Thai Tông gọi Thật Tướng là Trung Đạo.

Hoa Nghiêm Tông lấy Pháp Giới làm Trung Đạo.

Pháp Tướng Tông lấy Duy Thức làm Trung Đạo.

Trung là duy nhất, tuyệt đối, tuyệt đãi, là căn nguyên sinh vạn pháp.[28]

Trung Đạo, trung điểm ấy tức là điểm bất biến, là chân tâm nằm giữa mọi biến thiên. Quan niệm này được tượng hình bằng chữ Vạn 卍 và trục các bánh xe «Bát Chính Đạo», «Thập nhị nhân duyên», ý nói trong thân «Tứ đại giả hợp» vẫn có một điểm chân nguyên vĩnh cửu, trường tồn hay niết bàn bao giờ cũng nằm trong trung tâm luân hồi.

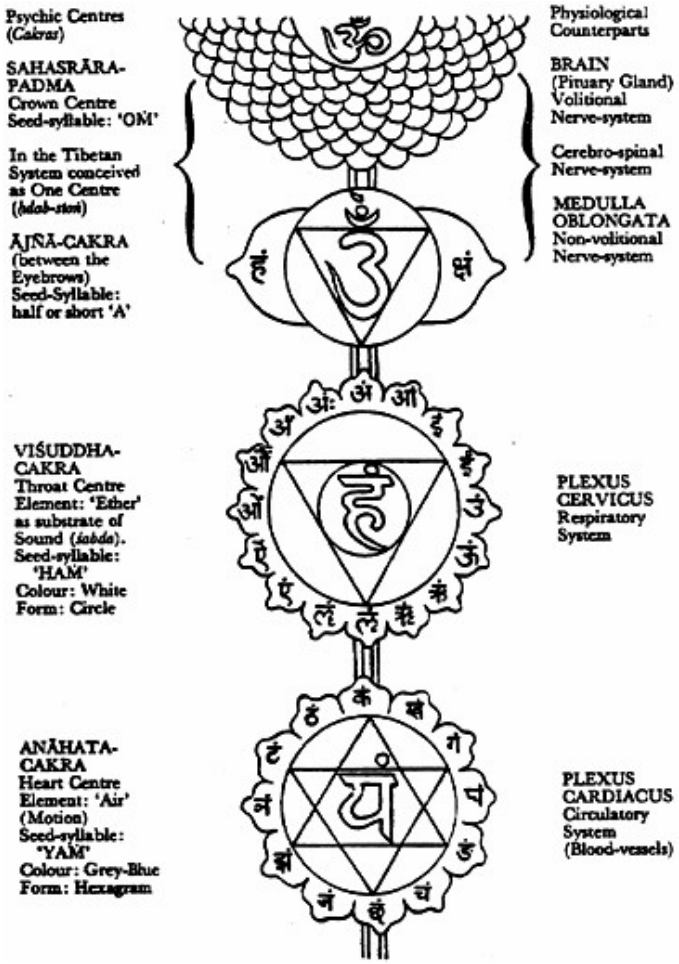

HÌNH 8: Oum mani padme hum = Ngọc châu viên giác chiếu diệu trong liên hoa tâm = Tuyệt Đối Thể chiếu diệu ở trung tâm não bộ.

HÌNH 9: Oum (Trung điểm, Tuyệt Đối Thể) là con đường đại đồng. (Oum the the path of universality)

Nói cách khác, đó chính là ngọc châu viên giác chiếu diệu trong liên hoa tâm.[29]

Chu Hoành, tác giả quyển «Trúc song tùy bút», trong bài «Phát chân qui nguyên» cũng chủ trương chữ Trung của Trung Dung tức là Chân Nguyên của Phật giáo.[30]

Trong thư tịch đạo Lão, ta thường thấy đề cập đến Trung Đạo, Trung Cung. Trung Cung ấy được gọi là Huyền 玄, là Cốc Thần 谷 神, là Đạo 道, v.v...

HÌNH 10: Hình khắc vào đá để lưu truyền lời chú: «Oum mani padme Hum.»

HÌNH 11: Cốc Thần là Trung Điểm trong đạo Lão

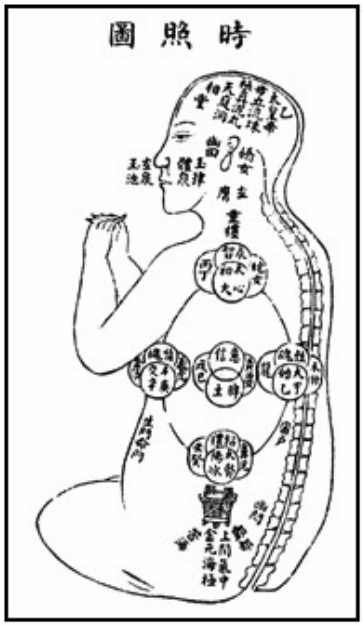

HÌNH 12: Nê Hoàn Cung 泥丸宮 (Thời chiếu đồ 時照圖)

Lão Tử chỉ có một nguyện vọng, một lý tưởng là Thủ Trung bão Nhất 守中抱一. Như trên trời, Thiên Tâm ở Bắc Cực, thì trong đầu não con người Thiên Tâm ở cung Nê Hoàn, mà Nê Hoàn ở trung tâm não bộ.[31]

HÌNH 13: Nê Hoàn Cung 泥 丸 宮 (Tẩy tâm thoái tàng đồ 洗 心 退 藏 圖)

Thiên tâm ấy không phải là Nhân tâm mà chính là Đạo.[32]

Sách Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ 太 乙 金 華 宗 旨 thường đề cập tới Trung điểm ấy dưới danh hiệu Trung Hoàng[33] và tất cả công phu tĩnh tọa, theo đạo Lão, là cốt tập trung tâm thần cho qui tụ về trung điểm ấy.[34]

Những nhận xét cổ kính của các đạo gia thực ra không đến quá viển vông như ta tưởng.

Các nhà sinh lý học Âu Mỹ tiên tiến hiện nay đang cố dùng các phương pháp khoa học để tìm cho ra «điểm hội tụ» trong đầu não mà họ gọi là «giác giới» (lieu de la compréhension) hay là «não tâm» (le foyer centrencéphalique, le foyer centrencéphalique d'integration) và cho rằng bản ngã ẩn áo sau điểm hội tụ ấy. Tuy nhiên, họ chưa xác định được trung điểm, trung cung là điểm hội tụ. Họ giả thiết: Hạ thị tằng (hypothalamus) là nơi các thần kinh giao hội.

Nhưng nếu ta áp dụng định luật tương tự (loi d'analogie: phép loại suy) ta sẽ phải nhận rằng Trung cung, trung điểm mới là điểm hội tụ, và Nê Hoàn cung của các đạo gia chính là não thất 3 (3e ventricule) trong đầu não con người; vì nơi ấy, phía dưới là giao tuyến của thần kinh mắt (chiasma optique), là nơi giao tiếp các mạch máu trong đầu, nơi ấy cũng là điểm hội tụ của các thần kinh, đồng thời cũng là «trung diểm hình học» của đầu não như các đồ hình giải phẫu, sinh lý và quang tuyến y học hiện đại chứng minh. triết học và đạo giáo, và đồng thời cũng là điểm hội tụ của muôn vạn nẻo đường suy tưởng.

Khảo sát phong tục, ta thấy dân gian bao giờ cũng trọng trung điểm: Chiếu giữa, gian giữa, trung ương đều là chỗ tôn trọng nhất.

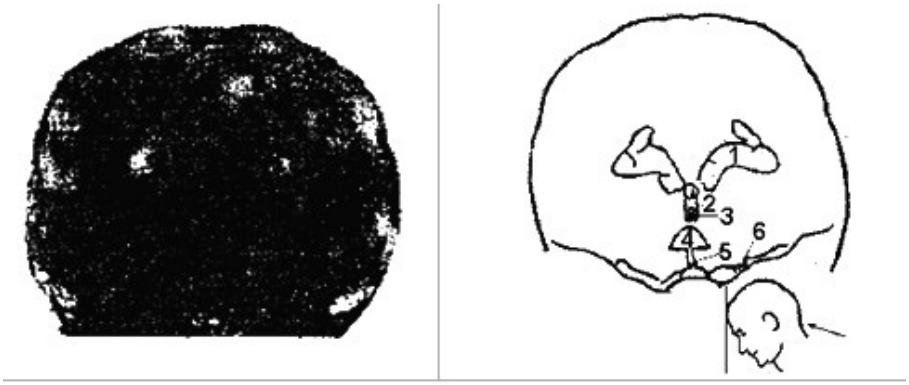

Face en position assise: Tête inclinée en avant: incidence fronto-sous-occipital à 30°. ❶ Ventricule latéral; ❷ 3e ventricule; ❸ Aquedue de Sylvius.

HÌNH 14 A

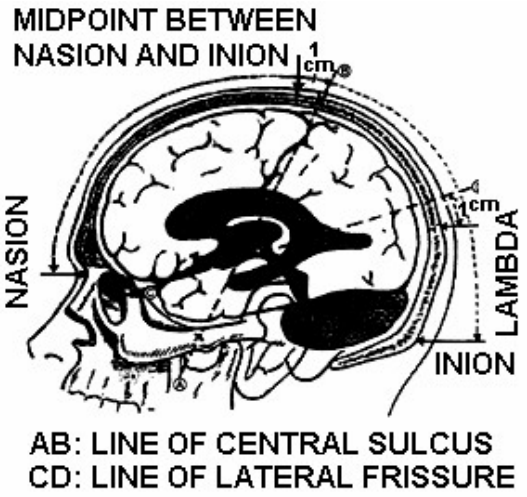

Medical sagittal section of brain; Relationship of the central sulcus and lateral frissure to the ventricules and skull.

HÌNH 14 B

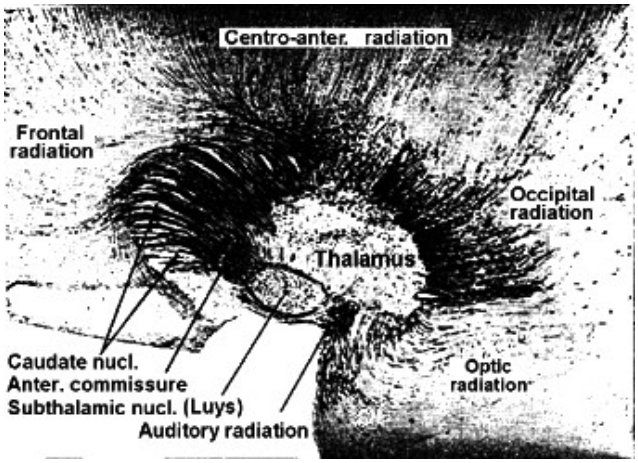

HÌNH 14 C

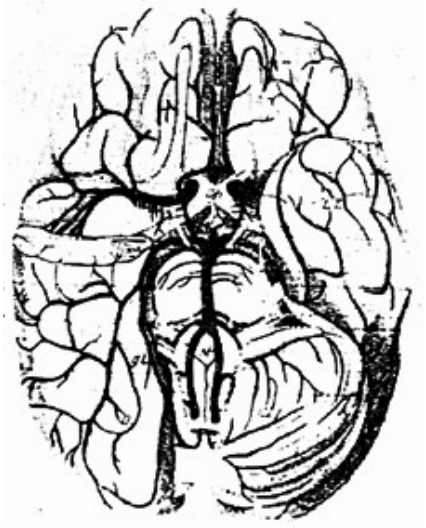

HÌNH 14 D

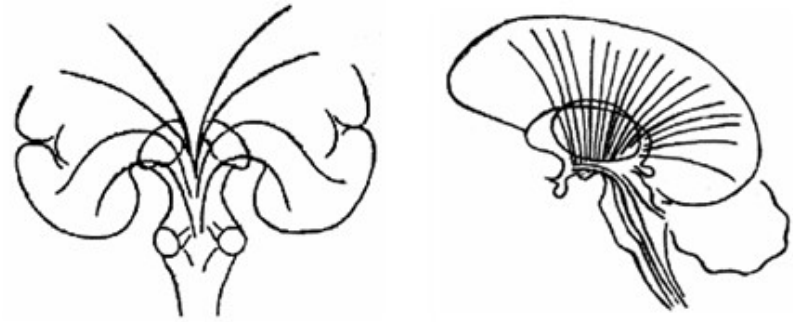

HÌNH 14 E: Le Foyer centrencéphalique

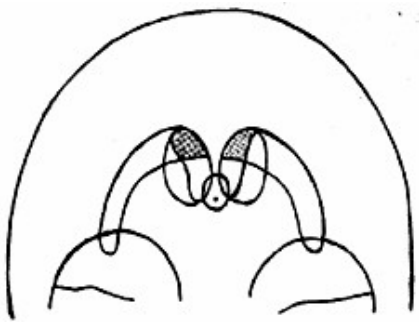

HÌNH 15: Não thất 3 chụp thẳng

Nếu giả thuyết này được chấp nhận thì ta sẽ thấy tâm điểm não bộ sẽ là trung điểm tâm hồn, tuy nằm trong não mà chẳng phải là não; tâm điểm não bộ cũng sẽ là điểm gặp gỡ giữa khoa học thực nghiệm. Nhưng mở rộng tầm quan sát ta thấy trung điểm còn nhiều kỳ bí, huyền diệu hơn: Đài hoa, nhụy hoa điều là tâm điểm của hoa; lúc hoa rơi cánh rã thì đài hoa vẫn còn và chứa đầy nguồn sống cho các thế hệ cây sau.

Nhân, hạt thường nằm trong giữa quả. Những cái vỏ bên ngoài dù có thối nát, thì nhân và hạt vẫn trường tồn với thời gian, để rồi ra đóng lại tấn kịch đời với quang âm, với gió mưa, đất nước.

Đặc biệt nhất là nếu ta dùng được những kính hiển vi tối tân mà nhìn vào đáy lòng vật chất, đáy lòng các tinh thể vi ti của vật chất, ta vẫn thấy Trung điểm uy nghi quen thuộc đó hiện ra bất biến hằng cửu giữa sự tuần hoàn, giao động của muôn nghìn nguyên tử. Ta vẫn thấy sau những biến thiên chất chưởng bên ngoài, còn có chủ chốt hằng cửu bền vững bên trong.

Xưa kia tuy chưa có những phương tiện khoa học tiến bộ như hiện nay nhưng có lẽ vì cứ tiến lên lần

hồi trên các nấc thang suy luận mà hiền thánh xưa đã tìm ra Thượng Đế trong trung tâm vũ trụ và trung tâm con người.

Trung tâm vũ trụ, trung điểm tâm hồn chính là lò cừ tạo hóa, sẽ phối hợp mọi mâu thuẫn, khắc phạt.

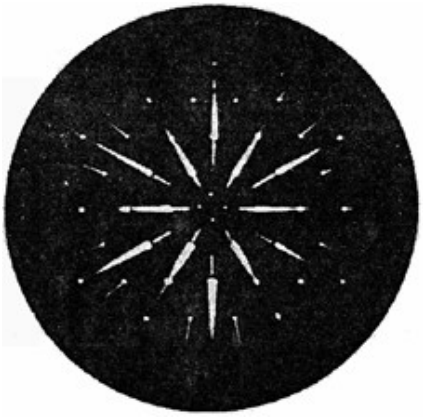

Tinh thể nước đá dưới X-quang

Tinh thể Tungstène phóng đại 5 triệu lần.

HÌNH 16

Thay vì đứng theo một chiều nào trong tứ duy lục hợp, để bị quáng lòa vì bóng tối, bóng sáng tương tranh, ta vào trung điểm để nhìn bao quát trái phải, thấp cao, ta sẽ thấy mọi tương phản tan biến như mây khói.[35]

Thay vì chuyển vận bằng chân tay, bằng ngũ quan tri giác trong những nẻo đường vô tận của thời gian lịch sử, ta hãy dùng tâm thần một vút bay lên tới Thái Cực, trung tâm, chỗ phát xuất và hội tụ của không gian và thời gian. Ở đấy ta sẽ thấy mọi sự đều có lớp lang, tiết tấu, việc trước hỗ trợ việc sau, lớp ngoài bảo vệ lớp trong, tầng dưới nâng đỡ tầng trên. Tầng tầng lớp lớp bao quanh một tinh hoa duy nhất như muôn cánh hoa ấp ủ đài hoa với nhụy hoa.

Nếu đúng vậy thì đạo Trời cũng rất giản dị chỉ cần phá tan tấm màn vật chất ngu muội, dục tình bên ngoài là vầng dương muôn thủa sẽ hiện ra sáng quắc.[36]

Sau khi khảo sát ý nghĩa chữ Trung, sau khi đã tìm hiểu ý nghĩa của Trung điểm trong thiên văn, địa lý, trong các đồ bản, trong đầu não con người; ta có thể trở lại Nho giáo, trở lại với đề tài của ta.

Bây giờ chắc ta phải nhận chân rằng hai chữ Trung Dung thực là cao diệu. Trung là ngôi vị của Thái Cực, Hoàng Cực. Trung Dung, Trung Đạo chính là đạo «Phối thiên».

Có hiểu như vậy thì nhan đề sách mới hợp với ý nghĩa sách, và hai chữ Trung Dung sẽ nên ngọn đuốc sáng, soi rọi cho công trình khảo cứu của ta sau này.[37]

CHÚ THÍCH

[1] Léon Wieger, Leçons étymologiques N^{o} 190, p. 290.

[2] Bất dịch chi vị dung. 不 易 之 謂 庸 (Trung Dung).

Dung giả thường nhi bất dịch chi lý. 庸 者 常 而 不 易 之 理 (Tống Nguyên Học Án, quyển 92, tr. 4)

[3] Trung Quốc tinh tòa khái lược đồ. 中 國 星 座 概 略 圖 (Trung Hoa ngũ thiên niên sử, quyển, tr. 49)

[4] a) Thiên Trì hư hàm Thái Cực bản Vô Cực dã. 天 池 虛 咸 太 極 本 無 極 也 (La kinh giải định, quyển I, tr. 2)

b) Coi hình la bàn (La kinh giải định, quyển II, tr. 12)

[5] - Ngũ theo từ nguyên viết là 乂, nghĩa là Ngũ hành (trung ương và bốn hướng) sau thêm hai nét trên dưới (二) mà thành ¸ tượng trưng âm dương ngũ hành chuyển Vận giao phối trong trời đất.

- Thập cũng gồm đủ Ngũ hành (Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung)

- Ngũ- Thập vì vậy ở trung ương nơi âm dương giao thái, ngũ khí triều nguyên, (cf. Wieger, Leçons étymologiques N^{O} 24A, N^{O} 39, p. 68, 109)

[6] Ainsi quand est fini le troisième mois de l'été, interrompt-il le travail qui lui permet de singulariser les diverses durées, il se vêt alors de jaune et cessant d'imiter la marche du soleil, va se poster au centre du Ming-t'ang 明 堂. S'il veut animer l'Espace, il faut bien qu'il ocupe cette place royale et dès qu'il s'y arrête, c'est d'elle qu'il semble animer le temps: il a donné un centre à l'année. (Marcel Granet, La pensée Chinoise, p. 103, 179, 180)

[7] Đọc các quẻ: Khôn, Nhu, Tụng, Tỉ, Đồng nhân, Đại hữu, Khiêm, Dự, Khuê, Kiển, Giải, Ích, Quải, Tỉnh, Chấn, Phong, Tiết, Trung phu, Tiểu quá, Vị tế. (Dịch kinh)

- Hệ từ hạ: Càn khôn thành liệt, nhi dịch lập hồ kỳ trung hĩ. 乾 坤 成 列, 而 易 立 乎 其 中 矣.

[8] Trung hành 中 行: đọc các quẻ: Thái (cửu nhị), Phục (lục tứ), Ích (lục tam; lục tứ), Quải (cửu ngũ) (Dịch kinh).

[9] Trung đạo 中 道 : đọc các quẻ: Cổ, Ly, Giải, Ký tế (Dịch kinh).

[10] Thiên vị dĩ chính trung dã. 天 位 以 正 中 也. (quẻ Nhu, lời soán)

[11] Quân tử hoàng trung thông lý, chính vị cư thể, mỹ tại kỳ trung nhi sướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã. 君 子 黃 中 通 理, 正 位 居 體, 美 在 其 中 而 暢 於 四 支, 發 於 事 業, 美 之 至 也.

[12] Xem hình: Đế xuất Chấn.

[13] Trung Dung dã, vương giả chi sở thường hành dã. 中 庸 也, 王 者 之 所 常 行 也 (Lễ Ký 禮 記 - Tang phục tứ chế, quyển 63, tr. 213)

[14] Mạnh Tử, Tận tâm [hạ], 37.

[15] Thiên biến vạn hóa, ngô thường thủ trung yên. 千 變 萬 化, 吾 常 守 中 焉 (Trung thuyết Chu công)

[16] Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 114, 115, 116.

[17] Hựu viết: Sở vị Trung giả, tính dữ thiên đạo dã. 又 曰: 所 謂 中 者 性 與 天 道 也. (Trung Dung hoặc vấn, tr. 22)

[18] Tống Nguyên học án, quyển 12. Phụ chú lục Thái cực đồ thuyết giải, tr. 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

[19] Thù vấn cực chi vi ngôn. Cứu cánh chí cực bất khả hữu gia chi vị; dĩ trạng thử lý chí danh nghĩa tắc cử thiên hạ vô dĩ gia thử chi xưng dã. Cố thường tại vật chi trung, vi vật chi đích. Vật vô chi, tắc vô dĩ vi căn chủ nhi bất năng dĩ hữu lập. Cố dĩ vi tại trung chi nghĩa tắc khả nhi tiện vị cực vi trung tắc bất khả. 銖 問 極 之 為 言. 究 竟 至 極 不 可 有 加 之 謂; 以 狀 此 理 之 名 義 則 舉 天 下 無 以 加 此 之 稱 也. 故 常 在 物 之 中, 為 物 之 的. 物 無 之, 則 無 以 為 根 主, 而 不 能 以 有 立. 故 以 為 在 中 之 義 則 可 而 便 謂 極 為 中 不 可 (Stanislas Le Gall S.J., Tchou Hi: Sa doctrine, son influence, p. 116)

- Vấn Lưu Tử sở vị thiên địa chi trung, tức Chu Tử sở vị Thái Cực phủ. Viết chỉ nhất ban, đãn danh bất đồng. Trung chỉ thị kháp hảo xứ. Thư duy hoàng Thượng Đế, giáng trung ư hạ dân diệc chỉ thị kháp hảo xứ. Cực bất thị trung. Cực chi vi vật chỉ thị tại trung như giá cá chúc đài, trung ương trâm xứ tiện thị cực. 問劉子所謂天地之中, 即周子所謂太極否. 曰只一般, 但名不同. 中只是恰好處. 書惟皇上帝, 降衷於下民亦只是恰好處. 極不是中. 極之為物只是在中如這個燭臺, 中央簪處便是極 (Ibidem, tr. 104)

[20] Chu viết: cực thị danh thử lý chi chí cực, trung thị trạng thử lý chi bất thiên, tuy nhiên đồng thị thử lý, nhiên kỳ danh nghĩa các hữu du đáng, tuy thánh hiền ngôn chi, diệc vị cảm hữu sở sai hỗ dã. 朱曰: 極是名此理之至極, 中是狀此理之不偏雖然同是此理, 然其名義各有攸當, 雖聖賢言之, 亦未敢所差互也 (Tống Nguyên học án, quyển 12, tr. 5)

[21] Lục viết: Cực diệc thử Lý dã, Trung diệc thử Lý dã. Ngũ cư Cửu Trù chi trung nhi viết Hoàng Cực, khởi phi dĩ kỳ trung nhi mệnh chi hồ. Dân thụ thiên địa chi trung dĩ sinh, nhi Thi ngôn lập ngã chưng dân, mạc phi nhĩ cực, khởi phi dĩ kỳ trung mệnh chi hồ. 陸曰: 極亦此理也. 中亦此理也. 五居九疇之中而曰黃極豈非以其中而命之乎. 民受天地之中以生而詩言立我烝民莫非爾極, 豈非以其中命之乎 (Tống Nguyên học án, q.12, tr. 5)

[22] Cái Cực giả Trung dã. 蓋極者中也 (Tống Nguyên Học Án, quyển 12, tr. 3) - Viết nhất trung tức Thái Cực dã. 曰一曰中即太極也 (Ibidem, tr.2)

[23] Quán dĩ Trung Tân danh, hà sở thủ nghĩa. Dư ngữ chi viết: Trung giả trung dã, toàn kỳ thiện vi trung, bất toàn kỳ thiên tắc phi trung dã. Tri sở chỉ vi yếu tân, bất tri sở chỉ tắc mê tân hĩ. 館以中津名, 何所取義. 余語之曰: 中者中也, 全其善為中, 不全其善則非中也. 知所止為要津, 不知所止則迷津矣 (Trung Tân quán bi minh, Trạng Trình. Tài liệu viết tay của giáo sư Lê Hữu Mục)

[24] René Guenon, Le Symbolisme de la croix, p. 66.

[25] Ibidem, p. 72.

[26] Mackey's revised Encyclopedia, volume 2, p. 665.

[27] Le Bouddha a découvert «la voie moyenne» qui procura la vue, qui donna la connaissance, qui conduit au calme, à la vue intérieure, à 1'éveil, au nibbanā. (Présence du Bouddhisme, p. 268-269)

[28] Pháp tướng dĩ duy thức vi Trung Đạo, Thiên Thai dĩ thật tướng vi Trung Đạo, Hoa Nghiêm dĩ pháp giới vi Trung Đạo. Trung giả bất nhị chi nghĩa, tuyệt đãi chi xưng, song phi song chiếu chi mục dã. 法相以唯識為中道, 天台以實相為中道, 華嚴以法界為中道. 中者不二之義, 絕待之稱, 雙非雙照之目也. Trung Luận kệ viết: Nhân duyên sở sinh pháp, ngã thuyết tức thị không, diệc danh vi giả danh, diệc thị Trung Đạo nghĩa. 中論偈曰: 因緣所生法, 我說即是空. 亦名為假名, 亦是中道義 (Phật học đại từ điển)

[29] «Oum mani padme hum» (Au cœur du Lotus brille le Joyau de la Sagesse) Cf. Sciences et Voyages, Aout 1962, N^{o} 200; Le Boutan, petit royaume himalayen của Francis Brunel.

Hình khắc vào đá để lưu truyền lời chú: «Oum mani padme Hum.»

[30] Hội thông nhu, thích giả vị trung tức chân nguyên dã. 會通儒, 釋者謂中即真元也 (Phát chân qui nguyên - Trúc song tùy bút, tr. 35)

[31] (1a) Đầu hữu cửu cung, trung viết Nê Hoàn. 頭 有 九 宮 中 曰 泥 丸 (Kim đơn đại thành tập, tr. 4)

(1b) Thiên tâm chi cư ư Bắc Cực, vi tạo hóa chi khu cơ giả. Thử tâm dã, cố đẩu tiêu nhất vận, tứ thời ứng tiết, ngũ hành thuận tự, hàn thử trúng độ, âm dương đắc kỳ nghi hĩ. Tại nhân diệc nhiên. Thủ hữu cửu cung, thượng ứng cửu ngung, kỳ trung nhất cung viết thiên tâm, nhất viết tử phủ thiên uyên, thiên luân, thiên quan, thiên kinh, thượng đô quan, côn lôn đỉnh. Kỳ danh phả chúng. Tổng nhi ngôn chi, viết Huyền quang nhất khiếu... 天 心 之 居 於 北 極, 為 造 化 之 樞 機 者 此 心 也, 故 斗 杓 一 運, 四 時 應 節, 五 行 順 序 寒 暑 中 度 陰 陽 得 其 宜 矣. 在 人 亦 然, 首 有 九 宮, 上 應 九 隅 其 中 一 宮 曰 天 心 一 曰 紫 府, 天 淵, 天 輪, 天 關 天 京, 上 都 關, 崑 崙 頂 其 名 頗 眾, 總 而 言 之, 曰 玄 關 一 竅. (Kim đơn đại thành tập, tr. 2) (1c) Nê Hoàn cung đối chiếu với cơ thể học hiện đại là não thất 3 (3e ventricule). Cho tới nay chưa có giả thuyết y học nào nói Nê Hoàn cung hay não thất 3 là điểm hội tụ và phát xuất các ý tưởng và cảm giác. Trong quyển Vie et Rénovation các nhà sinh lý học Pháp giả thuyết là điểm hội tụ ở khoảng hypothalamus (minh đường hay hạ thi tằng).

[32] Năng tri vận dụng giả, dĩ đạo quán tâm, tâm tức đạo dã, dĩ tâm quán đạo, đạo tức tâm dã. Thị tâm dã phi nhân tâm chi tâm, nãi thiên tâm chi tâm dã. 能 知 運 用 者, 以 道 觀 心, 心 即 道 也, 以 心 觀 道, 道 即 心 也. 是 心 也 非 人 心 之 心, 乃 天 心 之 心 也 (Kim đơn đại thành tập, tr. 2)

[33] Cái dĩ «trung hoàng», tại nhân thân địa thiên chi chính trung. tức dịch chi Hoàng trung. Thích thị sở vị duyên trung. Ngô tông danh viết Huyền tẫn chi môn; nãi thị sinh thiên sinh địa sinh nhân chi huyền khiếu… 蓋 以 中 黃, 在 人 身 地 天 之 正 中, 即 易 之 黃 中. 釋 氏 所 謂 緣 中. 吾 宗 名 曰 玄 牝 之 門; 乃 是 生 天 生 地 生 人 之 玄 竅.

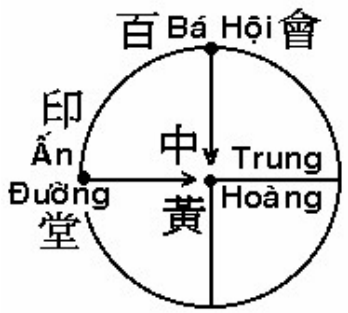

[34] Richard Wilhelm, The secret of the golden flower (Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ), tr. 3: «One looks with both eyes at the end of the nose, sits upright and in a comfortable position and holds the heart to the center in the midst of conditions (on the fixed pole in the flight of phenomena). In Taoism, it is called the Yellow Middle, in Buddhism, the center in the midst of conditions... The two are the same. It does not necessarily mean the middle of the head. It is only a matter of fixing one's thinking on the point which lies exactly between the two eyes. Then all is well.»

[35] Marcel Granet, La Pensée Chinoise, p. 316, 527, 528.

[36] … J'ai considéré notre âme comme un château, fait d'un seul diamant ou d'un cristal très pur. Tout comme au ciel il y a diverses demeures, ce château renferme plusieurs appartments: les uns en haut. les autres sont en bas, d'autres dans les ailes, enfin au centre, au milieu de tous, se trouve le principal, ou se passent les choses les plus secrètes entre Dieu et l'âme…

Vous savez comment la tige du palmier est fermée de plusieurs enveloppes, qui entourent et protègent la partie savoureuse, le cœur proprement dit de l'arbre; de même au centre du château se trouve la demeure du Roi et tout autour sont d'autres demeures.

Sainte Thérèse d'Avila, La religion essentielle, p. 166. cf. Sainte Thérèse de Jesus, ¬uvres complètes, Édition du Seuil. Le Château de l'Âme, p. 815, 825.

Phụ Lục 4 note 1/tr. 516: 1. Ngày 6/1/63, ông Kỹ Sư Trung Hoa Chương Dật Nguyên đã có nhã ý gửi cho tác giả quyển Chu Dịch Xiển Chân do Lưu Nhất Minh trước tác. Nhân thấy trong đó có bài Trung Đồ này, tư tưởng thâm trầm, văn chương khoáng đạt, nên trích dịch, để cống hiến độc giả làm tài liệu. Tr. 543: Phụ Lục 7, note 1.

[37] Toát lược Trung Dung bằng tiếng Pháp dành cho các thính giả người Pháp, ngày tác giả lĩnh giải thưởng văn chương Lecomte du Noüy 1960-1961. Tr. 550.

Phụ Lục 8, note 1. – Toát lược Trung Dung bằng tiếng Anh dành cho các thính giả người Anh, ngày tác giả lĩnh giải thưởng văn chương Lecomte du Noüy 1960-1961.

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 7
XUẤT XỨ & ĐẠI Ý TRUNG DUNG

XUẤT XỨ

Trung Dung cũng như Đại Học là hai thiên trong Lễ Ký. Đến đời Tống, Chu Hối Am (Chu Hi 1130 1200) mới tách rời ra, cho hợp với Luận Ngữ, Mạnh Tử thành bộ Tứ Thư.

Có nhiều người võ đoán: Trung Dung không phải của Tử Tư chép. Hồ Hoài Thâm, tác giả quyển Trung Quốc tiên hiền học thuyết, cho rằng:

Trung Dung có lẽ là của Đổng Trọng Thư thời Hán viết, vì Trung Dung chủ trương thuyết «Thiên nhân hợp nhất» mà thuyết này mãi tới thời Hán mới được Đổng Trọng Thư xiển minh.[1]

Nhưng như trên ta đã khảo sát, nhưng tư tưởng trong Trung Dung đã có sẵn trong Ngũ Kinh, và thuyết «thiên nhân hợp nhất» là một thuyết tối cổ, những chữ «phối mệnh», «khắc phối Thượng đế», «Thượng đế lâm nhữ» đã là những câu cửa miệng nhân gian thời Thương, Chu, như Kinh Thi đã cho biết. Vả ngay trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử đã cho biết «thị vị phối thiên, cổ chi cực» (Lý tưởng cao siêu của người xưa là được kết hợp với Trời).[2]

Cho nên ức đoán này không thể đứng vững.

H.J. Allen mới đây lại cho rằng Khổng Tử không phải là một nhân vật có thực, và quyển Trung Dung chỉ là một nguy thư do Phật tử Trung Hoa thời Hán đã chép.[3]

Giả thuyết này, chẳng ai cho là đứng đắn.

Cách đây mấy chục năm, Von Erkes cũng cho rằng Trung Dung không phải là một tác phẩm hoàn toàn thuộc Khổng giáo, mà chính có pha phách tư tưởng Lão giáo. Sách này, theo ông đã được viết đời Tần Thủy Hoàng, ngụ ý tán tụng Tần Thủy Hoàng và công nghiệp thống nhất đất nước của vua Tần.

Thực không gì mỉa mai hơn, nếu Trung Dung đã được viết để tán dương Tần Thủy Hoàng, vì trong sách toàn trích dẫn Khổng Phu Tử và cuối sách lại hết lời ca tụng Khổng Phu Tử một người mà bao sách vở trước tác đã bị Tần Thủy Hoàng cho vào lửa hết.[4]

Sở dĩ có những ức đoán quàng xiên, gượng gạo như vậy, vi người ta thường có thiên kiến rằng Khổng Tử chỉ là một nhà luân lý học tầm thường, vụ thực, trái ngược hẳn với Lão Tử đến khi đọc Trung Dung thấy những tư tưởng cao siêu, họ không biết ăn nói ra sao.[5]

Tuy nhiên những giả thuyết trên cũng cho cho ta thấy rằng Trung Dung là một triết thuyết cao siêu, chủ trương «thiên nhân hợp nhất»và tư tưởng Trung Dung không biên giới...

Trung Dung, theo truyền thống Nho giáo đã được Tử Tư trước tác. Tử Tư tên chữ là Khổng Cấp, cháu đích tôn của đức Khổng. Ông sinh vào khoảng năm 500 tcn. Ông đã từng được thấy, được nghe đức Khổng cho tới khi ông hai ba mươi tuổi, vì đức Khổng mất vào năm 479. Có người cho rằng Tử Tư mất

năm 440, có người cho rằng ông sống lâu hơn.[6] Điều đó không có gì là quan trọng...

ĐẠI Ý TRUNG DUNG

Trung Dung gồm 33 chương, nhưng tựu trung chỉ dùng một chữ là thâu tóm hết: đó là chữ «thành» 誠.

Rémusat, Wieger, P. Intorcetta và đa số học giả định «thành» là hoàn thiện.

Dựa theo lời chú giải của Chu Hi, một số học giả khác trong đó có James Legge, định «thành» là tinh hoàn, chân thực, hoàn toàn hợp nhất với chân lý, không còn pha phách tà ngụy.[7]

Chung quy «thành» vẫn là hoàn thiện, mà hoàn thiện là hợp nhất với bản tính, với thiên lý, thiên mệnh.

Theo Trung Dung, con đường đưa tới hoàn thiện, khởi đầu bằng chữ Kính, chữ Sợ. Kính sợ Trời tiềm ẩn trong lòng mình và sẽ trải qua các giai đoạn học hỏi, suy tư tu luyện, để kết thúc bằng sự «phối Thiên», sự hợp nhất với Trời.

Sự hoàn thiện ấy đã sẵn có nơi con người, đã tiềm ẩn trong «tính bản nhiên», nên công trình tu luyện con người là ở tại sự cố gắng phát huy mọi tiềm năng, tiềm lực, tiềm thức, tiềm chân, tiềm thiện cho tới chỗ hiện thực chí cùng chí cực, chí thành, chí thiện.

Chu Hi đã cho rằng sách bắt đầu bằng một lý rồi phân tán ra muôn ngàn, nhưng thâu tóm lại vẫn chỉ là một lý ấy, khác nhau chăng là ở hai thể ẩn hiện mà thôi.[8] Khi mục đích sách đã tỏ, thì sự kết cấu sách và sự liên lạc giữa các chương, cú cũng chẳng khó tìm.

Ta có thể phác họa đại ý Trung Dung như sau: Bản tính con người là thiên lý, thiên tính, thiên mệnh, thiên đạo.

Khuôn mẫu hoàn thiện ấy, đạo Trời ấy chẳng hề rời bỏ con người một phút giây.

Đạo người là noi theo tính bản nhiên ấy.

Bản tính con người khi chưa phát hiện là Trung, là thái cực tinh hoàn, bất nhiên, bất ỷ. Khi phát xuất ra nếu theo đúng lớp lang, tiết tấu sẽ đạt tới mức thái hòa, mức hoàn thiện. Cho nên, Trung hòa là gốc ngọn, đầu đuôi của lịch sử nhân loại (ch.1).[9]

Con đường hoàn thiện hay đạo Trung Dung là đạo của người quân tử, chẳng phải là đạo của kẻ tiểu nhân (ch.2).

Nó rất cao siêu, rất hoàn mỹ, nhưng cũng rất khó khăn nên ít người hiểu được, theo được (ch.3,4).

Muốn theo Trung Dung, muốn trở nên hoàn thiện phải phát huy ba đại đức: trí, nhân, dũng chứ không phải bon chen khoe tài, khoe trí với đời, chứ không phải bạo hỏ bằng hà, khinh thân, liều mạng (ch.6,7,8,9,10).

Muốn theo đạo Trung Dung, chẳng cần phải tìm hiểu quái dị, chỉ cần chuyên tâm, dốc trí theo trọn đạo Trời (ch.9).

Đạo Trời ấy tiềm ẩn ở đáy lòng, nhưng nếu biết phát huy ra, sẽ trở nên mênh mông, bao trùm vũ trụ (ch.12).

Cho nên chẳng phải đi đâu xa để tìm khuôn mẫu lý tưởng cho con người: khuôn mẫu ấy đã tìm ẩn sẵn trong lòng người (ch.13).

Vậy muốn trọn đạo Trời, chỉ cần lo tận thiện mình, yêu thương người khác như mình, lấy sự hoàn thiện làm khuôn phép cho mọi hành vi, cử chỉ mình, hướng dẫn đường lối giao tế của mình cho trọn niềm hiếu đễ,

trọn nghĩa quân thần, vẹn tình bằng hữu. (ch.13).

Người quân tử sẽ vui sống trong mọi hoàn cảnh (ch.14), tuần tự tiến bước trên đường nhân, nẻo đức (ch.15), hiểu lẽ thiên nhân tương dữ (ch.16), sống sao cho đức hạnh chói chang sáng tỏ, thuận lòng Trời, được lòng người, như vua Thuấn, vua Văn, vua Vũ (ch.17, 18). Những lễ nghi tế tự tông miếu, Giao Xã, cổ nhân bày ra chẳng qua là để nhắc nhở rằng tổ tiên xưa đã thờ Trời, kính Trời, tu thân tích đức để trở nên hoàn thiện; cho nên người ngày nay phải hiểu thâm ý, phải nối được chí lớn của tổ tiên mới là vẹn hiếu (ch.19).

Nếu đạo làm người phải lấy Trời làm gốc, lấy chữ thành, chữ hoàn thiện làm chủ chốt, thì một nền chính trị lý tưởng cũng phải xây trên căn bản ấy.

Trong nước trên dưới phải một lòng lo bề tu đức lập thân.

Vua phải theo gương đức hạnh, dùng hiền tài trị dân, lo khuyến khích, vỗ về bách tính để cho nước thịnh, dân giàu, công nghệ mở mang. Dân phải giữ vững đạo con em, lo tròn phận sự. Tóm lại cá nhân cũng như xã hội đều có bổn phận phát huy mọi tìm năng mình để đi đến hoàn thiện (ch.20).

Vì Trời hoàn thiện, nên tiến tới hoàn thiện là lý tưởng của người quân tử. Muốn đạt tới mức hoàn thiện, cần học hỏi, suy tư, cố gắng mãi mãi, cố gắng không ngừng, sửa sang chếch mác, hoàn hảo bản thân rồi lại lo cái thiện mọi người, để quần sinh vũ trụ đều đạt được mức hoàn thiện (ch.21, 22, 23, 24, 25).

Cố gắng không ngừng, phát huy mọi tiềm năng, tiềm lực mình để tiến tới hoàn thiện, đó là theo đúng định luật tiến hóa của đất Trời (ch.25). Và khi đã hoàn thiện mình, người quân tử sẽ đạt tới mức chí thành chí thiện, thông phần vinh hiển Trời, trường sinh vĩnh cửu cùng Trời đất (ch.26, 27).

Đạo Trung Dung, như đã mô tả trên, thực cao siêu hoàn mỹ. Trời chỉ trao đạo đó cho các đấng thánh nhân (ch.27). Nó được xây dựng trên những nền tảng vĩnh cửu, có những tiêu chuẩn bất biến, hợp nhân tâm thế đạo, hợp định luật đất Trời. Dầu trong dĩ vãng xa xăm, dầu trong tương lai mờ mịt, nếu có vị thánh nhân nào ra đời cũng đều chủ trương như vậy cả (ch.29).

Theo Trung Dung, bậc chí thành là những người đạt đạo hoàn thiện. Những bậc ấy, trong số đó có đức Khổng sẽ như vầng nhật nguyệt soi sáng khắp nhân gian, vì các ngài thông phần vinh quang Trời, và mãi mãi sẽ được nhân loại suy tôn tán tụng (ch.30,31,32).

Trong đoạn kết, Trung Dung lại toát lược tâm pháp thánh hiền: «Kính sợ Trời, dầu ở nơi vắng vẻ, học cho thông suốt để biết tới cùng cực, rèn luyện mình cho tuyệt hết niềm tây, toàn thiện để thành tựu mình đến trọn vẹn (ch.33).

Đại ý Trung Dung là vậy, thế mà không biết vì sao đã mang tiếng lấp lửng, nước đôi?

CHÚ THÍCH

[1] Trung Quốc tiên hiền học thuyết, tr.147;148;149.

[2] Lão Tử Đạo Đức Kinh, ch.2, 68.

[3] H.J. Allen, Is Confucius a myth?

E.V. Zenker, Histoire de philosophie chinoise, tr.125.

[4] Edouard Erkes, Chinesische Literatur, Breslau 1922, p.39.

E.V. Zenker, Histoire de la philosophie chinoise, p.125.

[5] E.V. Zenker, Histoire de la philosophie chinoise, p.125.

[6] P. Léon Wieger S.J, Histoire des croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine, p. 221.

[7] L'ideal de l'humanité reallisé dans la personne du Saint la perfection absolue qui est son partage est bien ce qui signifie le terme 誠. Rémusat l'a rendu par «la perfection et la perfection morale»; le P. Intorcetta par «Vera solidaque perfectio» – Legge le traduit par «Sincerity, simplicity or singleness of Soul» the disposition to the capacity of what is good without any deteriorating element, with no defect of intelligence, or intromission of selfish thoughts. Ces derniers mots décrivent très bien les effets de 誠 signalés par Tchou Hi. 德 無 不 實 而 明 無 不 照 者 聖 人 之 德 所 性 而 有 者 天 道 也. Mais ils expriment pas assez clairement ce qu'il est en soi. Tchou Hi en donne cette définition: 誠 者 真 實 無 妄 謂. Cet état de conformité est le propre du saint. (Stanislas le Gall, Le Philosophe Tchou Hi, p.64 et ss)

[8] Tựa Trung Dung.

[9] Vị phát giả, Thái cực, chi tĩnh, dĩ phát giả Thái cực chi động 未 發 者 太 極 之 靜 已 發 者 太 極 之 動 (Chu Hi đáp Lã Tử Ước. Stanislas le Gall, Le Philosophe Tchou Hi, p.116.)

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 8
KHAI THÁC TRUNG DUNG

Bây giờ đọc Trung Dung ta sẽ thấy nó rất hay rất rõ. Nó hay nó rõ, vì ta đã san bằng được mọi khó khăn về từ ngữ, ta đã gỡ được mối tơ vò tính mệnh, và nhất là ta đã nắm được chìa khóa Trung Dung của hai vua Nghiêu, Thuấn:

«Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,
Lòng con người điên đảo ngả nghiêng.
Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,
Ra công ra sức giữ nguyên lòng Trời.»

Chu Hi đề tựa Trung Dung như sau:

«Trung ấy là không nghiêng, không ngửa,
Dung ấy là muôn thuở y nguyên.
Trung là đạo chính mọi niềm,
Dung kia là lý hiển nhiên mọi đời.
Tâm pháp này truyền nơi cửa Khổng,
Ông Tử Tư sợ chóng sai ngoa,
Bút thần tay thảo thiên hoa,
Muôn vàn truyền lại Mạnh Kha sách này.
Sách mới thoạt trình bày một lẽ,
Sau dần dần mới tỏe thành muôn,
Cuối cùng thu lại một nguồn.
Tung ra tản mạn khắp muôn phương Trời,
Thu cuốn lại dấu nơi ẩn áo,
Hay sao, hay kỳ ảo khôn cùng.
Đó là thực học chính tông,
Ai say tìm hiểu sẽ thông ý màu.
Thông ý màu rồi sau ứng dụng,
Dùng cả đời cũng chẳng hề vơi.»

Chu Hi đã cho ta thấy đại ý Trung Dung: «Thể duy nhất, dụng vẹn thù». Căn nguyên chỉ một mà tác dụng hiệu quả muôn vàn.

Đồng thời Chu Hi cũng đã gợi cho biết Trung Dung là một triết học cao siêu, một phương pháp lý luận rất có mạch lạc. Ta có thể nói:

Thoạt tiên, Trung Dung dùng phương pháp diễn dịch như Descartes: Từ một duyên do căn bản suy ra ngàn vạn sự, ngàn muôn kết quả.[1] Trong phần thứ hai của sách, có thể nói được là Tử Tư dùng phương pháp qui nạp như Bacon, đi từ những kết quả tạp thù vô số kể mà trở lại nguyên nhân cũ. Nguyên nhân và kết quả đều gồm trong hai chữ Trời và Thành.[2]

Trời phát quang huy, chiếu ảnh tượng người vào đáy lòng nhân loại.[3] ảnh tượng ấy vừa là thực thể cho tâm hồn dựa nương, vừa là tính mệnh (vie) vừa là mệnh lệnh (ordre, loi), cũng vừa là đạo (voie). Ảnh tượng Trời đó hoàn thiện và quang minh tuyệt đối. Trung Dung đã khéo mô tả bằng hai chữ «thành, minh».[4]

Trong chương đầu Trung Dung, Tử Tư đã xác định căn bản tâm hồn con người; đồng thời dạy luôn cả đạo làm người:

«Bản tính cũng chính là thiên mệnh
Đạo là noi theo tính bản nhiên.
Giáo là cách giữ đạo nên.
Đạo Trời giây phút vẫn liền với ta.
Rời ta được đâu là đạo nữa.
Thế cho nên quân tử giữ gìn,
E dè cái mắt không nhìn,
Tai nghe không nổi cho nên hãi hùng.
Càng ẩn áo lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi càng tỏ sáng nhiều,
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng xiêu lòng vàng...» [5]

Trời xa, nhưng quyền phép ngài siêu việt, vẫn soi sáng tâm khảm của trần gian. Trời tuy xa nhưng vẫn giáng lâm, vẫn tại diện tiền không giây phút nào ngơi. Đó là niềm tin tưởng then chốt cốt cán của Đạo Nho, và của các thánh hiền Trung Hoa qua các thời đại. Tác giả Trung Dung nhắc tới lòng tin tưởng đó ở đầu, giữa, và cuối sách Trung Dung. Cả chương 16 của Trung Dung viện dẫn sự tin tưởng của muôn dân về thần quyền để minh chứng sự giáng lâm của Thượng đế.

Trung Dung viết:

«Quyền phép thần linh oai hùng khôn xiết,
Nhìn chẳng ra, nghe cũng chẳng thấy gì,
Nhưng vẫn lồng vào vạn vật chẳng phân ly,
Khiến chay tịnh tâm hồn, những chành áo xống,
Mời cho làm những việc tâm thành thờ phụng,
Man mác lẽ, như phảng phất ở trên,

Linh lung, như mường tường ở hai bên.

Thần giáng lâm lúc nào ta đâu có biết,

Cớ sao ta dám bơ thờ khinh miệt?

Thật siêu vi nhưng vẫn hiển hình,

Thật hoàn hảo, không giấu nổi oai linh.» [6]

Tác giả Trung Dung khuyên ta nên theo phương pháp loại suy (raisonnement par analogie) mà tìm ra căn bản tâm hồn ta, tìm cho ra đạo làm người, để cho nhân tâm hết ngả nghiêng, cho đạo tâm siêu vi được tận hiển dương, tiến tới thế trung hòa muôn thuở.

«Khi chưa phát vui, thương, mừng, giận,

Gọi là trung vì chẳng ngả nghiêng.

Phát ra đúng tiết, hợp duyên,

Ấy là hòa tấu ấm êm nhạc Trời.

Trung ấy chính muôn đời căn bản,

Hòa kia là đạo quán thiên thu,

Ước gì đạt thế trung hòa,

Ấm êm Trời đất, nhởn nhơ muôn loài.» [7]

Chu Hi bình giảng thêm:

«Nguồn đạo ấy phát từ Thượng đế.

Chẳng đổi thay, chẳng thể biến rời,

Hoàn toàn sẵn có nơi người,

Một giây một phút chẳng rời khỏi ta.» [8]

Và khuyên:

«Quay vào ta mà tìm đạo ấy

Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai.

Dẹp tan cám dỗ bên ngoài,

Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung.» [9]

Một khi con người được giác ngộ, tin có Trời ngự trị trong tâm khảm mình, chứng giám những điều ẩn áo nơi đáy lòng mình, và lo hoàn thiện mình để tiến tới sự phối hợp giữa tâm và tính, nhân tâm và đạo tâm, khi ấy con người sẽ trở thành quân tử.

Đức Khổng nói:

«Người quân tử Trung Dung một đạo,

Kẻ tiểu nhân trở tráo Trung Dung.

Trung Dung quân tử thời thường

Phản Trung Dung ấy là phường tiểu nhân,

Tiểu nhân chẳng thẹn, chẳng cần,

Chẳng còn sợ hãi, lần khân tháng ngày.» [10]

Mục đích của đạo Trung Dung là phối hợp thiên ý với nhân tâm, tính với tình, nhân tâm và đạo tâm, cho nên là một đạo rất cao diệu. Đức Khổng nói:

«Đạo Trung Dung cao siêu, toàn mỹ,

Theo Trung Dung hồ dễ mấy ai.» [11]

Theo đạo Trung Dung rất khó, khó vì nhiều lý do. Đức Khổng nói:

«Ta biết đạo Trung Dung thi hành khó,

Người sắc sảo, quá trớn đi đã lỡ,

Kẻ ngu đần, chậm chạp khó khuôn theo.

Ta biết đời chẳng hiểu đạo cao siêu:

Người hiền đức ỷ mình không suy xét,

Kẻ bất lương trông vào thì mù mịt.

Uống ăn kia ai cũng lấy làm thường,

Nhưng mấy ai sành mùi vị tinh tươm?» [12]

Mục đích Trung Dung là phát triển cho đến cực độ mầm mống hoàn thiện sẵn có nơi đáy lòng mình, theo thiên tính thiên lý sẵn có nơi mình mà phát huy ra ba đại đức, ba nguồn sáng tinh thần:

Trí - nhân - dũng

Trí là khôn ngoan. Khôn ngoan như vua Thuấn, biết Trời, biết Người, biết thăm dò xét hỏi, biết «ẩn ác dương thiện». Trí để phục vụ đạo lý, chứ không phải trí xảo của người đời.[13]

Đức Khổng nói:

«Ai cũng nói ta đây tài giỏi,

Trên đường đời rong ruổi ngược xuôi;

Sa vào cạm bẫy người đời,

Sa hầm, sụp hố, thoát thôi dễ nào.

Ai cũng ỷ tài cao, biết rộng,

Theo Trung Dung chẳng đặng tháng Trời.» [14]

Nhân là nhân đức nội tâm. Nhân như Nhan Hồi luôn lo lắng làm điều thiện, cho gương lòng vằng vặc sáng lên như đèn Trời, chứ không phải nhân đức lộ liễu bên ngoài của thế nhân. Những người có tài cán gan góc, vị tất đã là những người nhân đức, vị tất đã theo nổi đạo Trung Dung.

«Người có thể trị yên thiên hạ,

Người có gan từ bả vinh hoa,

Gươm trần người dám bước qua,

Trung Dung đạo ấy khó mà người theo.» [15]

Dũng không phải là cái dũng vũ phu, mà chính là cái dũng tinh thần của người quân tử, là cái dũng của bậc đạo hạnh: nếu «Xét thấy lương tâm mình ngay thẳng, thì dầu đối với hàng ngàn muôn người vẫn

đi qua một cách an nhiên.» [16]

Luôn êm đềm, khoan dung mà chỉ giáo,
Người vô đạo ta không màng ác báo.
Đó là hùng dũng kiểu Nam phương,
Đó là lối đường người quân tử.
Thích đao binh, mình kè kè giáp trụ,
Chốn sa trường chết bỏ cũng không sao,
Ấy hùng dũng Bắc, của chiến sĩ hùng hào.
Người quân tử ôn hòa, không phụ họa,
Hùng dũng thay, ôi hùng cường cao cả.
Theo Trung Dung một dạ, chẳng ngả nghiêng,
Ôi, hùng dũng kẻ sao xiết ngang nhiên.
Nước có đạo lòng trung kiên chẳng đổi,
Hàn vi hay hiển đạt vẫn không thay đường lối.
Hùng dũng thay, kẻ sao xiết oai hùng.
Lúc nước nhà vô đạo lao lung,
Dẫu muôn thác cũng không rời đạo cả,
Hùng dũng thay, ôi hùng cường khôn tả.» [17]

Ba đức «nhân, trí, dũng» đó đều mầm mống trong đáy lòng mọi người; chân lý muôn trùng hằng ẩn áo trong tâm khảm mọi người. Thánh hiền là những người có công khuếch sung trí nhân dũng cho tới mức cao siêu, tuyệt diệu. Vì thế đạo Trung Dung như hạt sồi của Lamartine,[18] lúc nhỏ chưa sinh sôi nảy nở thì rất tầm thường, nhưng khi đã triển dương tới mức độ lớn lao, thì trở nên thiệt uy nghi, cao đại.

Theo Trung Dung đạo Trời có hai đầu: Một đầu thì ẩn ảo huyền vi, tiềm ẩn ở tít tận đáy lòng, còn một đầu thì mênh mông bát ngát. lúc sơ phát thì ẩn áo siêu vi, nhưng lúc đạt đạo tới chỗ chí cùng, chí cực, thì vĩ đại.

«Đạo người quân tử mênh mông,
Đồng thời ẩn áo, mông lung khó dò.» [19]

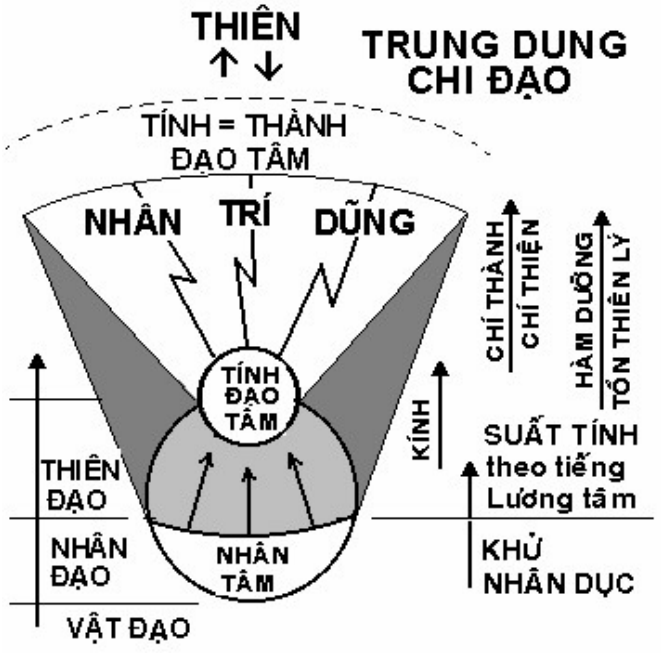

HÌNH 17: Thiên đạo, Nhân đạo, Vật đạo

Tác giả Trung Dung viện dẫn Kinh Thi để làm nổi bật những nét mênh mang và ẩn áo đó:

«Diều tung cánh sát từng mây biếc,

Cá dương vây lặn miết đáy sâu.» [20]

Rồi tác giả khuyên ta nên tung tầm mắt mà quan sát vạn vật đất Trời để tìm cho ra đại đạo. Quan sát đất Trời ta thấy gì? Ta sẽ thấy:

«Ngoài nội chim kia còn chấp cánh,

Trên lương yến nọ chẳng lìa đôi

Từng mây kết ngãi lưng Trời...» [21]

Đôi chim ríu rít, đôi người chắt chiu.

Đầu Kinh Thi, ta đọc thấy:

«Quan quan thư cưu, tại Hà chi châu,

Yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu.» [22]

Trung Dung viết:

«Đạo quân tử từ nguồn phu phụ,

Tung mãi ra trùm cả đất Trời.» [23]

Đạo phu thê là đạo phu xướng phụ tùy, để đi đến chỗ sắc cầm hòa hợp. Còn Trời đất thì lúc nào cũng quấn quít lấy nhau, hưởng ứng nhau. Trời che, đất chở, Trời sinh, đất dưỡng. Đầu đất là chân Trời. Vòng càn khôn lúc nào cũng hiện ra nơi nhãn giới. Suy ra, thì trong đạo làm người, tâm phải thuận theo tính, tâm phải biết phục mệnh. Nếu tâm theo tính, nếu nhân tâm phục tòng thiên mệnh, thì tức là theo đúng đạo xướng tùy, hòa hợp của đất Trời. Thế là Âm theo Dương, bóng tối nhường gót cho ánh sáng, sự chết nhường chỗ cho sự sống. Thế là Dương sinh, Âm dưỡng, Dương sinh, Âm trưởng. Tâm hồn sẽ tài bồi cho mầm tính nở tung muôn hoa đức hạnh, tâm hồn sẽ phả quang huy của vừng dương thiên tính, sẽ biến hóa theo đúng Đạo Trời.[24]

Khi đạt đạo, mảnh trăng lòng sẽ thoát ly hết mọi mây mù dục vọng, sẽ viên mãn, như vầng nguyệt hôm rằm, tung hết mọi làn ánh sáng đã thụ hưởng được của vừng dương thiên lý. Thế là Âm Dương phối hợp trong thế trung hòa của Thái cực. Thế là «nhật nguyệt đồng minh» thành chữ Dịch muôn đời.[25]

Vậy muốn hiểu đạo Trung Dung, phải hiểu chỗ thấp, chỗ cao, chỗ gần, chỗ xa. Chỗ đắc đạo, đạt đạo là Trung Dung, Trung đạo «dữ Thiên đồng đức», chí thành, chí thiện. Chỗ đạt đạo thì bao trùm hết không gian, thời gian, rực rỡ ngàn trùng.

Chỗ khởi điểm chỉ là một tàn lửa thiên lý, thiên chân, thiên mệnh, ẩn áo nơi đáy lòng. Chỗ đạt đạo thì chỉ bậc chí thánh mới vươn lên tới, nhưng con người đạo lý mở rộng chờ đón mọi người, và thực ra khởi điểm của nó cũng dung dị tầm thường, dầu ngu phu, ngu phụ cũng vẫn hay biết và có thể thi hành được như thường.[26]

Quan điểm Trung Dung phù hợp với Đạo Đức Kinh của Lão Tử:

«Muốn làm những việc khó khăn.
Phải từ chuyện dễ đi lần mới xong.
Muốn làm những việc kỳ công,
Phải từ việc nhỏ mới mong hoàn thành.» [27]

Vậy thì đạo Trời tuy rất khó, nhưng chính ra rất giản dị. Chúng ta chỉ việc làm những công việc thông thường hằng ngày, không cần lập dị, «sách ẩn hành quái».[28] Đối với mọi người thì nên khoan dung, độ lượng, mà uốn nắn cho qui hướng về đường thiện mỹ:

«Người quân tử khi lo giáo hóa,
Sửa trị người sẵn có khuôn người.
Thấy người giác ngộ thì thôi,
Đã chiều cải hóa, liệu bài ta ngưng.» [29]

Còn đối với mình, thì lúc nào cũng cúc cung tận tụy thi hành phận sự, coi người như mình; đối với ai cũng cố vẹn tình, vẹn nghĩa, hết lòng, hết dạ:

«Đối với người hết lòng, hết dạ,
Coi mọi người cũng cả như mình.
Thế là sắp tới tinh thành.
Việc mình thoái thác chớ dành cho ai...» [30]
Tìm bí ẩn làm điều quái dị.
Cốt mong cho hậu thế người khen
Xá chi chuyện ấy nhỏ nhen,
Đã là quân tử chẳng thèm quan tâm.»

Muốn thành người quân tử, chúng ta phải:

«Tu đức hạnh, hành vi thường nhật,
Nói năng luôn đúng mực căn cơ.
Hành vi khiếm khuyết nên lo,

Nói năng thái hóa, liệu mà bớt đi.

Lời nói với hành vi phù hợp;

Nói làm sao, làm khớp như in;

Lòng người quân tử triền miên,

Thấp tha, thấp thỏm, mới nên công trình...» [31]

Nếu thời thường, lo hàm dưỡng tính tình, trau dồi óc chất như vậy, thì trí, nhân, dũng sẽ như ngọn lửa, ngày một lan cháy rực Trời, như nguồn lai láng, tràn ngập năm hồ bốn biển.[32]

Ngu phu, ngu phụ nếu ra công tu tâm, dưỡng tính cũng có thể nên người quân tử, nên gương cho nhân loại soi chung; nếu người quân tử biết tu thân, hàm dưỡng khuếch sung tính tình thì có thể nên những trang hiền thánh, chẳng kém gì Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ, Chu công.

«Đạo quân tử như in lữ thứ

Muốn đi xa phải tự chỗ gần.

Đạo người như cuộc đăng san,

Muốn lên tới đỉnh, đầu đàng là chân.» [33]

Chân là ngu phu, ngu phụ, mà đỉnh thì là đại thánh, đại hiền. ở gần là chuyện làm cho gia đình ấm êm, hòa hợp. Ở xa tít tắp là chuyện quốc chính, cai trị muôn phương, lo sao cho mọi người được sống những ngày thanh bình, tươi đẹp. Thấp là những chuyện tình ái thông thường giữa những vợ chồng, mà cao là nền luân lý phổ quát, bao gồm hết cương thường. Cao hơn nữa là đạo thánh hiền, «dữ Thiên đồng đức», vượt tầm không gian, thời gian, trường tồn cùng với càn khôn, vũ trụ.

Khởi điểm ở ngay thâm tâm, khởi điểm là chữ kính, chữ sợ:

«E dè cái mắt không nhìn,

Tai nghe không nổi cho nên hãi hùng.» [34]

Cùng đích, mục phiêu sẽ là chỗ chí thành, chí thiện, treo gương cho khắp thế soi chung...

Nhờ sự tu thân tích đức, tâm hồn người hiền thánh rạng tỏ dần, và khi long vân gặp hội, khi đức cả đã cảm ứng được đất Trời, sẽ đạt tới địa vị cao sang tuyệt phẩm. Vì thế giữa sách, Trung Dung đề cập tới sự cao cả, vinh quang của các đấng đại thánh, đại hiền:

Trung Dung viết:

«Vua Thuấn là người trọn niềm hiếu thảo,

Đức sánh thánh hiền, vị cao sang ngôi báu;

Giàu vô biên, giàu bốn bể gồm thâu,

Tổ tiên nơi tôn miếu được cao dao,

Con con, cháu cháu đều nương vào tiếng cả.

Đức đã lớn, địa vị đâu có khó,

Bổng lộc theo, danh giá cũng chạy theo.

Sống lâu dài, tuổi thọ lại thêm nhiều.

Vì xưa nay Trời sinh ra muôn vật,

Đều chăm nom, vun sới tùy tài, tùy chất;

Đã tốt tươi chăm bẫm tốt tươi thêm,

Đã nghiêng ngả, phạt quang cho hết ngả nghiêng.» [35]

Luật Trời đất là như vậy: Đã tốt tươi, tài bồi cho thêm tươi tốt, đã tàn tạ thì sẽ bị vứt bỏ đi... Xưa nay bất kỳ ai đã vượt được thang tiến hóa lên tới mức đại trí, đại đức đều được kính tôn trọng vọng. Trung Dung cũng hết lời tán tụng Văn vương, Võ vương... Trời đã cho các bậc đại trí, đại hiền, đại đức đó ra đời, để làm vinh danh Thượng đế, để làm ích lợi cho chúng dân, và cũng là để treo gương sáng cho đời soi... Bổn phận hậu sinh là phải noi gương tiền bối như vậy mới thật là hiếu thảo...

Trung Dung cho rằng hiếu thảo sáng suốt là biết noi theo đường lối sự nghiệp của cha ông. Người xưa lập ra những cuộc tế tự nơi tông miếu cốt là để thắt lại mối giây liên lạc họ hàng giữa các người còn sống, xác định lại tôn ti, trật tự, kẻ hèn, người sang trong gia tộc, tỏ tình thân ái với họ hàng, và cũng là để hun đúc lại khí thiêng truyền thống, tâm niệm bước theo lối đường của tổ tông xưa:

«Nghiệp xưa tôn tỏ mọi điều,

con người hiếu thảo y chiếu khuếch trương,

Xuân thu tới, sửa sang miếu mạo,

Bao đồ thờ xiêm áo bày ra,

Mùa nào thức ấy hương hoa,

Nhờ kỳ lễ tổ, nhận ra họ hàng.

Theo chức tước, biết sang, biết khó,

Theo phân công, tổ rõ hiền, ngu.

Rồi ra chén tạc, chén thù,

Dưới trên chuốc chén, nhỏ to đãi đằng,

Khi yến ẩm, mới phân già, trẻ,

Theo tóc răng, định lẽ dưới, trên.

Ngôi xưa, nối gót bước lên,

Lễ xưa tôn tổ, giữ nguyên chẳng rời.

Nhạc cha ông, không thôi hòa tấu,

Ngài yêu gì, ta cũng dấu, tôn.

Trước sau, mất cũng như còn,

Dẫu là sống thác, chẳng mòn tình thâm.

Lòng hiếu thuận, không phân sống chết,

Thế mới là trọn hết đạo con...» [36]

Chí tổ tiên xưa là thờ Trời, kính sợ mệnh Trời, cho nên muốn trọn niềm hiếu thảo, tất nhiên cũng phải tin kính Trời. Trung Dung phân biệt rõ ràng: Thờ Trời và kính nhớ tổ tiên.[37] Muốn hiếu kính tổ tông phải biết thờ Trời:

Kinh Thi viết:

«Muốn nhớ tới tổ tông khi trước,

Hãy gắng công tích đức tu nhân,

Mệnh Trời phối hiệp vào thân,

Muôn ngàn phước lộc xa gần chiêu lai.

Thuở triều Ân còn thời thịnh trị,

Đã từng cùng Thượng đế tất giao,

Gương triều Ân hãy soi vào,

Mệnh Trời cao cả lẽ nào dễ đâu.» [38]

Hiếu kinh cũng cho rằng hiếu thảo chân chính là lập thân giữ đạo, lưu danh hậu thế...[39] Thế mới đúng là «sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn». kính nhớ tổ tiên thực ra khôn phải là xì xụp van vái. Như vậy Tử Tư muốn dùng lòng hiếu kính tổ tiên để lưu truyền đạo Trời mãi mãi...

Từ thiên «Ai công vấn chính» về sau, Trung Dung bắt đầu dùng phương pháp quy nạp. Trung Dung chủ trương rằng muốn cầm đầu giang sơn, sửa đổi giường mối chính trị vẫn không qua được lòng người, không qua được điều nhân nghĩa, không qua được vấn đề tu thân, không qua được Trời.

«Biết người, trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao.» [40]

Trời là căn để cho một nền chính trị hoàn hảo. Sự hoàn thiện vẫn là căn bản cho mọi động tác nhân loại. Tung tầm mắt ra khắp muôn phương, ta thấy ngũ luân là năm bổn phận cao cả nhất. Nhưng ngũ luân vẫn phải dựa vào ba đức là: Trí, Nhân, Dũng. Trí, Nhân, Dũng truy tới căn nguyên lại chính là biểu dương của chữ Thành, của sự toàn thiện muôn thuở.[41]

Ai Công hỏi về chính trị, Khổng Tử trả lời:

«Phép chính trị vua Văn, vua Võ,

Nay hãy còn ghi ở sử xanh.

Người ngoan, chính trị thịnh hành,

Con người gian ác, tan tành quốc gia.

Người tài đức phun hoa chính trị,

Như đất mầu, trổ rễ cỏ cây.

Chính quyền lau lách, dắt dây,

Cầm quyền hành chính dở hay tại người.

Nếu muốn được nhân tài giúp sức

Mình cố sao tài đức hơn người.

Tu thân lấy đạo tài bồi,

Đạo tu trước phải rạng ngời đức nhân.

Người chân chính là nhân là ái,

Yêu từ nhà yêu mãi ra xa,

Nghĩa là mọi vẻ tinh hoa,

Muốn dân trọng nghĩa, trước ta tôn hiền.

Phân thân sơ, biết hay hèn,

Trọng nhân, trọng nghĩa, xây nền lễ nghi.» [42]

Như vậy, rút lại, ta phải để tâm khuếch sung Nhân, Trí, Dũng, cố gắng tiến tới chỗ chí thành, chí thiện. Ánh sáng Trời cao cả, sự hoàn thiện thiên nhiên nơi đáy lòng ta đó, có khi sinh ra đã biết, có khi nhờ học hỏi mới biết, có khi vì lao lung, cùng khốn mới biết, nhưng đã biết thì cũng chỉ là một như nhau. Có khi tự nhiên ta muốn trở nên hoàn thiện, có khi vì lợi lộc mà ta cố trở nên hoàn thiện, có khi vì bắt buộc mà ta trở nên hoàn thiện, nhưng kết quả trước sau vẫn là một.[43]

Muốn tiến tới hoàn thiện, điều kiện thiết yếu là phải biết gắng gỗi công trình.

«Muốn thông thái không ngoài học vấn,

Muốn tu thân phải gắng công lao,

Muốn nên hùng dũng anh hào,

Hai câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm.» [44]

Then chốt vạn sự, chung quy vẫn chỉ là một chữ Thành. Dẫu đứng đầu trăm họ, thống lãnh giang sơn, cũng vẫn phải lấy sự tu thân, sự cải thiện mình làm gốc. Bất kỳ quốc sách chân chính nào cũng phải xây trên căn bản toàn thiện.[45]

Tóm lại, con người sinh ra ở đời cốt để trở nên hoàn thiện:

«Hoàn toàn là đạo của Trời,

Trở nên hoàn thiện đạo người xưa nay.» [46]

Những bậc đại thánh trong thiên hạ tự nhiên có một đời sống thánh thiện, hành vi tự nhiên hoàn hảo, ý nghĩ tự nhiên sáng suốt. Còn những người phàm tục như chúng ta phải cố công cố sức đêm ngày mới mong trở nên hoàn thiện được.

Trung Dung viết:

«Còn những kẻ cố công nên thánh

Gặp điều lành phải mạnh tay co,

Ra công học hỏi thăm dò,

Học cho uyên bác, học cho tận tường.

Đắn đo suy nghĩ kỹ càng,

Biện minh thấu triệt, mới mang thi hành.

Đã định học, chưa thành chưa bỏ;

Đã hỏi han, chưa tỏ chưa thôi.

Đã suy, suy hết khúc nôi,

Chưa ra manh mối, chưa rời xét suy,

Biện luận mãi tới khi vỡ lẽ,

Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua.

Đã làm, làm tới tinh hoa,

Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.

Người một chuyến thâu toàn thắng lợi,

Ta tốn công dở dói trăm khoanh.

Người làm mười bận đã thành,

Ta làm nghìn thứ ta ganh với người.

Đường lối ấy nếu ai theo được,

Dẫu u mê sau trước sẽ thông.

Dẫu rằng mềm yếu như không,

Sớm chày cũng sẽ ra lòng sắt son.» [47]

Nếu cố gắng, con người sẽ cải thiện hoàn toàn được mình, đó là luật tiến hóa của Trời đất: muôn vật đều tiến từ thô sơ tới tinh vi, từ mầm mống tới trưởng thành, từ hỗn độn tới quy mô tổ chức, từ tối tăm đến sáng láng. Như vậy con người cũng phải khuếch sung, tài bồi mầm mống đức hạnh nơi đáy lòng mình để tiến tới chỗ tinh vi cao diệu.

«Đạo trời đất một câu tóm hết,

Làm muôn loài nhất thiết một khuôn,

Nhưng mà sinh hóa khôn lường

Đất trời đường lối mênh mang rộng dày.

Cao minh trong sáng xưa nay,

Xa gần vĩnh cửu, đó đây khôn lường.

Kìa như trời vài nguồn sáng sáng,

Nhưng tới khi tản mạn vô cùng,

Lửng lơ nhật nguyệt hai vừng,

Muôn vàn tinh tú tưng bừng treo trên.

Trời còn che chở mọi miền.

Kìa như đất vài thưng bụi cát,

Nhưng một khi bát ngát rộng dày,

Hoa sơn nó chở như bay,

Muôn vàn sông biển hút ngay vào lòng.

Đất còn chở hết non sông.

Kìa núi non đá chồng mấy tảng,

Nhưng một khi khoáng đãng vươn cao,

Cỏ cây muôn khóm chen nhau,

Muông chim cầm thú nương vào ở ăn.

Núi còn biết mấy kho tàng.

kìa sông nước mấy ang, mấy gáo,

Nhưng một khi biến ảo mênh mông.

Sấu, rùa, cá, giải, giao long,

Sinh sinh, hóa hóa, vẫy vùng triền miên

Nước còn biết mấy nguồn tiền,

Biết bao hóa phẩm còn chìm bể sâu.

Việc Trời gẫm xiết bao huyền ảo,

Thực sâu xa, ẩn áo không cùng,

Thực là đáng mặt Hóa công.» [48]

Như vậy luật tạo hóa là muốn cho mọi người cải thiện, tiến hóa không ngừng. Như vậy con người phải cố gắng, tiến bước mãi trên con đường hoàn thiện, không lúc nào được dừng chân hay lui gót.

Khi đạt tới mức độ hoàn thiện, sẽ đạt đạo Trung Dung «dữ Thiên đồng đức», sẽ cùng Trời đất vững bền muôn thuở.

«Bậc chí thánh không hề ngơi nghỉ,

Không nghỉ ngơi nên sẽ vững bền.

Vững bền muôn vẻ trưng lên,

Trưng lên vang dội khắp miền gần xa.

Khắp gần xa ắt là dày rộng,

Đã rộng dày thời cũng cao minh.

Rộng dày để chở chúng sinh,

Cao minh che khắp sinh linh xa gần.

Trường cửu để tác thành muôn vật,

Rộng dày nên cùng đất sánh duyên.

Cao minh kết ngãi thanh thiên,

Vô biên, vô tận triền miên khôn cùng.

Được như vậy không trưng vẫn tỏ,

Tuy ở yên, biến hóa khôn lường,

Không làm mà vẫn thành công...» [49]

Khi đạt tới giai đoạn «Thiên nhân nhất quán», giai đoạn huyền đồng, thánh nhân sẽ được phối hợp với Trời, thông phần vinh hiển cao diệu của Trời.

Trung Dung viết:

«Chỉ có đấng chí thánh trong trần thế,

Mới có đầy đủ thông minh trí tuệ,

Y như thể có Trời ẩn áo giáng lâm,

Mới khoan dung, hòa nhã, ôn thuần,

Y như có dung nhan Trời phất phưởng;
Phấn phát tự cường, kiên cương, hùng dũng,
Y như là đã cầm giữ được sức thiêng.
Trang trọng khiết tinh, trung chính, triền miên,
Y như thừa hưởng được đôi phần kính cẩn,
Nói năng văn vẻ, rõ ràng, tường tận,
Y như là chia được phần thông suốt tinh vi.
Mênh mang sâu thẳm, ứng hiện phải thì,
Mênh mang như khung Trời bao la, vô hạn,
Sâu thẳm như vực muôn trùng thăm thẳm...» [50]

Bậc chí thánh đó sẽ vì đời sang sửa đại kinh:

«Chỉ những đấng chí thánh trong thiên hạ,
Mới có thể vì đời sang sửa đại kinh.
Mới có thể xây căn bản cho xã hội quần sinh,
Mới thấu rõ luật đất Trời sinh hóa...» [51]

Các ngài sẽ tiên tri, tiên đoán, biết trước những công cuộc hưng vong, suy thịnh của quốc gia...[52]

Đạo Trung Dung lúc đạt tới cùng cực, thực là mênh mông, bát ngát:

«Đạo thánh nhân to sao, to lớn quá,
Nó mênh mang, biến hóa chúng nhân.
Nó cao, cao vút tới Trời thẳm muôn tầm;
Nó rộng, rộng bát ngát khôn kể xiết.
Gồm thâu mọi điều lễ nghi, chi tiết.
Bao uy nghi quán triệt hết chẳng trừ.
Đợi thánh nhân, Trời mới phú thác cho,
Không đức cả, Trời không ngưng đạo cả.» [53]

Đạo đó, con đường hoàn thiện đó là con đường cho quân tử noi theo:

«Nên quân tử dốc một lòng, một dạ,
Trọng kính Trời, quyết gắn bó học hành.
Tiến sao cho tới mức rộng rãi, tinh anh,
Mức cao sáng của Trung Dung đạo cả,
Ôn điều cũ, học thêm điều mới lạ,
Chuộng lễ nghĩa, sống đời sống nết na.
Ở ngôi cao, không có thói kiêu xa,
Ở cấp dưới, không làm điều trái nghịch,

Nước có đạo, chỉ một nhời làm tiến ích,

Nước đảo điên, lặng lẽ đủ dung thân...» [54]

Đạo thiên nhiên đó, đã được đức Khổng, nương theo các vua Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ, đem truyền dạy và phổ biến cho đời:

«Đức Khổng nối tiếp đạo Thuấn, Nghiêu,

Làm sáng tỏ lối đường Văn, Võ.» [55]

Tóm lại đạo quân tử mới đầu ngỡ tầm thường, giản dị, nhưng dần dần mới thấy nó thật chứa chan ý vị, đầy vẻ đẹp tươi, và mênh mông, bát ngát. Nó khởi điểm từ chỗ biết kính sợ e dè, dẫu ở một mình nơi thanh vắng cũng chẳng dám làm điều gì đáng để hổ ngươi, để tiến tới chỗ «dữ Thiên đồng đức» chỗ hoàn hảo tuyệt vời. Đó là đại ý đoạn kết sách Trung Dung:

«Thơ rằng:

Gấm mặc trong, ngoài phủ áo sa,

Là vì ngại gấm đầy hoa lòe loẹt,

Nên đạo quân tử ám nhiên ẩn ước,

Sau dần dà mới sáng rực mãi lên;

Đạo tiểu nhân mới ngó ngỡ là đèn,

Nhưng càng ngày càng tối đen, tối xẫm.

Đạo quân tử đạm thanh, không ngán ngẩm,

Đơn sơ nhưng chan chứa vẻ đẹp tươi;

Thuần phác nhưng lý sự chẳng kém ai.

Biết xa gần, biết nguyên lai bản mạt

Biết lẽ vi hiển, vừa rỡ ràng, vừa e ấp,

Là có thể bước vào nẻo đức đường nhân.

Thơ rằng:

Cá tuy lặn sâu thẳm mấy tầm,

Nhưng bóng dáng vẫn rõ ràng, hiển hiện.

Nên quân tử lo xét mình cho chín,

Đừng cho tội khiên làm u ám thâm tâm.

Người quân tử vượt trổi quá chúng nhân,

Chính ở chỗ mọi người trông chẳng đặng.

Thơ rằng:

Chái tây bắc một mình thanh vắng,

Cũng đừng làm chi đáng để hổ ngươi.

Nên quân tử không làm vẫn thu phục lòng người,

Chẳng nói năng, nhưng ai nấy đều tin tưởng.

Thần thánh giáng lâm, không một lời động dạng,

Nhưng mọi người tuyệt nhiên hết tranh giành.

Nên quân tử không thưởng, mà dân vẫn đua tranh,

Không giận dữ, mà người sợ hơn oai rìu búa.

Thơ rằng:

Văn Vương chẳng phô trương đức độ,

Nhưng chư hầu đâu đấy vẫn khuôn theo.

Người quân tử nếu dốc một dạ kính yêu,

Đạt đức cả, thiên hạ lẽ tất nhiên thịnh trị,

Thơ rằng:

Ta muốn đức rạng ngời, sáng tỏ,

Không cần chi lớn tiếng hay làm bộ ra oai.

Đức Khổng nói dùng miệng lưỡi, hay kiểu cách bên ngoài,

Cảm hóa dân, lối ấy rất nên thô thiển.

Thơ rằng:

Đức nhẹ như lông;

Lông còn có bề hơn kém,

Đức Trời cao, siêu việt chẳng tăm hơi,

Thực là hoàn hảo tuyệt vời.» [56]

Chu Hi bàn thêm:

«Tử Tư trên kia vừa nói tới điều chí cực,

Nay quay về nói lại chủ chốt căn nguyên.

Nhắc ta tu thân căn cốt ở kính tin.

Dẫu chiếc bóng cũng không làm điều tà khuất.

Suy rộng ra nếu ai cũng dốc một lòng chính trực,

Thì thiên hạ lo chi chẳng an bình.

Khen nhân đức khi đạt mức huyền linh,

Sẽ bát ngát, vô thanh và vô xú.

Một lời lẽ gồm biết bao tự sự,

Lòng thiết tha khẩn khoản muốn dạy người.

Bao ý tình thắm thiết biết mấy mươi,

Học giả ta lẽ nào không hết lòng hết sức.» [57]

CHÚ THÍCH

[1] Descartes tự phụ có thể dùng phương pháp lý luận tiên thiên (a priori) mà chứng giải được trong Trời đất có

một Đấng tuyệt đích có tính cách đặc biệt. Ông lại tự phụ nhân đó suy diễn được các phép tắc cốt yếu của các sức vận động trong vũ trụ, lại nhân các phép tắc ấy cũng giả thuyết ra mấy cái ức thuyết nữa mà có thể lý hội được cả vũ trụ... (Nam Phong số 119, tr.24: Triết học Âu châu ngày nay, Thượng Chi biên tập).

[2] Bacon cho là muốn biết mọi sự xảy ra phải bắt đầu quan sát đã. Tuy nhiên, hợp một mớ những sự vật đã quan sát lại chưa gọi là một khoa học được, nhà khảo cứu nghĩ ra một cái luật chung hay là một lý thuyết gì; nhưng cái luật hay cái thuyết nghĩ ra đó lại phải chứng nghiệm hẳn hoi xem có đích thực không, khi ấy mới gọi được là khoa học chân chính. (Nam Phong, số 119, tr.24: Triết học Âu châu ngày nay).

[3] Tại Thiên thành tượng. Tại địa thành hình. 在 天 成 象 在 地 成 形 (Dịch kinh Hệ Từ Thượng) – Bất hiển diệc lâm. 不 顯 亦 臨 (Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 191)

[4] Tự thành minh vị chi tính. 自 誠 明 之 謂 性 (Trung Dung, ch.21, tr.74)

[5] Thiên mệnh chi vị tính... Suất tính chi vị đạo. Tu đạo chi vị giáo. Đạo dã giả bất khả tu du ly dã. Khả ly phi đạo dã. Thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ. Khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc hiện hồ ẩn, Mạc hiển hồ vi. Cố quân tử thận kỳ độc dã. 天 命 之 謂 性; 率 性 之 謂 道; 修 道 之 謂 教 道 也 者, 不 可 須 臾 離 也; 可 離, 非 道 也 是 故 君 子 戒 慎 乎 其 所 不 睹, 恐 懼 乎 其 所 不 聞 莫 見 乎 隱, 莫 顯 乎 微 故 君 子 慎 其 獨 也 (Trung Dung, ch.1)

[6] Quỉ thần chi vi đức, kỳ thịnh hĩ hồ ! Thị chi nhi phất kiến, thính chi nhi phất văn; Thể vật nhi bất khả di. Sử thiên hạ chi nhân, trai minh thịnh phục, dĩ thừa tế tự. Dương dương hồ, như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu ! Thi viết:"Thần chi cách tư, bất khả đạc tự; thản khả dịch tư". Phù vi chi hiển, thành chi bất khả yểm như thử phù! 子 曰 鬼 神 之 為 德 其 盛 矣 乎 視 之 而 弗 見;聽 之 而 弗 聞;體 物 而 不 可 遺 使 天 下 之 人, 齊 明 盛 服, 以 承 祭 祀 洋 洋 乎, 如 在 其 上, 如 在 其 左 右 詩 曰 神 之 格 思, 不 可 度 思, 矧 可 射 思?夫 微 之 顯 誠 之 不 可 掩, 如 此 夫. (Trung Dung, ch.16, tr.58)

[7] Hỷ nộ ai lạc chi vị phát, vị chi Trung. Phát nhi giai trúng tiết, vị chi Hòa. Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã. Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã. Trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên. 喜 怒 哀 樂 之 未 發 謂 之 中 發 而 皆 中 節, 謂 之 和 中 也 者, 天 下 之 大 本 也 和 也 者, 天 下 之 達 道 也 致 中 和, 天 地 位 焉, 萬 物 育 焉 (Trung Dung, ch.1)

[8] Đạo chi bản nguyên xuất ư Thiên, nhi bất khả dịch; Kỳ thực thể bị ư kỷ, nhi bất khả ly. 道 之 本 原 出 于 天, 而 不 可 易; 其 實 體 備 于 己, 而 不 可 離 (Trung Dung, ch.1, tr.40, 42)

[9] Cái dục học giả ư thử, phản cầu chư thân, nhi tự đắc chi, dĩ khử phù ngoại dụ chi tư, nhi sung kỳ bản nhiên chi thiện. 蓋 欲 學 者 于 此, 反 求 諸 身 而 自 得 之, 以 去 未 外 誘 之 私, 而 充 其 本 然 之 善 (Trung Dung, ch.1, tr.42)

[10] Quân tử Trung Dung; tiểu nhân phản Trung Dung. Quân tử chi Trung Dung dã, quân tử nhi thời trung; tiểu nhân chi phản Trung dung dã, tiểu nhân nhi vô kỵ đạn dã. 君 子 之 中 庸 也, 君 子 而 時 中 小 人 之 中 庸 也, 小 人 而 無 忌 憚 也 (Trung Dung, ch.2, tr.42)

[11] Trung Dung kỳ chí hĩ hồ ! Dân tiễn năng cửu hĩ. 子 曰 中 庸 其 至 矣 乎 民 鮮 能 久 矣 (Trung Dung, ch.3, tr.44)

[12] Tử viết: Đạo chi bất hành dã, ngã tri chi hĩ. Trí giả quá chi; ngu giả bất cập dã. Đạo chi bất minh dã, ngã tri chi hĩ. Hiền giả quá chi; bất tiếu giả bất cập dã. Nhân mạc bất ẩm thực dã, tiễn năng tri vị dã. 子 曰 道 之 不 行 也, 我 知 之 矣; 知 者 過 之; 愚 者 不 及 也 道 之 不 明 也, 我 知 之 矣; 賢 者 過 之; 不 肖

者 不 及 也 人 莫 不 飲 食 也 鮮 能 知 味 也 (Trung Dung, ch.4, tr.44)

[13] Tử viết: Thuấn kỳ đại trí dã dư ! Thuấn hiếu vấn nhi hiếu sát nhĩ ngôn, ẩn ác nhi dương thiện. Chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kỳ trung ư dân. Kỳ tư dĩ vi Thuấn hồ. 子 曰 舜 其 大 知 也 與 舜 好 問 以 好 察 邇 言 隱 惡 而 揚 善 執 其 兩 端, 用 其 中 于 民 其 斯 以 為 舜 乎 (Trung Dung, ch.6, tr.46)

[14] Tử viết: Nhân giai viết: Dư trí. Khu, nhi nạp chư cổ hoạch, hãm tinh chi trung; nhi mạc tri ty dã. Nhân giai viết: Dư trí. Trạch hồ Trung Dung, nhi bất năng cơ nguyệt thủ dã. 子 曰 人 皆 曰 予 知, 驅 而 納 諸 罟 擭 陷 阱 之 中, 而 莫 之 知 辟 也 人 皆 曰 予 知, 擇 乎 中 庸, 而 不 能 期 月 守 也 (Trung Dung, ch.7, tr.46)

[15] Thiên hạ, quốc gia khả quân dã; tước lộc khả từ dã; bạch nhẫn khả đạo dã; Trung Dung bất khả năng dã. 子 曰 天 下 國 家 可 均 也; 爵 祿, 可 辭 也; 白 刃, 可 蹈 也; 中 庸 不 可 能 也 (Trung Dung, ch.9, tr.48)

[16] Tích giả, Tăng tử vị Tử Tương viết: «Tử hiếu dũng hồ. Ngô thường văn đại dũng ư Phu tử hĩ." Tự phản nhi bất súc, tuy hạt khoan bác, ngô bất chuy yên. Tự phản nhi súc, tuy thiên vạn nhân, ngô vãng hĩ.» 昔 者, 曾 子 謂 子 襄 曰 子 好 勇 乎?吾 常 聞 大 勇 於 夫 子 矣 自 反 而不 縮 雖 褐 寬 博 吾 不 惴 焉 自 反 而 縮 雖 千 萬 人 吾 往 矣 (Mạnh Tử, Công TônSửu, thượng–2, tr.86) (Ngày xưa Ông Tăng Tử nói, với Tử tương rằng: Ta thường nghe thầy ta nói về lối dũng cảm chính đại. Ngài dạy rằng "Nếu tự xét lấy mình có điều chẳng ngay thẳng, dẫu đối với kẻ thường dân mặc áo rộng bằng lông, mình há chẳng khiếp sợ. Nếu tự xét thấy mình có điều ngay thẳng, dẫu đối với hàng ngàn muôn người, mình cũng vẫn đi qua một cách an nhiên đó.)

[17] Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư? ức nhi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo: Nam phương chi cường dã; Quân tử cư chi. Nhẫm kim cách, tử nhi bất yếm: Bắc phương chi cường dã; nhi cường dã cư chi. Cố quân tử hòa nhi bất lưu. Cường tai kiểu ! Trung lập nhi bất ỷ. Cường tai kiểu ! Quốc hữu đạo, bất biến tắc yên. Cường tai kiểu ! Quốc vô đạo, chí tử bất biến. Cường tai kiểu! 子 曰 南 方 之 強 與, 北 方 之 強 與, 抑 而 強 與? 寬 柔 以 教, 不 報 無 道, 南 方 之 強 也 君 子 居 之 衽 金 革, 死 而 不 厭, 北 方 之 強 也 而 強 者 居 之 故 君 子 和 而 不 流; 強 哉 矯 中 立 而 不 倚; 強 哉 矯 國 有 道, 不 變 塞 焉; 強 哉 矯 國 無 道, 至 死 不 變; 強 哉 矯 (Trung Dung, ch.10, tr.48)

[18] Le Chêne (Harmonies poetiques et religieuses)

[19] Quân tử chi đạo phí nhi ẩn. 君 子 之 道, 費 而 隱 (Trung Dung, ch. 12, tr.50)

[20] Diên phi lệ thiến; Ngư dược vu uyên. 鳶 飛 戾 天; 魚 躍 于 淵 (Trung Dung, ch.12, tr.52)

[21] Tương Phố, Giọt lệ thu.

[22] Kinh Thi, Quốc phong, Chu Nam, Quan Cưu.

«Đôi thư cưu nó kêu quang quác,

Bãi sông Hà man mác chắt chiu.

Bên người thục nữ yêu kiều,

Bên người quân tử rập rìu duyên tơ.»

[23] Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ; cập kỳ chí dã, sát hồ thiên địa. 君 子 之 道, 造 端 乎 夫 婦; 及 其 至 也, 察 乎 天 地 (Trung Dung, ch.12, tr.52)

[24] Âm = Đất, bóng tối, đêm, chết, kém. Dương = Trời, ánh sáng, ngày, sống, hơn. (In, Iang: duo elementa quibus constant res universae. Elementum Iang referre solet perfectiorem et In imperfectiorem ex duabus

rebus quoe inter se aut conveniunt aut opponuntur, quales sunt sol et luna, coelum et terra rex et subditus, mas et femina, actio et quies, dies et nox, lux et tenebroe... (Couvreur, Dictionnarium sinicum et Latinum, p.1100)

[25] Chữ Dịch thành bởi chữ Nhật 日 và chữ Nguyệt 月 (nguyệt biến thể). Trong cái luôn luôn biến dịch của mặt trăng (Trăng thay đổi hình mỗi ngày) lại có cái «Hằng» tượng trưng bằng mặt Trời luôn luôn tròn. Âm dương chi nghĩa phối nhật nguyệt (Hệ từ Kinh Dịch) (Tạp chí Đại Học, số 15 tháng 5/1960: Một ý niệm về Trung Dung, tr.63; chú thích)

[26] Phu phụ chi ngu, khả dĩ dự tri yên. 夫 婦 之 愚, 可 以 與 知 焉 (Trung Dung, ch.12, tr.50). Phu phụ chi bất tiếu khả dĩ năng hành yên. 夫 婦 之 不 肖, 可 以 能 行 焉 (Trung Dung, ch.12, tr.52)

[27] Đồ nan ư kỳ dị, vi đại ư kỳ tế. Thiên hạ nan sự tất tác ư dị, thiên hạ đại sự tất tác ư tế. 圖 難 于 其 易 為 大 于 其 細 天 下 難 事, 必 作 于 易; 天 下 大 事, 必 作 于 細 (Lão Tử Đạo Đức Kinh, ch.63)

[28] Sách ẩn, hành quái, hậu thế hữu thuật yên; ngô phất vi chi hĩ. 素 隱, 行 怪, 後 世 有 述 焉;吾 弗 為 之 矣 (Trung Dung, ch.11, tr.50)

[29] Cổ quân tử dĩ nhân trị nhân, cải nhi chỉ. 故 君 子 以 人 治 人 改 而 止 (Trung Dung, tr.54)

[30] Trung thứ vi đạo bất viễn. Thi chư kỷ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân. 忠 怒 違 道 不 遠. 施 諸 己 而 不 愿, 亦 勿 施 於 人 (Trung Dung, ch.13, tr. 54)

[31] Dung đức chi hạnh, Dung ngôn chi cẩn, hữu sở bất túc, Bất cảm bất miễn, hữu dư, bất cảm tận. Ngôn cố hạnh, hạnh cố ngôn, quân tử hồ bất tháo tháo nhĩ? 庸 德 之 行, 庸 言 之 謹; 有 所 不 足, 不 敢 不 勉; 有 余, 不 感 盡 言 顧 行, 行 顧 言 君 子 胡 不 慥 慥 爾 (Trung Dung, ch.13)

[32] Phàm hữu tứ đoan ư ngã giả, tri giai khuếch nhi sung chi hĩ, nhược hỏa chi thủy nhiên, tuyền chi thủy đạt, Cẩu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải... 凡 有 四 端 於 我 者, 知 皆 擴 而 充 之 矣 若 火 之 始 然, 泉 之始 達 苟 能 充 之, 足 以 保 四 海 (Mạnh Tử, Công Tôn Sửu [thượng-6], tr.106)

[33] Quân tử chi đạo, thí như hành viễn, tất tự nhĩ; thí như đăng cao, tất tự ti. 君 子 之 道, 辟 如 行 遠 必 自 邇, 辟 如 登 高 必 自 卑 (Trung Dung, ch.15, tr.56)

[34] Thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. 是 故 君 子 戒 慎 乎 其 所 不 睹 恐 懼 乎 其 所 不 聞 (Trung Dung, ch.1)

[35] Thuấn kỳ đại hiếu dã dư ! Đức vi thánh nhân, tôn vi Thiên tử. Phú hữu tứ hải chi nội Tông miếu hưởng chi; tử tôn bảo chi. Cố đại đức tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ. Cố thiên chi sinh vật, Tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, Cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi. 舜 其 大 孝 也 與 德 為 聖 人, 尊 為 天 子, 富 有 四 海 之 內 宗 廟 饗 之, 子 孫 保 之 故 大 德, 必 得 其 位, 必 得 其 祿, 必 得 其 名, 必 得 其 壽 故 天 之 生 物 必 因 其 材 而 篤 焉 故 栽 者 培 之, 傾 者 覆 之 (Trung Dung, ch.17, tr.60)

[36] Phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã. Xuân thu tu kỳ tổ miếu, trần kỳ tông khí, thiết kỳ thường y, tiến kỳ thời thực. Tông miếu chi lễ, sở dĩ tự chiêu mục dã. Tự tước, sở dĩ biện quí tiện dã. Tự sự, sở dĩ biện hiền dã. Lữ thù hạ vị thượng, sở dĩ đạt tiện dã. Yến mao, sở dĩ tự xỉ dã. Tiễn kỳ vị, hành kỳ lễ, tấu kỳ nhạc, kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã. 夫 孝 者, 善 繼 人 之 志, 善 述 人 之 事 者 也 春 秋, 修 其 祖 廟, 陳 其 宗 器, 設 其 裳 衣, 荐 其 時 食 宗 廟 之 禮, 所 以 序 昭 穆 也 序 爵, 所 以 辨 貴 賤 也 序 事, 所 以 辨 賢 也 旅 酬 下 為 上, 所 以 達 賤 也 燕 毛 所 以 序 齒 也 踐 其 位, 行 其 禮, 奏 其 樂, 敬 其 所 尊, 愛 其 所 親, 事 死 如 事 生, 事 亡 如 事 存, 孝 之

至 也 (Trung Dung, ch.19, tr.62)

[37] Giao, xã chi lễ, sở dĩ sự Thượng đế dã. Tông miếu chi lễ, sở dĩ tự hồ kỳ tiên dã. Minh hồ Giao Xã chi lễ, Đế Thường chi nghĩa, trị quốc kỳ như thị chư chưởng hồ. 郊 社 之 禮, 所 以 事 上 帝 也 宗 廟 之 禮, 所 以 祀 乎 其 先 也 明 乎 郊 社 之 禮, 禘 嘗 之 義, 治 國 其 如 示 諸 掌 乎 (Trung Dung, ch.19, tr.64)

[38] Vô niệm nhĩ tổ, duật tu quyết đức, vĩnh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc. Ân chi vị táng sư, khắc phối Thượng đế. Nghi giám vu Ân, tuấn mệnh bất dị... 無 廿 爾 祖, 聿 修 厥 德, 永 言 配 命 自 求 多 福 殷 之 未 喪師 克 配 上 帝 宜 鑒 于 殷, 駿 命 不 易 (Kinh Thi, đại nhã tam, Văn vương chi thập tam chi nhất)

[39] Lập thân, hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu hiếu chi chung dã. 立 身 行 道 揚 名 於 後 世 以 顯 父 母, 孝 之 終 也 (Hiếu Kinh, Khai tông minh nghĩa).

[40] Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên. 思 知 人, 不 可 以 不 知 天 (Trung Dung ch.20, tr.66)

[41] Thiên hạ chi đạt đạo ngũ; sở dĩ hành chi giả tam. Viết: quân thần dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã; ngũ giả thiên hạ chi đạt đạo dã. Trí nhân dõng tạm giả, thiên hạ chi đạt đức dã. Sở dĩ hành chi giả nhất dã. 天 下 之 達 道 五, 所 以 行 之 者 三, 曰: 君 臣 也, 父 子 也, 夫 婦 也, 昆 弟 也, 朋 友 之 交 也 五 者, 天 下 之 達 道 也 知, 仁, 勇 三 者, 天 下 之 達 德 也. 所 以 行 之 者 一 也 (Trung Dung, ch.20, tr.68)

[42] Ai công vấn chính. Tử viết: Văn, Võ chi chính, bố tại phương sách, kỳ nhân tồn, tắc kỳ chính cử. Kỳ nhân vong, tắc kỳ chính tức. Nhân đạo mẫn chính; địa đạo mẫn thụ. Phù, chính dã giả, bồ lư dã. Cố vi chính tại nhân; thủ nhân dĩ thân; tu thân; dĩ đạo; tu đạo dĩ nhân. Nhân giả nhân dã, thân thân vi đại. Nghĩa giả nghi dã; tôn hiền vi đại. Thân thân chi sát, tôn hiền chi đẳng, lễ sở sinh dã. 哀 公 問 政 子 曰 文 武 之 政, 布 在 方 策 其 人 存, 則 其 政 舉; 其 人 亡, 則 其 政 息 人 道 敏 政, 地 道 敏 樹 夫 政 也 者, 蒲 盧 也 故 為 政 在 人 取 人 以 身 修 身 以 道 修 道 以 仁 仁 者, 人 也, 親 親 為 大 義 者, 宜 也, 尊 賢 為 大 親 親 之 殺, 尊 賢 之 等, 禮 所 生 也 (Trung Dung, ch.20, tr.66)

[43] Hoặc sinh nhi tri chi; hoặc học nhi tri chi; hoặc khốn nhi tri chi. Cập kỳ tri chi nhất dã. Hoặc an nhi hành chi; hoặc lợi nhi hành chi; hoặc miễn cưỡng nhi hành chi. Cập kỳ thành công nhất dã. 或 生 而 知 之; 或 學 而 知 之; 或 困 而 知 之;及 其 知 之, 一 也 或 安 而 行 之; 或 利 而 行 之; 或 勉 強 而 行 之; 及 其 成 功, 一 也 (Trung Dung, ch.20)

[44] Hiếu học cận hồ trí. Lực hành cận hồ nhân. Tri sỉ cận hồ dũng. 好 學 近 乎 知. 力 行 近 乎 仁. 知 恥 近 乎 勇 (Trung Dung, ch.20, tr.68)

[45] Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh; sở dĩ hành chi giả nhất dã. 凡 為 天 下 國 家 有 九 經, 所 以 行 之 者 一 也. (Trung Dung, ch.20, tr.72)

[46] Thành giả, Thiên chi đạo dã, Thành chi giả, nhân chi đạo dã. 誠 者, 天 之 道 也 誠 之 者, 人 之 道 也 (Trung Dung, ch.20, tr.74)

[47] Thành chi giả, trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã. Bác học chi, tham vấn chi, minh biện chi, đốc hành chi. Hữu phất học, học chi phất năng, phất thố dã. Hữu phất vấn, vấn chi phất tri, phất thố dã. Hữu phất tư, tư chi phất đắc, phất thố dã. Hữu phất biện, biện chi bất minh, phất thố dã. Hữu phật hành, hành chi phất đốc, phất thố dã. Nhân nhất năng chi, kỷ bá chi; nhân thập năng chi kỷ thiên chi. Quả năng thử đạo hĩ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường. 誠 之 者, 擇 善 而 固 執 之 者 也 博 學 之, 審 問 之, 愼 思 之 明 辨 之, 篤 行 之 有 弗 學, 學 之 弗 能, 弗 措 也 有 弗 問, 問 之 弗 知, 弗 措 也 有 弗 思, 思 之 弗 得, 弗 措 也 有 弗 辨, 辨

之弗明, 弗措也有弗行, 行之弗篤, 弗措也人一能之, 己百之人十能之, 己千之果能此道矣, 雖愚必明, 雖柔必強 (Trung Dung, ch.20, tr.74)

[48] Thiên địa chi đạo, khả nhất ngôn nhi tận dã; Kỳ nhi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc. Thiên địa chi đạo bác dã, hậu dã, cao dã, minh dã, du dã, cửu dã. Kim phù thiên, tư chiêu chiêu chi dã, cấp kỳ vô cùng dã; nhật nguyệt tinh thần hệ yên; vạn vật phúc yên. kim phù địa nhất toát thổ chi dã, cập kỳ, quảng hậu, tải hoa nhạc nhi bất trọng; chấn hà hải nhi bất tiết; vạn vật tải yên. Kim phù sơn, nhứt nguyện thạch chi đa, cập kỳ quảng đại, thảo mộc sinh chi, cầm thú cư chi; bảo tàng hưng yên. Kim phù thủy, nhứt thược chi đa, cập kỳ bất trắc, nguyên, đà, giao, long, ngư, biếc xanh yên; hóa tài thực yên. Thi vân: «Duy Thiên chi mệnh, ô mục bất dĩ!» Cái viết: Thiên chi sở dĩ vi Thiên dã. 天地之道可一言而盡也. 其為物不貳, 則其生物不測天地之道, 博也, 厚也, 高也, 明也悠也, 久也今夫天斯昭昭之多, 及其無窮也, 日月星辰系焉, 萬物覆焉今夫地一撮土之多, 及其廣厚載華岳而不重, 振河海而不洩, 萬物載焉今夫山一卷石之多, 及其廣大, 草木生之, 禽獸居之, 寶藏興焉今夫水, 一勺之多, 及其不測, 黿, 鼉蛟, 龍, 魚, 鱉, 生焉, 貨財殖焉詩云維天之命, 于穆不已蓋曰天之所以為天也 (Trung Dung, ch.26, tr.82)

[49] Cố chí Thành vô tức. Bất tức tắc cửu; cửu tắc trưng, trưng tắc du viễn; du viễn tắc bác hậu; bác hậu tắc cao minh. Bác hậu, sở dĩ tải vật dã; cao minh, sở dĩ phủ vật dã; du cửu, sở dĩ thành vật dã. Bác hậu phối địa; cao minh phối thiên; du cửu vô cương. Như thư dã, bất hiện nhi chương; bất động nhi biến; vô vi nhi thành. 故至誠無息不息則久, 久則征征則悠遠悠遠, 則博厚博厚, 則高明博厚, 所以載物也高明, 所以覆物也悠久, 所以成物也博厚, 配地高明, 配天悠久, 無疆如此者, 不見而章, 不動而變, 無為而成 (Trung Dung, ch.26, tr.78,80)

[50] Duy thiên hạ chí thánh, vi năng thông, minh, duệ, trí túc dĩ hữu lâm dã; khoan, dữ, ôn, nhu, túc dĩ hữu dung dã; phát, cường, cương, nghị, túc dĩ hữu chấp dã, trại trang trung chinh, túc dĩ hữu kính dã; văn, lý, mật, sát túc dĩ hữu biệt dã. Phổ bác, uyên tuyền, nhi thời xuất chi. Phổ bác như thiên, uyên tuyền như uyên. 唯天下至聖, 為能聰, 明, 睿知, 足以有臨也寬, 裕, 溫, 柔, 足以有容也發, 強, 剛, 毅, 足以有執也齊, 庄, 中, 正, 足以有敬也; 文理, 密, 察, 足以有別也溥博, 淵泉而時出之溥博如天; 淵泉如淵 (Trung Dung, ch.31)

[51] Duy thiên hạ chí thành, vi năng kinh luân thiên hạ chi đại kinh, lập thiên hạ chi đại bản, tri thiên địa chi hóa dục. 唯天下至誠, 為能經綸天下之大經, 立天下之大本, 知天地之化育 (Trung Dung, ch.32, tr.92)

[52] Chí thành chi đạo khả dĩ tiên tri. Quốc gia tương hưng, tất hữu trinh tường; quốc gia tương vong, tất hữu yêu nghiệt... 至誠之道可以前知國家將興, 必有禎祥; 國家將亡, 必有妖孽 (Trung Dung, ch.24, tr.78)

[53] Đại tai thánh nhân chi đạo. Dương dương hồ, phát dục vạn vật; tuấn, cực vu thiên. Ưu ưu đại tai! Lễ nghi tam ba, oai nghi tam thiên. Đãi kỳ nhân nhi hậu hành, Cố viết: Cẩu bất chí đức, chí đạo bất ngưng yên. 大哉聖人之道洋洋乎, 發育萬物, 峻極于天優優大哉, 禮儀三百威儀三千待其人而后行故曰苟不至德, 至道不凝焉 (Trung Dung, ch.27, tr.82)

[54] Cố quân tử tôn đức tính, nhi đạo vấn học. Trí quảng đại, nhi tận tinh vi; cực cao minh, nhi đạo Trung Dung; ôn cố, nhi tri tân; đôn hậu dĩ sùng lễ. Thị cố cư thượng, bất kiêu; vi hạ, bất bội. Quốc hữu đạo, kỳ ngôn túc dĩ hưng, quốc vô đạo, kỳ mặc túc dĩ dung. 故君子尊德性, 而道問學, 致廣大, 而盡精微, 極高明, 而道中庸溫故, 而知新, 敦厚以崇禮是故居上不驕, 為下不倍國有道, 其言足以

興; 國 無 道, 其 默 足 以 容 (Trung Dung, ch.27, tr.83,84)

[55] Trọng Ni tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn, Vũ. 仲 尼 祖 述 堯 舜, 憲 章 文 武 (Trung Dung, ch.30, tr.88)

[56] Thi viết: «Ý cẩm thượng quýnh», ố kỳ văn chi trứ dã; cố quân tử chi đạo, ám nhiên nhi nhật chương, tiểu nhân chi đạo, chước nhiên nhi nhật vọng; quân tử chi đạo đạm nhi bất yếm, giản nhi văn, ôn nhi lý. Tri viễn chi cận, tri phong chi tự, tri vi chi hiển, khả dữ nhập đức hĩ. Thi vân: «Tiềm tuy phục hĩ, diệc khổng chi chiêu», cố quân tử nội tỉnh bất cứu, vô ố ư chí. Quân tử chi sở bất khả cập giả, kỳ duy nhân chi sở bất kiến hồ. Thi vân: «Tướng tại nhĩ thất thượng bất quý vu ốc lậu», cố quân tử bất động nhi kính, bất ngôn nhi tín. Thi viết: «Tấu cách vô ngôn thời mị hữu tranh thị cố quân tử bất thưởng nhi dân khuyến, bất nộ nhi dân uy ư phủ việt. Thi viết: «Bất hiển duy đức, bách tích kỳ hinh chi», thị cố quân tử đốc cung nhi thiên hạ bình. Thi vân: «Dư hoài minh đức, bất đại thanh dĩ sắc.» Tử viết: «Thanh sắc chi ư dĩ hóa dân mạt dã.» Thi viết: «Đức thù như mao», mao do hữu luân, thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, chí hĩ. 詩 曰 衣 錦 尚 絅, 惡 其 文 之 著 也 故 君 子 之 道, 闇 然 而 日 章; 小 人 之 道, 的 然 而 日 亡 君 子 之 道, 淡 而 不 厭, 簡 而 文, 溫 而 理 知 遠 之 近, 知 風 之 自, 知 微 之 顯 可 與 入 德 矣 詩 云 潛 雖 伏 矣, 亦 孔 之 昭 故 君 子 內 省 不 疚, 無 惡 于 志 君 子 之 所 不 可 及 者, 其 唯 人 之 所 不 見 乎 詩 云 相 在 爾 室, 尚 不 愧 于 屋 漏 故 君 子 不 動 而 敬, 不 言 而 信 詩 曰 奏 假 無 言, 時 靡 有 爭 是 故 君 子 不 賞 而 民 勸, 不 怒 而 民 威 于 鈇 鉞 詩 曰 不 顯 惟 德, 百 辟 其 刑 之 是 故 君 子 篤 恭 而 天 下 平 詩 云 予 懷 明 德, 不 大 聲 以 色 子曰 聲 色 之 于 以 化 民, 末 也 詩 云 德 輶 如毛 毛 猶 有 倫 上 天 之載, 無 聲 無 臭, 至 矣 (Trung Dung, ch.33, tr.92-94)

[57] Tử Tư nhân tiền chương cực trí chi ngôn, phản cầu kỳ bản; Phục tự hạ học vị kỷ cẩn độc chi sự suy nhi ngôn chi, dĩ tuần trí hồ đốc cung nhi thiên hạ bình chi thịnh. Hựu tán kỳ diệu, chí ư vô thanh vô xú, nhi hậu dĩ yên. Cái cử nhứt thiên chi yếu, nhi ước ngôn chi. Kỳ phản phúc đinh ninh thị nhân chi ý, chi thâm thiết hĩ. Học giả kỳ bất tận tâm hồ. 子 思 因 前 章 極 致 之 言, 反 求 其 本; 復 自 下 學 為 己 謹 獨 之 事 推 而 言 之, 以 馴 致 乎 篤 恭 而 天 下 平 之 盛 又 贊 其 妙, 至 于 無 聲無臭, 而 後 已 焉 蓋 舉 一 篇 之 要, 而 約 言 之 其 反 復 丁 寧 示 人 之 意, 至 深 切 矣 學 者, 其 可 不 盡 心 乎 (Trung Dung, ch.33, tr.96)

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 9

TRUNG DUNG và DỊCH LÝ [1]

Đ em đối chiếu Trung Dung và kinh Dịch ta mới thấy rõ dụng tâm dụng ý cổ nhân.

Dịch kinh đưa ra định luật biến thiên, định luật tuần hoàn: Thái cực phân thành âm dương, biến hóa muôn vàn, tiến thoái qua hai chiều âm dương rồi dần dà trở lại trung cung Thái cực.

Trung Dung đề cao tâm điểm bất biến của vòng Dịch, tượng trưng cho Trời, là căn bản huyền diệu của hoàn võ [2] và là cùng đích chí thành, chí thiện cho muôn loài muôn vật vươn lên.[3]

Dịch kinh chỉ vẽ phương pháp biến thiên, tiến thoái theo đúng định luật âm dương tiêu trưởng, theo đúng tiết tấu trăng sao, nhịp điệu bốn mùa; Trung Dung nêu lên căn bản hoàn thiện và mục đích tối hậu, định mệnh cao sang con người.

Trung Dung là một cuốn sách cao siêu trong Khổng giáo, tương tự như Bhagavad Gita trong Bà La Môn giáo.

Ông Tử Tư, tác giả cuốn sách, với mục đích chọn người xứng đáng để trao truyền tâm pháp, chỉ muốn đàm thoại với những tâm hồn cao thượng đã quen thuộc với văn chương triết lý, với những tâm hồn đã được trau chuốt bằng nghệ thuật, văn chương, với những tâm hồn đã biết hướng thượng, biết khao khát những điều cao siêu, đẹp đẽ.

Cho nên lời văn rất hàm súc, ẩn ước. Mới đầu chính xác, tinh mật, sau dần dần trở nên uy nghi, trang trọng, cuối cùng tan biến vào sự tĩnh lãng toàn thiện của Trời.

Ý tưởng thì cao siêu, ẩn áo. Vì thế sách thay đổi vẻ mặt tùy theo người đọc.

Có người thấy nó sáng suốt, có người thấy nó tối tăm; có người cho Trung Dung là cao siêu, có người cho Trung Dung là vớ vẩn.

Người tầm thường cho đó là một chủ trương trung lập lừng chừng, các bậc chính nhân quân tử thì lại coi đó là một quyển sách dạy vẽ con đường hoàn thiện.

Sách bắt đầu bằng chữ Mệnh Trời, kết thúc bằng chữ đức độ Trời không tiếng, không hơi, tuyệt vời hoàn hảo.

Như vậy sách cho ta khởi điểm và cùng điểm của con đường Trời, của vòng càn khôn gặp nhau trong sự hoàn thiện, sau khi biến chuyển qua bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu cung điệu, bao nhiêu sắc thái của bốn mùa đời, của lịch sử nhân loại, lúc thì vùng vẫy, đấu tranh, hoạt động, lúc thì khinh khoát, lập chí, tu thân, đúng theo lẽ «Âm Dương tiêu trưởng» của Trời đất.

Ta hãy đọc lại mấy câu đầu sách Trung Dung:

«Bản tính cũng chính là thiên mệnh,

Đạo là noi theo tính bản nhiên,

Giáo là cách giữ đạo nên,

Đạo là sau trước vẫn liền với ta.

Rời ta được đâu là đạo nữa,

Thế cho nên quân tử giữ gìn,

E dè cái mắt không nhìn,

Tai nghe không nổi, cho nên hãi hùng

Càng ẩn áo lại càng hiện rõ.

Càng siêu vi càng tỏ sáng nhiều.

Nên dù chiếc bóng tịch liêu,

Đã là quân tử chẳng xiêu lòng vàng.» [4]

Những lời lẽ đó thật cao siêu và ngạt ngào hương đạo đức.

Trung Dung bắc nhịp cầu nối kết Trời người bằng mấy chữ: «Tính người là mệnh Trời.»

Bản tính con người vì là thiên lý, thiên mệnh nên thuần túy chí thiện, như một giòng suối trong veo, vừa tung lên khỏi nguồn Trời, để rồi sẽ tung hỏa ra muôn muôn, ngàn ngàn mạch nước trường sinh, muôn muôn, ngàn ngàn khuôn thiêng thánh thiện, để rồi sẽ rót vào đáy thẳm, lòng sâu con người những âm thanh thầm kín, dạy vẽ cho con người biết thế nào là văn chương, nghệ thuật, thế nào là diệu pháp trường sinh, bất tử.

Tác giả Trung Dung muốn ta đi ngược dòng đời để trở về nguồn mạch chí thiện ấy, khuyên ta cố gắng học hành để tìm cho ra nguồn mạch chí thiện ấy.

Tử Tư còn chỉ vẽ cho chúng ta biết: «Đạo Trời giây phút chẳng rời khỏi ta.»

Thoạt mới nghe, ta tưởng là câu nói viển vông, vô lý. Nhưng suy cho cùng, thì đạo Trời làm sao rời khỏi ta được?

Hiểu theo nghĩa tuyệt đối, siêu thời gian, thì đạo là Thái cực bất biến, ẩn áo nơi trung điểm tâm hồn con người. Nếu đem diễn tiến theo đà thời gian, thì đạo là đường đời gồm hai thời kỳ âm dương, tối sáng, và tận cùng trong trung điểm vô tận, vô biên.

Hệ Từ viết: «Nhất âm nhất dương chi vị đạo, Kế chi giả thiện dã, thành chi giả tính dã.» 一 陰 一 陽 之 謂 道,繼 之 者 善 也.誠 之 者 性 也.

Đường Trời có chiều âm, chiều dương, bước vào đã hay; đi tới cùng, sẽ thực hiện được «tính bản nhiên» mình.

Nếu ta coi trung tâm điểm lòng ta là Thái cực, là ảnh tượng Trời, là tinh thần, là ánh sáng Trời, thì chiều âm đoạn đường đi vào trong bóng tối vật chất sẽ là một sự tiến dần ra ngoài biên khu xác thân, gia đình, xã hội.

Trong giai đoạn này ta cố tiến ra hoàn cảnh, phóng ngoại để mưu sinh, đem tâm thần phục vụ gia đình, giang sơn, xã hội. Giai đoạn này sẽ giúp ta làm nảy nở thân xác, trí não, tính tình. Đó là thời kỳ ta rong ruổi trên đường trần hoàn để tìm sinh thú vật chất.

Thời kỳ này tương ứng với tuổi ấu thời và tuổi thanh niên. Lúc ấy, bao tinh hoa đều phát tiết ra ngoài, y như cây cỏ hai mùa xuân, hạ đâm chồi, nẩy lộc, sinh lá, sinh hoa, muôn hồng, nghìn tía đua tươi, y như những bầy chim vô tư lự một sớm rời tổ ấm, tung đôi cánh vô định về những phương Trời xa lạ.

Nhưng rồi ra bóng tối nhường bước dần cho ánh sáng. Mùa thu của cuộc đời trở về với mái tóc hoa râm, và chúng ta cũng dần dà bước vào giai đoạn thứ hai của cuộc đời, vào chiều dương, vào đoạn đường tở về ánh sáng tinh thần bằng cách thay đổi dần quan điểm, sở thích, chí hướng.

Thời kỳ này, bắt đầu khi con người bốn, năm mươi, «khi bóng dâu đã xế ngang đầu».

Lúc ấy, là lúc cần phải thu thập tinh hoa, phục hồi nhân cách, y như cỏ cây, sau mùa khai hoa kết quả, khi thu, đông tới, sẽ thu hồi dần sinh khí vào trong để sửa soạn một cuộc phục sinh, y như những cánh chim xạc xào tìm về tổ ấm khi hoàng hôn xế bóng.

Thời kỳ này là thời kỳ hồi tâm phản tỉnh, trở về với chính mình để tìm cho ra mình, thời kỳ suy tư, tu tâm, luyện chí, phục hồi lại tâm hồn nhân cách mà tuổi trẻ đã làm cho phá tán, lạc lõng.

Nhờ có những kinh nghiệm quý báu về cuộc đời, nhờ luân lý, nghệ thuật, học vấn, nhờ sự suy tư, tu luyện, tâm hồn dần dần trở nên hoàn thiện, phục hồi lại được quang huy Trời.

Trong thời kỳ này, con người dần dần sẽ tháo gỡ được những dây nhợ đã trói buộc mình vào hoàn cảnh, vào những công chuyện phù du, tạm bợ, để cố gắng thần thánh hóa bản thân.

Một cuộc đời như vậy sẽ là một sự biến chuyển không ngừng để tìm về chân, thiện, mỹ, một cuộc đời tìm tường sinh vĩnh cửu, qua những cảnh phù du hư ảo.

Thời kỳ đầu là thời kỳ nhân tâm phát triển, thời kỳ sau là thời kỳ đạo tâm hiển dương, như đêm có vừng nguyệt, ngày có vừng dương, kế tiếp nhau theo đúng thiên ý, thiên mệnh.

Đó là phác họa lại hai thời kỳ của vòng Dịch tiên thiên. Thời kỳ đầu băng qua 32 quẻ âm từ Cấu đến Khôn, thời kỳ sau băng qua 32 quẻ dương từ Phục đến Càn. Mà Càn là thuần dương, biểu hiện sự hoàn thiện.

HÌNH 18: Đồ biểu tâm tính tương giao và Âm Dương thuận nghịch.

Hoàn thiện được mình, thực hiện được tính bản nhiên thuần túy, chí thiện, là trở lại được trung tâm điểm của vũ trụ, tiến lên tới Thái cực, là kết hợp với Trời (phối Thiên) là hòa tấu khúc nhạc Trời muôn thuở (Hòa). Lúc ấy sẽ «thung dung trung đạo» cùng đất Trời trường sinh bất tử.

Đề tài này cũng đã được đề cập một cách khác trong sách Đại Học. Đại Học chủ trương muốn tìm ra căn bản, tìm ra tính cách con người, thì phải biết tĩnh trí, biết cố gắng suy tư, biết triền miên nghiên cứu

mới mong thành công được. Khi đã tìm ra được tính cách con người, sẽ có thể «chính tâm, thành ý» để đi đến chỗ toàn thiện, toàn mỹ.

«Đại Học có mục phiêu rõ rệt,
Đuốc lương tâm cương quyết phát huy,
Dạy dân lối sống tân kỳ,
Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng.
Có mục phiêu rồi lòng mới định,
Lòng định rồi nhẹ gánh lo toan.
Hết lo lòng sẽ bình an,
Bình an, tâm trí rộng đàng xét suy
Xét suy rộng, tinh vi thấu trọn,
Thấu sự đời ngành ngọn đầu đuôi,
Trước sau đã rõ khúc nhôi,
Tức là gần đạo, gần Trời còn chi
Muốn đức sáng truyền đi thiên hạ,
Người xưa lo cải hóa dân mình,
Trị dân, trước trị gia đình
Gia đình muốn trị, sửa mình trước tiên
Muốn sửa mình, tâm nên sửa trước,
Sửa tâm hồn trước cốt ý ngay.
Ý ngay phải học cho dày,
Học cho thấu triệt, mới hay «khuôn Trời» [5]
Hay «khuôn Trời», thoắt thôi thấu triệt,
Thấu triệt rồi, ý thiệt lòng ngay,
Lòng ngay, ta sẽ hóa hay,
Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên;
Nhà đã yên, nước liền thịnh trị,
Nước trị bình, bốn bể bình an.
Từ vua cho tới dân gian,
Tu thân một mực, lấy làm căn cơ...» [6]

Các hiền nhân, quân tử trong đạo Nho đã cố gắng bước theo «thiên đạo» trang nghiêm này. Mới đầu các ngài cố gắng học hỏi, suy tư cho tận tường, thấu đáo để tìm ra nguyên uỷ con người, tiếp đến các ngài ra công trau dồi đức độ, lúc nào cũng kính cẩn như thể có Trời ẩn áo giáng lâm, lấy sự hoàn thiện, lấy sự phối Thiên làm cùng đích đời mình: Tiền tài không mua chuộc được khí phách, gian lao không làm nao núng được tâm hồn. Cao siêu thay! quý trọng thay!

Trung Dung đã dài dòng mô tả những ân sủng Trời dành để cho các bậc thánh hiền. Lời lẽ Trung Dung phảng phất như lời lẽ Cựu Ước.[7]

Sự tương đồng, tương tự ấy thực là lạ, vì thời xưa các tư tưởng rất khó truyền bá: phương nào, phương ấy sống riêng tư, bí ẩn, cách biệt nhau bằng bao nhiêu tầng hào lũy, núi non, sông biển và từ ngữ.

Đọc Trung Dung, khảo sát lại tư tưởng thánh hiền qua Tứ Thư, Ngũ Kinh, ta phải sửng sốt lạ lùng vì lòng tin tưởng, vì sự thánh thiện các ngài, y như có quang huy Trời chiếu diệu qua đời sống, qua sách vở các ngài. Luận điệu Trung Dung cũng y thức như luận điệu thánh hiền mọi nơi, mọi đời.

Còn gì đẹp đẽ hơn là một chủ trương lấy Trời làm căn nguyên và cùng đích cho đời người, coi đời người như một khúc nhạc tuyệt vời khởi thủy và tận cùng đều bằng một âm điệu chân thiện mỹ, sau khi đã hòa tấu với muôn âm thanh của nhân quần, vũ trụ. Còn gì đẹp đẽ hơn là thôi thúc con người hăng hái tiến bước trên con đường hoàn thiện để cuối cùng đi đến chỗ tuyệt đỉnh công phu, Trời người gặp gỡ.

Phối hợp Trung Dung và Dịch kinh ta xác định lại bước đường tiến hóa nhân loại như sau:

1. Trước tiên là giai đoạn «phóng thể» («phóng tâm» theo Mạnh Tử) tức là âm đạo, lấy ngoại cảnh vật chất làm mục phiêu chính.[8]

2. Tiếp theo là giai đoạn «hồi thể» (hồi tâm), lấy nội cảnh tinh thần làm mục phiêu chính.[9] Đó là dương đạo.

3. Cuối cùng là giai đoạn «bản thể», «toàn thể»[10] tức là trung đạo, thung dung, thanh thả, vô tận, vô biên.

Dịch và Trung Dung đều mong muốn chỉ vẽ cho con người lối dường hoàn thiện, và đều có cùng đích là sự «chí thành, chí thiện» của con người.

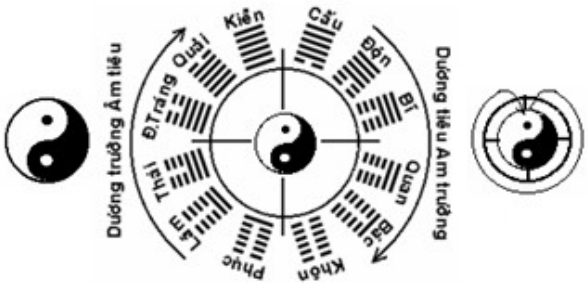

HÌNH 19: TRUNG HÒA ĐỒ

Đồ bản này biểu thị ba giai đoạn tiến hóa:

1 Âm đạo để cải thiện vật chất,

2 Dương đạo để cải thiện tinh thần,

3 Trung đạo = Sự hoàn thiện.

(Trong hình Thái Cực, nửa trắng là Trung Đạo, nửa đen là Hoàn Thiện.)

CHÚ THÍCH

[1] Từ chương 9 đến hết chương 16 tác giả sẽ quảng diễn hai chữ Trung và chữ Dịch, quảng diễn hai lẽ biến hằng của Trời đất. Có độc giả sẽ hỏi tại sao khảo cứu Trung Dung tự nhiên lại bàn ngang sang Dịch. Xin thưa: nếu không nghiên cứu các biến thiên thì làm sao hiểu được lẽ hằng cửu, không biết hai chiều âm dương biến hóa của Dịch thì làm sao biết được Trung điểm, Trung cung. Có độc giả sẽ lại vấn nạn rằng

những ý tứ sau của tác giả đâu có thấy phô diễn rõ ràng mạch lạc trong Trung Dung và Dịch? Thưa: Tuy cổ nhân không nói lên lời, nhưng các hình vẽ đã mô tả ra đủ. Vả nếu mọi sự đã nói rõ, nói sẵn cả, thì chắc chắn tác giả đã không viết bộ sách này. Có độc giả sẽ vấn nạn rằng sao tác giả không ở trong khuôn khổ Nho giáo mà bàn luận, lại phải viện dẫn hết sách này sách nọ, như vậy những ý tưởng ấy đâu phải của Nho giáo của Trung Dung, và Dịch kinh. Xin thưa, nếu nhìn cái bác tạp bên ngoài, thì Đông Tây có khác, nhưng càng đi sâu vào tầng trong của tâm hồn càng tiến tới tinh hoa nhân loại thì càng thấy không còn Đông Tây, kim cổ. Cho nên, độc giả chắc cũng công nhận rằng chung quy chỉ có một đề tài là con người, nên càng viện dẫn nhiều sách vở, lại càng giúp độc giả hiểu vi ý Trung Dung, hiểu rõ vi ý cuộc đời. Đó chính là hoài bão của tác giả, mong chư vị tao nhân mặc khách thông cảm cho.

[2] Trung dã giả thiên hạ chi đại bản dã. 中 也 者 天 下 之 大 本 也.

[3] Hòa dã giả thiên hạ chi đạt đạo dã. 和 也 者 天 下 之 達 道 也 (Trung Dung, ch.1)

[4] Trung Dung, ch.1.

[5] Trung tức chí lý hà thường bất kiêm chí nghĩa. Đại học văn ngôn giai ngôn tri chí. Sở vị chí giả tức thử lý dã. Ngữ độc Dịch giả viết năng tri Thái cực tức thị tri chí; ngữ độc hồng phạm giả viết năng tri Hoàng cực tức thị tri chí. Phù khởi bất khả. Cái đồng chỉ thử lý tắc viết cực, viết trung, viết chí kỳ thực nhất dã... 中 即 至 理 何 嘗 不 兼 至 義. 大 學 文 言 皆 言 知 至. 所 謂 至 者 即 此 理 也. 語 讀 易 者 曰 能 知 太 極 即 是 知 至; 語 讀 洪 範 者 曰 能 知 皇 極 即 是 知 至. 夫 豈 不 可. 蓋 同 此 理 則 曰 極, 曰 中, 曰 至 其 實 一 也 (Tống Nguyên học án, q.12, tr.6: Liêm Khê học án)

[6] Đại Học, ch.1.

[7] Xin đọc các mục danh ngôn đối chiếu trong quyển II.

[8] Alinéation.

[9] Récupération.

[10] l'Etre, réalisation de l'Etre, de Dieu.

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

Chương 10

BẢN THỂ VÀ HIỆN TƯỢNG LUẬN THEO TRUNG DUNG VÀ DỊCH LÝ

T heo Trung Dung và Dịch lý, chúng ta có thể minh xác tương quan giữa Trời và vạn vật, giữa Bản thể (noumène, substance) và hiện tượng (phenomènes, accidents).

BẢN THỂ LUẬN

Bất thiên chi vị Trung,

Bất dịch chi vị Dung

(Trung Dung)

Khảo sát các đồ bản Dịch, ta thấy Trung cung, Trung điểm tượng trưng cho bản thể (être), còn hào quái bên ngoài tượng trưng cho hiện tượng (phenomène).

Đạo, hay Bản thể, hay Trung điểm, hay thái cực, thần bí ẩn vi, nan trắc, khó hình dung, khó mô tả, nên phải mượn các hào quái để gợi vẽ ra.

Ẩn Quân Quách đời Tống đã cho rằng hào quái chỉ là tượng trưng bên ngoài cho Đạo, cho bản thể, nên cần phải biết đi từ hào quái trở về Trung cung, để nhận ra Bản thể, Đạo thể vô hình tích.[1]

Bản thể vô hình tích, nên dùng lời lẽ nào mô tả, cũng thấy bất xứng, vì thế mỗi triết gia, mỗi hiền thánh lại bày thêm ra một từ ngữ: nào Vô, nào Hữu, nào Vô cực, Thái cực, Hoàng cực, nào Thiên, nào Đế, nào Thần, nào Đạo, nào Lý, nào Trung... Thậm chí còn gọi là hư vô, Tịch diệt, vì bản thể vượt trên hình thức sắc tướng... Chung quy vẫn một phương pháp, một lối đường là dùng từ ngữ để cố hình dung Bản thể...

Bản thể tuy lồng trong vạn vật để làm căn cốt, làm nguồn sinh, làm động cơ vận dụng vạn hữu, nhưng vạn hữu đâu phải là Trời, là Bản thể... Vạn hữu chẳng qua như hào quái bên ngoài ôm ấp Bản thể hay trung điểm ở bên trong.

Vì Bản thể phát huy ra toàn thể hiện tượng, toàn thể từ ngữ, nên không thể dùng hình ảnh này, hình ảnh kia để phác họa được Bản thể, không thể dùng chữ này, chữ kia, tên này tên nọ mà gán ghép cho Bản thể.

Bản thể không thể giới hạn vào từ ngữ, vào hình ảnh; Bản thể là vô hạn định, vì thế Bản thể vừa là toàn bộ vừa là chân không (Tout et Rien).[2]

Cho nên, nhiều triết gia đã dùng những danh từ tương phản nhau để mô tả bản thể, hay Đạo[3] hay Hóa công.

Mượn ý tứ của Hoài Nam Tử, ta có thể mô tả Hóa công hay Bản thể đại khái bằng những luận điệu tương phản như sau:

«Hóa công chở đất che Trời,

Mênh mông bốn hướng, chơi vơi tám tầng
Cao, cao vô tận vô ngần,
Thẳm sâu , sâu mấy muôn tầm, đo sao !
Trùm Trời, mà đất cũng bao,
Vô hình, vô tượng, dễ nào hình dung.
Nguồn tung, suối tỏa tưng bừng,
Ngỡ là sắp cạn, bỗng dưng đầy tràn.
Ào ào, cuồn cuộn, vang vang,
Ngỡ là vẫn đục, vẫn hoàn trong veo.
Trồng lên đất ngợp Trời teo,
Tung ra , bốn biển có chiều mung lung.
Ra tay linh diệu khôn cùng,
Quang âm khôn cản dặm chừng vân du,
Khi tung, Trời đất chưa vừa,
Khi thu, nhỏ xíu lọt thừa nắm tay,
Tuy co, mà dãn như mây,
Tuy mờ, mà sáng như ngày nắng chang.
Tơ non mà rất cương cường,
Mềm nhung mà dắn in tuồng thép gang.
Tràn bốn hướng, cưu mang nhật nguyệt,
Ngất Trời mây, soi hết trăng sao.
Mịn màng, thắm thiết biết bao,
Tế vi tiêm tất tả sao cho cùng,
Núi nhờ thế mà tung cao vút
Vực dựa uy, sâu ngút mịt mùng.
Ngài cho thú chạy trong rừng,
Cho chim tung cánh chín tầng mây xanh
Ngài tô ánh quang minh nhật nguyệt,
Ngài rong cương ruổi hết tinh huy.
Kỳ lân đùa rỡn cũng vì,
Phượng loan, bay bổng, quyền uy không ngoài
Đời thái cổ, có hai Hoàng đế,
Nhờ ơn Ngài chỉ vẽ trước sau,
Mới nên nhân đức nhiệm màu,
Thần thông hóa dục, dẫn đầu muôn phương.

Quyền uy Ngài khôn lường khôn tả,

Rung chuyển Trời, lắng cả đất đai,

Quay cho Trời đất vần xoay,

Xô cho nước chảy đêm ngày chẳng thôi.

Thủy chung để sánh đôi muôn vật,

Thổi gió giông, ủ ấp ngàn mây.

Việc gì cũng có dúng tay,

Ầm ầm sấm động, mưa bay tỏa quyền...» [4]

Cổ nhân còn hình dung Bản thể bằng vòng Thái cực gồm 2 mặt âm dương, điên đảo tung hoành trong tĩnh lãng, ôm ấp nhau thành một khối hồn nhiên duy nhất.

Ngoài ra Bản thể còn được tượng trưng bằng con số 5 [5] vì 5 là con số phối hợp âm dương,

$1 + 4 = 5$

$2 + 3 = 5$

$1^2 + 2^2 = 5$ (1x1) + (2x2) = 5

$3^2 + 4^2 = 5^2$ (3x3) + (4x4) = (5x5)

Vì số 5 ở ngôi vị chính trung giữa 1 và 9. [6]

Không phải nguyên Trung Hoa mới tượng trưng Bản thể bằng số năm, mà các triết gia Hi La, Ấn Độ cũng đã từng làm như vậy. [7]

Về từ ngữ, thì cổ nhân dùng chữ Trung, chữ Nhất, chữ Dịch, chữ Đơn để chỉ Bản thể:

Trung vì ở chính trung tâm điểm phát sinh vạn vật, và là cùng đích vạn vật hướng về.

Chữ Nhất vì chỉ có một Bản thể duy nhất mà ứng dụng thì muôn vàn. (Thể duy nhất dụng vạn thù). Chữ Dịch vì bao quát cả âm dương, cả 2 lẽ biến hằng. [8] Chữ Đơn vì Đơn cũng chính là âm dương hợp nhất. [9]

Ta có thể dùng trung điểm và các vòng tròn đồng tâm để vẽ ra mối liên hệ giữa Bản thể và hiện tượng cũng như để gợi ra Bản thể vừa là cực điểm vừa là trung điểm của vạn vật, vừa thật cao và vừa thật sâu.

THÁI CỰC, (TRUNG)
1. TÍNH
2. KHÍ
3. TÂM
4. TRÍ
5. XÁC
6. Xã hội - Gia đình
7. Hoàn cảnh vật chất

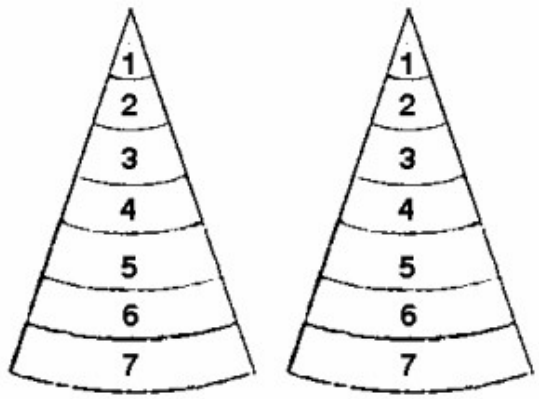

1. ĐẠO
2. ĐỨC
3. NHÂN
4. NGHĨA
5. LỄ
6. CHÍNH TRỊ
7. BÁCH NGHỆ

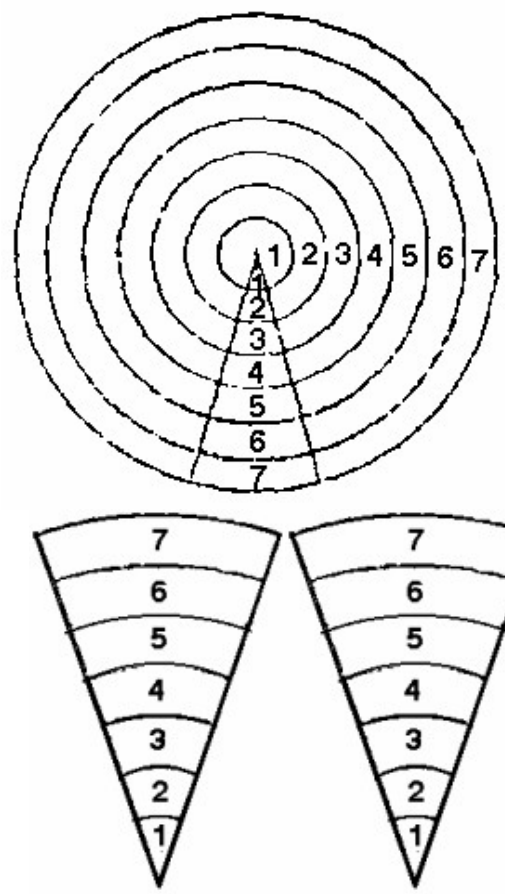

7. BÁCH NGHỆ
6. CHÍNH TRỊ
5. LỄ NGHI
4. GIÁO LÝ
3. LUÂN LÝ
2. NGHỆ THUẬT
1. TÍNH

(căn bản, căn nguyên, hoàn thiện)

7. Hoàn cảnh vật chất
6. GIA ĐÌNH
5. XÁC
4. TRÍ
3. VỌNG TÂM
2. VÔ MINH
1. CHÂN TÂM

(Đạo,Thần, Hư vô, Niết bàn, Vô hà hữu chi hương)

Các đồ bản chứng minh:

1. Trung = Cực = Căn bản = Tính = Đạo

2. Các tầng lớp con người với những hiện tượng tương ứng.

Tóm lại, các hình bóng, các từ ngữ bên ngoài, chẳng qua là những phương tiện giúp cho thần trí trực giác, lĩnh hội Bản thể tối cao; một khi tâm thần đã trực giác được Bản thể, được tuyệt đối, thì hình ảnh và từ ngữ trở thành vô dụng. Thần khí một khi đã thấu triệt Bản thể, đã trở về được với Bản thể, là đã vượt qua lãnh vực từ ngữ và hình sắc chẳng còn cố chấp nữa. [10]

Chữ nghĩa, hình dung là cốt dùng cho đại chúng. Còn những người đã được diễm phúc vượt khỏi lĩnh vực tương quan, đối đãi, những người đã hòa mình được với Tuyệt đối, sẽ lãng quên những bóng hình những từ ngữ, để cho thần trí thảnh thơi sảng khoái mặc tình phiếm du trong ánh vinh quang chân thiện mỹ ... [11]

HIỆN TƯỢNG LUẬN

Dịch giả biến dịch dã. (Thập tam kinh, Chu Dịch, tr.1)

Dịch dã tượng dã. (Hệ Từ hạ)

Dịch dã dụng da. (Tống Nguyên học án, q.82, tr. 3)

Trung Dung và Kinh Dịch muốn vẽ lại trong muôn một hình bóng hình của tuyệt đối. Cũng như Thái cực ở trung cung, tung tỏa, phát sinh các hào quái biến thiên thành vòng Dịch bên ngoài. Bản thể Thái cực trong vũ trụ cũng phát sinh muôn vàn hiện tượng thiên văn địa lý, nhân sự.[12]

«Anh hoa chính khí đất Trời,

Khoác hình vật chất khắp nơi vẫy vùng.

Tràn mặt đất tuôn sông kết núi,

Vút Trời mây chói lói trăng sao.

Trần ai lẫn bóng anh hào,

Muôn ngàn khí phách rạt rào tầng xanh.» [13]

Hiện tượng, tuy do một bản thể phát sinh, nhưng thực ra có muôn hình sắc, di động biến thiên, ảo hóa khôn lường có một cuộc đời dài vắn tùy nghi, theo công dụng. [14]

Hiện tượng như những làn sóng rào rạt, tràn lan khắp vũ trụ. Bất cứ cái gì biến thiên cũng đều là hiện tượng. Cho nên từ ý tưởng, tình tứ, từ ngữ, vận động, hình sắc cho tới những biến thiên trong xã hội nhân quần, những vinh, khô, đại, tạ trong thảo mộc, những đấu tranh, sinh tồn giữa cầm thú, những tổ chức xã hội hay đạo giáo đều là hiện tượng cả.

Hiện tượng như làn sóng quang âm, hay như ngọn ba đào, có sinh có trưởng, có thăng, có trầm, không vĩnh cửu.

Hiểu số phận phù du của hiện tượng là hiểu được số phận vũ trụ, và các trạng thái xã hội khác.

Dầu một chủ nghĩa lan tràn và được suy tôn đến đâu, dầu một quốc gia hùng cường đến mức nào, rồi ra cũng theo số phận chung của hiện tượng là suy vong tàn tạ. Nhưng vị mọi sự biến thiên có nhanh có chậm, có chóng có lâu, nên bèo này mới chê bọt nọ là phù du chất chưởng, nào hay nghìn vạn năm cũng ví như một chớp mắt trên tấm phông vĩnh cửu.

Nhưng dưới những cảnh phù du biến ảo còn có Bản thể bất biến, còn có tinh thần bất biến.

«Từ biến chuyển nhìn ra Trời đất,

Thì đất Trời chớp mắt đã qua.

Từ trong vĩnh cửu nhìn ra,

Muôn loài muôn vật như ta vô cùng.» [15]

Thấu lẽ huyền vi của đất Trời, các hiền thánh cố công dạy đời tìm ra Bản thể bất diệt, [16] tinh thần bất diệt lồng trong mọi biến thiên, dạy người lấy tâm địa vun trồng cây «Tính mệnh», đem phù du biến ảo tài bồi «Thiên địa chi tâm».

Nhưng người đời thường thiển cận, thay vì ôm ấp tinh thần bất diệt ấy, lại chạy theo xu phụng các hiện tượng bên ngoài, thù hằn chém giết nhau vì tư tưởng này, tư tưởng nọ, hình thức này hay hình thức kia, như thế khác nào thả mồi bắt bóng; khi bừng tỉnh lại, mới thấy mình tay trắng, trắng tay. [17]

Than ôi! Biết bao người đem tâm thần xu phụng hình hài và ngoại cảnh, để cho các hiện tượng bên ngoài mặc tình đẩy đưa, sai khiến.

Đời sống của họ dồn cả ra bên ngoài, đổi tâm thần lấy công danh, ngựa xe, áo sống. Thực đáng thương thay. [18]

Hiền thánh xưa, trái lại, phân biệt rõ phương diện phù du, và vĩnh cửu của cuộc đời, nên khi «công thành thì thân thoái»:

«Muốn được ấn phong hầu quí báu,

Cho bõ công bôn tẩu nhân gian.

Như khi công đã thành toàn,

Ta nên tìm chốn an nhàn tránh xa.

Nghêu ngao vui thú yên hà,

Áo bào cổi lại đó là trí trai.» [19]

Nhưng rũ bỏ phù hoa, không phải là để nghêu ngao vui thú yên hà, mà chính là để tìm cầu chân lý, đạo lý, trở thành chân nhân, biết đường «quy nguyên phản bản».

«Chân chân sự đã rành rành,

Người trần chẳng biết thần linh xét cùng.

Dốc niềm phản bản, qui tông.

Nguyên tinh giữ chắc tấm lòng hẳn hoi.» [20]

Khi đắc đạo, con người sẽ sống một cuộc đời thảnh thơi, thảng đảng, linh diệu, huyền thông.

«Chàng kia có đạo thần linh,

Đi đâu cũng giắt trong mình đem đi.

Gặp người, thuyết pháp ra uy,

Để yên xem cũng nhiều bề hiển linh.» [21]

Các hiện tượng như vậy có lớp lang tiết tấu và có ảnh hưởng lẫn nhau. Những hiện tượng tâm linh có thể biến dần thành những hiện tượng sinh lý, xã hội, vật chất, hay ngược lại, những hiện tượng vật chất có thể sinh ra những hiện tượng xã hội sinh lý, tâm lý hay siêu nhiên. Nhìn rộng ra, thì những hiện tượng ấy, thường xuyên diễn tiến trong hoàn võ và trong con người, kế tiếp nhau thành một vòng tuần hoàn vô tận của Trời đất.

Phân tách vũ trụ, phân tách con người thành nhiều tầng lớp, thành nhiều loại hiện tượng với những công dụng và những giá trị khác nhau, ta có thể mở rộng quan niệm ta về con người.

Thiết tưởng không thể quan niệm một cách hẹp hòi rằng con người chỉ nguyện có hồn, có xác, mà phải quan niệm con người có đủ Trời đất người trong mình. Phía trong thì liên kết với Thượng đế với thần linh, phía ngoài thì ràng buộc, chi phối bởi xác thân, gia đình, quốc gia, xã hội, hoàn cảnh, không gian và thời gian. Mọi biến cố bên trong hay bên ngoài con người đều có ảnh hưởng đến con người. Như vậy con người là Tất cả.

Dựa vào Nho giáo và các học thuyết Đông Tây ta có thể vẽ lại con người với các tầng lớp như sau:

Người =
Tính (Logos)
Khí (Esprit)
Tâm (Psyché)
Trí (Mental)
Xác (Corps)
Gia đình, xã hội (Famille, Société)
Hoàn cảnh vật chất (Milieu physique)

Mỗi tầng lớp con người, mỗi một loại hiện tượng đều có thể thu hút cả đời sống con người; và tùy theo hoạt động ở bình diện nào, con người sẽ có một bộ mặt khác, một vai trò khác, một lề lối sống khác, một tầm mắt khác.

Cho nên ta đừng tưởng con người đều sống chung trong một thế giới, mà thực ra phải quan niệm họ

sống trong nhiều thế giới khác nhau, có những tâm tư khác khác nhau, sở thích khác nhau, hoạt động khác nhau, tùy như họ đang sống trên bình diện nào, đang trút cả tâm thần ý chí vào loại hiện tượng nào.

Cũng vì thế, mà mỗi đạo giáo đều có nhiều phương diện để thích ứng với mọi hạng người.

Đối với phàm phu tục tử, thì bày ra lễ nghi, chuông trống đàn sáo, hương hoa bên ngoài; cho hạng sĩ tử, thì trưng ra một số lý thuyết, một số giáo lý, xếp đặt sao cho thành một hệ thống mạch lạc; cho hạng người muốn tu tâm, thì đưa ra một nền luân lý hay những nếp sống khổ hạnh tu trì. Nhiệm vụ của các giáo hội đến đây là chấm dứt...

Tiến sâu hơn nữa, tiến cao hơn nữa là thuộc phạm vi mỗi cá nhân. Con người còn có thể biến đời sống mình thành bài thơ, thành khúc nhạc, thành một nghệ phẩm (Esthétique, grâce). Đi tới bình diện này, con người đã tách dần khỏi đại chúng.

Nhưng con người còn có thể tiến hơn được nữa, tiến được đến tuyệt đỉnh, tuyệt đích, tiến tới hoàn thiện, tiến tới chỗ kết hợp với Trời, [22] tìm ra thanh bình trong hỗn loạn, tìm được vĩnh cửu giữa mọi biến thiên, tìm được sự hiệp hòa trong chia rẽ. Người xưa gọi thế là chân nhân, chí nhân, vì đã đạt được mục đích của đời sống, đạt được lý tưởng của con người.

Ta có thể mượn tạm lời Trang Tử trong chương Ưng Đế Vương của Nam Hoa Kinh mà mô tả những bậc chân nhân, chí nhân ấy như sau:

«Chân nhân rũ bỏ phù hoa, [23]

Vui trong Đạo cả cao xa tuyệt vời. [24]

Sống trong vị thủy chơi vơi, [25]

Cưỡi chim khinh khoát, bay ngoài lục hư. [26]

Làng Vô hà hữu ngao du,

Sống trong «vô hữu» lặng tờ tịch liêu, [27]

Vô vi như thể Trời cao,

Vô vi trác tuyệt nói sao cho cùng.

Bao trùm vô tận thinh không,

Mịt mù tông tích ai lùng cho ra. [28]

Tâm hồn gương sáng, sáng lòa,

Chiếu soi muôn vật đâu là riêng tây. [29]

Các ngài như Quảng Thành Tử tuy còn ở trần gian, mà vẫn sống trên thượng giới:

«Kìa xem vạn vật vân vi,

Rồi ra tro bụi trở về bụi tro.

Thôi ở lại, ta vô cùng cực,

Cửa vô cùng ta sắp vô chơi.

Cánh đồng vô tận chơi vơi,

Ta cùng nhật nguyệt sáng ngời hào quang.

Cùng Trời đất miên man sống mãi,

Mặc cho đời phải trái cạnh tranh.

Mặc người tử tử, sinh sinh,

Ta nay muôn kiếp siêu linh, trường tồn.» [30]

Nhưng những hạng người sau đây, thường bị xã hội đương thời, những giáo hội đương thời phản đối hay hãm hại[31] một là vì tư tưởng các ngài quá siêu việt phóng khoáng, thoát ra mọi khuôn khổ chật hẹp thường dùng để giam giữ phàm nhân, hai là vì các ngài dùng những từ ngữ siêu phàm, xưng mình là Thiên tử, Thiên sứ. Ba là vì các ngài đưa ra đường lối ngược với thế nhân, dạy người tìm nước Trời, tìm Trời trong thâm tâm, như vậy là mặc nhiên phủ nhận giá trị những tổ chức hiện hữu bên ngoài, bốn là vì các ngài chủ trương con người có thể phối hợp hòa đồng với Thượng đế, đó là một điều chúng nhân cho là ngạo mạn, phạm thượng... hay ít ra cũng là điên cuồng , vu khoát...

Nhưng thực ra, các ngài không phủ nhận giá trị các tổ chức hiện hữu, mà chỉ muốn đem hoàn thiện tới cho nhân loại. Các ngài xây dựng cho thêm hoàn tất chứ không phá bỏ.

Mục đích các ngài là mở đường dẫn lối cho hiền nhân quân tử muôn thế hệ biết rõ các nấc thang giá trị, biết rõ đầu đuôi gốc ngọn của cuộc đời, để đỡ phải lần mò vất vả.

Nói cách khác, các vị sáng lập đạo, đều đã sống trong sự hòa đồng cùng Thượng đế, cố chỉ vẽ cho nhân loại diễm phúc tuyệt đối đó; nhưng, vì điều đó huyền vi ẩn áo, nên ít người thấu hiểu được. Vì thế, ta thấy liên tiếp nhau trong thời gian những nếp sống mới xuất hiện.

Hoặc là nghệ thuật (Esthétique, grâce).

Hoặc là tu trì nhặt nhiệm, luân lý, kỷ luật (Ascétisme, morale et réglements).

Hoặc là tôn sùng lý thuyết giáo lý (dogmatisme).

Hoặc là tôn sùng hình thức lễ nghi bên ngoài (formalisme).

Càng tiến ra là càng xuống thấp, mà càng xuống thấp thì càng dễ phổ cập vào đại chúng. Nhưng khi đã phổ cập tới đại chúng thì tinh hoa đạo lý đã mất, mà chỉ còn phảng phất lại chút dư hương, chỉ còn le lói một chút sáng thừa của vừng dương đã bị mây mờ che lấp hết. Càng lạc lõng vào hiện tượng càng lạc mất Bản thể, càng say mê cái phù hoa giả dối, càng xa lìa thuần phác chân chính mà khi con người đã bị hoàn cảnh thôi miên, đã bị trào lưu lôi cuốn , thì sao còn sáng suốt mà nhận định, sao còn tự chủ mà tìm được đúng hướng đi?

Lão Tử viết:

«Hễ đạo [32] mất, nặng tình với đức, [33]

Đức không còn lục tục theo nhân. [34]

Hết nhân có nghĩa [35] theo chân,

Nghĩa không còn nữa thấy thuần lễ nghi. [36]

Nên Nghi lễ là chi khinh bạc,

Cũng là mầm loạn lạc chia ly.

Bề ngoài rực rỡ uy nghi,

Bề trong tăm tối, ngu si, ngỡ ngàng.

Nên quân tử chỉ ham đầy đặn,

Chứ không ưa hào nháng phong phanh.

Chỉ cần thực chất cho tinh,

Không cần bóng bẩy lung linh bên ngoài.

Bắc cân khinh trọng cho tài,

Biết đường ôm ấp, biết bài dễ duôi.» [37]

Đứng trên bình diện các hiện tượng và bình tâm mà xét, thì đạo giáo nào cũng có bấy nhiên tầng cấp, bấy nhiên phương diện, bấy nhiêu giai đoạn lịch sử. Từ hình thức lễ nghi, giáo lý [38] mà xét thì đạo nào cũng Hán Sở chia phôi, Đông Tây cách trở; từ tinh hoa thuần túy mà trông, thì thấy bốn bể đều vang lên một Nhã ca đồng nhất.

Cho nên, cái hay của con người không phải là ở chỗ theo đạo này hay đạo kia, [39] mà chính là ở chỗ biết biện phân cái chính cái tùy của mỗi đạo, để biết đường tiến lên, tiến mãi tới Thượng đế, cố gắng cho tâm thần mình ngày thêm rực rỡ đượm muôn ánh hào quang, sống phiêu diêu, khinh khoát giữa trần cấu cuộc đời, mở rộng tâm hồn để chứa đựng muôn phương, thâu tóm hết tinh hoa Trời đất, không gian và thời gian vào tấc dạ.

Dịch chủ trương: «Địa đạo» là đạo là vợ, là đạo bầy tôi.[40]

Nói cách khác, hoàn cảnh vậy chất bên ngoài chỉ cốt là để hỗ trợ phụ bật, duy trì tinh thần bên trong, chứ không thể làm chủ chốt được.

Cho nên, người xưa cho rằng đem tâm thần vĩnh viễn làm tôi tớ vật chất hình hài[41] là một lầm lỗi lớn. Đã đành, lúc còn trẻ, con người vì miếng cơm manh áo, giang sơn, xã hội, vì còn mê muội,[42] nên đem tâm thần phục vụ hoàn cảnh là điều bắt buộc; nhưng khi đã luống tuổi, mà vẫn còn lận đận bon chen mãi, thì thực là uổng phí cuộc đời.[43]

Trang Tử nói «đừng lấy người giết Trời» cũng không ngoài ý ấy. [44]

Suy ra, con người lý tưởng phải biết sử dụng, biết làm chủ các hiện tượng bên ngoài, chứ không chịu làm nô lệ ngoại cảnh, chịu các hiện tượng bên ngoài sai khiến.

«Quân tử bất khí.» 君 子 不 器 [45]

Người quân tử lẽ nào là một khí cụ suông như cái xe, cái súng hay sao?

Nói tóm lại Dịch bàn đến hiện tượng, đến biến thiên, đến ứng dụng, Trung Dung bàn đến Tính mệnh, đến Bản thể. Con người mà không biến dịch, tiến hóa, thì là gỗ đá chứ chẳng phải người; con người tiến hóa mà chẳng có mục phiêu, sinh ra đời mà chẳng biết đầu đuôi gốc ngọn thì là mê, đâu phải tỉnh.

Dịch dọn đường cho Trung, thiên biến là đường đưa đến vĩnh cửu, hiện tượng là công cụ để tìm ra Bản thể. Có như vậy mới là biết lẽ u hiển, biết lẽ quân thần.[46]

Thế mới hay:

«Cái tạm bợ bao ngoài vĩnh cửu,

Áo thô sơ che dịu gấm hoa.

Rồi ra vàng ngọc chói lòa,

Trời người định vị, trung hòa vô biên.»

CHÚ THÍCH

[1] Quái dã, hoạch dã, tượng dã. Cái tự Đạo nhi nhất biến vi hoạch, nhân nhi thành tượng, hoạch tượng cụ nhi thành quái, sử vạn thế chi hạ, phục do quái dĩ tri tượng, do tượng dĩ tri hoạch, do hoạch dĩ minh đạo. Thử thánh nhân chi ý dã. 卦 也 畫 也 象 也. 蓋 自 道 而 一 變 為 畫, 因 而 成 象, 畫 象 具 而 成 卦 使 萬 世 之 下 復 由 卦 以 知 象 由 象 以 知 畫 由 畫 以 明 道. 此 聖 人 之 意 也 (Tống Nguyên học án, q.28, tr.5: Ẩn Quân Quách, Bạch Vân tiên sinh Ung)

[2] cf: Upanishads; Brih. 2.5.I9. Maitri 6.I7; Brih. 3.8,8; Katha 3.I5; Mund. I.I.6; katha 2.I3 I4; 6.8; Svet. 6.9; Svet. 6,II; Birh. 3.9.26; 4.2.4 Svet. 4.I9 20. Birh. 2.3.6.

[3] Đạo chi nhất tự, tức vũ trụ chi bản thể dã. 道 之 一 字 即 宇 宙 之 本 體 也 (Tử Đồng Tạ, Trung Hoa Triết học sử, q.II, tr.6)

[4] Phỏng dịch bài: «Nguyên đạo huấn» của Hoài Nam Tử (Vũ Tiên Lý, Chư tử văn túy, q.52, tr.1) (Đọc nguyên văn ở Phụ lục V cuối sách)

[5] Ngũ dã giả, Thái cực dã. 五 也 者 太 極 也 (Địa lý chính tông, tr.2)

[6] Án tam nhị chi hợp ngũ dã, nhất tứ chi hợp diệc ngũ dã, nhất nhất nhị nhị chi tích hựu ngũ dã, tam tam tứ tứ chi tích hựu ngũ chi tích dã, thử ngũ sở dĩ vi số chi hội nhị vị chi trung dư. 案 三 二 之 合 五 也, 一 四 之 合 亦 五 也, 一 一 二 二 之 積 又 五 也, 三 三 四 之 積 又 五 之 積 也, 此 五 所 為 數 之 會 而 位 之 中 與 (Dịch Kinh đại toàn, Chu tử đồ thuyết, tr.21)

...Oum = 5: Or Oum est une préclamation de toutce qui devient, un prototype du premier développement cosmogénésique un souffle de la vie originelle Le contenant de la vie à venir L'enveloppe de la scienci Le corps mystique de Brahm L'âme de tout avec et dans Bahm. (Jean Malfatti de Montereggio, La Mathèse, p.30 et ss)

[7] Plutaque: «Le nombre cinq embrasse d'abord tout, l'espèce de tout nombre, le nombre deux, premier nombre pair et le nombre trois, premier nombre impair, d'où on lui donne le nom de mariage, comme s'il résultait de l'union d'un homme et d'une femnme.

Anonymus: «On le dit cordial selon la ressemblance du cœur qui est placé au milieu chez tous les amimaux. Il est appelé aussi providence, justice parce qu'il rent égal ce qui était inégal. Le premier ton dans la musique est la quinte.

Macrobe: «Ce nombre désigne donc en même temps tout ce qui est supérieur et inférieur; en effet, il signifie ou bien le Dieu suprême ou l'esprit, né de Dieu dans lequel toutes les espèces sont contenues, ou l'âme du monde qui est la source de toutes les âmes, les choses célestes qui viennent jusqu'à nous, ou la nature terrestre; ainsi le nombre cinq est celui qui convient à tout. (La Mathèse, p.34)

[8] Bồ điền Trịnh thị viết: Dịch tòng nhật, tòng nguyệt, thiên hạ chi lý nhất cơ nhất ngẫu tận hĩ; thiên văn, địa lý, nhân sự, vật loại dĩ chí tính mệnh chi trưng biến hóa chi diệu, bĩ thái, tổn ích, cương nhu, đắc thất, xuất xử, ngữ mặc giai hữu đối địch, cố thiết nhất trường hoạch. Nhị đoản hoạch dĩ tổng quát chi, sở vị nhất âm nhất dương chi vị đạo giả thử dã. 莆 田 鄭 氏 曰 易 從 日 從 月, 天 下 之 理 一 奇 一 偶 盡 矣 天 文 地 理 人 事 物 類 以 至 性 命 之 徵 變 化 之 妙, 否 泰, 損 益, 剛 柔, 得 失, 出 處, 語 默 皆 有 對 敵, 故 易 設 一 長 畫. 二 短 畫 以 總 括 之, 所 謂 一 陰 一 陽 之 謂 道 者 此 也 (Dịch Kinh đại toàn; Chu dịch thượng kinh)

[9] Đơn tự nhật đầu nguyệt cước, trung gian nhất hoạch, hệ nhật nguyệt hợp nhất chi vị dã, kỳ nội nhất điểm, vi tinh khí hồn hợp, dĩ tượng nhất lạp kim đơn dã. 丹字日頭月腳, 中間一劃係日月合一之謂也, 其內一點, 為精氣渾合, 以像一粒金丹也 (Tu chân bất tử phương 修真不死方, tr.26)

[10] Duy tâm duyên tướng, ly văn tự tướng, ly ngôn thuyết tướng. 惟心緣相離文字相離言說相 (kinh Phật). Ngọc thư viết: nhất, tam, ngũ, thất, cửu. Đạo chi phân nhi hữu số. Kim mộc thủy hỏa thổ. Đạo chi biến nhi hữu tượng. Đông Tây nam bắc trung, Đạo chi liệt nhi hữu vị. Thanh bạch xích hoàng hắc, Đạo chi tán nhi hữu chất. Số quy ư vô số; tượng phản ư vô tượng; vị chí ư vô vị; chất hoàn ư vô chất... Vô số đạo chi nguyên dã, vô tượng Đạo chi thể dã; vô vị Đạo chi chân dã; vô chất Đạo chi diệu dã. 玉書曰: 一三五七九. 道之分而有數. 金木水火土. 道之變而有象. 東西南北中道之列而有位. 青白赤黃黑, 道之散而有質. 數歸於無數;象反於無象; 位至於無位; 質還於無質... 無數道之源也, 無象道之體也; 無位道之真也; 無質道之妙也 (Linh bảo tất pháp, hạ quyển, tr.12). cf. Car aussi rapides que l'éclair, ils ont dépassé le royaume des noms et des qualifications, et ils habitent à l'ombre de l'Essence divine! comme dit le Hadith: «La véritable formule du monothéisme est de n'attribuer à Dieu aucune qualification.» -- Les sept vallées Balla u' lláh (tr.19)

[11] ... Cf.: Baha' u'lláh. Les Sept Vallées, p.32: La condition de ceux qui savent ne se dit que par le cœur. On ne peut la confier à nul homme ni la décrire dans aucune lettre. Je préfère me taire à cause de ma faiblesse.

Car mon discours insuffisant ne ferait qu'amoindrir la vérité...

... La Science était un point: les ignorants l'ont multiplié...

(Ibid. p.27)

... Si tu es un homme pieux et humble, envole-toi sur les ailes vigoureuses des saints, pour voir les mystères de l'ami et parvenir à la Lumière du Bien-Aimé. «Nous venons de Dieu et nous retournons à Lui.» (Ibidem, p.20)

... Et appelez-Le comme vous voudrez, car pour ceux qui savent, Il est le possesseur de tous les Noms.» (Ibidem, p.6)

cf. Maître Eckart. Cité par Illan de Casa Fuerte, La religion essentielle, p.143.

Saint Augustina dit que l'âme se transmute dans celle qu'elle aime; si elle aime les choses de de la terre, elle devient terrestre, si elle aime Dieu... eh bien, me demanderez-vous, devient-elle Dieu. Si je le disais, cela semblerait impossible à ceux dont le sens de ces choses est trop faible, et ils ne pourraient me comprendre. Je me tais, et préfère vous renvoyer aux Écritures; vous y lirez: «Vous êtes des Dieux.» (cf., Jean 10, 34 et Psaume 82, 6)

[12] Tư lý dã, ngưỡng tắc trứ vu thiên văn, phủ tắc hình ư địa lý, trung tắc ẩn ư nhân tâm, nhi nhân chi mê nhật cửu bất năng dĩ tự đắc dã, minh hành vu lợi hại chi vức, nhi mạc tri sở thượng. 斯理也, 仰則著于天文, 俯則形於地理中則隱於人心, 而人之迷日久不能以自得也, 冥行于利害之域而莫知所尚 (Tống Nguyên học án, q.26, tr.1)

[13] Thiên địa hữu chính khí 天地有正氣

Tạp nhiên phú lưu hình 雜然賦流形

Hạ tắc vi hà nhạc 下則為河嶽

Thượng tắc vi nhật tinh 上則為日星

Ư nhân viết Hạo nhiên 於 人 曰 浩 然

Phái hồ tắc thương minh 沛 乎 塞 蒼 冥

(Chính khí ca 正 氣 歌)

[14] cf. Illan de Casa Fuerte, La Religion essentielle, p.64: Dans l'Unité, tout nombre préexiste uniformément, en sorte que l'Unité contient en elle chacun des nombres particuliers et en même temps, tout te nombre se trouve rassemblé dans l'un; il est dans l'unité. Plus le nombre s'éloigne de l'Unité dont il provient plus il se divise, plus il devient multiple.

De même, tous les rayons du cercle, rassemblés par une même union, existent simultanément dans le Centre - Le point contient tous ces rayons uniformément réunis les uns avec les autres; tous ces rayons se trouvent conjoints dans le Centre, et joints au principe unique dont ils sont issus - Tant qu'ils s'éloignent peu du Centre, ils sont faiblement séparés les uns des autres; ils divergent davantage au fur et à mesure qu'augmente la dissance au Centre. (Denys, le pseudo - Aréopagite)

[15] Tự kỳ biến giả nhi quan chi, tắc thiên địa tằng bất năng dĩ nhất thuấn, Tự kỳ bất biến giả nhi quan chi, tắc vật dữ ngã giai vô tận dã. 自 變 者 而 觀 之, 則 天 地 曾 不 能 以 一 瞬 自 其 不 變 者 而 觀 之, 則 物 與 我 皆 無 盡 也 (Tô Đông Pha, Tiền xích Bích phú).

[16] cf. Thủ lăng nghiêm kinh, q.2: Phật cáo «... nhữ tri thân trung hữu bất diệt da...» ¦汝 知 身 中 有 不 滅 耶 (Phật nói với vua Ba Tư Nặc: «Đại vương có biết trong thân có cái bất diệt không...»

[17] Marche ô âme bénie, sans s'attarder, dans la béatitude de la solitude intérieure. Vois, Dieu t'invite à rentrer dans ton centre intérieur, où il veut te renouveler, te changer, te remplir, te revêtir et te montrer le nouvel et céleste royaume, plein d'allégresse, de jouissance et de sérénité... (Michel Molinos, Illan de Casa Fuerte, La religion essentielle, p.178)

[18] cf. Spinoza cité par Illan de Casa Fuerte, Religion essentielle, p.182: «... L'ignorant outre qu'il est balloté de mille façons par les causes extérieures et qu'il ne possède jamais le vrai contentement de l'âme, vit dans une sorte d'inconscience de lui-même, de Dieu et des choses; et sitôt qu'il cesse de pâtir, il cesse aussi d'être.

Le sage, au contraire, considéré comme tel, sent à peine son âme troublée; mais ayant, par une certaine nécessité éternelle, conscience de lui-même, de Dieu et des chosses, il ne cesse jamais d'être, et il est toujours en possessior du vrai contentement de l'âme...

[19] Nam nhi nhược đắc phong hầu ấn 男 兒 若 得 封 侯 印

Bất phụ nhân gian tẩu nhất tao 不 負 人 閒 走 一 遭

Công thành thân thoái 功 成 身 退

Yên hà tiêu ngạo 煙 霞 嘯 傲

Thoát khước tử la bào 脫 卻 紫 羅 袍

Phương thị nam nhi đạo. 方 是 男 兒 道

Bí ẩn Gia Cát thần số, bài 245.

[20] Chân chân chân 真 真 真

Nhân bất thức 人 不 識

Chân chân chân 真 真 真

Thần hữu linh 神 有 靈

Qui tông phân bản 歸 宗 反 本

Phương thị nguyên tinh 方 是 原 精

Bí bản Gia Cát thần số, bài 47.

[21] Nhất cá thần đạo, tùy nhĩ khứ hành, 一 箇 神 道 隨 爾 去 行. Phùng nhân thuyết pháp, đáo xứ hiển linh. 逢 人 說 法 到 處 顯 靈 Bí bản Gia Cát thần số 秘 本 諸 葛 神 數, bài 354.

[22] Qui autem adhoeret Domino unus spiritus est - (Celui qui s'unit au Seigneur n'est avec lui qu'un seul esprit- I Cor,VI,17 Bible de Jérusalem).

Celui qui s'approche de Dieu et s'attache à lui devient un même esprit avec lui. (Ste Thérèse, Le Château de l'âme, Edition du Seuil.

... Glorifiez et portez Dieu dans votre corps. I Cor 6, 19 (Bible de Jérusalem) Cf. aussi Ste Thérèse, Le Château de l'âme chapitre 3e.

[23] Điêu trác phục phác. 雕 琢 復 朴.

[24] Thể tận vô cùng, nhi du vô trẫm. 體 盡 無 窮, 而 遊 無 朕 .

[25] Tự dĩ vi vị thủy học nhi qui 自 以 為 未 始 學 而 歸.

[26] Thừa phù mãng diêu chi điểu, dĩ xuất lục cực chi ngoại, nhi du vô hà hữu chi hương. 乘 夫 莽 眇 之 鳥, 以 出 六 極 之 外, 而 遊 無 何 有 之 鄉.

[27] Lập hồ bất trắc nhi du ư vô hữu giả dã. 立 乎 不 測 而 遊 於 無 有 者 也.

[28] Vô vi danh thi, vô vi mưu phủ, vô vi sự nhiệm, vô vi tri chủ, thể tận vô cùng nhi du vô trẫm. 無 為 名 尸, 無 為 謀 府, 無 為 事 任, 無 為 知 主 體 盡 無 窮 而 遊 無 朕.

[29] Chí nhân chí dụng tâm nhược kính bất tương, bất nghịch, ứng nhi bất tàng. 至 人 之 用 心 若 鏡 不 將, 不 逆, 應 而 不 藏.

[30] cf Nam Hoa Kinh, chương Tại hựu, đoạn c: Kim phù bách xương, giai sinh ư thổ nhi phản ư thổ; cố dư tương khứ nhữ, nhập vô cùng chi môn, dĩ du vô cực chi dã. Ngô dữ nhật nguyệt tham quang. Ngô dữ thiên địa vi thường. Đương ngã mân hồ, viễn ngã hôn hồ. Nhân kỳ tận tử nhi ngã độc tồn hồ. 今 夫 百 昌 皆 生 於 土 而 反 於 土 故 余 將 去 女 入 無 窮 之 門, 以 遊 無 極 之 野 吾 與 曰 月 參 光 吾 與 天 地 為 常 當 我 緡 乎, 遠 我 昏 乎 人 其 盡 死 而 我 獨 存 乎.

[31] Điển hình nhất là chúa Jésus Christ và vụ án Al Hallâj bên phía Hồi giáo. Ông bị cầm tù từ năm 915 đến ngày 23. 03. 922 thì bị xử tử vì tội dám phối hợp lẫn lộn Trời người (confondre le divin et l'humain) gây hoang mang cho mọi người. (Cf. Henri Corbin Histoire de la philosophie islamique, p.277)

[32] Mysticisme.

[33] Esthétique, Grâce.

[34] Morale.

[35] Dogmatisme.

[36] Formalisme.

[37] ...Cố thất đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ; phù lễ giá trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ. Tiền thức giả, Đạo chi hoa nhi ngu chi thủy. Thị dĩ đại trượng phu, xử kỳ hậu bất cư kỳ bạc, cư kỳ thực bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ thủ thử. 故 失 道 而 後 德, 失 德 而 後仁, 失 仁 而 後 義, 失 義 而 後 禮 夫 禮 者, 忠 信 之 薄, 而 亂 之 首 前 識 者, 道 之 華, 而 愚 之 始. 是 以 大 丈 夫 居 其 厚, 不 居 其 薄, 居 其 實, 不 居 其 華. 故 去 彼 取 此 (Đạo Đức Kinh, ch.38)

[38] Un dogme, c'est une cristallisation d'une pensée... Le dogme est une matérialisation et la matérialisation est un emprisonnement. Ce qu'il faut chercher, c'est l'essence, car seule l'essence est esprit. (Illan de Casa Fuerte, La religion essentielle, p.17)

[39] cf. Camille Debret, La vie de Gandhi, p.100:

... «Après une longue étude et une longue expérience, j'en suis venu à cette conclusion: toutes les religions sont vraies, toutes ont en elles quelque erreur. Toutes me sont aussi chères que mon propre Hindouisme. Ma vénération pour d'autres fois est la même que pour ma propre foi. Comment peut-on avoir une vraie fraternité, si on croit détenir une vérité supérieure.

Il ne faut pas dans ses prières dire à dieu: «Donne-lui la lumière que tu m'as donnée,» mais donne-lui toute la lumière et toute la vérite dont il a besoin pour son plus haut développement...

[40] Địa đạo dã, thế đạo dã, thần đạo dã. (Dịch khôn quái)

[41] Tâm vi hình dịch. 心 為 形 役.

[42] Tiên mê nhi hậu đắc chủ. 先 迷 後 得 主 (Dịch khôn quái)

[43] Lam làm rồi mới nghỉ ngơi

Lao lung rời mới thảnh thơi an nhàn

Do động nhi tĩnh, do lao nhi dật,

Ngộ đại Dịch doanh hư chi lý

(Văn ngôn truyện) – Tiểu học luận thuyết tinh hoa, Quảng Ích thư cục, q.2, tr.2)

[44] Vô dĩ nhân diệt Thiên. 無 以 人 滅 天 (Nam Hoa Kinh, Thu Thủy)

[45] Luận Ngữ, Vi Chính đệ nhị, 12.

[46] Cf Marc Semenoff, Pour connaitre la pensée du Bouddha, p.126:... Le corps est la somme de toutes les formes qui le constituent et qui ne connaît les composantes de son corps ne se connaît pas lui- même. Résultat exotérique: sa vie entière, il cherche Dieu et l'univers en dehors de lui, partout dans la nature, dans les temples, les églises, les soi - disant paradis, alors que le Divin l'habite, lui. Le Royaume des Cieux en vous, est une parole ésotérique...

Le salut est la réalisation en nous de Dieu, notre véritable moi.

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 11

VŨ TRỤ QUAN THEO TRUNG DUNG VÀ DỊCH LÝ

Đặt Trung Dung, Trung điểm vào giữa vòng Dịch, đem hằng cửu lồng vào tâm khảm mọi di động biến thiên, ta có thể suy ra:

1. Một vũ trụ quan
2. Một nhân sinh quan
3. Một sử quan
4. Những định luật chính chi phối hoàn võ và con người.

Trong những trang sau, chúng ta sẽ dùng chữ Trung, chữ Dịch, dùng tâm điểm và vòng tròn, tung lên khung Trời vô hạn, cho thành Thái cực và vòng càn khôn, cho bao quát không gian vô tận và thời gian vô cùng, để nhìn cho thấu các lớp lang tiết tấu sinh sinh hóa hóa của đất Trời.

Chúng ta sẽ quay cho vòng Càn Khôn di động để phơi bày ra toàn thể lịch sử nhân loại, từ lúc con người khoác xác phàm phu luân lạc trong cõi hồng trần, cho tới khi giải thoát hiển vinh, trở thành thần thánh cùng đất Trời trường sinh bất tử, nhân đó chúng ta có thể tìm ra huyền cơ Tạo hóa và những định luật bất biến chi phối trào lưu thăng trầm, tiến thoái của nhân quần ...

Nho giáo chủ trương: «Thiên địa vạn vật nhất thể.» [1]

Bản thể đất Trời «duy nhất», nhưng hình tướng công dụng bên ngoài thì biến ảo muôn ngàn (Thể duy nhất, dụng vạn thù).

Đà diễn tiến của vũ trụ như sau: Vô cực [2] sinh Thái cực, Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, và cứ đà tiến ấy tạo dựng quần sinh vũ trụ. [3]

Nói cách khác: Trời sinh ánh sáng, ánh sáng sinh từ lực; từ lực tức nhị khí âm dương, sẽ tác dụng phối hợp nhau theo những phương thức khác nhau để sinh mây gió, nước lửa, núi non, Trời đất...

Theo quan niệm trên, thì vô hình dần dần dà cô đọng thành hữu hình, ánh sáng dần dần biến hóa thành thiên hình vạn trạng.

Ngược lại với giáo lý các đạo độc thần (Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Do thái giáo), Nho giáo chủ trương thuyết sinh hóa (émanation et transformation), một thuyết sinh hóa đặc biệt vì hết chu kỳ (cycle) biến dịch, lại trở về nguyên bản (Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy. Nguyên thủy phản chung). [4]

Thái cực hay Ánh sáng chí tôn ấy như vừng dương ngự giữa hoàn võ tung tỏa hào quang khắp nơi để duy trì sinh hóa. Đâu có sinh hóa đấy có Thái cực, trong mỗi vi trần đều có Thái cực, trong mỗi nhân thần đều có thái cực.[5]

Thái cực còn gọi là Trung, vì bất biến, làm khu nữu cho vũ trụ; gọi là Dịch vì làm cho vạn hữu biến

hóa, gọi là Đạo, vì là nguyên động lực muôn loài...

Từ trước đến nay, ít người hiểu hai chữ Vô cực, Thái cực của cổ nhân, nên từ ngữ đã làm chết nghẹt tư tưởng, và vì vậy không sao tìm được điểm tương đồng giữa các học thuyết Âu Á.

Nhưng nếu hiểu vô cực là «Trời ẩn», Thái cực là «Trời hiện», thì ta sẽ biết ngay Thái cực là Đạo, là Hóa công, là Tạo hóa, như vậy Vô cực, Thái cực chỉ là hai phương diện ẩn, hiện (non-manifestation et manifestation) của Hóa Công.

Hai phương diện này là ta liên tưởng đến Brahman (Vô) và, Isvara (Hữu), Nirguna (vô tướng= sans qualité) và Saguna (Hữu tướng= avec qualité) trong kinh Vệ Đà. [6]

Đó cũng là quan điểm của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh.

«Hóa công hồ dễ đặt tên,
Khuôn thiêng hồ mà đem luận bàn,
Không tên, sáng tạo thế gian,
Có tên, là mẹ muôn vàn thụ sinh.
Tịch nhiên cho thấy uy linh,
Hiển dương cho thấy công trình vân vi.
Hai phương diện một Hóa nhi,
Huyền linh khôn xiết huyền vi khôn lường...
Người là «chúng diệu chi môn»,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.» [7]

«Thiên địa vạn vật nhất thể» là một học thuyết chung cho nhiều đạo giáo Âu Á. [8]

Theo Thuyết này, thì chỉ tâm điểm là trường cửu, là duy nhất, còn vạn vật vạn hữu bên ngoài thì dị biệt, biến thiên. Cho nên nếu nhìn hẹp từng tầng, từng vật, thì thấy mọi sự đều chia phôi xa lạ, còn nếu nhìn bao quát cả toàn thể, thì thấy mọi sự đều như lá, như cành, như hoa, như quả cùng chung một gốc, và trong những lớp màng, lớp áo, lớp vỏ biến thiên bên ngoài, còn có một tinh hoa trường tồn vĩnh cửu.

Với tầm nhìn bao quát ấy Trang Tử đã nói:

«Ta và Trời đất cùng sinh,
Ta cùng muôn vật sự tình chẳng hai.» [9]

Trang Tử còn chủ trương: Nếu nhìn chỗ «dị biệt» thì thấy gan, mật như Sở, Việt chia phôi, nếu biết nhìn điểm tương đồng thì vạn vật đều là một. [10]

Càng đi ra bên ngoài, càng thấy tôn ti, quí tiện đôi đường cách trở; càng tiến vào bên trong, càng tiến tới chỗ tương đồng, vào đến tâm điểm, đến Đạo, đến Thái cực thì hết phân quí tiện, vì vạn vật đều mang Thái cực. [11] Đó chính là chỗ «Tề vật» của Trang Tử.

Theo Alfarabi, một triết gia Ả Rạp thời Trung cổ, thì trong tác phẩm thần học (Théologie), Aristote cũng chứng minh sự hiện diện của Duy nhất trong lòng mọi tạp thù, dị biệt. [12]

Áo Nghĩa Thư (Upanishad) chủ trương: dưới lớp ảo hóa, biến thiên, dị biệt bên ngoài của vũ trụ, có một bản thể duy nhất, đó là tuyệt đối thể, là Brahman hay Atman, căn nguyên của vũ trụ, và chân tâm con

người... [13]

... 'như nhện giăng tơ, như lửa sinh tàn, từ chân tâm cũng phát xuất ra mọi nguồn sinh lực, mọi vũ trụ, mọi thần minh và vạn hữu...» [14]

Sách Zohar (huyền học Do Thái) cũng đồng quan điểm khi chủ trương: Thượng đế là Trung điểm, vạn hữu bao bọc chung quanh thành nhiều vòng hay nhiều thế giới đồng tâm.

Thượng đế phát huy ra vũ trụ nên sự phát triển của vũ trụ tiến từ tầng trong ra tới tầng ngoài, và vô hạn giáng phàm dần xuống tới hữu hạn... Trong là thượng giới, ngoài là hạ giới, trong cùng là tinh thần, ngoài cùng là vật chất, vòng ngoài bao bọc hỗ trợ vòng trong như vỏ, như cùi bảo vệ cho nhân cho hạt. [15]

Kinh Hoa Nghiêm, theo Đào Hư Tử, cũng chủ trương: Vạn lý đều do một tính mà phát xuất ra. [16]

Kinh Lăng Nghiêm viết: các pháp đều do tâm biến hiện. [17]

Vũ trụ quan này đưa đến những kết luận sau:

1. Trời người tương quan mật thiết với nhau: Trời là nhân, người là quả, là vỏ bọc. [18]

2. Trời bất biến, người biến thiên. Đã biến thiên thì không vĩnh cửu. Vậy con người muốn vĩnh cửu, muốn trường sinh bất tử, phải kết hợp với Trời, nhân tâm phải kết hợp với Đạo tâm. Trường sinh bất tử không phải là một dữ kiện (fait donné) mà là một công trình (Oeuvre à réaliser).

Thực ra Cựu Ước cũng chủ trương: «Sự kết hợp với đức Minh Triết đưa ta đến chỗ bất diệt.» [19]

Thế là:

Dục cầu nhân bất tử,

Tu tầm bất tử nhân. [20]

(Muốn cho người được trường sinh,

Phải tìm ra đấng huyền linh, trường tồn.)

3. Trời ví như căn bản, nguồn gốc; nhân loại quần sinh ví như những cành lá (mạt 末), Những dòng sông (lưu 流), Trời là thể 體 (essence), nhân loại quần sinh là những ứng dụng bên ngoài (dụng 用 : service); Trời thì vi ẩn, nhân loại quần sinh thì hiển hiện, nhưng đôi bên đều mật thiết tương quan với nhau.

Chu Hi viết: «Thể dụng nhất nguyên, hiển vi vô gián.» 體 用 一 源 顯 微 無 間.

«Thể với dụng đều chung gốc rễ,

Hiển cùng vi khôn lẽ chia phôi.»

4. Đi từ Trời xuống quần sinh, vũ trụ, từ tinh thần ra vật chất là trụy lạc là thoái hóa nhưng cũng là tạo tác; đi từ quần sinh vũ trụ lên tới Trời, từ vật chất về tinh thần là siêu thoát là tiến hóa, là thần thánh hóa bản thân. Đó là bí quyết: «Qui nguyên phản bản», [21] «Trở về gốc quay về nguồn», [22] «Âm dương điên đảo» của người xưa. [23]

5. Như vậy, sự tạo dựng trong vũ trụ chưa chấm dứt. Bao lâu còn biến thiên, bấy lâu còn tạo dựng. Bao lâu con người còn cần tu luyện, thì lò cừ tạo hóa chưa ngừng công việc được.

6. Vũ trụ quan trên xây nền tảng cho cả hệ thống đạo lý và siêu hình học:

Chỉ có Thái cực, có Đạo, có tuyệt đối mới là nguồn mạch sự sống, là chân lý bất biến, là điểm hội tụ tối hậu cho nhân loại; còn các hiện tượng hình sắc bên ngoài đều như tuồng ảo hóa.

Muốn trở nên thánh, hiền, tiên, phật, muốn trường sinh bất tử, điều kiện tiên quyết là phải biết «võng tượng», Lìa bỏ các hiện tượng, các hình ảnh, theo Trung đạo, «dữ Đạo hợp chân», cho tâm thần đạt tới, và sống trong Tuyệt đối thể.[24]

Các hiền thánh xưa đều muốn qui vạn thù về một mối, cho các trào lưu tư tưởng, ước mơ chảy ngược dòng để đổ về lại căn nguyên, đều muốn sống hòa đồng với Tuyệt đối thể, đến mực không còn cái «mình», cái «ta» nhỏ nhoi ti tiện nữa, lấy phương châm «vô ngã» làm mục đích tối hậu cho công phu tu luyện. [25]

7. Vũ trụ quan trên cho thấy tại sao con người phải tiến tới vô ngã phải hòa đồng với Đạo với Trời mới được trường sinh bất tử, mới mong tiến tới đại đồng (universalité). [26]

Lý do rất là giản dị: thì chỉ có Bản thể mới vĩnh cửu, còn ứng dụng thì biến thiên, theo thời, khi còn, khi mất, thăng trầm, chất chưởng. Đàng khác, Thái cực là toàn thể, quần sinh là phân số, là bộ phận; cho nên muốn tiến tới Đại đồng (universalité) phải tiến tới toàn thể. Theo Nho giáo, Thánh nhân cần phải có độ lượng tâm hồn mênh mông bằng tầm thước vũ trụ, nghĩa là cần phải trút bỏ hết mọi giới hạn, màu da, sắc áo, lối đường tư tưởng riêng biệt, gạt bỏ hết mọi nhỏ nhen ti tiện để tiến tới công chính cao đại, tôn quí... [27]

8. Tìm Trời tìm Đạo phải tìm trong đáy lòng.

Cổ nhân gọi đó là:

«Hồi tâm phản tỉnh»

«Phản thân nhi thành.» (Mạnh Tử)

Và các phương pháp tham thiền, nhập định (contemplation, concentration et extase) cũng cốt là để kết hợp với đấng Tối Cao. [28]

9. Biết được Trời lòng ngay trong tâm khảm để làm khuôn phép mẫu mực, là căn cốt cho tâm hồn, tức là thấu triệt nghĩa lý, là hiểu biết tới căn để. Đó là «Cách vật trí tri» trong Đại học.

«... Dày công học vấn mới hay khuôn Trời;

Hay khuôn Trời thoắt thôi thấu triệt

Thấu triệt rồi ý thiệt lòng ngay

Lòng ngay ta sẽ hóa hay...» [29]

Đó là cái hiểu biết cao siêu nhất của nhân loại. [30]

10. Trở về với Trời, với Đạo,[31] với Thái cực tức là thông suốt lẽ huyền vi: «Tạo hóa qui trung chi diệu.»

Công trình này người xưa gọi là:

- Kiến tố, bão phác. [32] 見 素 抱 朴
- Qui nguyên, phục mệnh 歸 元 復 命
- Phục qui Đạo [33] 復 歸 道

- Phục qui Anh nhi [34] 復 歸 嬰 兒
- Phục qui Vô cực [35] 復 歸 無 極
- Phản kỳ chân [36] 復 其 真
- Phục kỳ bản 復 其 本
- Hoàn nguyên phản bản [37] 還 原 返 本
- Dữ đạo hợp chân 與 道 合 真
- Toàn thốc ngũ hành 攢 簇 五 行
- Hội hợp bát quái 會 合 八 卦
- Tam hoa qui đỉnh, 三 華 歸 頂
- Ngũ khí triều nguyên [38] 五 氣 朝 元
- Minh bạch nhập tố 明 白 入 素
- Vô vi phục phác 無 為 復 朴
- Thể tính, bão thần, v.v. [39] 體 性 抱 神

Trở về với Trời, kết hợp với Trời, là đạt đạo, đạt đích (chí nhân 至 人) là trở thành «con người thật» (chân nhân 真 人). Đó là «Trung Dung trung đạo». [40]

Theo vũ trụ quan trên, thì vạn vật do Trời sinh, dù phiêu lãng mấy trên trùng dương thời khắc, chung qui cũng phải trở về với Trời, với đạo. [41]

Con người theo một qui luật như vũ trụ, nên trước sau cũng phải trở về với đấng tối cao. [42]

Trung Dung là cứu cánh của con đường đó. Đạt đạo Trung Dung sẽ trường sinh vĩnh cửu. Thanh Tĩnh Kinh giải thích vĩnh cửu trường tồn là Trung Dung (thường giả Trung Dung dã 常 者 中 庸 也). [43]

Người Âu thường công kích quan niệm trên và cho là «phiếm thần chủ nghĩa». Nhưng thay vì bàn cãi suông, nếu ta giở Thánh kinh, nếu ta khảo sát giáo lý hay nghiên cứu tư tưởng các thánh hiền Thiên chúa giáo, ta sẽ thấy những chủ trương tương tự. Các hiền thánh Thiên Chúa giáo cũng tin:

1. Thượng đế ở khắp nơi (omniprésence de Dieu)
2. Vạn vật đều do Ngôi hai sáng tạo. [44]
3. Con người là dòng dõi Thượng đế [45] có thể thông phần bản thể Thượng đế.[46]
4. Nước Trời ở đáy lòng. [47]
5. Vinh quang Trời ở trong lòng nhân loại. [48]

Hơn thế nữa, vài vị đại thánh còn nhận:

6. Trời là bản thể của muôn loài... [49]

Vả lại, nếu đã chấp nhận Thượng đế ở khắp nơi, sao lại không dám nghĩ rằng Thượng đế có ở đáy lòng nhân loại?

... Nếu đã chấp nhận nước Trời ở đáy lòng, thì Trời ở đâu, nếu không phải ở trong lòng nhân loại ?

Nếu Trời ở ngay trong thâm tâm nhân loại thì tìm Đạo, tìm Trời phải tìm ở đáy lòng, tìm trong suy tư thầm lặng, hay phải tìm Trời, tìm Đạo trong những tiếng kèn, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng hát bên ngoài?

Và thế nào là người đạo hạnh, nếu không phải là người có Thiên Chúa hiện diện đáy lòng, và không còn ước mơ ngoại cảnh. [50]

Khi đã xác định Trời ở đáy lòng, nước Trời ở trong lòng, thì sự siêu thoát chắc chắn phải được thực hiện bằng sự thông suốt điều huyền nhiệm đó, và bằng những công cuộc tu luyện tâm thần, tham thiền nhập định, diệt dục, vong ngã để kết hợp với đấng Tối cao. Suy ra thì thượng giới ở ngay trong tâm hồn ta, mà hạ giới chính là thế gian ở ngoài ta.

Càng tiến ra bên ngoài, là càng đi vào tục lụy, càng bị lệ thuộc vào hoàn cảnh, không gian và thời gian. Càng tiến vào bên trong, càng thoát vòng cương tỏa của vật chất, của ngoại cảnh... cho nên muốn khinh thoát tự do, cần phải có một đời sống nội tâm dồi dào phong phú ... [51]

Từ Vô cực, Thái cực tiến hóa xuống dần tới vạn hữu, là từ cao siêu đi dần xuống ti tiện, là bước dần xuống các nấc thang giá trị, cho tới kỳ cùng. Đi từ Vạn hữu trở về Thái cực, Vô cực, là tiến từ ti tiểu tới cao đại là bước lần lên các bậc thang giá trị, cho tới hoàn hảo siêu việt. [52] Đó là lẽ tồn vong, thăng trầm của vũ trụ ...

Nhưng vì Vô cực, Thái cực ở ngay trong đáy lòng con người, nên nếu cứ để cho tâm hồn tản lạc phá tán theo các hiện tượng bên ngoài, thì sẽ đi đến chỗ trụy lạc tan rã; còn nếu biết đi trở ngược, từ hiện tượng, nhận ra tâm hồn, thần trí, Thái cực, Vô cực tìm ẩn trong đáy lòng thì sẽ tìm ra được con đường siêu thoát.[53]

Vũ trụ quan trên, cũng như toàn bộ Trung Dung, và Kinh Dịch chẳng qua cốt dạy con người đâu là nguồn mạch của mình, cũng như đâu là quê hương, cùng đích của mình ...

Theo vũ trụ quan trên, thì không gian và thời gian cũng biến động, cũng có giãn khôn lường. Càng đi vô nội tâm, càng đi sâu vào tầng trong, thì không gian và thời gian càng co lại, tưởng chừng đi đến không điểm, [54] mà kỳ thực lại tiến tới vĩnh cửu trường tồn, càng tiến ra bên ngoài thì không gian và thời gian càng giãn ra, dài ra, tưởng chừng tiến tới vô cùng mà kỳ thực lại tiến tới phù du hư ảo; cho nên một giây phút trong tâm thần tương đương mấy nghìn vạn năm bên ngoài. Tinh thần cũng vì thế có thể nói được không tương lai và dĩ vãng, hằng cửu bất biến. Cho nên một cuộc đời vật chất bên ngoài nghĩ đi nghĩ lại cũng chỉ nhanh như một giấc mộng ...

«Bôn ba đời nghĩ buồn rầu,

Hư không giấc mộng đêm thâu thấy gì.

Vô thường muôn việc bỏ đi,

Kíp hồi đầu lại kẻo khi lỡ làng.» [55]

Vũ trụ quan trên có thể nói là một quan niệm chính xác về vũ trụ, vì nó bộc lộ huyền cơ tạo hóa, quán thâu lẽ biến hằng của đất Trời; toát lược lịch sử nhân quần vũ trụ, cũng như phác họa cơ cấu nhân quần vũ trụ bằng một tâm điểm và một vòng tròn, bằng một chữ Trung và một chữ Dịch ...

Mới hay Trung Dung và Kinh Dịch chủ trương dạy người một môn học cao siêu, có mục phiêu là «thấu suốt bản tính» và định mệnh mình để chung cuộc sẽ được kết hợp với Trời với Đạo. [56]

Thâm ý của thánh nhân là làm sao cho mọi người, kẻ trước người sau, ai ai cũng có thể đạt được

trung điểm, đạt được «Thái cực», «Chí cực», «vô danh khả danh». [57]

Theo Dịch Kinh, khi người quân tử đã am tường Trung cung, Trung điểm khi Bản Thể đã ở đúng ngôi vị của nó - nói cách khác: khi con người đã đạt được Thiên vị, kết hợp được với Trời [58] thì bao nhiêu sự tốt tươi đẹp đẽ từ đáy thẳm lòng sâu tâm hồn sẽ tung tỏa ra khắp cơ thể, sẽ thấm nhuần khắp tứ chi, sẽ chói lọi trong sự nghiệp, thật là đẹp đẽ đến tuyệt vời vậy. [59]

Nhưng con người muốn trở về Trung cung Trung điểm, muốn được thông tuệ, diệu minh, cần biết suy tư, vì có suy tư mới biết huyền cơ Tạo hóa, mới có thể thần thánh hóa mình, và trở nên hoàn thiện được. [60]

Cao đại thay là căn nguyên con người, trọng vọng thay là định mệnh con người! Đẹp đẽ thay là mục phiêu công phu tu luyện của con người!

Còn gì là cho ta sung sướng hơn là cảm thấy Trời ở ngay trong lòng, là nguồn sống, và là cùng đích mình; có thần trí thông minh để nhận ra chân lý đó, có thời gian không gian vạn hữu làm phương tiện cho công phu tu luyện; để nên hoàn thiện như Trời, để rồi ra được kết hợp với Trời, thông phần bản tính và vinh quang Trời, trường sinh vĩnh cửu cùng Trời đất ... [61]

Tóm lại, vũ trụ quan trên đây là kết tinh của một nền học vấn cao siêu tương truyền từ Đông sang Tây.

Nhờ vũ trụ quan này mà các hiền thánh muôn đời đã được «khai quang, điểm nhãn» [62] dùng mắt tinh thần nhìn nhận ra được Thượng đế ở khắp nơi, và thấy mình sống trong vinh quang Thượng đế. [63]

Gẫm cho cùng thì:

«Muôn loài sinh hóa đa đoan

Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.

Hoàn bản nguyên, an nhiên phục mệnh,

Phục mệnh rồi, trường vĩnh vô cùng.» [64]

Cổ nhân vì vậy dùng tâm điểm của vòng Dịch để tượng trưng cho Trời vừa là căn bản cho vũ trụ, vừa là mục đích tối hậu cho công cuộc tu luyện, tiến hóa của quần sinh vũ trụ.

Cho nên Trung Dung, chí cao chí đại vì đưa com người đến vinh quang tuyệt đối. Phải mở tầm mắt, phải mở tầm tâm hồn cho rộng rãi vô biên thì mới tìm ra được điểm Trung ... [65]

CHÚ THÍCH

[1] cf. Wang Tch'ang Tche SJ., La philosophie morale de Wang Yang Ming, p.74,75.

> ... Considérer l'univers comme faisant un tout et où le désordre d'une partie se répercute dans le tout considérer encore l'homme au centre de cet univers et faire du cœur de l'homme le cœur de l'univers: telle est l'idée contenue dans les livres classiques et exprimée surtout par les philosophes des Song... Avec tous les penseurs chinois, il (Wang Yang Ming) répète que «l'homme c'est le cœur de l'univers; l'univers avec moi constitue un seul corps (untout)».
>
> ... Nhân giả, thiên địa vạn vật chi tâm dã. Tâm giả, thiên địa vạn vật chi chủ dã. Tâm tức Thiên. 人 者, 天 地 萬 物 之 心 也. 心 者, 天 地 萬 物 之 主 也. 心 即 天 (Ibidem, appendice 10)

[2] Lý bản vô hình, cố vị chi Vô cực. 理 本 無 形, 故 謂 之 無 極.

[3] cf. Thái cực đồ thuyết của Chu Đôn Di. (Thái Nguyên Bồi, Tính học đại cương, q.1, tr.1)

[4] L'Extrême Orient ancien a fait partie d'un monde où la coexistence de grands courants spirituels (Zoroastre, Bouddha, Confucius, Laotseu, Platon) ne s'explique que par certaines idées communes unanimément admises de la Méditerranée au Pacifique. Toutes ces vieilles cultures eurasiaques se présentent comme des cosmologies pour lesquelles une même substance compose les choses créées. (Pierre Huard, Connaissance du Viet Nam, p.63)

Đạo sinh Nhất, Nhất vi Thái cực. Nhất sinh nhị vị lưỡng nghi; nhị sinh tứ vi tứ tượng; tứ sinh bát vi bát quái, bát sinh thập tứ. Lục thập tứ cụ nhi hậu thiên địa vạn vật chi đạo bị hĩ. Thiên địa vạn vật mạc bất dĩ nhất vi bản nguyên, vu nhất nhi diễn chi dĩ vi vạn; cùng thiên hạ chi số nhi phục qui vu nhất. Nhất giả hà dã. Thiên địa chi tâm dã, Tạo hóa chi nguyên dã. 道生一一為太極. 一生二為兩儀. 二生四為四象. 四生八為八卦. 八生六十四. 六十四具而後天地萬物之道備矣. 天地萬物莫不以一為本原, 于一而衍之以為萬. 窮天下之數而復歸于一. 一者何也. 天地之心也. 造化之原也 (Bách Nguyên học án, Ngữ lục; Tống Nguyên học án, q.10, tr.62)

Cf. Mai Thọ Truyền, Pháp hoa huyền nghĩa, tr.30: «Tất cả là một, tất cả chúng sinh đều từ phổ quang minh trí (lumière omniprésente - intelligence éclairante) mà ra, thì tất cả sẽ trở về với ánh sáng trí tuệ ấy, tức là thành Phật.»

[5] Thái cực giả sở vị tượng đế chi tiên, tiên thiên địa sinh, năng sinh thiên địa vạn hóa chi tổ căn dã, bản vô hữu vật, vô tượng vô số, vô phương ngung, vô vãng bất tại. Ngôn Thái cực tắc Vô cực khả tri... Đại nhi thiên địa, tế nhi vạn vật mạc bất các hữu Thái cực. Vật vật nhất Thái cực. Nhất vật toàn cụ nhất thiên địa chi lý. 太極者所謂象帝之先, 先天地生, 能生天地萬化之祖根也, 本無有物, 無象無數, 無方隅, 無往不在言太極則無極可知... 大而天地, 細而萬物莫不各有太極. 物物一太極. 一物全具一天地之理 (Địa lý chính tông, q.1, tr.4)

[6] cf. A source book in Indian philosophy, p.38.

[7] Đạo Đức Kinh, ch.1. -- Lão Tử thủ chương ngôn vô danh Thiên địa chi thủy. Hữu danh vạn vật chi mẫu, nhi tốt đồng chi, thử Lão thị tông chỉ dã. Vô cực nhi Thái cực tức thị thử chỉ... 老子首章言無名天地之始. 有名萬物之母, 而卒同之, 此老氏宗旨也. 無極而太極即是此旨 (Tống Nguyên học án, q.12, tr.3: Liêm Khê học án)

[8]... Aussi dans diverses traditions, voyons-nous la création partir d'un centre, parce que là se trouve la source de toute réalité, et partant, de l'énergie de la vie. Il arrive même que les traditions cosmologiques expriment le symbole du centre dans des termes qu'on dirait empruntés à l'embryologie: «Le Très Saint a créé le monde comme un embryon. Tout comme l'embryon croýt à partir du nombril, de même Dieu a créé le monde par le nombril et de là, il s'est répandu dans toutes directions» (textes cités par Wensick, p.19). Yoma affirme: «Le monde a été créé en commencant par Sion.» (ibid., p.16). Aussi dans le Rig. Véda (p.ex: X,149) l'univers est conçu comme prenant son extension à partir d'un point central. (cf. le commetaire de Kirfel Cosmographie, p.18)- Mircéa Eliade, Traité d'histoire des religions, p.323.

[9] Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất. 天地與我並生, 而萬物與我為一 (Nam Hoa Kinh, Tề vật luận)

[10] Tự kỳ dị giả thị chi, can đởm Sở, Việt dã, tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã. 自其異者視之, 肝膽楚越也, 自其同者視之,萬物皆一也 (Nam Hoa Kinh, Đức sung phù)

[11] Dĩ đạo quan chi, vật vô quí tiện, dĩ vật quan chi, tự quí nhi tương tiện. 以 道 觀 之 物 無 貴 賤, 以 物 觀 之 自 貴 而 相 賤(Nam Hoa Kinh, Thu Thủy)

[12] Alfarabi (hay Ibn Tar Kan là một triết gia Ả Rập, sinh tại Farab chết năm 950). cf. La religion essentielle, p.107:... En son écrit, Théologie, Aristote démontre la présence de l'Un au sein de toute multiplicité....

... Etienne Geoffroy Saint-Hilaire, Vicq D'Azyr (1748-1794), Goethe (1749-1832), Herder (1744-1803) cũng chủ trương thuyết «nhất thể vạn thù» mà các ông gọi là «modèle primitif et général» hay «Urpflanze» (Herder, Idées pour la philosophie de l'histoire de l'humanité. p.18 et ss, 97 et ss...)

[13] ... The Ultimate reality should be designated generally as Brahman... and as It or That.

... The paradoxical, transcendent, yet immanent unity underlying the diversity of the world.

(A source book in Indian philosophy, p.39)

... The one God hidden in all living beings,

The Living Witness biding in all hearts

The wise who seek and find Him in them-Self,

To them and none else is eternal joy.

The all pervading inner Self of all,

Who from His formlessness creates all forms,

The wise who see that one within them-Self,

To them alone belongs eteral joy.

(A prayer to the Supreme Being, translated from the Upanishads by Dr Bhagavan Das).

Wisdom Leight vol.7; March 1955 number 3, p.34

Cf. Chandogya Upanishad 6,3.--Taittiriya Up. 2,6.

[14] ... as a spider might come out with his thread, as small sparka come forth from the fire, even so from soul come forth all vital energies (pràna), all worlds, all gods, all beings... (Brihad - aranyaka upanishad, 2-1-20)

[15] cf. H. Serouya, La Kabbale (chapitre: Esprit et Matière, p.270,271):... De la sorte, le développement de l'infini vers le fini porte en soi des dégradations du parfait vers l'imparfait.

... En ce sens, le développement des choses se fait du centre vers la périphérie, et par suite aux ordres successifs; ces ordres s'échelonnent comme des cercles concentriques...

L'univers créé tout entier n'est donc l'écorce du Ensof comme les pelures de l'oignon sont les vêtements du bulbe ou comme la coquille de la noix et le reste le vêtement de la graine...

[16] Độc Hoa Nghiêm Kinh, vạn lý do nhất tính nhi xuất. Độc Lăng Nghiêm Kinh, Quần nghi cứu nhất tính nhi không.讀 華 嚴 經 萬 理 由 一 性 而 出 讀 楞 嚴 經 群 疑 究 一 性 而 空 (Đào Hư Tử, Đông châu kỷ thượng ngữ, tr.3)

[17] «Ngã thường thuyết ngôn! sắc tâm chư duyên, cập tâm sở sử, chư sở duyên pháp, duy tâm sở hiện, nhữ thân, nhữ tâm giai thị diệu minh chân tinh diệu tâm trung sở hiện vật...» 我 常 說 言 色 心 諸 緣 及 心 楚 使 諸 所 緣 法, 惟 心 所 現 汝 身 心 皆 是妙 明 真 精 妙 心 中 所 現 物. Ta thường nói tâm pháp đều do

tâm biến hiện cho đến thân và tâm ông ngày nay cũng đều là vật trong chân tâm hiện ra... (Thủ lăng nghiêm kinh, q.2) cf. Thủ lăng nghiêm, Hương đạo xb, tr.44)

[18] Thiên dữ nhân tương vi biểu lý. 天 與 人 相 為 表 里 (Tính lý, q.2, tr.54)

... Thiên tại nội, nhân tại ngoại. 天 在 內 人 在 外 (Nam Hoa Kinh, Thu Thủy)

... Tâm tức Thiên.... Lương tri tức Thiên (Vương dương Minh)- Wang Tch'ang Tche, La philosophie morale de Wang Yang Ming appendice 10.

... Thiên dã, nhân dã nhất nhi nhị, nhị nhi nhất dã. 天 也 人 也, 一 而 二, 二 而 一 也 (Thái thượng bảo phiệt đồ thuyết, tr.4).

... Thiên tính nhân dã, nhân tính cơ dã. Lập thiên chi đạo dĩ định nhân dã 天 性 人 也, 人 性 機 也. 立 天 之 道 以 定 人 也 (Âm phù kinh, tr.1)

[19] L'immortalité est le fruit de l'union avec la Sagesse. (Livre de la Sagesse, 8, 17)

[20] Dục cầu nhân bất tử, tu tầm bất tử nhân. (Tiên học, tr.102)

...Thiên nhân hợp đức vạn biến định cơ. 天 人 合 德 萬 變 定 基 (Âm phù kinh, tr.1)

[21] Dịch Kinh Đại toàn, Truyện tự.

[22] Minh tạo hóa chi diệu, tri phản hoàn chi cơ. 明 造 化 之 妙 知 返 還 之 機 (Tiên học, tr.21)

[23] Nhân tâm nhược dữ thiên tâm hợp. Điên đảo âm dương chỉ phiến thời. 人 心 若 與 天心 合. 顛 倒 陰 陽 只 片 時 (Tiên học, tr.7)

[24] Tuẫn tượng, chấp hữu, trục vật nhi thiên nhi Vô cực chi chân cảnh bất khả kiến hĩ. Thánh nhân dĩ tĩnh chi nhất tự phản bản qui nguyên, cái Tạo hóa nhân sự giai dĩ thu liễm vi chủ, phát tán thị bất đắc dĩ sự... 徇 象 執 有, 逐 物 而 遷 而 無 極 之 真 竟 不 可 見 矣. 聖 人 以 靜字 反 本 歸 元, 蓋 造 化 人 事 皆 以 收 斂 為 主, 發 散 是 不 得 已 事... (Tống Nguyên học án, q.12, tr.2)

[25] Các đại thánh thiên chúa giáo cũng không đi ra ngoài tôn chỉ ấy. Phúc âm dạy phải «bỏ mình» (Mathieu 16, 24, 25)

Các thánh hiền Thiên Chúa giáo đều mong muốn tâm hồn mình tan biến đi để kết hợp cùng Thượng đế. (cf. Prière de Saint Bonaventure:...en sorte que mon âme languisse et se fonde sans cesse d'amour et de désir pour vous seul. Qu'elle soupire après vous, et se sente défaillir à pensée de vos tabernacles, qu'elle n'aspire qu'à sa déliverance et à son union avec vous...) (Prière de Saint Bonaventure, Paroissien romain, p.58).

[26] Vô ngã nhiên hậu đắc chính kỷ chi tận: tồn thần nhiên hậu diệu ứng vật chi cảm. 無 我 然 後 得 正 己 之 盡 存 神 然 後 妙 應 之 感 (Thái Nguyên Bồi, Lý học, q.1, tr.4)

Đại đồng hồ hãnh minh. 大 同 乎 涬 溟 (Nam Hoa Kinh, Tại Hựu)

Hợp hồ đại đồng. Đại đồng nhi vô kỷ... 合 乎 大 同 大 同 而 無 己.

[27] Tống Trình Minh Đạo di thư viết: Nhân hữu đẩu sao chi lượng, hữu phủ hộc chi lượng, hữu chung đỉnh chi lượng, hữu giang hồ chi lượng. Giang hồ chi lượng cố đại hĩ nhiên hữu nhai sĩ diệc hữu thời chi mãn, duy thiên địa chi lượng tắc vô mãn; thánh nhân hữu thiên địa chi lượng dã. 宋 程 明 道 遺 書 曰: 人 有 斗 筲 之 量, 有 釜 斛 之 量, 有 鍾 鼎 之 量, 有 江 湖 之 量. 江 湖 之 量 故 大 矣 然 有 涯 涘 亦 有 時 而 滿, 惟 天 地 之 量 則 無 滿;聖 人 有 天 地 之 量 也. Uyên Giám loại hàm (Thánh (nhất), q.268,

tr.4670)

[28] Cao Trung Hiến viết: Tâm dữ thiên nhất nhi dĩ hĩ. Tâm đại vô ngoại, thiên đại vô ngoại... Thế nhân chi tầm cốc vu kiến văn chi hiệp. Thánh nhân cùng lý dĩ tân kỳ tâm chi toàn thể, tắc tri tính, tri Thiên nhi vô hữu ngoại chi tâm hĩ. Bất manh vu kiến văn, bất nhân kiến văn chi manh dã. 高 中 憲 曰 心 與 天 一 而 已 矣. 心 大 無 外 天 大 無 外... 世 人 之 心 梏 于 見 聞 之 狹. 聖 人 窮 理 以 盡 其 心 之 全 體 則 知 性 知 天 而 無 有 外 之 心 矣. 不 萌 于 見 聞 不 因 見 聞 而 萌 也 (Tống Nguyên học án, q.17, tr.25)

... Thiên nhân bản vô nhị... 天 人 本 無 二. Tống Nguyên học án, q.13, tr.17: Liêm Khê học án)

cf. Thomas de Kempis: Ecoute, homme inconstant et vide, ce que tu cherches n'est pas au dehors mais au dedans de toi: Cesse donc de chercher et rentre en toi-même si tu veux trouver le Christ. (Illan de Casa Fuerte, La religion essentielle, p.162)

[29] Đại học, ch.1.

[30] cf. A source Book in Indian philosophy, p.59.

Om ! He who knows Brahman, attains the highest !

as to that this (verse) has been declared: He who knows Brahman as the real, as knowledge (jnàna), as the infinite, set down in the secret place (of the heart and in the highest heaven,

He obtains all desires,

Together with the intelligent Brahman...

(Taittiriya Upanishad 2.1)

Thiên thánh giai quá ảnh, lương tri nãi ngô sư. 千 聖 皆 過 影 吾 心 乃 吾 師. Vương Dương Minh -- Wang Tch'ang Tche SJ, La Philosophie morale Yang Ming, Appendice 1.

Trí tri tức trí trung dã. 致 知 即 致 中 也.Vương Dương Minh.

[31] Thiên lý dã nhân chi lý dã, tuần lý tắc dữ Thiên vi nhất. Dữ Thiên vi nhất, ngã phi ngã dã, lý dã; lý phi lý dã, Thiên dã... 天 理 也 人 之 理 也, 循 理 則 與 天 為 一. 與 天 為 一, 我 非 我 也; 理 非 理 也, 天 也 (Tống Nguyên học án, q.24, tr.5: Cảnh vu học án)

[32] Tử Đồng Tạ, Trung Hoa Triết học sử, tr.13.

[33] Ibidem, tr.10.

[34] Ibidem, tr.11.

[35] Ibidem, tr.12.

[36] Nam Hoa Kinh, Thu Thủy.

[37] Thanh Tĩnh Kinh, tr.64.

[38] Thượng phẩm đơn pháp, tiết thứ, tr.10.

[39] Trang Tử, Nam Hoa Kinh, ch.12, Thiên địa đoạn K.

... Tâm truyền Nội Giáo vô vi,

Là cơ xuất thế, hồi qui Đông Đào.

Chiếu Minh: Đại thừa Chơn Giáo, tr.92.

[40] Cf. Eckart le Jeune. (Illan de Casa Fuerte: La Religion essentielle p. 155):... Un arbre reçoit l'essence, la hauteur et la largeur de ses racines. Si tu veux savoir d'où tu viens, demande-le à ton fonds, à la racine, à ton intention. Regarde combien ta profondeur a été pénetrée, combien tu t'es fixé à Dieu, que tu ne tends réellement que vers la terre; si tu ne cherches ni toi-même, ni rien qui t'appartiene alors en vérité je te le dis: tu es déiforme et divin...

[41] cf Tử Đồng Tạ, Trung Hoa triết học sử, tr.16: Lão Tử dĩ vũ trụ vạn vật giai Đạo chi sở sinh, Kỳ cứu cực tắc qui ư Đạo chi bản thể... 老 子 以 宇 宙 萬 物 皆 道 之 所 生, 其 究 極 則 歸 於 道 之 本 體.

[42] cf. Tử Đồng Tạ, Trung Hoa triết học sử, tr. 29: Liệt Tử: Tất kỳ tâm phản ư xung mạc vô trẫm chi bản thể... 必 其 心 返 於 沖 漠 無 朕 之 本 體.

[43] cf. Thanh Tĩnh Kinh, Siêu thoát phẩm. Xem lời giải thích câu: chân thường chi đạo, ngộ giả tự đắc... 真 常 之 道, 悟 者 自 得.

[44] cf. Phúc âm thánh Joan - Phi Lộ.

[45] N'est-il pas écrit dans votre Loi: «J'ai dit: vous êtes des Dieux?» (Jean 10-34. Psaume - 82.6)

- C'est en lui (Dieu) que nous avons la vie, le mouvement et l'être… car nous sommes de sa race. (Acte des Apôtres 4.17,28)

[46] Ut per hoec efficiamini divinoe consortes naturoe. (II Pierre I.4)

[47] Car déjà le Royaume de Dieu est en vous. (Luc 17-21. Bible Crampon) -- Le Royaume de Dieu est au dedans de vous dit le Seigneur (Regnum Dei intra vos est, dicit Dominus) Imitation de Jésus Christ Livre III, chap. 1.

[48] Toute sa gloire et toute sa beauté est intérieure, c'est dans le secret du cœur qu'il se plaît. (Ibid., Livre II, ch.1.1)

[49] Il est manifeste que Dieu est la substance de tous les corps et de toutes les âmes.

Notre intention est de rendre intelligibles aux Latins toutes les parties de cette Philosophie réelle. (Saint Albert le Grand)

Illan de Casca Fuerte, La Religion essentielle, p. 131.

... Il faut savoir que Dieu demeure en toutes les âmes, fut-ce celle du plus grand pécheur du monde et y est présent en substance. Et cette manière d'union est toujours entre Dieu et toutes les créatures, selon laquelle il les conserve en leur être, de sorte que si elle venait à leur manquer, elles s'anéantiraient aussitôt et ne seraient plus... (St Jean de la Croix, La montée du Carmel. Desclée et Brower, p.133-134)

... Omnia per ipsum facta sunt et sine ipso factum est nihil quod factum est (Evangelium Secundum Joannem. Prologus Caput. I.3)

[50] f. Avoir toujours Dieu présent au dedans de soi et ne tenir à rien au dehors, c'est l'état de l'homme intérieur. (Ambulare cum Deo intus, nec aliqua affectione teneri foris, status est interni hominis.) (L'imitation de Jésus Christ, ch. VI, 4)

... C'est une grande grâce que Dieu nous fait quand il nous aide à le chercher dans notre intérieur. (Sainte Thérèse d'Avila, cité par Illan de Casca Fuerte, Le Religion essentielle, p.167)

[51] Cf. Illan de Casca Fuerte, Le Religion essentielle, p.130:

Monter vers Dieu, c'est entrer en soi-même. Celui qui entre en lui-même et pénètre au fond de son âme, se dépasse et atteint vraiment Dieu... (Paroles d'Albert le Grand)

... L'homme qui s'est ainsi élevé au dedans de lui-même entre plus profondément dans son centre. (Paroles d'Albert le Grand)

... Le ciel est au dedans et non au dehors de chacun.

... Le ciel est dans l'homme.

(Emmanuel Svedenborg, cité par Illan de Casca Fuerte, Le Religion essentielle, p.183)

[52] cf. Illan de Casca Fuerte, Le Religion essentielle, p.13:

... De l'esprit partirait une courbe de matérialisation pour revenir en s'allégeant jusqu'au point d'extrême spiritualité doué de la densité la plus faible. Ce mouvement constituerait l'immense cercle du crée, la manifestation du circulus vital issu du Principe générateur éternel...

[53] Tự vô cực thuyết đáo vạn vật thượng, thiên địa chi thủy chung dã, tự vạn sự phản đáo Vô cực, thánh nhân chi chung nhi thủy dã. Thủy chung chi thuyết tức sinh tử chi thuyết nhi khai tịch hỗn độn thất xích chi khứ lưu bất dự yên, tri hồ thử giả khả dữ thuyết đạo hĩ. 自 無 極 說 到 萬 物 上, 天 地 之 始 終 也, 自 萬 事 反 到 無 極, 聖 人 之 終 而 始 也. 始 終 之 說 即 生 死 之 說 而 開 闢 混 沌 七 尺 之 去 留 不 與 焉, 知 乎 此 者 可 與 說 道 矣 (Tống Nguyên học án, q.12, tr.1: Chu Liêm Khê học án)

Do tượng thức tâm, tuẫn tượng táng tâm. 由 象 識 心 徇 象 喪 心 (Tống Nguyên học án, q.17, tr.26: Hoành Cừ)

[54] le Cinq ou le zéro métaphysico-mathématique. (La Mathèse, p.31)

[55] Bôn ba nhất thế, tổng thị hư phù, 奔 波 一 世 總 是 虛 浮

Vô thường nhất đán, vạn sự hưu; 無 常 一 旦 萬 事 休

Cấp tảo hồi đầu. 急 早 回 頭

Bí bản Gia Cát thần số, bài 46.

[56] Cùng tính mệnh chi nguyên, tất dĩ thể thiên vi học vấn chi bản. 窮 性 命 之 源, 必 以 體 天 為 學 問 之 本 (Tống Nguyên học án, q.11, tr.10)

Cf. aussi Illan de Casca Fuerte, Le Religion essentielle, p.23: «...La recherche par l'homme et dans l'homme de sa propre divinisation, la recherche par l'homme et dans l'homme du Dieu un...»

[57] Thánh nhân chi ý chính dĩ kỳ cứu cánh «chí cực vô danh, khả danh» cố đặc vị chi Thái cực... 聖 人 之 意 正 以 其 究 竟 至 極 無 名, 可 名 故 特 謂 之 太 極 (Tống Nguyên học án, q.12, tr.4)

[58] ... Thiên vị dĩ chính trung dã. 天 位 以 正 中 也 (Dịch, Nhu quái).

[59] Quân tử hoàng trung thông lý, chính vị cư thể, mỹ tại kỳ trung nhi sướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã. 君 子 黃 中 通 理, 正 位 居 體, 美 在 其 中 而 暢 於 四 支, 發 於 事 業, 美 之 至 也 (Dịch, Khôn quái)

[60] Bất tư tắc bất năng thông vi, bất duệ tắc bất năng vô bất thông; thị tắc vô bất thông sinh vô thông vi, thông vi sinh vu tư, cố tư giả thánh công chi bản dã. 不 思 則 不 能 通 微, 不 睿 則 不 能 無 不 通, 是 則 無 不 通 生

無 通 微, 通 微 生 于 思, 故 思 者 聖 功 之 本 也 (Tống Nguyên học án, q.11, tr.5)

[61] Bác hậu phối địa, cao minh phối Thiên, du cửu vô cương. 博 厚 配 地, 高 明 配 天, 悠 久 無 疆 (Trung Dung, ch.26)

[62] Đại nhân giả dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể dã. Kỳ thị thiên hạ do nhất gia. Trung Quốc do nhất nhân yên. Nhược phù gián hình hài nhi phân nhĩ ngã giả, tiểu nhân hĩ. 大 人 者 以 天 地 萬 物為 一體 也. 其 視 天 下 猶 一 家. 中 國 猶 一 人 焉. 若 夫 間 形 骸 而 分 爾 我 者, 小 人 矣 (Vương Dương Minh, Đại học vấn)

[63] cf. Les sept vallées. Baha'u'lláh, tr.15; Gustave le Bon, L'Evolution de la matière, p.219: «Si tu cherches à l'intérieur de chaque atome; Au milieu, tu trouves un soleil...»

- «...Nous leur ferons voir nos signes dans le monde et en eux-mêmes, et ils voyagent sur la mer de «ils comprendront qu'il est Dieu» (Qur'an) Ibid. p.16.

... Vũ trụ quan nói trên cũng phảng phất tương tự như những vũ trụ quan của Buffon, Kant, Laplace, Carl von Weizsaščker, Gérard P. Kuiper hay Edouard Lemaître về định luật tụ tán áp dụng vào vũ trụ. Nhà toán học A. Friedmann khi giải lại những phương trình của Einstein, cũng kết luận vũ trụ có thể giãn và co được. (cf. G.Gamow, La création de l'univers, tr.xiv, xv, 25 et ss.).

... Cf: Âme de la Chine, p.263. Toát lược triết học Hegel...

[64] Đạo Đức Kinh, ch.16.

... Tout être qui connaît sa propre essence revient à son essence par un retour complet (liber de causis livre attribué à Aristote. Illan de Casca Fuerte, Le Religion essentielle, p.56)

[65] Cực kỳ đại nhi hậu Trung khả cầu. Chỉ kỳ Trung nhi hậu đại khả hữu. 極 其 大 而 後 中 可 求. 止 其 中 而 後 大 可 有 (Tống Nguyên học án, q.17, tr.29: Hoành Cừ học án)

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

Chương 12
NHÂN SINH QUAN THEO TRUNG DUNG VÀ DỊCH LÝ

V ì không hiểu được tầm quan trọng và cao siêu của Trung Dung, nên người đời thường cho rằng Trung Dung đưa ra một tập sống trung bình, không thái quá, không bất cập, một nếp sống cầu an, không gây mâu thuẫn, để sống một cuộc đời thoải mái, an nhàn.

Chủ trương này gần đây đã được chính học giả Lâm ngữ Đường mượn lời thơ Lý Mật Am giới thiệu cùng đọc giả Âu Mỹ, đây là lập trường «Trung Dung» hiểu theo nghĩa lưng chừng, nước đôi đó:[1]

«Ta sống quá nửa đời phù phiếm,
Mới nhận ra huyền nhiệm Trung Dung.
Trung Dung hương vị khôn cùng,
Làm cho lòng dạ tưng bừng niềm vui.
Lúc mà cái con người sướng nhất,
Chính là khi tới cấp trung niên.
Quang hoa dùng dắng triền miên,
Như chờ như đợi, gót tiên tạm dừng.
Cõi trần lọt giữa chừng Trời đất,
Giữa tỉnh quê, ta cất nhà ta.
Thảnh thơi ta mở trại hoa,
Giữa chừng sông núi, la đà nước non.
Biết vừa đủ, tiền nong vừa đủ,
Vòng lợi danh, vương nửa tấm son
Không sang nhưng cũng dễ nom,
Không giàu nhưng cũng còn dòn hơn ai.
Nhà ta xây nửa đài nửa các,
Đồ đạc ta lác đác đủ chơi,
Áo ta cũ mới chơi vơi,
Uống ăn na ná như người bậc trung,
Vài tôi tớ không thông không dở,
Vợ con ta đơ đỡ ta ưng,

Nửa tiên nửa tục lừng chừng

Nửa cùng thần thánh, nửa cùng thê nhi,

Nửa bụng dạ lo vì con cái.

Nửa tâm hồn gởi lại Hoàng thiên,

Để khi thoát xác, ta yên,

Biết đường thưa gửi, biết niềm tới lui.

Ngà say là lúc ly bôi,

Đóa hoa hàm tiếu là thời mê ly.

Buồm nửa cánh, thuyền đi thanh thả.

Cương vừa giong, vó ngựa mới hay.

Quá giầu phiền lụy sẽ dầy,

Quá nghèo cuộc sống sẽ đầy truân chuyên.

Trần ai sướng với phiền khó tách,

Trong ngọt ngào pha phách đắng cay.

Hưởng đời đừng quá mê say,

Lừng chừng đại khái, tháng ngày tiêu dao.[2]

Nhưng nếu Đức Khổng và các danh nho chỉ đưa ra cho nhân loại một mục phiêu, một lý tưởng tầm thường, thì có gì đáng cho hậu thế kính tôn.

Nếu Trung Dung và Kinh Dịch đã được các danh nho, các tiên hiền Đông Á cho là tuyệt phẩm thì nó phải có gì cao siêu gấp bội. Hơn nữa đã là tinh hoa nhân loại, chắc chắn phải tế vi ẩn náo, đã là Duy Tinh, Duy Nhất thì phải tuyệt đỉnh công phu. Bác tạp dễ tìm, tinh hoa khó kiếm: kỳ hoa dị thảo đâu phải của mỗi sớm bán mua ngoài cửa chợ!

Cho nên, có tốn công nghiên cứu, truy tầm, mới mong tìm ra được vi ý của cổ nhân, tìm ra được đường lối của thánh hiền…

TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐI TÌM ĐƯỜNG LỐI CỔ NHÂN

Nhưng lấy đâu ra tiêu chuẩn để đi tìm đường xưa, lối cũ. Hãy giở Trung Dung, đường lối thánh hiền phải hợp với nhân tâm thế đạo, hợp định luật đất Trời. Trung Dung viết:

«…Đạo quân tử phát xuất tự thâm tâm,

Đem trưng bày phổ cập tới thứ dân.

Khảo chứng tam vương, không có chi lầm lỗi,

Sánh với luật đất Trời không phản bội.

Thánh nhân ngàn đời sau chẳng hề có chê bai…

So quỷ thần, đường lối đúng không sai

Thế là đã biết lòng Trời đó,

Thánh nhân ngàn đời sau chẳng chê bai,

Thế là đã biết lòng người to rõ.» [3]

Dịch Kinh viết: «…. Thực là mênh mông rộng rãi sánh đất Trời, biến hóa tựa bốn mùa, theo đúng chiều âm dương, sánh với hai vầng nhật nguyệt, tốt lành giản dị, phối hợp với đức tối cao.» [4]

Hơn nữa con đường lý tưởng ấy đã đã được vẽ thành những đồ bản trong Dịch Kinh.

Vậy ta chỉ cần nghiên cứu tìm hiểu các đồ bản, để tìm ra con đường đạo lý. Sau đó, ta sẽ khảo sát xem con đường đạo lý ấy có hợp với nhân tình thể thái, với định luật đất Trời, với chu kỳ nhật nguyệt, tinh thần hay không.

Có những tiêu chuẩn như trên, ta sẽ tha hồ lưng túi gió trăng, buồm mây chèo quế, lãng du trong rừng Nho biển Thánh mà không lo lạc bước.

ĐƯỜNG ĐỜI THEO DỊCH VÀ TRUNG DUNG

Nghiên cứu các đồ bản Dịch, các họa bản Bát Quái, ta đều thấy ngôi Thái cực được đặt vào trung tâm điểm. Ý Cổ nhân muốn nói Dịch, hay Vô Cực, hay Thái Cực, hay nói nôm na là Trời, là Tạo Hóa ở ngay trung tâm huyền diệu của vũ trụ. Người là tiểu vũ trụ, tức thị, Trời cũng ở ngay trong tâm hồn để làm trung tâm (Trung) bất biến (Dung), làm chân tâm nuôi sống con người, làm giường cột (axe) cho con người dựa nương.

Ta thường thấy dân Á Đông treo bát quái trước nhà mong trừ tà ma, phải chăng đó là tục lệ xa xưa để tỏ lòng tôn kính Thái Cực ở trung tâm Bát Quái, tượng trưng cho Trời.

Cắt nghĩa như vậy thì Trung Dung lại là Thái Cực, Trung Dung lại là Hồng Tâm cho mọi người ngắm vào, lại là mục đích thâm viễn của cuộc đời. Còn Dịch sẽ bao quát mọi sự biến hóa của vũ trụ và của con người mà mục đích tối hậu là thực hiện được Trung điểm hoàn thiện đó.[5]

Hình 20: Phục hi bát quái phương vị đồ

Nếu hiểu rằng Trời ở ngay Trung Tâm huyền diệu của vũ trụ; ở ngay trong tâm khoản con người, thì ta sẽ hiểu bài toán cao siêu mà Trời ra cho Nhân loại: Đứng trong khoảng càn khôn biến hóa vô lường làm sao tìm ra được lối về Trung Tâm bất biến? [6]

Biên khu luân lạc từ bao,

Tìm sao cho thấy đường vào Trung Dung ?

Đường Trung Dung linh lung ẩn khuất

Nẻo Bồng Lai gai lấp lau che !

Phục Hi đã giải bài toán đó trước tiên bằng mấy họa bản không lời. Nghiêu, Thuấn, Văn Vương, Khổng Tử,

Lão Tử, Mạnh Tử, Chu Tử đều lãnh hội được vi ý của Phục Hi đã cố giảng giải cho ta, nhưng bức màn bí mật vẫn còn như khép kín, vì lời lẽ quá cao làm ta lạc lõng.

Hình 21: Vũ trụ tòng trung khởi nguyên đồ

Thiệu Khang Tiết là người đầu tiên giải thích rõ ràng hơn, chỉ vẽ cho ta biết đâu là đường lối Trời, đâu là đường lối người bằng cách đánh số tám quẻ, và bằng bài thơ sau đây:

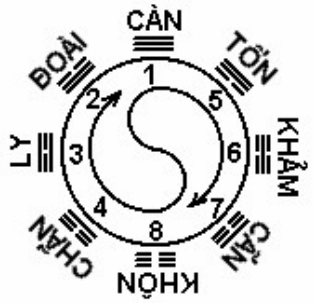

«Nhĩ mục thông minh nam tử thân

耳 目 聰 明 男 子 身

Hồng Quân phú dữ bất vi bần

洪 鈞 賦 予 不 為 貧

Tu tham nguyệt quật phương tri vật

須 探 月 窟 方 知 物

Vị nhiếp thiên căn khởi thức nhân.

未 躡 天 根 豈 識 人

Càn ngộ Tốn thời quan nguyệt quật,

乾 遇 巽 時 觀 月 窟

Địa phùng lôi xứ kiến thiên căn.

地 逢 雷 處 見 天 根

Thiên căn, nguyệt quật thường lai vãng,

天 根 月 窟 常 來 往

Tam thập lục cung đô thị xuân.»

三 十 六 宮 都 是 春

Tạm dịch như sau:

Tai mắt: nam nhi đứng cõi đời,

Lòng mang Tạo hóa há đâu chơi !

Quyết thăm nguyệt động cho hay vật,

Cố hiểu thiên căn để biết người.

Trời nổi gió giông thông động nguyệt,

Đất vang sấm chớp lộ căn Trời.

Căn Trời động nguyệt thường lai vãng,

Ba sáu cung xuân trọn vẹn đời.

Hội ý Thiệu Khang Tiết, ta thấy rằng công cuộc tạo hành vũ trụ luôn đi từ chỗ phác giản đến tần phiền theo hình vẽ sau:

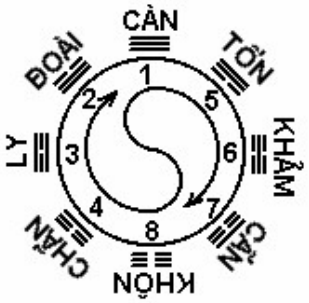

1 ➔ 2 ➔ 3 ➔ 4 ➔ 5 ➔ 6 ➔ 7 ➔ 8

Còn công cuộc tu luyện con người phải chia làm hai giai đoạn:

1. Nửa đời đầu (5 ➔ 6 ➔ 7 ➔ 8), đi từ phác giản đến tần phiền, Tinh thần phải mạo hiểm vào trần hoàn và vật chất để tìm hiểu vũ trụ, để mưu sinh. Đó là giai đoạn hướng ngoại, giai đoạn nghịch mà tinh thần sẽ bị nô lệ hoàn cảnh rất nhiều (khuất 屈), đó là giai đoạn ra đi (khứ 去).

2. Nửa đời sau (4 ➔ 3 ➔ 2 ➔ 1), đi từ tần phiền đến phác giản, từ thô đến tinh, dùng vật chất để tài bồi cho tinh thần ngày thêm cao đẹp cho đến chỗ thuần túy chí thiện, nên như ảnh tượng Trời (Càn 乾), khả dĩ có thể kết hợp với Trời, vào yên nghỉ được ở Trung tâm huyền diệu của Vũ trụ (Thái cực, Trung Dung). Đó là giai đoạn thuận, giai đoạn trở về (lai). Trong giai đoạn này tinh thần dần dần sẽ chế ngự được hoàn cảnh, sẽ được thảnh thơi thoải mái (thân 伸).

Hai giai đoạn trên được xác định bằng đồ bản sau đây:

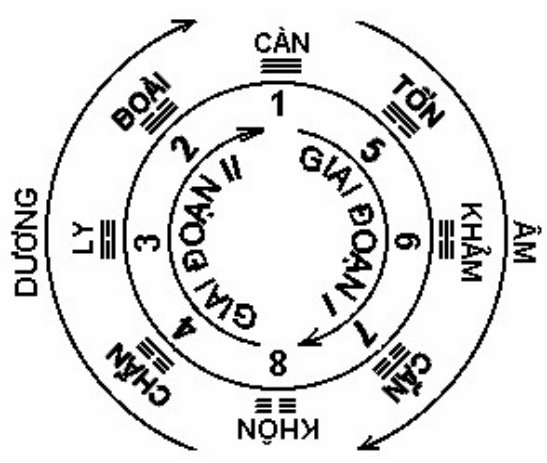

Nên nhìn kỹ 32 quẻ thiên tiên bát quái phía hữu, ta thấy hào sơ (hào nằm trong cùng) toàn là hào âm; còn nhìn sang 32 quẻ phía trái, ta thấy hào sơ (hào nằm phía trong cùng) đều là hào Dương. Vì thế Hệ Từ đã nói: Nhất âm nhất dương chi vị đạo… Đó là lẽ «Âm Dương đối trĩ» của Dịch Kinh.

Thánh hiền thiên cổ đã đem quẻ Cấu «phong trần» để tượng trưng bước đầu đường luân lạc của con người, và đem quẻ Phục «hồi phục» để đánh dấu giai đoạn trong sáng của những người đã thấy «Thiên địa chi tâm».[7]

Đường lối này là theo đúng lẽ Âm Dương tiêu trưởng của đất Trời.

Giai đoạn đầu là «Dương tiêu Âm trưởng» con người sa đọa, lạc lõng dần vào cảnh phù du hư ảo bên ngoài, đem tâm thần bán rẻ lấy bát cơm manh áo, đem thân làm tôi tớ cho hoàn cảnh xã hội, mà vẫn lấy thế làm vinh dự. Trong giai đoạn này, vật chất dần dần đóng vai trò tối thượng. Nhưng có giai đoạn này thì giang san mới được tô điểm, hoàn cảnh vật chất của quần chúng mới được cải thiện. Tinh thần trong giai đoạn này dần thu gọn lại như một ánh sao trên bầu trời vân vũ.

Hệ Từ viết: «Con sâu đo nó co để rồi nó duỗi. Con rồng, con rắn nó ẩn để bảo tồn tấm thân. Có hiểu kỹ càng mới thấy lợi ích lớn lao. Cầu an thân trước rồi mới có ngày sùng Đức cả.»[8]

Đó tức là:

«Anh hùng khi gặc khúc lươn

Khi cuộn thời ngắn khi vươn thì dài.» (ca dao)

Giai đoạn sau là «Âm tiêu, dương trưởng». Tinh thần đã biết hướng thượng, tìm ra nguồn mạch cao cả của mình, và sẽ dùng vật chất làm thang mây mà tiến lần về Trời.

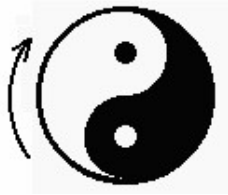

Trong giai đoạn này, tinh thần dần dần đóng vai trò tối thượng. Nó thích hợp với những người đã tuổi, đã già, những con người đã biết quẳng gánh lo, thoát vòng danh lợi để quay về tu luyện bản thân nêu gương

sáng soi cho đời, mong kết hợp với Trời để được trường sinh bất tử. Ngược lại, vật chất xuống giá dần để cuối cùng biến thành chiếc xe mây cho khách du rong ruổi trên đường «thiên lý» sáng trong như ngọc thạch.

Con đường lý tưởng này gồm cả hai bề vật chất, tinh thần uyển chuyển diễn tiến theo đà tuổi tác, như một bài thơ, một bản nhạc mà tiết tấu hòa nhịp với trăng sao.

ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI LÝ TƯỞNG VỚI CHU KỲ NHẬT NGUYỆT TINH THẦN

Con người lý tưởng mong mỏi khi giã từ thế tục, tâm hồn sáng quắc như mặt trăng ngày rằm, như mặt trời chính ngọ, hay mặt Trời ngày Hạ chí. Mà kỳ diệu thay, nếu ta theo vòng Dịch trên mà đi tuần tự như vậy, thì ta sẽ thấy ta lúc thoát tục, cũng là trong lúc trăng tròn, hay lúc mặt trời chính ngọ.

Con người lý tưởng lúc sơ sinh cũng như vầng trăng vừa quá rằm đẹp đẽ. Nhưng dần dà lớn lên, lạc lõng vào cuộc đời tìm sinh kế, cũng như vầng trăng khuyết dần, mờ dần, đến lúc công danh ở đời rực rỡ, lợi lộc ở đời dồi dào, thì lại là lúc mà tinh thần nghèo nàn nhất.

Nhưng, con người lý tưởng không thể bị vật dục che mờ mãi; nhờ suy tư về sự chất chưởng bên ngoài, con người đó có ngày sẽ tìm lại được nguồn sống bên trong, sẽ dần dần tài bồi cho tâm hồn mình thêm hoàn bị, và lúc thoát ly cuộc đời, sẽ rực rỡ như trăng hôm rằm.

Con đường lý tưởng nói trên cũng vạch lại sự thăng trầm của vừng dương.

Sau ngày Hạ chí, mặt trời vào cung Cự Giải; ánh sáng và sức nóng một ngày một giảm cho tới cực độ ở ngày Đông chí.

Nhưng, từ ngày Đông chí trở đi, thì mặt trời lại nóng lên sáng lên dần mãi, đem ánh dương quang đượm nhuần cho hoa lá trổ sinh, tưng bừng rộn rã với ngày xuân, và dần dần trở lại ngôi vị tối thượng vào ngày Hạ chí.

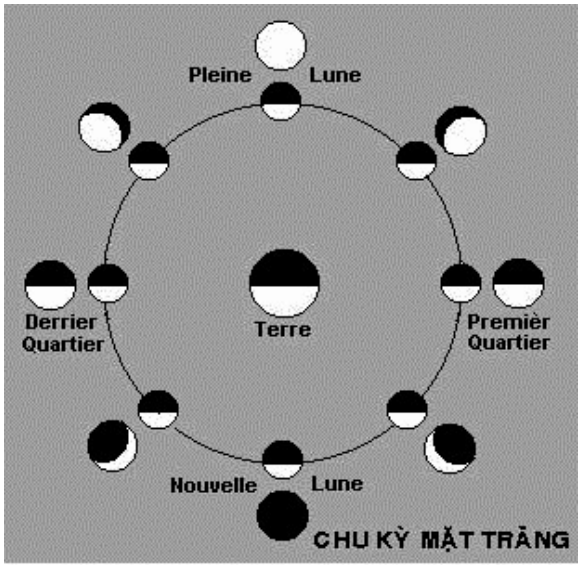

Hình 22: Chu kỳ mặt trăng

Nếu xét vòng chu thiên trong một ngày đêm, thì cuộc đời lý tưởng của người quân tử lúc sơ sinh cũng đẹp y như mặt trời lúc quá ngọ. Lúc lớn lên, bị vật dục che mờ, người quân tử cũng như mặt trời trải qua những cảnh hoàng hôn và cảnh đêm dài tịch liêu u tối; nhưng rồi ra, con người lý tưởng ấy dần dà sẽ gỡ được mọi tần phiền, để cùng mặt trời, trang trọng hiện lên trên nhãn giới lúc bình minh muôn thủa cùng bình minh hứa hẹn một trời trong sáng mới và khi lìa thế sự, sẽ là «Nhật lệ trung thiên» sáng quắc cả bầu Trời… [9] Hơn nữa, con đường Hoàng Đạo mà người lý tưởng đi cũng là con đường mà Nhị Thập Bát Tú ruổi

rong.

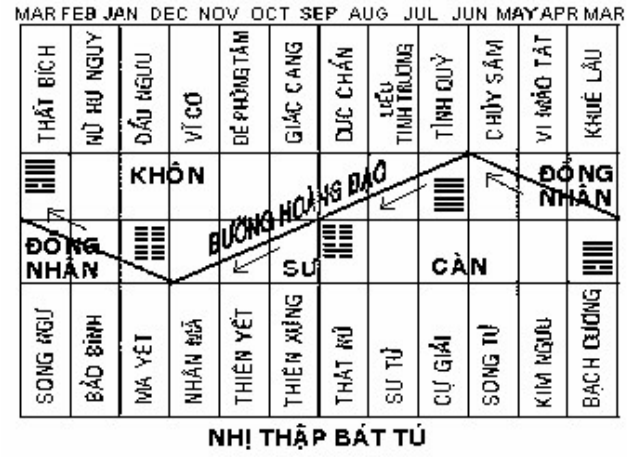

ĐƯỜNG ĐỜI LÝ TƯỞNG VÀ LẼ BIẾN THÔNG CỦA 4 MÙA

- Đem sánh với bốn mùa, ta thấy con đường lý tưởng này hợp lẽ biến thông của thời tiết.

Lúc sơ sinh là lúc nhựa sống tràn đầy như muôn hoa khoe sắc trên cành sau ngày Hạ Chí. Lúc lớn lên bước dần vào cuộc đời, thấy làn tâm sự cũng dần ngã sang thu, và đến lúc hoa niên, khi đã tiêu pha hết vốn liếng tinh thần, khi đã:

«Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ,

Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu.»

Tâm hồn lắm lúc cảm thấy lạnh lùng, như băng giá. Nhưng có sương tuyết lạnh lùng mới có lại ngày xuân ấm áp: Trong những giờ phút con người chán ngán nhân tình thế thái lại là lúc con người thấy mở tung trong tâm khảm mình một nhãn giới vô biên.

Thế là khi mái tóc hoa râm, thì tinh thần lại đượm màu xuân sắc. Một nguồn thơ mộng mới dâng lên giữa những cảnh ngộ éo le của cuộc đời. Mùa xuân đầy hy vọng trở về với một nguồn sống tinh thần mới …

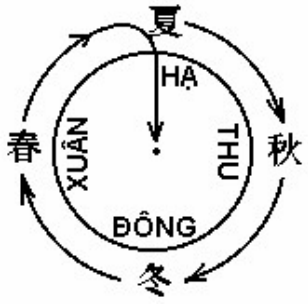

Và cũng như cây đâm chồi nảy lộc, vươn mãi lên khung Trời trong ngày xuân ấm áp, tâm hồn cũng vươn mãi lên cho tới vinh hoa cao đẹp. Cuối cùng lúc từ giã cuộc đời, tâm hồn vẫn còn chứa chan nhựa sống như Trời mùa hạ. Bao công lao sự nghiệp của cuộc đời bây giờ nở tung như muôn hoa tươi thắm để không bao giờ tàn phai…

CON ĐƯỜNG LÝ TƯỞNG VỚI NHÂN TÂM THẾ ĐẠO

Con đường lý tưởng đó cũng rất phù hợp với nhân tâm thế đạo.

Con người ta bao ngàn năm nay, vì không hiểu định luật thiên nhiên nên đã không đi theo đúng nhịp

thời gian tuổi tác, gò bó mình vào những khuôn khổ chật hẹp, máy móc hóa một cuộc đời đáng lý là thơ mộng, hay lại quá phóng túng mình đến tan tác cả cuộc đời. Mặc dầu vậy, họ vẫn phác họa lại trong cuộc đời mình bóng dáng cuộc đời lý tưởng đó.

Bé thì thơ ngây, hồn nhiên vô tội; rồi dần dà trở nên phóng ngoại, trở nên tò mò, rồi cũng tranh đấu, xông xáo, cũng dấn thân vào phong trần vật chất như ai. Lúc mái tóc hoa râm, lắm lúc cũng thấy giật mình muốn đoạn tuyệt với cuộc đời phóng đãng của mình muốn «hồi tâm tu tỉnh». Khi trở về già thì không ai bảo ai, bất kỳ thuộc tôn giáo nào, con người cũng muốn quay về cùng Trời, Phật, Thần, Thánh, cũng kinh kệ tụng niệm như ai …

Càng dấn thân (engagement) vào đời phong vũ bao nhiêu lại càng mong muốn thoát thân (dégagement) ra ngoài vòng cương tỏa bấy nhiêu. Nếu như thấy được «Thiên địa chi tâm», tìm ra được ảnh tượng Trời trong đáy lòng mình là sẽ bước được vào con đường giải thoát.

Nói rộng ra, thì nhân loại cũng đang đi trên vòng càn khôn đó, nhưng chập chạp ….

Giai đoạn đầu là giai đoạn đạo hạnh phù phiếm xốc nổi bên ngoài, để rồi dần dần lạc lõng vào giai đoạn dị đoan mê tín. Càng phóng ngoại bao nhiêu, càng chạy theo cái học «Trục vật» bao nhiêu thì lại càng đi đến chỗ sa đọa tinh thần bấy nhiêu, càng «Nghịch thiên», «bối Thiên» bấy nhiêu. Nhưng chính nhờ giai đoạn sùng thượng vật chất này mà nhân loại đã giải quyết được những vấn đề mưu sinh, thích ứng với hoàn cảnh, nhân loại đã xây dựng được hạ tầng cơ sở cho vững chắc.

Nhưng, khi đã trưởng thành, khi đã quá đâm chém nhau, quá dè bỉu, ghen ghét nhau, quá bóc lột áp bức nhau, nhân loại sẽ dần dần trở lại sùng thượng các giá trị tinh thần vĩnh cửu. Hiểu cuộc đời theo lẽ Dịch nói trên sẽ mở một con đường tiến hóa bao la cho cá nhân cũng như cho nhân quần xã hội.

Cá nhân sẽ tùy theo tuổi tác mình, tùy theo «thời», tùy theo khuynh hướng của từng tuổi mà làm những công tác mình phải làm để cây đàn bản thân lúc nào cũng hòa âm đúng cung điệu tiết tấu gia đình, xã hội quốc gia, quốc tế, nhân loại và đất trời. Đó tức là biết «ứng biến theo trời».[10]

Nhân loại và cá nhân sẽ không ăn rễ sâu xa vào vật chất mà chỉ coi vật chất là phụ thuộc, văn minh vật chất là một chặn đường tiến hóa của mình, một lớp lang nhỏ bé trong tấn tuồng vĩ đại của Trời đất.

ÂU Á GẶP NHAU TRÊN ĐƯỜNG HOÀNG ĐẠO

Các nước cổ Ba Tư, Ai Cập, Chaldée không biết vòng Dịch chu thiên của Phục Hi, nhưng lại nghĩ ra vòng Hoàng Đạo với những ẩn ý tương tự vòng Dịch.

Vòng Hoàng Đạo cũng có 12 cung, ứng với 12 cung Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, v.v. của vòng Dịch. Cung Mùi là cung Cự Giải (cancer), cung Tý là cung Nhân Mã (Sagitaire), cung Sửu là cung Ma Yết (Capricorne), cung Ngọ là cung Song Tử (Gémeaux), v.v.

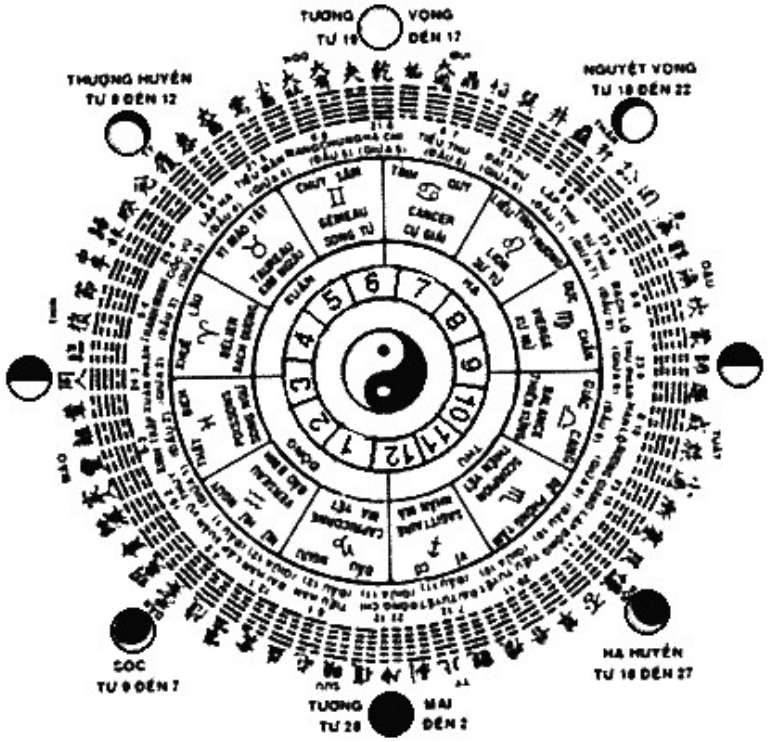

Hình 23: Vòng Hoàng Đạo đối chiếu với vòng Dịch

Thiệu Khang Tiết phân biệt hai chặn đường Cấu và Phục, thì Macrobe cũng cho rằng Cung Cự Giải là cửa người và Cung Ma Yết là cửa thần minh, đôi bên cách nhau một giải Ngân Hà. Giải Ngân Hà ấy phải chăng đã được tượng trưng bằng con đường lượn qua giữa vòng bát quái của Chu Dịch.[11]

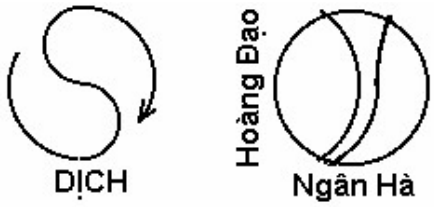

Các sách cổ Á Đông dùng con rồng để tượng trưng các đấng thánh nhân, nên cũng cho con rồng biến hóa theo vòng Dịch trên: «Rồng có thể tối hay sáng, ngắn hay dài. Xuân phân bay bổng lên Trời, thu phân lặn sâu đáy vực.»[12]

Các sách cổ Ai Cập thì lại có câu chuyện thần thoại về thần Osiris (Thái Dương Thần) thay vào đó. Thần Osiris mới đầu cũng bị gian truân đọa đầy, sau Xuân Phân lại trở về ngôi cửu ngũ.[13]

Tóm lại, các Đồ Dịch cũng như vòng Hoàng Đạo, tuy không lời, nhưng chứa chan ý nghĩa.

Thiệu Khang Tiết nói: Đồ Dịch tuy không văn tự, nhưng ta nói suốt ngày cũng không ra ngoài được vấn đề, vì tất cả nghĩa lý của Trời đất muôn, muôn vật đều nằm trong đó.[14]

Ý CỔ NHÂN

Thánh hiền Đông Á mượn chủ đề Dịch để biện minh thuyết «Nhất sinh vạn» và chỉ lối đường để ta có thể từ «Vạn qui nhất».[15]

Dịch gọi đó là phương pháp «Khai vật thành vụ»,[16] cho xem trước đầu đuôi chuyện đời rồi mới dạy cho biết cách hoàn thành lý tưởng.

Đường đời, theo Dịch Kinh, đều do một tâm điểm tung ra muôn vạn ngả. Ta có lao đao suốt đời cũng

chẳng sao đi hết muôn vạn ngả đường. Càng phiêu lưu, càng lạc lõng. Càng đi sâu vào một con đường, càng thông tỏ chi tiết về một vấn đề, thì lại càng thấy mình bất lực kém cỏi, lại càng mù mờ về toàn thể vô biên. Đi ra vạn, phiêu lãng trên muôn vạn ngã đường, dù có thành công đến đâu, trong thâm tâm vẫn thấy mình như thân phận cánh bèo, bình bồng mặt nước chân mây, mà chẳng biết sẽ trôi dạt về đâu, bởi vì vạn chỉ là như một bóng hình hư ảo của nhất:

«Đồ tri tụ xứ ninh tri tán,

Đãn thức phù thời ná thức trầm?» (thơ bèo).

Trở lại được với NHẤT sẽ là con người lý tưởng. Người xưa gọi thế là chí nhân,[17] chân nhân. Đào Hư Tử cho thế là tâm hồn trở về đấng có trước đất trời.[18]

Lối đường do «vạn qui nhất» đã được xác định bằng các đồ Dịch của cổ nhân, theo đúng chiều ngũ hành tương sinh.

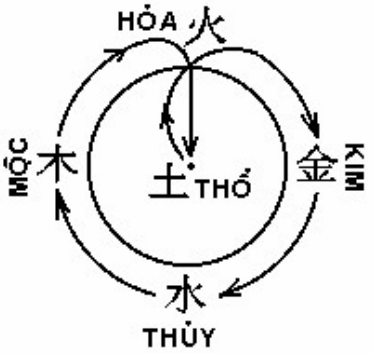

Chu Hi cũng vẽ con đường đó bằng cách tán phân bốn chữ Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh lên vòng càn khôn.

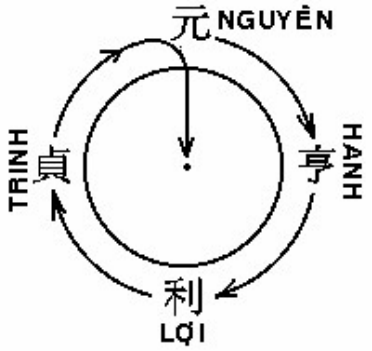

HAI NGẢ ĐƯỜNG ĐỜI

Con đường từ «Vạn qui nhất» trên vòng Dịch, mới trông tưởng là tròn trĩnh không kẽ hở. Nhưng thực ra con đường đó vẫn phân làm đôi ngả Âm Dương.

Nửa đời đầu, vì con người một ngày một chìm đắm vào bóng tối vật chất, nên Kinh Dịch gọi là Dương đạo, Thiên đạo, hay Càn đạo.[19]

Hệ từ viết: «Nhất âm nhất dương chi vị đạo. Kế chi giả thiện dã, thành chi giả tính dã.» 一 陰 一 陽 之 謂 道. 繼 之 者 善 也,成 之 者 性 也.

Đường đời có 2 chiều: 1 chiều âm 1 chiều dương, bước vào đường đời đã là hay, đi cho đến cuối đường sẽ phục hồi được tính Trời.

Đi chiều âm, đi vào con đường vật chất sẽ tiến tới chỗ Bất nhân, chỗ không toàn thiện.

Đi chiều dương, đi vào con đường tinh thần: sẽ tiến tới chỗ Nhân chỗ toàn thiện.

Đức Khổng Tử nói: Đường có 2 ngả: «Nhân và bất nhân.» [20]

Đào Hư Tử, theo gợi ý đó, cũng đã viết: «Năm mươi năm đầu cuộc đời, là tiến số, là học để giúp đời; càng ngày càng phải tu nhân tích đức.» [21]

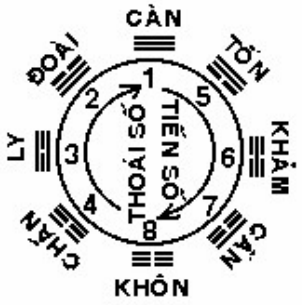

Luận ngữ viết: «Đến chừng bốn năm mươi, mà ta chưa nghe danh tiếng họ, chừng ấy ta chẳng còn sợ họ nữa.» [22]

Nhưng con người không phải quay cuồng mãi trong vũ trụ, mà ta cũng có lúc được vào Trung cung huyền diệu để làm chủ chốt vũ trụ. Bí quyết này được diễn tả bằng những hành động tượng trưng của Thiên tử xưa trong tòa Minh đường.

Mỗi năm, sau ngày Hạ chí vua sẽ vào Trung cung Minh đường, mặc hoàng bào và ở đó ít ngày, cốt tượng trưng quyền Thiên tử là khu hữu cho không gian và thời gian … [23]

KẾT LUẬN

Nghiên cứu các đồ Dịch chúng ta đã thấy các cổ nhân đã phơi bày lẽ «Càn khôn hạp tịch», đã tháo gỡ guồng máy Âm Dương, đem cài lên những bức họa không lời, để vẽ đường chỉ lối cho ta. Càng suy cứu vi ý cổ nhân, ta càng thấy lý thú. Đồ Dịch thiên nhiên còn phân ngôi chủ khách đem lẽ cát hung, thiện ác làm thành hai bức câu đối vĩ đại treo giữa đất Trời cho tao nhân mặc khách muôn đời thưởng thức.

Đôi câu đối này không đối chữ treo luật trắc bằng, nhưng đối quẻ, đối hào, đối ý, đối lý:

Cát	吉	凶	Hung
Thiện	善	惡	Ác
Chủ	主	客	Khách

Tức là:

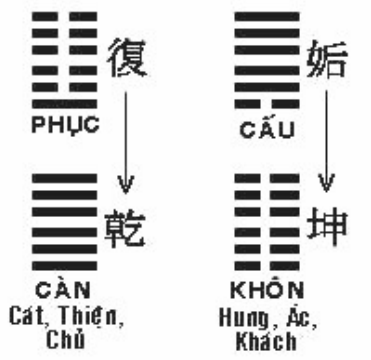

Đọc đôi câu đối trên, ta sẽ nghiệm ra phương pháp «xu cát tị hung», «ức âm tiến dương», «trưởng thiện tiêu ác» của người xưa, biết tới biết lui, biết tìm sự sống qua sự chết, biết tìm cái hay qua cái dở, tóm lại biết

«Định luật tương đối» chi phối con người ra sao…

«Mới hay Không-Có chuyển vần,
«Dễ sinh ra Khó, Vắn nhân thành Dài.
«Thấp-Cao tùy ngó ngược xuôi
«Tiếng ca Trầm-Bổng giòng đời Trước-Sau.»[24]

Thế mới hay:

«Gẫm đạo lý có sau có trước ,
Lẽ âm dương có ngược có xuôi.
Ngược là gió cuốn bụi đời,[25]
Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lầm.
Có thử thách mới phân vàng đá,
Có lầm than mới rõ chuyện đời.
Khi xuôi sấm chớp tơi bời,[26]
Tầng sâu bày giải căn Trời nội tâm.[27]
Trông tỏ đích chí nhân, chí chính,
Biết mục phiêu sẽ định sẽ an.
Rồi ra suy xét nguồn cơn,
Con đường phối mệnh chu toàn tóc tơ …»

Hiểu thế ta sẽ tìm ra được vi ý cổ nhân, tìm ra được then chốt kho tàng sử sách Á Đông, ta ra được phương pháp khai thác kho tàng ấy.

Thật vậy, các thánh hiền Đông Á, từ Phục Hi, Hoàng đế, đến Nghiêu, Thuấn, Khổng Tử, Lão Tử khi soạn thảo sách vở, chỉ cốt xiển minh lẽ «Thiên nhân tương dữ» 天 人 相 與 (Trời người giao hảo), chỉ cốt tìm ra phương pháp thể hiện lý tưởng «Thiên nhân hợp nhất» 天 人 合 一 (Trời người hợp nhất) mà thôi.[28]

Cho nên cũng như Trung Dung chỉ cốt dạy con người biết kính sợ Trời tàng ẩn trong thâm tâm mình,[29] dạy con người đừng để cho tâm hồn tan tác, tả tơi trước gió giông hoàn cảnh, trước sự thử thách, cám dỗ bên ngoài, cải thiện bản thân đến chỗ hoàn thiện khả dĩ có thể sống kết hợp với Trời (Phối thiên) cùng đất trời trường sinh bất tử.

Nhưng Dịch và Trung Dung lại dạy ta đừng vội vàng; phải học đi trên đất rồi mới học bay lên trời, phải biết tìm miếng cơm trước khi tìm nghĩa lý, phải thực tiễn trước, lý tưởng sau. Thế mới biết là thời cơ, biết lẽ tiến thoái, biết uyển chuyển ứng phó với hoàn cảnh, biết biến thiên theo nhịp thời gian tuổi tác, để lúc nào đời cũng đẹp như thơ, lúc nào đời cũng nhịp nhàng tiết tấu như một khúc nhạc.[30]

Khúc nhạc đó thực tuyệt vời, có vui, có buồn, có nhanh, có chậm, lúc lâm li, lúc hùng tráng, lúc rạt rào như thác đổ đầu ghềnh, lúc khinh khoát, êm đềm như gió thu lướt qua hàng tơ liễu, lúc lặng lẽ như ánh tường vân lãng đãng xuôi Nam trên đường đời muôn dặm…

Thực là:

«Trời xanh dẫn dắt chúng dân

Như là tấu khúc nhạc huân nhạc trì

Trời, người, đôi ngọc chương khuê

Bên cho, bên lấy đề huề biết bao.

Tay cầm tay dắt khéo sao!

Trời xanh dẫn dắt dân nào khó chi!» [31]

CHÚ THÍCH

[1] Bản dịch Việt văn này theo bản Pháp văn trong quyển «L'importance de vivre» của Lin Yuntang, tr.123-124.

[2] J'ai déjà vu la plus grande moitié de cette vie flottante.

Ah qu'il y a un mot magique.

Ce mot moitié d'une portée si riche,

Il nous fait gouter plus de joie,

Que nous n'en pouvons posséder.

Le meilleur état de l'homme

Est à mi-chemin entre la vie,

Quand un pas ralenti lui permet le repos;

Le monde se trouve à mi chemin «entre la terre et le ciel»

Vivre à mi-chemin entre la ville et la campagne;

Avoir des fermes à mi-chemin entre les rivières et les montagnes;

Etre à demi savant, à demi châtelatin, à demi home d'affaires;

Vivre à moitié comme un noble,

Et à moitié comme le commun des gens;

Avoir une maison moitié belle, moitié laide

Moitié élégamment meublée et moitié nue;

Des vêtements moitié vieux, moitié neufs

Et une nourriture mi-rechercheé, et mi-simple;

Avoir des serviteurs ni trop intelligents, ni trop bêtes;

Une femme qui soit ni trop simple ni trop habile

Au fond, je me sens la moitié d'un Bouddha

Et presque la moitié d'un bienheureux taoiste.

La moitié de moi-même est tournée vers le Ciel,

L'autre moitié vers mes enfants,

Pensant à moitié comment assurer l'avenir de ma postérité,

Et à moitié comment me présenter devant Dieu,

Quand le corps sera laissé en repos.

Il est le plus sagement ivre, celui qui est à moitié ivre;

Et les fleurs à moitié en boutons sont les plus belles;

Les bateaux à demi voilés naviguent le mieux;

Et les chevaux avec les rênes à moitié tendues trottent le mieux.

Qui possède moitié trop est inquiet

Qui possède moitié trop peu désire posséder plus.

Puisque la vie est à la fois amère et douce

Celui qui n'en goute que la moitié est plus sage et plus intelligent.

Lin Yutang, L'Importance de vivre, p.123-124.

[3] Cố, quân tử chi đạo, bản chư thân, trưng chư thứ dân. Khảo chư tam vương nhi bất mậu; Kiến chư thiên địa nhi bất bội. Chất chư quỉ thần nhi vô nghi. Bách thế dĩ sĩ thánh nhân nhi bất hoặc. Chất chư quỉ thần nhi vô nghi, tri thiên dã. Bá thế dĩ sĩ thánh nhân nhi bất hoặc, tri nhân dã. 故君子之道, 本諸身, 征諸庶民. 考諸三王而不繆, 建諸天地而不悖. 質諸鬼神而無疑. 百世以俟聖人而不感. 質鬼神而無疑知天也. 百世以俟聖人而不感, 知人也 (Trung Dung, ch.29)

[4] Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời. Âm dương chi nghĩa phối nhật nguyệt, Dị giản chi thiện phối chí đức. 廣大配天地, 變通配四時. 陰陽之義配日月, 易簡之善配至德 (Hệ Từ Thượng)

[5] Trong khảo luận này, tác giả dùng chữ Trung để chỉ bất biến, chữ Dịch để chỉ biến thiên mà không dùng các nghĩa khác của chữ Dịch.

[6] Cf. Claude de Saint Martin, cité par Illan de Casa Fuerte, La Relligion essentielle, p.200: «… Le Principe suprême, source de toutes les puissances, soit de celles qui vivifient les pensées dans l'homme, soit de celles qui engendrent les oeuvres visibles de la nature matérielle; cet être nécessaire à tous les êtres germe de toutes les actions, de qui émanent (mot fatal, plume qui trahit) continuellement toutes les existences; ce terme fatal, vers lequel elles tendent, comme par un effort irrésistible, parce que toutes recherchent la vie; cet être dis-je, est celui que les hommes appellent généralement Dieu.

[7] Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ? 復其見天地之心乎

Dương khí sinh lai trần mộng tỉnh 陽氣生來塵夢醒

Nhiếp tình hợp tính qui kim đỉnh 攝情合性歸金頂

Vận phù tam bách túc chu thiên 運符三百足周天

Phục khí tứ thời qui tĩnh định 伏氣四時歸靜定

Thất nhật thiên tâm dương vị phục 七日天心陽未復

Ngũ long bổng thánh côn lôn đỉnh 五龍捧聖崑崙頂

Huỳnh đình thập nguyệt sản linh đồng 黃庭十月產靈童

Giá hạc lăng tiêu nhiệm du sính 駕鶴凌霄任遊騁

(Tiên thiên luận ngữ, tr.5)

[8] Xích quặc chi khuất, dĩ cầu thân dã. Long xà chi trập dĩ tồn thân dã. Tinh nghĩa nhập thần, dĩ chí dụng dã. Lợi dụng an thân dĩ sùng đức dã. 尺蠖之屈, 以求伸也. 龍蛇之蟄以存身也. 精義入神, 以至用也. 利用安身以崇德也 (Hệ Từ Hạ, V)

[9] Cours apparent du Soleil.

[10] Tri xu thời ứng biến. (Tính Lý, I,42)

[11] The Galaxy, Macrobius says, crosses the zodiac in two opposite points, Cancer and Capricorn, the tropical points in the sun's course, ordinarily called the gates of the sun. These two tropics, before his time, corresponded with those constellations but in his day with Gemini and Sagittarius, in consequence of the procession of the equinoxes; but the signs of the Zodiac remained unchanged; and the Milky Way crossed at the signs Cancer and Capricorn though not at those constellations. Through these gates, souls were supposed to descend to earth and reascend to Heaven. One, Macrobius says, in his dream of Scipio, was styled the Gate of Men; and the other, the Gate of the Gods. Cancer was the former because souls decended by it to the earth; and Capricorn the latter, because by it they reascended to their seats of immortality, and because Gods… (Les Orphiques croyaient dans le Cancer le portail par où âmes entraient en incarnation sortant en multitude de la Voie Lactée…) (L'occultisme du Zodiaque, p.89)

….. Il est intéressant de voir que la naissance de l'univers se place tout au commencement du signe (Capricorne) était symbolisée par la naissance du Dieu solaire ou de l'enfant divin au solstice d'hiver, tandis que la dissolution de l'univers matériel, suivant les Écritures de l'Inde, se produit à la fin du signe… (ibid. 121)

[12] Năng u năng minh, năng tế năng cự, năng đoản năng trường. Xuân phân nhi thăng thiên, Thu phân nhi tiềm uyên. 能幽能明, 能細能巨, 能短能長 春分而升天 秋分而潛淵 (Léon Wieger, Textes philosophiques. Le Dragon I,15)

[13] Soon they personnified the sun and worshipped him under the name of Osiris and transmuted the legend of his descent among the winter signs, into a fable of his descent into the infernal region, and his ressurrection.

[14] Đồ (Tiên thiên đồ dã) tuy vô văn, ngô chung nhật ngôn nhi vị thường ly hồ thị, cái thiên địa vạn vật chi lý tận tại kỳ trung hĩ. (Tính Lý 1: Kinh Thế, tr.58, 59)

[15] Trình Phu Tử viết: Tri vạn lý qui ư nhất lý nhi bất tri nhất lý tán ư vạn sự, trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng, tự tha bất gián ư vi trần, thủy chung bất ly ư đương niệm, cùng huyền cực diệu, phi nhị thừa phàm phu chi sở năng tri dã. (Đạo dư lục 19).

[16] Thánh nhân chi ưu thiên hạ lai thế kỳ chí hĩ. Tiên thiên hạ nhi khai kỳ vật, hậu thiên hạ nhi thành kỳ vụ. (Dịch Kinh đại toàn, Dịch tự)

[17] Chí nhân chi tâm định vu nhất. 至人之心定于一 (Chẩm thượng ngữ, tr.1)

[18] Tâm phản vu tiên thiên chi tiên tắc siêu vụ hình số chi ngoại, xuất nhập sinh tử, bất vi hình số sở câu. 心反于先天之先則超于形數之外, 出入生死, 不為形數所拘 (Chẩm thượng ngữ, tr.1)

[19] Cf. Dr. A. Besant, La Sagesse des Upanishads. p.92: Mais par la mort, s'ouvrent deux sentiers, le Pitriyâna ou sentier des Pitris, et le Devayâna ou sentier des Dieux. Ils nous sont très soigneusement, décrits dans quelques passages que je vais vous résumer, et que l'on trouve dans les Brihadaranyaka,

Chândogya et Prasna Upanishads (Brah. Up. VI, II, 2-16; Chand. Up. V, II, Prasna I,9-10; Chand. 4. 15. 5; Chand. 5. 10. Bha. Gita 8,24-16)

Les mots indiquant obscurité tels que fumée, nuage, quinzaine sombre etc…) impliquent emprisonnement dans la matière et correspondent au retour sur la terre, par une nouvelle naissance; les mots signifiant lumière s'appliquent au triomphe du soi et correspondent au sentier des Dieux par lequel on ne retourne pas.

[20] Khổng Tử viết: Đạo nhị: nhân dữ bất nhân nhi dĩ hĩ. 孔 子 曰 道 二 仁 與 不 仁 而 已 矣 (Mạnh Tử, Ly lâu [thượng-2])

[21] Nhân sinh ngũ thập chi tiền vi tiến số, dụng thế chi học, đương nhất nhật chương nhất nhật. Ngũ thập dĩ hậu, vi thoái số, thùy thế chi học đương nhất nhật tích nhất nhật. 人 生 五 十 之 前 為 進 數, 用 世 之 學, 當 一 日 章 一 日. 五 十 以 後, 為 退 數, 垂 世 之 學 當 一 日 積 一 日.

[22] Tứ thập, ngũ thập nhi vô văn yên tư diệc bất túc úy dã dĩ. 四 十, 五 十 而 無 聞 焉 斯 亦 不 足 畏 也 已 (Luận Ngữ, Tử Hãn, câu 22)

[23] Cf: Marcel Granet, La Pensée Chinoise, p.103: Mais le Chef ne peut poursuivre indéfiniment sa circulation périphérique sous peine de ne jamais porter les insignes qui correspondent au centre qui sont l'apanage du suzerain – Aussi quand est fini le troisième mois de l'été interrompt-il le travail qui lui permet de singulariser les diverses durées. Il se vêt alors de jaune et cessant d'imiter la marche du soleil, va se poster au centre du Minh t'ang. S'il veut animer l'espace, il faut bien qu'il occupe cette place royale et dès qu'il s'y arrête, c'est d'elle qu'il semble animer le temps: il a donné un centre à l'année …

[24] Lão Tử, Đạo Đức Kinh, ch.2-2: Hữu vô tương sanh. Cao hạ chi tương khuynh. Nan dị chi tương thành. Âm thanh chi tương hòa. Trường đoản chi tương hình. Tiền hậu chi tương tùy. 有 無 相 生. 高 下 之 相 傾. 難 易 之 相 成. 音 聲 之 相 和. 長 短 之 相 形. 前 後 之 相 隨.

[25] Thiên phong 天 風 媾.

[26] Địa lôi phục 地 雷 復.

[27] Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ. 復 其 見 天 地 之 心 乎 (Dịch Kinh, Phục quái)

[28] Dịch chi vi thư, quảng đại tất bị, vô sở bất bao, nhi ngữ kỳ yếu quy, tắc vi minh: «Thiên nhân hợp nhất» chi đạo. 易 之 為 書, 廣 大 悉 備, 無 所 不 包, 而 語 其 要 歸, 則 為 明 天 人 合 一 之道 (Sách dịch thật mênh mông bao quát, nhưng đại khái là cốt xiển minh lẽ «Thiên nhân hợp nhất») cf. Chu Dịch – Trương Kỳ Quân, Trung Quốc ngũ thiên niên sử, đệ nhị sách – đệ thập nhị chương, Trung Quốc nhất chu, số 588.

Thánh nhân dĩ Dịch tẩy tâm, tự dữ thiên lý đồng lưu, Quân tử dĩ tâm thể Dịch, đương tri thiên lý đồng bản. (Đào Hư Tử, Chẩm thượng ngữ, tr.8)

... Trung Quốc tự Đường Ngu dĩ lai, tức hữu thiên nhân hợp nhất chi tư tưởng. Kính thiên tức sở dĩ ái nhân, ái dân tức sở dĩ tôn thiên. Lịch đại thánh triết, mạc bất kế tục hoành dương thử «thiên nhân hợp nhất» chi đạo. Lão Tử tức kỳ nhất dã. 中國 自 唐 虞 以 來, 即 有 天 人 合 一 之 思 想. 敬 天 即 所 以 愛 人, 愛 民 即 所 以 尊 天. 歷 代 聖 哲 莫 不 繼 續 宏 揚 此 天 人 合 一 之 道.老 子 即 其 一 也 (Lão Tử, Trương Kỳ Quân, Trung Quốc nhất chu, số 623, tr.21)

... Từ thượng cổ người Tàu đã có tư tưởng cho người ta sinh ra ai cũng bẩm thụ cái tính của Trời. Cái

tính ấy là một phần thiên lý. Vậy Trời với người quan hệ với nhau rất mật thiết lắm. Bởi thế, mới lấy pháp tắc tự nhiên của Trời làm cái mô phạm của người và cho thiên luân, thiên đạo là nhân đạo… (Trần Trọng Kim, Nho giáo, tr.39)

[29] Dịch đại khái dục nhân khủng cụ tu tỉnh. (Dịch Kinh đại toàn cương lĩnh, tr.11) – Trung Dung, ch.1.

[30] Cf.: L'Ecclésiaste 3,1 15, Bible Crampon p.745:

Pour tout, Il y a un moment, un temps pour chaque chose sous le ciel: temps d'enfanter, et temps de mourir; temps de planter, et temps d'arracher les plants;

Temps de tuer, et temps de guérir; temps de démolir et temps de bâtir; temps de pleurer, et temps de rire; temps de se lamenter, et temps de danser;

Temps de jeter des pierres, et temps de ramasser des pierres;

Temps d'embrasser, et temps d'écarter les embrassements;

Temps de chercher, et temps de perdre;

Temps de garder, et temps de rejeter;

Temps de déchirer, et temps de coudre,

Temps de se taire et temps de parler; temps de d'aimer,

et temps de haïr, temps de guerre, et temps de paix.

Quel profit, pour le travailleur, de la peine qu'il se donne?

J'ai considéré les occupations auxquelles Dieu

a donné aux enfants des hommes de s'occuper.

Toute chose, il l'a faite bonne pour tout temps;

C'est aussi l'infinité du temps qu'il a mis dans leur cœur,

Sans que l'homme puisse découvrir l'oeuvre

Que Dieu fait, de bout en bout.

…Tri xu thời ứng biến (Chính mông, Tính lý 1, 42)

[31]

Thiên chi dũ dân	天 之 牖 民
Như huân như trì	如 壎 如 篪
Như chương như khuê	如 璋 如 圭
Như thủ như huề	如 取 如 攜
Huề vô viết ích	攜 無 曰 益
Dũ dân Khổng dị	牖 民 孔 易

- Le ciel persuade le peuple doucement et sans violence L'obéissance du peuple suit l'influence du ciel spontanément comme la flute répond à l'ocarine, comme les 2 moitiés d'une tablette d'investiture s'adaptent, comme l'action de recevoir et celle de donner. Le peuple ne résiste pas à sa douce influence Gagner le peuple est chose facile. (Léon Wieger, Textes philosophiques 1,45)

- Heaven enlightens the people, as the bamboo flute respond to the porcelain whistle; as two half maces form a whole one; as you take a thing, and bring it away in your hand, bringing it away without any more

ado. The enlightenment of the people is very easy. (James Legge, The She King, p.502).

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 13

SỬ QUAN THEO TRUNG DUNG VÀ DỊCH LÝ

> Con người cần được đặt lại vào trung tâm vũ trụ, điểm xuất phát của con người. Xưa khi trình độ hiểu biết còn thấp kém, con người đã xa lìa, thì nay, trong tay sẵn có những kiến thức mới về không gian con người cần phải quay về trung tâm điểm ấy.[1]

N ghiên cứu Trung Dung và Dịch lý, chúng ta có thể tìm ra một sử quan mới mẻ.

Xưa nay, nhiều người vì có quan niệm «tĩnh» về vũ trụ, nên cho rằng con người, đời nào cũng giống đời nào sinh ra là để chịu khổ sở gian truân, ngõ hầu đền bù những tội ác xa xăm và hiện tại; cho đời là bể khổ, đầy châu lệ, chỉ muốn thoát ly đời; cho xác thân là thù địch; cố dày vò thân xác để được coi là nhân là đức; cúi đầu chịu mọi sự gian nan thống khổ, coi đó là những hình phạt của thần thánh; suốt đời nơm nớp lo âu, khẩn cầu thần nọ thánh kia hộ trì cho mình siêu thoát, một khi nước mắt tắt hơi.

Một quan niệm như vậy dĩ nhiên làm mất hết vẻ hiên ngang và hùng khí của con người, coi con người như một thứ đồ chơi để thần minh tha hồ dập vùi theo ý thích, thương thì để nguyên, giận lên thì phá phách cho tan tác thành tro bụi, coi lịch sử như đã đi đến tuyệt đích không còn gì để diễn tiến nữa; tô vàng son cho một dĩ vãng mình không tham dự; oán than chê bai cuộc sống hiện tại, cho rằng chẳng mấy huy hoàng…

Nhưng, nếu ta có một cái nhìn bao quát cởi mở hơn, nếu ta có một quan niệm «động» về lịch sử, ta sẽ thấy con người thực ra, đã, đang, và còn, sẽ tạo cho mình một lịch sử rất ly kỳ, lắm truân chuyên, nhưng cũng lắm vinh quang. Trên thực tế, con người luôn luôn tiến hóa ấy.

Nói đến tiến hóa, tức là phải nói đến chiều hướng và mục phiêu của cuộc tiến hóa đó. Cho nên đề cập sử quan nhân loại, là đề cập chiều hướng tiến hóa của nhân loại, những giai đoạn dĩ vãng và tương lai trên con đường tiến hóa ấy, cũng như mục đích và kết quả của công cuộc tiến hóa ấy.

Trung Dung đã cho ta biết căn bản của nhân quần, thì cũng chỉ luôn cho ta biết mục phiêu của nhân loại. Đâu là căn bản vũ trụ, nhân quần? Trung điểm, Trời ! Đâu là mục phiêu của nhân loại của quần sinh? Cũng vẫn là Trời là trung điểm !

Vòng Dịch Phục Hi sẽ cho ta biết các chặng đường tiến hóa của nhân loại, từ ban sơ cho tới chung cuộc. Dịch Văn Vương phơi bày cho ta thấy cùng một lúc mọi giá trị của đất Trời.[2]

Ta thường thấy, trong Kinh Dịch, 64 quẻ xếp theo hình vuông, lồng trong 64 quẻ xếp theo hình tròn. Hình vuông tượng trưng cho không gian, cho các giá trị phô diễn đồng thời trong không gian. Hình tròn tượng trưng cho thời gian, cho các giá trị phô diễn liên tiếp trong thời gian.[3] Dịch là phản ảnh cuộc đời. Cho nên ta cứ việc nhìn bao quát các nếp sống của cá nhân và đoàn thể diễn ra cùng một lúc trong không gian hoàn vũ, là ta có thể suy ra được các lớp lang lịch sử của nhân loại liên tục diễn tiến trong thời gian….

Thực ra, vấn đề chiều hướng và giai đoạn của lịch sử không phải là một vấn đề mới mẻ.

Auguste Comte (1798-1857) trước đây, đã tìm ra ba giai đoạn của lịch sử:

1. Trạng thái thần quyền (état théologique).

2. Trạng thái siêu hình (état métaphysique).

3. Trạng thái thực tiễn (état positif).

Nhưng, ta thấy quan niệm trên chỉ cho ta biết dĩ vãng và một phần nào hiện tại, còn tương lai vẫn chìm đắm trong mơ hồ, bí ẩn.

Dựa vào Dịch và Trung Dung ta có thể tìm ra một chu kỳ lịch sử mênh mông bát ngát hơn nhiều.

Chúng ta, đại khái, có thể phác họa chu kỳ lịch sử nhân loại bằng chín giai đoạn sau:[4]

1. Giai đoạn thần quyền (Tốn)

2. Giai đoạn siêu hình (Khảm)

3. Giai đoạn thực tiễn (Cấn)

4. Giai đoạn vật chất (Khôn)

5. Giai đoạn giác ngộ (Chấn)

6. Giai đoạn nhân đạo (Ly)

7. Giai đoạn nghệ thuật đạo đức (Đoài)

8. Giai đoạn thiên đạo (Càn)

9. Giai đoạn toàn thiện toàn mỹ. (Giai đoạn huyền đồng, Thái cực)[5]

Chu kỳ lịch sử nhân loại khó ước lượng được là bao nhiêu năm. Thiệu Khang Tiết cho là 129.600 năm (360 x 360).[6]

Đã là diễn tiến của lịch sử cũng như của con người đều theo định luật doanh hư, tiêu tức, vãng lai, tiến thoái của đất Trời.

Trong nửa chu kỳ đầu, tinh thần dần dần suy, vật chất dần dà thịnh. Trong nửa chu kỳ sau, vật chất dần dà suy, tinh thần dần dà thịnh.[7]

Lẽ âm dương tiêu trưởng trong các học thuyết Âu Á

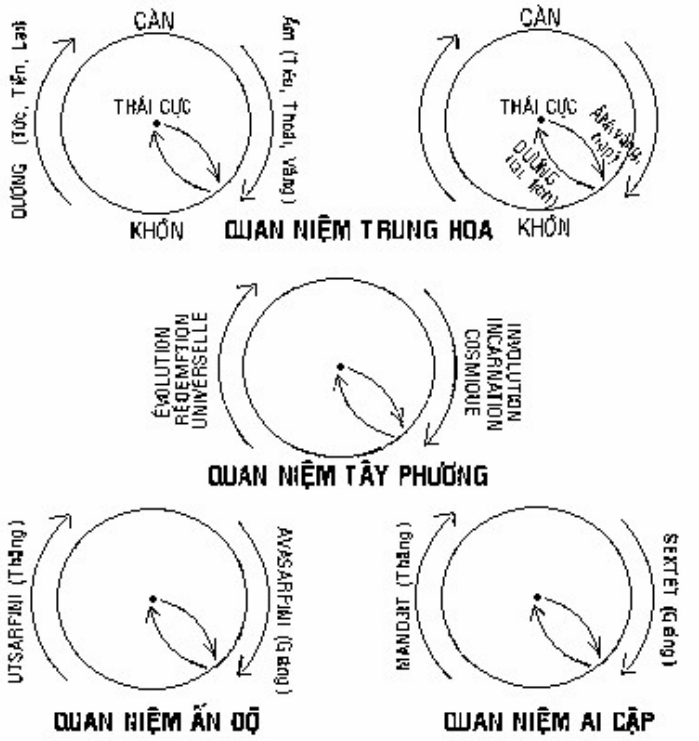

Nhịp điệu thăng trầm suy thịnh của lịch sử nhân loại cũng được áp dụng trong khúc hòa ca của vũ trụ và vạn vật.[8]

Lẽ âm dương tiêu tức vãng lai trong hoàn võ và trong con người

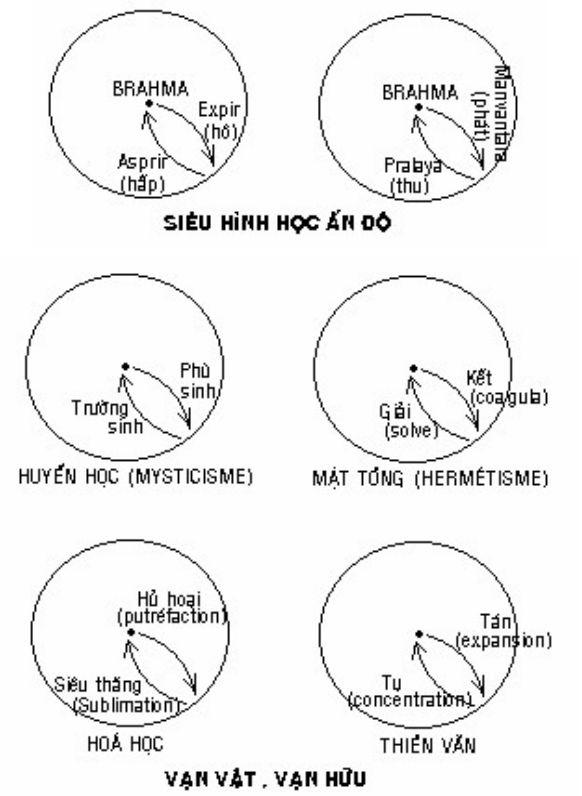

Đó là diễn tiến theo hai chiều âm dương của vòng Dịch.[9]

Dựa trên những hiện tượng lịch sử, thì nhân loại mới đang đi giữa giai đoạn thực tiễn và giai đoạn vật chất. Nghĩa là con đường tiến hóa của nhân loại còn xa lắc, xa lơ, tương lai nhân loại còn muôn vàn rực rỡ.

Con người còn phải lao lung vất vả, còn phải suy tư, lao tác, còn phải khám phá, còn phải khám phá, còn phải đào thải, còn phải lọc lõi nhiều mới tiến tới vinh quang được.

Đi đến hết giai đoạn vật chất, con người sẽ đi đến chỗ bế tắc, đến đầu đường; muốn khỏi tiêu diệt, tất nhiên phải quay lưng lại vật chất mà hướng về phía tinh thần, thế là Phục sinh, (Régénération Palingénésie), là Hồi phục (conversion). Dịch gọi thế là «Cùng tắc thông,» hay «cùng tắc biến».

Đi vào con đường vật chất tức là đi vào con đường trụy lạc, sa đọa tinh thần (dégénération, chute). Đi vào con đường tinh thần, là đi vào con đường giải thoát, phục sinh (rédemption, salut, régération).

Cổ nhân đã xác định thời kỳ hồi phục của con người. Thời kỳ ấy chính là thời kỳ đen tối nhất của nhân loại, tượng trưng bằng giờ Tý (nửa đêm); và bằng quẻ Khôn (hoàn toàn vật chất).[10]

Nhưng giữa tăm tối, ánh sáng sẽ hiện ra, giữa chết chóc sự tái sinh sẽ mầm mống; sau thời kỳ vật chất vô thần, con người sẽ hồi hướng và quay trở về với giá trị tinh thần.

Sự sinh lại ấy, người xưa ví như là con người được thai nghén lại một lần nữa, vì thế dùng chữ Tý 子 (Tý= Tử =Con), chữ Nhâm 壬 (đồng âm với chữ Nhâm 妊 có mang), chữ Thai 胎 để chỉ thời kỳ đó.[11]

Chu kỳ lịch sử tiên đoán bằng các Vòng Dịch, Can chi, và Trường sinh

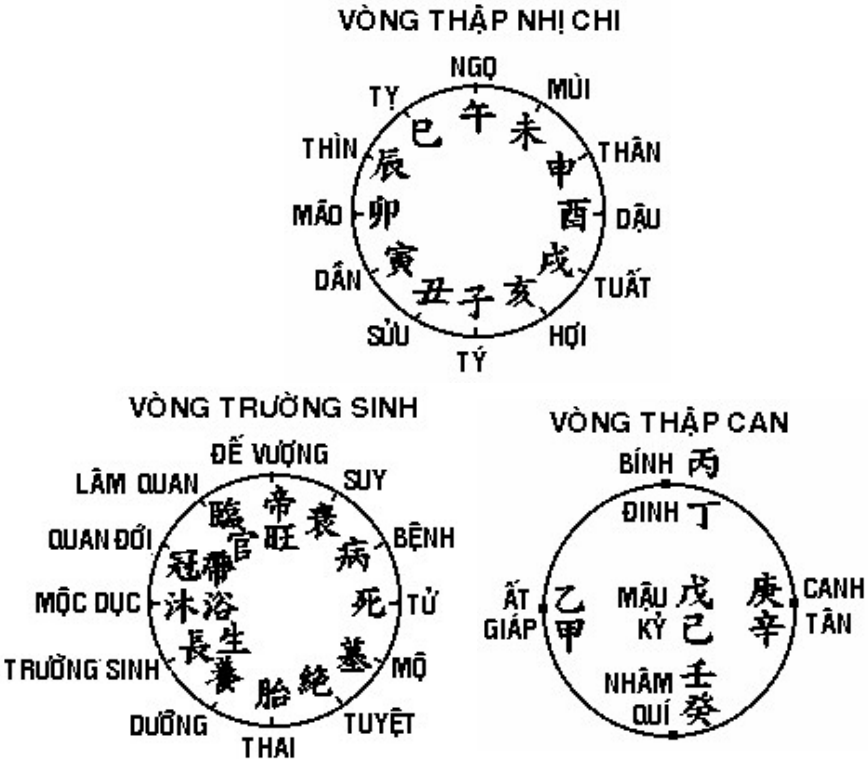

Thời kỳ ấy là thời kỳ «Hồi Phục», vì nhân loại đã thấy được «thiên địa chi tâm».[12]

Theo sử quan này, thì con người mới đầu dĩ nhiên là phải gian truân, phải phong trần (Cấu = Phong trần), nhưng đến chung cuộc, sẽ được hiển vinh hạnh phúc (Càn = Trời, Đế Vương ; Bính đinh = Sáng sủa, rực rỡ, v.v.)[13] để rồi vào yên nghỉ trong Trung cung, trong Thái cực, Hoàng cực..

Mỗi cá nhân cũng phải đi theo đúng con đường đã vạch cho nhân loại và hoàn võ, nhưng tùy sự hiểu biết, tùy theo tốc độ của trí tuệ, tùy theo công phu tu luyện, thời gian trên trở nên co giãn vô hạn định:[14]

Vì:

- 129.600 cũng là một chu kỳ.

- 25.920 cũng là một chu kỳ.[15]

- Một năm cũng là một chu kỳ.

- Một tháng cũng là một chu kỳ.

- Một ngày cũng là một chu kỳ.

- Một hô một hấp cũng là một chu kỳ.

- Một chớp mắt cũng là một chu kỳ (vì cũng gồm hai chiều âm dương, động tĩnh, hạp tịch của Trời đất.)[16]

Con đường thăng trầm, gian lao ấy tức là con đường định mệnh của nhân loại. Theo từ ngữ Ấn Độ thì đấy là duyên nghiệp, duyên kiếp của con người (Karma). Tìm ra được vòng duyên nghiệp ấy mới biết đâu là con đường giải thoát…[17]

Mỗi giai đoạn lại cho con người trông thấy một khía cạnh của toàn thể bao la, mỗi giai đoạn lại làm cho con người giàu có thêm về một loại tư tưởng, lại khoác cho con người một bộ mặt mới.

Suy rộng ra, như trái đất có lúc xa lúc gần mặt trời, thì nhân loại cũng có lúc xa lúc gần Thượng đế, nhưng vòng tiến hóa con người đã vạch sẵn từ muôn thuở, cũng như vòng chu luân của trái đất và các vì sao đã được vạch sẵn khi chúng vừa được tạo dựng nên.

Thế tức là:

«Người tận thế, đất sét xưa nặn lại,

Hạt trường sinh gieo từ buổi hỗn mang,

Ngày khai thiên, Trời đã chép kỹ càng,

Toàn lịch sử của muôn nghìn thời đại.» [18]

Con người sinh ra đời, cần phải phát huy mọi khả năng của mình, thực hiện mọi giá trị tiềm ẩn trong

mình, và chỉ được dừng chân đứng lại khi đã đạt mức chí thành, chí thiện[19] khi đã thoát mọi tình tướng, danh sắc hiện tượng bên ngoài, trở về được với hư vô, Diệu hữu,[20] vì mục đích của nhân loại cũng như của cá nhân là đạt tới toàn thể.

Nói tóm lại, Trung Dung, trung điểm vừa là khởi điểm vừa là cùng đích con người (alpha et omega), còn vòng Dịch với các hào quái tượng trưng cho sự thăng trầm, suy thịnh và các giai đoạn lịch sử con người.

CHÚ THÍCH

[1] Man must be put back at the center of the universe, when he once began, and from which he fell away at the beginnings of knowledges of space at hand. (Ray Bradbury – Remembrances of things future.)

[2] Thiên tôn địa ti, càn khôn định hĩ. Ti cao dĩ trần, quí tiện vị hĩ. 天 尊 地 卑, 乾 坤 定 矣. 卑 高 已 陳, 貴 賤 位 矣 (Dịch – Hệ từ thượng)

[3] L'ordre des successions concrétise le temps;

L'ordre des coexistences concrétise l'espace..

Occultisme et Magie en Extrême-Orient, p.91

... Donc, ce qui est simultané dans l'espace sera successif dans le temps. Ainsi l'espace et le temps sont convertible. (Postulat de l'auteur)

[4] Sử quan này dựa trên sự khảo sát các Đồ Dịch và hai định lý sau của tác giả:

a/. Cuộc đời của cá nhân lý tưởng tương ứng với lịch sử nhân loại.

b/. Các mẫu người cùng có trong không gian, sẽ diễn ra liên tiếp trong thời gian. (Ce qui est simultané dans l'espace, sera successif dans le temps)

... Cũng có thể chia chu kỳ lịch sử làm 13 thời kỳ như sau Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn, Phục, Lâm, Thái, Đại tráng, Quải, Càn và Thái cực.

[5] Cf. André Towianski, cité par Illan de Casa Fuerte, La Religion essentielle, p.222:... Les époques chrétiennes futures, quand les lois du Christ seront de plus en plus connues et appliquées, verront l'homme s'allumer en lui, toujours plus fréquemment, le feu de Jésus Christ; grâce à la force de ce feu, il s'élèvera, il se sanctifiera, et les bienfaits de Dieu descendront toujours plus abondamment sur la terre, jusqu'à ce que, durant la dernière période, et conformément à l'exemple suprême donné par Jésus Christ, le but terminal de l'homme sera atteint: l'accomplissement du Verbe de Dieu, la victoire complète sur le mal, la vie totale du Royaume céleste réalisée par l'homme sur la terre…

[6] Các triết gia Ấn Độ phỏng định một chu kỳ lịch sử nhân loại là:

4.320.000 năm (12000x360=1 ngày Brahma) chia thành bốn thời đại:

a/ Krita-Yuga (thời đại vàng) 1.728.000 năm.

b/ Treta-Yuga (thời đại bạc) 1.296.000 năm.

c/ Dwapara-Yuga (thời đại đồng đen) 864.000 năm.

d/ Kaliyuga (thời đại sắt) 432.000 năm.

Theo tỷ lệ: 4/10 + 3/10 + 2/10 + 1/10 = 10/10 =1

Cf. Louis Chochod, Occultisme et Magie en Extrême-Orient, p.119.

Chu kỳ lịch sử nhân loại, khác với chu kỳ lịch sử vũ trụ: Một chu kỳ sau theo triết gia Ấn Độ là 4.320.000.000 năm (ibid., tr.129)-- (Xem thêm Raoul Auclair, Le Livre des Cycles, p.232; và Doctrine Secrète III 83 85; và A.E. Powell, Le système solaire, p.113)

[7] Cf. F. Tomlin, Les Grands Philosophes de l'Occident, p.210:

… Il (Fichte) affirme aussi que le but de l'humanité est la réalisation du moi. La chose en soi n'est pas inconnaissable; c'est notre propre ego, notre moi idéal. Prendre conscience de soi-même, c'est devenir libre. Mais la liberté ne s'atteint pas sans lutte, sans oppositon, sans conquête: le moi atteint donc la liberté en surmontant tout ce qui n'est pas lui-même – le non-moi, en fait, qu'il creé afin d'engager la lutte. Ce non-moi, c'est l'apparence, ce sont les phénomènes; et tandis que l'entendement perçoit le monde des phénomènes, concourt à le construire, la Volonté ou moi l'utilise, comme un ponton, improvisé pour découvrir la vérité qui se trouve au-delà. Agissante chez l'individu, cette dialectique l'est aussi dans la société, et vraiment, dans tout le cours de l'histoire. L'histoire n'est que histoire de la liberté, de la lute de l'homme pour la libération, l'histoire des vicissitudes de la liberté…

[8] Xem các đồ bản trang sau.

Cf. Ernest d'Aster, Histoire de la philosophie, p.124:

Origène: La création du monde, dans le temps, devient une creation éternelle qui, déjà, par ce changement, se rapproche fortement d'une émanation; derrière le Dieu fait Homme à une époque du monde, il (Origène) montre le Logos qui sort éternellement de Dieu; et pour les âmes elles-mêmes, il admet la préexistence.

… Par le retour de tous les êtres en Dieu, s'achève par conséquent un circuit – mais qui recommence et se renouvelle dans l'Eternité…

Grégoire de Nysse (né à Césarée en Cappodoce vers 335):

… Chez lui (Grégoire de Nysse) aussi, à la fin du mouvement circulaire, tous les êtres reviennent à Dieu…

Trông bao quát vòng lịch sử này, rồi đem áp dụng nó vào từng trường hợp mỗi quốc gia, các nhà chính trị có thể tùy thời mà thay đổi trọng tâm hoạt động để làm sao cho dân nước được sinh hoạt đều hòa, hạnh phúc. Khi dân chúng đói khổ, thì trọng tâm là khuếch trương canh nông kỹ nghệ, khi dân chúng yếu hèn, thì phải lo chấn chỉnh võ bị ngoại giao, khi dân chúng no đủ thì phải lo chấn hưng đạo đức, khuyến khích thuần phong mỹ tục, cổ vũ văn hóa tư tưởng cốt sao cho dân khỏi sa đọa vào vòng ăn chơi trụy lạc, tóm lại một quốc gia, cũng như một con người nó cũng có lúc sinh lúc trưởng, lúc mạnh lúc đau, lúc vinh lúc nhục, lúc sang lúc hèn, cái khóe của nhà cầm quyền là phải đoán xem nước mình đang ở giai đoạn nào trên con đường tiến hóa để tùy thời mà xử sự, tùy cơ mà ứng biến…

[9] … Et c'est le même mystère que celui de l'Involution et de l'Evolution, de l'Incarnation cosmique et de la rédemption universelle, ces deux versants conjugués du Cercle du Devenir.

(Raoul Anclair, Le livre des Cycles, p.238)

… Le temps éternel et indestructible comme la matière se divise en deux périodes: Utsarpini et l'Avasarpini.

Selon les Djaïns, l'Utsarpini est la période ascendante et l'Avasarpini la période descendante de la durée. (Louis Chochod, Occultisme et Magie en Extrême-Orient)

… Phase de négativation (phase descendante): oui devient non-phase de positivation (phase ascendante): non devient oui.

Cf. Dr Jean Choain, La voie rationnelle de la médecine Chinoise.

… Le demi-cercle de gauche, représente l'ascension du soleil, le demi-cercle de droite la descente (Inn). Autrement dit, à gauche, le soleil va du Inn au Iang (le Iang monte et Inn descend); c'est la barque de Rà ascendant (mandjit) – à droite, il va «du Iang au Inn (le Iang descend et Inn monte). C'est la barque de Rà descendant (Sektet). (Ibid., p.125)

[10] Lúc ấy cũng là lúc con người tận dụng được vật chất (chí dụng).

[11] Xem các đồ bản trang sau.

1. Vòng tuần hoàn vạn vật theo thập nhị chi:

Vạn vật khóac hình hài, có mùi vị (未 = 味), thân thể (申 = 身也, 物 體 皆 成). Dần dà, lại thâu súc, thu liễm (酉 = 縮 縮), bị khắc sát, tàn vong 亥 = 刻 殺. 陰 氣 刻 殺 萬 物). Sau đó lại thai dưỡng (子 = 而 為 子), lọt lòng ra (丑 = 紐). Khai triển, diễn tiến 寅 = 演), tốt đẹp (卯 = 茂), phấn chấn (辰 = 震, 萬 物 盡 震 而 長), vươn mãi lên (巳 = 起, 物 畢 盡 而 起) đến chỗ trưởng đại (午 = 大 長).

2. Vòng tuần hoàn vạn vật theo thập can:

Vạn vật canh tân (庚 = 更 也. 辛 = 新 也) Rồi bế tàng, hoài thai, manh nha (壬 = 任 妊; 癸 = 揆 然 萌 芽). Rồi thoát khỏi vỏ, mà vươn lên (甲 =解 孚 甲 而 出. 乙 = 屈). Rồi sáng sủa rực rỡ (丙 丁 = 炳 然 著 現). Chung cuộc sẽ tốt đẹp, thành tựu. (戊 = 茂. 巳 = 起)

(Cf. Uyên hải tử bình, Cẩm Chương thư cục, Hương Cảng.) Cf. Maître Eckart cité par Illan de Casa Fuerte, La Religion essentielle, p.143: «Dieu avec toi» c'est alors qu'a lieu la naissance. Phục, kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ. (Dịch Kinh Phục quái)

[12] Phục quái. Dịch Kinh.

[13] Xem các đồ bản trang trước.

[14] … Cố năng niên trung thủ nguyệt, nguyệt trung thủ nhật, nhật trung thủ thời, thời trung thủ khắc. Xúc nhất niên tạo hóa ư nhất nhật chi nội, nãi ư nhất khắc chi nội hành nhất niên chi công. Đạo thiên địa, đoạt tạo hóa; thục hữu đại ư thử giả; thần thánh tai! nguyên diệu tai! 故 能 年 中 取 月, 月 中 取 日, 日 中 取 時, 時 中 取 刻. 蹙 一 年 造 化 於 一 日 之 內, 乃 於 一 刻 之 內 行 一 年 之 功. 盜 天 地, 奪 造 化, 孰 有 大 於 此 者; 神 聖 哉. 元 妙 哉 (Nhập dược kính 入 藥 鏡, tr.8)

… Toute la science du Yogin est d'enseigner aux hommes comment abréger, en intensifiant leur pouvoir d'assimilation, le temps nécessaire pour atteindre la perfection, au lieu de progresser lentement, d'étape en étape et d'attendre que toute la race humaine soit devenue parfait. (Marc Semenoff, Pour Connaître la pensée de Bouddha, p.167)

[15] Chu kỳ của mặt trời trên vòng Hoàng Đạo. Sau một chu kỳ 25.920 năm mặt trời lại ở vị trí cũ ngày xuân phân.

[16] Le rythme alchimique consistera dans la reproduction du rythme naturel, et la Grande oeuvre débutera à l'instant précis désigné par l'astrologie, celui où cesse la régression pour faire place à l'ascension (cf. Phục

kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ!…)

La seule différence sera qu'une fois en possession du grand secret, la marche de l'oeuvre ne parcourra plus les millénaires comme la nature elle-même mais se trouve réduite à quelques années, voire quelques mois. C'est donc bien une imitation de la nature dans son processus évolutoire que se propose l'alchimiste. (J. Chabosseau, Le Tarot, p.30).

[17] Définissons le Karma comme l'ensemble des étapes psychiques réalisées, en voie de réalisation et réalisables en vue de l'accomplissemet d'un cycle. En conséquence, nous prenons conscience de l'existence d'un Karma cosmique, d'un Karma universel, d'un Karma particulier à chaque élément manifesté dans la nature et par conséquence d'un Karma individuel humain. (L. Ferrer, Hatha – Yogin Occidental, p.38)

… La grande année, période entre deux conjonctions générales identiques, est finalement le multiple décimal de 432.000 soit 4.320.000 années solaires valant 12.000 années divines. (La science indienne antique – Histoire générale des sciences, Tome I, p.165). (Cf. Aussi: Cycles of time – Encyclopedia of religions, p.213).

[18] «Avec la première argile de la terre,

Ils pétrirent le dernier homme,

Et là ils ensemencèrent la graine de la moisson dernière.»

(Omar Khayam, cité par Eddington. Cyrill Wilczkowski, L'homme et le Zodiaque, p.35)

[19] Chỉ ư chí thiện 止 於 至 善.– Đại học, ch.I.

[20] L'absence abyssale de toute imagse rappelle le «Rien» de Boehm, le Vide (Shunya) du Véda, demeure de Brahman ou le Vide (Hsu Kung) du Taoïsme dont «le but ultime, le secret est l'union du soi avec le soi». (Dr Ervin Roussel, Seelische Forschung in lebenden Taoismus, Eranos Jahrbuch, 1933, p.151) -- … Có lẽ sách Khải huyền (Apocalyse) cũng đã mô tả nhân loại lúc chung cuộc, khi đã đạt tới Thái cực huyền đồng (Apocalypse 21,1-27; 22,1,1-5).

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 14

NHỮNG ĐỊNH LUẬT CHÍNH CHI PHỐI CON NGƯỜI VÀ HOÀN VŨ THEO TRUNG DUNG VÀ DỊCH LÝ

N ghiên cứu Trung Dung, Hà đồ, Lạc thư và Dịch, ta có thể tìm ra được nhiều định luật chi phối hoàn vũ và con người.

Nhưng trước khi đề cập ít nhiều định luật, chúng ta hãy dùng ngọn bút Thái cực, và hai màu sắc Âm Dương, cố phác họa lại đáng dấp của tâm hồn con người, một tâm hồn mung lung huyền ảo, đến nỗi nhiều người hiện nay vẫn còn đang tự hỏi nó có hay không:

«Thái cực sinh lưỡng nghi»…

«Có Thái cực, có Âm Dương,

Biến hằng vạch sẵn, đôi đường tử sinh.»

Thái cực là Hóa công là chân tâm, Đạo tâm hằng cửu. Âm Dương là hai động lực biến hóa trong Trời đất và trong lòng con người.

Cho nên dùng nguyên lý Âm Dương mà khảo sát tâm hồn, ta nhận thấy ngay trên bình diện biến thiên, tâm hồn cũng là hai mặt sáng tối.

Thực là:

«Hai vẻ mặt, một con người,

Trung tâm lại có Trời soi vào lòng.» [1]

Chân tâm bất biến và hai vẻ sáng tối của môt tâm hồn ấy đã được diễn tả bằng từ ngữ sau:

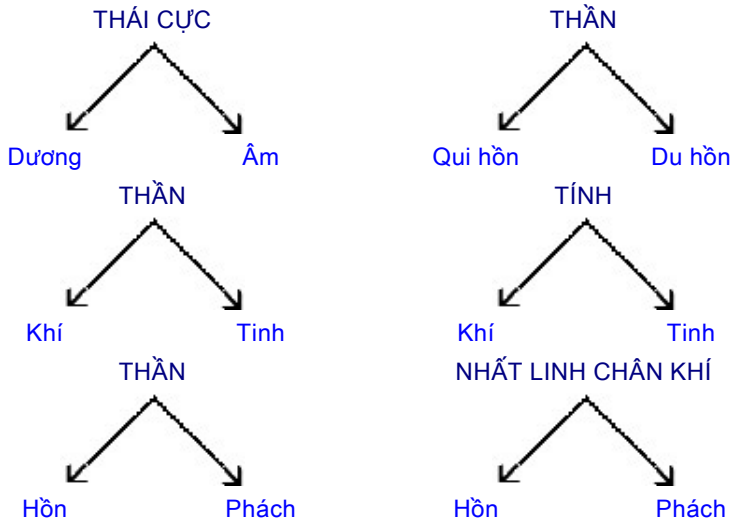

Olov R.T. Jansé, trong quyển Nguồn gốc văn minh Việt Nam, dựa vào các bằng chứng khảo cổ, cho

rằng: «Người Trung Hoa và người Việt Nam thời cổ, quan niệm con người có hai bản tính vô hình[2]: một khí thiêng và một hồn đeo huyết tính. Sau khi chết thì khí thiêng biến thành một vị thần linh hay một vị cao siêu giúp đỡ nòi giống, giúp đỡ con cháu làm ăn an lành. Sự thờ cúng tổ tiên theo quan niệm đặc biệt ấy mà ra.

«Còn cái hồn mang huyết tính thì sống một đời sống vô định, nhạt mờ và mong manh rồi cuối cùng tiêu mất.[3]

«Ngôn ngữ Âu Á có hai danh từ để gọi sự trạng đó. Trong tiếng Pháp có hai chữ Esprit và Âme. Trong tiếng Latin có: Spiritus, Anima. Trong tiếng Hy Lạp có: Pneuma, Psyché. Phải chăng là chữ Esprit tương xứng với chữ Esprit Souffle[4] (khí thiêng) còn chữ Âme tương xứng với chữ Âme de sang (hồn theo huyết tính) như chúng tôi vừa nói! Có thể vậy.» [5]

Âm dương là một ngẫu lực (couple de forces), cho nên hồn phách bao giờ cũng cộng tác với nhau trên đường đời. Hai bên theo nhau như bóng với hình, cùng chung nhau dự tấn kịch đời: bên này tiến thì bên kia lui; bên kia thắng bên kia bại; bên này thịnh bên kia suy; giao tranh mà vẫn cộng tác; ngoài như thù địch mà trong vẫn là tình cốt nhục; gần gũi nhau mà vẫn tưởng chia phôi; như Sâm Thương, như Psyché và Amour, như Orphée và Eurydice, một ẩn một hiện, không bao giờ lộ diện cùng một lúc.

«Có biết đôi cành sinh cùng gốc,

Mới hay con cháu có ngàn muôn.» [6]

Quan niệm này có lẽ soi sáng được mâu thuẫn giữa con người, và hai khả năng tương phản của con người, vừa có thể tiến được về phía tinh thần, vừa có thể tiến được về vật chất[7] và giải quyết được mối tranh chấp cố hữu giữa tinh thần và vật chất bằng cách thu xếp cho mỗi bên nhượng bộ nhau một thời: con người, nửa đời trước sẽ tiến ra vật chất, nửa đời sau sẽ hướng về tinh thần, theo đúng cơ Trời, để có thể luân phiên làm hai công việc mưu sinh và tu đạo:

«Trước Trời, Trời chẳng trách đâu,

Sau Trời cho hợp cơ mầu thời gian.» [8]

Nếu cố chấp một bề, là người thiển cận, không biết quyền biến.[9]

Sách Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ viết: «Nhất linh chân tính một khi đã sa xuống cung Càn, liền phân thành hồn phách. Hồn là dương (Animus) sống tại «Thiên tâm», là khí khinh thanh phơi phới, từ Thái hư giáng hạ, nên cùng một hình ảnh như nguyên thủy. Còn phách (Anima) là âm, là khí trầm trọc nặng nề, bám víu vào phàm thể. Hồn thích sống, phách chực chết. Phách say mê những hình sắc chuyển động bên ngoài. Đó chính là thức thần.» [10]

Quan niệm như trên về tâm hồn con người phù hợp với định luật đối xứng của Trời đất: nghĩa là có hai vế đối đãi nhau ở hai bên một tâm đối xứng (Centre de symétrie).[11]

Phải chăng những hình «lưỡng long triều nguyệt», «lưỡng long tranh châu» đã vô tình hay hữu ý [12] phản ảnh lại quan niệm trên?

1. Định luật biến, hằng

Nhìn vòng Dịch tiên thiên, ta thấy mọi sự đều biến thiên, luân lưu, ngoại trừ tâm điểm. Nói cách khác chỉ có Trời, có Đạo là bất biến, còn muôn loài thì đều bị đẩy đưa trên vòng biến dịch, ảo hóa.

Đạo thể từ trung điểm tung tỏa nguồn sống khắp nơi, phát huy ra quần sinh vũ trụ, như vầng dương phát huy muôn ánh quang hoa. Mọi vật, mọi sự trên vũ trụ là văn vẻ, hay trạng thái của Bản thể duy nhất. [13]

Hiểu định luật này là hiểu huyền cơ Tạo hóa, và ý nghĩa cuộc đời. Bao lâu con người còn chạy theo những ảo ảnh bên ngoài, chạy theo hiện tượng, còn sống cuộc đời xốc nổi phù phiếm bên ngoài, thì bấy lâu con người còn sống trong cảnh phù du, tang thương biến đổi (devenir). Muốn thực hiện bản thân (Etre), phải biết thoát ly hiện tượng, sống đời sống tinh thần, kết hợp với Thượng đế.[14]

Lẽ biến hằng này cũng được diễn tả trong Phật giáo bằng những danh từ nghiệp chướng và Hư vô, luân hồi và Niết bàn,[15] vô thủy sinh tử căn bản và vô thủy Bồ Đề Niết bàn, Nguyên thanh tịnh thể.[16]

2. Định luật thuận nghịch

Đường đời như một vòng tròn có hai chiều thuận nghịch. Nếu đi theo chiều thuận, từ vô hình tiến ra hữu hình, là đi theo chiều «sinh hóa, lao tác» của vũ trụ, sẽ tìm ra được nhiều ứng dụng mới mẻ cho cuộc đời, nhưng dần dà sẽ tiến tới chỗ phàm phu, tục lụy. Nếu đi theo chiều nghịch, từ hữu hình trở ngược về vô hình, là đi theo chiều «thành», của vũ trụ, sẽ tìm ra được chân lý và tinh hoa của nhân loại, và dần dà sẽ tiến tới bậc siêu phàm thánh thiện.

Kinh Dịch dạy bí quyết đi ngược dòng đời.[17]

Muốn hiểu rõ vi ý của Trung Dung và Dịch lý cần hiểu rõ định luật tuần hoàn có hai chiều vãng lai, tiêu tức hợp lại thành một vòng càn khôn, gồm hai phần thuận nghịch.

Chiều thuận là chiều sinh của đất trời, từ nhất tỏa lan tới vạn, từ trên đi xuống dưới, sinh sinh không cùng.

Chiều nghịch là chiều thành của trời đất, từ vạn qui về nhất, từ dưới vươn lên cao, từ một dương biến dần thành sáu dương, biến hóa tính mệnh, bảo hợp Thái hòa, trở về cùng Nguyên thủy.[18]

Theo lẽ thường của trời đất, thì có đầu rồi mới có đuôi, có thủy rồi mới có chung, có Dương rồi mới có Âm, có sống rồi mới có chết...

Nhưng Dịch lại dụng ý nói ngược lại hết. Dịch nói: «Âm Dương», «tử sinh», «chung thủy». Đó là dựa theo sự biến hóa vô biên của trời đất để xiển minh lẽ «cùng, thông», bày ra hai chiều ngược xuôi, qua lại cho chu toàn thiên ý, nhân tâm, cho vạn lẽ sinh thành.[19]

Thực đúng như thi hào Tagore đã viết trong Duy nhất sáng tạo: «Vô hạn vì muốn biểu hiện mình, đã hạ xuống trong thiên hình, vạn trạng của hữu hạn; và hữu hạn vì sự thực hiện mình phải vượt lên cái duy nhất của vô hạn,có như thế vòng chân lý mới hoàn thiện.» [20]

3. Định luật Âm Dương điên đảo

Cũng như muốn cho đất đai sinh sôi nảy nở, cần phải đào bới xới lộn, để không khí dễ dàng thâm nhập vào trong, con người muốn thần thánh hóa mình, cũng phải đem Trời, đem tinh hoa nhân loại lồng vào trong lòng mình.

Trời ở trên đất, thì đất sẽ bị đè nén (Thiên địa Bĩ) Lửa cháy trên nước, thì nước nóng làm sao (Hỏa thủy Vị tế). Nhưng nếu đất chứa trời trong tâm, nếu nước mà được lửa hun nấu phía dưới thì sẽ phát sinh lợi ích vô biên (Địa thiên Thái ; Thủy hỏa Ký tế).

«Được thủy hỏa hai đường tương tế,

Ấy Âm Dương, hai vế hiệp hòa

Nuôi muôn vật, giúp dân ta,

Tham Thiên tán địa, thực là công ta.» [21]

Cũng một lẽ, bao lâu nhân loại chưa hay trong lòng mình có Trời, có Đạo, bao lâu nhân tâm không có Đạo tâm làm chủ chốt bên trong, thì bấy lâu con người sẽ còn lao lung, luân lạc.[22]

Bao lâu còn ấu trĩ, con người sẽ tưởng rằng Trời, hay sự toàn thiện phải tìm kiếm ngoài mình, nhưng khi đã trưởng thành thì sẽ nghĩ ngược lại, và sẽ tìm Trời, tìm tinh hoa và toàn thiện trong lòng mình. Định luật Âm Dương điên đảo này chẳng những áp dụng cho cá nhân mà sẽ áp dụng cho lịch sử nhân loại. Đó cũng chính là một tiêu chuẩn chính xác để quyết đoán xem ta còn ấu trĩ hay đã trưởng thành về phương diện tâm thần....

4. Định luật Âm Dương thác tống

Định luật này phân tôn ti quí tiện của Âm Dương, của tinh thần và vật chất, và còn dạy người phải biết tùy thời, lúc trọng Âm, lúc trọng Dương cho hợp cơ trời.

«Tống» bày lẽ dưới trên, áp dụng cho không gian, cho trường hợp tĩnh.

«Thác» bày lẽ trước sau, áp dụng cho thời gian, cho trường hợp động.

Không gian cốt để phô bày, phân phối các giá trị, để cho tâm thần trông thấy hết các giá trị thấp cao, la liệt bày ra trước mắt, mà định hay dở.

Thời gian cốt là để cho tâm hồn có cơ hội lần lượt thu thập và hưởng dụng các giá trị đó. Biết dùng thời gian chinh phục không gian, thu thập các giá trị, biết lúc nào phải trọng dụng loại giá trị nào ấy là biết «thời trung», uyển chuyển theo thời cho hợp thiên cơ, làm rung lên hết cả các phím tơ của cây đàn muôn điệu. [23] Có như vậy cuộc đời mới đầy đủ ý nghĩa và lúc nào cũng thơ mộng uyển chuyển. Nói thế có nghĩa là con người phải biết nhập thế, xuất thế, biết nhập thể, biết nhập thần (Descente de l'âme dans la chair et son retour vers l'esprit).

Mới hay:

«Thiên nhiên tự tính uy linh

Trong ngoài hai mặt một mình quán thâu.» [24]

5. Định luật tụ tán

Nếu ta chấp nhận trung điểm tâm thần ta là tâm điểm phát quang, ta sẽ nhận thức được định luật tụ tán của trời đất.

Càng tiến ra xa, càng tiến ra bên ngoài, thì ánh sáng càng yếu, càng mờ, càng bị tản mạn. Nhưng nếu tâm thần không bị chia năm sẻ bảy, thì ánh sáng tinh thần ấy sẽ có thể tập trung lại và trở nên xán lạn.

Tỏa lan, chiếu diệu ra bên ngoài, là để ứng phó với hoàn cảnh, nhưng nếu suốt đời cứ để tản mác ánh sáng tâm thần ấy mãi, nó sẽ như đàn bướm tung bay, chẳng đem lại được kết quả gì vĩ đại.

Người xưa còn cho rằng:

«Anh hoa phát tiết ra ngoài

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.» (Kiều)

Còn nếu biết tập trung ánh sáng tinh thần ấy lại, con người sẽ có thể trở thành thần minh.

Cho nên xưa nay, công phu tu luyện của thánh hiền đều là «Hồi quang phản chiếu», tập trung ánh sáng tinh thần lại. Trước thời còn tập trung trên một đề tài gì, gọi là chuyên tâm, chú ý (attention, méditation, concentration) nhưng sau khi đã tu luyện tinh thần rồi, sẽ tập trung tinh thần mà không cần đối tượng, đó chính là xuất thần (extase). Lúc ấy sẽ nhìn thấy thấu đáo những lẽ huyền vi của trời đất.

Đó là phương pháp «Thoái tàng ư mật» của đạo Nho, «nhiếp tâm pháp» của đạo Lão.[25]

Tập trung tinh thần rốt ráo sẽ đạt tới điểm hội tụ, sẽ tới Trung điểm, Tuyệt điểm. Thế là đạt tới «Thiên địa chi tâm» là Đắc Trung là Phối Thiên, là đạt tới điểm «đồng qui nhất chí» của Nho giáo, tới chỗ «Vô cảnh», ôm giữ được thuần nhất theo Trang tử,[26] tới «Bát nhã bình đẳng», hay tới Niết bàn của Phật giáo.

Sự tập trung tinh thần còn có những ích lợi thực tế khác. Khi một con người biết trầm tĩnh, ít lời, sẽ hàm súc nghĩ lý, xử sự sẽ hữu hiệu hơn và sẽ được nhười khác kính nể hơn.

Vả lại biết tập trung tinh thần, thì thần xác đỡ bị kích thích, thác loạn, dày vò, sẽ được thảnh thơi thoải mái, như vậy sẽ đỡ tật bệnh và sống lâu hơn...

Định luật tụ tán này có một giá trị rất là phổ quát, có thể áp dụng vào mọi lãnh vực. Ví dụ, trong đời sống thường ngày ai cũng ghét những người phá tán dù là sinh lực, hay là tài nguyên. Tập trung là tăng cường, phá tán là suy nhược, cho nên trong binh pháp khi cần công phá thì tập trung, khi cần ẩn lủi thì phá tán.

Ngay vũ trụ cũng bị định luật tụ tán chi phối. Nhà toán học A. Friedmann khi giải lại những phương trình của Einstein cũng kết luận vũ trụ có thể tụ tán, co giãn được...[27]

Suy rộng ra, thì ngay sự sinh thành, tuần hoàn, phản phúc, thủy chung của vũ trụ cũng đã được bao hàm trong định luật tụ tán; chung qui, muôn vật đều cùng khuôn theo một định luật tụ tán: Nhất tán vạn, vạn qui nhất.[28]

6. Định luật tiến hóa

Từ sự biến thiên vô hạn định, Trung dung suy ra sự tiến hóa vô hạn định của hoàn võ và con người:

«Đạo trời đất một câu tóm hết.
Làm muôn loài chẳng biết hai khuôn,
Nhưng mà sinh hóa khôn lường.
Đất trời đường lối mênh mang rộng dày,
Cao minh, trong sáng xưa nay
Xa gần, vĩnh cửu đó đây khôn lường.» [29]

Cho nên, nhờ sự tu luyện, con người cũng có thể trở nên hoàn thiện, «dữ Thiên đồng đức», vĩnh cửu vô chung.

«Việc Trời ngẫm xiết bao huyền ảo,
Thực sâu xa, ẩn áo khôn cùng,
Thực là đáng mặt Hóa công.
Đức vua Văn tinh thuần chói lọi.
Thế cho nên đáng gọi là Văn,
Tinh ròng vĩnh cửu, vô chung.» [30]

7. Định luật tự cường bất tức

Trung dung và Dịch kinh đều chủ trương con người có thể tiến hóa vô hạn, và như vậy cần bắt chước trời đất cố gắng không ngừng, hoạt động không ngừng để tiến tới hoàn thiện...

Nhờ sự cố gắng không ngừng, mà thánh nhân sẽ có ảnh hưởng bao trùm vũ trụ. Đó là theo được đường lối của đất trời:

«Bậc chí thánh không hề ngơi nghỉ
Không nghỉ ngơi nên sẽ vững bền,
Vững bền muôn vẻ trưng lên,
Trưng lên vang dội khắp miền gần xa
Khắp gần xa ắt là dày rộng,
Đã rộng dày thời cũng cao minh.
Rộng dày để chờ chúng sinh,
Cao minh che khắp sinh linh xa gần,
Trường cửu để tác thành muôn vật,
Rộng dày nên cùng đất sánh duyên
Cao minh kết ngãi thanh thiên,
Vô biên, vô tận triền miên không cùng.» [31]

Các thánh hiền Nho giáo chủ trương trong nhân tâm còn có Đạo tâm.[32]

Gia Cát Võ Hầu giải chữ tâm như sau:

«Hai người đứng ở bên mình,
Thái dương chói lọi một vành trên cao.
Lòng người thẳng rọi chiếu vào,
Tiên cơ đã biết thế nào hay chưa.» [33]

Nghiên cứu mối tương quan giữa Nhân tâm, Đạo tâm chúng ta sẽ hiểu những lẽ:

- Chính, tùy
- Tinh, thô
- Hằng, biến
- Ẩn, hiện
- Thể, dụng
- Bản, mạt
- Đại, tiểu
- Lý, khí, v.v...

Nhìn vào đồ bản Dịch tiên thiên tròn, ta thấy các hào, từ vòng trong nhìn ra vòng ngoài, biến thiên nhanh chậm khác nhau tùy theo tỉ số 1, 2, 3, 4, 8, 16, 32.

Suy ra thì những tín ngưỡng và tư tưởng nhân loại cũng biến đổi nhưng rất chậm, còn phong tục, hình

thức, lễ nghi bên ngoài biến đổi mau hơn.

Dịch Kinh còn đưa ra 1 đồ bản có 2 tầng lớp:

- Tầng ngoài, 64 quẻ xếp vòng tròn.

- Tầng trong, 64 quẻ xếp hình vuông.

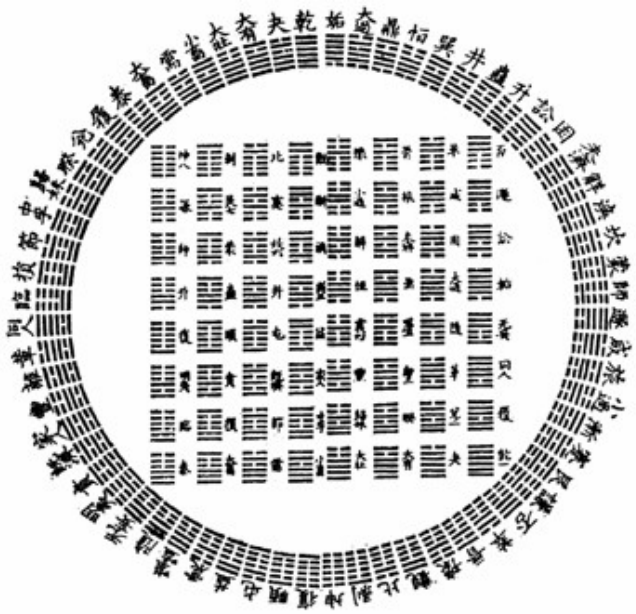

Tròn chỉ động dụng, chỉ biến thiên của vạn hữu dynamisme et changement).

Vuông trong tròn chỉ sự tĩnh lãng, sự bất biến của bản thể (stabilité et immutabilité), mà vẫn hàm tàng mọi biến thiên của vạn hữu.[34]

Nhưng nếu hai hình vuông tròn được tách rời khỏi nhau thì ý nghĩa lại khác. Lúc ấy vuông lại tượng trưng cho vật chất, sự bất động, sự bảo thủ;[35] tròn lại tượng trưng cho tinh thần, sự biến thiên, và tiến hóa.

1. Quan niệm bất động (Fixisme)

Nếu có quan niệm bất động, bất biến về cuộc đời, ta sẽ ít đếm xỉa đến thời gian và sức biến hóa vô biên của vũ trụ và con người. Theo quan niệm này, cái gì quý sẽ quý mãi; cái gì hèn sẽ hèn mãi. Càn nhất định phải ở trên, Khôn nhất định phải ở dưới. Dương phải hơn, Âm phải kém, v.v.

«Nguyên lý đồng nhất» (Principe d'identité) sẽ là nền tảng cho mọi suy luận. Nghĩa là: A là A

«Con vua thì lại làm vua,

Con thằng sãi chùa thì quét lá đa.»

Con người cũng có sự «tự ti mặc cảm», cho mình là hèn kém, nên hết sức tôn trọng những phát minh sẵn có, cho đó là tuyệt đối, tuyệt hảo, ôm ấp lấy dĩ vãng, gò bó mình vào trong những khuôn khổ tinh thần vật chất chật hẹp, ghét mọi sự đổi thay, cho đó là nguy hại.

2. Quan niệm biến hóa (Dynamisme et changement)

Theo quan niệm này con người sẽ chủ trương, vũ trụ thăng trầm, không có gì hay mãi, không có gì dở mãi. Tùy nơi, tùy thời, tùy quan niệm hay có thể biến thành dở; dở có thể hóa thành hay. Tinh thần cũng có lúc bị vật chất chi phối, cái chính cũng có khi phải thua cái tà, nhưng rồi ra vật chất sẽ hàng phục tinh thần, tà khuất sẽ rút lui nhường chỗ cho công chính. Đó là chủ trương của Dịch Phục Hi.

Khi con người đã biết lồng thời gian vào cuộc đời, đã biết cưỡi lên mình rồng biến hóa, thì nguyên lý đồng nhất không còn áp dụng được nữa:

A sau một thời gian cũng có thể là B,

B sau một thời gian có thể là C, v.v.

Chủ trương bảo thủ, bất biến là chủ trương của đại chúng, của những tổ chức chánh trị, tôn giáo bên ngoài; nó hữu ích vì kìm hãm được sự ngông cuồng của đại chúng, giữ gìn được trật tự xã hội.

Quan niệm biến hóa là con đường của hiền thánh, của Trời đất; nó biến ảo, cao siêu bao la vô tận, khó lường, khó đoán được.

Trung Dung và Dịch có một quan niệm rất biến hóa, uyển chuyển, không đặt giới hạn nào ngăn cách Âm Dương, chia rẽ tinh thần vật chất, mà chủ trương Âm biến Dương, Dương biến Âm, tinh thần biến thành vật chất (dégradation, régression), vật chất hóa thành tinh thần (évolution, sublimation).[36]

Phương pháp để tìm ra các định luật

Nếu coi Trung Dung như tâm điểm, và Dịch như một hay nhiều vòng tròn đồng tâm ta sẽ tìm ra những lẽ: - Ẩn, hiện

- Quân, thần

- Hằng, biến

- Nhất, vạn, v.v.

Đi từ trung tâm ra biên thùy, ra các vòng ngoài, là đi ra ngọn,[37] là lìa bỏ chân tâm,[38] là ra đi,[39] là quay lưng lại Trời,[40] chối bỏ Trời.

Đi từ «biên thùy» hoàn cảnh xác thân trở về «trung tâm» tinh thần bản thể, là trở về nguồn[41] là trở về chân tâm.[42] là trở về,[43] là quay mặt lại Trời,[44] tuân phục Trời.

Đó là hai giai đoạn diễn dịch (déduction), và qui nạp (induction), bao quát cả trời đất.

Nếu cho vòng Dịch quay tròn, ta còn thấy nhiều định luật khác như:

- Định luật tuần hoàn (loi du movement cyclique) [45]

- Định luật tiệm tốc (loi de l'accelération progressive)[46]

- Định luật ly tâm, hướng tâm (mouvement centrifuge et mouvement centripète)

- Định luật vãng lai (mouvement de va-et-vient) [47]

- Định luật phản phúc (loi d'inversion), v.v.

Nếu nghiên cứu ngẫu lực Âm Dương, coi chúng như hai vâng nhật nguyệt, hay như đôi trai thanh, gái lịch, lúc ghét nhau, lúc ưa nhau, lúc ly tán lúc đoàn tụ, lúc làm hại lẫn nhau, lúc lại hy sinh cho nhau, lúc chống đối nhau, lúc lại giúp đỡ nhau, ta sẽ hiểu và sẽ suy ra nhiều định luật về «Âm Dương» «sinh, khắc, chế, hóa, thành», «Âm Dương tiêu trưởng doanh hư», Âm Dương tương thôi, tương đối, tương đãng, tương thừa v.v... Vì những định luật âm dương đã lồng vào vũ trụ và trong con người.[48]

Tóm lại muốn suy ra các định luật đất trời, định luật tâm lý, ta có thể dùng những yếu tố sau đây:

1. Nghiên cứu tâm điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm, để đứng yên, hoặc cho di động.

2. Nghiên cứu hai đối tượng Âm Dương và cho vần xoay, đảo lộn, hợp tan, để tìm ra các biến hóa.[49]

3. Nghiên cứu sự tăng giảm của Âm Dương trên vòng Dịch.[50]

4. Nhìn xem vũ trụ thiên văn, địa lý, lịch sử, nhân quần, xã hội, các hiện tượng tâm lý, theo các khía cạnh thể và dụng, bản thể và hiện tượng, và các khía cạnh tương tranh, tương thừa của hai sức mạnhtinh thần, và vật chất, của «chính», «tà», v.v.

Hình A: Âm Dương tương hợp

Hình B: Âm Dương tương thôi

Hình 24

Ngoài ra, Trung dung và Dịch lý còn đưa ra những tiêu chuẩn để nhận xét thế nào là chân đạo, thế nào là thánh nhân.

Trung Dung viết:

«Đạo quân tử phát xuất tự thâm tâm,
Đem trưng bày phổ cập tới thứ dân.
Khảo chứng tiên vương không có chi lầm lỗi,
Sánh với định luật đất trời không phản bội.
So quỉ thần, thấy đường lối đúng không sai,
Thánh nhân ngàn đời sau chẳng hề có chê bai.
So quỉ thần đường lối đúng không sai,
Thế là đã biết lòng Trời đó;
Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai,
Thế là đã biết lòng người tỏ rõ.» [51]

Thế là: để nhận xét chân lý và chân đạo, có những tiêu chuẩn được đưa ra:

- Tâm lý (critère psychologique)
- Xã hội (critère sociologique)
- Vũ trụ (critère cosmologique)
- Lịch sử (critère historique)
- Đại đồng phổ quát (critère d'universalité)

Tóm lại chân lý, chân đạo không phải là của riêng ai, mà là của chung hoàn võ, không lệ thuộc không gian, thời gian mà tiềm ẩn sẵn trong lòng mọi người, tản mạn khắp mọi nơi, ẩn hiện trong lịch sử. Nhưng chân lý, chân đạo như viên ngọc qúi phải có nhiều thiện tâm, thiện chí, ra công tìm cầu mới mong chấp

hữu được.

Còn thánh nhân, không phải là những người hy sinh vì chủ nghĩa này, chủ nghĩa nọ, hay có đức tính này, đức tính kia hơn người, mà là những người thông minh, duệ trí đem tư tưởng mình sáng soi muôn ngàn thế hệ; hoàn thiện, hồn nhiên, biết tiến thoái, biết lẽ tồn vong, uyển chuyển như bốn mùa, sáng láng như hai vầng nhật nguyệt, là những người đã đạt tới «thiên vị», «thiên đức», là những người có tâm hồn bao quát vũ trụ...[52]

Suy cho cùng, muốn tu thân, cần phải suy tư, tìm hiểu, phải quán triệt các định luật chi phối vũ trụ, thấu triệt bản thể tâm hồn mình.

Mục phiêu các thánh hiền xưa nay chỉ có một, lối đường thánh hiền xưa nay đi cũng chẳng có hai; tư tưởng của các ngài là những dấu, những mốc đã cắm trên con đường đó, cho hậu sinh khỏi lạc bước. Mục phiêu các ngài sau trước đều là tìm tuyệt đối thể đáy lòng. Con đường các ngài đi sau trước đều là con đường nội tâm, những nêu mốc đã cắm trên đường đó tức là tư tưởng các ngài; những phương pháp các ngài dùng chung qui chỉ là cố gắng học hỏi, suy tư, thoát sự kiềm tỏa của xác thân vật chất, sống trầm lặng, biết tập trung tinh thần, ôm ấp lấy Trời, lấy Đạo, lấy Tuyệt đối thể, đứng vững trên nền tảng bất biến ở trung tâm hoàn võ, trung tâm lòng người, nắm giữ tinh hoa, vứt bỏ phù phiếm bác tạp...

Muốn biết ta đã đi đến đâu trên con đường trời muôn dặm, ta hãy xem chí hướng của ta ra sao, tư tưởng ta thế nào, mong muốn của ta là gì, tầm mắt của ta đến đâu, độ lượng tâm hồn ta bao nhiêu, lòng ta rung động lên theo những loại giá trị gì... «Triết nhân tri kỷ».

Trung Dung viết:

«Biết xa gần, biết nguyên lai, bản mạt,

Biết lẽ vi hiển, vừa rõ ràng vừa e ấp,

Là có thể bước vào nẻo đức, đường nhân.» [53]

Thiệu Khang Tiết viết: «Biết Dịch số là biết Trời, biết Dịch lý là biết Trời.» [54]

Hình 25: Vừng Thái dương tượng trưng Thượng Đế hay Thái Cực ngự giữa hoàn võ.

CHÚ THÍCH

[1] Vịnh chữ tâm của tác giả (xem tr.211).

[2] Từ ngữ của Olov R.T. Jansé.

[3] Cf. Saint Paul II Thessaloniciens 4, 23.

[4] L'esprit (ruah en hébreu, pneuma en grec, mot qui se rencontre 827 fois dans la Bible) c'est le souffle de vie qui est communiqué par Dieu… L'Âme (nephesch en hébreu, psuché en grec, mot mentionné 873 fois dans la Bible) désigne avant tout la vie individualisée, la vie passagère… (Charles Gerber, Le Chemin du Salut: L'homme est-il immortel).

[5] Cf.: Olov R. T. Jansé, Nguồn gốc văn minh Việt Nam, tr.13.

[6] Tu tri nhất bản sinh song cán, 須 知 一 本 生 雙 幹

Thủy tín thiên nhi dữ vạn tôn. 始 信 千 兒 與 萬 孫

Dịch Kinh đại toàn, quyển 1, tr.35.

[7] Dương chủ nhân, Âm chủ vật. 陽 主 人 陰 主 物.

Dịch Kinh đại toàn, quyển 1, tr.40. Xem hình 24, tr.268.

[8] Tiên thiên chi nhi Thiên phất vi. Hậu thiên nhi phụng Thiên thời. 先 天 之 而 天 弗 違. 後 天 而 奉 天 時 (Dịch, Khôn quái)

[9] Dương tượng trưng bằng Càn (3x3=9). Âm tượng trưng bằng Khôn (2x3=6). Sự toàn thiện của Trời đất gồm đủ sinh thành là 5+0 (Ngũ thập cư trung)= 15. Vậy con người phải có đủ hai mặt Âm Dương (9+6=15)

[10] «Nhất linh chân tính» ký lạc càn cung tiện phân hồn phách. Hồn tại Thiên tâm Dương dã, khinh thanh chi khí dã. Thử tự Thái hư đắc lai, dữ Nguyên thủy đồng hình. Phách âm dã, trầm trọc ư khí dã, phụ ư hữu hình chi phàm thế. Hồn hiếu sinh, phách vọng tử. Nhất thiết hiếu sắc khí động, giai phách chi sở vi; tức thức thần dã. Tử hậu hưởng huyết thực. Hoạt tắc đại khổ. Âm phản âm dã, dĩ loại tụ dã. Học nhân luyện tận âm phách tức vi thuần dương. 一 靈 真 性 既 落 乾 宮 便 分 魂 魄 魂. 在 天 心 陽 也 輕 清 之 氣 也. 此 自 太 虛 得 來 與 元 始 同 形. 魄 陰 也 沉 濁 之 氣 也 附 於 有 形 之 凡 體. 魂 好 生, 魄 望 死. 一 切 好 色 動, 氣 皆 魄 之 所 為. 即 識 神 也. 死 後 享 血 食. 活 則 大 苦. 陰 反 陰 也. 以 類 聚 也. 學 人 煉 盡 陰 魄 即 為 純 陽 (Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ, tr.4)

[11] Thực ra: đối xứng nhau về hình thức mà bất đối xứng trong thực tế.

[12] Cf. Hình Caducée. Théosophie et Science (A.Tanon), tr.499. Hình Thái cực Âm Dương của Ai Cập (I-SO) Papus La Cabbale, tr.95.

[13] Cf. Trang Tử, Tề vật luận: Bất dữ vật thiên, mệnh vật chi hóa, nhi thủ kỳ tông. 不 與 物 遷, 命 物 之 化 而 守 其 宗.

[14] ..»L'idée de Dieu est une forme de l'idée de l'infini. Tant que le mystère de l'infini planera sur la pensée humaine, des temples seront élevés au culte de l'infini, que le Dieu s'appelle Brahma, Allah, Jéhova ou Jésus (Pasteur) Q.S. Janvier 1965, N^{o} 1, p.8.

[15] Au milieu est le Rien, dit Bouddha... autour nous prenons des formes diverses,… des personnalités diverses selon l'enchaýnment du déterminisme univesel… Le Karma est l'océan du tout; en lui, les formes qui ne sont rien, s'enchaýnent avec rigueur… En un mot, le Karma n'existe que dans les limites du moi et là, il existe, mais aussitôt que je suis sorti de là pour rentrer dans le Soi universel, il n'a plus de sens… (Marianne Verneul, Dictionnaire pratique des Sciences Occultes, Karma, p.236).

[16] Cf. Kinh Thủ Lăng Nghiêm, q.1, Phật học nghiên cứu hội Linh Sơn xuất bản, tr.56: «A Nan! Ngươi muốn tu cho thành đạo thì phải biết hai thứ căn bản: một là căn bản của vô thủy sinh tử và hai là căn bản của vô thủy Niết bàn. Căn bản sinh tử tức là hiện nay ngươi và chúng sinh đều lấy tâm vọng tưởng mà nhận làm

tự tính đó. Còn căn bản Niết bàn tức là cái «Thức thứ tám» vi tế tư tưởng của người hiện đang có ngày nay gọi là Thức tính đó.»

[17] - Dịch nghịch số dã... 易 逆 數 也 (Hệ từ hạ)

- Diên lưu tố nguyên 沿 流 溯 源 (Dịch kinh đại toàn, tr.76)

- Thuận tắc nhân, nghịch tắc tiên 順 則 人 逆 則 仙

(Đạo Nhất Tử 道 一 子, Tu chân bất tử phương 修 真 不 死 方, tr.16)

- Thái hư thị viết: Đơn đạo thánh công bất ngoại hoàn phản. 太 虛 氏 曰: 丹 道 聖 功 不 外 還 返. Thượng phẩm đơn pháp 上 品 丹 法, tiết thứ 7.

[18] Cố viết: số vãng giả thuận, thuận kỳ thiên địa sinh lục tử, tự thượng há hạ, sinh sinh bất tức chi nguyên lý, vô thời hoặc vi, tri dĩ tàng vãng dã. Tri lai giả nghịch, nghịch dụng lục tử chi lực, hạ học thượng đạt, tự nhất dương, nhị dương, tam dương, tứ dương, ngũ dương nhi lục dương, biến hóa tính mệnh bảo hợp Thái hòa. 故 曰 數 往 者 順, 順 其 天 地 生 六 子, 自 上 下 下, 生 生 不 息 之 原 理 無 時 或 違, 知 以 藏 往 也 知 來 者 逆, 逆 用 六 子 之 力 下 學 上 達 自 一 陽 二 陽 三 陽 四 陽 五 陽 而 六 陽, 變 化 性 命 保 合 太 和 (Thái cực quyền bổng đô thuyết, tr.52)

... Thị cố Dịch nghịch số dã 是 故 易 逆 數 也 (Hệ từ hạ)

[19] Thiên đạo chi thường tiên dương nhi hậu hữu âm, tiên thủy nhi hậu hữu chung, tiên sinh nhi hậu hữu tử; kim Dịch sở ngôn nhi viết: Âm dương, viết: chung thủy; viết: tử sinh giả giai giáng nhất đẳng nhi thủ kỳ biến dã. Cái tự kỳ thường giả nhi ngôn chi đãn kiến kỳ tiên hậu lưỡng sự chi cùng yên. Tự kỳ biến giả nhi ngôn chi, tắc cùng nhi phục thông, vị thường dĩ dã... 天 道 之 常 先 陽 而 後 有 陰, 先 始 而 後 有 終, 先 生 而 後 有 死; 今 易 所 言 而 曰: 陰 陽 曰 終 始;曰 死 生 者 皆 降 一 等 而 取 其 變 也. 蓋 自 其 常 者 而 言 之 但 見 其 先 後 兩 事 之 窮 焉. 自 其 變 者 而 言 之, 則 窮 而 復 通, 未 嘗 已 也 (Tống Nguyên học án, q.62, tr.17: Thái Uyên)

[20] Nguyễn Đăng Thục, Lịch Sử Triết Học Đông Phương, q. III, tr.9.

[21] Thủy hỏa tương tế, Âm Dương tương khế, Dục vật tân dân, tham thiên tán địa. 水 火 相 濟, 陰 陽 相 契, 育 物 新 民, 參 天 贊 地 (Bí bản Gia cát thần số, bài 362)

[22] Dịch Càn hạ Khôn thượng vi Thái; ngoại Khảm nội Ly vi Ký tế. Dưỡng sinh gia chi thủ Khảm điền Ly, phản lão hoàn đồng giai thủ nghịch dã... Dịch nghịch số dã. Dương thượng, âm hạ nhi tất viết: nhất âm nhất dương chi vị đạo, âm tiên ư dương, chính bất trắc chi thần dã. 易 乾 下 坤 上 為 泰; 外 坎 內 離 為 既 濟. 養 生 家 之 取 坎 填 離, 返 老 還 童 皆 取 逆 也... 易 逆 數 也. 陽 上 陰 下 而 必 曰: 一 陰 一 陽 之 謂 道, 陰 先 於 陽, 正 不 測 之 神 也 (Nhiếp sinh tam yếu 攝 生 三 要, thượng, tr.4)

- Cf: Vương xương Chỉ, Chư tử đích ngã kiến tr.68: Thất kỳ chân tể, mang muội nhất sinh... 失 其 真 宰 茫 昧 一 生.

[23] Cf: Thác, Tống. (Dịch kinh lai chú đồ giải, q.I, tr.38, 39, 40, 41): Thác giả Âm Dương tương đối dã. Như Càn thác Khôn. Tống tự chi nghĩa tức chức bố bạch chi tống hoặc thượng hoặc hạ chi đảo chi giả dã; như Tốn Đoài, Cấn Chấn; như Truân Mông... 錯 者 陰 陽 相 對 也. 如 乾 錯 坤. 綜 字 之 義 即 織 布 帛 之 綜 或 上 或 下 之 倒 之 者 也, 如 巽 兌, 艮 震, 如 屯 蒙.

[24] Tính chi đức dã hợp nội ngoại chi đạo dã. 性 之 德 也 合 內 外 之 道 也 (Trung Dung, ch.14)

[25] Dư thường vị thử nhiếp tâm pháp; nhĩ tâm hữu sở y tắc định, tâm định tắc thần vương. 余 嘗 謂 此 攝 心 法, 爾 心 有 所 依 則 定, 心 定 則 神 王 (Hàm phân lâu bí cấp, tập 7. Tây sơn nhật ký)

[26] Nam Hoa kinh, Tề vật luận.

... Ngụ chư vô cảnh. 寓 諸 無 境.

... tham vạn tuế nhi nhất thành thuần. 參 萬 歲 而 一 成 純.

[27] Cf.: G. Gamow, La création du l'univers, tr. xiv, xv, 25 et ss.)

[28] Trình phu tử tri vạn lý qui ư nhất lý, nhi bất tri nhất lý tán ư vạn sự, trùng trùng vô tận vô tận trùng trùng, tự tha bất gián ư vi trần, thủy chung bất ly ư đương niệm, cùng huyền cực diệu, phi nhị thừa phàm phu chi sở năng tri dã. 程 夫 子 知 萬 理 歸 於 一 理, 而 不 知 一 理 散 於 萬 事, 重 重 無 盡 無 盡 重 重, 自 他 不 間 於 微 塵, 始 終 不 離 於 當 念, 窮 玄 極 妙, 非 二 乘 凡 夫 之 所 能 知 也 (Đào Hư Tử, Đạo dư lục, tr.19)

[29] Trung Dung, ch.26.

[30] Trung Dung, ch.26.

[31] Trung Dung, ch.26. Tất cả chương này đều đề cập sự tiến hóa của thánh nhân, cũng như của hoàn võ. Cf.: Chương XVI Tổng luận của sách này.

[32] Cf. G. Jung, Psychology and Alchemy, p.455, 456:... But if we try to understand the phenomenom from inside, i. e., from the standspoint of the psyche, we can start from a central position where many lines converge, however far apart they may be in the external world. We are confronted with the underlying human psyche which, unlike consciousness hardly changes at all in the cours of many kenturies. Here, a truth that is two thousand years old is still the truths to day - in others words, it is still alive and active. Here too, we find those fundamental facts that remain unchanged for thousand of years and will still be unchanged thousand of years hence...

[33] Lưỡng nhân tại bàng, Thái dương tại thượng, chiếu nhữ nhất thốn tâm, tiên cơ tằng minh phủ. 兩 人 在 旁, 太 陽 在 上, 照 汝 一 寸 心, 仙 機 曾 明 否 (Bí bản Gia Cát thần số, bài 353)

[34] Le carré signifie l'immuable stabilité du Principe. (Pierre Grison, Angkor ou l'univers manifesté, 114-115, p. 356.

[35]... Aspect statique ou terrestre du mandala. (Ibid., p.356)

[36] Âm cực sinh Dương, Dương cực sinh Âm. 陰 極 生 陽 陽 極 生 陰. Vô Dương tắc Âm vô dĩ sinh, vô Âm tắc Dương vô dĩ hóa. 無 陽 則 陰 無 以 生, 無 陰 則 陽 無 以 化.

[37] Tồ uỷ 殂 委.

[38] Ly tâm 離 心 (mouvement centrifuge)

[39] Vãng 往.

[40] Bối thiên 背 天.

[41] Qui nguyên 歸 原.

[42] Hướng tâm 向 心 (mouvement centripète)

[43] Lai 來, hoàn phản 還 返.

[44] Thuận thiên 順 天.

[45] Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy. 天 地 循 還 終 而 復 始.

[46] Từ Cấu đến Độn 16 quẻ. Độn đến Bĩ 8 quẻ. Bĩ đến Quan 4 quẻ. Quan đến Bác 2 quẻ. Bác đến Khôn 1 quẻ.

Lại từ: Phục đến Lâm 16 quẻ. Lâm đến Thái 8 quẻ. Thái đến Đại Tráng 4 quẻ. Đại Tráng đến Quải 2 quẻ. Quải đến Kiền 1 quẻ.

[47] Vãng lai giả dĩ nội ngoại ngôn, dĩ tiêu tức ngôn dã. Tự nội nhi ngoại vị chi vãng, tự ngoại nhi nội, vị chi

lai. 往 來 者 以 內 外 言, 以 消 息 言 也 自 內 而 外 謂 之 往, 自 外 而 內 謂 之 來 (Tống Nguyên học án, q.37, tr.3)

[48] Cf. Jean Chabosseau, Le Tarrot, p.62:... Ce cycle des lois de la nature presénte l'analogie alchimique de l'ordre incressant des évolutions et des involutions atomiques et de leur désintégration consécutive à leur régrégation: les fluides s'échangent, les natures pénètrent, - la roue entre en mouvement, - «le Feu de la Roue», - les changements s'opèrent... l'inférieur s'élève vers le supérieur, le fixe va vers le volatil, et celui-ci descend dans la substance, «pour accomplir les miracles d'une seule chose».

Cf. C.G.Jung, Psychology and Alchemy, p.357:... The alchemical parallel to this antagonism is the double nature of Mercurius which shows itself most clearly in the Uroboros, the dragon that devours, fertilizes, begets, and slays itself and brings itself to life again. Being hemaphroditic it is compounded of opposites and is at the same time their uniting symbol, at once deadly poison, basilisk, scorpion, panacea and saviour...

[49] Nghiên cứu Dịch, ta thấy 64 quẻ là do tứ tượng chồng ba, phát sinh 4 x 4 x 4 = 64. Dưới đây xin trình bày một trong những phương pháp phát sinh 64 quẻ và sự tương ứng của chúng với 64 nucléotides trong khoa Génétique.

Ta đặt: Dương ——— và Âm – – . Âm Dương chỉ có 4 cách phối hợp: Thái Dương, Thiếu Dương, Thiếu Âm, Thái Âm (xem hình).

(A = adenylic acid, G = guanilic acid, C = cytidylic acid, U = uridylic acid)

Nếu ta nhận như hình bên cạnh -->

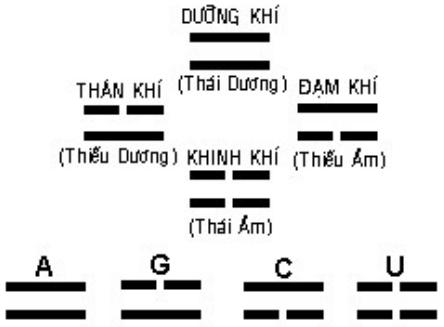

Và cho xếp chúng chồng lên nhau 3 lần ta sẽ có:

I. AAA, AAG, AAC, AAU, AGA, AGG, AGC, AGU

II. ACA, ACG, ACC, ACU, AUA, AUG, AUC, AUU

III. GAA, GAC, GAU, GGA, GGG, GGC, GGU

IV. GCA, GCG, GCC, GCU, GUA, GUG, GUC, GUU

V. CAA, CAG, CAC, CAU, CGA, CGG, CGC, CGU

VI. CCA, CCG, CCC, CCU, CUA, CUG, CUC, CUU

VII. UAA, UAG, UAC, UAU, UGA, UGG, UGG, UGU

VIII. UCA, UCG, UCC, UCU, UUA, UUG, UUC, UUU

I/ Tức là Càn, Quải, Đại hữu, Đại tráng, Tiểu súc, Nhu, Đại súc, Thái.

II/ Lý, Đoài, Khuê, Qui muội, Trung phu, Tiết, Tổn, Lâm, Đồng nhân, v.v.

Xem Isaac Asimov, The genetic code, tr.162, 163. Phải chăng hiện tượng sinh lý cũng theo định luật Dịch?)

[50] Sự tăng giảm này theo định luật Âm tiêu, Dương trưởng, và Dương tiêu Âm trưởng trong bát quái, và định luật Nhất trinh bát hối: 1 quẻ dưới đứng, tám quẻ trên thay, trong 64 quẻ.

[51] Cố quân tử chi đạo, bản chư thân, trưng chư thứ dn. Khảo chư tam Vương nhi bất mậu; kiến chư thiên địa nhi bất bội; chất chư quỉ thần nhi vô nghi; bá thế dĩ sĩ thánh nhân nhi bất hoặc. Chất chư quỉ thần nhi vô nghi: tri thiên dã. Bá thế dĩ sĩ thánh nhân nhi bất hoặc, tri nhân dã. 故 君 子 之 道, 本 諸 身, 征 諸 庶 民 考 諸 三 王 而 不 繆, 建 諸 天 地 而 不 悖 質 諸 鬼 神 而 無 疑 百 世 以 俟 聖 人 而 不 惑 質 諸 鬼 神 而 無 疑, 知 天 也 百 世 以 俟 聖 人 而 不 惑, 知 人 也 (Trung Dung, ch.29)

[52] Thánh nhân ký đắc Thiên vị 聖 人 既 得 天 位 (Dịch, Càn quái, cửu ngũ, Truyện)

... Thánh nhân tri tiến thoái, tồn vong nhi vô quá. 聖 人 知 進 退 存 亡 而 無 過 (Dịch, Càn quái, thượng cửu, Truyện)

... Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, Âm Dương chi nghĩa phối nhật nguyệt, dị giản chi thiện phối chí đức. 廣 大 配 天 地, 變 通 配 四 時 陰 陽 之 義 配 日 月, 易 簡 之 善 配 至 德 (Dịch - Hệ từ thượng)

Cf.:... Si l'on vous demande ce qu'est un homme divin ou divinisé, vous répondrez: Celui qui est tout éclairé et resplendissant de la lumière éternelle et divine, tout embrasé de l'amour éternel et divin. Nous avons déjà parlé de la lumière, mais il faut savoir que la lumière c'est-à-dire la connaissance, n'est rien sans l'amour. (Théologie Germanique - La religion essentielle, p.161)

[53] Tri viễn, tri cận, tri phong chi tự, tri vi chi hiển, khả dữ nhập đức hĩ. 知 遠 之 近, 知 風 之 自, 知 微 之 顯 可 與 入 德 矣 (Trung Dung, ch.33)

[54] Vị Nghiêu phu viết: Tri dịch số vi tri thiên, tri Dịch lý vi tri Thiên. Nghiêu phu vân: Hoàn tri Dịch lý vi tri Thiên. 謂 堯 夫 曰: 知 易 數 為 知 天, 知 易 理 為 知 天 (Dịch kinh đại toàn, q.I, tr.64)

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

Chương 15

DI TÍCH TRUNG ĐIỂM VÀ VÒNG DỊCH TRONG HOÀN VŨ

M ột học thuyết chẳng qua là để xiển minh các vấn đề về Thượng đế, nhân loại, vũ trụ và những liên quan tương ứng.

Học thuyết cao cho nhìn thấy bao quát vấn đề, học thuyết thấp chỉ bàn giải về một vài khía cạnh. Một học thuyết cao còn có tính cách phổ quát, nghĩa là ta có thể dùng nó mà giải thích hết các học thuyết cổ kim; được vậy chính vì nó phát xuất từ căn nguyên và cũng là vì nó là tuyệt điểm tuyệt đích.

Khi đã hiểu vi ý Trung Dung, khi đã hiểu lẽ «đồng qui nhi thù đồ», khi đã xác định rằng Trung Dung là tâm điểm bất biến, mà Dịch là vòng tròn chu luân vạn hữu biến thiên, ta có thể dùng tâm điểm và vòng tròn làm chìa khóa để mở chốt then các học thuyết, làm kim chỉ nam để nghiên cứu các tượng hình, hoạ bản, đền đài miếu mạo Đông Tây mà tìm cho ra ẩn ý cổ nhân.

Mục đích là để:

«Rẽ sóng thời gian tìm nghĩa lý.

Khơi lòng trời đất lấy tinh hoa.»

Và cũng là để chứng minh rằng muôn vạn ngả đường đều gặp gỡ ở Trung tâm, và chủ trương, đường lối xưa nay của các thánh hiền trên hoàn vũ chẳng phải là sai ngoa vu khoát.

1. Ý nghĩa tâm điểm và vòng tròn trong các học thuyết Âu Á

Như trên đã chứng minh, đối với Nho giáo, thì tâm điểm, trung điểm là Trời là Thái cực, mà vòng tròn bên ngoài là các hào quái tượng trưng cho vạn hũu biến thiên.

Lạ thay, khi khảo sát lại các học thuyết cổ từ á sang Âu, ta đều thấy quan niệm này được lưu truyền với những tượng hình y thức như vậy.[1]

Đi ngược dòng thời gian, trở về với những văn minh tối cổ như Ai Cập, Chaldée, trở về với những học thuyết tối cổ như Vệ Đà, Pythagore,[2] Zoroastre,[3] đâu đâu ta cũng thấy tâm điểm tượng trưng Hóa công bất biến, và vòng bên ngoài chỉ sự luân lưu biến ảo của hiện tượng và vạn hữu.

Trong các di tích cổ Ai cập, ta thấy một hình vòng tròn trong tâm có chữ AUM, bên ngoài có hai con rắn song song tượng trưng quyền năng và trí tuệ Tạo hóa.

Chữ w.ee hay AUM hay Thủy Chung ở giữa vòng tròn là Thượng đế tuyệt đối toàn năng.[4]

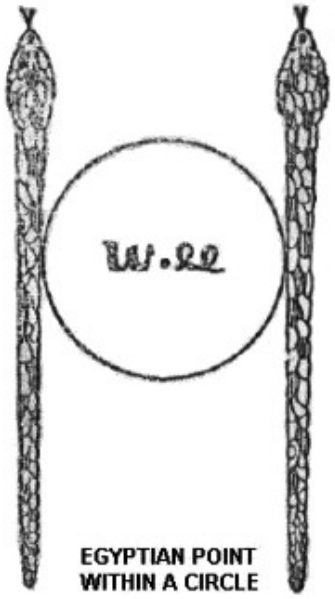

Hình 26: Tâm điểm và vòng tròn trong huyền học Ai cập.
(Egyptian point within a circle)

... «Theo kinh Veda, thì trước khi muôn loài được tạo dựng, chỉ có Brahman, Bản thể thuần túy, không hình thức sắc tướng; đó là Mahâ Bindu, là Tuyệt điểm, là Thần, Khí... Tuyệt điểm ấy siêu hình, vô trụ, vô lượng, nhưng chính là căn nguyên phát huy muôn vật.

Tuyệt điểm ấy ví như trung tâm vòng Hoàng đạo phát sinh mười hai cung.

Tuyệt điểm ấy có thể sánh với Hư không của Veda (Shunya) vì chưa bị ảo ảnh bên ngoài khoác lên trên mình các lớp hình thức sắc tướng, hay có thể sánh với Hư vô của J. Boehme.[5]

... «Còn vòng tròn bên ngoài tượng trưng sự phát triển muôn mặt của Tâm Điểm, hay của Căn nguyên tuyệt đối... Thế tức là vòng tròn[6] tượng trưng cho Vô hạn hiển dương trong hữu hạn bằng biến chuyển tuần hoàn, vãng lai, tiêu trưởng...» [7]

Đứng về một phương diện khác, thì tâm điểm là tự do khinh khoát; còn vòng tròn bên ngoài là vòng định mệnh gồm đủ các ảnh hưởng chi phối con người.[8]

Bao lâu con người còn ở các vòng, lớp bên ngoài thì dĩ nhiên sẽ bị ngoại cảnh chi phối, bao lâu còn hòa mình với phù du ảo ảnh thì cũng sẽ bị tàn phai, hủy hoại như phù du ảo ảnh. Còn trái lại nếu biết thu hồi thần trí cho qui tụ về Tâm, thì sẽ trở nên một «lữ khách» trên con đường về Trung điểm, sẽ hòa mình với Trung điểm, Tuyệt điểm, và lúc ấy các duyên nghiệp bên ngoài không còn ảnh hưởng tới mình được nữa...

René Guénon, nhà huyền học Pháp cũng viết: «Sở cư của Brahma» chính là ở tâm điểm vũ trụ và nhân loại, còn hình thức sắc tướng có thể nói được là đều ở quanh bên ngoài, trên vòng «bánh xe vạn hữu».[9]

Thay vì dùng tâm điểm và vòng tròn, nhiều học thuyết dùng những hình tương đương thay thế: Trong các hình vẽ Trung Hoa thời cổ, thường có hình Phục Hi cầm «Qui» (compas) Nữ Oa cầm «Củ» (thước vuông).[10]

«Qui» để vẽ vòng tròn, «Củ» để vẽ 2 đường thẳng góc trong vòng, xác định tâm điểm. Vì thế, người xưa còn gọi Trung điểm là Thập tự nhai 十 字 街 .[11]

Hình 27: Hình Phục Hi cầm Qui, Nữ Oa cầm Củ

Hình 28: Biểu tượng Qui Củ của hội Tam Điểm

Dấu hiệu của hội Tam Điểm (Franc Maconnerie) là hình một chiếc «Qui» xếp trên một hình thước thợ (Củ), ôm lấy chữ G vào trong, mà G, tức là God là Iod, là Thượng Đế.[12]

Hình 29: Hình Thái Cực (hay Lưỡng Nghi) cầm Qui Củ.

Khoa Huyền Học cũng thường vẽ hình Lưỡng Nghi (Rebis), một bên cầm Qui, một bên cầm Củ hợp nhất thành Thái Cực (Mercure).[13]

Biểu hiện của phái Rose-Croix, là một bông hồng (hình tròn đặt trên hình chữ thập.

René Guénon và C.G. Jung đều cho rằng những kiểu kính hoa hồng, hoa thị (rosace) ở Âu Châu cũng

vẫn chỉ có một ngụ ý như tâm điểm và vòng tròn[14] hay hình hoa sen ở Á Châu.

Tóm lại, dẫu nói xa hay nói gần, nói thật thà chất phác, hay nói bóng gió, tất cả các hiền nhân, thánh triết đều truyền thụ cho nhau Trung Đạo cao siêu...

Nghiên cứu thuật luyện đan Âu Châu thời cổ, ta cũng thấy cổ nhân đã dùng tâm điểm và vòng tròn[15] để toát lược chủ trương, và kỹ thuật luyện kim, hay nói cho đúng hơn, phương pháp giải thoát con người, thần thánh hóa con người.

Tâm điểm chính là bản thể, là nguồn gốc con người, là tiên đan, là nguồn mạch trường sinh, là thiên địa chi tâm, là «ngọc châu viên giác» (lapis philosophorum) mà con người cần tìm cho ra.[16]

Ngoài những từ ngữ, cổ nhân còn dùng nhiều hình vẽ để xiển minh chân lý đó.[17]

C.G. Jung, sau khi đã nghiên cứu, trong vòng ba mươi năm, các «mandala» từ Đông sang Tây đã quả quyết chắc chắn là tâm điểm những họa bản ấy cốt để ám chỉ «trung tâm», «chân tâm», «đạo tâm» chứ không phải «vọng tâm», «nhân tâm», con người riêng tư, phù phiếm bên ngoài,[18] còn vòng tròn bên ngoài tượng trưng công trình tu luyện để tiến về tâm điểm đó.[19]

Như thế, mục đích các đan gia (alchimiste) chân chính chẳng qua đều cốt chỉ vẽ cho con người tìm ra bản thể mình;[20] dùng thời gian, vạn hữu, thân xác, tâm thần làm công cụ để tìm ra và tiến tới bản thể.[21]

Thế tức là tìm ra được kim đan,[22] thế tức là tìm được thuốc trường sinh bất tử...

3. Tâm Điểm và Vòng Hoàng Đạo

Muốn hiểu rõ thêm ý nghĩa của tâm điểm bên trong và vòng tròn bên ngoài, chúng ta hãy nghiên cứu các vòng Hoàng đạo, hay vòng Dịch.

Các nước Babylone, Ai Cập, Do Thái, Ba Tư, ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa, Nam Mỹ, Bắc Mỹ, các nước Hồi giáo v.v... đều có dùng vòng Hoàng Đạo với 12 cung gọi là vòng Zodiaque.

Chữ Zodiaque (Zoe = Sự sống, diakos = bánh xe) có nghĩa là Bánh xe sự sống,[23] hay vòng chu luân gồm các kiếp sống khác nhau, hay vòng tuần hoàn của các quần sinh vũ trụ.

Đại khái, vòng Hoàng Đạo gợi ra sự biến thiên, thăng (évolution), trầm (involution) không ngừng của quần sinh vũ trụ. Nó gợi ra muôn vàn nếp sống khác nhau thường xuyên diễn tiến trên hoàn vũ.[24]

Nhưng thực ra, tâm điểm mới là đầu giây mối nhợ. Tâm điểm hay Trung điểm của các vòng Hoàng đạo tượng trưng cho Tuyệt đối thể, vô hình tích, cho nguyên tinh, nguyên khí nguyên thần sẽ phát huy ra quần sinh vũ trụ. Đó là Đạo thể, là Hư vô, hư vô vì huyền diệu không thể suy cho thấu, nghĩ cho cùng được.

Tâm điểm ấy các nhà huyền học Cổ kim gọi bằng nhiều danh hiệu: Ether, Akasha, Brahma, Hư vô (Shunya), Chakravarti, kim đan, huyền cơ bất động (le moteur immobile d'Aristote) hay Chân Như, Bản lai diện mục, v.v.[25]

Tâm điểm ấy chính là Cực (Pôle), là điểm bất biến làm khu nữu cho vũ trụ xoay quanh; còn sự tuần hoàn của vũ trụ thường được tượng trưng bằng bánh xe.Đó là một quan niệm phổ quát thấy ở khắp các dân nước.[26]

Người Ai Cập gọi tâm điểm là Thượng đế duy nhất, đấng tạo thành vũ trụ quần sinh, hay là Tem nghĩa

là chủ chốt khu nữu của sự vận chuyển các tinh cầu.[27]

Tâm điểm cũng còn được mệnh danh là thần Mercure, là Tạo hóa phát sinh muôn ngàn biến ảo.[28]

Trong hình vẽ le Tarot,[29] ta thấy ở tâm điểm của hoàn vũ có viết bốn chữ Yod he Vau He, nghĩa là Yahwe, là Thượng đế...

Vòng Hoàng đạo Phật giáo, hay nói đúng hơn, vòng luân hồi của Phật giáo thường gồm bốn vòng tròn đồng tâm.[30]

Vòng trong bỏ trống tượng trưng cho Hư vô (Sunya hay Sunyata)[31] hay có vẽ hình Phật Vairocana. Các vòng tròn bên ngoài tượng trưng cho tham, sân, si, lục đạo và thập nhị nhân duyên. Cho nên, vòng bên ngoài tức là vòng luân hồi, hay vòng thập nhị nhân duyên cốt mô tả những cuộc sống phù du, những ảo ảnh của cuộc đời:

Sự luân lạc của con người bắt đầu do dốt nát u muội, [32] để rồi hành động mù quáng chuốc mua oán nghiệt vào người, [33] chuyên lo tìm hiểu ngoại cảnh [34] để cho các hình ảnh phù du hư ảo bên ngoài [35] xâm nhập vào ngũ quan và ý chí, [36] đâm ra vấn vương [37] bịn rịn [38] khao khát say mê, [39] cố gắng tìm cầu cho được, [40] để làm của sở hữu riêng tư. [41] Mỗi lần say mê theo vật chất phù sinh như vậy là như bắt đầu sinh ra ở một kiếp người [42] để rồi tàn tạ già nua chết chóc [43] cùng với sự điêu tàn của ảo ảnh ...

Suy nghiệm ra thì Vairocana 毗 盧 舍 耶 Tì lô xá gia) tức là Trung điểm, là Tuyệt đối, là Pháp thân, là Bản lai diện mục, là Tịnh mãn 淨 滿 , là «Biến nhất thiết xứ», là Đại Nhật Như lai, là nguồn sống muôn vật.

Khi đã đối chiếu các học thuyết, ta có thể kết luận như sau:

Cổ nhân dùng tâm điểm và vòng tròn để tượng trưng cho hai phương diện biến hằng của vũ trụ. Tâm điểm bất biến hằng cửu là căn bản, là Đạo, là Thể. Vòng tròn bên ngoài biểu hiện sự di động biến thiên,

phần công dụng.[44]

Vòng tròn bên ngoài tức là:

- Vòng Dịch Nho giáo
- Vòng Sinh mệnh (Rota fati et generationis của phái Orphisme)
- Vòng số mệnh (Khoa học Tarot)
- Vòng Luân hồi (Phật giáo)
- Chu kỳ Abred (học thuyết Bardisme)
- Vòng Hoàng đạo (chiêm tinh học)
- Ouroboros (con chu xà của Thông thiên học)
- Brahma luân (Brahma Wheel) trong Bà La Môn giáo[45]

Người ta còn dùng vòng tròn tượng trưng cho các tuần trăng, ngụ ý biến thiên phiêu lãng v.v...

Trong con người, thì vòng Dịch, hay vòng Hoàng Đạo gồm hai mạch: Nhâm (Âm, chạy phía trước), Đốc (Dương chạy phía sau lưng). Còn Trung điểm là Nê Hoàn Cung (xem hình 30). Nê hoàn cung hay Não thất ba (3è ventricule) cũng như nội tẩm trong các đền đài, là nơi Hóa Công ngự trị (Garbhagrita, chambre de l'Embryon), vì đó chính là trung tâm điểm vũ trụ, nơi mà căn nguyên tuyệt đối của mọi hiện tượng ngự trị.[46]

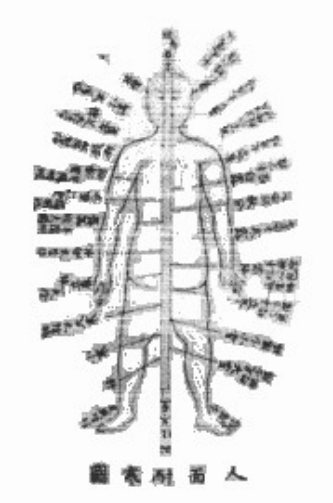

Hình 30: Tâm điểm và vòng Hoàng Đạo trong con người

Hình 30: Hai mạch Nhâm Đốc và Nê Hoàn Cung

Nhìn sang Ấn Độ giáo ta thấy: Sách áo Nghĩa Thư chỉ đường về tâm điểm, trung điểm tâm thần như sau:

«Tâm người trăm linh mốt kinh,

Mà duy có một thượng đình đi lên.

Cứ theo đường ấy mà men,

Rồi ra ắt được tới miền trường sinh.» [47]

Nơi khác lại viết:

«Nơi nào mà mọi thần kinh,

Như đũa gặp trục trong vòng bánh xe.

Nơi thần kinh hội tụ về,

Là nơi Tuyệt đối chưa hề hóa thân.

Cố tìm Tuyệt đối, Chân Tâm,

Rồi ra sẽ thoát biển trần hôn mê...» [48]

Tóm lại, vòng chu luân, vòng dịch, vòng luân hồi, vòng Hoàng đạo, v.v. chẳng qua là cốt tượng trưng vạn hữu, tượng trưng hiện tượng và mọi sự biến thiên chất chưởng bên ngoài. Vòng chu luân hay xa luân ngoài ra còn chỉ: thăng (ascension), giáng (descente); trầm hiện (précipitation), siêu thăng (sublimation); Thượng đế xuống với con người, và con người lên cùng Thượng đế.[49] Còn tâm điểm thời học thuyết nào cũng dùng để chỉ Bản thể, hay Tuyệt đối.[50] Suy ra thì con người cần phải biết dùng vạn hữu làm phương tiện để tiến về Tuyệt đối, nhìn hiện tượng để suy ra bản thể, thấy biến thiên chất chưởng bên ngoài để lập chí đi tìm trường tồn vĩnh cửu bên trong, bỏ tiểu tiết chi mạt, mà tìm cầu cho được đại thể, căn nguyên. Đó cũng chính là con đường muôn dặm con người phải đi để trở về cùng Thượng đế, đó cũng chính là một chương trình hoạt động vĩ đại mà Trời đã uỷ thác cho con người thực hiện, trước khi vào an nghỉ tại Trung cung...

Theo đà thời gian, con người sẽ phát huy dần dần hết mọi nguồn năng lực, và cuối cùng sẽ biết sử dụng thần lực của mình. Theo đà thời gian con người sẽ trừ khử được mọi sự ngộ nhận về thân thế mình,

và đến chung cuộc sẽ nhận biết mình là ai, nghĩa là sẽ nhìn nhận ra bản thể tối hậu của mình, sự trường tồn vĩnh cửu mình trong Thượng đế... [51]

4. Tâm điểm và vòng tròn trong khoa Kiến trúc và Mỹ thuật

Mới đầu, người xưa thường coi những danh sơn, cao sơn là trung tâm điểm vũ trụ là nơi mà trục hoàn vũ xuyên qua trái đất, nơi đất trời gặp gỡ, nơi mà những người hiền lương nhờ ảnh hưởng trời đất giao hội có thể trở thành hiền thánh. Đó là những danh sơn, cao sơn như Côn Lôn, Phú Sĩ, Elbrouz, Thabor, hay Olympe.

Nhưng dần dà các đền đài miếu mạo lớn, những công trình kiến trúc lớn cũng được coi là trung tâm điểm vũ trụ như đền thờ Jerusalem, Kim Tự Tháp, v.v.[52]

Các nhà khảo cổ, quan sát các đền thờ, các thành thánh xưa (ví dụ như Angko-Thom) đã nhận thấy rằng khi xây cất các công trình vĩ đại ấy, cổ nhân muốn lấy gỗ, đá để xây lại một vũ trụ nhỏ, cho nên trung cung bao giờ cũng dành để thờ các đấng Tối cao, còn bên ngoài hoặc là trạm trổ tiên thánh, quần sinh, hoặc là có thành quách bao bọc, tượng trưng cho núi non; có hào lạch, tượng trưng cho sông biển. Con người muốn đi vào Trung cung muốn lên tới thần minh sẽ phải, trèo non, sẽ phải lướt thắng các trở ngại, sẽ phải đi quanh quất, tiến tới mãi mới đến được chứ không phải là chuyện dễ...[53]

Tâm điểm và vòng tròn với những ẩn ý sâu xa của nó (Hóa công và hoàn vũ)[54] còn là đề tài cho nhiều công trình kiến trúc, hay đền đài miếu mạo.

Chính điện trong khu đền Bayon ở Angkor-Thom là hình một Pháp luân lớn có tám tai hoa tỏa ra tám hướng như bông sen tám cánh, như bát chính đạo, ở giữa có chuyển luân Thánh Vương.[55] Ở Ấn Độ, các di tích bằng đá xếp vòng tròn, còn được thấy ở nhiều nơi. Di tích cổ nhất có lẽ là ở Dipaldiana.[56]

Trong những cổ tích của đạo Druidisme, ta cũng thấy nhiều tảng đá khổng lồ xếp thành vòng tròn như ở Stonehenge, và ở Avebury.[57]

Các đền thờ Druide cũng xếp theo hình tròn; ở trung tâm lại có đặt một tảng đá lớn, chắc chắn là tượng trưng cho đấng Tối cao (di tích «Y Cromlech» ở Pembroshire hay di tích ở gần Keswich trong vùng Cumberland nước Anh).

Đối với các dân miền Na Uy, Thụy điển thì đền thờ thần Odin gồm có 12 tòa xếp vòng tròn dành cho mười hai vị thần chính, có một chính tòa ở Trung cung dành cho chúa thần Odin. Những cổ tích này còn thấy ở Scania, Zeland, Jutland...[58]

Thật là:

«Một trời bát ngát trăng sao,
Vần xoay âu cũng nương vào Trung Cung,
Sen kia nghìn cánh nở tung,
Nhưng mà gốc gác vẫn cùng một tâm.» [59]

Khảo sát các truyền thuyết Do Thái,[60] Công Giáo,[61] Ba Tư,[62] Atlante,[63] hay Hi Lạp,[64] Ấn Độ,[65] v.v. ta đều thấy cây trường sinh, hay núi hạnh phúc đều ở trung tâm một khu vườn huyền diệu có bốn con sông chảy vào.

Áp dụng những truyền thuyết này vào công cuộc khảo sát con người, ta cũng thấy ở trung tâm não bộ,

phía mặt dưới, có vòng Willis với bốn động mạch phát ra từ phía não bộ.

Nếu đúng vậy, thì cây trường sinh, hay nguồn hạnh phúc cũng chẳng phải ở Doành Châu, Phương Trượng, mà đã ở sẵn ngay trong đầu não con người.[66]

Khảo sát khoa trang trí và hội họa từ Á sang Âu, ta thấy một loại hình ảnh rất đặc biệt mà C.G. Jung gọi là «Mandala». Những Mandala này hoặc vuông, hoặc tròn; tâm điểm thường có những hình Chúa, Phật, hay Shiva, ám chỉ căn nguyên vũ trụ; vòng ngoài là những thần nhân hay, thần vật tượng trưng tứ tượng.[67]

Bên ngoài chỉ ly tan, chia rẽ, hay là sân khấu để đóng tấn kịch đời, còn tâm điểm là nơi hòa hợp,[68] là «kim hoa», «kim thân», hay là «cố hương, cố quốc».

Các mandala ngụ ý dạy người tìm về gốc, trở về nguồn,[69] cốt giúp con người tìm ra chân tâm bất biến của mình. Mà chân tâm ấy chẳng ở đâu xa, nó ở ngay trong ta.[70]

5. Tầm quan trọng của Trung điểm trong thiên văn và địa lý

Copernic đã đặt mặt trời vào tâm điểm thái dương hệ, cho địa cầu và các hành tinh khác xoay trên các vòng tròn bên ngoài, khác hẳn với quan niệm của Ptolémée lấy trái đất làm tâm điểm vũ trụ.

Có thể nói rằng quan niệm của Copernic về thiên văn tương-ứng với những quan niệm triết-học Đông Tây lấy «Đạo» (Logos) làm tâm điểm con người. Quan niệm Ptolémée tương ứng với những quan niệm triết học lấy «tâm hồn» (âme) làm tâm điểm con người.

Các dân tộc xưa thường coi tâm điểm, trung diểm là quê hương của họ. Theo Do thái thì trung điểm hoàn cầu là Jerusalem, là núi Sion.

Pindare, Sophocle, Tite Live, Ovide, v.v. chủ trương Athènes hay Delphes là trung tâm trái đất (omphales).[71] Người Trung Hoa thì lấy núi Côn Lôn làm trung điểm. Ấn Độ giáo và Phật giáo lấy núi Tu Di làm tâm điểm. Dân Babylone lấy thành Babylone làm tâm điểm hoàn cầu.

Nếu chỉ xem các hình vẽ không, ta sẽ tưởng người xưa thiển cận, chỉ biết nước mình mà không biết nước người, nhưng nếu hiểu theo nghĩa bóng, thì tất cả đều ngụ một ý: Tu-Di, Côn Lôn, tâm điểm địa cầu, tâm diểm vũ trụ chẳng có ở đâu xa, nó ở ngay trong lòng ta...[72]

6. Bí quyết tìm Đạo tìm trời

Chúng ta đã cùng nhau dùng thần trí đi chu du khắp hoàn vũ, chúng ta đã cùng nhau rong ruổi trên triền không gian thời gian của ngót sáu ngàn năm lịch sử nhân quần, đã bao quát các học thuyết Đông Tây, đã dùng chữ Trung làm chìa khóa mở kho tàng tư tưởng các hiền nhân quân tử mọi nơi mợi đời, chúng ta cần phải thâu lượm được một kết quả gì cụ thể và hữu ích.

Kết quả ấy là bí quyết tìm đạo, tìm Trời của người xưa.[73]

Cổ nhân đã lao tâm khổ tứ vẽ các tượng hình, xây các miếu mạo có dụng tậm dụng ý như trên, cốt là đã chỉ vẽ cho ta con đường trở về căn nguyên, con đường «hoàn nguyên phản bản».

Học thuyết nào cũng dạy ta tìm cho ra tâm điểm, trung điểm tức là tìm cho ra tuyệt đối thể, tìm cho ra chân thiện mỹ, tìm cho ra Trời ẩn áo trong đáy lòng vũ trụ và lòng người.

Trở về trung điểm là giải thoát vì tâm điểm tượng trưng cho tự do khinh khoát, còn vòng chu luân tượng trưng cho nghiệp chướng cho sự thằng thúc, sự chi phối.[74]

Trở về trung điểm tức là tìm được nguồn mạch trường sinh. Thông thiên học vẽ dấu hiệu chữ thập Ankh ở trung điểm, có ấn tín vua Salomon (âm dương thác tống) và con chu xà Ouroboros bao quanh (thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy) cũng không ngoài ý đó, vì chữ thập Ankh tượng trưng cho sự sống.[75]

Theo «le Livre des morts» của Ai Cập thì trở về Trung cung, Trung điểm là kết hợp với thần Osiris, là phục sinh, đó là lên núi thánh Ament nơi thần Osiris ngự trị ở Trung cung, Trung điểm của hoàn vũ.[76]

Trở về Trung điểm là đạt đạo Trung Dung, là đắc đạo, là phối thiên. Pho Kinh Dịch viết ra cũng không ngoài mục đích cao cả ấy. Vì Kinh Dịch cốt chỉ vẽ cho nhân loại đường trở về cùng Thượng đế.[77]

Cho nên, nếu không tìm ra được Trung cung, trung điểm để kết hợp với Trời tức là phụ lòng các tiên hiền, tiên thánh:

«Đường về chẳng rõ tiêu hao
làm sao biết được lối vào Trung cung
Thế là bát quái thành không,
Thế là vòng Dịch uổng công vẽ vời .
Bên trong mù mịt tăm hơi,
Làm sao biết được bên ngoài mà mong,
Thế là bố trí như không,
Ngũ hành thác loạn rối tung, rối bời.» [78]

Tìm được Trung cung, Trung điểm, tức là tìm ra tâm ấn, tâm pháp, tìm ra bí quyết tương truyền giữa các thánh hiền muôn thủa:

«Ta nay truyền dạy đạo trời,
Nương theo Dịch lý dạy người điểm trung.
Huyền quan ở chính giữa lòng,
Giữ chừng tý ngọ, khơi giòng thần tiên.
Hồi quang soi tỏ căn nguyên,
Căn nguyên rạng rỡ ước nguyện thỏa thuê.» [79]

Tóm lại, nếu thực tình chúng ta có thiện tâm, thiện chí, muốn tìm Đạo, tìm Trời chúng ta phải đi vào nội tâm để mà tìm kiếm. Đạo, Trời không phải là chuyện bán mua, quảng cáo nơi ngã ba, đầu chợ;[80] nước Trời chẳng có đến rộn rã trong rước sách, trống chiêng, mà đến âm thầm, mà đã ẩn tàng ngay trong tâm hồn ta.[81] Vậy muốn tìm ra chân sư[82] bày tỏ cho mình các lẽ huyền vi, chỉ giáo cho mình phương pháp tu luyện trường sinh bất tử, ta phải như Tề Thiên đại thánh tìm về Phương Thốn Sơn, tìm tới 'Tà nguyệt tam tinh động', mà Phương Thốn Sơn[83] chính là 'tấc lòng' ta, mà tà nguyệt tam tinh động chính là tâm ta viết bằng 'nửa vành trăng khuyết và ba sao giữa trời'.[84]

Đi vào nội tâm, gạt cho hết mây mù dục vọng tăm tối, không sờn lòng, không lui gót, theo gương các hiền thánh muôn đời tiến bước, chắc chắn có ngày chúng ta sẽ thấy Trời, thấy Đạo hiện ra rực rỡ giữa tâm hồn ta.[85] Khi ta đạt được mục phiêu cao diệu ấy, ta cũng tự nhiên sẽ hấy thánh hiền sau trước chẳng hề

có nói sai ngoa. Dịch và Trung Dung thực ra cũng không có bí quyết nào cao diệu hơn ...

CHÚ THÍCH

[1] Cf. A.Tanon, Théosopie et Science, p.44 et ss., 48 et ss.:

... Symbole d'Isvara c'est le cercle avec un point au centre. Le centre universel n'est pas, dit-il (René Guénon) «nulle part» étant absolument transcendant par rapport à la manifestation tout en étant intérieur à toutes choses.

- C'est au contraire la circonférence qui est partout puisque tous lieux de l'espace, toutes choses manifestées ne sont que des éléménts du «courant des formes», des points de la circonférence de la «roue cosmique».

- Un texte taoïste (Tchoang Tseu) dit: «Le point qui est le pivot de la norme est le centre immobile d'une circonférence sur le contour de laquelle roulent toutes les contingences, les distinctions et les individualitiés.» (Cf. Tchoang Tseu, ch. 2, Traduction de Léon Wieger).

[2] Cf. René Guénon, Le Roi du Monde, p.18,19,20.

- Senard, Le Zodiaque Clef de l'ontologie appliqué à la psychologie, p.10 et ss.

- Dr R. Allendy, Le Symbolisme des Nombres, p.16,17.

- La Doctrine Secrète IV, 134, IV 123 et 133.

- Ezechiel I, 4, 15, 16, 18, 21.

- Théosophie et Science, p.48, 49.

[3] The Signet of Zoroaster. - the wise man of the East - the Point within the Circle... was hailed among all nations as the Beginning and the End, the Cause and Effect, the Principle of Life and Action which pervades, animates and governs the universe. (The New Age Magazine, March 1964, Vol.72, N^{o}3, p.39, 40)

[4] Point within a circle. Mackey's revised encyclopedia, vol.II, p.187.

[5] Cf. Mr Senard, Le Zodiaque, Clef de l'ontologie appliqué à la psychologie, p.10.

... Avant la création, disent les textes védantins, il n'y avait rien que Brahman, l'être pur, le non-manifesté, l'indifférencié, Mahâ Bindu, le Point suprême, Energie-Conscience-Potentialité. Afin de nous donner une idée du Premier Principe, car nos facultés imparfaites ne nous permettent pas de concevoir adéquatement la Réalité en soi, ce Point peut être comparé au point métaphysique sans grandeur, ni position. Du Point Suprême il est dit qu'il est «la Source de toutes les directions de la Création».

Ce point peut être assimilé au Centre du Zodiaque d'où émanent ses douze rayons en direction des douze signes.

Il peut être comparé au Vide du Véda (Shunya) qui n'a aucune forme tant qu'il n'est pas encerclé par la Mâyâ (A. Avalon) ou encore au Rien de J. Boehme...

[6] Vòng tròn (le cercle) hoặc là Hình cầu (la Sphère) cũng vậy.

[7] Le Cercle symbolise l'extension dans toutes les directions possibles du Point ou Principe suprême se

manifestant sur un plan ou en un cycle limité dont l'accomplissement prépare un cycle ultérieur de manifestation. La période involutive de la manifestation de l'Energie-Conscience (mouvement de haut en bas est représenté par l'hémi-cycle gauche du cercle et la période évolutive de cette manifestaion (mouvement de bas en haut par l'hémi-cycle droit.

Le Cercle symbolise donc l'Infini se manifestant dans le fini par un mouvement involutif - évolutif.

(Mr Senard, Le Zodiaque, Clef de l'Ontologie, appliqué à la psychologie, p.14)

[8] Cf. Senard, Le Zodiaque, p.36: Ce centre et cette circonférence expriment en outre le rapport de la liberté et de la nécessité... S'il (l'homme) s'identifie avec le monde manifesté et transitoire, alors il bubit le sort de ce monde. Mais si retirant son Energir. Soi - Conscience en son "Centre", il devient un pèlerin de la "Voie du milieu", puis cette Voie même; il se soustrait à la necessité qui règne à la circonférence et ke qui s'y passe ne peut plus l'atteindre. Vivant en l'essence, il est libre de participer ou non aux vissicitudes de la substance...

[9] Ce «séjour de Brahma» est véritablement le point Central, tant dans l'ordre cosmique que dans l'ordre humain, tandis que tout ce qui est de la manifestation et surtout de la manifestation formelle, est extérieur et «périphérique», si l'on peut s'exprimer ainsi, appartenant exclusivement à la circonférence de la «roue des choses». (René Guénon, L'homme et son devenir selon le Védanta, p.96)

... The Center of the Mandala corresponds to the calyx of the Indian lotus, seat and birthplace of the Gods. (C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p.171)

[10] Trung Hoa ngũ thiên niên sử, q.1, tr.7.

[11] Xem Lưu Nhất Minh, Chu Dịch Xiển Chân, chương Trung Đồ. Bài này cũng đã được tục biên và phiên dịch nơi phụ lục IV sách này.

[12] «Yet I this forme of formeless Deity,

Drewe by the Square and Compasses of our creed.» (John Davies, Summa Totalis or All in All and the Same Forever, 1607. Mackey's revised Encyclopedia, p.64.

The letter G then has in Freemasonry the same force and signification that the letter Yod had among the Cabaliste. It is only a symbol of the Hebrew letter and as that is a symbol of God. (Mackey's revised Encyclopedia, p.385)

[13] C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p.357.

[14] Cf.: René Guénon, Le roi du monde, p.19.

C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p.171.

[15] Habentibus symbolum facilis est transitus (for those who have the symbol the passage is easy). - An alchemical verbum magistri from Mylius. (Philosophia reformala, p.239; C.G. Jung Psychology and Alchemy, p.215-217)

[16] Tâm điểm, bản thể được gọi bằng nhiều danh hiệu trong khoa luyện đan Âu Châu; xin đan cử ít nhiều danh từ: Mercurius; Prima materia (nguyên thể); Archetype of the divine child (Hóa nhi); Anthropos (chân nhân), Hermès; philosophical gold (Kim đan), Quintessence (Tinh); Unum; Unica res; Monad (Nhất), Rebis (Thái Cực); the drug of immortality (thuốc trường sinh) v.v...

Đọc: C.G. Jung, Psychology and Alchemy, đoạn the Materia prima, tr.304-331.

... Các đơn gia Trung Hoa thời cổ cũng dùng tâm điểm và vòng tròn để toát lược thuật luyện đan. Tâm điểm cũng là kim đan (hay Đạo, hay Thái Cực hay Cốc thần), các quẻ xếp vòng tròn ngoài tượng trưng cho lô đỉnh (Càn, Khôn), dược vật (Khảm, Ly), hỏa hầu (60, sáu mươi quẻ còn lại).

Xem các hình trong quyển Chu Dịch Xiển Chân của Lưu Nhất Minh. Cụ Nguyễn Minh Thiện (Tam tông Miếu) đã dịch ra Việt văn phần đầu và xuất bản.

[17] Cf. Các hình trong: C.G. Jung, Psychology and Alchemy:

Hình 8, tr.47: Tâm điểm là vũ trụ chi tâm (The Anima mundi, guide of mankind, herself guided by God).

Hình 20, tr.62: Tâm điểm là nơi «Loan phụng đồng minh» (The red and white - hermaphroditic - double eagle).

Hình 23, tr.65: Tâm điểm là nơi «Âm Dương giao thái» (the mystic vessel where the two natures unite - Sol et luna caduceus - to produce the filius hermaphroditus).

Hình 25, tr.69: Tâm điểm là nguồn sống (the fountain of life as fons mercurialis).

Hình 31, tr.79: Tâm điểm là đế đô, là thánh điện (The symbolic city as center of the earth).

Hình 51, tr.104: Tâm điểm là ngọc cung (The lapis sanctuary).

Hình 112, tr.214: Tâm điểm là Bộ Lông cừu vàng (la Toison d'or), v.v.

[18] Unless everything deceives us, they (the mandala) signify nothing less than a psychic center of the personality not to be identified with the ego. (Jung, Psychology and Alchemy, p.97)

[19] The circumambulatio means as always concentration on the center. (C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p.180)

... Rota or opus circulatorium which serves the same purpose of sublimation. (ibid., p.365)

... It is to be noted that the wheel is a favourite symbol in Alchemy for the circulating process, the circulatio... The contemporary moral allegories of the wheel emphasize that the ascensus and descensus are, among other things, God's descent to man and man's ascent to God... (Ibid., p.157)

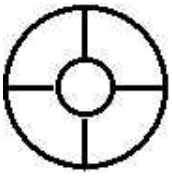

... There is a circle surrounded by rays of light in the center of the square.

The Scholium gives the following explation: reduce your stone to the four elements... and unite them into one and you will have the whole magistery.

The circle in the middle is called a mediator, making peace between enemies or (the four) elements... circulation of spirits or circular distillation that is the outside to the inside, the inside to the outside, likewise the lower and the upper, and when they meet together in one circle, you could no longer recognize what was outside or inside or lower or upper but all would be one thing in one circle or vessel...

For this vessel is the true philosophical Pelican, and no other is to be sought for in all the universe. This process is elucidated by the accompanying drawing. The quartering or the exterius, four rivers in and out

of the inner «Ocean». (Ibid., p.123)

[20] Res ex qua sunt res, est Deus invisibilis et immobilis (That from which things arise is the invisible and immovable God). C. G. Jung, Psychology and Alchemy, p.309.

[21] Presumably the leftward circumambulation... is one of those paths to the center of the non-ego, which were also trodden by the medieval investigators when producing the lapis. (Ibid., p.122)

... Transmutemini in vivos lapides philosophicos (Transform yourselve into living philosophiccal stones). (Ibid., p.141)

[22] I may define "self" as the totality of the conscious and unconscious psyche, but this totality transcends our vision; it is a veritable lapis invisibilitatis... (Ibid., p.172)

[23] Bánh xe là một biểu tượng quan trọng trong các học thuyết vì nó có nhiều ngụ ý:

(1) Nó chỉ sự biến động, biến dịch.

(2) Nó chỉ sự tuần hoàn (the circulation, the circulating process) và gợi ra được hai chiều thăng (ascensus), giáng (descensus) của vạn hữu.

(3) Nó ám chỉ sự Trời xuống với Người, người lên với Trời (Suo nobis descensu ac salubrem dedicavit ascensum, nhờ sự xuống thế, ngài đã chuẩn bị cho ta được lên trời hạnh phúc sung sướng. Thánh Bernard).

(4) Nó ám chỉ các đức tính trung kiên tùng phục, tiết lộ, bình thản, khiêm cung cần thiết cho công phu tu luyện.v.v...

(C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p.157, 158)

[24] Sénard, Le Zodiaque: chef de l'ontologie appliqué à la psychologie. Collection de la Colonne Vendôme, p.16 et ss.

[25] Ibid., 10 et ss., 21 et ss.

[26] Cf. René Guenon, Le Roi du Monde, p.19: Le centre dont il s'agit est le point fixe que toutes les traditions s'accordent à désigner symboliquement comme le Pôle, puisque c'est autour de lui que s'effectue la rotation du monde, représenté généralement par la roue, chez les Celtes aussi bien que Chaldéens et chez les Hindous. Telle est la véritable signification du Swastika, ce signe que l'on trouve répandu partout de l'Extrême-Orient à l'Extrême-Occident et qui est essentiellement 'Signe Du Pôle'... Le symbole celtique de la roue s'est conservé au Moyen Âge; on peut en trouver de nombreux exemples sur les églises romanes et la rosace gothique elle-même semble bien en être dérivée car il y a une relation certaine entre la rou et les fleurs emblématiques telles que la rose en Occident et le lotus en Orient…

[27] Ibid., p.21. - Eurel, Les Origines de la Genèse, p.128.

[28] Ibid., p.208.

[29] Papus, La Cabballe, p.94.

[30] A. Volguine. Cf: L'Esotérisme de l'Astrologie, tr.139; La Mystique tibétaine, tr.337 và tiếp theo.

[31] Hư vô không có nghĩa là tương đối hay vạn pháp, hay là hư không, mà trái lại nghĩa là tuyệt đối, hay là bản thể siêu việt.... cho nên chữ Hư vô (Sunyata) nên hiểu là tuyệt đối.

Empty (sunya) or emptiness (sunyata) is one of the most important notions in Mahayana philosophy and at the same time the most puzzling for non-Buddhists readers to comprehend. Emptiness does not mean «relativity» or «phenomenality» or «nothingness» but rather means the Absolute or something of transcendental nature... When Buddhists declare all things to be empty, they are not advocating a nihilistic view on the contrary an ultimate reality is hinted at, which cannot be subsumed under the categories of logic... Sunyata may thus often be most appropriately rendered by the Absolute. (D.T. Suzuki, Zen Buddhism, p.29)

[32] Vô minh (hình người đàn bà mù rờ rẫm)

[33] Hành = (hình thợ gốm)

[34] Thức = (hình khỉ leo cành)

[35] Danh sắc = (hình hai người ở chung một thuyền)

[36] Lục nhập = (hình sáu cửa sổ một căn nhà)

[37] Xúc = (hình cặp nhân tình nhìn nhau say đắm)

[38] Thụ = (hình người bị tên bắn vào mặt)

[39] Ái = (hình người uống rượu có đàn bà chuốc mời)

[40] Thủ = (hình người hái quả)

[41] Hữu = (hình hai người giao hoan)

[42] Sinh = (hình người đẻ)

[43] Lão tử = (hình người mang xác chết trên vai)

(Lama Govinda, Les fondements de la mystique tibétaine. Traduction française de Charles Andrieu et Jean Herbert, tr.333-347)

[44] La roue est un symbole du monde; la circonférence représente la manifestation produite par les rayons émanés du centre.

Régénération, réalisation de l'harmonie universelle, l'évolution et le Karma sont les interprétations que l'on ne saurait éviter, surtout si l'on considère les deux figures, l'une préparée par les successions d'existence conscientes et raisonnées, est l'Elu, celui qui approche du terme de l'élevation finale; l'autre encore près de la matière attachée par yous les biens terrestres, échoué et devra recommencer ! ce sera pour elle l'obligation de rentrer dans le cycle. L'image de la Roue du samsara s'impose: du sein de ce tournoiement surgit l'espoir de l'être purifié qui s'élève en Brahma et demeure... Pour la théologie chrétienne, Dieu est au centre. (Jean Chabosseau, Le Tarot: Essai d'interprétation selon les Principes de l'Hermétisme, p.62)

[45] Svetasvatara Upanishad 1-6;6-1.

Brih. 6.2.15-16; Chand. 5,10; G.Bhagavah Gita 8.24-26.

[46] C'est ce centre du monde en effet qu'occupe l'Embryon d'or, Hiranyagarbha, figuration potentielle de toutes les possibilités, origine des expansions, foyer de rayonnment. Il est aussi 'l'Hôte intérieur' qui a

son siège dans la caverne de ton cœur dont parle Shankarâchârya. Et parce qu'il n'est pas différent d'Agni, 'Sache, dit la Katha Upanishad, que cet Agni qui est le fondement du monde éternel et par lequel celui-ci peut être atteint est caché dans la caverne (du cœur)'. (Pierre Grison, Angkor ou l'univers manifesté. France-Asie 114-115, p.357)

[47] There are a hundred and one channels of the heart.

One of these passes up to the crown of the head.

Going up by it, one goes to immortality Chandoguya 8. 6 - 6.

(Il sort du cœur 101 canaux. L'un deux communique avec la grande fontanelle. S'élevant par ce canal, l'homme (l'âme particulière) rejoint l'immortalité.)

[48] Where the channels are brought together

Like the spokes in the hub of a wheel

Therein He moves about,

Becoming manifold

Om! Thus meditate upon the Soul (Atman)

Success to you crossing to the farther Shore beyond darkness.

(Mundaka Up. 2. 2 - 6)

[49] C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p.157.

[50] The Sidpe - Korlo or World Wheel represents the course of human existence in its various forms as conceived by the Buddhists...

... The mandalas (the ritual or magic circles) used in ceremonial are of great significance because their centers usually contain one of the highest religious figures: either Shiva himself - often in the embrace of Shakti- or Buddha, Amitabha, Avalokiteshvara or one of the great Mahayana teachers or simple the dorje, symbol of all the divine forces together, whether creative or destructive in nature.

The text of the Golden Flower, a product of Taoist syncretism, specifies, in addition, certain "Alchemical" properties of this center after the manner of the Lapis and the Elixir vitoe...

C.G.Jung, Psychology and Alchemy, p.93, 94, 95.

[51] En toi, mon Dieu, j'aurai ma solidité, ma fixité, mon être définitif (Saint Augustin).

[52] Le temple est aussi montagne, il est Centre du monde, à quoi tout se résume et se rallie: d'abord à Roluos, le Bakong; premier construit à Angkor, le Bahsei Chamkrong; puis Takeo, Baphuon, seront l'un et l'autre "montagnes d'or". C'est qu'en effet le Kun Lun, le Fuji, l'Elbrouz, le Thabor et l'Olympe, ne sont pas les seuls centres du monde, mais aussi les tours babyloniennes et la Grande Pyramide, les tours précolombiennes et le temple de Salomon. Les uns et les autres sont le point où l'Axis Mundi - le Shambha du Veda-issu du Ciel, touche à la terre, projection sur le plan terrestre de l'activité divine, point d'aboutissement aussi du cheminement horizontal à partir duquel "l'homme" véritable" pourra s'élever à la condition de «l'Homme universel"...

(Pierre Grison, Angkor ou l'univers manifesté, France Asie No 114- 115, p.357) -- Xin tham khảo: Mircea Eliade, Traité d'Histoire des religions - Epiphanies signes et formes p.191-207 et Espace

sacré: temple, palais, "centre du monde" ib. 315 - 331.

[53] Dans l'Inde, l'intérieur comme l'extérieur des temples est un symbole du Cosmos et la cella qui renferme la divinité est assimilée au corps divin qui contient le germe sacré... mais chose curieuse, ce symbolisme hindou du temple-cosmos, représentation de l'univers se retrouve au Cambodge, non plus appliqué au temple lui-même mais à des ensembles, à des plans de ville (Angkor Thom), à des bassins (Néak Péan)...

... C'est ainsi que si le Bayon au Centre d'Angkor Thom symbolise le Méru... les remparts de la ville, le fossé qui les entoure, symbolisent les océans et les montagnes qui circonscrivent la terre...

(France Asie N^{o}114-115, Le Symbolisme des temples Hindous et Khmers, p.341 et ss)

... L'accès au centre royal du mandala est l'aboutissement d'un long voyage. Les enceintes sont autant de chaýnes de montagnes et les fossés des océans... (P.Grison, Angkor ou l'univers manifesté, France Asie, p.358)

[54] "The Signet of Zoroaster, the wise man of the East, the Point within the Circle, the Sign of the Sun is thus explained: As the sun is the ruler of the whole Terrestrial and Celestial world and the Source and Fountain of Light and Life to all the beings of Creation therein, in like manner as the Grand Architect of the Universe is the ruler and Source of Light and Life to the Whole Celestial and Terrestrial Universe, and as the Circle is the most comprehensive form possible in geometry, in which all other forms are contained, this signet is hailed among all nations as the Beginning and the End, the Cause and Effect, the Principle of Life and Action which pervades, animates and govern the Universe. (The New Age Magazine, March 1964, Vol.72, n^{o}3, p.39,40)

[55] Le massif central du Bayon s'épanouit, Dharmachakra à huit rayons, lotus à huit pétales, source des Huit sentiers de la voie, rose où concourent, de l'horizon, les huit directions de l'espace...

... Hiératique, Roi du monde au centre se l'Agartha régnant sur les quatre Lokapâlas, gardiens de souverain est l'immobile Chakravarti, 'Monarque universel', 'Celui qui fait tourner la roue'. Il est en d'autres mots, vaishwânara, «l'Homme universel» lequel s'identifie à Hiranyagarbha: il est médiateur entre le Ciel et la terre. Cette fonction suprême est le signe de la connaissance: Elle seule conduit à la souveraineté. (Angkor ou l'univers manifesté, France-Asie 114-115, p.356 et ss.)

[56] Cf. Point within a circle. (Mackey's revised Encyclopedia, vol.II, p.787.)

[57] Ibid., p.787.

[58] Ibid., p.787.

Cf. Léon Sprink, L'art sacré en Occident et en Orient, p.28:

... Au VIIe siècle, saint Maxime le Confesseur disait que par rapport à Dieu le cosmos est ordonné selon des cercles concentriques: au milieu il y a l'Eglise militante dont les membres deviennent fils de Dieu, mais le centre est formé par un cercle encore plus étroit: celui de l'Eglise triomphante, consommée dans l'union avec Dieu.

Chose significative: dans la même harmonie que les tracés des églises, nous trouvons les trois cercles dans une mosaïque du VIIe siècle qui est une figuration aniconographique de la Pentecôte sous la forme d'un triple crismon au baptistère d'Albenga en Italie…

[59] Nhất thiên tinh đẩu, vận dụng chỉ tại trung ương. Thiên biện liên hoa, căn đế sinh ư điểm trích. 一天星斗運用只在中央千瓣蓮花根蒂生於點滴 (Tống: Ngô Cảnh Loan, Huyền không bí chỉ)

[60] Genèse, 2-8-14.

[61] Apocalypse de Saint Jean 22-1-2. Xem hình 67 tr.125 và hình 197 tr.354 trong Psychology and Alchemy của C.G. Jung về chúa Ki Tô ngự giữ 4 sông thiên đàng, giữa các thánh sử và giáo phụ, v.v.

[62] Mais très anciennement l'Iran, à qui nous devons le mot de 'Paradis', pardès qui signifie un jardin, avait adopté un troisième type, le vieux typesémitique du Tchahârbagh c'est-à-dire du Paradis des quatre fleuves, confluant au centre à l'intérieur d'une enceinte carrée très haute, dans un miroir d'eau qui devait faire l'objet de la contemplation. Les quatre fleuves arrivaient des quatre points cardinaux mais l'intérêt était au centre... (L'Âme de l'Iran, Editions Albin-Michel, p.97)

... Le maître du jardin est assis sur une terrasse devant un lac qui porte le nom de «l'eau de l'éternelle aurore» au milieu duquel s'élève une ýle inaccessible qui s'appelle «La Sainte Montagne des mille béatitudes.» (Ibid., p.95)

[63] ... D'un massif montagneux central partant quatre fleuves coulant en direction des quatre points cardinaux. Ces quatre fleuves se déversent en quatre canaux qui les terminent en formant avec eux des angles droits. (Swastika= plan de l'Atlantide) -- Louis Chochod, Occultisme et Magie en Extrême-Orient, p.8.

[64] Kalypso était une des innombrables théophanies de la Grand Déesse qui se révélait 'au centre du monde', au côté de l'Omphalos, l'Arbre de Vie et les quatre sources. (Mircea Eliade, Traité d'histoire de religions, p.248)

[65] ... Comparer la tradition indienne plaçant le centre du monde en un site élevé (région de l'Himalaya), d'où s'écoulent par quatre orifices en forme de tête d'animal les quatre fleuves (Sita, Gange, Indus, et Oxus) vers les quatre points cardinaux.

- cf.: Przyluski, La grande Déesse, 1950, p.66,67.

- Henri de Lubac, Aspects du Bouddhisme, p.163.

[66] cf.: C.G. Jung, Psychology and Alchemy:

... The 'Os occiput' is used in the work because 'cerebrum est mansio partis divinoe. (The brain is the lodging house of the divine part). ('Liber Platonis Quartuorum.' 7, xxviii, p.124). The 'occiput' is the 'vas cerebri' (ibid., p.148). The brain is '...sedes animoe rationalis. Nam est triangulus compositione et est propinquius omnibus membris corporis at similitudiem simplicis...' (...the seat of the rational soul. For it is triangular in composition (Shape) and is nearer to simplicity than all other parts of the body...) (ibid., p.127). It is the organ which is nearest to the simplicity of the soul, and is therefore the bridge to spiritual transformarion. (ibid., p.187)

[67] Just as the stupas preserve relics of the Buddha in their innermost Sanctuary, so in the interior of the lamaistic quadrangle, and again in the Chinese earth-square, there is a Holy of Holies with its magical agent, the cosmic source of energy, be it the God Shiva, Buddha, a bodhisatta or a great teacher. In China it is Kien-heaven - with the four cosmic forces radiating from it (fig. 61, Psychology and Alchemy).

And equally in the Western mandala of medieval Christendom the deity is enthroned at the center often in the form of the triumphant Redeemer together with the four symbolical figures of the evangelists. (ibid., fig. 62. C.G.Jung, Psychology and Alchemy, p.124)

[68] Mandala as symbol of unity. (C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p.27)

[69] ... the square corresponds to the temenos (fig.31, Psychology and alchemy), where a drama is taking place... The inside of the 'Golden flower' is a 'seeding place' where the 'diamond body' is produced. The synonymous term 'the ancestral land' may actually be a hint that this production is the result of integrating the ancestral stages. (Psychology and alchemy, p.124)

[70] Xem chú thích trang 282 của sách này.

Cf. The spirit of Prayer «Liberal and mystical writing of William Law», tr.14; Evelyn Underhill, Mysticism, tr.61:

... «there is a root or depth in thee», says Law, «from whence all these faculties come forth as lines from a center or as branches from the body of a tree. This depth is called the center, the fund or bottom of the soul. This dpth is the unity, the Eternity, I had almost said the infinity of the Soul for it is so infinite that nothing can satisfy it, or give it any rest, but the infinity of God...»

[71] Cf. Mircea Eliade, Traité d'histoire des religions, p.203: Ce que les habitants de Delphes appellent omphalos est fait en pierre blanche et considéré comme se trouvant au centre de la terre et Pindare, dans une une de ses odes confirme cette opinion...

[72] Xem chú thích ở các hình trong phụ bản IX.

[73] Theo Pythagore, tất cả mọi thế giới đều phát sinh từ một tâm điểm mà ông mệnh danh là "chân cảnh" (Plaine de vérité). Chân cảnh ấy hàm tàng khuôn mẫu, hình tượng muôn vật muôn đời. Từ nguồn mạch vĩnh cửu ấy, giòng suối thời gian sẽ chảy vào các thế giới bên ngoài. Thấy được các chân cảnh ấy, đối với nhân quần, là điều hy hữu ngàn vạn năm một thủa. Và tất cả các công trình học hỏi suy tư chính là để nhìn thấy chân cảnh đó với mọi sự đẹp đẽ ẩn áo bên trong... (... La plaine qui est au-dedans du triangle était le fondement et l'autel commun de tous ces mondes - qui s'appelait le champ ou la Plaine de vérité; dedans laquelle sont les desseins, les moules, les idées et les exemplaires de toutes ces choses qui furent onc et qui jamais seront; et à l'entour de ces idées étant éternité, le temps comme un ruisseau qui en sortait, coulait dedans ces mondes; et les âmes des hommes s'ils ont bien vécu en ce monde, en dix mille ans une fois les voient... toute la peine que l'on emploie à l'étude de la philosophie était pour parvenir à la vue de ces beautés-là, ou autrement c'était toute peine perdue) (Cf. De defectu oraculorum, Plutarque, 23. & Grande encyclopédie illustrée des sciences occultes - Dr. Néroman- Tome II chapitre V, page 97, 98, 99 - Nơi trang 99, D. Néroman có vẽ một họa bản để hình dung chân cảnh và 183 thế giới bao quanh chân cảnh ở trung điểm, còn 183 thế giới được xếp trên một vòng tròn bên ngoài.)

[74] Cf. Senard, Le Zodiaque, p.36; Cf. Ernest d'Aster, Histoire de la Philosophie, p.52.

... De Pythagore (580-500) nous savons qu'il fut un adepte de la doctrine de la transmigration des âmes. Né dans l'île de Samos, il se rendit plus tard dans l'Italie du Sud, la congrégation qu'il avait fondée à Crotone, et dont les rites et les règles de vie avaient pour but de libérer l'homme de la "roue de la fortune"...

[75] Cf. Philippe Eucausse, Sciences occultes, tr.106. Crux ansata - Mackey's revised encyclopedia Vol.I.

[76] Cf. Le Zodiaque, p.251.

... Dans toute mystique, le but constant de l'être humain doit être l'élevation de l'esprit qui, se détachant de la contemplation de la l'homme extérieur, rejoint, par le canal interne et à travers la propre substance de l'homme, le Principe éternel, Dieu. (La religion essentielle, p.295)

... Le but le plus élevé de la religion c'est l'union la plus intime de l'homme avec Dieu, et cette union est même ici-bas déjà possible, mais elle ne l'est que par l'ouverture de notre sensorium intérieur et spirituel qui ouvre notre cœur pour le rendre susceptible de recevoir Dieu...

(Le Conseiller d'Eckhartshausen) La religion essentielle, p.203.

[77] Dịch chi vi thư, giáo nhân hồi thiên chi đại kinh, đại pháp dã. 易之為書, 教人回天之大經大法也 (Thái cực quyền đồ thuyết, tr.52)

[78] Bất tri lai lộ yên tri nhập lộ, bàn trung bát quái giai không. Vị thức nội đường, yên thức ngoại đường, cục lý ngũ hành tận thác. 不知來路焉知入路, 盤中八卦皆空未識內堂焉識外堂, 局裏五行盡錯 (Ngô Cảnh Loan, Huyền không bí chỉ).

[79] Ngô kim lược thuyết tâm chân lộ. Hoàng trung thông lý tải đại Dịch. Chính vị cư thể thị huyền quan, Tí ngọ trung gian kham định tức. Quang hồi tổ khiếu, vạn thần an. 吾今略說尋真路. 黃中通理載大易. 正位居体是玄關. 子午中間堪定息. 光回祖竅萬神安 (Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ, tr.15)

[80] Cf. Phúc âm Mathieu VI, 1-18,VII, 6, 13, 21, 22, 23.

[81] Cf. Phúc âm Luc XVII, 20-21.

[82] Cf. Wang Tch'ang Tche, Wang Yang Ming, Appendice 1.

Thiên thánh giai quá ảnh, lương tri tức ngô sư. 千聖皆過影良知即吾師.

[83] Phương thốn 方寸 = tấc vuông = tấc lòng.

[84] Tà nguyệt tam tinh động 斜月三星洞 = Tâm 心.

[85] Cf. Paul Claudel, Sur la Présence de Dieu (1932), p.23: «Comme l'ont bien vu les bouddhistes, nous pouvons descendre jusqu'au fond de nous-mêmes par tous les échelons de l'introspection sans rencontrer autre chose qu'un élément fluide, volatile et inconsistant, le mouvement qui va de la puissance à l'acte, jusque nous mettions la main sur l'être même, sur cette image agissante de Dieu en nous qui est substance, cause, esprit et vie, et que les Livres saints appellent essentiellement firmamentum. Dieu, nous le livre des Rois a été fait mon firmament...» (Henri de Lubac, Aspects du Bouddhisme, p.152)

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN I: TRUNG DUNG KHẢO LUẬN

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Chương 16

TỔNG LUẬN

S au khi đã phân tích, đã khai triển Trung Dung để nhìn cho rõ các khía cạnh, chúng ta hãy cùng nhau ước thúc, giản lược Trung Dung để làm nổi bật lên ít nhiều điểm chính. Trước hết, chúng ta sẽ khảo sát, giải thích lại hai chữ Trung Dung; sau đó, chúng ta sẽ đặc biệt chú trọng đến mấy vấn đề triết lý, đạo giáo và mấy định luật thiên nhiên đã được Trung Dung đề cập.

HAI CHỮ TRUNG DUNG

Muốn hiểu hai chữ Trung Dung cho minh xác, thiết tưởng phải đặt chữ Trung vào đúng ngôi vị của nó, tức là phải đặt chữ Trung vào trung tâm điểm các hoạ bản kinh Thư, kinh Dịch.

Hình 31: Trung là tâm điểm vòng Dịch.

Thực vậy, trong Hà đồ, Lạc thư, Bát quái, Cửu trù (Hồng phạm Cửu trù), trung điểm bao giờ cũng tượng trưng cho ngôi vị tối thượng sinh thành vạn vật.

Đó là:

- Ngũ, thập (sinh số, thành số) trong Hà Đồ

- Ngũ (sinh số) trong Lạc Thư [1]

- Thái cực trong Bát quái

- Hoàng cực trong Cửu trù (Hồng phạm Cửu trù)

Thiệu Khang Tiết đã minh định rằng các đồ Dịch tiên thiên và hậu thiên đều do Trung tâm điểm phát sinh.[2] Đặt Trung vào tâm điểm các đồ Dịch, ta sẽ thấy Trung tượng trưng cho ngôi Thái cực bất biến trường tồn. Ta sẽ thấy Trung bất thiên, bất ỷ, không thái quá, không bất cập, muôn đời không biến dịch,[3] mặc dầu thiên biến, vạn hóa, luôn luôn tiến diễn bên ngoài.

Trung là nguồn gốc phát sinh vạn sự, vạn vật và cũng hàm tàng mọi hiện tượng. Trung là nguồn

mạch, sống động bất diệt tung tỏa ra muôn muôn, vạn vạn chi nhánh quần sinh sau này.

Vì thế tiên hiền mới nói: Trung là gốc lớn thiên hạ,[4] vì thế Trung mới chí thành, chí thiện, bất biến trường tồn (Dung).

«Khi tung tràn ngập muôn phương,

Khi thu ẩn áo khó lường tăm hơi.» [5]

Nếu hiểu Trung là Thái cực, là Trời, ta sẽ vén được bức màn bí mật của Trung Dung và Kinh Dịch.

Các đồ bản Dịch cho ta thấy Trung điểm hay Thái cực vừa tạo thành muôn vật vừa ẩn áo trong đáy thẳm, lòng sâu muôn vật.

Trung hay Thái cực vừa chủ sinh vừa chủ thành: vừa sinh hóa tạo dựng, muôn loài, muôn vật, vừa là khuôn phép, đường lối cho muôn vật thành tựu hòan thiện mình. Và Trời chẳng ở đâu xa: Trời vốn ở ngay đáy lòng con người; nên nếu con người muốn hiểu nguyên do, muốn hiểu cùng đích đời mình, trước hết cần phải hiểu biết Trời.

Trung Dung viết:

«Biết người trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi hiểu người làm sao?» [6]

Hình 32

Hơn nữa, vì Trời ẩn áo huyền vi nơi đáy lòng người, nên con người cần biết phản tỉnh, biết tĩnh trí, hồi tâm mới có thể tìm ra mọi điều vi diệu của Hóa công được.[7]

Thiệu Khang Tiết viết:

«Thiên hướng nhất trung phân tạo hóa,

Nhân do tâm thượng khởi kinh luân.» [8]

(Trời do Thái cực [9] phân tạo hóa,

Người từ Thái cực phát kinh luân.) [10]

Quan niệm này làm ta liên tưởng đến Duy nhất (l'Un), đến Thần ngôn (Le Logos) của Plotin, của

Philon,[11] đến Ngôi Hai Thiên Chúa trong bài phi lộ sách phúc âm thánh Jean.[12]

Nếu hiểu Trung là Thái cực, là Trời tiềm ẩn đáy lòng thì Trung Dung hiển nhiên là tâm pháp đạo Khổng như các tiên hiền đã chủ trương.

Hiểu Trung Dung theo nghĩa siêu hình như vậy, ta thấy Trung Dung là mục đích tối hậu cho mọi tâm hồn hướng về.

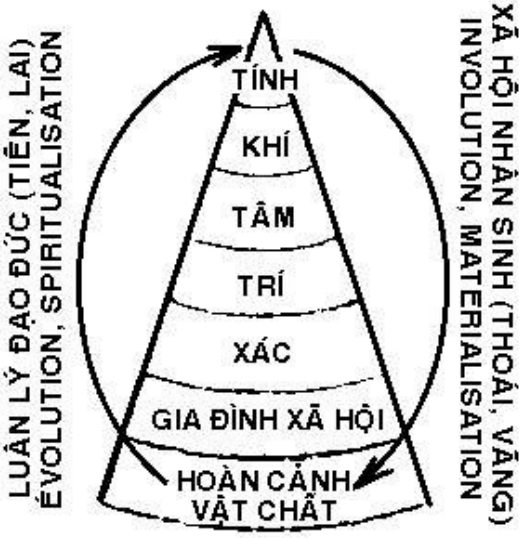

Hình 33: Vòng tuần hoàn của con người.

Lĩnh hội được vi ý Trung Dung và Dịch Kinh ta sẽ tìm ra đường lối tu thân của cổ nhân. Đường lối đó đại khái như sau:

Cổ nhân phân đời người làm hai giai đoạn chính: Nửa đời đầu, phải đem tinh thần khai thác hoàn cảnh vật chất để thích ứng với hoàn cảnh, để mưu sinh. Nửa đời sau, khi đời sống vật chất đã được bảo đảm, phải dùng những tiện nghi vật chất sẵn có, để hoàn hảo tâm thần mình, phục hồi phong thái cũ, suy nghiệm học hỏi để tìm ra Trời tiềm ẩn trong đáy lòng, để sống đời đạo đức ngõ hầu tiến tới mức chí thành, chí thiện, nên như vẻ sáng của Trời, sống kết hợp với Trời.

Sách Trung Dung, vì chủ trương cao siêu như vậy, nên đã giữ địa vị tối thượng trong tứ Thư ngũ Kinh.

TRIẾT LÝ

Đề cập tính tình, phân tâm hồn thành hai phần tách biệt vẻn vẹn bằng mấy chữ ở trang đầu, Trung Dung đã phác ra cả một chương trình siêu hình học cho các triết gia hậu thế.

Về sau, ngoài hai chữ tính tình, các triết gia đời Tống còn dùng thêm chữ Lý, Khí, hay Tính, Khí, nhưng đại khái các thánh hiền trước sau vẫn công nhận tâm hồn có hai phần: thể và dụng; thanh, trọc; động, tĩnh; tinh, thô rất đỗi khác nhau.

Lúc hồn nhiên tĩnh lãng, thì là tính, thuần túy chí thiện phổ quát mọi nơi mọi đời. Lúc đã vương mùi tục lụy trần hoàn, bị ngoại vật công kích dụ dỗ, thì là tình, vấn vương giăng mắc vẩn đục, lôi thôi. Lúc dục tình đã đua nhau nổi sóng, thì ngon triều trong dạ sẽ rạt rào, chao động, mất hết tĩnh lãng hồn nhiên, tâm hồn sẽ mất tự do tự lập, mắc mối trăm nghìn duyên nợ. Vì thế con đường thiên đạo phổ quát là con đường 'qui nguyên, phục mệnh', trở lại sự tĩnh lãng, quang minh, hiệp hòa nguyên thủy, bỏ hết mọi tư tà, để tiến tới công chính ngàn thu.

Siêu hình học Trung Dung là thứ siêu hình giản ước như của thánh Jean de la Croix.[13]

Mục đích Trung Dung là gây cho chúng nhân một niềm tin tưởng vào sự giáng lâm, sự hiện diện của Thượng Đế, dạy người phát huy mầm mống hoàn thiện sẵn có nơi đáy lòng mình, để đi đến chỗ tuyệt diệu, tinh vi, chí thành, chí thánh, chí cao, chí mỹ.

Trung Dung đề cập công trình suất tính : theo tiếng lương tâm để tiến tới Trung Dung, tới thăng bằng hòa hợp, tới thế 'nhất quán' giữa Trời, người. Chủ trương này cũng là chủ trương 'bão nguyên thủ nhất' của Đạo Lão,[14] 'Đả thành nhất phiến' của Thiền tông.[15]

Nhân sinh quan của Trung Dung là cố gắng tiến tới hoàn thiện. Như vậy người ta sinh ra ở đời, không phải là để nhẫn nhục, khắc khổ vô ích, hay để tiêu dao hành lạc, mà chính là để thực hiện một sứ mạng cao siêu: thần thánh hóa bản thân bằng sự cố gắng thường xuyên, bằng sự tu luyện toàn diện.

Người quân tử của Trung Dung lúc nào cũng tận tâm, tận tình, tận trung, tận hiếu, tận nghĩa, lúc nào cũng khắc khoải thao thức, mong tiến tới chỗ chí thành, chí thiện. đời người như vậy thực đã có định hướng chứ không phải sinh ra để:

«Cũng liều nhắm mắt đưa chân
Thử xem con tạo xoay vần ra sao!» (Kiều)

Đời người như vậy thực đầy ý nghĩa, rất đáng sống. Nhân loại đáng lý không thể phàn nàn:

«Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.»
(Nguyễn Công Trứ)

Trung Dung cũng như Kinh Dịch đề cập tới ba thế giới: Địa đạo, Nhân đạo, Thiên Đạo.[16]

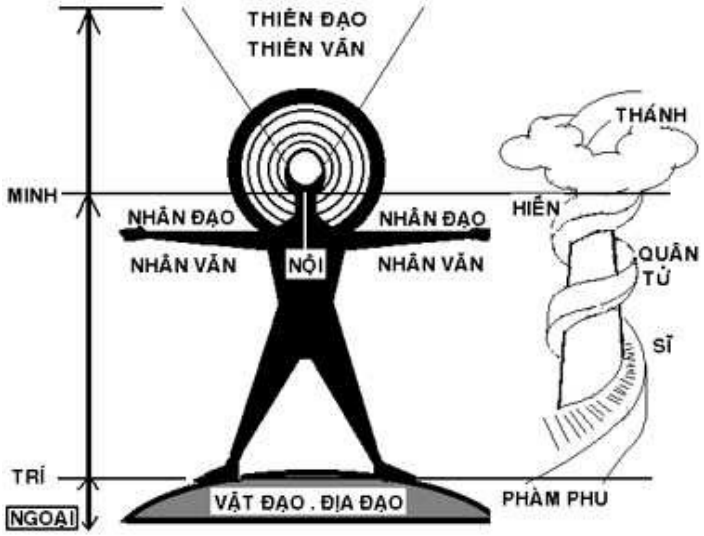

Hình 34: Thiên đạo, Nhân đạo, Địa đạo.

Thế tức là đề cập tới ba đoạn đường trong đời sống nhân loại.

Trước tiên phải lưu tâm đến hoàn cảnh sinh hoạt, cải thiện đời sống vật chất, dùng trí óc tổ chức cho đời thêm đẹp tươi, cho giang sơn thêm cường thịnh. Đó là vật Đạo, địa đạo. Tiếp đến, phải quay về bản tâm mà lo tu đức lập thân, phát huy ánh sáng nhân nghĩa trong nhân loại. Đó là nhân đạo.

Cuối cùng, nếu biết hồi quang phản chiếu, thu hồi ánh sáng tâm thần mà nhìn cho ra căn để, nguyên do của đời mình sẽ tiến tới giai đoạn giác ngộ, nhờ đó có thể đi vào nhãn giới thiên đạo.

Cơ tâm hay óc máy móc, tổ chức vẫy vùng trong thế giới vật chất, làm sáng choang thế giới hữu hình.

Cái vẻ đẹp ấy là văn minh. Nhân tâm rong ruổi trong thế giới tinh thần, đem hương hoa nhân ái điểm tô cho nhân loại, đem bút thần lễ nghĩa vẽ nên những bức tranh nhân sự tuyệt vời, làm cho vẻ sáng nhân loại chói lói lên như muôn ánh trăng sao. Vẻ sáng tâm hồn đó là nhân văn hay văn hóa.

Thế giới tinh thần ấy thực man mác. Khi nó phát triển tới cực độ, tới chỗ siêu việt tinh hoa, sẽ bắt được tầm thiên đạo, hòa mình với vinh quang trời, nên thiên văn, và cung đàn của tâm hồn sẽ hòa điệu với cung đàn muôn thuở tuyệt vời của đất trời. Đó là Thiên Văn, Thiên đạo. Như vậy, nếu hiểu Trung Dung một cách chân chính, con người sẽ không lúc nào vừa lòng với chính mình, vừa lòng với hiện tại, mà luôn luôn cố gắng, cải thiện không ngừng để tiến tới cao minh cùng cực, tới Trung Dung.[17] Khi đã đạt tới chỗ tuyệt đỉnh công phu thì bao nhân dục, tư dục sẽ không còn nữa mà chỉ còn lại phần tinh hoa cao quí, là phần thiên lý chí công, chí chính.

ĐẠO GIÁO

Đạo Trung Dung khởi điểm từ một lòng tín ngưỡng thành khẩn.

Không phải là tin có Trời suông, mà còn tin Trời giáng lâm mọi nơi mọi chỗ, soi xét mọi uẩn khúc của lòng người. Niềm tín ngưỡng ấy, các kinh văn thường nhắc tới bằng nhiều thể cách.

Kinh Thư viết: duy Thiên thông minh.[18]

Sách Nhật giảng quảng luận như sau: Trời trên tầng cao thăm thẳm, thật chí hư, chí công, chí thần, chí linh. Không cần nghe mà thông biết mọi sự, không cần nhìn mà thấy mọi điều. Chẳng những công cuộc hưng vong của các chính thể, vận hội thịnh suy của các dân tộc không thoát được sự chứng giám của Ngài, mà ngay muôn điều xảy ra trong những căn phòng tối tăm hẻo lánh, mắt thế nhân không dòm hành tới được, thì Trời vẫn thông suốt không sót một mảy may. Ấy Trời thông minh là vậy.[19]

Vì thế người quân tử trong Trung Dung e dè kính cẩn luôn:

«E dè cái mắt không nhìn,

Tai nghe không nổi, cho nên hãi hùng.»[20]

Địch Nhân Kiệt, một văn nho đời Đường chỉ vì sực nhớ câu «Hoàng Thiên bất khả khi» mà không dám làm những điều thương luân, bại lý trong một quán trọ xa xăm, giữa một đêm thanh vắng. Ông lý luận: giấu người được, chứ giấu Trời sao được.[21]

Từ chữ kính, người quân tử sẽ cố vươn tới chỗ chí thành, chí thiện.

Với một lương tâm bình thản, với một dạ nhất quyết tu đạo lập thân, người quân tử luôn sống thung dung, tùy thời xử thế. Cũng có khi sống ẩn dật như chiếc quạt thời đông giá lạnh lùng,[22] như rồng còn ẩn kín dưới vực sâu,[23] cũng có khi ra tài Y Doãn,[24] đem khả năng, tài đức mưu toan điều ích quốc lợi dân,[25] cũng có khi âm thầm trau dồi kiến văn, đức độ, như rồng tập uốn mình nơi vực thẳm,[26] cũng có khi treo gương xán lạn cho muôn người soi chung, đó là khi đạt tới mức 'nội thánh, ngoại vương' của sách Đại Học, Trung Dung, hay hào cửu ngũ kinh Dịch.[27]

Trung Dung đã khéo trà trộn Trời vào trong đời sống nhân loại. Sách bắt đầu bằng chữ Thiên, và tận cùng bằng 'Đức độ Trời', một mục phiêu hoàn hảo tuyệt vời cho mọi người tiến tới.[28]

Bàn về chính trị, Trung Dung viết:

«Biết người trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao.» [29]

Có lẽ ngày nay, nhân loại cũng cần phải sống gần Trời hơn, cần tin tưởng Trời hơn.

C. Virgil Gheorghiu, một nhà văn chuyên mô tả những cái phi lý, bất nhân của chiến tranh, và sự độc tài tàn nhẫn của các cường quốc hiện tại đã viết trong quyển «La seconde chance»: «Hiện nay nhân loại đang cần một đồng minh trung kiên không bao giờ có thể bị ám sát, bị công an cảnh sát bắt được, không thể bị giam giữ được, tra tấn được, một đồng minh kín đáo, âm thầm, lặng lẽ, một đồng minh có một ngọn lửa thiêng đốt cháy được muôn tim, có thể biến mọi người thành anh hùng vô địch; đồng minh đó thường quá, hay được nhắc nhở tới nhiều quá, mà nhân loại vẫn không biết tên: Đồng minh đó là Thượng đế. (La Seconde chance, tr.432)

Mấy định luật thiên nhiên

a. Định luật tự cường (cố gắng)

Trung Dung cũng như kinh Dịch cho rằng bí quyết thành công là luôn gắng gỏi công trình.[30]

«Đã làm, làm tới tinh hoa,

Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.»[31]

Con người sinh ra ai cũng tay không, cũng hèn yếu như nhau, nhưng dần dà mỗi người có một giá trị khác nhau, tùy ở sự cố gắng, tùy ở sự học hỏi, sự tu luyện của mình.

Do đó, con người sinh ra để bất mãn, bất mãn với mọi sự tầm thường, chếch mác, bất mãn với hiện tại, bất mãn với chính mình. Con người bao giờ cũng muốn vươn lên mãi, vươn lên tới chỗ cao sang, mênh mang, vĩ đại, bằng công trình gắng gỏi, bằng học vấn, bằng sự bền bỉ, bằng sự đào luyện tâm thần trí não, trí não và thể chất.

Phàm những anh hùng hào kiệt xưa nay, ai cũng đều chê bai những kẻ ăn không ngồi rỗi, 'an thân dật lạc'.

Triệu Khuông Dẫn (Tống Thế Tổ) trong tương lai khi còn hàn vi đã biết khuyên người em kết nghĩa của mình là Trịnh Ân bỏ sự dật lạc ở miếu Hưng Long Trang để bước vào con đương lập thân đầy phong sương gian khổ như sau: «Phàm con người sinh ra phải ráng cho tận nhân lực, chẳng làm việc kia thì cũng việc nọ, cho có ích với đời, phòng để danh thơm tiếng tốt về sau. Như vậy trước là rực rỡ đức tổ tông, sau là hiển công sinh thành cha mẹ, mới gọi là chí khí trượng phu. Nếu ham việc vui sướng vô ích thì có khác chi phàm phu tục tử.» [32]

Người quân tử lúc nào cũng phải nói như Tăng tử: «Hai vai gánh nặng, mà đường thì xa.» [33]

Lịch sử cũng chứng minh rằng, một dân tộc nào cố gắng sẽ tiến tới cường thịnh, một dân tộc nào ăn chơi nhong nhóng sẽ sa đọa vào vực thẳm diệt vong; một cá nhân nào cố công lao tác sẽ tiến tới, một cá nhân nào lêu lổng ăn chơi sẽ lụn bại, sẽ hại cơm, hại áo của đất trời.

b. Định luật mô phỏng (Bắt chước)

Đường lối nhân loại, nền luân lý nhân loại đã được ghi vào thiên thư của trời đất, Con người chỉ việc trông lên trời, nhìn xuống đất là tìm được khuôn phép, mẫu mực, đường đi nước bước của mình. Nhân loại sinh ra để bắt chước, nhưng không phải là bắt chước loài vật, xâu xé lẫn nhau để tranh cướp mồi, mặc cho các thú tính ti tiện phát sinh mà không chút mảy may kìm hãm. Con người phải biết soi gương đất trời mà

xử sự. Đất rộng và dày, con người cũng cố lo cho sự hiểu biết mình ngày thêm rộng, đạo đức phúc trạch mình ngày thêm dày.[34]

Đạo trời là hoàn thiện, là nguyên, là tuyền vẹn, thì mục tiêu của người quân tử cũng là sự toàn thiện. [35]

Trời vận hành không hề nghỉ ngơi: người quân tử cũng phải cố gắng không ngừng.[36]

Cuối thế kỷ 19, Nietzsche (1844-1900) đưa ra chủ nghĩa siêu nhân, và cho rằng ý chí quật cường (Volonté de puissance) là đặc tính của con người siêu nhân, nhân loại tiến bộ hay sa đọa là tùy sự tồn vong của ý chí quật cường đó.

Điểm này ăn khớp với Trung Dung nói riêng, và đạo Nho nói chung, vì Trung Dung cũng chủ trương phải cố gắng mới có thể đi đến chỗ chân, thiện, mỹ.

Nhưng từ khởi điểm ấy, Nietzsche cho 'người hùng' của mình được quyền gian ác, tàn bạo, để 'bành trướng', để tiến bộ: «Người siêu nhân của Nietzsche hiên ngang, xa quần chúng, gánh vác trách nhiệm lớn lao, tâm hồn bộc lộ hùng tráng như một dã thú; bản năng hiếu chiến, xâm lược, đầy nhiệt tình thù oán, mưu kế, giận dữ, khoái lạc, mạo hiểm, kiến thức rất mực uyên thâm...Tao nhã khôn ngoan, quật cường , uy nghi, sâu hiểm.» [37]

«Người anh hùng của Nietzsche là người anh hùng dữ tợn,... một loài dã thú hùng tráng, khát máu, đi tìm mồi, một giống nòi quí tộc đã để trên đường đi của họ những dấu tích man rợ, những cảnh khoái lạc dữ tợn, những hành động độc ác tàn nhẫn.[38]

Người anh hùng của Nietsche đã đề cao những thú tính tiềm ẩn trong con người, trong võ lực. có thể nói được Nietzsche đã đem luật cạnh tranh sinh tồn, đem cảnh xâu xé nhau để tranh cướp mồi của loài vật áp dụng vào xã hội loài người. Kết quả dĩ nhiên là chiến tranh, chém giết, và con người bị vật chất hóa, khí cụ hóa, mất hết mọi giá tri tinh thần.

Trái lại người quân tử trong đạo Trung Dung có một vẻ hùng tráng khác. Lòng họ thiết thạch, kiên cương, sống chết vì chính nghĩa và chân lý. Họ không kiêu sa, ích kỷ, độc ác, chỉ biết cúc cung tận tụy làm phận sự, phục vụ nhân loại.

Trời cao sang vô biên vô tận, thì người quân tử cũng cố vươn lên tới chỗ cao sang, vô biên vô tận, vĩnh cửu, trường tồn.[39]

Trong trời đất, chỉ có con người đầu đội trời, chân đạp đất, nên con người cần noi gương trời mà vươn lên, mà tiến tới mãi mãi. Tất cả lịch sử nhân loại, tất cả những công trình cổ kim, từ những Kim tự tháp cho tới Vạn lý trường thành, từ những cung vàng, điện ngọc cho tới những lăng tẩm âm u, bao la, bát ngát, từ những võ công hiển hách cho tới những văn nghệ phẩm tinh vi, những công trinh khoa hocvĩ đại, nhất nhất đều cho ta thấy con người muôn thủa lúc nào cũng muốn vươn lên tới chỗ cao đại, tinh vi, huy hoàng hùng vĩ.

Đà vươn lên tới chỗ chí thành, chí thiện bất kỳ về một phương diện gì cũng xác định phẩm giá con người, phân định tôn ti, quý tiện.

c. Định luật tiến hóa

Như đã nói trên, Trung Dung từ ngót hai nghìn nam nay đã đề cập định luật tiến hóa trong vũ trụ, và đã biết áp dụng rất là khéo léo định luật này vào công cuộc tu thân.

Nhưng khác với chủ nghĩa duy vật cực đoan hiện đại, chối bỏ Thượng Đế và cho rằng vạn vật ngẫu

nhiên sinh, và biến hóa do sự đấu tranh sinh tồn (Darwin) hay sự thích ứng với hoàn cảnh (Lamarck), Trung Dung chủ trương trời đất sinh muôn loài, nhưng mỗi loài vẫn có thể biến thiên thành nhiều thứ hạng.

Đọc Mạnh Tử ta thấy chủ trương này đã được các môn đệ đức Khổng đề cập và đem áp dụng vào công cuộc tu luyện tính tình:

«Hữu Nhược nói: Người năm bảy đấng,
Kìa kỳ lân vẫn giống thú rừng,
Phượng hoàng vẫn loại chim muông,
Thái sơn vẫn đúc theo khuôn đống gò.
Sông với biển vẫn nhà ngòi lạch,
Thánh với phàm một phách thế nhân.
Nhưng thánh phàm muôn phân, ngàn biệt,
Vì thánh nhân bạt thiệp, siêu quần.» [40]

Thánh với phàm khác nhau ở chỗ hiểu và không hiểu, hoàn thiện và không hoàn thiện mà thôi. Tóm lại khuôn người chỉ có một, nhưng tiến hóa thì vô hạn định, cho nên về phương diện tâm tính đức độ, thì con người chỉ khác nhau một dày một mỏng, một thô, một tinh, một tụ một tán mà thôi.

Như vậy Trung Dung vừa nhận công trình tạo dựng của trời đất, vừa dành công trình thành tựu về người, vì con người có thể tiến hóa mãi mãi.

Ai cũng tiến hóa được, nếu có thiện chí, nếu cố gắng bền bỉ. Nhan Hồi nói: Vua Thuấn là ai, mà ta là ai? Nếu ta cố gắng làm điều thiện thì ta cũng như ngài.[41] Đó chính là đề tài cho các văn gia ngâm vịnh về sau:

«Người là người mà tớ cũng là người,
Nhắm cho kỹ vẫn chênh vênh đầu dốc.»
(Phan Văn Ái)

Các nhà bác học hiện nay, như Lecomte du Nouy cũng nhận rằng định luật tiến hóa khi tới nhân loại đã chuyển hướng vào nội tâm. Ông viết trong quyển «Định mệnh nhân loại»: «Trong thời kỳ nhân loại này, sự tiến hóa vẫn tiếp tục, nhưng đã đổi chiều. Thay vì tiến hóa về phương diện sinh lý, hình thể, nhân loại tiến hóa về phương diện tinh thần và siêu nhiên.» [42]

Jean Rostand cũng chủ trương: «Suy nghiệm về con người, tôi nhận thấy sự hăng hái quyết tâm của nó luôn vượt cao hơn, muốn tiến triển hơn, vì lẽ đó tôi sẽ không cho rằng con người trong tình trạng hiện hữu đã tạm hoàn hảo, như bao người thường nghĩ. Tiền đề của tôi là con người phải có gắng vượt cao lên, phải rút ra ở bản thân mình một cái gì có giá trị hơn bản thân ấy.» [43]

Vậy con người sinh ra, có nhiệm vụ đạt tới chỗ tinh hoa tận dụng mọi khả năng mình, để tiến tới cao minh chính đại.

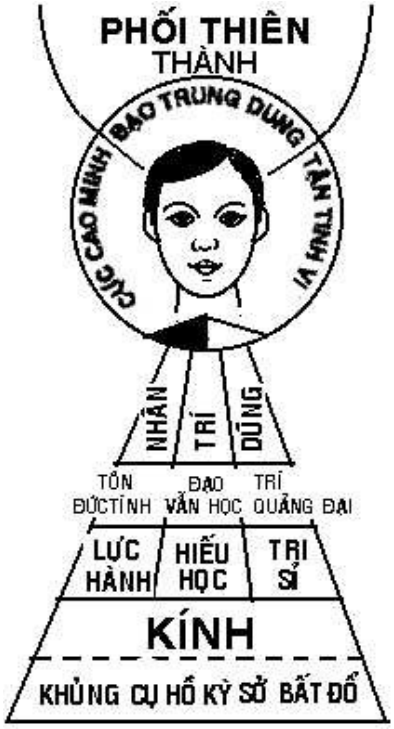

Hình 35: Con đường Trung Dung

Âu Dương Tử cho rằng tất cả cái học siêu vi là tìm ra những phương pháp để mài giũa, uốn nắn, thay đổi tính tình cho tới chỗ chí thành chí thiện.[44]

Tới chỗ chí thành chí thiện tức là tới chỗ thiên ý nhân tâm hòa hợp, tới chỗ tinh hoa thuần túy, tới chỗ hòa hiệp tuyệt đối của tính tình. Thế là 'qui nguyên phục mệnh' thế là bước vào thiên giới vĩnh cửu vô biên, phối hợp với Trời trong một tình siêu phàm tuyệt diệu. Chỗ tuyệt điểm của đạo Trung Dung chính là chỗ tuyệt điểm của các đạo giáo. Giai đoạn huyền đồng tức là đại đạo, là chỗ gặp gỡ của các thánh hiền muôn thủa.

Tóm lại, tinh túy Trung Dung có thể cô đọng lại trong mấy điểm sau:

1. Trong thâm tâm ta có ảnh tượng Trời. Người quân tử lĩnh hội được điều ẩn áo nên lúc nào cũng e sợ giữ gìn.

2. Ảnh tượng ấy hoàn thiện, đó là tính, là thiên mệnh, thiên lý thiên đạo.

3. Nhân loại phải noi gương hoàn thiện ấy, cố gắng tu thân để tiến tới chỗ chí thành chí thiện.

4. Tới mức chí thành chí thiện, tức là kết hợp với Trời, tức là phối Thiên, đạt mức Trung hòa, thực hiện sự hòa hợp quân bình giữa thiên lý, nhân tâm.[45]

Đó cũng có thể gọi được là tinh túy của các đạo giáo, và là chân lý thiên mệnh.

Vì thế cổ nhân cho rằng Trung Dung gồm tóm hết mọi vi diệu của thánh hiền, thâu tóm hết mọi tinh hoa của Kinh Dịch, của đạo Nho.

Chu Hi cho rằng: Phải học Đại Học trước, để biết qui mô, đường lối, rồi học Luận Ngữ để lập căn bản tu thân, kế đó học Mạnh tử để biết các giai đoạn tiến triển, sau cùng mới đọc Trung Dung để biết lẽ vi diệu của cổ nhân.[46]

Hội ý Trung Dung ta thấy con người có ba đời sống:

- Một đời sống vật chất: cần biết thích ứng và chế ngự hoàn cảnh để lo cuộc mưu sinh. Đời sống này

bao trùm cả đời sống tư nhân, gia đình, xã hội con người.

- Một đời sống tâm hồn: Cần khuếch sung các đức tính để tâm hồn ngày một thêm đẹp tươi.

- Một đời sống tinh thần hay siêu nhiên: Mục đích là phối hợp vời Trời, trường tồn vĩnh cửu.

Dương Tử lý luận cách khác, và cho rằng: Thiên hạ có 3 cửa:

Theo dục tình, là bước vào cửa cầm thú.

Theo lễ nghĩa là bước vào cửa người.

Theo sự minh giác, là vào cửa thánh.[47]

Chúng ta liền hiểu rằng trong trời đất có định, có biến, có động, tĩnh; có doanh, hư; có phù du, mộng ảo, và có vĩnh cửu trường tồn.

Phàm cái gì thuộc hình hài vật chất đều thăng trầm, chất chưởng, đều có sinh, có tử có tươi thắm, có tàn phai; cho nên ta đừng ai oán thế sự biến ảo như cuộc cờ, đừng than trách cảnh đòi đổi thay như tuồng ảo hóa. Sự thăng trầm tròn khuyết, chẳng qua là định luật chung cho thế giới hữu hình.

Ta cũng đừng mải mê chạy theo những thú vui vật chất

«Rượu nồng đừng quá chén say,

Hoa thơm đừng hưởng tới ngày xác xơ.» [48]

Cảnh tang thương biến đổi ấy, lịch sử đã chứng minh rõ ràng. đầu sách Tam Quốc, có thơ sau:

«Trường giang về Đông cuồn cuộn chảy,

Làn sóng hoa đào thải hết anh hùng,

Dở hay, thành bại, cát hung,

Ngoảnh đi, ngoảnh lại, đều không còn gì.

Núi xanh biếc vẫn y nhiên đó,

Bóng tịch dương mấy độ tô son.

Bên sông phơ phất mái sương,

Ngư tiều quen thói vui phường gió trăng.

Một hồ rượu tương phùng vui chén,

Vui cười rồi nói chuyện cổ kim,

Cổ kim to nhỏ muôn nghìn,

Dốc vào mấy chén hàn huyên chuyện trò.» [49]

Nhưng dưới cái hình hài vật chất, dưới sự biến thiên phiến diện ấy, chúng ta còn có một phần vĩnh cửu trường tồn. Đó là phần tính lý, phần thiên mệnh, thiên lý, phần tinh hoa của tâm hồn.

Vậy chúng ta phải lĩnh hội chỗ vi diệu đó, để có thể tiến tới chỗ chí thành, chí thiện, trường tồn vĩnh cửu với đất trời.

Hiểu Trung Dung như vậy, biết cố gắng cải thiện mình như vậy, tức là học được cái học của Nhan Hồi, nối được cái chí Y Doãn,[50] tức là thông đạt được bí quyết của đạo thánh hiền xưa; đó tức là 'tham tán tài thành', trợ giúp đất trời, làm công cuộc tài bồi đức độ để thành tựu mình.

Thế tức là 'ức âm tiến dương': phá hết mây mù tăm tối cho vừng dương muôn thuở hiện ra; 'trưởng

thiện tiêu ác': tài bồi mầm thánh thiện và làm tiêu ma hết mọi điều gian ác.[51]

Suy rộng ra, con đường Trung Dung tức là 'Con đường hoàn thiện' lên tới mức cao siêu sẽ tiến tới trung tâm huyền diệu vũ trụ, trở về Thái cực của bát quái, tiến vào bản nguyên 'ngũ thập cư trung' của Thái cực hà đồ,[52] phối hợp với Thượng Đế.[53]

Muốn được vậy, ta cần phải cố gắng, cố gắng không ngừng, cố gắng mãi mãi, cần phải 'cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ',[54] hết lòng, hết sức đến chết mới thôi.

Và để kết thúc tưởng nên nhắc lại một lần nữa châm ngôn của hai vua Nghiêu, Thuấn:

«Lòng của trời siêu vi, huyền ảo,
Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng.
Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,
Ra công ra sức giữ nguyên lòng trời.» [55]

---

[1] In Hebrew the name of God ⊓ℸ Jah, is equivalent to 15, because ℸ =10 and ⊓ =5, and 15 thus becomes a sacred number. (Mackey's revised Encyclopedia, vol.II, p.22: Numeration by letters)

[2] Tiên thiên học tâm pháp dã. Đồ giai tùng trung khởi, vạn hóa vạn sự sinh vu tâm dã. 先 天 學 心 法 也, 圖 皆 皆 從 中 起, 萬 化 萬 事 生 于 心 也 (Tống Nguyên học án, q.10, tr.5: Thiệu Khang Tiết)

[3] Bất dịch chi vị dung. 不 易 之 謂 庸.

[4] Trung dã giả thiên hạ chi đại bản dã. 中 也 者 天 下 之 大 本 也 (Trung Dung, ch.1)

[5] Phóng chi tắc di lục hợp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật. 放 之, 則 彌 六合, 卷 之, 則 退 藏 於 密 (Trung Dung, tựa)

[6] Tư tri nhân bất khả dĩ bất tri thiên. 思 知 人 不 可 以 不 知 天.

[7] Cf: Le mysticisme spéculatif de Tauler, Histoire de la philosophie de Frédéric Copleston S.J., Tome 3, p.211: «L'image de Dieu réside au sommet en la partie la plus haute de l'âme, et c'est en se retirant en lui-même, par delà les images et les figures que l'homme trouve Dieu. Si le "Cœur" (Gemüt) de l'homme se tourne vers ce fondement de l'âme c'est-à-dire vers Dieu, ses facultés d'intelligence et de volonté fonctionnent comme il faut. Mais si son "cœur" se détourne du fondement de l'âme, du Dieu intérieur, ses facultés aussi se détournent de Dieu...

[8] Nhất vật kỳ lai hữu nhất thân, 一 物 其 來 有 一 身
Nhất thân hoàn hữu nhất càn khôn. 一 身 還 有 一 乾 坤
Năng tri vạn vật bị ư ngã, 能 知 萬 物 備 於 我
Khẳng bả tam tài biệt lập căn. 肯 把 三 才 別 立 根
Thiên hướng nhất trung phân tạo hóa, 天 向 一 中 分 造 化
Nhân do tâm thượng khởi kinh luân. 人 由 心 上 起 經 綸
Thiên nhân hà hữu lưỡng ban nghĩa, 天 人 何 有 兩 般 義
Đạo bất hư hành chỉ tại nhân. 道 不 虛 行 只 在 人

(Thơ: Quan Dịch của Thiệu tử. Tính lý, q.5, tr.47)

[9] Đạo sinh nhất, nhất vi Thái cực, nhất sinh nhị, nhị vi lưỡng nghi, nhị sinh tứ, tứ vi tứ tượng, tứ sinh bát, bát vi bát quái, bát sinh lục thập tứ; lục thập tứ cụ nhi hậu thiên địa, vạn vật chi đạo bị hĩ. Thiên địa vạn vật mạc bất dĩ nhất vi bản nguyên. Ư nhất nhi diễn chi dĩ vi vạn, cùng thiên hạ chi số nhi phục qui ư nhất. Nhất gia hà dã.Thiên địa chi tâm dã, tạo hóa chi nguyên dã. 道 生 一, 一 為 太 極 一 生 二, 二 為 兩 儀 二 生 四, 四 為 四 象 四 生 八, 八 為 八 卦 八 生 六 十 四 六 十 四 具 而 後 天 地 萬 物 之 道 備 矣 天 地 萬 物 莫 不 以 一 為 本 原, 於 一 而 衍 之 以 為 萬, 窮 天 下 之 數 而 復 歸 於 一 一 者 何 也 天 地 之 心 也, 造 化 之 原 也 (Bách nguyên học án, Ngữ lục: Tống Nguyên học án, q.10, tr.51)

[10] Thiên dĩ nhất vi Thái cực. Nhân dĩ tâm vi Thái cực. 天 以 一 為 太 極 人 以 心 為 太 極 (chú thích thơ Quan Dịch, Tính lý, tr.47)

[11] Ici c'est l'Un qui se trouve au sommet de la pyramide. Il est l'absolu, la cause et la fin de toute réalité, mais il est indéfinissable, car toute définition est une limltation et l'Un est illimité, infini, susceptible seulement par conséquent de déterminations négatives... Maîtriser la chair, s'émanciper des préoccupations terrestres, vivre dans la pensée de l'Un une vie de pureté parfaite, tel est dès lors le but auquel tend Plotin...

Il croit (Philon d'Alexandrie) avec les Stoïciens au Logos partout présent mais dont l'homme est normalement inhabile à comprendre l'ordonnance. Eternel comme Dieu, le Logos extériorise sa pensée, il est à la fois la Raison et le Verbe où elle s'exprime; il est comme un souffle propageant à travers le monde la puissance créatrice de Dieu... (Trích: Richard Kreglinger, l'Evolution religieuse de l'humanité, tr.142-158)

[12] Au commencement était le Verbe le Verbe et le Verbe était auprès de Dieu et le Verbe était Dieu. Il était au commencement auprès de Dieu. Tout a été fait par lui et sans lui, rien n'a été fait de ce qui a été fait (Evangile de Saint Jean - Prologue I, I-3) Cf. Luc 17,20,21: Interrogé par les Pharisiens: «Quand va venir le royaume de Dieu?" Il leur répondit:"Le Royaume de Dieu ne doit pas venir ostensiblement. On ne dira pas non plus: "Le voici!" ou "le voilà!" car déjà le royaume de Dieu est en vous."

Cf. Aussi Upanishads:

- Il est l'Un lumineux, le créateur de tout, le Mahatma. Toujours dans le cœur des peuples établi;

- Révélé par le cœur, par l'intuition, par l'intelligence.

- Celui qui le connaît devient immortel...

(Camille Drevet, Pour connaître la Pensée de Gandhi, tr.108)

[13] Cf. La montée du Carmel (Les oeuvres spirituelles du Bien heureux Père Jean de la Croix. Desclée et Brower) p.133,134: «... Donc pour entendre quelle est cette union, dont nous traitons, il faut savoir que Dieu demeure en toutes les âmes, fut-ce celle du plus grand pécheur du monde et y est présent en substance. Et cette manière d'union est toujours entre Dieu et toutes les créatures, selon laquelle il les conserve en leur être, de sorte que si elle venait à leur manquer, elles s'aneantiraient âussitôt et ne seraient plus. Ainsi quand nous parlerons de l'union de l'âme avec Dieu, ce ne sera pas de cette union substantielle de Dieu qui est toujours en toutes les créatures mais de l'union et de la transformation de l'âme en Dieu qui n'est pas toujours faite mais qui se fait seulement quand il y a ressemblance d'amour et partant celle-ci se nomme union de ressemblance, comme l'autre s'appelle

l'union essentielle ou substantielle. Celle-là est naturelle, celle-ci surnaturelle, qui est quand les deux volontés, à savoir celle de l'âme et celle de Dieu, sont conformes en un, n'y ayant aucune chose en l'une qui répugne à l'autre. Partant quand l'âme ôter entièrement de soi ce qui répugne et n'est pas conforme à la volonté divine, elle demeurera transformée en Dieu par amour.

[14] L. Wieger, Les pères du Système taoiste, p.34.

[15] Présence du Bouddhisme, p.637.

[16] Địa đạo mẫn thụ. Nhân đạo mẫn chính. 地 道 敏 樹, 人 道 敏 政 (Trung Dung, ch.20, tr.66)

... thành giả, phi tự thành kỷ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã. Thành kỷ, nhân dã, thành vật, trí dã. 誠 者 非 自 成 己 而 已 也 所 以 成 物 也 成 己 仁 也, 成 物 智 也 (Trung Dung, ch.25, tr.78)

Tử Tư thừa thượng chương, Phu tử Thiên đạo, Nhân đạo chi ý, nhi lập ngôn dã. 子 思 承 上 章, 夫 子 天 道 人 道 之 意 而 立 言 也 (Trung Dung, ch.21, tr.76)

[17] Trí quảng đại, nhi tận tinh vi. Cực cao minh, nhi đạo Trung Dung. 致 廣 大 而 盡 精 微. 極 高 明 而 道 中 庸 (Trung Dung, ch.27)

[18] Notitioe sinicoe, tr.168.

[19] Notitioe sinicoe, tr.168: Duy thiên cao cao tại thượng, chí hư, chí công, chí thần, chí linh, bất dụng thính nhi thông vô bất văn, bất nhu thị nhi minh vô bất kiến, bất duy chính lệnh chi đắc thất, dân sinh chi hưu thích, cử bất năng đào Thiên chi giám, tức ám thất ốc lậu chi trung, bất đổ bất văn chi địa, diệc giai chiêu nhiên sát vô di yên. Thiên chi thông minh như thử. 惟 天 高 高 在 上, 至 虛, 至 公, 至 神, 至 靈 不 用 聽 而 聰 無 不 聞 不 需 視 而 明 無 不 見, 不 惟 正 令 之 得 失, 民 生 之 休 戚, 舉 不 能 逃 天 之 鑒 即 暗 室 屋 漏 之 中, 不 睹 不 聞 之 地, 亦 皆 昭 然 察 無 遺 焉. 天 之 聰 明 如 此.

[20] Giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. 戒 慎 乎 其 所 不 睹 恐 懼 乎 其 所 不 聞 (Trung Dung, ch.1, tr.40)

[21] Phản Đường, tr.6,7.

[22] Vũ tuyết thê thê. Bá Di, Thúc Tề. 雪 雨 淒 淒 伯 夷 叔 齊 (Mạc Đĩnh Chi, Vịnh quạt)

[23] Sơ cửu tiềm long vật dụng. 初 九 潛 龍 勿 用 (Kinh Dịch, càn quái)

[24] Uẩn long trùng trùng, Y Doãn Chu Công. 蘊 隆 蟲 蟲 伊 尹 周 公 (Mạc Đĩnh Chi, Vịnh quạt)

[25] Cửu nhị: Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân. 現 龍 在 田 利 見 大 人 (Kinh Dịch, Càn quái)

[26] Cửu tứ: Hoặc dược tại uyên. 九 四 或 躍 在 淵 (Kinh Dịch, Càn quái)

[27] Cửu ngũ: Phi long tại thiên lợi kiến đại nhân. 九 五: 飛 龍 在 天 利 見 大 人 (Kinh Dịch, Càn quái)

[28] Đầu sách: Thiên mệnh chi vi tính 天 命 之 謂 性.

Cuối sách: Thượng thiên chi tải vô thanh vô xú chí hĩ. 上 天 之 載 無 聲 無 臭 至 矣.

[29] Tư tri nhân bất khả dĩ bất tri Thiên 思 知 人 不 可 以 不 知 天 (Trung Dung, ch.19)

[30] Lực hành cận hồ nhân. 力 行 近 乎 仁 (Trung Dung, ch.20, tr.68)

[31] Hữu phất hành. Hành chi phất đốc. Phất thố dã. 有 弗 行 行 之 弗 篤 弗 措 也 (Trung Dung, ch.20,

tr.74)

[32] Phi Long, tr.237.

[33] Tăng Tử viết: «Sĩ bất khả dĩ bất hoằng nghị. Nhậm trọng nhi đạo viễn.» 曾 子 曰: 士 不 可 以 不 弘 毅. 任 重 而 道 遠 (Luận Ngữ, Thái Bá - 8, tr.124)

[34] Bác hậu phối địa. 博 厚 配 地 (Trung Dung, ch.26, tr.80)

[35] Thành giả, Thiên chi đạo dã, Thành chi giả, nhơn chi đạo dã. 誠 者 天 之 道 也 誠 之 者, 人 之 道 也 (Trung Dung, ch.20, tr.74)

[36] Quân tử hồ bất tháo tháo nhĩ. 君 子 乎 不 慆 慆 爾 (Trung Dung, ch.13, tr.54) Chung nhật càn càn dĩ thời giai hành. 終 日 乾 乾 以 時 皆 行 (Kinh Dịch, quẻ càn, Dịch Kinh tân khảo) Tượng viết: Thiên hành kiện quân tử dĩ tự cường bất tức. 天 行 健 君 子 自 強 不 息 (Kinh Dịch, quẻ Càn. Dịch Kinh tân khảo, tr.602)

[37] Bách Khoa, tr.32, số 92 (01-11-1960)

[38] Bách Khoa, tr.31, số 92, Nietzsche.

[39] Thiên Địa chi đạo, Khả nhất ngôn nhi tận dã: kỳ vi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc. 天 地 之 道 可 一 言 而 盡 也: 其 為 物 不 貳, 則 其 生 物 不 測 (Trung Dung, ch.26, tr.80)

[40] Hữu Nhược Viết: Khởi duy dân tại? Kỳ lân chi ư tẩu thú, phụng hoàng chi ư phi điểu, Thái sơn chi ư khâu diệt, hà hải chi ư hàng lạo, loại dã. Thánh nhân chi ư dân, diệc loại dã. Xuất ư kỳ loại, bạt hồ kỳ tụy. 有 若 曰: 豈 惟 民 在? 麒 麟 之 走 獸, 鳳 凰 之 於 飛 鳥 泰 山 之 於 丘 垤 河 海 之 於 行 潦, 類 也 聖 人 之 於 民, 亦 類 也. 出 於 其 類, 拔 乎 其 萃 (Mạnh Tử, Công tôn Sửu [thượng, 2] tr.98)

[41] Nhan Uyên viết: Thuấn hà nhân dã? Dư hà nhân dã? Hữu vi giả, diệc nhược thị. 顏 淵 曰: 舜 何 人 也?予 何 人 也?有 為 者 亦 若 是 (Mạnh Tử, Đằng Văn Công [thượng], tr.146)

[42] Evolution continues in our time, no longer on the physiological or anatomical plane but on the spiritual and moral plane. (Lecomte du Noüy, Human destiny, tr.79)

[43] Con người có thể sửa đổi được không? Bài của Jean Rostand, Hương xa, số 37. tr.21. Bài rút trong sách Can man be modified, 1959, The Curtis Publishing Company.

[44] Âu Dương Tử viết: Giáo học chi pháp bản ư nhân tính ma nhu thiên cách, xử xu ư thiện; chí ư lễ nhượng hành nhi phong tục thuần mỹ, nhiên hậu vi học chi thành. 歐 陽 子: 教 學 之 法 本 於 人 性 磨 揉 遷 革, 使 趨 於 善;至 於 禮 讓 行 而 風 俗 醇 美, 然 後 為 學 之 成 (Cận Tư Lục, I, Tựa)

[45] Cf.: En toi, mon Dieu, j'aurai ma solidité, ma fixité, mon être définitif (Saint Augustin) (Henri de Lubac, Aspects du Bouddhisme, notes 103, p.152)

- cf. Aussi: La montée du Carmel (Les oeuvres spirituelles du Bienheureux Père Jean de la Croix, Desclée de Brower, p.133,134):

«... Donc pour entendre quelle est cette union, dont nous traitons, il faut savoir que Dieu demeure en toutes les âmes, fut-ce celle du plus grand pécheur du monde et y est présent en substance. Et cette manière d'union est toujours entre Dieu et toutes les créatures, selon laquelle il les conserve en leur être, de sorte que si elle venait à leur manquer, elles s'aneantiraient âussitôt et ne seraient plus. Ainsi quand

nous parlerons de l'union de l'âme avec Dieu, ce ne sera pas de cette union substantielle de Dieu qui est toujours en toutes les créatures mais de l'union et de la transformation de l'âme en Dieu qui n'est pas toujours faite mais qui se fait seulement quand il y a ressemblance d'amour et partant celle-ci se nomme union de ressemblance, comme l'autre s'appelle l'union essentielle ou substantielle. Celle-là est naturelle, celle-ci surnaturelle, qui est quand les deux volontés, à savoir celle de l'âme et celle de Dieu, sont conformes en un, n'y ayant aucune chose en l'une qui répugne à l'autre. Partant quand l'âme ôter entièrement de soi ce qui répugne et n'est pas conforme à la volonté divine, elle demeurera transformée en Dieu par amour.

[46] Chu Tử viết: Mỗ yêu nhân tiên độc đại học dĩ định kỳ qui mô, thứ độc Luận Ngữ dĩ lập kỳ căn bản, thứ độc Mạnh Tử dĩ quan kỳ phát việt. thứ độc Trung Dung dĩ cầu cổ nhân chi vi diệu. 朱 子 曰: 某 要 人 先 讀 大 學 以 定 其 規 模, 次 讀 論 語 以 立 其 根 本, 次 讀 孟 子 以 觀 其 發 越, 次 讀 中 庸 以 求 古 人 之 微 妙 (Minh thành tổ ngự chế tứ thư ngũ kinh, Tính lý đại toàn, Đại Học, tr.11)

[47] Thiên hạ hữu tam môn: Do ư dục tình, nhập tự cầm môn. Do ư lễ nghĩa, nhập tự nhân môn. Do ư độc tri, nhập tự thánh môn. 天 下 有 三 門: 由 於 欲 情 入 自 禽 門. 由 於 禮 義 入 自 人 門. 由 於 獨 知 入 自 聖 門 (Notitiæ sinicæ, p.176)

[48] Ẩm tửu mạc giao thành mính đính, 飲 酒 莫 教 成 酩 酊
Khan hoa thận vật đáo ly phi. 看 花 慎 勿 到 離 飛 .

[49] Cổn cổn Trường giang đông thệ thủy, 滾 滾 長 江 東 逝 水
Lãng hoa đào tận anh hùng, 浪 花 淘 盡 英 雄
Thị phi, thành bại chuyển đầu không. 是 非 成 敗 轉 頭 空
Thanh sơn y cựu tại. 青 山 依 舊 在
Kỷ độ tịch dương hồng. 幾 度 夕 陽 紅
Bạch phát ngư tiều giang chử thượng, 白 髮 漁 樵 江 渚 上
Quán khan thu nguyệt phong. 慣 看 秋 月 風
Nhất hồ trọc tửu hỉ tương phùng. 一 壺 濁 酒 喜 相 逢
Cổ kim đa thiểu sự, 古 今 多 少 事
Đô phó tiếu đàm trung. 都 付 笑 談 中
(Tam Quốc, Hồi I)

[50] Chí Y Doãn chi sở chí, học Nhan tử chi sở học, quá tắc thánh, cập tắc hiền. 至 伊 尹 之 所 志, 學 顏 子 之 所 學, 過 則 聖, 及 則 賢 (Cận tư lục, II tr.1)

[51] Giá tiện thị nhất cá tham tán tài thành chi đạo; cái ức âm tiến dương, trưởng thiện nhi tiêu ác, dụng quân tử nhi thoái tiểu nhân. 這 便 是 一 簡 參 贊 栽 成 之 道; 蓋 抑 陰 而 進 陽, 長 善 而 消 惡, 用 君 子 而 退 小 人 (Cận tư lục, I, tr.3)

[52] Dịch Kinh tân khảo, I, tr. 20, 56, 60.

[53] Liêm Khê tiên sinh viết: thánh hi thiên, hiền hi thánh, sĩ hi hiền. 濂 溪 先 生 曰: 聖 希 天, 賢 希 聖 士 希 賢 (Cận tư lục, II, tr.1)

[54] Tam Quốc, hồi 97. Hậu xuất sư biểu của Gia Cát Lượng.

[55] Nhân Tâm duy nguy. Đạo tâm duy vi. Duy tinh duy nhất. Doãn chấp quyết trung. 人 心 惟 危. 道 心 惟 微. 惟 精 惟 一. 允 執 厥 中(Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 15)

» Mục lục » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Tựa của Chu Hi

中 庸 ❁ 朱 熹 章 句

子 程 子 曰: 不 偏 之 謂 中; 不 易 之 謂 庸; 中 者 天 下 之 正 道, 庸 者 天 下 之 定 理. 此 篇 乃 孔 門 傳 授 心 法 ,子 思 恐 其 久 而 差 也, 故 筆 之 於 書, 以 授 孟 子: 其 書 始 言 一 理, 中 散 為 萬 事, 末 復 合 為 一 理, 放 之 則 彌 六 合, 卷 之 則 退 藏 於 密,其 味 無 窮, 皆 實 學 也. 善 讀 者, 玩 索 而 有 得 焉, 則 終 身 用 之, 有 不 能 盡 者 矣.

PHIÊN ÂM

TRUNG DUNG - CHU HI CHƯƠNG CÚ

Tử Trình Tử viết: bất thiên chi vị trung; bất dịch chi vị dung; Trung giả thiên hạ chi chính đạo, dung giả thiên hạ chi định lý. Thử thiên nãi Khổng môn truyền thụ tâm pháp, Tử Tư khủng kỳ cửu nhi sai dã, cố bút chi ư thư, dĩ thụ Mạnh Tử: kỳ thư thủy ngôn nhất lý, trung tán vi vạn sự, mạt phục hợp vi nhất lý, phóng chi tắc di lục hợp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật, kỳ vị vô cùng, giai thực học dã. Thiện độc giả, ngoạn sách nhi hữu đắc yên, tắc chung thân dụng chi, hữu bất năng tận giả hĩ.

CHÚ THÍCH

- Trung 中 = giữa, tâm điểm (xem bài Trung đồ phần phụ lục). - Dung 庸 = không thay đổi, vĩnh viễn trường cửu. - Chu Hi chương cú 朱 熹 章 句 = Chu Hi phân ra từng chương từng câu. - Di 彌 = đầy rẫy. - Lục hợp 六 合 = sáu phía, chỉ cả vũ trụ (trời, đất, đông, tây, nam, bắc). - Sách 索 = tìm tòi. - Tử 索 = tôn hiệu. - Trình Tử 程 子 (Trình Di, Trình Y Xuyên, 1033- 1107)

TRUNG DUNG - TỰA CỦA CHU HI

Trình Tử nói:

Trung ấy là không nghiêng không ngửa,

Dung ấy là muôn thủa y nguyên.[1]

Trung là đạo chính mọi miền,

Dung kia là lý hiển nhiên mọi đời.

Tâm pháp này truyền nơi cửa Khổng,

Ông Tử Tư sợ chóng sai ngoa.

Bút thần tay thảo thiên hoa,

Muôn vàn truyền lại Mạnh Kha sách này.

Sách mới thoạt trình bày một lẽ,

Sau dần dần mới tỏa thành muôn

Cuối cùng thu lại một nguồn.

Tung ra, tản mạn khắp muôn phương trời,

Thu cuốn lại, dấu nơi ẩn áo,

Hay sao hay kỳ ảo khôn cùng.

Đó là thực học chính tông,

Ai say tìm hiểu sẽ thông ý mầu.

Thông ý mầu rồi sau ứng dụng,

Dùng cả đời cũng chẳng hề vơi.[2]

BÌNH LUẬN

Chu Hi mượn lời Trình Tử để đề tựa Trung Dung. Ông xưng Trình Tử là Thầy, tuy Trình Tử đã mất trước ông 100 năm, vì ông thụ giáo với Lý Đồng 李 侗 từ 1158 đến 1163, mà Lý Đồng là học trò La Tòng Ngạn 羅 從 彥 . La Tòng Ngạn học Dương Thì 楊 時. Dương Thì là môn đệ Nhị Trình.[3]

Ông chủ trương như Trình Tử rằng Trung Dung là chính đạo bao quát những định luật bất biến trong thiên hạ.

Trình Tử cho rằng sách đã viết theo luật Dịch từ nhất tán vạn, từ vạn quy nhất.

Nói cách khác, sách khởi đầu bằng thiên mệnh, bằng bản tính con người, bằng những định luật đã ghi tạc trong thâm tâm con người, để suy ra tam đức, ngũ luân, định luật hiệt củ (loi de réciprocité), cửu kinh, bao quát tất cả mọi đường lối tu tề trị bình.

Tiếp theo, lại từ cái ngọn chính trị, suy ngược trở về cái gốc tu thân, và vạch ra những nguyên tắc học hỏi, tu trì, để có thể trở nên chí thành, chí thiện, phối hợp với Thượng Đế. Như vậy, sách thực cao siêu vậy.

Danh ngôn đối chiếu:

[1] - Rends droit ton cœur et sois constant. (L'Ecclésiastque, 2.2)

- Orderly and consistent conduct is the essential feature of the good life. (A source book in Indian Philosophy, p.27)

[2] - Avec elle me sont venus à la fois tous les biens, et des richesses innombrables sont dans ses mains. (Livre de la Sagesse, 7,11)

- Car elle est pour les hommes un trésor inépuisable. (Livre de la Sagesse, 7,14)

- Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,

Lòng con người điên đảo ngả nghiêng.

Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,

Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.

Kinh Thư: Nhân tâm duy nguy. Đạo tâm duy vi. Duy tinh duy nhất. Doãn chấp quyết trung.

人 心 惟 危. 道 心 惟 微. 惟 精 惟 一. 允 執 厥 中.

[3] Phùng Hữu Lan, Trung Quốc triết học sử, p.895.

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 1

THIÊN ĐẠO TẠI NHÂN TÂM

第 一 章

天 命 之 謂 性. 率 性 之 謂 道, 修 道 之 謂 教. 道 也 者 不 可 須 臾 離 也. 是 故 君 子 戒 愼 乎 其 所 不 睹, 恐 懼 乎 其 所 不 聞. 莫 見 乎 隱, 莫 顯 乎 微. 故 君 子 愼 其 獨 也. 喜 怒 哀 樂 之 未 發 謂 之 中, 發 而 皆 中 節 謂 之 和. 中 也 者 ,天 下 之 大 本 也. 和 也 者, 天 下 之 達 道 也. 致 中 和, 天 地 位 焉, 萬 物 育 焉.

PHIÊN ÂM

Thiên mệnh chi vi tính. Suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo. Đạo dã giả bất khả tu du ly dã. Thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi. Cố quân tử thận kỳ độc dã. Hỉ, nộ, ai, lạc chi vị phát vị chi trung, phát nhi giai trúng tiết vị chi hòa. Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã. Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã. Trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.

CHÚ THÍCH

- Tính 性 = (1) Thiên tính 天 性 , (2) Thiên lý 天 理 , (3) Thiên mệnh 天 命 , (4) Thiên đạo 天 道 .

- Nhân chi tính, tức thiên tính, diệc tức tự nhiên chi lý; như vi phản tự nhiên chi lý, vi hồ nhân đạo, phản hồ nhân tính, kỳ nhân tất bại, kỳ quốc tất vong. 人 之 性, 即 天 性, 亦 即 自 然 之 理; 如 違 反 自 然 之 理, 違 乎 人 道, 反 乎 人 性, 其 人 必 敗, 其 國 必 亡 . (Trung Dung kim thích, tr.5)

- Thiên tính, thiên mệnh dữ thiên đạo, bản nhất quán đích. 天 性, 天 命, 與 天 道, 本 一 貫 的. (Trung Dung kim thích, tr.5)

- Tính 性 = (1) Trung 衷 (Kinh Thư, Thang cáo), (2) Di 彝 (Kinh Thi, chưng dân), (3) Minh đức 明 德 (Đại học), (4) Thành 誠 = Hoàn thiện.

- Suất 率 = Thuận ứng 順 應 = theo.

- Suất tính 率 性 = thuận ứng thiên lý 順 應 天 理 = thuận theo lẽ trời. (Trung Dung kim thích, tr.4)

- Tu du 須 臾 = giây phút

1. Chu Tử viết: Hỉ nộ ai lạc, tình dã. Kỳ vị phát tắc tính dã. Vô sở thiên ỷ, cố vị chi trung. Phát giai trung tiết, tình chi chính dã, vô sở quai lệ, cố vị chi hòa. Đại bản giả: Thiên mệnh chi vị tính. Thiên hạ chi lý, giai do thử xuất, đạo chi thể dã. Đạt đạo giả tuần tính chi vị. Thiên hạ cổ kim chi sở cộng do. Đạo chi dụng dã.[1] 朱 子 曰: 喜 怒 哀 樂, 情 也. 其 未 發 則 性 也. 無 所 偏 倚 故 謂 之 中. 發 皆 中 節, 情 之 正 也, 無 所 乖 戾, 故 謂 之 和. 大 本 者: 天 命 之 謂 性. 天 下 之 理, 皆 由 此 出, 道 之 體 也.達 道 者 循 性 之 謂. 天 下 古 今 之 所 共 由. 道 之 用 也. (Chu Hi nói: mừng, vui, buồn, giận là tình. Khi chưa phát động là tính; tính không nghiêng lệch, chếch mác, nên gọi là Trung. Phát ra trúng tiết, tức là tình cảm chân chính: tình cảm không có chi ngang trái, nên gọi là Hòa. Căn bản chung tức là thiên mệnh là Tính. Nó phát sinh công lý thiên hạ và là cốt đạo. Đạt đạo là theo đúng tính Trời. Cổ kim đều theo đường ấy.)

2. Tử Tư đem vũ trụ quan làm khuôn mẫu cho nhân sinh quan. Trời đất vận hành 'trúng, tiết', điều hòa, con người cũng phải theo đường đạo lý, để mọi hành vi hợp với công lý, lý tưởng.[2]

3. Khang Hi ngự án viết: «Chu Tử gọi Vô cực là Thái cực nghĩa là lấy cái bản thể của Âm Dương mà nói. Trung Dung gọi là Thiên mệnh, là Tính. Thiệu Tử gọi là Vô cực, lấy khu nũu của sự động tĩnh mà nói. Trung Dung gọi là 'cái ở trong tâm chưa phát ra'.[3]

Tóm lại Trung là Thái cực là nguyên lý, Hòa là Thái cực, là cùng đích. Thái cực, từ trung tâm phát huy ra, tiết tấu theo đúng chiều âm dương, rồi lại trở vào thế Trung hòa nguyên thủy. Sách Kim Bích cổ văn gọi Trung điểm là 'Trung cung thổ đức nãi mậu kỷ chí hòa chi khí'. (Lời bàn của dịch giả)

- Phát 發 = hiển dương; Vị phát 未 發 = Chưa hiển dương; Phát 發 = (dĩ phát 已 發) = đã hiển dương.

a. Theo Tống Nho: Vị phát 未 發 = nguyên lý chưa hiển dương (l'état du principe avant qu'il agisse); Phát 發 (dĩ phát 已 發) = Nguyên lý hoạt động (l'état du principe dans ses actions)

b. Theo Vương Dương Minh: Vị phát 未 發 = Nguyên lý (lương tri) (le Principe considéré en lui-même); Phát 發 (dĩ phát 已 發) = Nguyên lý hoạt động (le principe en tant qu'agissant) cf. Wang Tch'ang Tche, La philosophie morale de Wang Yang Ming, p.211.

DỊCH CHƯƠNG 1

Nhận được chân bản tính mình, kính sợ Trời tiềm ẩn đáy lòng mình là theo thiên đạo, Là tiến tới thế Trung hòa muôn thủa.

Bản tính cũng chính là thiên mệnh,[4]
Đạo là noi theo tính bản nhiên.[5]
Giáo là cách giữ đạo nên,
Đạo trời giây phút vẫn liền với ta.[6]
Rời ta được đâu là đạo nữa.
Thế cho nên quân tử giữ gìn,[7]
E dè cái mắt không nhìn.
Tai nghe không nổi cho nên hãi hùng.
Càng ẩn áo lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi càng tỏ sáng nhiều.[8]
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng xiêu lòng vàng.[9]
Khi chưa phát vui thương mừng giận,
Gọi là Trung vì chẳng ngả nghiêng.
Phát ra đúng tiết, hợp duyên,
Ấy là hòa tấu ấm êm nhạc trời.[10]
Trung ấy chính là muôn đời căn bản,
Hòa kia là đạo quán thiên thu.
Ước gì đạt thế trung hòa.

Ấm êm trời đất, nhởn nhơ muôn loài.

BÌNH LUẬN

Chương này là chương quan trọng nhất và toát lược đại ý toàn sách. ta cần bàn giải cho kỹ càng.

A. Thiên mệnh chi vị tính

I. Chữ Mệnh

Chữ Thiên mệnh có nhiều cách bình giải:

a. Thiên mệnh là thiên tính

Nhiều triết gia chủ trương thiên mệnh là thiên tính.

Bắc Khê Trần Thị nói: «Tính và mệnh không phải là hai, ở nơi Trời thì gọi là mệnh, ở nơi người thì gọi là tính.» Lại nói: «Tính mệnh chỉ là một đạo lý mà thôi.» [11]

Trung Dung Hoặc Vấn viết: «Ở nơi người, nơi Trời tuy có phân thành tính mệnh, nhưng mà vẫn là một nguyên lý.» [12]

Trương Tử nói: «Cái mà trời cho người thì gọi là mệnh; cái mà người nhận được nơi Trời thì gọi là tính.» [13]

Ngô Thảo Lư viết: «Tính hay mệnh hay Thái Cực cũng là một.» [14]

Quan niệm này là nền tảng cho những học thuyết chủ trương con người thông phần bản tính Trời.[15] Quan niệm này giúp ta hiểu được những đại học thuyết ở Á Châu về tương quan giữa Trời người như:

- Thiên nhân tương dữ
- Thiên nhân nhất quán
- Thiên nhân hợp phát
- Thánh nhân phối thiên, v.v.

b. Thiên mệnh là mệnh lệnh của Trời

Chu Hi giải thích Thiên mệnh là mệnh lệnh của Trời.[16] Theo quan điểm này, câu 'Thiên mệnh chi vị tính' phải hiểu là: 'Cái mà Trời truyền ta phải thực hiện là tính.' Nhưng Tính ở đây dĩ nhiên không phải là tính tình thông thường, mà là Thiên Tính hàm cụ vạn lý, hoàn thiện tuyệt hảo.

Thế tức là Trời truyền ta phải phải thực hiện được tính Trời, thể hiện tuyệt đối. Quan niệm này này tương đương như quan niệm của các nhà huyền học Ấn Độ, vì các ngài cũng chủ trương Tat tvam Asi (Con là cái đó = Con là tuyệt đối thể).

c. Thiên mệnh là định mệnh con người

Theo quan điểm này, Trời đã giành cho con người một định mệnh cao sang là thực hiện Thiện tính, tiến tới tuyệt đối.

Quan điểm này làm ta liên tưởng đến Kant, vì Kant cũng chủ trương: Định mệnh con người là khao khát vươn lên cho tới tuyệt đối.[17]

Kant còn cho rằng trong con người có một nguyên lý thúc đẩy con người vươn lên cho tới một trạng thái cao siêu hơn, khác hẳn hiện trạng về phẩm, và nhờ vậy, con người mới thực hiện được định mệnh thực sự của mình.[18]

Kant gọi nguyên lý ấy bằng nhiều danh hiệu, như là: siêu hình, hoàn thiện, toàn thể, toàn bích, tự thể, chân ý, thánh mệnh (thiên mệnh), v.v.[19]

II. Chữ Tính

Chữ Tính trong Trung Dung phải hiểu là Thiên Tính, hàm cụ vạn lý,[20] hoàn thiện,[21] theo như quan niệm của Mạnh Tử.[22]

Trong Từ Nguyên có chữ Tính Thiên, và giải: «Tính Thiên hay Thiên Tính chính là tính bản nhiên hoàn thiện mà con người đã được Trời phú cho. Tống Nho hằng dùng chữ này.» [23]

Âm Phù Kinh viết: «Thiên Tính nhân dã, nhân tâm cơ dã. Lập thiên chi đạo dĩ định nhân dã.» 天 性 人 也, 人 心 機 也. 立 天 之 道 以 定 人 也 (Thiên tính là người. Nhân tâm là máy. Lập ra thiên đạo, để định thế nào là con người.)

Xét chung lại, câu 'Thiên mệnh chi vị Tính' ta thấy rằng thực sự Trung Dung đã chủ trương con người thông phần bản tính Trời. Công phu tu luyện, học hỏi mà Trung Dung đã chỉ vẽ ra, chỉ cốt là để thực hiện Thiên Tính ấy.

B. Suất Tính chi vị đạo

Vì trong con người có Thiên Tính nên con người có bổn phận phải thuận theo Tính ấy, tuân theo Tính ấy, lấy đó làm khuôn vàng thước ngọc, làm khuôn mẫu để nương theo mà cải thiện tâm tính cho tới chỗ hoàn thiện. Đó là đạo mà Trời muốn ta theo.

Suất Tính là theo Tính. Đã có theo, thì phải có dẫn; nếu đã có một cái theo chân, thì phải có một cái hướng đạo.

Tính là hướng đạo; đó là Thiên Tính.

Tâm theo chân; đó là nhân tâm hay phàm tâm.

Đại Học dạy ta phải chính tâm, tức là phải sửa tâm hồn cho ngay chính. Trung Dung dạy suất Tính, tức là muốn sửa tâm hồn cho ngay chính thì phải thuận theo Thiên Tính, thiên lý.

Phân tích Tâm và Tính như vậy chẳng những giúp ta hiểu Trung Dung mà còn giúp ta hiểu rõ thánh thư các tôn giáo khác.

Đối chiếu với các từ ngữ Phúc Âm chẳng hạn thì:

- Tính là Thiên nhân (homme spirituel, l'image du céleste), hay Thiên thể (corps spirituel).

- Tâm là phàm nhân, phàm thể (l'homme psychique, l'image du terrestre, hay corps psychique)[24].

Đối chiếu với các từ ngữ Phật giáo thì:

- Tính là Phật, là Phật Tính.

- Tâm là chúng sinh, là vọng tâm, v.v.

Đối với từ ngữ của quần chúng thì:

- Tính là lương tâm.

- Tâm là tâm hồn, là lòng dạ, v.v.

C. Tu đạo chi vị giáo

Các lời giáo hóa của thánh hiền xưa nay là làm cho mọi người hiểu biết thế nào là đạo Trời, thế nào là Tâm là Tính; dạy cho con người biết đường lối giữ trọn đạo Trời, tìm ra những phương châm bất hủ như:

- Chính tâm, suất Tính.

- Khử nhân dục, tồn thiên lý.

- Tư vô tà.

- Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân, v.v.

Tóm lại những câu 'Thiên mệnh chi vị Tính, suất Tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo' có thể hiểu một cách nôm na mộc mạc như sau:

Trời đã phú bẩn cho con người bản tính hoàn thiện. bản tính này vừa là bản tính con người, vừa là căn cơ, gốc gác sin đạo đức nhân luân. Trời truyền ta phải theo tính ấy, thực hiện tính ấy, để tiến tới hoàn thiện. Đó là bổn phận con người. Thánh hiền chỉ muốn dạy con người tìm ra được bản tính hoàn thiện ấy, và biết phương pháp thực hiện bản tính ấy.

D. Đạo dã giả bất khả tu du ly dã

Câu này có thể hiểu hai cách: (1) Luật Trời chẳng lìa xa người; (2) Trời chẳng xa người.

1. Luật Trời chẳng hề lìa xa con người, vì nó đã được ghi tạc trong thâm tâm con người.

Đó là nguyên lý đã được cổ nhân khám phá từ lâu. Trung Dung chỉ nhắc lại.

Kinh Thi viết: «Phạt kha, phạt kha, kỳ tắc bất viễn.» 伐 柯 伐 柯 其 則 不 遠 (Đẽo rìu, đẽo rìu, mẫu mực chẳng xa.)[25]

Kinh Thi lại viết: «Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc. Dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức.» [26] 天 生 蒸 民 有 物 有 則 民 之 秉 彝 好 是 懿 德 .

«Trời sinh ra khắp muôn dân,
Vật nào phép nấy, định phân rành rành.
Lòng dân chứa sẵn căn lành,
Nên ưa những cái tinh thành đẹp tươi.»

Khổng Tử khi đọc tới câu Kinh Thi này đã phải khen tác giả bài thơ là người hiểu đạo.[27]

Thánh kinh Công giáo đã nhiều lần long trọng xác nhận rằng luật Trời đã ghi tạc trong thâm tâm con người. Trong Deutéronome, khi truyền mười giới răn cho dân Do Thái, Thiên Chúa phán: «Thực vậy, lề luật mà ta truyền dạy ngươi hôm nay, không có ở ngoài tầm kích ngươi. Nó không có ở trên trời để ngươi phải nói: 'Ai lên trời cho chúng tôi để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và thi hành.' Nó cũng chẳng ở cách trùng dương để ngươi phải nói: 'Ai sẽ vượt biển cả cho chúng tôi để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và thi hành.' Đạo kế bên ngươi, Đạo ở trong miệng, trong lòng ngươi để ngươi có thể đem thực hiện.» [28]

Jérémie viết lại lời Thiên Chúa: «Ta để luật ta trong tầng sâu bản thể chúng, và sẽ viết luật ta trong đáy lòng chúng.» [29]

Về phía các triết gia, ta thấy Emmanuel Kant (1724-1804) viết: «Bầu trời đầy sao trên đầu ta, và định luật luân lý trong lòng ta, đó là hai điều càng ngày càng làm cho tâm hồn ta phải thêm kính phục.» [30]

Johann Gottfried von Herder (1744-1803), một văn gia Đức, cũng chủ trương đại khái rằng khuôn mẫu hoàn thiện chẳng lìa xa con người, đã ghi tạc trong thâm tâm con người. Mẫu người hoàn thiện đã có sẵn trong thâm tâm con người.[31]

2. Trời chẳng xa người

Hơn thế nữa, Trời cũng chẳng lìa xa con người, và đã lồng ngay trong tâm khảm con người. Trung Dung đã dùng cả chương 16 để chứng minh điều ấy. Ta sẽ trở lại vấn đề khi bình chương 16. Đó là niềm tin tưởng của thánh hiền Trung Hoa từ xưa và đã được ghi trong Kinh Thi:

«Chái Tây Bắc góc nhà thanh vắng,

Đừng làm chi đáng để hổ ngươi.

Đừng rằng tăm tối chơi vơi,

Đừng rằng tăm tối ai người thấy ta.

Thần giáng lâm ai mà hay biết,

Nên dám đâu khinh miệt dễ ngươi.» [32]

Kinh Thi cũng viết trong Đại nhã: «Không hiển hiện mà vẫn giáng lâm.»[33]

Có thế mới hiểu vì sao Trung Dung viết: «Cho nên người quân tử e dè đối với cái mình không trông thấy, sợ hãi với cái mình không nghe thấy.»

Các nhà bình giải Trung Dung cũng đã có người hiểu được điều ẩn áo ấy. Trong Trung Dung Hoặc Vấn ta thấy viết: «Người quân tử xưa lúc đứng thấy như Ngài ở trước mặt, lúc đi xe, thấy như Ngài tựa trên thành xe.» [34]

Thiệu Tử viết: «Thần có một và ở khắp nơi, thì cái thần của mình tức là cái thần của trời đất. Vậy nên người quân tử phải thận độc, nghĩa là phải kính cẩn lúc một mình, không lừa dối mình bao giờ.» [35]

Đức Khổng cảm thấy Trời ở trong lòng mình, nên lúc nguy khốn ở đất Khuông, mới xưng mình là vẻ sáng của Thượng Đế, như Văn Vương xưa.[36]

Các bậc đại nho ý hẳn cũng đã lĩnh hội được điều cao nhiệm ấy. Bằng chứng là ngay ở Việt Nam, cụ Nguyễn Đình Chiểu, một vị thạc nho, đã viết trong Ngư Tiều vấn đáp y thuật:

«Có Trời thầm dụ trong lòng,

Tuy ngồi một chỗ, suốt thông trăm đời.» (tr.372)

«Vậy thà theo lẽ an phần,

Trăm năm chờ mạng trong thân có Trời.» (tr.208)

«Lấy lòng tạo hóa làm lòng,

Vậy cho người thế khó trông thấy hình.» (tr.330)

Kinh Thư viết: «Duy thiên thông minh.» [37] Sách Nhật giảng quảng luận câu ấy như sau: «Trời trên tầng cao thăm thẳm, thật chí hư, chí công, chí thần, chí linh. Không cần nghe mà thông biết mọi sự, không cần nhìn mà thấy mọi điều. Chẳng những công cuộc hưng vong của các chính thể, vận hội thịnh suy của các dân tộc không thoát được sự chứng giám của Ngài, mà ngay muốn điều xảy ra trong những căn phòng tối tăm hẻo lánh, mắt thế nhân không dòm hành tới được, thì Trời vẫn thông suốt không sót một mảy may. Ấy Trời thông minh là vậy.» [38]

Suy ra thì nhận thức được rằng trong tâm có Trời là điều kiện tiên quyết để trở nên thánh hiền. Bất kỳ một đại thánh, đại tiên nào cũng đều quả quyết như vậy.

Hán Chung Ly và Lữ Động Tân hỏi Tào Quốc Cữu: «Ông tu luyện ra sao?» Tào Quốc Cữu nói: «Lòng mộ đạo thì lánh trần chứ không có phép chi hết.» Hai tiên hỏi: «Đạo ở đâu mà mộ?» Tào Quốc Cữu chỉ trời. Hai tiên hỏi: «Trời ở đâu?» Tào Quốc Cữu chỉ cái tim,. Hán Chung Ly cười rằng: «Lòng là Trời, Trời là Đạo, đã biết cội rễ, tu chắc thành tiên.» [39]

Ramakrishna viết: «Bao lâu bạn cảm thấy Thượng Đế xa bạn thì bấy lâu bạn còn u tối. Nhưng nếu bạn nhận chân rằng Thượng Đế ở trong bạn, thì bạn đã đạt được sự khôn ngoan thật.» [40]

Sách Gương Phúc viết: «Bao giờ cũng có Thiên Chúa hiện diện trong mình, và không còn ước mơ gì bên ngoài, đó là trạng thái của con người nội tâm.» [41]

Thánh Thérèse d'Avila viết: «Thật là một ân sủng lớn khi Thiên Chúa giúp ta tìm ra Ngài trong lòng ta.» [42]

E. Thị cố quân tử giới thận hồ ... thận kỳ độc dã

Trời đã hiện diện trong tâm, thì còn gì mà có thể che khuất mắt Ngài. Cổ nhân đã nói:

«Nhân gian tư ngữ Thiên văn như lôi,

Ám thất khuy tâm, Thần mục như điện.»

Nếu vậy thì người quân tử sợ hãi, e dè là phải. Sợ hãi, e dè vì tuy tai mắt mình không nghe, không nhìn thấy, nhưng mà Trời vẫn hiển hiện trong tâm, vì các điều bí ẩn trong lòng mình đều phơi bày trước mắt Ngài, như núi Thái Sơn trước ánh dương quang. Cho nên người quân tử phải thận trọng khi ở một mình, luôn phải ăn ở cho hợp thiên lý. Con người đạo hạnh phải luôn soát xét tâm hồn mình, đừng để cho tà dục làm hoen ố, và chỉ không buồn, không sợ, nếu xét thấy lòng mình không có lỗi lầm gì.

Ramakrishna viết: «Con người đạo hạnh thực sự là người không phạm tội khi ở một mình, vì biết rằng Trời thấy mình, mặc dầu không ai thấy mình. Người có thể chống trả lại được sự cám dỗ của một thiếu nữ trẻ đẹp trong khu vườn hoang vắng, khi không ai trông thấy mà chỉ sợ rằng Trời thấy, nên không dám để mắt thèm muốn thiếu nữ ấy, đó là người đạo hạnh thực sự. Người thấy một túi đầy vàng trong một ngôi nhà hẻo lánh, mà chống trả được sự cám dỗ, không chiếm đoạt túi vàng, ấy là người đạo hạnh.» [43]

F. Hỉ nộ ai lạc chi vị phát ... vạn vật dục yên

Trên kia Trung Dung đã luận về Tính, bản thể con người và là cơ cấu nhân luân, nay lại bàn về hai phương diện động tĩnh của Tính ấy.

Bản tính con người khi chưa vận dụng phát huy, thì hoàn toàn thiện mỹ, đến khi biến thiên phát xuất thì gọi là tình. Nếu phát xuất biến thiên theo đúng tiết tấu, thì gọi là hòa.

Nếu ta lấy Trời làm căn bản tâm hồn mình, quyết theo những định luật Trời đã ghi tạc trong thâm tâm mình, nhất tâm tu luyện cho đến mức hoàn thiện, rồi ra sống một cuộc đời khinh khoát luôn hợp tình hợp lý, hợp thời, hợp cảnh để cuối cùng đạt tới mức hoàn thiện, thế là tìm ra được gốc lớn của thiên hạ, và thực hiện đạo cao siêu nhất trong thiên hạ. Nếu mọi người đều thực hiện được đời sống lý tưởng như vậy, âu hẳn nhân loại sẽ sống một thời đại hoàng kim, vạn vật và vũ trụ cũng sẽ có một thời đại hoàng kim...

Trung Dung muốn dạy cho con người có một đời sống đạo hạnh thực sự, lý tưởng thực sự, để giúp đất trời trong công cuộc hóa sinh, đem lại cho vũ trụ sự thái hòa mong mỏi. Chủ trương này cũng giống như chủ trương của Herbert Spencer gần đây. Spencer chủ trương: Vạn vật tiến hóa. Sự tiến hóa của vạn hữu là do sự chuyển động không ngừng của bản thể vũ trụ. Sự chuyển động này làm cho bản thể ấy đi dần dà từ những trạng thái không hoàn bị, đến những trạng thái hoàn bị, để cuối cùng đạt tới thế trung hòa, nhờ

sự hoàn thiện và hạnh phúc của toàn thể.[44] Cho nên điều hay là điều mang lại cho ta và cho người thêm sống động, hạnh phúc và bổn phận mọi người là phải trở nên những người cộng tác minh tri và hữu hiệu vào cuộc tiến hóa tâm thần.[45]

CHÚ THÍCH CỦA CHU HI

右第一章.子思述所傳之意,以立言.首明道之本原出於天,而不可易,其實體備於己,而不可離,次言存養省察之要.終言聖神功化之極.蓋欲學者於此,反求諸身而自得之.以去夫外誘之私,而充其本然之善.楊氏所謂一章之體要是也.其下十章,蓋子思引夫子之言,以終此章之義.

PHIÊN ÂM

Hữu đệ nhất chương. Tử tư thuật sở truyền chi ý, dĩ lập ngôn. Thủ minh đạo chi bản nguyên xuất ư thiên, nhi bất khả dịch, kỳ thực thể bị ư kỷ, nhi bất khả ly, thứ ngôn 'tồn, dưỡng, tỉnh, sát' chi yếu. Chung ngôn 'thánh thần công hóa' chi cực. Cái dục học giả ư thử, phản cầu chư thân nhi tự đắc chi, dĩ khử phù ngoại dụ chi tư, nhi sung kỳ bản nhiên chi thiện. Dương Thị[46] sở vị nhất thiên chi thể yếu thị dã. Kỳ hạ thập chương, cái Tử Tư dẫn Phu Tử chi ngôn, dĩ chung thử chương chi nghĩa.

Chú thích của Chu Hi

Tử Tư nương ý chân truyền,
Trung Dung hạ bút nói liền nguyên do:
Nguồn đạo ấy phát từ Thượng Đế,
Chẳng đổi thay, chẳng thể biến rời.
Hoàn toàn đầy đủ nơi người,
Một giây một phút chẳng rời khỏi ta.
Rồi bàn tiếp chi là cần thiết,
Lẽ 'Dưỡng, Tồn, Tỉnh, Sát' vân vân...
Cuối cùng tác giả luận bàn,
Sức thiêng 'Biến hóa thánh thần' uy linh.
Những học giả muốn tìm đạo ấy,
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai.
Dẹp tan cám dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có, đồng thời khuếch sung.
Theo ý kiến họ Dương bàn định,
Chương đầu này là chính chốt then.
Mười chương sau Tử Tư biên,
Dẫn lời Đức Khổng bàn thêm cho tường.

BÌNH LUẬN

Chu Hi tóm chương đầu như sau:

1. Đạo Trung Dung phát xuất từ Trời, và đã ghi tạc trong thâm tâm con người nên không thể biến dịch.

(Từ «Thiên mệnh chi...» đến «Khả ly phi đạo dã»)

2. Muốn theo đạo Trời phải biết tồn tâm dưỡng tánh, nội quan, nội tỉnh. (Từ «Thị cố quân tử...» đến «Thận kỳ độc dã»)

3. Lúc đạt đạo sẽ lên tới mức cao siêu, biến hóa muôn ngàn, hóa dục vạn vật. (Từ «Hỉ nộ ai lạc...» đến «Vạn vật dục yên»)

Chu Hi cho rằng muốn tìm đạo ấy phải tìm nơi đáy lòng mình, rũ bỏ mọi điều cám dỗ bên ngoài, để phát huy nguồn mạch thánh thiện nơi lòng mình.

Xem thế vì Trung Dung chủ trương một nền nhân văn thiên bản (Humanisme théocratique, ou théocentrique), một nền đạo hạnh thuần túy, nội tại giữa mình với Trời, một nền đạo hạnh sáng suốt cao siêu, vì đòi hỏi một sự suy tư, và minh triết rất sâu sắc.

Tóm lại, Trung Dung muốn dẫn dắt con người lên bậc thánh hiền thật sự.

CHÚ THÍCH

[1] Cận Tư Lục, I, tr.2.

[2] Trung Dung, văn ngôn đối chiếu, tr.3.

[3] Nguyễn Mạnh Bảo, Dịch kinh tân khảo, q.I, tr.119.

Danh ngôn đối chiếu:

[4] Car Dieu a créé l'homme pour une vie éternelle et l'a fait à l'image de sa propre nature. (Livre de la Sagesse, 2,23)

[5] Heureux l'homme qui prend son plaisir dans la loi de Yahweh et médite sa joie nuit et jour. (Psaume, 1.2)

[6] Car ton esprit incorruptible est dans tous (les êtres). (Livre de la Sagesse, 12,1)

[7] Le principe de la sagesse est de craindre le Seigneur; elle et les fidèles sont ensemble créés dans le sein (maternel). (L'Ecclésiastque, 1.14)

[8] Car Dieu est le témoin de ses reins, le véritable scrutateur de son cœur, et il entend ses paroles. (Livre de la Sagesse, 1,6)

[9] Et ton Père qui voit dans le secret, te le revaudra. (Jean, 6,4,6,18)

Danh ngôn đối chiếu:

[10] L'homme en naissant apporte deux tendances avec lui dans ce monde: l'une (vidya = sagesse) qui le pousse à chercher le chemin de sa libération, l'autre (avidya = ignorance) qui l'entraýne vers la vie terrestre et vers l'esclavage. A la naissance, ces deux tendances sont en équilibre comme les deux plateaux d'une balance. Bientôt le monde pose d'un côté ses plaisirs et ses jouissances. Sur l'autre plateau, l'esprit pose alors l'attirance de ses promesses. La balance s'incline du côté d'avidya si l'homme choisit le monde et il se trouve entraýné vers la terre; mais s'il fait l'élection de l'esprit, le plateau de vidya l'élèvera jusqu'à Dieu... (L'Enseignement de Ramakrishna, p.5,6)

[11] Bắc Khê Trần Thị viết: «Tính dữ mệnh phi nhị vật. Tại Thiên vị chi mệnh, tại nhân vị chi Tính. Hựu viết: Tính mệnh chỉ thị nhất cá đạo lý.» 北溪陳氏曰: 性與命非二物在天謂之命在人謂之性又曰:

性 命 只 是 一 箇 道 理 (Trung Dung hoặc vấn, tr.6a)

[12] Cái tại Thiên, tại nhân, tuy hữu tính mệnh chi phân, nhi kỳ lý tắc vị thường bất nhất. 蓋 在 天 在 人 雖 有 性 命 之 分 而 其 理 則 未 嘗 不 一 (Trung Dung hoặc vấn, tr.6a)

[13] Trương Tử viết: «Thiên thụ ư nhân tắc vi mệnh; nhân thụ ư thiên tắc vi tính.» 張 子 曰: 天 授 於 人 則 為 命;人 受 於 天 則 為 性 (Wieger, Textes philosophiques, II, p.191-192)

[14] Ngô Thảo Lư viết: «Đạo dã, lý dã, thành dã, Thiên dã, Đế dã, Thần dã, Mệnh dã, Tính dã, Đức dã, Thái Cực dã, danh tuy bất đồng, kỳ thực nhất dã. 道 也. 理 也. 誠 也. 天 也. 帝 也. 神 也. 命 也. 性 也. 德 也. 太 極 也. 名 雖 不 同 其 實 一 也. (Tống Nguyên Học Án, q.12, tr.8)

- Đọc thêm «Vấn đề thiên mạng» trong: Giản Chi & Nguyễn Hiến Lê, Đại Cương Tiết Học Trung Quốc, q. Hạ, tr. 37.

[15] Pierre 1,4: «... mà trở nên người dự phần bản tính Đức Chúa Trời.»

[16] 命 He (Chu Hsi) defines by 令, to command, to order. (J. Legge, The Doctrine of the Mean, p. 385, notes)

[17] C'est la destinée de l'homme d'aspirer à l'absolu. (Lucien Goldmann, La communauté humaine et l'univers chez Kant, p.136)

[18] Il existe dans l'homme un principe qui le pousse à aspirer sans cesse vers un état plus élevé, qualitativement différent de son état actuel et c'est par cela seulement qu'il peut accomplir sa vraie destinée. (Ibid., p.134)

[19] Nous trouvons chez Kant un très grand nombre d'expression pour désigner l'inconditionné: le supra-sensible, le souverain bien, la totalité, l'Universitas, le noumène, la chose en soi, l'intellect archétype, la volonté sainte, l'entendement intuitif ou créateur. (Ibid., p.137)

[20] Cái sở vị Tính giả vô nhất lý chi bất cụ. 蓋 所 謂 性 者 無 一 理 之 不 具 (Trung Dung Hoặc Vấn, tr. 7a)

[21] Thử ngô chi Tính sở dĩ thuần túy chí thiện. 此 吾 之 性 所 以 純 粹 至 善 (Ibid., tr.6a)

[22] Nhân tính chi thiện dã. 人 性 之 善 也 (Mạnh Tử, Cáo Tử [thượng-2])

[23] Cf. Từ Nguyên, nơi chữ Tính Thiên.

[24] L'homme psychique n'accueille pas ce qui est de l'Esprit de Dieu... L'homme spirituel juge de tout et ne relève lui-même du jugement de personne. (I Cor. 2,14-15; Bible de Jérusalem)

... S'il y a un corps psychique, il y a aussi un corps spirituel. Le premier homme issu du sol est terrestre, le second homme lui vient du ciel... Et de même que nous avons revêtu l'image du terrestre, il nous faut revêtir aussi l'image du céleste. (I Romains, 15, 44-49; Bible de Jérusalem)

... Ce sont eux qui créent des divisions, ces êtres 'psychiques' qui n'ont pas d'esprit. (Épitre de St. Jude, 19; Bible de Jérusalem)

[25] Kinh Thi, Bân phong, phạt kha thiên.

[26] Kinh Thi, Chưng dân.

[27] Khổng Tử viết: «Vi thử thi giả, kỳ tri đạo hồ.» 孔 子 曰: 為 此 詩 者 其 知 道 乎 (Mạnh Tử, Cáo Tử

[thượng-7])

[28] Car cette loi que je te prescris aujourd'hui n'est pas au-delà de tes moyens ni hors de ton atteinte. Elle n'est pas dans les cieux, qu'il te faille dire: 'Qui montera pour nous aux cieux nous la chercher, que nous l'entendions pour la mettre en pratique?' Elle n'est pas au-delà des mers, qu'il te faille dire: 'Qui ira pour nous au-delà des mers nous la chercher, que nous l'entendions pour la mettre en pratique?' Car la Parole est tout près de toi, elle est dans ta bouche et dans ton cœur pour que tu la mettes en pratique. (Deutéronome, 30,11-14)

[29] Je mettrai ma Loi au fond de leur être et je l'écrirai sur leur cœur. (Jérémie, 31; 33-34)

[30] Le ciel étoilé au-dessus de nos têtes, dit Kant, et la loi morale au-dedans de nos cœurs, deux choses qui remplissent l'âme d'une admiration toujours croissante. (P. Ch. Lahr, S.J., Morale, p.486)

[31] Le but d'une chose qui n'est pas simplement un moyen sans vie doit nécessairement se trouver en elle-même. Si nous étions créés pour, de même que la boussole se dirige vers le nord, tendre vers un effort éternellement vain en un point de perfection en dehors de nous que nous ne pourrions jamais atteindre, nous serions fondés, à titre de machines aveugles, à plaindre non seulement nous, mais l'être même qui nous aurait condamné à un destin de Tantale, en créant notre espèce uniquement pour le plaisir de ses yeux, plains de malignité et indigne d'un dieu.

Mais par bonheur, la nature des choses ne nous enseigne pas cette hypothèse fausse; si nous considérons l'humanité telle que nous la connaissons d'après les lois qu'elle porte en elle, nous ne connaissons rien de plus haut que l'humanité idéale en l'homme: car même quand nous imagnons des anges ou des dieu nous les représentons seulement comme des hommes idéaux supérieurs. (Herder, Idées pour la philosophie de l'histoire de l'humanité, p.269-271)

[32] Tướng tại nhĩ thất, thượng bất quí vu ốc lậu. Vô viết bất hiển mạc dư vân cẩu. Thần chi cách tư bất khả đạc tư. Thần khả dịch tư. (Mao Thi. Đại nhã ức thiên)

[33] Bất hiển diệc lâm, vô xạ diệc bảo. 不 顯 亦 臨 無 射 亦 保 (Đại Nhã, tư trai tứ chương, chương lục cú)

[34] Cổ chi quân tử lập tắc kiến kỳ tham ư tiền, tại dư tắc kiến kỳ ỷ ư hành. 古 之 君 子 立 則 見 其 參 於 前 在 輿 則 見 其 倚 於 衡 (Sđd., tr.22a)

[35] Trần Trọng Kim, Nho giáo, q.2, p.113)

[36] Luận Ngữ, Tử Hãn, 9-5.

[37] Kinh Thư, Duyệt mệnh, hạ.

[38] Notitiæ sinicæ, tr.168: Duy thiên cao cao tại thượng, chí hư, chí công, chí thần, chí linh, bất dụng thính nhi thông vô bất văn, bất nhu thị nhi minh vô bất kiến, bất duy chính lệnh chi đắc thất, dân sinh chi hưu thích, cử bất năng đào Thiên chi giám, tức ám thất ốc lậu chi trung, bất đổ bất văn chi địa, diệc giai chiêu nhiên sát vô di yên. Thiên chi thông minh như thử. 惟 天 高 高 在 上, 至 虛, 至 公, 至 神, 至 靈, 不 用 聽 而 聰 無 不 聞, 不 需 視 而 明 無 不 見, 不 惟 正 令 之 得 失, 民 生 之 休 戚, 舉 不 能 逃 天 之 鑒, 即 暗 室 屋 漏 之 中, 不 睹 不 聞 之 地, 亦 皆 昭 然 察 無 遺 焉. 天 之 聰 明 如 此.

[39] Đông Du Bát Tiên, q. 4, tr.52.

[40] Tant que vous sentez Dieu loin de vous et extérieurement, vous avez l'ignorance, mais quand vous

réalisez Dieu intérieurement, vous arrivez à la vraie sagesse. (L'Enseignement de Ramakrishna, p.403)

[41] L'imitation de Jésus Christ, ch. 6, p.4.

[42] ... C'est une grande grâce que Dieu nous fait, quand il nous aide à le chercher dans notre intérieur. (Ste. Thérèse d'Avila, cité par Illan de Casca Fuerte, Le Religion essentielle, p.167)

[43] Ibid., p.143-144.

[44] L'évolutionisme explique la formation et le progrès des êtres par un mouvement continu de la substance cosmique qui la fait passer graduellement du moins parfait au plus parfait, pour aboutir à cet équibre final résultant de la perfection et du bonheur de l'ensemble (Ch. Lahr, S.J., Morale, p.534)

[45] L'acte bon, dit Herbert Spencer, est l'acte utile à l'évolution c'est-à-dire à l'accroissement de la vie et du bonheur en nous et dans les autres, et le devoir peut se formuler: sois un agent conscient et volontaire de l'évolution morale. (Ibid., p.534)

[46] Dương thị phải chăng là Dương Tử Vân 楊 子 雲 một danh nho đời Hán?

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 2

TRUNG DUNG LÀ ĐẠO CỦA QUÂN TỬ

第 二 章

仲 尼 曰: 君 子 中 庸; 小 人 反 中 庸. 君 子 之 中 庸 也, 君 子 而 時 中;小 人 之 中 庸 也, 小 人 而 無 忌 憚 也.

PHIÊN ÂM

Trọng Ni viết: «Quân tử Trung Dung; tiểu nhân phản Trung Dung. Quân Tử chi Trung Dung dã, quân tử nhi thời trung; tiểu nhân chi phản Trung Dung dã, tiểu nhân nhi vô kỵ đạn dã.»

CHÚ THÍCH

1. Từ thời Khổng tử về trước, người quân tử là người có địa vị cao, hào hoa phú quí. Trái lại, Khổng tử gọi người đạo đức, đức hạnh là người quân tử. Con người tiểu nhân là người vô đạo bất lương. (Khổng Tử dĩ tiền sở xưng đích quân tử, thị chỉ tại thượng vị, đãn phú quí đích nhân. Khổng Tử tắc dĩ xưng hữu đạo đức đích nhân. Hòa bất đạo đức, đích tiểu nhân tương đối trĩ. (Trung Dung văn ngôn đối chiếu, tr.3)

2. Quân tử theo được đạo Trung hòa, Tiểu nhân thì không. Quân tử lúc nào tình ý cũng trúng tiết hợp lẽ, còn tiểu nhân thì không còn biết kiêng dè e nể cái gì vì lương tâm đã táng tận. (Trung Dung văn ngôn đối chiếu, tr.4)

DỊCH CHƯƠNG 2

Thiên đạo: lối đường quân tử

Đức Khổng nói:

Người quân tử Trung Dung một đạo,

Kẻ tiểu nhân trở tráo Trung Dung.[1]

Trung Dung quân tử thời thường,

Phản Trung Dung ấy là phường tiểu nhân.

Tiểu nhân chẳng thẹn chẳng cần,

Chẳng còn sợ hãi, lần khân tháng ngày.[2]

BÌNH LUẬN

Từ thời Khổng Tử về trước, người quân tử là người có địa vị cao, hào hoa phú quý. Trái lại, Khổng Tử gọi người đức hạnh là người quân tử còn người tiểu nhân là kẻ vô đạo, bất lương.[3]

Quân tử và tiểu nhân là một đề tài rất quan trọng trong Nho giáo, và được Tứ Thư đề cập nhiều lần. Trần Trọng Kim đã bình luận rất nhiều về quân tử và tiểu nhân trong Nho giáo, quyển I, tr.105-117.

Ta tóm tắt:

a. Quân tử

- Biết mục đích sang cả của đời mình.[4]

- Có hoài bão cao đẹp, luôn luôn hướng thượng.[5]

- Cố tu đạo, theo đạo.[6]

- Đi theo nhân nghĩa, không ham danh lợi.[7]

- Lo hoàn thiện mình.[8]

- Sáng suốt, ham học, thức thời.[9]

- Nói ít, làm nhiều.[10]

- Thương yêu mọi người.[11]

- Lúc nào cũng ung dung thư thái.[12]

- Lúc nguy cơ vẫn bình tĩnh.[13]

Tóm lại người quân tử luôn trau dồi tâm thần,[14] «ở thì ở chỗ quảng đại của thiên hạ, đứng thì đứng vào địa vị chính đáng của thiên hạ, đi thì đi trên con đường lớn của thiên hạ, đắc chí thì cùng với nhân dân noi theo đạo nghĩa, không đắc chí thì một mình thực hành đạo nghĩa. Giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo hèn không thay đổi lòng, vũ lực không khuất phục được chí lớn. Như thế mới là đại trượng phu.» [15]

Đó là người quân tử mà Vương Dương Minh đã phác họa như sau: «Người quân tử lấy trung tín làm lợi, lấy lễ nghĩa làm phúc. Nếu trung tín lễ nghĩa mà không còn, thì tuy lộc có muôn chung, tước đến vương hầu, cái quý ấy người quân tử vẫn cho là họa với hại.» [16]

Đó là người quân tử mà Kinh Thi đã khen bằng những vần thơ:

«Kìa xem bên khuỷu sông Kỳ,
Tre non mới mọc xanh rì vườn ai.
Người sao văn vẻ hỡi người,
Dường như cắt đánh dũa mài bấy nay.
Lẫm liệt thay, rực rỡ thay,
Hỡi người quân tử biết ngày nào quên.» [17]

b. Tiểu nhân

Tiểu nhân thì trái lại:

- Lý tưởng của họ là lợi và dục,[18] mặc tình cho vật dục và ngoại cảnh khiên dẫn, không kể đến việc sa đọa.[19]

- Tiểu nhân chỉ cần bề ngoài, cần hư danh, miễn sao che mắt thế gian được là đủ, còn trong dạ xấu xa gian ác thế nào thì chẳng sao.[20]

- Họ thường hợm hĩnh kiêu căng, nhưng lòng dạ chẳng bao giờ được an vui.[21]

- Họ thích a dua bè đảng.[22]

- Họ sẵn sàng hại người để đạt ý mình.[23]

Tóm lại, tiểu nhân chỉ lo trau giồi những phần thấp kém trong người, vì thế gọi là tiểu nhân.[24] Họ hoàn toàn phóng ngoại, hoàn toàn xao lãng phần tâm thần, và đi theo con đường bất nhân.[25]

Ta có thể mượn lời Ramakrishna để kết thúc phần bình luận quân tử và tiểu nhân: «Con người sinh ra mang theo hai khuynh hướng: một là giác, khuynh hướng này thúc đẩy họ đi tìm con đường giải thoát; hai là mê, khuynh hướng này thúc đẩy họ lăn vào đời sống trần hoàn và nô lệ. Lúc mới sinh ra thì hai khuynh hướng cân bằng như hai đĩa cân. Thế rồi trần tục đặt lên một đĩa cân những thú vui thế tạm. Còn bên đĩa cân kia Trời đặt lên những hứa hẹn người. Nếu đĩa cân nghiêng về hướng mê, thì con người sẽ chọn trần tục và sẽ bị luôi cuốn về vật chất thế tục; nếu con người chọn tinh thần thì đĩa cân giác ngộ sẽ nâng họ lên tới Thượng Đế.» [26]

Thời Trung

Có thể hiểu theo hai cách:

1. Người quân tử không bao giờ rời bỏ lý tưởng hoàn thiện.

2. Người quân tử tỏ ra biết thích ứng với hoàn cảnh.

Muốn hiểu chữ thời trung cho phải, thiết tưởng phải phân biệt tiến hóa (évolution) và thích ứng (adaptation). Phân biệt thế, ta thấy ngay rằng người quân tử không bao giờ được dừng bước trên con đường tiến hóa, nhưng cũng phải luôn luôn thích ứng với hoàn cảnh.

Nói cách khác, có kinh nhưng cũng có quyền. Những kẻ khư khư cứng cỏi, cố chấp một chiều là những người thấp kém.

Người theo đạo Trung Dung tuy không bao giờ rời bỏ lý tưởng hoàn thiện, nhưng bao giờ cũng tỏ ra thích thời, lúc đáng làm sao thì làm vậy, hết sức linh động uyển chuyển. Nghĩa là làm việc gì, làm trường hợp nào, cũng cư xử cho hết sức hẳn hoi, tốt đẹp, không thẹn với người, với lương tâm, với trời đất.

Đức Khổng đã tỏ ra hết sức linh động, luôn cư xử đúng với hoàn cảnh. «Khi ra khỏi nước Tề, gạo vừa vo xong chưa kịp nấu chín, thế mà ngài tiếp lấy và vội vã ra đi. Khi ra khỏi nước Lỗ, ngài rằng: 'Ta đi chầm chậm vậy thôi ! Đó là buộc lòng rời đất nước của cha mẹ vậy. Lúc cần đi gấp thì ngài đi gấp. Lúc cần ở lâu thì ngài ở lâu. Khi nên lui về ẩn thì ngài lui về ẩn. Khi nên ra làm quan thì ngài ra làm quan. Đó là phong độ của đức Khổng vậy.» ... Vì thế mà Mạnh Tử gọi Khổng Tử là 'Thánh chi thời dã.» [27]

Thế là «tùy thời biến dịch nhi tòng đạo dã».

Chữ thời có nhiều nghĩa:

- Thời gian thông thường, hoặc thời tiết (temps sidéral et temps climatérique).

- Thời thế (temps historique).

- Tuổi tác (temps biologique).

- Thời gian tâm lý (temps psychologique).

tất cả hành động của mình phải lo sao cho hợp với mọi thứ thời gian đó.

CHÚ THÍCH

Danh ngôn đối chiếu:

[1] Khổng tử viết đạo nhị: nhân dữ bất nhân nhi dĩ hĩ. (Mạnh Tử, Ly Lâu [thượng-2])

Les deux voies:

Heureux est l'homme, celui-là

qui ne va pas au conseil des impies,

Ni dans la voie des égarés ne s'arrête,

Ni au banc des rieurs ne s'assied,

Mais se plaît dans la loi de Yahve,

Mais murmure sa loi jour et nuit !

(Psaume 1-1,2; La Bible de Jérusalem, p.654)

[2] L'insensé dit en son cœur:

Plus de Dieu ! Corrompues, abdominables leurs notions...

(Psaume 14-13, 1; La Bible de Jérusalem, p.663)

[3] Trung Dung văn ngôn đối chiếu, tr.3.

[4] Luận Ngữ, Nghiêu viết (ch.20), # 3. (ghi dấu # 3 là câu 3)

[5] Luận Ngữ, Hiến vấn (ch.14), # 24.

[6] Luận Ngữ, Lý nhân (ch.4), # 9.

[7] Luận Ngữ, Lý nhân (ch.4), # 16; Vệ Linh Công (ch.15), # 17, 20. Trung Dung, ch.11.

[8] Luận Ngữ, Vệ Linh Công, # 17, 20. Trung Dung, ch.14, 20.

[9] Luận Ngữ, Ung dã (ch.6), # 25; Lý nhân, # 10. Trung Dung, ch.20.

[10] Luận Ngữ, Lý nhân (ch.4), # 22.

[11] Luận Ngữ, Nhan Uyên (ch.12), # 15.

[12] Luận Ngữ, Thuật nhi (ch.7), # 36.

[13] Luận Ngữ, Vệ Linh Công (ch.15), # 1.

[14] Manh Tử, Cáo Tử, thượng-15.

[15] Mạnh Tử, Đằng Văn Công, hạ-2.

[16] Tạp chí Quê Hương, số 5, tháng 11-1959, tr.9.

[17] Tản Đà dịch, Kinh Thi, tr.168. - Đại Học, ch.3. - Kinh Thi, Vệ nhất chi ngũ, Kỳ úc.

[18] Quân Tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi. (LN, Lý nhân, # 16)

[19] Tiểu nhân hạ đạt. (Luận Ngữ, Hiến vấn, ch.14)

[20] Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân. (Luận Ngữ, Vệ Linh Công, ch.14, # 20)

[21] Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái. (Luận Ngữ, Tử Lộ, ch.13, # 26)

[22] Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa. (Luận Ngữ, Tử Lộ, ch.13, # 23)

[23] Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác. Tiểu nhân phản thị. (Luận Ngữ, Nhan Uyên, ch.12, # 15). - Tiểu nhân chi sử vi quốc gia, tai hại tịnh chí. (Đại Học, ch.10)

[24] Mạnh Tử, Cáo Tử, thượng-15.

[25] Khổng Tử viết: Đạo nhị nhân dữ bất nhân nhi dĩ hĩ. (Mạnh Tử, Ly Lâu, thượng-2)

[26] L'Enseignement de Ramakrishna, p.5,6.

L'homme en naissant apporte deux tendances avec lui dans ce monde: l'une (vidya = sagesse) qui le pousse à chercher le chemin de sa libération, l'autre (avidya = ignorance) qui l'entraîne vers la vie terrestre et vers l'escalavage. A la naissance, ces deux tendances sont en équilibre comme les deux plateaux d'une balance. Bientôt le monde pose d'un côté ses plaisirs et ses jouissances. Sur l'autre plateau, l'esprit pose alors l'attirance de ses promesses. La balance s'incline du côté d'avidya si l'homme choisit le monde et il se trouve entraýné vers la terre; mais s'il fait l'élection de l'esprit, le plateau de vidya l'élèvera jusqu'à Dieu...

- Thể hữu quý tiện, hữu tiểu đại. Vô dĩ tiểu hại đại. Vô dĩ tiện hại quý. Dưỡng kỳ tiểu vi tiểu nhân. Dưỡng kỳ đại vi đại nhân. 體 有 貴 賤, 有 小 大. 無 以 小 害 大, 無 以 賤 害 貴. 養 其 小 者 為 小 人. 養 其 大 者 為 大 人. Mạnh Tử, Cáo Tử, thượng-1.

[27] Mạnh Tử, Vạn Chương, hạ-1: Khổng Tử chi khứ Tề, tiếp tích nhi hành. Khứ Lỗ viết: Trì trì ngô hành dã. Khứ phụ mẫu quốc chi đạo dã. Khả dĩ tốc nhi tốc; khả dĩ cửu nhi cửu; khả dĩ xử nhi xử; khả dĩ sĩ nhi sĩ. Khổng Tử dã. 孔 子 之 去 齊, 接 淅 而 行. 去 魯 曰: 遲 遲 吾 行 也. 去 父 母 國 之 道 也. 可 以 速 而 速;可 以 久 而 久;可 以 處 而 處;可 以 仕 而 仕 孔 子 也.

- Luận Ngữ, Hương đảng (ch.10), # 18: Sắc tư cử hĩ, tường nhi hậu tập. Viết: Sơn lương thư trĩ, thời tai! Tử Lộ củng chi, tam khứu nhi tác. 色 斯 舉 矣, 翔 而 厚 集 曰: 山 梁 雌 雉 時 哉 子 路 拱 之 三 嗅 而.

- Luận Ngữ, Thái Bá (ch.8), # 14: Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư. Thiên hạ hữu đạo tắc hiện; vô đạo tắc ẩn. 作 危 邦 不 入, 亂 邦 不 居 天 下 有 道 則 現; 無 道 則 隱.

- Luận Ngữ, Vệ Linh Công (ch.15), # 6: Bang hữu đạo tắc sĩ; bang vô đạo tắc khả quyển nhi hoài chi. 邦 有 道 則 仕;邦 無 道 則 可 卷 而 懷 之.

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 3

ĐẠO TRUNG DUNG CAO SIÊU

第 三 章

子 曰: 中 庸 其 至 矣 乎! 民 鮮 能 ,久 矣 .

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Trung Dung kỳ chí hĩ hồ! Dân tiển năng, cửu hĩ.»

CHÚ THÍCH

- Chí 至 = cao siêu

- Tiển 鮮 = ít hiếm

Danh ngôn đối chiếu:

Mạnh Tử vị Cao Tử viết: «Sơn kính chi khê gian, giới nhiên dụng chi, nhi thành lộ. Vi gián bất dụng, tắc mao tắc chi hĩ. Kim mao tắc tử chi tâm hĩ!» 孟 子 謂 高 子 曰: 山 徑 之 溪 間, 介 然 用 之, 而 成 路. 為 間 不 用, 則 茅 塞 之 矣. 今 茅 塞 子 之 心 矣. (Mạnh Tử nói với Cao Tử rằng: Trong núi, nếu người ta vạch một lối mà đi, đi lại thường thường thì lối ấy thành ra một cái lộ. Nếu bằng một thời gian người ta chẳng dùng lộ ấy thì cỏ lau sẽ làm nó bế tắc đi vậy. Hiện nay lòng dạ ngươi đã bị cỏ lau bế tắc hết rồi.) Mạnh Tư, Tận tâm, hạ-21, tr.266.

DỊCH CHƯƠNG 3

Thiên đạo khó

Đức Khổng nói:

Đạo Trung Dung cao siêu toàn mỹ

Theo Trung Dung hồ dễ mấy ai.[1]

BÌNH LUẬN

Xem bình luận chung các chương 3, 4, 5 ở cuối chương 5.

CHÚ THÍCH

Danh ngôn đối chiếu:

[1] La hauteur du ciel et la largeur de la terre

L'abîme et la Sagesse qui peut les pénétrer.

(Ecclésiastique, I, 3; Bible Crampon)

Des cieux Yahvé se penche

Vers les fils d'Adam

pour voir s'il en est de sensé,

Un qui cherche Dieu.

Tous ils sont dévoyés,

Ensemble pervertis.

Plus d'honnête homme

Plus un seul.

(Psaume 14 [13], 2,3; La Bible de Jérusalem, p.663)

- Lăng Nghiêm vân: Nhất nhân phát chân qui nguyên, thập phương hư không tất giai tiêu vẫn. Nhi Trung Dung dĩ hỉ nộ ai lạc vị phát vi trung. Ký nhi viết: Trí "Trung" tắc thiên địa vị. Hội thông Nho, Thích giả, vị Trung tức Chân nguyên dã. 楞 嚴 云: 一 人 發 真 歸 元, 十 方 虛 空 悉 皆 消 殞. 而 中 庸 以 喜 怒 哀 樂 未 發 為 中. 既 而 曰: 致 中 則 天 地 位. 會 通 儒 釋 者 謂 中 即 真 元 也 (Phát chân qui nguyên, Trúc song tùy bút, tr.36)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 4

TRUNG DUNG LÀ ĐẠO CỦA THÁNH HIỀN, KHÔNG PHẢI LÀ ĐẠO CỦA PHÀM PHU TỤC TỬ

第 四 章

子 曰: 道 之 不 行 也, 我 知 之 矣 .知 者 過 之; 愚 者 不 及 也. 道 之 不 明 也, 我 知 之 矣. 賢 者 過 之; 不 肖 者 不 及 也. 人 莫 不 飲 食 也, 鮮 能 知 味 也 .

PHIÊN ÂM

Tử viết: Đạo chi bất hành dã, ngã tri chi hĩ. Trí giả quá chi; ngu giả bất cập dã. Đạo chi bất minh dã, ngã tri chi hĩ. Hiền giả quá chi; bất tiếu giả bất cập dã. Nhân mạc bất ẩm thực dã, tiển năng tri vị dã.

CHÚ THÍCH

- Trí giả hiền giả 智 者 賢 者 = Legge cho rằng phải hiểu là những người tự cho mình là trí là hiền không học Trung Dung vì cho rằng Trung Dung không đủ cao siêu cho họ học. (智 者 and 賢 者 are not to be understood as meaning the truly wise and the truly worthy, but only those who in the degenerate time of Confucius seemed to be such. The former thought the course of the Mean not worth their study, and the latter thought it not sufficiently exalted for their practice.) James Legge, The Doctrine of the Mean, p.387.

- Bất tiếu 不 肖 = người ngu xuẩn, đối ngược với người hiền (dégénéré)

Danh ngôn đối chiếu:

Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành.

吾 言 甚 易 知 甚 易 行

Thiên hạ mạc năng tri mạc năng hành.

天 下 莫 能 知 莫 能 行

Ngôn hữu tông, sự hữu quân.

言 有 宗 事 有 君

Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri.

夫 唯 無 知 是 以 不 我 知

Tri ngã giả hi, tắc ngã giả quí.

知 我 者 希 則 我 者 貴

Thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc.

是 以 聖 人 被 褐 懷 玉

(Đạo Đức Kinh, ch.70)

Dịch:

Lời ta dễ biết dễ làm,

Nhưng mà thiên hạ chẳng am chẳng tường.

Lời ta nói có chủ trương,

Việc ta vốn có lối đường chốt then.

Nhưng mà tục tử ngu hèn,

Hiểu ta chẳng nổi, chuyện xem thường tình

Hiểu ta mấy bậc tinh anh,

Ít người hiểu nổi, nên danh càng lừng.

Xưa nay các bậc thánh nhân,

Ngọc tàng dưới lớp áo quần xác xơ.

DỊCH CHƯƠNG 4

Thiên đạo khó theo, khó hiểu

Đức Khổng nói:

Ta biết đạo Trung Dung theo rất khó

Người sắc sảo quá trớn chân đi lỡ,

Kẻ ngu đần chậm chạp khó khuôn theo.

Ta biết đời chẳng hiểu đạo cao siêu

Người hiền đức ỷ mình không suy xét,

Kẻ ngu si trông vào thì mù mịt,

Uống ăn kia ai cũng lấy làm thường,

Nhưng mấy ai sành mùi vị tinh tươm.[1]

BÌNH LUẬN

Xem bình luận chung các chương 3, 4, 5 ở cuối chương 5.

CHÚ THÍCH

Danh ngôn đối chiếu:

[1] Mon fils! dès ta jeunesse choisis l'instruction

et jusqu'à tes cheveux blancs tu trouveras la Sagesse.

Comme le laboureur et le semeur, cultive-la

et compte sur ses fruits excellents.

Car tu peineras quelque temps à la cultiver

Mais bientôt tu mangeras de ses produits.

Elle est fort rude aux ignorants

et l'homme court de sens ne s'y attache pas.

Elle pèsera sur lui comme une lourde pierre,

et il ne tardera pas à la rejeter.

Car la Sagesse mérite bien son nom,

elle n'est pas accessible au grand nombre.

(L'Ecclésiaste 6-18-23, La Bible de Jérusalem, p.900-901)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

Chương 5

ÍT NGƯỜI THEO ĐƯỢC ĐẠO TRUNG DUNG

第 五 章

子 曰: 道 其 不 行 矣 夫.

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Đạo kỳ bất hành hĩ phù.»

CHÚ THÍCH

A. Mượn lời Chu Hi

Chu Tử viết: «Tự thánh học bất truyền, vi sĩ giả bất tri học chi hữu bản nhi sở dĩ cầu ư thư bất việt hồ ký tụng huấn hỗ văn từ chi gian. Thị dĩ thiên hạ chi thư dũ đa nhi lý dũ muội, học giả chi sự dũ cần nhi tâm dũ phóng, từ chương dũ lệ, nghị luận dũ cao nhi kỳ đức nghiệp, sự công chi thực dũ vô.» (Tứ thư tiết yếu, tr.7. Tựa)

朱 子 曰: 自 聖 學 不 傳, 為 士 者 不 知 學 之 有 本而 所 以 求 於 書 不 越 乎 記 誦 訓 詁 文 詞 之 間. 是 以 天 下 之 書 愈 多 而 理 愈 昧, 學 者 之 事 愈 勤 而 心 愈 放 ,詞 章 愈 麗, 議 論 愈 高 而 其 德 業, 事 功 之 實 愈 無.

(Chu Tử nói: Từ khi phép học để nên thánh hiền không truyền tụng, các học giả không biết lý do của sự học mà học chỉ học từ chương, học chú thích, học thuộc lòng. Do đó sách vở ngày một nhiều mà nghĩa lý ngày một mờ tối, học hành ngày một vất vả mà tâm hồn ngày một phóng túng, văn chương ngày một hay, nghị luận ngày một cao, mà thực hành trau dồi đức độ thì ngày một hết.)

B. Mượn lời Trương thị

Tục nho dụng công quá cần nhi muội ư đạo, dị đoan ngụ ý cao viễn nhi ly hồ trung. 俗 儒 用 功 過 勤 而 昧 於 道, 異 端 寓 意 高 遠 而 離 乎 中(Tục nho thực là vất vả mà chẳng hiểu đạo lý; tin dị đoan, ý nghĩa viễn vông mà quên mất đường ngay chính.) (ibidem)

DỊCH CHƯƠNG 5

Đức Khổng nói: Đạo khó theo, đạo theo là khó,

Ở trên đời ít có ai theo.[1]

BÌNH LUẬN

Bình luận các chương 3, 4, 5:

Ba chương này ý nói đạo Trung Dung:

(1) Cao siêu; (2) Khó biết; (3) Khó hiểu.

1. Cao siêu

Đạo Trung Dung cao siêu toàn mỹ vì nó chỉ vẽ cho con người con đường hoàn thiện, con đường hiền thánh, con đường phối thiên.

Chu Hi cho rằng Trung Dung là đạo thống tương truyền của thần thánh thay Trời lập cực từ thượng cổ.[2]

Trương Hoành Cừ nói: «Người theo đạo Nho sẽ từ chỗ minh triết tiến tới toàn thiện, rồi lại từ chỗ toàn thiện tiến tới chỗ minh triết hoàn toàn. Cho nên Thiên nhân hợp nhất là tuyệt đỉnh của sự học vấn và như vậy con người có thể thành thánh...» [3]

Trung Dung dạy con người đạt thiên đức,[4] lấy Trời làm tiêu chuẩn cho con người, lấy thiên tính, thiên đạo làm mức tới cho con người. Chủ trương này tương tự như chủ trương của Âm Phù Kinh.[5]

2. Khó biết

Khó biết vì đạo ở trong mà cứ tìm kiếm bên ngoài; đạo ở gần mà cứ kiếm ở xa.[6] Dân gian ai cũng nói Trung Dung mà chẳng ai hiểu Trung Dung là gì. Đã không biết sao có thể hành đạo được? Trung Dung và Mạnh Tử đều nói: Bất minh hồ thiện, bất thành kỳ thân hĩ. 不 明 乎 善, 不 誠 其 身 矣.[7]

Chu Tử viết: «Từ khi phép học để nên thánh hiền không truyền tụng, các học giả không biết lý do của sự học mà học chỉ học từ chương, học chú thích, học thuộc lòng. Do đó sách vở ngày một nhiều mà nghĩa lý ngày một mờ tối, học hành ngày một vất vả mà tâm hồn ngày một phóng túng, văn chương ngày một hay, nghị luận ngày một cao, mà thực hành trau dồi đức độ thì ngày một hết.» [8]

3. Khó theo

Khó theo vì:

- Trung Dung đòi hỏi một niềm tin sâu xa về Thượng Đế.

- Trung Dung đòi hỏi một đời sống nội tâm dồi dào, cao siêu, toàn hảo.

- Trung Dung đòi hỏi một trí tuệ khác thường, và một sự suy tư thấu triệt.

- Chỉ có thánh nhân mới thung dung Trung đạo.[9]

- Có cực cao minh mới lên tới Trung Dung.[10]

- Trời chỉ ban đạo ấy cho người có đại đức.[11]

- Chính đức Khổng cũng không tìm được người Trung mà truyền đạo, nên phải chọn ra những người ở hạng dưới, tức là hạng cuồng (kẻ sĩ có chí tiến thủ), và hạng quyến (kẻ sĩ giữ bền khí tiết).[12]

Lời đối thoại giữa Côn Tôn Sửu và Mạnh Tử cho ta thấy điều ấy.

Công Tôn Sửu nói: «Đạo ngài thời cao thật, đẹp thật, nhưng y như lên Trời, tưởng chừng không sao đạt tới được. Sao ngài chẳng hạ thấp xuống cho vừa sức người, để họ hằng ngày ra công học tập.»

Mạnh Tử đáp: «Người thợ khéo không vì người thợ vụng mà bỏ thằng, mặc. Chàng Nghệ không vì kẻ bắn dở mà thay đổi phép dương cung. Người quân tử dạy dương cung, nhưng không bắn hộ... Lập ra Trung đạo, ai có sức thì theo...» [13]

CHÚ THÍCH

Danh ngôn đối chiếu:

[1] Sauve Yahvé ! Il n'est plus de saints.

La vérité a disparu parmi les hommes.

Psaume 12 (11), 2. La Bible de Jérusalem, p.662.

[2] Chu Tử nhận Trung Dung vi thượng cổ thần thánh kế Thiên lập cực sở truyền chi đạo thống. 朱子認中庸為上古神聖繼天立極所傳之道統.

(Hồ Hoài Thâm, Trung Quốc Tiên Hiền học thuyết, p.66)

[3] Nho gia tắc nhân minh trí thành, nhân thành trí minh. Cố Thiên nhân hợp nhất trí học nhi khả dĩ thành thánh. 儒家則因明致誠因誠致明故天人合一致學而可以成聖 (Tống Nguyên học án, q.17, tr.55)

[4] Cẩu bất chí đức, đạo bất ngưng yên. 苟不至德道不凝焉 (Trung Dung, ch.27)

[5] Âm Phù Kinh viết: «Thiên tính nhân dã, nhân tâm cơ dã; lập thiên chi đạo dĩ định nhân dã.» 天性人也人心機也立天之道以定人也 (q.thượng, tr.1a)

[6] Đạo tại nhĩ nhi cầu chư viễn, sự tại dị nhi cầu chư nan. 道在爾而求諸遠, 事在易而求諸難. Mạnh Tử, Ly Lâu, thượng-2.

[7] Mạnh Tử, Ly Lâu, thượng-12. - Trung Dung, ch.20.

[8] Chu Tử viết: «Tự thánh học bất truyền, vi sĩ giả bất tri học chi hữu bản nhi sở dĩ cầu ư thư bất việt hồ ký tụng huấn hỗ văn từ chi gian. Thị dĩ thiên hạ chi thư dũ đa nhi lý dũ muội, học giả chi sự dũ cần nhi tâm dũ phóng, từ chương dũ lệ, nghị luận dũ cao nhi kỳ đức nghiệp, sự công chi thực dũ vô.» 朱子曰: 自聖學不傳, 為士者不知學之有本而所以求於書不越乎記誦訓詁文詞之間. 是以天下之書愈多而理愈昧, 學者之事愈勤而心愈放. 詞章愈麗, 議論愈高而其德業, 事功之實愈無 (Tứ thư tiết yếu, tr.7. Tựa)

[9] Thung dung trung đạo thánh nhân dã. 從容中道聖人也 (Trung Dung, ch.20)

[10] Cố cực cao minh nhi đạo Trung Dung. 故極高明而道中庸 (Trung Dung, ch.27)

[11] Cẩu bất chí đức, chí đạo bất ngưng yên. 苟不至德至道不凝焉 (Trung Dung, ch.27)

[12] Mạnh Tử, Tận tâm, hạ-37. - Luận Ngữ, Tử Lộ (ch.13), #21.

[13] Công tôn Sửu viết: «Đạo tắc cao hĩ, mỹ hĩ, nghi nhược đăng thiên nhiên, tự bất khả cập dã. Hà bất sử bỉ vi khả cơ cập, nhi nhật tư tư dã.» Mạnh tử viết: «Đại tượng bất vị chuyết công cải phế thằng mặc. Nghệ bất vị chuyết xạ biến kỳ cấu luật. Quân tử dẫn, nhi bất phát... Trung đạo nhi lập; năng giả tùng chi.» 公孫丑曰: 道則高矣, 美矣, 宜若登天然, 似不可及也. 何不使彼為可幾及, 而日孳孳也.孟子曰: 大匠不為拙工改廢繩墨羿不為拙射變其彀率. 君子引, 而不發... 中道而立; 能者從之. (Mạnh Tử, Tận tâm, thượng-41)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 6

HAI ĐƯỜNG LỐI ĐẠO ĐỜI: KHÔN NGOAN VÀ XẢO TRÁ

第 六 章

子 曰: 舜 其 大 知 也 與! 舜 好 問, 而 好 察 邇 言. 隱 惡 揚 善. 執 其 兩 端, 用 其 中 於 民. 其 斯 以 為 舜 乎.

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Thuấn kỳ đại trí dã dư ! Thuấn hiếu vấn, nhi hiếu sát nhĩ ngôn. Ẩn ác dương thiện. Chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kỳ trung ư dân. Kỳ tư dĩ vi Thuấn hồ !»

CHÚ THÍCH

- Dư 與 = 歟 .

- Nhĩ 邇 = gần.

- Nhĩ ngôn 邇 言 = thiển cận đích thoại 淺 近 的 話 = lời lẽ thiển cận.

DỊCH CHƯƠNG 6

Hai đường lối đạo đời: khôn ngoan và xảo trá

A. Khôn ngoan

Đức Khổng nói:

Vua Thuấn thực thông minh uyên bác,

Thích hỏi han quan sát chuyện đời.[1]

Rồi ra cân nhắc đầy vơi,

Xấu thời đậy điệm, lành thời phô trương.

Hai cực đoan, ngài thường giữ lấy,

Chỉ đem điều vừa phải dạy dân,

Thảo nào Vua Thuấn tiếng tăm.

BÌNH LUẬN

Xem bình luận chung các chương 6, 7, 8, 9, 10 ở cuối chương 10.

CHÚ THÍCH

Danh ngôn đối chiếu:

[1] C'est la gloire de Dieu de celer une chose,

C’est la gloire des rois de la scruter.

(Les Proverbes, 25, 2; La Bible de Jérusalem, p.836)

- Un cœur sage est proclamé intelligent,

La douceur des lèvres les rend plus persuasives.

(Les Proverbes, 16, 21; La Bible de Jérusalem, p.823)

- Si tu aimes à écouter, tu apprendras,

Et si tu prêtes l’oreille, tu seras sage.

(L’Ecclésiaste 6,23; La Bible de Jérusalem, p.901)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 7

HAI ĐƯỜNG LỐI ĐẠO ĐỜI: KHÔN NGOAN VÀ XẢO TRÁ (tt)

第 七 章

子 曰: 人 皆 曰: 予 知. 驅 而 納 諸 罟, 擭, 陷, 阱之 中; 而 莫 之 知 辟 也. 人 皆 曰: 予 知. 擇 乎 中 庸, 而 不 能 期 月 守 也.

PHIÊN ÂM

Tử viết: Nhân giai viết: Dư trí. Khu nhi nạp chư cổ, hoạch, hãm, tỉnh chi trung; nhi mạc chi tri tị dã. Nhân giai viết: Dư trí. Trạch hồ trung dung, nhi bất năng cơ nguyệt thủ dã.[1]

CHÚ THÍCH

- Cổ 罟 = lưới. - Hoạch 擭 = bẫy bắt thú rừng

- Hãm 陷 , tỉnh 阱 = Hầm hố để bắt thú rừng

- Tị 辟 = Tránh. - Cơ nguyệt 期 月= đầy một tháng (mãn nhất nguyệt)

DỊCH CHƯƠNG 7

Hai đường lối đạo đời: Khôn ngoan và xảo trá (tt.)

B. Xảo trá

Đức Khổng nói:

Ai cũng nói ta đây tài giỏi,
Đường trần hoàn rong ruổi ngược xuôi.
Sa vào cạm bẫy ngoài đời,
Sa hầm sụp hố thoát thôi dễ nào.
Ai cũng ỷ trí cao tài giỏi,
Theo Trung Dung không nổi tháng trời.[2]

BÌNH LUẬN

Xem bình luận các chương 6, 7, 8, 9, 10 ở cuối chương 10.

CHÚ THÍCH

[1] Danh ngôn đối chiếu:

Ly đạo biệt mích đạo, 離 道 別 覓 道

Chung thân bất kiến đạo. 終 身 不 見 道

Ba ba độ nhất sinh, 波 波 度 一 生

Đáo đầu hoàn tự áo. 到 頭 還 自 懊

(Pháp Bảo Đàn Kinh, p.66-67)

Lìa đạo mà tìm đạo,

Trọn đời chẳng thấy đâu.

Lao xao trót cả đời,

Rốt cuộc rồi ảo não.

[2] Danh ngôn đối chiếu:

Vous les hommes, jusques à quand ces cœurs fermés,

Ce gout du rien, cette course au mensonge?

(Psaume 4,3; La Bible de Jérusalem, p.655)

... Les païens ont croulé dans la fosse qu'ils ont faite,

Au filet qu'ils ont tendu, leur pied s'est pris. (Psaume 9,16)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 8

HAI ĐƯỜNG LỐI ĐẠO ĐỜI:
NHÂN ĐỨC VÀ TÀI CÁN

第 八 章

子 曰: 回 之 為 人 也; 擇 乎 中 庸, 得 一 善, 則 拳 拳 服 膺, 而 弗 失 之 矣 .

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Hồi chi vi nhân dã; trạch hồ Trung Dung, đắc nhứt thiện, tắc quyền quyền phục ưng, nhi phất thất chi hĩ.»

CHÚ THÍCH

- Hồi 回 : tên Thầy Nhan Uyên 顏 回 (521-490). Nhan Hồi tự Tử Uyên 子 淵 , Nước Lỗ, lúc chết mới 32 tuổi.

- Quyền 拳 = nắm tay. - Quyền quyền 拳 拳 = mạnh mẽ (avec force, avec énergie), bo bo. - Phục 服 = giữ.

- Ưng 膺 = dạ, lòng, ngực.

... Tử viết: Nhan thị chi tử, kỳ đãi thứ cơ hồ. Hữu bất thiện vị thường bất tri. Tri chi vị thường phục hành dã. (Kinh Dịch, Hệ từ hạ) 子 曰: 顏 氏 之 子, 其 殆 庶 幾 乎. 有 不 善 未 嘗 不 知. 知 之 未 嘗 復 行 也 (Nhan hồi là bậc á thánh: có điều dở chưa từng không biết, đã biết, không hề làm như vậy nữa.)

... Nhiên thánh nhân tắc bất tri nhi đắc, bất miễn nhi trúng, Nhan Tử tất tư nhi hậu đắc, tất miễn nhi hậu trúng. 然 聖 人 則 不 知 而 得, 不 勉 而 中, 顏 子 必 思 而 後 得, 必 勉 而 後 中 (Nhưng thánh nhân không nghĩ mà được, không cố gắng mà trúng, Nhan Tử thì phải nghĩ mới thấy, phải cố gắng mới trúng.) (Cận tư lục II, tr.1)

DỊCH CHƯƠNG 8

Hai đường lối đạo dời: Nhân đức và tài cán

A. Nhân đức (vertus morales)

Đức Khổng nói:

Thầy Nhan Uyên làm người là thế,

Đạo trời theo trọn lẽ Trung Dung,

Điều lành gắn bó không ngừng,

Thấy điều thiện đức, một lòng chắt chiu.[1]

BÌNH LUẬN

Xem bình luận chung các chương 6, 7, 8, 9, 10 ở cuối chương 10.

CHÚ THÍCH

[1] Danh ngôn đối chiếu:

- Yahvé, qui entrera sous ta tente,

Habitera sur ta montagne sainte?

Celui qui marche en parfait,

Agit en juste,

Et dit la vérité de son cœur,

Sans laisser courir sa langue.

(Psaume 15 [14] 2,3; La Bible de Jérusalem, p.664)

- Le désir des justes c'est uniquement le bien.

(Les Proverbes, 11,23; La Sainte Bible - Crampon)

- Le bien actif se mesure à l'efficacité des actes qui contribuent au sauvetage de soi-même; il n'est jamais présenté qu'au point de vue individuel, non absolument.

(Lecomte du Noüy, La dignité humaine, p.14)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 9

HAI ĐƯỜNG LỐI ĐẠO ĐỜI:
NHÂN ĐỨC VÀ TÀI CÁN (tt.)

第 九 章

子 曰: 天 下 國 家 可 均 也; 爵 祿 可 辭 也; 白 刃 可 蹈 也; 中 庸 不 可 能 也.

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Thiên hạ quốc gia khả quân dã; tước lộc khả từ dã; bạch nhẫn khả đạo dã; Trung Dung bất năng dã.»

CHÚ THÍCH

- Thiên hạ 天 下 = nước của thiên tử.
- Quốc 國 = nước của chư hầu.
- Gia 家 = gia tộc của công khanh.
- Quân 均 = Bình trị 平 治 .
- Tước 爵 = chức.
- Lộc 祿 = bổng lộc (thời cổ cấp gạo, từ nhà Đường cấp tiền) (Trung dung kim thích, tr.16).
- Nhận 刃 = mũi nhọn của gươm giáo

DỊCH CHƯƠNG 9

Hai đường lối đạo đời: Nhân đức và tài cán

B. Tài cán (Talents)

Đức Khổng nói: Người có thể trị yên thiên hạ.

Người có gan từ bả vinh hoa.

Gươm trần người dám bước qua,

Trung Dung đạo ấy khó mà người theo.[1]

BÌNH LUẬN

Xem bình luận chung các chương 6, 7, 8, 9, 10 ở cuối chương 10.

CHÚ THÍCH

[1] Danh ngôn đối chiếu:

Chef, magistrat, puissant sont dignes d’honneur

Mais nul n’est plus grand que celui qui craint le Seigneur.

(L’Ecclésiaste 10,24; La Bible de Jérusalem)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 10

HAI ĐƯỜNG LỐI ĐẠO ĐỜI:
SỨC MẠNH TINH THẦN & SỨC MẠNH THỂ CHẤT

第 十 章

子 路 問 強. 子 曰: 南 方 之 強 與? 北 方 之 強 與? 抑 而 強 與? 寬 柔 以 教 ,不 報 無 道 :南 方 之 強 也. 君 子 居 之. 衽 金 革, 死 而 不 厭: 北 方 之 強 也 而 強 者 居 之. 故 君 子 和 而 不 流. 強 哉 矯. 中 立 而 不 倚. 強 哉 矯. 國 有 道, 不 變 塞 焉. 強 哉 矯. 國 無 道 ,至 死 不 變. 強 哉 矯 .

PHIÊN ÂM

Tử lộ vấn cường. Tử viết: «Nam phương chi cường dư ? Bắc phương chi cường dư ? Ức nhi cường dư ? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo: Nam phương chi cường dã. Quân tử cư chi. Nhẫn kim cách, tử nhi bất yếm: Bắc phương chi cường dã cường giả cư chi. Cố quân tử hòa nhi bất lưu. Cường tai kiểu ! Trung lập nhi bất ỷ. Cường tai kiểu ! Quốc hữu đạo, bất biến tắc yên. Cường tai kiểu ! Quốc vô đạo, chí tử bất biến. Cường tai kiểu ! »

CHÚ THÍCH

- Nhi 而 = Nhữ 汝 = mày. - Nhậm 衽 = Nằm lên trên.

- Kim 金 = Khí giới bằng sắt (thí dụ: giáp trụ, qua, mâu đao, kiếm). - Cách 革 = Đồ da (giáp, trụ có nơi làm bằng da). - Lưu 流 = theo thời (= xu thời đầu cơ 趨 時 投 機).

- Tắc 塞 = bất đạt (lúc còn hàn vi, khi sự nghiệp chưa thành, chí bình sinh chưa thỏa).

DỊCH CHƯƠNG 10

Hai đường lối đạo đời:

Sức mạnh tinh thần và sức mạnh thể chất

Tử Lộ đem cường dũng làm đề tài vấn nạn.

Đức Khổng đáp:

«Hỏi thứ nào ? Hảo hớn Bắc hay Nam ?

Hay cường dũng ngươi, ngươi muốn được luận bàn?

Luôn êm đềm, khoan dung mà chỉ giáo,

Người vô đạo, ta không màng ác báo.[1]

Đó là hùng dũng kiểu Nam phương,

Đó là lối đường người quân tử.

Thích đao binh, mình kè kè giáp trụ,

Chốn sa trường chết bỏ cũng không sao.

Ấy dũng Bắc phương của chiến sĩ hùng hào.

Người quân tử ôn hòa, không phụ họa,

Hùng dũng thay, ôi hùng cường cao cả.

Theo Trung Dung một dạ chẳng ngả nghiêng;

Ôi hùng dũng, kể sao xiết ngang nhiên!

Nước có đạo, lòng trung kiên chẳng đổi,

Hàn vi hay hiển đạt, vẫn không thay đường lối:

Hùng dũng thay, kể sao xiết oai hùng!

Lúc nước nhà vô đạo, loạn lạc lung lay,

Dẫu muốn thác cũng không rời đạo cả.

Hùng dũng thay, ôi hùng cường khôn tả.» [2]

BÌNH LUẬN

Bình luận chung các chương 6, 7, 8, 9, 10:

Sau khi đã vạch rõ hai lối đường quân tử và tiểu nhân, sau khi đã cho thấy Trung Dung cao siêu, toàn mỹ, khó biết, khó theo, đức Khổng đưa ra ba điều kiện để đạt tới Trung Dung.

Đó là: TRÍ 智 , NHÂN 仁, DŨNG 勇 .

Trí như vua Thuấn, nhân như Nhan Hồi, dũng như Tử Lộ.

TRÍ 智 : Trí như vua Thuấn để luôn học hỏi, suy tư, quan sát. Sự suy tư luôn phải kèm theo sự học hỏi, như vậy mới có ích. Đức Khổng nói: «Trước đây ta mảng trầm tư mặc tưởng mà trọn ngày quên ăn, trong đêm không ngủ. Không có ích. Chẳng bằng học.» [3]

Có suy tư mới trở nên thông tuệ được. Kinh Thư viết: «Tư viết duệ ... Duệ tác thánh.» [4] Lại viết: «Duy thánh võng niệm tắc cuồng duy, cuồng khắc niệm tác thánh.» [5] (Thánh mà bỏ suy niệm sẽ thành cuồng nhân; cuồng nhân chịu suy niệm sẽ thành thánh.)

Theo Trình Y Xuyên (Trình Di, 1033-1107), muốn cùng lý cần suy nghĩ chín chắn. Vì thế Y Xuyên nói không suy nghĩ chín chắn ắt không thể đến được cõi đạo lý.[6] Không suy nghĩ chín chắn mà đắc đạo thì sự được ấy dễ mất.[7] Tư lự lâu ngày, sự minh duệ tự nhiên sinh ra.[8]

Nhưng quan sát, học hỏi, suy tư không phải là để thâu thái thêm kiến văn, kiến thức, mà chính là để dần dần khai thông nguồn mạch tâm thần mình, để đi từ tiểu trí đến đại trí, từ kiến văn đến tự đắc, mặc thức tâm thông, từ suy luận thông thường đến trực giác.

Trình Y Xuyên viết: «Đại phàm học vấn do sự nghe biết, đều không thể gọi là tự đắc. Kẻ tự đắc nên mặc thức tâm thông… Nghe thấy mà biết, không phải là sự hiểu biết của đức tính. Sự hiểu biết của đức tính không mượn ở kiến văn.» [9]

NHÂN 仁 : Nhân là gặp điều lành phải biết chắt chiu gắn bó. Thượng Thái nói: «Sự đại yếu của người học nơi cửa Thánh là lấy việc khắc kỷ làm gốc.[10]

Lấy sự hàm dưỡng và học vấn làm hai phương pháp chủ yếu của người học đạo. Y Xuyên đã cho rằng: Hàm dưỡng nên dụng sự thành kính, còn tiến học thì tại trí tri.[11]

Vì vậy nếu người ta muốn tồn thiên lý, khử nhân dục, thì phải biết giữ lấy điều nhân, và làm cho nó càng ngày càng tăng trưởng. Khi mà trong tâm của người ta chỉ còn có thiên lý, không một mảy may nhân dục, thì lúc tĩnh ắt hợp với điều trung, lúc động ắt hợp với điều hòa. Vì thế những mối thiện ác chính tà của lòng người chỉ kết thúc trong mấy chữ thiên lý và nhân dục. Thuận theo thiên lý thì gọi là đạo tâm; thuận theo nhân dục là nhân tâm.[12]

DŨNG 勇 : Sau cùng phải cần đến dũng. Dũng là sức mạnh tinh thần để vượt hết trở lực mà tiến bước trên con đường đạo lý. Trung Dung cho rằng cái dũng của người quân tử cốt tại:

- Khoan dung với người; hòa ái dạy người.

- Không báo oán kẻ đã hại mình.

- Chuyên nhất trên đường nhân nẻo đức.

- Hàn vi hay hiển đạt không thay lòng dạ.

- Gặp lúc nước nhà lao lung hay nguy hiểm, đảo điên, vô đạo, vẫn trọn một niềm giữ vẹn đạo trời, không để cho ngoại cảnh lung lạc hay làm hoen ố tâm hồn.

Trí, nhân, dũng của quân tử khác xa trí xảo, tài cán, uy vũ của người đời. Người đời bon chen trên đường danh lợi, dùng tài cán để chinh phục ngoại cảnh, phô trương sức mạnh cơ khí vật chất, vượt gian lao để đạt tới những thành công nhất thời.

Họ vụ những thành công nhãn tiền, nên không thể theo con đường Trung Dung, tức là con đường nội tâm cao siêu, ẩn áo, không mang lại cho họ những lợi lộc bên ngoài.

CHÚ THÍCH

Danh ngôn đối chiếu:

[1] - Il met son bon plaisir dans la fidélité et la douceur.

(L'Ecclésiaste 1,27; La Bible de Jérusalem)

- Mieux vaut Sagesse que force.

(L'Ecclésiaste 9,16; La Bible de Jérusalem)

[2] Thắng nhân giả hữu lực, tự thắng giả cường. 勝 人 者 力 自 勝 者 強 (Đạo Đức Kinh, ch.33)

Thắng người khác đã đành rằng khỏe,

Tự thắng mình, mới kể hùng cường.

[3] Tử viết: Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm, dĩ tư. Vô ích. Bất như học dã. 子 曰: 吾 嘗 終 日 不 食 終 夜 不 寢 以 思. 無 益. 不 如 學 也. (Luận Ngữ, Vệ Linh Công [ch.15], #30)

[4] Thư Kinh, Hồng Phạm, 6: 思 曰 睿... 睿 作 聖.

[5] Thư Kinh, Đa phương, 17: 惟 聖 罔 念 作 狂 惟 狂 克 念 作 聖.

[6] Bất thâm tư tắc bất năng tháo ư đạo. 不 深 思 則 不 能 造 於 道.

[7] Bất thâm tư nhi đắc giả, kỳ đắc dị thất. 不 深 思 而 得 者 其 得 易 失.

[8] Tư lự cửu hậu duệ tự nhiên sinh. 思 慮 久 後 睿 自 然 生. (Bửu Cầm, Tống Nho, Chu Hi, tr.93)

[9] Đại phàm học vấn văn chi tri chi, giai bất vi đắc. Đắc giả tu mạc thức, tâm thông… văn kiến chi tri phi đức tính chi tri. Đức tính chi tri bất giả kiến văn. (Bửu Cầm, Tống Nho, tr.937)

[10] Thánh môn học giả, đại yếu dĩ khắc kỷ vi bản. Khắc kỷ phục lễ, vô tư tâm yên, tắc thiên hĩ. (Bửu Cầm, Tống Nho, tr.99)

[11] Ibid., tr.92.

[12] (Bửu Cầm, Tống Nho, Chu Hi, tr.144)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 11

CƯ KÍNH HÀNH GIẢN

第 十 一 章

子 曰: 素 隱, 行 怪, 後 世 有 述 焉; 吾 弗 為 之 矣. 君 子 遵 道 而 行. 半 涂 而 廢, 吾 弗 能 已 矣. 君 子 依 乎 中 庸. 遯 世, 不 見 知, 而 不 悔, 唯 聖 者 能 之 .

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Sách ẩn, hành quái, hậu thế hữu thuật yên; ngô phất vi chi hĩ. Quân tử tuân đạo nhi hành. Bán đồ nhi phế, ngô phất năng dĩ hĩ. Quân tử y hồ Trung Dung. Độn thế, bất kiên tri, nhi bất hối, duy thánh giả năng chi.»

CHÚ THÍCH

Chân chính đích quân tử, chỉ thị nhất tâm qui mệnh đích y chước trung dung chi đạo tố. 真 正 的 君 子, 只 是 一 心 歸 命 的 依 著 中 用 之 道 做 (Người quân tử chân chính chỉ một lòng thuận theo định mệnh cao sang, Trời đã truyền cho mình tức là theo con đường hoàn thiện.) [1] (Trung dung văn ngôn đối chiếu, tr.8)

DỊCH CHƯƠNG 11

Cư kính hành giản

Đức Khổng nói:

Tìm bí ẩn làm điều quái dị,

Cốt mong cho hậu thế ngợi khen,

(Xá chi chuyện ấy nhỏ nhen)

Đã là quân tử chẳng thèm quan tâm.[2]

(Làm trai quyết chí tu thân),

Đường đường quân tử ta tuân đạo Trời.

Giữa đường đứt gánh trở lui,

«Bán đồ nhi phế» có đời nào đâu !

Trung Dung quân tử trước sau,

Dẫu không tăm tiếng chẳng rầu lòng ai.

Thánh nhân ấy thánh nhân rồi.

BÌNH LUẬN

Đạo Trời nếu hiểu biết ra thực là chí dị. Hệ Từ Thượng của Chu Dịch đã viết: «Kiền dĩ dị tri. Khôn dĩ giản năng.» 乾 以 易 知. 坤 以 簡 能 . Theo đạo Trung Dung là cốt tuần thiên lý, khử nhân dục, nên không

cần phải tìm tòi những điều bí ẩn, làm những điều quái dị, để cầu mong tiếng khen bên ngoài.

Muốn đạt đạo Trung Dung, cần phải bền gan dốc chí cố gắng đến cùng.

Ấy chính là lẽ Dịch. Kinh Dịch viết: «Trời vận hành không hề nghỉ ngơi, người quân tử cũng phải cố gắng không ngừng.» [3]

Tăng Tử nói: «Kẻ sĩ cần phải có chí lớn và cương nghị. Gánh nặng đường xa.

Lấy đức nhân làm gánh, chẳng nặng là gì? Đến chết mới thôi chẳng xa là gì?» [4]

Nếu giữa đường đứt gánh, sẽ không làm nên chuyện gì, vì tu thân cần phải lên tới chỗ chí thiện mới thôi, vì tu thân ví như đắp đất làm núi, chỉ còn một giỏ nữa là xong nhưng mình lại thôi, đó là tại mình bỏ vậy.[5]

Theo Trung đạo là mong tới chỗ chí thành chí thiện, đạt thiên đức, thiên đạo, phối thiên, phối mệnh, chứ đâu phải cầu mong hư danh, mà lo mà buồn vì thế nhân không hay, không biết?

Tóm tắt 10 chương, từ 1 đến 11, tức là phần thứ hai của Chu Hi.

Trung Dung là đạo cao siêu, toàn mỹ, dạy người tuân theo những định luật Trời đã ghi tạc trong thâm tâm mình để thực hiện bản tính, tiến đến chỗ toàn thiện, toàn mỹ. Trung Dung là đạo của người quân tử, chẳng phải là đạo của kẻ tiểu nhân. Trung Dung cao siêu, toàn mỹ, nên xưa nay ít người hiểu được và theo được. Tuy nhiên vẫn có những lối đường rõ rệt để đạt đạo Trung Dung. Đó là trí, nhân, dũng. Muốn được trí, phải biết suy tư và học hỏi. Muốn được đức nhân phải cố gắng làm lành. Muốn có sức mạnh tinh thần cần phải biết xấu hổ.[6]

Có trí sẽ không lầm, có nhân sẽ không buồn, có dũng sẽ không sợ.[7] Xét lương tâm mà không thấy điều gì lầm lỗi thì việc gì mà buồn mà sợ? [8]

Người quân tử theo Trung Dung không để trí mưu toan chuyện đời, không khoe tài, ỷ sức, liều lĩnh, bạo hổ bằng hà.

Trung Dung không đòi ta làm điều quái dị, mà chỉ đòi ta phát huy các tiềm năng, tiềm lực sẵn có nơi ta, giữ vẹn thiên lý, thiên đạo. Người quân tử theo đạo Trung Dung không quan tâm đến hư danh bên ngoài, nên dẫu suốt đời chẳng ai biết, ai hay, cũng chẳng vì thế mà phiền muộn. Cao siêu thay !

CHÚ THÍCH

[1] Danh ngôn đối chiếu:

«Bồ đề chỉ hướng tâm mích, 菩 提 只 向 心 覓

Hà lao hướng ngoại cầu huyền.» 何 勞 向 外 求 玄

Bồ đề tìm kiếm nơi tâm

Việc gì vất vả đi tầm nơi đâu?

(Pháp Bảo Đàn Kinh, tr.94,95.)

[2] Danh ngôn đối chiếu:

Yahvé, mon cœur ne s’est pas gonflé

Ni mes yeux haussés.

Je n’ai pas pris un chemin de grandeurs

Ni de prodiges qui me dépassent.

Non je tiens mon âme en paix et silence

Comme un enfant contre sa mère.

(Psaume 131 (130); La Bible de Jérusalem, p.783)

... Kiền dĩ dị tri. Khôn dĩ giản năng. 乾 以 易 知 坤 以 簡 能 (Kiền ưa điều dễ biết, Khôn ưa việc dễ làm)

(Dịch kinh tân khảo, Hệ từ thượng, tr.3488)

[3] Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức. 天 行 健 君 子 以 自 強 不 息 (Quẻ Càn)

[4] Tăng Tử viết: Sĩ bất khả dĩ bất hoằng nghị. Nhậm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỷ nhậm, bất diệc trọng hồ? Tử nhi hậu dĩ bất diệc viễn hồ? 曾 子 曰: 士 不 可 以 不 弘 毅 任 重 而 道 遠 仁 以 為 己 任 不 亦 重 乎 死 而 後 已 不 亦 遠 乎 (Luận Ngữ, Thái Bá [ch.8], #8)

[5] Tử viết: Thí như vi sơn, vị thành nhất quỹ, chỉ. Ngô chỉ dã. 子 曰: 譬 如 為 山 未 成 一 簣 止 吾 止 也 (Luận Ngữ, Tử Hãn [ch.9], #18)

[6] Tử viết: Hiếu học cận hồ trí, lực hành cận hồ nhân, tri sỉ cận hồ dũng. Tri tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân. Tri sở dĩ tu thân, tắc tri sở dĩ trị nhân. 好 學 近 乎 知, 力 行 近 乎 仁, 知 恥 近 乎 勇. 知 斯 三 者 則 知 所 以 修 身. 知 所 以 修 身, 則 知 所 以 治 人 (Trung Dung, ch.20)

[7] Tử viết: Trí giả bất hoặc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cụ. 子 曰: 知 者 不 惑 仁 者 不 憂 勇 者 不 懼 (Luận Ngữ, Tử Hãn [ch.9], #27)

[8] Nội tỉnh bất cữu, phù hà cụ. 內 省 不 疚 夫 何 懼 (Nhan Uyên, # 4)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 12

ĐẠO TRỜI ẨN ÁO LẠI MÊNH MÔNG

第十二章

君子之道費而隱. 夫婦之愚, 可以與之焉. 及其至也, 雖聖人亦有所不知焉. 夫婦之不肖, 可以能行焉. 及其至也, 雖聖人亦有所所不能焉. 天地之大也, 人猶有所憾. 故君子語大, 天下莫能哉焉; 語小天下莫能破焉. 詩云: 鳶飛戾天; 魚躍于淵. 言其上下察也. 君子之道, 造端乎夫婦; 及其至也察乎天地.

右第十二章. 子思之言, 蓋以申明首, 章道不可離之意也. 其下八章, 雜引孔子之言以明之.

PHIÊN ÂM

Quân tử chi đạo phí nhi ẩn. Phu phụ chi ngu, khả dĩ dự tri yên. Cập kỳ chí dã, tuy thánh nhân diệc hữu sở bất tri yên. Phu phụ chi bất tiếu, khả dĩ năng hành yên. Cập kỳ chí dã, tuy thánh nhân diệc hữu sở bất năng yên. Thiên địa chi đại dã, nhân do hữu sở hám. Cố quân tử ngứ đại, thiên hạ mạc năng tai yên; ngữ tiểu thiên hạ mạc năng phá yên.[1] Thi vân: "Duyên phi lệ thiên, ngư dược vu uyên." [2] Ngôn kỳ thượng hạ sát dã. Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ; cập kỳ chí dã sát hồ thiên địa.

Hữu đệ thập nhị chương. Tử Tư chi ngôn, cái dĩ thân minh thủ chương, đạo bất khả ly chi ý dã. Kỳ hạ bát chương, tập dẫn Khổng Tử chi ngôn dĩ minh chi.

CHÚ THÍCH

- Phí 費 = rộng. - Ẩn 隱 = kín nhiệm. - Hám 憾 = hờn giận. - Tải 載 = Chở. - Lệ 戾 = tới. - Sát 察 = Chiêu trước 昭 著 = rõ ràng

DỊCH CHƯƠNG 12

Đạo Trời ẩn áo lại mênh mông

Đạo người quân tử mênh mông,[3]

Lại còn ẩn áo mông lung khôn dò.[4]

Cho dầu đôi vợ chồng ngu,

Cũng thường lõm bõm hiểu sơ đôi phần.

Cho dầu những bậc thánh nhân,

Cũng còn có chỗ biện phân chẳng rành.

Cho dầu đôi vợ chồng đần,

Cũng thường có chỗ dự phần đua chen.

Cho dầu những bậc thánh hiền,

Cũng thường có chỗ khó đem thi hành.

Trời đất lớn, đã đành rằng lớn,

Lớn nhưng chưa vừa trọn ý người.

Vì lời quân tử chơi vơi,

Tung ra bát ngát đất trời khôn mang.

Thâu tóm lại, nói năng gọn lại,

Cả đất trời phá hoại không đang.

"Diều tung cánh sát tầng mây biếc,

Cá dương vây lặn miết đáy sâu."

Dưới trên trông rõ thấp cao,

Hay điều ẩn áo, rõ điều mênh mông.

Đạo quân tử từ vòng chồng vợ,

Tung mãi ra tở mở đất trời.

Chú thích: Trước đây là chương thứ 12. Ông Tử Tư biên để giảng câu "Đạo Trời sau trước vẫn liền với ta" của chương đầu. Tám chương tiếp, ông dẫn lời đức Khổng để giải rõ.

BÌNH LUẬN

Trong chương này, Tử Tư bắt đầu nghị luận rằng Đạo chẳng xa người.

Đạo chẳng xa người, vì thực ra đạo đã lồng ngay trong lòng vạn vật, vũ trụ.[5]

Vì lồng trong vạn vật nên ẩn áo huyền vi, vì ứng vạn sự nên công dụng và biểu dương, phát lộ thì lại man mác, phổ cập khắp nơi. Bất kỳ một động tác nào dù là diều bay trên trời hay cá lội dưới nước, hoặc là người lao tác hoạt động, cũng không thể nào ở ngoài vòng ảnh hưởng của Đạo được.

Hơn nữa, đạo có nhiều hình thái, nhiều cấp độ, cho nên chỗ thấp thì ngu phu, ngu phụ cũng hiểu được làm được; còn chỗ cao thì thánh nhân cũng khó biết, khó làm.

"Đạo vô bất tại", nên muốn tìm kiếm đạo cứ tìm nơi tâm khảm mình, và nếu giữ cho tâm chu toàn không bị phát tán, tản lạc, thì bản thể của đạo sẽ hiển lộ ra, và ứng dụng của đạo sẽ thông suốt vô cùng tận.

Người xưa cho rằng: Thể dụng của đạo lưu hành, phát hiện cùng khắp đất trời, suốt hết cổ kim, không khi nào gián đoạn, khuy khuyết. Cho nên muốn tìm đạo, chỉ việc tìm giữa động tác hàng ngày, mà chỗ sơ phát của đạo chẳng ở đâu xa, nó ở ngay trong lòng ta. Cho nên nếu giữ vẹn tâm hồn, sẽ thấy được trọn vẹn thể dụng của Đạo.[6]

Dung tục lúc nào cũng nhờ đạo mà sống động, nhưng họ chẳng biết chẳng hay.[7] Người quân tử trái lại, nhận ra được đạo thể ngay nơi lòng mình, và có thể đem đạo ứng dụng khắp vũ trụ.

Khi tung vô tận vô biên,

Khi thu ẩn áo im lìm tiếng tăm.[8]

Đạo nơi con người vô biên vô tận, nên con người cũng có thể phát huy được đạo ấy cho tới vô biên vô tận, vì thế cho nên trời đất tuy to lớn, vẫn chưa vừa con người…

Có thể nói rằng: đạo trời y như có hai đầu. Một đầu thì ẩn áo huyền vi, tiềm ẩn ở tít tận đáy lòng, còn một đầu thì mênh mông bát ngát. Lúc sơ phát, thì ẩn áo siêu vi, nhưng lúc đạt tới chỗ chí cùng chí cực, thì rỡ ràng vĩ đại.

Đạo người quân tử mênh mông,

Đồng thời ẩn áo mung lung khôn dò.[9]

Tác giả Trung Dung viện dẫn Kinh Thi để làm nổi bật những nét mênh mang ẩn áo vậy:

"Diều tung cánh sát tầng mây biếc,

Cá dương vây lặn miết đáy sâu."

Rồi tác giả khuyên ta nên tung tầm mắt mà quan sát vạn vật đất trời để tìm ra đại đạo.

"Ngoài nội chim kia còn chắp cánh,

Trên lương yến nọ chẳng lìa đôi,

Tầng mây kết ngãi lưng trời…"[10]

Đôi chim ríu rít, đôi người chắt chiu.

Đầu Kinh Thi, ta đọc thấy:

Quan quan thư cưu	關關雎鳩
Tại hà chi châu	在河之州
Yểu điệu thục nữ	窈窕淑女
Quân tử hảo cầu.[11]	君子好逑

Đôi thư cưu nó kêu quang quác,

Bãi sông Hà man mác chắt chiu,

Bên người thục nữ yêu kiều,

Bên người quân tử rập rìu duyên tơ.

Trung Dung viết:

Đạo quân tử từ nguồn phu phụ,

Tung mãi ra trùm cả đất trời.

Đạo phu thê là đạo phu xướng phụ tùy, để đi đến chỗ sắt cầm hảo hợp. Còn đất với trời thì lúc nào cũng quấn quýt lấy nhau, hưởng ứng nhau. Trời che đất chở, trời sinh đất dưỡng. Đầu đất là chân trời. Vòng càn khôn lúc nào cũng hiện ra nơi nhãn giới.

Suy ra thì trong đạo làm người, tâm phải thuận theo tính, tâm phải phục mệnh. Nếu tâm theo tính, nếu nhân tâm phục tòng thiên mệnh, thì tức là theo đúng đạo xướng tùy, hòa hợp của đất trời. Thế là Âm theo Dương, bóng tối nhường gót cho ánh sáng, sụ chết nhường chỗ cho sự sống. Thế là Dương sinh Âm trưởng. Tâm thần sẽ tài bồi cho mầm tính nở tung muôn hoa đức hạnh, tâm hồn sẽ phả quang huy của vầng dương thiên tính, sẽ biến hóa theo đúng đạo trời.

Đạo Trung Dung có chỗ thấp chỗ cao, chỗ gần chỗ xa. Chỗ đắc đạo, đạt đạo là Trung Dung, trung đạo, dữ thiên đồng đức, chí thành chí thiện. Chỗ đạt đạo thì bao trùm hết không gian, thời gian rực rỡ ngàn trùng.

Chỗ khởi điểm chỉ là một tàn lửa thiên chân, thiên lý ẩn áo đáy lòng. Chỗ đạt đạo thì chỉ có bậc chí thánh

mới vươn lên tới, nhưng con đường đạo lý mở rộng chờ đón mọi người, và thực ra khởi điểm của nó dung dị tầm thường, nên dẫu ngu phu ngu phụ cũng vẫn hay biết ít nhiều, và vẫn có thể thi hành đôi chút.

Công phu tu luyện của con người cốt là làm cho nguồn mạch thánh thiện toàn hảo nơi mình ngày một tung tỏa ra lai láng, có thể tràn ngập năm hồ bốn biển.[12]

CHÚ THÍCH

[1] Trung Dung viết: Ngứ đại thiên hạ mạc năng tải, Thái cực bao hồ thiên địa chi ngoại dã. Ngứ tiểu, thiên hạ mạc năng phá, Thái cực nhập hồ vạn vật chi trung dã. 中庸曰語大天下莫能載, 太極包乎天地之外也. 語小天下莫能破, 太極入乎萬物之中也 (Xướng đạo chân ngôn, tr.8)

[2] Mao thi, Đại nhã, Hạn lộc thiên.

[3] Le royaume des cieux, dit-il, est semblable à une graine de sénevé qu'un homme a prise et semée dans son champ. C'est la plus petite de toutes les semences; mais quand elle a cru, elle est plus grande que toutes les plantes potagères et devient un arbre, si bien que les oiseaux du ciel viennent nicher dans ses branches. (Mathieu 13, 31)

[4] Le royaume des cieux est semblable à un trésor caché dans un champ. (Mathieu 13, 14)

- Plus les choses de Dieu sont élevées et lumineuses en elles-même, plus elles sont inconnues et obscures pour nous. (Montée du Carmel, II, p.13. - Saint Jean de la Croix, p.96)

[5] Đạo nguyên ư thiên cụ ư tâm nhi hiện chư nhật dụng, sự vật chi gian, vô vật bất hữu, vô thời bất nhiên, bản vô tu du chi ly dã. 道原於天具於心而見諸日用, 事物之間, 無物不有, 無時不然, 本無須臾之離也 (Trung Dung Hoặc Vấn, tr.16a)

[6] Đạo chi thể dụng lưu hành, phát hiện, sung tắc thiên địa, cắng cổ cắng kim, tuy vị thường hữu nhất hào chi không khuyết, nhất tức chi gián đoạn, nhiên kỳ tại nhân nhi hiện chư nhật dụng chi gian giả tắc sơ bất ngoại hồ thử tâm, cố tất... thử tâm chi tồn nhi toàn thể trình lộ, diệu dụng hiển hành vô sở trệ ngại. 道之體用流行, 發現, 充塞天地, 亙古亙今, 雖未嘗有一毫之空闕,一息之間斷然其在人而見諸日用之間者則初不外乎此心, 故必... 此心之存而全體呈露, 妙用顯行無所滯礙 (Trung Dung Hoặc Vấn, tr.52b)

[7] Chung thân do chi, nhi bất tri kỳ đạo giả, chúng dã. 終身由之, 而不知其道者, 眾也 (Mạnh Tử, Tận tâm [thượng-5])

[8] Phóng chi tắc di lục hợp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật. 放之則彌六合, 卷之則退藏於密 (Trung Dung, Tựa)

[9] Quân tử chi đạo phí nhi ẩn. 君子之道費而隱.

[10] Tương Phố, Giọt mưa thu.

[11] Quốc Phong, Chu nam, Thư cưu.

[12] Phàm hữu tứ đoan ư ngã giả, tri giai khuếch nhi sung chi hĩ, nhược hỏa chi thủy nhiên, tuyền chi thủy đạt. Cẩu năng sung chi, tức dĩ bảo tứ hải. 凡有四端於我者, 知皆擴而充之矣, 若火之始然, 泉之始達. 苟能充之, 足以保四海 (Mạnh Tử, Công Tôn Sửu [thượng-6])

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 13

ĐẠO CHẲNG XA NGƯỜI

第十三章

子曰: 道不遠人. 人之為道而遠人, 不可以為道. 詩云: 伐柯伐柯, 其則不遠. 執柯以伐柯, 睨而視之, 猶以為遠. 故君子以人治人, 改而止. 忠怒違道不遠. 施諸己而不愿, 亦勿施於人. 君子之道四; 丘未能一焉. 所求乎子以事父, 未能也. 所求乎臣以事君, 未能也. 所求乎弟以事兄, 未能也. 所求乎朋友, 先施之, 未能也. 庸德之行, 庸言之謹, 有所不足; 不敢不勉; 有余, 不感盡. 言顧行, 行顧言, 君子胡不慥慥爾?

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Đạo bất viễn nhân. Nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo.» Thi vân: «Phạt kha phạt kha, kỳ tắc bất viễn.» [1] Chấp kha dĩ phạt kha, nghễ nhi thị chi, do dĩ vi viễn. Cố quân tử dĩ nhân trị nhân, cải nhi chỉ. Trung thứ vi đạo bất viễn. Thi chư kỷ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân. Quân tử chi đạo tứ; Khưu vị năng nhất yên. Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã. Sở cầu hồ thần dĩ sự quân, vị năng dã. Sở cầu hồ đệ dĩ sự huynh, vị năng dã. Sở cầu hồ bằng hữu, tiên thi chi, vị năng dã. Dung đức chi hạnh, dung ngôn chi cẩn, hữu sở bất túc; bất cảm bất miễn; hữu dư, bất cảm tận. Ngôn cố hạnh, hạnh cố ngôn, quân tử hồ bất tháo tháo nhĩ ?

CHÚ THÍCH

- Phạt 伐 = đẽo. - Kha 柯 = cán rìu. - Tắc 則 = khuôn mẫu. - Nghễ 睨 = tà thị 斜 視 = trông nghiêng. - Trung 忠 = tận kỷ viết trung. - Thứ 恕 = như kỷ viết thứ.[2] - Vi 違 = ly khai = xa cách. - Đạo 道 = suất tính = theo tiếng lương tâm. - Khưu 丘 = Tên đức Khổng (người ta đọc trại là Kỳ). - Hồ 胡 = sao? - Tháo 慥 = miệt mài chăm chắm.

DỊCH CHƯƠNG XIII

Đạo trời không xa người

Đức Khổng nói:

«Đạo luôn gần gũi người đời,

Những ai lập đạo xa vời chúng nhân,

Hiếu kỳ, lập dị, là nhầm.»

Kinh Thi viết:

«Đẽo cán rìu, có liền bên cán mẫu,

Trông lại nhìn cố đấu cho in.»

Ngắm đi ngắm lại liền liền,

Đẽo lui đẽo tới, mắt xem chưa vừa.

Nên quân tử khi lo giáo hóa,

Sửa trị người sẵn có khuôn người.

Thấy người giác ngộ thì thôi,

Đã chiều cải hóa liệu bài ta ngưng.[3]

Phương pháp tu thân:

1. Tôn chỉ tổng quát

Theo đạo lý hết lòng hết dạ,

Đối với người tất cả như mình.

Thế là sắp tới tinh thành,

Điều mình thoái thác chớ dành cho ai.[4]

2. Bốn bổn phận

Đạo quân tử ở đời có bốn,

Khâu chưa làm đến chốn đến nơi;

Thờ cha đứng đắn hẳn hoi,

Tận tình hiếu thảo xứng người con ngoan.

Làm dân đúng phận thần dân,

Một lòng phụng sự quốc quân cho bền.

Làm em cho đáng nên em,

Phận em bề dưới phục quyền người anh.

Bạn bè chung thủy vẹn tình,

Giúp người bước trước ta dành ta đi.

Tu nhân đức, hành vi thường nhật

Nói năng thời đúng mực căn cơ.

Hành vi khiếm khuyết nên lo,

Nói năng thái quá liệu mà bớt đi.

Lời nói với hành vi phù hợp,

Nói làm sao làm khớp như in.

Lòng người quân tử triền miên,

Thấp tha, thấp thỏm, mới nên công trình.[5]

BÌNH LUẬN

Chương này tiếp tục nghị luận rằng Đạo chẳng xa người mà những lề luật chi phối nhân luân cũng sẽ được rút ra ngay nơi con người.

1. Đạo chẳng xa người

Đạo chẳng xa người, vì Đạo tức là chân lý ở trong lòng người. Cho nên lập Đạo cũng chỉ cốt làm cho

sáng tỏ, rõ rệt cái chân lý ấy mà thôi.

Nếu Đạo cần cho con người, thì có người là có Đạo, cho nên Đạo chẳng thể xa người, mà đã có ngay ở trong tâm khảm con người.[6] Đức Khổng lấy câu Kinh Thi «Phạt kha phạt kha, kỳ tắc bất viễn» mà chứng minh điều đó.

Cổ nhân vốn tin rằng định luật phép tắc chi phối muôn vật đều đã được ghi tạc sẵn trong lòng vạn vật. Kinh Thi viết:

Thiên sinh chưng dân	天 生 蒸 民
Hữu vật hữu tắc	有 物 有 則
Dân chi bỉnh di	民 之 秉 彝
Hảo thị ý đức.[7]	好 是 懿 德

(Trời sinh ra khắp muôn dân,
Vật nào phép nấy định phân rành rành.
Lòng dân chứa sẵn căn lành,
Nên ưa những cái tinh thành tốt tươi.)

Kinh Thư viết: «Thượng Đế giáng trung vu hạ dân.» [8] (Thượng Đế đã ban khuôn phép hoàn hảo cho muôn dân.)

Cho nên muốn lập đạo chỉ cần làm sáng tỏ những lề luật đã ghi tạc trong thâm tâm con người.

Như vậy đối với Khổng giáo cũng như đối với các đại hiền triết Á Đông, trong con người tương đối, biến thiên còn có con người hoàn thiện, còn có con người tuyệt đối, bất biến, toàn hảo. Đó là con người lý tưởng mà con người phải thực hiện.[9]

Cụ Phan Bội Châu giải: Chữ nhân (trong câu dĩ nhân trị nhân) ở trên là chân lý của người tức là Đạo, chữ nhân ở sau là thân thể của người tức là nhân. Lấy đạo người trị người, chính là kiểu mẫu không xa, lại thiết tha hơn phạt kha kia nữa.[10]

Cụ cũng cho rằng: «Đạo tức là chân lý ở trong lòng người; nên làm đạo cũng chỉ cốt cho rõ rệt cái chân lý ấy mà thôi. Chân lý ở trong lòng người rồi thì người tức là đạo rồi, không cần phải bỏ tách rời người ra mà tìm đạo ở nơi cao xa khác.» [11]

Nôm na mà nói, thì phải lấy lương tâm làm nguồn gốc đạo lý và nhân luân. Thánh hiền muôn đời chỉ làm sáng tỏ những lề luật của lương tâm, chứ không thêm bớt chi được cả.

Cho nên lương tâm hơn mọi thứ sách vở, vì nó có trước mọi sách vở, và sẽ tồn tại hơn mọi sách vở. Nó đã xuất hiện với người đầu tiên, và sẽ hiện diện nơi con người sau chót trong trần thế.

Vì thế Lục Tượng Sơn chủ trương phải nắm vững được tâm mình.[12]

Vương Dương Minh có thơ rằng:

Lương tri tựu thị độc tri thì,
良 知 就 是 獨 知 時
Thử tri chi ngoại cánh vô tri.
此 知 之 外 更 無 知

Nhân nhân đô hữu lương tri tại,

人 人 都 有 良 知 在

Tri đắc lương tri khước thị thùy.[13]

知 得 良 知 卻 是 誰

2. Định luật phép tắc chi phối con người đã nằm sẵn trong con người

Những định luật chi phối nhân luân ta tìm thấy ngay nơi con người. Chương này đan cử ít nhiều định luật:

a- Trung thứ 忠 恕 : Hoàn thiện mình, coi người như mình.

b- Định luật hiệt củ 絜 矩 (loi de là réciprocité) hay là suy kỷ cập nhân.

- Việc gì mình muốn người làm cho mình, hãy làm cho người.

- Việc gì mình không muốn làm cho mình, hãy đừng làm cho người.[14]

Áp dụng định luật này vào nhân luân, ta sẽ suy ra những bổn phận của quân-thần, phụ-tử, phu-phụ, bằng hữu, huynh-đệ, v.v. Đây Trung Dung chỉ đề cập một cách tượng trưng đến bốn bổn phận. Đại Học cũng áp dụng định luật hiệt củ 絜 矩 để đối đãi với mọi người cho phải đạo.[15]

c- Thận trọng trong mọi hành vi ngôn ngữ thường ngày

Luận Ngữ viết: «Ra khỏi nhà thì trang trọng như đón khách quý; tiếp xúc người thì kính cẩn như đang hành lễ.» [16]

Trung Dung, chương 29, viết rõ ràng hơn:

«Mỗi động tác quân tử đều nêu như mẫu mực,

Mỗi hành vi là khuôn phép chúng nhân theo.

Mỗi lời nói, thiên hạ đời sau sẽ nương vào,

Người xa ngưỡng vọng, người gần không ngán.» [17]

Tóm lại, đạo làm người cần phải tuần thuận thiên lý, mà thiên lý là cái gì thông thường, vĩnh cửu, phổ quát khắp bàn dân thiên hạ, khắp mọi nơi, mọi đời, không có gì là tạm thời hay ước lệ, giả tạo, cưỡng ép. [18]

CHÚ THÍCH

[1] Bân phong, Phạt kha thiên.

Danh ngôn đối chiếu:

- Mạnh Tử viết: đạo tại nhĩ nhi cầu chư cầu chư viễn. Sự tại dị nhi cầu chư nan. Nhân nhân thân kỳ thân, trưởng kỳ trưởng, nhi thiên hạ bình. 孟 子 曰: 道 在 邇 而 求 諸 遠. 事 在 易 而 求 諸 難. 人 人 親 其 親, 長 其 長, 而 天 下 平 (Mạnh Tử, Ly Lâu [thượng-11], tr.22) (Mạnh Tử nói: «Đạo ở gần lại tìm ở xa, việc thiện dễ lại tìm cái khó. Nếu ai cũng thương yêu họ hàng, trọng kính người trên thì thiên hạ thái bình.»)

- Phật pháp tại thế gian 佛 法 在 世 間

Bất ly thế gian giác, 不 離 世 間 覺

Ly thế mịch bồ đề, 離 世 覓 菩 提

Cáp như cầu thố giác. 恰 如 求 兔 角

Chính kiến danh xuất thế 正 見 名 出 世

Tà kiến danh thế gian. 邪 見 名 世 間

(Pháp Bảo Đàn Kinh, tr.68-69)

[2] Tận tự kỷ đích tâm, một hữu nhất điểm ngụy vọng giá thị trung. Suy kỷ cập nhân sử tha nhân hòa tự kỷ các đắc kỳ sở, các đắc kỳ dục, giá thị thứ. 盡 自 己 的 心, 沒 有 一 點 偽 妄 這 是 忠. 推 己 及 人 使 他 人 和 自 己 各 得 其 所, 各 得 其 欲, 這 是 恕 (Trung Dung kim thích, tr.25) (Ăn ở hết lòng, không có một mảy may gian tà gọi là trung. Suy mình ra người để mọi người được đúng địa vị, được những điều mong muốn đó là thứ.)

Danh ngôn đối chiếu:

[3] «Những muốn nặn, muốn nhào thiên hạ,

Suy cho cùng chẳng khá được nào,

Lòng người nghệ phẩm tối cao,

Ai cho ta nặn ta nhào tự do.

Ngao ngán kẻ mưu đồ như vậy,

Chảng chóng chày hủy hoại lòng người.

Lòng người ai nắm giữ hoài,

Giá tay nắn bóp, bao đời tiêu ma.

Người trần thế muôn hoa đua nở,

Có nhanh chân, cũng có chậm chân.

Người nóng nảy, kẻ lần chần,

Người in gang thép, kẻ thuần đào tơ.

Người kiên gan, kẻ như cánh bướm,

(Nên thánh hiền sùng thượng chữ Khoan)

Chỉ ngăn quá lạm, cực đoan,

Quá giầu, quá chướng, quá ham tiền tài.

(Dịch Lão Tử Đạo Đức Kinh, ch.29)

Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ. Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã. Vi giả, bại chi, chấp giả thất chi. Cố vật hoặc hành, hoặc tùy hoặc hư, hoặc xuy, hoặc cường, hoặc luy, hoặc tỏa, hoặc huy. Thị dĩ thánh nhân khử thậm, khử xa, khử thái. 將 欲 取 天 下 而 為 之, 吾 見 其 不 得 已. 天 下 神 器, 不 可 為 也. 為 者, 敗 之. 執 者, 失 之. 故 物 或 行, 或 隨 或 歔, 或 吹, 或 強, 或 羸, 或 挫, 或 隳. 是 以 聖 人 去 甚, 去 奢, 去 泰.

[4] * Bản dịch của Couvreur:

Il s'applique sérieusement à la pratique de la vertu, mesure que lui-même, et ne s'écarte guère de la voie de la perfection. Il évite de faire aux autres ce qu'il n'aime pas que les autres lui fassent à lui-

même. (Les Quatre Livres. L'Invariable Milieu, p.37)

* Bản dịch của Lâm Ngữ Đường:

L'homme qui met en pratique les principes de sa conscience et la règle de la réciprocité n'est pas éloigné de la loi morale; Ne faites pas aux autres ce que vous ne voudriez pas qu'on vous fît.

Danh ngôn đối chiếu:

Tu aimes le Seigneur ton Dieu de tout ton cœur, de toute ton âme, de toute ta force et de tout ton esprit; et ton prochain comme toi-même. (L'Évangile selon Saint Luc. La Bible de Jérusalem, p.1368)

[5] Ne sois pas arrogant dans ton langage, mou et indolent dans tes actions. (L'Ecclésiaste 4, 29)

[6] Sở vị đạo dã, thị nãi thiên hạ nhân vật chi sở cộng do, sung tắc thiên địa, quán triệt cổ kim, nhi thủ chí cận, tắc thường bất ngoại hồ ngô chi nhất tâm. Tuần chi tắc trị, thất chi tắc loạn. 所 謂 道 也, 是 乃 天 下 人 物 之 所 共 由, 充 塞 天 地, 貫 徹 古 今, 而 取 至 近, 則 常 不 外 乎 吾 之 一 心. 循 之 則 治, 失 之 則 亂.

[7] Kinh Thi, Chưng dân.

[8] Kinh Thư, Khang Cáo. Couvreur dịch: «L'Auguste roi du ciel imprime la loi morale dans le cœur de tous les homme...»

[9] Xin đọc lại bài bình luận chương 1.

[10] Phan Bội Châu, Khổng Học Đăng, q.I, tr.332.

[11] Ibid., tr.331.

[12] Chu Tử cách vật, yêu nhân độc thư. Tượng Sơn khước yêu vấn Chu Tử: «Nghiêu Thuấn chi tiền, sở độc hà thư?» Tượng Sơn cách vật yêu trực chỉ thử tâm, tiên yêu đổng đắc tự kỷ đích bản tâm, tiện thị cách vật. 朱 子 格 物 要 人 讀 書. 象 山 卻 要 問 朱 子: 堯 舜 之 前, 所 讀 何 書. 象 山 格 物 要 直 指 此 心, 先 要 懂 得 自 己 的 本 心, 便 是 格 物 (Trung Quốc Nhất Chu, đệ lục ngũ nhị kỳ, tr.652)

[13] Trung Quốc Nhất Chu, đệ lục ngũ nhị kỳ, tr.652.

[14] Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân. 己 所 不 欲 勿 施 於 人(Luận Ngữ, Nhan Uyên, [ch.12] #2; Vệ Linh Công [ch.15], #23)

Thánh kinh Công giáo có câu tương tự. Xem: Luc VI, 31; Mat 7,12.

[15] Sở ố ư thượng, vô dĩ sử hạ... Sở ố ư tả vô dĩ giao ư hữu. Thị chi vị hiệt củ chi đạo. 所 惡 於 上, 毋 以 使 下... 所 惡 於 左 毋 以 交 於 右. 是 之 謂 絜 矩 之 道 (Đại Học, ch. 10)

[16] Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế. 出 門 如 見 大 賓, 使 民 如 承 大 祭 (Luận Ngữ, Nhan Uyên [ch.12], #2)

[17] Thị cố quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo. Hành nhi thế vi thiên hạ pháp. Ngôn nhi thế vi thiên hạ tắc. Viễn chi tắc hữu vọng, cận chi tắc bất yếm. 是 故 君 子 動 而 世 為 天 下 道. 行 而 世 為 天 下 法. 言 而 世 為 天 下 則. 遠 之 則 有 望. 近 之 則 不 厭 (Trung Dung, ch.29)

[18] Đạo bất viễn nhân 道 不 遠 人:

Cicéron: Non scripta, sed nata lex (loi non pas écrite mais innée.) Lahr, Morale, p.501.

- Il existe une loi conforme à la nature, commune à tous les hommes, raisonnable, éternelle, qui nous

commande la vertu et nous défend l'injustice. Cette loi n'est pas celles qu'il est permis d'enfreindre ou d'éluder, ou qui peuvent être modifiées; ni le peuple, ni les magistrats n'ont le pouvoir de délier des obligations qu'elle impose. Elle n'est pas autre à Rome, autre à Athènes, ni différente aujourd'hui de ce qu'elle sera demain; universelle, inflexible, toujours la même, elle embrasse toutes les nations et tous les siècles. (De Republ.; Lahr, Morale, p.485)

Saint Paul: Opus legis scriptum in cordibus (Rom.II.15) (Gravées dans leur cœur les prescriptions de la loi.)

- Kant có một câu tương tự «quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo»: Agis comme si la maxime de ton action devait être érigée par ta volonté en loi universelle de la nature. (Fondements de la métaphysique des moeurs, 2ème section. Traduction V. Delbos; Delagrave. P. Dupré, Encyclopédie des citations, p.5889)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 14

QUÂN TỬ LẠC THIÊN TRI MỆNH

第十四章

君子素其位而行; 不愿乎其外. 素富貴, 行乎富貴. 素貧賤, 行乎貧賤. 素夷狄, 行乎夷狄. 素患難, 行乎患難. 君子無入而不自得焉. 在上位, 不陵下; 在下位, 不援上. 正己, 而不求於人, 則無怨. 上不怨天, 下不尤人. 故君子居易, 以俟命. 小人行險以徼幸. 子曰: 射有似乎君子: 失諸正鵠, 反求諸其身 .

PHIÊN ÂM

Quân tử tố kỳ vị nhi hành; bất nguyện hồ kỳ ngoại. Tố phú quý, hành hồ phú quý. Tố bần tiện, hành hồ bần tiện. Tố di địch, hành hồ di địch. Tố hoạn nạn,hành hồ hoạn nạn. Quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên. Tại thượng vị, bất lăng hạ; tại hạ vị, bất viên thượng. Chính kỷ, nhi bất cầu ư nhân, tắc vô oán. Thượng bất oán thiên, hạ bất vưu nhân. Cố quân tử cư dị, dĩ sĩ mệnh. Tiểu nhân hành hiểm dĩ kiểu hãnh. Tử viết: «Xạ hữu tự hồ quân tử: thất chư chính hộc, phản cầu chư kỳ thân.»

CHÚ THÍCH

- Di 夷 = mọi rợ (Đông Di 東 夷). - Địch 狄 = mọi rợ (Bắc địch 北 狄). Có một thuyết xưa nói; Đông Di 東 夷, Tây Nhung 西 戎 , Nam Man 南 蠻 , Bắc Địch 北 狄 (Quốc sử đại cương, tr.36)

Cổ chi nhân đắc chí, trạch gia ư dân; bất đắc chí, tu thân hiện ư thế. Cùng, tắc độc thiện kỳ thân. Đạt, tắc kiêm thiện thiên hạ. (Mạnh Tử, Tận tâm [thượng-9], tr.222) 古之人得志, 澤加於民; 不得志, 修身見於世. 窮, 則獨善其身. 達, 則兼善天下 (Người xưa khi đắc chí mà làm quan thì ban bố ân trạch khắp nhân dân. Khi ẩn dật thì bền chí tu thân cho danh tiếng rạng tỏ với đời. Nghèo thì một mình tu dưỡng tâm tính, hiển đạt thì cải thiện cả thiên hạ.)

- Lăng 陵 = khinh khi, vũ nhục. - Viên 援 = cầu giúp đỡ. - Vưu 尤 = qui tội. - Người xưa tập bắn, căng phía trước mặt một miếng vải gọi là hầu 候 , chính giữa miếng vải treo một miếng da gọi là hộc 鵠 , ở giữa miếng da, vẽ một hình vuông gọi là chính 正 hay ◯ (=正+鳥)= «Chính hộc» vì thế là đích (target).

DỊCH CHƯƠNG 14

An bần lạc đạo - Lạc thiên tri mệnh

Người quân tử sống theo địa vị,

Không ước mơ lo nghĩ viễn vông.

Sang giàu sống lối giàu sang,

Nghèo nàn sống lối nghèo nàn ngại chi.

Tới man di, sống y man mọi,

Gặp gian lao, vui nỗi gian lao.

Bất kỳ sống ở cảnh nào,

Lòng người quân tử ra vào thỏa thuê.[1]

Ở cấp trên không đè nén dưới,

Ở dưới không luồn cúi người trên.

Trời, người, chẳng oán chẳng phiền,

Ung dung thanh thản, chờ xem ý trời.

Kẻ tiểu nhân suốt đời tác quái,[2]

Xông gian lao, rong ruổi cầu may.

Người quân tử như tay xạ thủ,

Chệch hồng tâm, lỗi đó trách mình.[3]

BÌNH LUẬN

Chương này tiếp tục nghị luận về những nguyên tắc, những định luật tư nhiên con người cần phải theo để có một đời sống đạo hạnh lý tưởng.

Mấy nguyên tắc ấy là:

- Ăn ở xứng địa vị.

- Không luồn trên hiếp dưới.

- Luôn giữ tâm hồn bình thản, bất kỳ gặp hoàn cảnh nào.

- Sống giản dị chờ đợi mệnh Trời.

1. Quân tử tố kỳ vị nhi hành 君 子 素 其 位 而 行

Quân tử phải ăn ở xứng với địa vị. Vua Thuấn khi hàn vi, ăn lương khô với rau cỏ, lúc làm vua mặc áo đẹp khảy đàn, một cách hết sức tự nhiên, thế là biết ăn ở theo địa vị.

Văn Vương gặp hoạn nạn ở ngục Dũ Lý, tuy biết mình giỏi giang đức độ, nhưng cũng tỏ ra nhu thuận, phục tòng vua Trụ, nhờ vậy đã thoát hiểm, thế là gặp hoạn nạn, đã biết cư xử theo hoạn nạn.

Ở nước ta thì có cụ Nguyễn Công Trứ là một trong những người đã biết tố kỳ vị nhi hành.

Khi cụ phải phát đi làm lính thú tại Quảng Ngãi (năm 1843, lúc 63 tuổi), cụ vào chào quan Tỉnh. Quan Tỉnh cho phép cụ cởi bỏ đồ lính. Cụ đáp: «Cứ xin để vậy. Lúc làm đại tướng tôi không lấy làm vinh, thì nay làm lính tôi không lấy làm nhục. Người ta ở địa vị nào, có nghĩa vụ đối với nghĩa vụ ấy. Làm lính mà không mang đồ ấy thì sao gọi là lính được.» [4]

Trong bài ca Ngất Ngưởng, cụ viết:

«Được mất dương dương người thái thượng,

Khen chê phơi phới ngọn đông phong...» [5]

Trong bài Hành Tàng cụ viết:

«Cảnh cùng thông ai có bận chi đâu,

Mùi tiêu sái với trần gian dễ mấy.

Thơ rằng:

Hữu danh nhàn phú quý,

Vô sự tiểu thần tiên.

Đấng anh hùng an phận lạc thiên,

So trời đất cũng nhất ban xuân ý.» [6]

2. Vô nhập nhi bất tự đắc yên 無 入 而 不 自 得 焉

Nếu người quân tử thả tình có một đời sống nội tâm, một đời sống tinh thần dồi dào, thì những phiền lụy bên ngoài khó ảnh hưởng tới được.

Dương thị cho rằng mình tìm cầu sự hoàn thiện trong thâm tâm mình, tìm nguồn vui trong tâm hồn mình, thì lo chi ngoại cảnh.[7]

Cho nên dẫu cùng thông, tồn vong, đắc táng, hay bĩ thái cũng không làm cho người quân tử mất sự bình yên trong tâm hồn.

Các vị chân tu mọi tôn giáo cũng đều chủ trương như vậy. Tác giả sách Gương Phúc nói: «Lúc nào cũng có Thiên Chúa hiện diện trong lòng mình, không quan tâm đến ngoại cảnh, đó là tâm trạng của người có đời sống bên trong.» [8]

Huệ Năng nói: «Còn như tỏ ngộ được đốn giáo, không chấp sự tu bề ngoài, chỉ do nơi tâm mình hằng phát khởi cái thấy chân chính. Những thứ phiền não trần lao thường không nhiễm được, tức là kiến tính.» [9]

3. Tại thượng vị, bất lăng hạ; tại hạ vị, bất viên thượng 在 上 位 不 陵 下 在 下 位 不 援 上

Nếu ở cấp trên thì phải tỏ ra hết sức hiểu biết, khoan dung đối với người dưới.

Trị người mà người không phục, hãy kiểm soát lại tài trí mình. Yêu người mà người không thương, hãy soát xét lại lòng nhân của mình.

Ở cấp dưới không luồn cúi nịnh bợ người trên, vì nếu người trên có tiền, có chức, thì mình có nhân có nghĩa. Đâu có thua nhau.

4. Cư dị dĩ sĩ mệnh 居 易 以 俟 命

Người quân tử luôn cẩn trọng trong các công việc và lời ăn tiếng nói hằng ngày, còn sứ mạng Trời trao cho là tùy Trời, mình chỉ có việc an nhiên chờ đợi. Đó chính là thái độ của Mạnh Tử. Nhạc Chính Tử giới thiệu Mạnh Tử với vua Lỗ. Vua đã toan đến gặp, nhưng Tang Thương cản trở, vua lại thôi. Mạnh Tử nói: «Ta chẳng hội ngộ với vua nước Lỗ, là tại Trời khiến vậy. Chớ con người họ Tang có tài gì mà ngăn trở sự hội ngộ ấy được?» [10]

5. Thất chư chính hộc, phản cầu chư kỳ thân 失 諸 正 鵠 反 求 諸 其 身

Nếu gặp dở dang chếch mác không vừa ý, thay vì oán Trời trách người, người quân tử lập tức xét lại mình, xét lại sự hiểu biết của mình, chí hướng mình, công phu mình, lề lối làm việc của mình. Gặp khiếm khuyết lập tức lo cải thiện, như vậy nhất định sẽ tiến bước. Sự xét lại mình mỗi khi gặp chuyện không vừa ý, đã được Mạnh Tử giảng giải rất rõ ràng: «Mình thương yêu người mà người chẳng thương mến mình, mình nên tự xét coi mình có đủ lòng nhân hay không. Mình cai trị người mà người chẳng phục tùng mình, nên tự xét coi mình có đủ trí sáng không. Mình lấy lễ đãi người mà người chẳng hồi đáp mình, nên tự xét coi sự kính trọng của mình có toàn vẹn hay chăng. Mình làm việc mà chẳng được kết quả theo ý muốn, vậy mình nên tự xét lấy mình để tìm nguyên nhân sự thất bại. Một vị quốc trưởng trước hết phải giữ mình cho ngay thẳng, sau đó thiên hạ mới quy thuận nghe theo mình.» [11]

Tóm lại luôn giữ tâm hồn thanh thản bất kỳ trong hoàn cảnh nào, luôn cải tiến, tin nơi mình, trách cứ mình mỗi khi gặp chuyện không hay, thực là những nguyên tắc tốt đẹp giúp ta sống an vui lý tưởng.

CHÚ THÍCH

[1] Nhược khả ngộ đốn giáo, bất chấp ngoại tu, đãn thường ư tự tâm thường khởi chính kiến, phiền não trần lao thường bất năng nhiễm, tức thị kiến tính. 若 可 悟 頓 教, 不 執 外 修. 但 常 於 自 心 常 起 正 見, 煩 惱 塵 勞 不 能 染, 即 是 見 性. (Còn như tỏ ngộ được đốn giáo, không chấp sự tu ở bề ngoài, chỉ do nơi tâm mình hằng phát khởi cái thấy chân chính. Những thứ phiền não trần lao thường không nhiễm được, tức là kiến tính.) (Pháp Bảo Đàn Kinh, tr.58-59)

[2] L'homme intelligent a devant lui sagesse, mais les yeux de l'insensé sont à l'extrémité de la terre. (Livre des Proverbes, 17,24)

[3] Mạnh Tử viết: Ái nhân, bất thân, phản kỳ nhân. Trị nhân, bất trị, phản kỳ trí. Lễ nhân, bất đáp, phản kỳ kính. Hành hữu bất đắc giả, giai phản cầu chư kỷ. Kỳ thân chính, nhi thiên hạ qui chi. 孟 子 曰: 愛 人, 不 親, 反 其 仁. 治 人, 不 治, 反 其 智. 禮 人, 不 答, 反 其 敬. 行 有 不 得 者, 皆 反 求 諸 己. 其 身 正, 而 天 下 歸 之 (Mình tự nói: Mình thương yêu người mà người chẳng thương mến mình; mình nên tự xét coi mình có đủ lòng nhân hay không Mình cai trị người, mà người chẳng phục tùng mình, nên xét coi mình có đủ trí sáng không. Mình lấy lễ đãi người, mà người chẳng hồi đáp mình, nên tự xét coi sự kính trọng của mình có toàn vẹn hay chăng. Mình làm việc mà, mà chẳng được kết quả theo ý muốn vậy mình nên tự xét lấy mình để tìm nguyên nhân sự thất bại. Một vị quốc trưởng trước hêt phải giữ mình cho ngay thẳng sau đó thiên hạ mới qui thuận theo mình.) (Mạnh Tư, Ly Lâu [thượng-3], tr.12)

[4] Lê Thước, Sư nghiệp và thi văn của Uy Viễn Tướng Công Nguyễn Công Trứ.

- Đàm Xuân Thiều & Trần Trọng San, Việt Văn Độc Bản, lớp đệ Nhị, tr.10.

[5] Đàm Xuân Thiều & Trần Trọng San, Việt Văn Độc Bản, lớp đệ Nhị, tr.35.

[6] Ibid., tr.21.

[7] Dương thị viết: Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên, hà nguyện hồ ngoại chi hữu. 萬 物 皆 備 於 我, 反 身 而 成 樂 莫 大 焉, 何 願 乎 外 之 有 (Trung Dung Hoặc Vấn, tr.67b)

[8] L'Imitation de Jésus-Christ, ch.VI,4.

[9] Pháp Bảo Đàn Kinh, phẩm Bát Nhã, câu 24.

[10] Mạnh Tử, Lương Huệ Vương [hạ-16].

[11] Mạnh Tử, Ly Lâu [thượng-3].

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 15

TIÊN TU KỲ THÂN HẬU TRỊ KỲ QUỐC

第 十 五 章

君 子 之 道, 辟 如 行 遠, 必 自 邇; 辟 如 登 高, 必 自 卑. 詩 曰: 妻 子 好 合, 如 鼓 瑟 琴; 兄 弟 既 翕 ,和 樂 且 耽; 宜 爾 室 家, 樂 爾 妻 帑. 子 曰: 父 母 其 順 矣 乎.

PHIÊN ÂM

Quân tử chi đạo, thí như hành viễn, tất tự nhĩ; thí như đăng cao, tất tự ti. Thi viết: «Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm; huynh đệ ký hấp, hòa lạc thả thầm; nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa.»[1] Tử viết: «Phụ mẫu kỳ thuận hĩ hồ.» [2]

CHÚ THÍCH

- Thí 辟 = ví như. - Ti 卑 = thấp. - Thầm 耽 = vui.

- Nhĩ 邇 = gần. - Hấp 翕 = hòa hợp. - Noa 帑 = con cái

DỊCH CHƯƠNG 15

Tiên tu kỳ thân, hậu trị kỳ quốc

Đạo quân tử như in lữ thứ,

Muốn đi xa phải tự chỗ gần.

Đạo người như cuộc đăng san.

Muốn lên tới đỉnh, đầu dàng là chân.

Kinh Thi rằng:

Gia đình thê tử vui vầy,[3]

Đàn cầm đàn sắt so giây êm đềm.

Anh em trong ấm ngoài êm,

Thuận hòa vui vẻ, dưới trên sum vầy

Gia đình như thế hay thay,

Vợ con thảo thuận, tháng ngày yên vui.

Mẹ cha trông xuống thảnh thơi.

BÌNH LUẬN

Tu thân cũng như làm bất kỳ công việc gì, phải đi từ dễ đến khó, từ gần đến xa.

Y Doãn cũng đã khuyên vua Thái Giáp y như vậy: «Nhược đăng cao tất tự ti, nhược trắc hà tắc tự

nhĩ.» (Muốn lên cao tất từ thấp, muốn đi xa tất từ gần.) [4]

Lão Tử cũng nói: «Làm khó phải từ dễ, làm to phải từ nhỏ.» [5]

Đạo Đức Kinh còn viết thêm:

«Cây to mấy sải tay ôm,
Thoạt tiên là một mầm non sá nào.
Đài cao, cao chín tầng cao,
Cũng từ mặt đất xây bao dần dần.
Con đường nghìn dặm xa xăm,
Bắt đầu cũng ở dưới chân bộ hành.» [6]

Áp dụng vào cuộc đời, cần phải tu thân, cần phải trở nên hoàn thiện, cần phải biết làm cho gia đình êm ấm hòa hợp trước, rồi mới nói đến việc trị quốc an dân.

Đó là phương pháp vua Nghiêu đã dùng. Kinh Thư chép: «Ngài trau dồi nhân đức, để có thể làm cho chín họ hòa mục. Chín họ đã hòa mục, ngài vỗ yên bách tính. Bách tính an vui, ngài hiệp hòa thiên hạ.» [7]

Đó cũng là phương pháp đã được đề xướng trong Đại Học.

CHÚ THÍCH

[1] Mao Thi, Tiểu nhã, Thường lệ thiên.

[2] Danh ngôn đối chiếu:

Nhược đăng cao tất tự ti, nhược bồ hà tất tự nhĩ. (Kinh Thư, Thái giáp hạ) (Như trèo cao tất tự thấp, như đi xa tất tự gần.)

- Cố quý dĩ tiện vi bản. Cao dĩ hạ vi cơ. 故 貴 以 賤 為 本 高 以 下 為 基 (Đạo Đức Kinh, ch.39)

[3] Danh ngôn đối chiếu:

Ton épouse sera comme une vigne féconde dans l'intérieur de ta maison. Tes fils comme des plants d'olivier autour de la table. Voilà comment sera béni l'homme qui craint Yahveh. (Psaume, 127, 2, 4)

Il est trois choses que mon âme désire qui sont agréables à Dieu et aux hommes: L'accord entre freres, l'amitié entre voisins, un mari et une femme qui s'entendent bien. (L'Ecclésiaste 24, 25)

[4] 若 登 高 必 自 卑 若 陟 遐 必 自 邇 (Kinh Thư, Thái Giáp [hạ-4])

[5] Đồ nan ư kỳ dị, vi đại ư kỳ tế. 圖 難 於 其 易, 為 大 於 其 細 (Đạo Đức Kinh, ch.63)

[6] Hợp bão chi mộc, sinh ư hào mạt, cửu tầng chi đài, khởi ư lụy thổ, thiên lý chi hành, thủy ư túc hạ. 合 抱 之 木, 生 於 毫 末, 九 層 之 台, 起 於 累 土, 千 里 之 行, 始 於 足 下 (Đạo Đức Kinh, ch.64)

[7] Khắc minh tuấn đức dĩ thân cửu tộc. Cửu tộc ký mục, bình chương bách tính. Bách tính chiêu minh, hiệp hòa vạn bang. 克 明 俊 德 以 親 九 族. 九 族 記 睦, 平 章 百 姓. 百 姓 昭 明, 協 和 萬 邦 (Kinh Thư, Nghiêu điển, 2)

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 16

TRỜI CHẲNG XA NGƯỜI

第十六章

子曰: 鬼神之為德, 其盛矣乎. 視之而弗見, 聽之而弗聞; 體物而不可遺. 使天下之人, 齊明盛服, 以承祭祀. 洋洋乎, 如在其上, 如在其左右. 詩曰: 神之格思, 不可度思; 矧可射思. 夫微之顯, 誠之不可掩如此夫.

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Quỉ thần chi vi đức, kỳ thịnh hĩ hồ! Thị chi nhi phất kiến, thính chi nhi phất văn; thể vật nhi bất khả di. Sử thiên hạ chi nhân, tề minh thịnh phục, dĩ thừa tế tự. Dương dương hồ, như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu!» Thi viết: «Thần chi cách tư, bất khả đạc tư; thần khả địch tư.» Phù vi chi hiển, thành chi bất khả yểm như thử phù!

CHÚ THÍCH

- Quỉ 鬼 = mânes (vong hồn). - Thần 神 = esprits = Quỉ thần thể vật 鬼神體物 (Tự điển Couvreur giải: Spiritus cum rebus unum sunt = Thần linh hợp nhất cùng vạn vật). - Dương dương 洋洋 = mênh mông man mác. - Cách 格 = đến. - Tư 思 = trợ ngữ từ. - Thẩn 矧 = huống chi. - Địch 射 = khinh nhờn. - Yểm 掩 = che lấp. - Xem như lời Kinh Thi nói, thời viết rằng quỷ thần tức là thiên đạo, mà thiên đạo vẫn có sẵn ở nơi nhân tâm; duy cái chân lý đó không phải văn tự mà hình dung được hết. (Phan Bội Châu, Khổng học đăng I, tr.343)

DỊCH CHƯƠNG 16

Thiên nhân tương dữ

Quyền phép thần linh oai hùng khôn xiết,
Nhìn chẳng ra, nghe cũng chẳng thấy gì.
Những vẫn lồng vào vạn vật chẳng phân ly.
Khiến chay tịnh tâm hồn, chững chàng áo xống,
Mới cho làm những việc tâm thành thờ phụng.
Man mác y như phất phưởng ở trên,
Linh lung y như mường tượng ở hai bên.
Thần giáng lâm lúc nào ta đâu biết
Cớ sao ta dám bơ thờ khinh miệt
Thật siêu vi nhưng vẫn hiển hình,
Quá hoàn hảo, nên không che nổi oai linh.[1]

BÌNH LUẬN

Chương này dựa vào niềm tín ngưỡng dân gian để chứng minh rằng: Đạo chẳng xa người, Trời chẳng xa người.

Khảo sát niềm tín ngưỡng trong dân gian ta thấy rằng:

- Thần linh chẳng có xa người, vì hằng ngày lồng trong vạn vật và trong con người.[2]

- Không hiển hình nhưng vẫn hiện diện.

Khiến một người phải trai giới hẳn hoi, y phục tề chỉnh, mới được lễ bái, vì tế thần như thần tại.[3]

Như vậy ta thấy rằng thần linh chẳng có xa người, và thần linh giáng lâm ta đâu có hay biết. Đó là quan điểm của Kinh Thi mà Trung Dung đã nhắc lại.

Ta có thể nói rằng Trung Dung dùng chương này để chứng minh Đạo chẳng xa người, chữ Đạo đây phải hiểu là Lý, là Thiên, là Trời.

Lối giải thích này không có gì là gượng ép.

Thực vậy, thánh hiền Trung Hoa từ thượng cổ đã tin rằng Trời chẳng xa người. Kinh Thi đã có những câu: Thượng Đế lâm nhữ,[4] hay Bất hiển diệc lâm.[5]

Trong Luận Ngữ, đức Khổng đã bộc lộ niềm tin ấy trong nhiều trường hợp. Ngài cho rằng:

- Ngài là vẻ sáng của Trời.[6]

- Chỉ có Trời mới hiểu ngài, và hiểu công phu tu luyện của ngài.[7]

- Trời chứng giám lòng ngay thẳng của ngài.[8]

- Phạm tội đến Trời thì còn cầu đảo ai được nữa.[9]

- Và khi đã có Trời hiện diện trong lòng mình, thì suốt đời là bài kinh nguyện trường thiên, còn phải lo gì tế tự, cầu xin van vái thánh thần nào khác.[10]

Chương 16 này của Trung Dung cũng dành cho ta lắm điều bất ngờ.

- Thoạt đầu dùng chữ quỷ thần.

- Tiếp theo, dùng nguyên chữ Thần.

- Cuối cùng, dùng chữ thành là hoàn thiện, để mô tả đức tính thần linh. Nhưng Trung Dung cũng đã minh định rằng: Thành giả, Thiên chi đạo dã. (Hoàn toàn là đạo Trời.)

Như vậy chẳng ám chỉ đến Trời là gì?

Hơn nữa Trung Dung dạy ta phải dày Thiên đức, Thiên đạo, thực hiện chữ thành, dạy ta phối thiên, chớ có dạy ta đạt quỷ thần chi đức đâu?

Đàng khác Chu Hi cho rằng chương này cốt chứng minh: Đạo chẳng xa người. Các nhà bình giải cho rằng: Đạo thuộc hình nhi thượng, còn quỷ thần thuộc hình nhi hạ; quỷ thần chẳng qua là hai phương diện khuất thân lai vãng của Đạo. Nếu vậy, chứng minh quỷ thần chẳng xa người, tức là đã chứng minh Đạo hay Trời chẳng xa người vậy. Vả lại cứ theo mạch sách Trung Dung phải giải đoạn này là Trời chẳng xa người thì mới tìm ra được sự duy nhất của sách.

Quan niệm Trời chẳng xa người là quan niệm của các bậc hiền thánh xưa nay.

Ramakrishna nói: «Thượng Đế ở trong mọi người, nhưng mọi người không có trong Thượng Đế, vì vậy

mà họ khổ đau tục lụy.» [11]

Thánh Jean de la Croix viết: «Phải biết rằng Thiên Chúa ở trong mọi tâm hồn, dẫu là tâm hồn của kẻ tội lỗi nhất thiên hạ, và sự hiện diện bằng bản tính ngài. Thiên Chúa cũng ở trong vạn vật y thức như vậy, nhờ vậy vạn vật mới sinh tồn; chẳng vậy, vạn vật sẽ trở thành hư vô ngay lập tức.» [12]

Mục đích chính yếu của sách Phúc Âm là giúp cho mọi người nhận biết rằng Trời người chẳng có xa nhau,[13] người mà sống lìa xa Trời sẽ tử vong, tiêu tẫn,[14] nước Trời cũng như Trời chẳng có ở đâu xa mà đã ở trong đáy lòng con người,[15] và mục đích Tân Ước là phối hợp Trời người cho nên một.[16]

CHÚ THÍCH

[1] Mao Thi, Đại nhã, Ức thiên:

Thị nhĩ hữu quân tử	視 爾 友 君 子
Chấp nhu nhĩ nhan	輯 柔 爾 顏
Bất hà hữu khiên	不 遐 有 愆
Tướng tại nhĩ thất	相 在 爾 室
Thượng bất quý vu ốc lậu.	尚 不 愧 于 屋 漏
Vô viết bất hiển	無 曰 不 顯
Mạc dư vân cấu	莫 予 云 覯
Thần chi cách tư	神 之 格 思
Bất khả đạc tư	不 可 度 思
Thẩn khả địch tư.	矧 可 射 思

Khi bầu bạn với người quân tử,

Phải dịu dàng vui vẻ dung nhan.

Tức là tránh được lỗi lầm,

Còn đâu lầm lỗi đồn gần đồn xa.

Chái tây bắc góc nhà thanh vắng,

Đừng làm chi đáng để hổ ngươi.

Đừng rằng tăm tối chơi vơi,

Đừng rằng tăm tối ai người thấy ta.

Thần giáng lâm ai mà hay biết

Nên dám đâu khinh miệt để người.

- Dieu réside dans tous les hommes, mais eux ne sont pas en lui et de là viennent leurs souffrances. (L'Enseignement de Ramakrishna, p.409)

- On demande un jour à Shri Ramakrishna. Comment le Seigneur réside-il dans le corps humain. Il répondit «Comme le piston d'un seringue, il est dans le corps et cependant distinct de lui. (Ibid., p.500)

[2] Thể vật nhi bất khả di.

[3] Luận Ngữ, Bát dật (ch.2), #12.

[4] Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương thất chương, bát cú.

[5] Kinh Thi, Đại Nhã, Tư trai, tứ chương, lục cú.

[6] Luận Ngữ, Tử Hãn (ch.9), #5.

[7] Luận Ngữ, Hiến vấn (ch.14), #37.

[8] Luận Ngữ, Ung dã (ch.6), #26.

[9] Luận Ngữ, Bát dật (ch.3), #13.

[10] Luận Ngữ, Thuật nhi (ch.7), #34.

[11] Dieu réside dans tous les hommes, mais eux ne sont pas en lui et de là viennent leurs souffrances. (L'Enseignement de Ramakrishna, p.409)

[12] Il faut savoir que Dieu demeure en toutes les âmes, fut-ce celle du plus grand pécheur du monde et y est présent en substance. Et cette manière d'union est toujours entre Dieu et toutes les créatures, selon laquelle il les conserve en leur être, de sorte que si elle venait à leur manquer elle s'anéantiraient aussitôt et ne seraient plus... (La montée du Carmel; Desclée et Brower, Les oeuvres spirituelles du bien heureux Père Jean de la Croix. p.133-134)

[13] Anh em há chẳng biết mình là đền thờ của Thiên Chúa, và Thần Chúa ở trong anh em sao? (I. Cor. 13,16)

[14] Ta là gốc nho, các người là nhánh… Nếu ai chẳng ở trong ta thì phải ném ra ngoài, cũng như nhánh nho và nó sẽ héo đi. (Jean 15,5-6)

[15] Nước Trời ở trong anh em. (Luc 17,21)

- Hãy ngợi khen và hãy mang Thiên Chúa trong mình anh em. (I. Cor 6,20)

[16] Để cho ai nấy hợp làm một như Cha ở trong con, và con ở trong Cha, lại để cho họ ở trong lòng chúng ta. (Jean 17,21)

- Để cho Thiên Chúa là mọi sự trong mọi người. (I. Cor 15,28)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 17

HẠNH PHÚC CỦA THÁNH NHÂN

第十七章

子曰: 舜其大孝也與. 德為聖人尊為天子, 富有四海之內; 宗廟饗之; 子孫保之. 故大德必得其位, 必得其祿, 必得其名, 必得其壽. 故天之生物, 必因其材而篤焉. 故栽者培之; 傾者覆之. 詩曰: 嘉樂君子, 憲憲令德; 宜民宜人, 受祿于天, 保佑命之, 自天申之. 故大德者必受命.

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Thuấn kỳ đại hiếu dã dư! Đức vi thánh nhân tôn vi thiên tử, phú hữu tứ hải chi nội; tông miếu hưởng chi; tử tôn bảo chi.[1] Cố đại đức tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ.[2] Cố thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên. Cố tài giả bồi chi; khuynh giả phúc chi. Thi viết: Gia lạc quân tử, hiến hiến lệnh đức; nghi dân nghi nhân, thụ lộc vu thiên, bảo hựu mệnh chi, tự Thiên thân chi.[3] Cố đại đức giả tất thụ mệnh.

CHÚ THÍCH

- Tứ hải 四 海 = Đông hải, Nam hải, Tây hải, Bắc hải

= Thiên hạ. - Tông miếu 宗 廟 = nơi vua chúa xưa thờ cúng tổ tiên. - Tài 栽 = bản chất. – Gia 嘉 = đẹp. - Hiến hiến 憲 憲 = hiển hiển = rực rỡ. - Lệnh 令 = tốt. - Dân 民 = dân chúng. - Nhân 人 = nhân sĩ, người có địa vị. - Thân 申= nể vì, trọng vọng

DỊCH CHƯƠNG 17

Hạnh phúc của thánh nhân

Đức Khổng nói:

Vua Thuấn thật là con người hiếu thảo.[4]

Có đức thánh nhân, có ngôi trời báu.[5]

Tổ tiên nơi tông miếu được cao dao.

Con con cháu cháu đều nương vào tiếng cả.[6]

Có đức lớn rồi, ngôi vị đâu có khó,

Bổng lộc theo, danh giá cũng chạy theo.[7]

Sống lâu thêm, tuổi thọ cũng thêm nhiều.[8]

Vì xưa nay, trời sinh ra muôn vật,

Đều chắt chiu,tùy theo tài theo chất.

Đã tốt tươi, chăm đẫm tốt tươi thêm,

Đã nghiêng ngả, chặt cho hết ngả nghiêng.[9]

Thơ rằng:

«Đẹp tươi thay là người quân tử,

Làm chói chang đức cả huy hoàng.

Vừa trên thuận dưới đôi đàng,

Trời cho phúc lộc, bảo ban hộ trì.

Đã được trời nể vì hướng dẫn,[10]

Đức cao siêu sẽ lãnh mệnh trời.

BÌNH LUẬN

Chương này cũng như hai chương tiếp bàn về hạnh phúc của thánh nhân, bàn về những ân sủng của Trời ban cho các bậc thánh như vua Thuấn, vua Văn, vua Vũ.

Nhờ sự tu nhân tích đức, tâm hồn các vị thánh hiền rạng tỏ dần, và khi long vân gặp hội, khi đức cả cảm ứng được đất trời sẽ đạt tới địa vị cao sang tuyệt phẩm.

Những vị thánh hiền đạt thiên đức sẽ được lộc, được vị, được danh, được thọ. Danh tiếng các ngài sẽ lâu bền với núi sông.

Luật đất trời là: đã tốt tươi thì tài bồi thêm tươi tốt; đã tàn tạ thì sẽ bị vứt bỏ đi. Xưa nay bất kỳ ai đã vượt thang tiến hóa, lên tới mức đại trí, đại đức, đều được kính tôn trọng vọng. Trung Dung đã hết lời tán tụng vua Thuấn, vua Văn, vua Vũ.

Nếu ta sánh đoạn này với thánh kinh Công giáo ta sẽ thấy có nhiều điểm tương đồng kỳ lạ. Sách Châm Ngôn nói: «Vinh quang là sản nghiệp của thánh hiền.» [11]

Thánh Vịnh David nói:

«Phúc ai kính sợ Chúa Trời,

Lòng hằng vui thích luật người vâng theo.

Đông con cháu thêm nhiều thế lực,

Dòng người ngay được phúc trên đời.

Cửa nhà thịnh vượng vui tươi,

Đức công với tháng ngày trôi càng bền.» [12]

Sách Minh Triết viết: «Ân sủng Chúa và lòng nhân từ ngài luôn luôn lưu tâm đến các bậc ấy.» [13]

Phúc Âm Matthieu viết: «Hãy tìm nước Trời và sự công chính trước, rồi mọi sự ấy sẽ thêm cho sau.» [14]

Lại viết: «Và kẻ nào đã có, sẽ được cho thêm, và sẽ có đầy rẫy; nhưng kẻ nào đã không có, sẽ bị cất mất đi những gì nó có.» [15]

CHÚ THÍCH

[1] Nước Trần tức là hậu duệ của vua Thuấn.

[2] Vua Thuấn thọ 118 tuổi.

[3] Mao Thi, Đại nhã Gia Lạc thiên.

[4] Heureux l'homme qui trouve la sagesse et l'homme qui acquiert l'intelligence. Son gain l'emporte sur celui de l'argent et son profit sur l'or pur. (Proverbes 5,13)

[5] La gloire sera le lot des sages. (Proverbes 3,35)

[6] L'homme de bien laisse son héritage aux enfants de ses enfants. (Proverbes 13,22)

[7] Heureux l'homme qui craint Yahweh,

Qui bien se plaît à ses préceptes,

Sa lignée sera puissante sur la terre,

Et bénie la race des hommes droits.

Opulence et bien-être en sa maison.

Sa justice demeurera à jamais.

(La Bible de Jérusalem, Psaume 112. III)

[8] L'immortalité est le fruit de l'union avec la sagesse. (Livre de Sagesse, 8, 17)

[9] Car à celui qui a, on donnera et il y aura pour lui surabondance, mais à celui qui n'a pas, on enlèvera même ce qu'il a. (Mathieu 25,29)

[10] La grâce de Dieu et sa miséricorde accompagnent ses élus, et qu'il a souci de ses saints. (Livre de Sagesse, 4, 15)

[11] Proverbes 3,35.

[12] Đoàn văn Thăng, Thánh Vịnh Toàn Tập, thánh vịnh 112, tr.59. Psaume 112 (III), Bible de Jérusalem.

[13] Livre de la Sagesse 4-15.

[14] Matthieu 6,33.

[15] Matthieu 25,29.

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 18

HẠNH PHÚC CỦA THÁNH NHÂN (tt)

第 十 八 章

子 曰: 無 憂 者, 其 惟 文 王 乎. 以 王 季 為 父, 以 武 王 為 子, 父 作 之, 子 述 之, 武 王 纘 大 王, 王 季, 文 王 之 緒. 壹 戎 衣, 而 有 天 下. 身 不 失 天 下 之 顯 名. 尊 為 天 子, 富 有 四 海 之 內, 宗 廟 饗 之, 子 孫 保 之. 武 王 末 受 命 周 公 成 文 武 之 德; 追 王 大 王, 王 季, 上 祀 先 公, 以 天 子 之 禮. 斯 禮 也 達 乎 諸 侯, 大 夫, 及 士, 庶 人. 父 為 大 夫, 子 為 士, 葬 以 大 夫, 祭 以 士. 父 為 士, 子 為 大 夫, 葬 以 士, 祭 以 大 夫. 期 之 喪 達 乎 大 夫. 三 年 之 喪 達 乎 天 子. 父 母 之 喪, 無 貴 賤 一 也.

PHIÊN ÂM

Tử viết: «Vô ưu giả, kỳ duy Văn Vương hồ. Dĩ Vương Quí vi phụ, dĩ Võ Vương vi tử; phụ tác chi, tử thuật chi, Võ Vương toản Thái Vương, Vương Quý, Văn Vương chi tự. Nhất nhung y, nhi hữu thiên hạ. Thân bất thất thiên hạ chi hiển danh. Tôn vi Thiên tử, phú hữu tứ hải chi nội, tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi. Võ Vương mạt thụ mệnh Châu công thành Văn Võ chi đức; truy vương Thái Vương, Vương Quí, thượng tự tiên công, dĩ Thiên tử chi lễ. Tư lễ dã đạt hồ chư hầu, đại phu, cập sĩ, thứ nhân. Phụ vi đại phu, tử vi sĩ, táng dĩ đại phu, tế dĩ sĩ. Phụ vi sĩ, tử vi đại phu, táng dĩ sĩ, tế dĩ đại phu. Cơ chi tang đạt hồ đại phu. Tam niên chi tang đạt hồ thiên tử. Phụ mẫu chi tang, vô quí tiện nhất dã.

CHÚ THÍCH

- Vương Quí 王 季 = Con ông Cổ Công Đản Phụ tên là Quí Lịch 季 歷; lấy bà Thái Nhậm 太 任 đẻ ra Văn Vương. - Văn Vương 文 王 = tên Xương, làm Tây Bá đời vua Trụ 紂 . - Võ Vương 武 王 = Con vua Văn Vương tên Phát. - Toản 纘 = kế tục, kế tiếp. - Tự 緒 = nghiệp. - Nhung Y 戎 衣 = áo mặc đi đánh giặc. Có nhiều tác giả giải chữ Nhất nhung 壹 戎 衣 như sau: nhất 壹= 殪 = ế = giết; Nhung 戎= đại = lớn; Y 衣= 殷 Ân = Nhà Ân. Người nước Tề đọc Ân 殷 là Y 衣. Trong kinh thi thiên Khang cáo có chữ: 壹 戎 殷 (Trung Dung Kim Thích, tr.34) - Mạt 末= giả. - Châu Công 周 公 = Con Văn Vương, em Võ Vương, tên Đán. Sau ông còn phụ tá vua Thành Vương trị nước. - Cơ 期 = giáp năm

- Tang một năm là tang những người bàng hệ, thân thuộc, chỉ áp dụng tới hàng đại phu. Thiên tử, chư hầu không theo lệ này.

- Tang ba năm có hai loại (theo lễ nhà Ân): a) Tang cha mẹ; b) Tang khác ((1) Chư hầu tang Thiên tử, (2) Đại phu tang quốc quân, (3) Đích tôn nối nghiệp tang tổ phụ mẫu, (4) Vua kế vị để tang vua trước, (5) Cha để tang con trưởng, (6) Thiên tử để tang hoàng hậu.)

- Tang cha mẹ thì nhất luật ba năm. Tang loại khác thì chỉ áp dụng trong những trường hợp hãn hữu. (Trung Dung kim thích, tr.35-36)

DỊCH CHƯƠNG 18

Hạnh phúc của thánh nhân

Đức Khổng có nói:

Vua Văn thảnh thơi vô tư lư

Vương Quí cha, Vua Vũ là con.

Cha làm con nối nghiệp luôn,

Thái Vương, Văn Quí, Văn Vương một giòng.

Võ Vương nối nghiệp cha ông,

Phá tan binh Trụ thâu tròn giang san.

Danh tiếng Ngài lừng vang thiên hạ

Lên ngôi trời trị cả bốn phương.

Tổ tiên tông miếu hiển dương,

Con con, cháu cháu, vẻ vang oai quyền.[1]

Võ Vương già mới lên trị nước,

Nhờ Châu Công phụ lực hưng bang.

Tổ tiên đều được truy phong,

Thái Vương, Vương Quí đều đồng tước vương.

Lễ thiên tử đem dùng tế tự

Tế tổ tiên ghi nhớ tiên công.

Lễ này từ đó phổ thông,

Chư hầu, sĩ thứ, chúng dân đều dùng.

Cha là quan, nếu con là sĩ,

Táng theo quan mà tế theo dân.

Cha dân mà có con quan,

Táng theo sĩ thứ, tế hàng sĩ phu.

Năm tang tùy một hay ba,

Tùy là thân thích hay là song thân.

Tang thân thích một năm ấy lệ,

Từ dân gian cho chí đại phu.

Ba năm: tang mẹ, tang cha,

Thứ dân, Thiên tử đều là một khuôn.[2]

BÌNH LUẬN

Chương này tiếp tục bàn về hạnh phúc của thánh nhân, lấy vua Văn, vua Võ làm thí dụ để chứng minh rằng những người đạt tới mức nội thánh ngoại vương sẽ được Trời ban cho nhiều ân sủng. Cố đại đức tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ. Có khi còn lãnh được mệnh Trời, thay Trời trị dân, lập khuôn phép cho thiên hạ khắp nơi phải khuôn theo, làm vinh danh cho tông tổ và cũng bảo vệ

được cho con cháu lâu dài.

Đọc đoạn này ta liên tưởng một câu khác cũng rất chí lý trong Trung Dung:

«Mỗi động tác quân tử đều nên như mẫu mực,

Mỗi lời nói, thiên hạ đời sau sẽ nương vào.» [3]

Ta cũng lại thấy rằng khi lập ra những lễ nghi phép tắc, Võ Vương và Châu Công vẫn áp dụng định luật hiệt củ, tức là suy bụng ta ra bụng người.

CHÚ THÍCH

[1] Heureux l'homme qui craint Yahweh, qui met tout son plaisir à pratiquer ses commandements.

- Sa postérité sera puissante sur la terre,

La race des hommes droits sera bénie.

Bien-être et richesse sont dans sa maison,

Et sa justice subsiste à jamais. (Psaume 112 [111] 1-3)

[2] Danh ngôn đối chiếu:

De tout ton cœur honore ton père

Et n'oublie jamais ce qu'a souffert ta mère.

Souviens-toi qu'ils t'ont donné le jour:

Que leur offriras-tu en échange

de ce qu'ils ont fait pour toi? (L'Ecclésiaste 7, 27)

[3] Trung Dung, ch.29.

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

Chương 19

HIẾU LÀ NỐI CHÍ TỔ TÔNG

第十九章

子曰: 武王, 周公其達孝矣乎. 夫孝者, 善繼人之志, 善述人之事者也. 春秋, 修其祖廟, 陳其宗器, 設其裳衣, 荐其時食. 宗廟之禮所以序昭, 穆也. 序爵, 所以辨貴賤也. 序事, 所以辨賢也. 旅酬下為上, 所以達賤也. 燕毛, 所以序齒也. 踐其位, 行其禮, 奏其樂, 敬其所尊, 愛其所親, 事死如事生, 事亡如事存, 孝之至也. 郊社之禮, 所以事上帝也. 宗廟之禮所以祀乎其先也. 明乎郊社之禮, 禘嘗之義, 治國其如示諸掌乎.

PHIÊN ÂM

Tử viết: Võ vương, Châu công kỳ đạt hiếu hĩ hồ! Phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã. Xuân thu tu kỳ tổ miếu, trần kỳ tông khí, thiết kỳ thường y tiến kỳ thời thực. Tông miếu chi lễ, sở dĩ tự chiêu, mục dã. Tự tước, sở dĩ biện quí tiện dã. Tự sự, sở dĩ biện hiền dã. Lữ thù hạ vị thượng, sở dĩ đãi tiện dã. Yến mao, sở dĩ tự xỉ dã. Tiễn kỳ vị, hành kỳ lễ, tấu kỳ nhạc, kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã. Giao xã chi lễ, sở dĩ sự Thượng Đế dã. Tông miếu chi lễ, sở dĩ tự hồ kỳ tiên dã. Minh hồ giao xã chi lễ, đế thường chi nghĩa, trị quốc như thị chư chưởng hồ?

CHÚ THÍCH

- Đạt 達= thông suốt. - Trần 陳 = bày. - Tông khí 宗 器 = Đồ dùng để tế tự (như: Tôn 樽= chén rượu; Chản 琖 = chén rượu; Tế 斖= ve, ly; Lôi 罍 = chén uống rượu; Giả 斚 = chén ngọc; Thịnh 盛 = bát đựng xôi; Biên 籩 = cái để bày hoa quả và xôi để cúng.) - Thường Y 裳 衣 = áo xống của tổ tiên xưa. - Tiến 薦 = hiến dâng. - Thời thực 時 食 = vật thực theo mùa. - Chiêu mục 昭 穆 = trong tông miếu, bên tả gọi là chiêu, bên hữu gọi là mục. Họ hàng lúc dự tế đứng sắp hàng theo thế hệ mà đứng bên chiêu hay bên mục. Tông miếu đời Châu có cửu miếu xếp như sau:

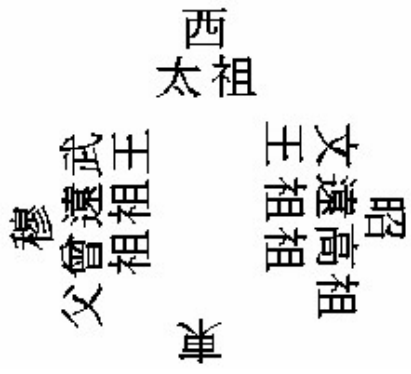

(Les 4 Livres, Couvreur Lexique, tra chữ Miếu 廟 .)

- Lữ 旅= chúng. - Đãi 逮 = tới. - Tiễn 踐= bước lên, dẫm lên, theo. - Tấu 奏 = đánh nhạc. - Giao 郊 = tế trời. - Xã 社 = tế đất. - Sự 事 = thờ. - Đế 禘 = đại tế ở tông miếu, Thiên tử đứng tế, năm năm mới có một

lần. - Thường 嘗 = Tế tông miếu vào mùa thu. - Tự 祀= tế (sacrifice, offrande, faire un sacrifice ou une offrande). - Thị 示= xem. - Chưởng 掌= bàn tay.[1]

DỊCH CHƯƠNG 19

Hiếu là nối chí tổ tông

Võ Vương, Châu Công thông đạo hiếu,
Chí tổ tông cố liệu noi theo.
Nghiệp xưa, tôn tổ mọi điều,
Con người hiếu thảo y chiều khuếch trương.
Xuân thu tới sửa sang miếu mạo,
Bao đồ thờ, xiêm áo bày ra.
Mùa nào thức ấy hương hoa,
Nhờ kỳ lễ tổ nhận ra họ hàng.
Theo chức tước, biết sang biết khó,
Theo phân công tỏ rõ hiền ngu.
Rồi ra chén tạc, chén thù,
Dưới trên chuốc chén, nhỏ to đãi đằng.
Khi yến ẩm mới phân già trẻ,
Theo tóc răng định lẽ dưới trên.[2]
Ngôi xưa nối gót bước lên,
Lễ xưa tôn tổ giữ nguyên chẳng rời.
Nhạc cha ông không thôi hòa tấu,
Người yêu gì ta cũng dấu tôn.
Trước sau mất cũng như còn,
Dẫu là sống thác chẳng mòn tình thâm.
Lòng hiếu thuận không phân sống chết,
Thế mới là trọn hết đạo con.[3]
Xã, giao mượn lẽ càn khôn,
Hai mùa đông hạ,[4] cốt tôn kính trời.
Nơi tông miếu tế người đã khuất,
Để tri ân công đức sinh thành.
Xã, Giao nếu rõ mối manh,
Đế, Thường nếu biết ngọn ngành duyên do.
Nếu rõ biết tinh hoa ý nghĩa
Trị quốc gia như thể trở tay.[5]

BÌNH LUẬN

Chương này bàn về lòng hiếu thảo sáng suốt của Văn Vương và Châu Công, cũng như phương pháp rất tế vi nhưng hữu hiệu mà các ngài đã dùng để cải hóa toàn dân thiên hạ.

Trước hết, Trung Dung cho rằng hiếu thảo sáng suốt là nối được chí lớn của tổ tiên, tiếp tục được sự nghiệp hãy còn dang dở của tổ tiên.

Người xưa lập ra lễ Giao, Xã là cốt để thờ Trời, để kính nhớ tổ tiên. Nói rằng kính nhớ tổ tiên vì Trung Dung cho rằng trọng người chết cũng như người còn sống, trọng người đã khuất như người hãy còn. Các linh mục dòng Tên xưa đã dựa vào hai câu «Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn» này mà xin Giáo Hội La Mã cho phép những người Trung Hoa, dù đã theo đạo Công giáo, cũng vẫn được tiếp tục thờ cúng tổ tiên. Nhưng tiếc thay Giáo Hội La Mã không chịu, và khi chịu thì quá muộn rồi.[6]

Các nghi lễ trên còn có mục đích nhắc nhớ rằng con người có gốc có nguồn. Nguồn gốc gần là tổ tiên, nguồn gốc xa nhưng chân thực là Trời. Ngoài ra những cuộc tế lễ này còn là những dịp rất long trọng, rất tự nhiên để dạy con người biết kính sợ Trời, biết nối chí lớn của tổ tiên để luôn tự miễn tự cường, tiến đức tu nghiệp, biết ăn ở cho phải đạo làm người, biết kính trên nhường dưới, biết trọng tài năng và tuổi tác.

Nếu mọi người đều biết kính sợ Trời, sẽ bớt làm những điều xằng bậy. Nếu mọi người biết kính trên nhường dưới, thương yêu người thân thuộc, thì thiên hạ lo chi chẳng thái bình? [7]

Thế là dùng những phương pháp hết sức tự nhiên, hết sức giản dị, nhưng cũng hết sức hữu hiệu để giáo hóa mọi người và những kết quả sẽ hết sức lớn lao, hết sức sâu rộng.

Nếu có thể nghĩa ra được những phương pháp hết sức giản dị, hết sức tự nhiên mà cải hóa được toàn dân thiên hạ, thì thực có thể cai trị thiên hạ dễ như trở bàn tay.

CHÚ THÍCH

[1] Xem Luận Ngữ, Bát dật (ch.3) #11, tr.36: Hoặc vấn Đế chi thuyết. Tử viết: Bất tri dã. Tri kỳ thuyết giả chi ư thiên hạ dã, kỳ như thị chư tư hồ, chỉ kỳ chưởng. 或 問 禘 之 說 子 曰: 不 知 也. 知 其 說 者 之 於 天 下 也, 其 如 示 諸 斯 乎, 指 其 掌 (Có người hỏi đức khổng về ý nghĩa của việc tế Đế, ngài đáp: «Ta không biết. Người nào biết ý nghĩa của tế ấy, thì trị thiên hạ cũng như cái này.» Ngài vừa nói vừa đưa bàn tay ra.)

[2] Lời bàn của cụ Phan Bội Châu: «Bốn chữ Thiện kế, Thiện thuật phải nhận cho ra nghĩa, mà lại rất nên chú ý vào chữ Thiện. Kế nghĩa là tâm sự với người xưa chưa làm được hoàn thành, ta tiếp tục lấy mà làm cho thành thời gọi bằng Kế, công việc của người xưa chưa làm được triệt để, ta tuân theo lấy mà làm cho triệt để là gọi bằng thuật. Nhưng sở dĩ Kế thuật mà hay, lại vì có chữ thiện; thiện nghĩa là khéo, cũng nghĩa là hay; hay chẳng phải dựa ở hình thức, mà cốt tìm cho đến tinh thần; hay chẳng phải chỉ tính ở nhất thì, mà cốt tính cho đến vạn thế.» (Khổng học đăng I, tr.355)

- Bản dịch của James Legge: «By means of the ceremonies of the ancestral temple, they distinguished the royal kindred according to their order of descent. By ordering the parties present according to their rank, they distinguished the mere noble and the less. By the arrangement of the services, they made. a distinction of talents and worth. In the ceremony of general pledging, the inferiors presented the cup to their superiors, and thus something was given the lowest to do. At the concluding feast, places were given according to the hair, and thus was made the distinction of year. (Four Books, James Legge dịch, tr.17)

[3] Celui qui glorifie son père verra de longe jours

Celui-là obéit au Seigneur, qui donne satisfaction à sa mère

Il sert ses parents comme son Seigneur.

En acte comme en paroles honores ton père

Afin que la bénédiction te vienne de lui.

(L'Ecclésiastique, 3, 6, 7, 8; La Bible de Jérusalem, p.897)

- Lorsqu'on est issu d'une famille illustre, l'on doit apprendre à ses enfants que si le public est disposé à honorer en eux le mérite de leurs parents, il s'attend à en trouver les traces chez leurs descendants… (Noblesse oblige, Gaston [Duc de Levis])

- Vivre digne de nos ancêtres ou périr avec gloire, telle fut la maxime des Antiochides qui n'avaient pu oublier qu'Antiochos était fils d'Hercule. (Démosthène)

[4] Lễ Giao (trời) và lễ Xã (đất) là thờ phụng đấng Thượng Đế. Lễ Giao về mùa đông, lễ Xã về mùa hạ. Lễ tông miếu là để tế tự tổ tiên của nhà vua. Nếu ai biết rõ lễ Giao và lễ Xã cùng là hiểu nghĩa lễ Đế và lễ Thường, thì trị nước dễ như xem trong bàn tay. (Bản dịch Đoàn Trung Còn, Trung Dung, tr.65)

[5] Như vậy tức là vị quốc quân phải: (a) Thờ trời, (b) Sáng suốt nối chí lớn của tổ tiên, noi theo cái truyền thống cao đẹp của nhân loại.

[6] Xem: - James Legge, Doctrine of the Mean, notes, tr.403. - Amaury de Riencourt, L'âme de la Chine, tr.227. Giáo hội không chấp thuận bằng quyết định của giáo hoàng Innocent X năm 1645, Thông điệp Ex Illa Die năm 1715, và chấp thuận ngày 8/12/1939, nhưng đã chậm mất 200 năm.

[7] Mạnh Tử, Ly Lâu (thượng-2)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 20

SỰ HOÀN THIỆN LÀ LÝ TƯỞNG CỦA NHÂN QUẦN, QUỐC GIA, XÃ HỘI

第二十章

哀公問政. 子曰: 文,武之政, 布在方策. 其人存, 則其政舉. 其人亡, 則其政息. 人道敏政; 地道敏樹. 夫, 政也者蒲盧也.故為政在人; 取人以身; 修身, 以道, 修道以仁. 仁者, 人也, 親親為大.義者,宜也;尊賢為大.親親之殺, 尊賢之等, 禮所生也.

在下位不獲乎上, 民不可得而治矣. 故君子不可以不修身. 思修身, 不可以不事親. 思事親, 不可以不知人. 思知人, 不可以不知天.

天下之達道五; 所以行之者三. 曰: 君臣也, 父子也, 夫婦也, 昆弟也, 朋友之交也; 五者, 天下之達道也.知,仁,勇三者; 天下之達德也. 所以行之者一也.

或生而知之; 或學而知之; 或困而知之. 及其知之一也.或安而行之; 或利而行之; 或勉強而行之; 及其成功一也.

子曰: 好學近乎知. 力行近乎仁. 知恥近乎勇. 知斯三者, 則知所以修身. 知所以修身, 則知所以治人. 知所以治人, 則知所以治天下國家矣.

凡為天下國家有九經; 曰: 修身也, 尊賢也, 親親也, 敬大臣也, 體群臣也, 子庶民也, 來百工也, 柔遠人也, 懷諸侯也.

修身, 則道立. 尊賢, 則不惑. 親親則諸父昆弟不怨. 敬大臣, 則不眩. 體群臣, 則士之報體重. 子庶民, 則百姓勸. 來百工, 則財用足. 柔遠人, 則四方歸之. 懷諸侯, 則天下畏之.

齊明,盛服,非體不動; 所以修身也. 去讒, 遠色, 賤貨而貴德; 所以勸賢也. 尊其位, 重其祿, 同其好惡; 所以勸親親也. 官盛任使: 所以勸大臣也. 忠信, 重祿, 所以勸士也. 時使, 薄斂, 所以勸百姓也. 日省, 月試, 既稟稱事, 所以勸百工也. 送往, 迎來, 嘉善, 而矜不能;所以柔遠人也. 繼絕世, 舉廢國, 治亂, 持危, 朝聘以時, 厚往而薄來; 所以懷諸侯也. 凡為天下國家有九經; 所以行之者一也.

凡事豫, 則立; 不豫, 則廢. 言前定, 則不跲. 事前定, 則不困. 行前定, 則不疚. 道前定, 則不窮. 在下位不獲乎上, 民不可得而治矣. 獲乎上有道; 不信乎朋友, 不獲乎上矣. 信乎朋友有道; 不順乎親, 不信乎朋友矣. 順乎親有道: 反者身不誠,不順乎親矣. 誠身有道; 不明乎善, 不誠乎身矣.

誠者, 天之道也. 誠之者, 人之道也. 誠者, 不勉而中, 不思而得, 從容中道: 聖人也. 誠之者, 擇善而固執之者也.

博學之, 審問之, 慎思之, 明辨之, 篤行之. 有弗學, 學之弗能, 弗措也. 有弗問, 問之弗知, 弗措也.有弗思, 思之弗得, 弗措也. 有弗辨, 辨之弗明, 弗措也.有弗行,行之

弗篤, 弗措也. 人一能之, 己百之,人十能之, 己千之. 果能此道矣, 雖愚必明, 雖柔必強.

PHIÊN ÂM

Ai Công vấn chính. Tử viết: «Văn, Võ chi chính, bố tại phương sách. Kỳ nhân tồn, tắc kỳ chính cử. Kỳ nhân vong, tắc kỳ chính tức. Nhân đạo mẫn chính; địa đạo mẫn thọ. Phù, chính dã giả, bồ lư dã. Cố vi chính tại nhân; thủ nhân dĩ thân; tu thân, dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân. Nhân giả, nhân dã, thân thân vi đại. Nghĩa giả nghi dã; tôn hiền vi đại. Thân thân chi sái, tôn hiền chi đẳng, lễ sở sinh dã.

Tại hạ vị bất hoạch hồ thượng, dân bất khả đắc nhi trị hĩ. Cố quân tử bất khả dĩ bất tu thân. Tư tu thân, bất khả dĩ bất sự thân. Tư sự thân, bất khả dĩ bất tri nhân. Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri thiên.

Thiên hạ chi đạt đạo ngũ; sở dĩ hành chi giả tam. Viết: quân thần dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã; ngũ giả, thiên hạ chi đạt đạo dã. Trí, nhân, dũng tam giả; thiên hạ chi đạt đức dã. Sở dĩ hành chi giả nhất dã.[1]

Hoặc sinh nhi tri chi; hoặc học nhi tri chi; hoặc khốn nhi tri chi. Cập kỳ tri chi nhất dã. Hoặc an nhi hành chi; hoặc lợi nhi hành chi; hoặc miễn cưỡng nhi hành chi. Cập kỳ thành công nhất dã.

Tử viết: Hiếu học cận hồ trí. Lực hành cận hồ nhân. Tri sỉ cận hồ dũng. Tri tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân. Tri sở dĩ tu thân, tắc tri sở dĩ trị nhân. Tri sở dĩ trị nhân, tắc tri sở dĩ trị thiên hạ quốc gia hĩ.

Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh; viết: thân dã, tôn hiền dã, thân thân dã, kính đại thần dã, thể quân thần dã, tử thứ dân dã, lai bá công dã, nhu viễn nhân dã, hoài chư hầu dã.

Tu thân, tắc đạo lập. Tôn hiền, tắc bất hoặc. Thân thân tắc chư phụ côn đệ bất oán. Kính đại thần, tắc bất huyễn. Thể quần thần, tắc sĩ chi báo lễ trọng. Tử thứ dân, tắc bá tính khuyến. Lai bá công, tắc tài dụng túc. Nhu viễn nhân, tắc tứ phương quy chi. Hoài chi hầu, tắc thiên hạ uý chi.

Trai minh, thịnh phục, phi lễ bất động; sở dĩ tu thân dã. Khử sàm, viễn sắc, tiện hóa nhi quý đức; sở dĩ khuyến hiền dã. Tôn kỳ vị, trọng kỳ lộc, đồng kỳ hiếu ố; sở dĩ khuyến thân thân dã. Quan thịnh nhậm sử: sở dĩ khuyến đại thần dã. Trung tín, trọng lộc, sở dĩ khuyến sĩ dã. Thời sử, bạc liễm, sở dĩ khuyến bá tính dã. Nhật tỉnh, nguyệt thí, khái lẫm xứng sự, sở dĩ khuyến bá công dã. Tống vãng, nghinh lai, gia thiện, nhi căng bất năng; sở dĩ nhu viễn nhân dã. Kế tuyệt thế, cử phế quốc, trị loạn, trì nguy, triều sính dĩ thời, hậu vãng nhi bạc lai; sở dĩ hoài chư hầu dã. Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh; sở dĩ hành chi giả nhất dã.

Phàm sự dự, tắc lập; bất dự, tắc phế. Ngôn tiền định, tắc bất cáp. Sự tiền định, tắc bất khốn. Hạnh tiền định, tắc bất cửu. Đạo tiền định, tắc bất cùng. Tại hạ vị bất hoạch hồ thượng, dân bất khả đắc nhi trị hĩ. Hoạch hồ thượng hữu đạo; bất tín hồ bằng hữu, bất hoạch hồ thượng hĩ. Tín hồ bằng hữu hữu đạo: bất thuận hồ thân, bất tín hồ bằng hữu hĩ. Thuận hồ thân hữu đạo: phản chư thân bất thành, bất thuận hồ thân hĩ. Thành thân hữu đạo: bất minh hồ thiện, bất thành hồ thân hĩ.[2]

Thành giả, Thiên chi đạo dã, Thành chi giả, nhân chi đạo dã. Thành giả, bất miễn nhi trúng, bất tư nhi đắc, thung dung trung đạo: Thánh nhân dã. Thành chi giả, trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã.

Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi. Hữu phất học, học chi phất năng, phất thố dã. Hữu phất vấn, vấn chi phất tri, phất thố dã. Hữu phất tư, tư chi phất đắc, phất thố dã. Hữu phất biện, biện chi phất minh, phất thố dã. Hữu phất hành, hành chi phất đốc, phất thố dã. Nhân nhứt năng chi, kỷ bá chi, nhân thập năng chi, kỷ thiên chi. Quả năng thử đạo hĩ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường.

CHÚ THÍCH

- Ai Công 哀 公 = Vua nước Lỗ, thời Xuân Thu. - Phương 方 = bản gỗ vuông. - Sách 策 = thẻ tre (sách vở xưa viết vào bản gỗ hay thẻ tre). - Tức 息 = tiêu diệt. - Bồ lư 蒲 盧 = Lau sậy chóng tốt. - Sái 殺= bớt dần. - Đẳng 等 = thứ bậc. - Nhân 仁= Nhân đức; hoàn thiên; phần thiên lý.[3] - Hoạch 獲= được lòng.[4] - Chi 之 = cái đó, điều ấy, định luật thiên nhiên ấy, lẽ ấy (những điều vừa nói trên; ce, cet, cela, la sagesse la vertu, la loi naturelle). - An nhi hành chi 安 而 行 之 = ung dung mà làm. - Lợi nhi hành chi 利 而 行 之= vì lợi mà làm. - Miễn cưỡng nhi hành chi 勉 強 而 行 之= vì sợ hãi tội lỗi mà làm.[5] - Kinh 經= phương pháp. - Thể 體 = coi như chân tay, coi như chính mình. - Hoặc 惑= nhầm. - Huyễn 眩= nhầm. - Nhu 柔= đối đãi tử tế. - Hoài 懷= thương yêu.[6] - Minh 明 = thanh khiết. - Thịnh phục 盛 服= ăn mặc đàng hoàng. - Sàm 讒= nói dèm pha.- Sắc 色= nữ sắc. - Thời sử 時 使= sai cho hợp thời. - Bạc liễm 薄 斂= thu ít. - Xứng sự 稱 事= thích hợp với. - Nguy 危= nguy cơ. - Trai 齋= (1) Trai giới (cổ nhân trước khi tế tự, không uống rượu, không ăn hành tỏi, tắm rửa); (2) Tu thân. - Khuyến 勸= khuyến khích. - Thí 試= thi. - Khái lẫm 既 稟 = cho lúa gạo. - Trì 持= giữ, giúp.[7] - Dự 豫= tính trước. - Phế 廢= hỏng. - Cáp 跲= vấp váp. - Cứu 疚= lỗi, buồn, bệnh kinh niên. - Thành 誠= hoàn thành, hoàn thiện.[8] - Trung đạo 中 道= Sự chí thành chí thiện.[9] - Bác 博= rộng. - Thẩm 審= xét. - Phất 弗= chẳng. - Thố 措= bỏ.

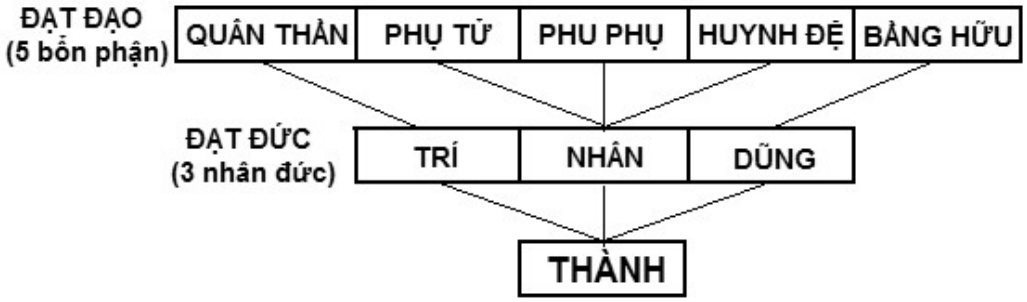

DỊCH CHƯƠNG 20

Sự hoàn thiện là lý tưởng cho nhân quần, quốc gia, xã hội

Ai Công hỏi chính trị,

Đức Khổng mới thưa rằng:

Phép chính trị, Vua Văn, Vua Võ,

Nay hãy còn ghi ở sử sanh.

Người ngoan chính trị thịnh hành

Con người gian ác, tan tành quốc gia.

Người tài đức phun hoa chính trị,

Đất tốt màu trổ rễ cỏ cây.

Chính quyền lau lách dắt dây,

Cầm quyền hành chánh dở hay tại người.[10]

Nếu mong muốn nhân tài cộng tác,

Mình làm sao nhân đức hơn người.

Tu thân lấy đạo tài bồi,

Đạo tu, trước phải rạng ngời đức nhân.

Người chân chính là nhân là ái,

Yêu từ nhà yêu mãi ra xa.

Nghĩa là mọi vẻ tinh hoa,

Muốn dân trọng nghĩa trước ta tôn hiền.

Phân thân sơ, biết hay hèn,

Trọng nhân, trọng nghĩa xây nền lễ nghi.

Nếu trên dưới phân chia bè bối,

Chẳng tin nhau, dân hỏi sao yên.[11]

Thân mình quân tử lo rèn,

Tu thân nhưng chớ lãng quên tình nhà.

Muốn phụng dưỡng mẹ cha phải đạo,

Phải hiểu sao thấu đáo lòng người.

Biết người trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao.[12]

Đạo thiên hạ có năm hình thức,

Nương ba chồi thịnh đức sum xuê.

Quân thần, phụ tử, phu thê,

Anh em cốt nhục, bạn bè tất giao.

Ấy năm đạo tối cao thiên hạ,

Trí, dũng, nhân đức cả ba chồi.

Năm cành ba cỗi tốt tươi,

«Tinh thành» do một gốc trời trổ sinh.[13]

Biết lẽ đó hoặc sinh đã biết,

Hoặc là do mài miệt học hành,

Hoặc do khốn khổ điêu linh,

Nhưng khi đã biết sự tình chẳng hai.

Cũng có kẻ thảnh thơi hành đạo,

Có kẻ theo vì gạo, vì tiền.

Có người thằng thúc mới nên,

Nhưng khi kết quả, vẫn in một bài.[14]

Muốn thông thái không ngoài học vấn,

Muốn tu nhân phải gắng công lao.

Muốn lên hùng dũng anh hào,

Hai câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm.[15]

Trí-nhân-dũng tu thân là lý,

Biết tu thân ắt trị nổi người.

Trị người, hiểu biết khúc nhôi,

Con thuyền thiên hạ âu tài đẩy đưa.[16]

Phép trị nước từ xưa có chín,

Phải tu thân, phải kiếm hiền tài.

Thương yêu thân tộc trong ngoài,

Đại thần thời nể, quan thời xót thương.

Lê dân chăm dẫm như con,

Nhân tài khuyến khích, mở mang trăm nghề.

Người viễn xứ quay về ta rước,

Những chư hầu bạc nhược ta nâng.[17]

i Tu thân đạo sẽ thịnh dần,

ii Tôn hiền, hiền giúp, đỡ lầm đỡ sai.

iii Yêu thân thuộc, trong ngoài hết oán,

iv Kính đại thần, hết nạn dèm pha.

Bao nhiêu công bộc quốc gia,

Một lòng ưu ái như là chân tay.

Tình ưu ái sẽ gây cảm xúc,

Hàng sĩ phu nỗ lực đền ơn.

vi Thương dân một dạ như con,

Toàn dân thiên hạ ai còn kêu ca ?

vii Chiêu bách nghệ tăng gia sản xuất,

Thời quốc gia sung túc hóa tài.

viii Trọng người xứ lạ nước ngoài,

Bốn phương hâm mộ, nơi nơi hướng về.

ix Các chư hầu chở che một dạ,

Sẽ khiến cho thiên hạ sợ uy.[18]

I Tu thân dạ chẳng suy vi,

Gương lòng vằng vặc quang huy rỡ ràng.

Trang nghiêng mũ áo đường hoàng,

Những điều dang dở chẳng làm chẳng nghe.

II Muốn khuyến hiền hãy chê nịnh hót,

Hãy tránh xa sắc tốt lả lơi.

Khinh tài trọng nghĩa không ngơi,
Treo gương hiền đức cho đời soi chung.
III Khiến dân chúng thêm lòng hiếu thảo,
Ta tỏ tình thảo lảo kính nhường,
Lợi danh chẳng tiếc họ hàng,
Những bề yêu ghét, ta thường chiều theo.
IV Để đại thần dễ điều hành sự,
Ta bổ sung tá sứ dưới trên.
V Trước sau trung tín một niềm,
Tăng lương để khiến nhân viên tận tình.
VI Muốn bách tính kính tin một dạ,
Xâu phải thời, thuế má phải chăng.
VII Muốn cho công nghệ mở mang,
Luôn luôn theo dõi, thời thường thi đua.
Đem lúa gạo thưởng cho xứng đáng.
Là mọi nghề cố gắng ra công.
VIII Tiễn đưa người muốn ruổi rong,
Sẵn sàng đón rước kẻ mong về mình.
Người có đức, tâm thành khen ngợi,
Người vô năng cảm nỗi xót thương.
Dĩ nhiên hiền đức tứ phương,
Mến ta họ sẽ tìm đường về ta.
IX Những nước nhỏ, vận nhà nghiêng ngửa,
Ta tìm người tu sửa mối giường.
Chấn hưng những nước tan hoang,
Dẹp yên loạn lạc, dấp đường hiểm nguy.
Lễ triều sính có kỳ có hạn,
Ít của dâng, đầy đặn của cho.
Bao dung không bến không bờ,
Một lòng lân mẫn giúp cho chư hầu.
Trị thiên hạ trước sau chín mối,
Nhưng tóm thâu vào mỗi chữ thành.
Việc gì tính trước cũng linh,
Không toan tính trước âu đành dở dang.
Lời xếp trước, hoang mang khôn lẽ,

Việc tính rồi hồ dễ rối ren.

Hành vi đã sẵn chốt then,

Sẽ không vấp vướng, sẽ nên tinh thành.

Đạo làm người có rành duyên cớ,

Sẽ mênh mang muôn thuở chẳng cùng.[19]

Khi cấp dưới không tròn nhiệm vụ,

Thì cấp trên chẳng đủ tin dùng.

Dưới trên đã chẳng tin lòng,

Làm sao dân nước dám mong trị bình.

Muốn biết rõ trên tin hay ngán,

Thử xét xem bè bạn nghĩ sao.

Bạn bè đã chẳng tin nào,

Người trên khi ấy làm sao tin mình.

Muốn thấu đáo ý tình bè bạn,

Thử xét ta hiếu thuận ra sao.

Mẹ cha còn đối tầm phào,

Bạn bè khi ấy lẽ nào tin ta.

Muốn thấu đáo tình nhà tỏ rõ,

Thử xét xem ta dở hay hay.

Tâm hồn chếch mác chẳng ngay,

Làm sao thảo thuận cho đầy phận con.

Muốn thấu đáo tâm hồn tốt xấu,

Thử xét xem hiểu thấu mấy tầm.

Điều lành chưa biết biện phân,

Làm sao có thể thành thân, thành người ?[20]

Hoàn toàn là đạo của Trời,

Trở nên hoàn thiện đạo người xưa nay.

Người hoàn thiện cất tay là trúng,

Chẳng cần suy cũng đúng chẳng sai.

Thung dung trung đạo tháng ngày,

Ấy là vị Thánh từ ngày lọt lòng.

Còn những kẻ cố công nên thánh,

Gặp điều lành phải mạnh tay co...[21]

Ra công học hỏi thăm dò,

Học cho uyên bác, hỏi cho tận tường.

Đắn đo suy nghĩ kỹ càng,

Biện minh thấu triệt, quyết mang thi hành.

Đã định học chưa thành chưa bỏ,

Đã hỏi han, chưa tỏ chưa thôi.

Đã suy, suy hết khúc nhôi.

Chưa ra manh mối, chưa rời xét suy.

Biện luận mãi, tới khi vỡ lẽ,

Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua.

Đã làm làm tới tinh hoa,

Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.

Người một chuyến thâu toàn thắng lợi,

Ta tốn công dở dói trăm khoanh;

Người làm mười lượt đã thành,

Ta làm nghìn thứ, ta ganh với người.[22]

Đường lối ấy nếu ai theo được,

Dẫu u mê sau trước sẽ thông.

Dẫu rằng mềm yếu như không,

Sớm chày cũng sẽ ra lòng sắt son.

BÌNH LUẬN

Chính giả chính dã 政 者 正 也 (Làm chính trị cốt là sửa người, dạy người).[23] Cho nên muốn làm chính trị mình phải là người tài đức, rồi lại phải có những người tài đức khác cộng tác. Nhưng muốn cho mình hay, phải tu thân; muốn tu thân, phải theo đạo; mà theo đạo là cốt để trở nên hoàn thiện.

1. Có nhân đức mới biết yêu thương mọi người, từ thân thuộc bắt dần mãi ra xa, mới biết nhận xét tài đức của người, biết trọng kính hiền tài cho hợp lý. Thương cho đúng, kính cho phải. Thế là xây nền tảng cho lễ nghi.

2. Tu thân rất là cần yếu. Nhưng muốn tu thân, cần phải biết mình biết người, và nhất là biết Trời, vì Trời là gốc. Quên gốc thì biết ngọn vô ích.

3. Sự hoàn thiện là nền tảng và cũng là cùng đích của cuộc đời. Có hoàn thiện mới có ngũ luân tam đức. Học để biết thế nào là hoàn thiện. Hành là để tiến dần hoàn thiện. Nhưng học với hành khó hay dễ là tùy từng hạng người. Nhưng tuy chóng chậm khó dễ có khác nhau, nhưng kết quả trước sau cũng chỉ có một.

4. Nguyên tắc căn bản để tiến tới Trí-Nhân-Dũng là:

- Học hành. Có học trí mới mở mang.

- Gắng gỏi làm điều lành. Không làm lành sao có thể trở nên tốt được?

- Biết liêm sỉ. Có liêm sỉ mới thấy xấu hổ vì biết mình còn hèn kém, mới nỗ lực gắng công, mới có thể

cải quá tự tân, cố gắng tiến bước, và như vậy nghị lực tinh thần mới dần dần tăng trưởng thêm mãi được.

5. Nghệ thuật trị dân.

Nghệ thuật trị dân thường được Tứ Thư Ngũ Kinh đề cập. Kinh Thư có Hồng Phạm Cửu Trù. Trung Dung có Cửu Kinh.

Hồng Phạm Cửu Trù có 9 chương: (1) Ngũ hành, (2) Ngũ sự, (3) Bát chánh, (4) Ngũ kỷ, (5) Hoàng cực, (6) Tam đức, (7) Kê nghi, (8) Thứ trưng, (9) Ngũ phúc lục cực.

(1) Ngũ hành 五 行 : Đấng quân vương phải am tường vật lý, phải biết khai thác hết tài nguyên của đất nước để lo cho dân no ấm.

(2) Ngũ sự 五 事: Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân:

- Dáng điệu phải nghiêm trang.

- Nói năng phải hợp lý.

- Trông nhìn phải cho sáng suốt.

- Nghe ngóng phải cho tinh tế.

- Nghĩ ngợi phải cho thấu triệt.

(3) Bát chánh 八 政 : Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân. Cương lĩnh trị dân gồm 8 mối. Trị dân tức là lo cho dân:

- No ấm.

- Sung túc, đủ tiện nghi.

- Có lễ nghi tế tự.

- Có nhà cửa đất đai.

- Có một nền giáo hóa hẳn hoi.

- Khỏi bị bọn gian ác, đạo tặc quấy nhiễu.

- Biết đường tiếp nhân xử thế.

- Được bảo vệ tính mệnh và tài sản trước nạn ngoại xâm, nhờ có binh hùng tướng mạnh.

(4) Ngũ kỷ 五 紀 : Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của:

- Năm

- Tháng

- Ngày

- Sự vận chuyển của nhật nguyệt, tinh tú.

- Lịch số.

Như vậy mới có thể dạy dân biết cách điều hòa công tác cho hợp thời hợp tiết, để được ấm no, thịnh vượng, cho trời đất người cùng hòa tấu một bản nhã ca, thanh bình thái thịnh.

(5) Hoàng Cực 皇 極: Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực thay Trời trị dân. Muốn được vậy phải có đức hạnh siêu phàm thoát tục, xứng đáng làm môi giới giữa Trời và muôn dân.

(6) Tam đức 三 德 : Thuật trị dân phải dựa vào 3 đức:

- Chính trực

- Cương

- Nhu

Nói thế, tức là muốn trị dân, chính trực chưa đủ, mà còn phải biết cương, nhu, quyền biến, tùy thời.

(7) Kê nghi 稽 疑 : Đấng quân vương phải biết suy nghĩ, bàn bạc, hỏi han khi gặp trường hợp nan giải. Trước một công việc trọng đại, sẽ hội ý kiến của:

- Vua

- Khanh, sĩ, thứ dân

- Trời (bằng cách bói cỏ thi và bói rùa)

Phối kiểm lại sẽ biết thế nào là tốt, thế nào là xấu, và tìm ra đường lối đẹp đẽ nhất để xử sự.

(8) Thứ trưng 庶 徵 : Đấng quân vương phải nhân các điềm Trời mà soát xét lại đường lối cai trị của mình rằng dở hay hay. Lý do là vì đấng quân vương đúng danh hiệu, sẽ cảm ứng với đất trời và hiểu được tiếng nói thầm lặng của đất trời, qua các biến thiên của thời tiết.

(9) Ngũ phúc lục cực 五 福 六 極 : Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh nhân dân để nhận định giá trị nền cai trị của mình. Nếu sự cai trị hay, dân sẽ được ngũ phúc:

- Thọ

- Giàu

- Yên vui

- Ham chuộng nhân đức

- Chết già yên ổn

Nếu sự cai trị dở, dân sẽ lao lung, tật bệnh, tảo vong, yểu tử, khổ sở, bất lương, tật bệnh. Thế là lâm vòng lục cực:

- Chết non

- Bệnh tật

- Lo buồn

- Nghèo khổ

- Tội ác

- Yếu ớt

Kinh Thư viết: «Người xưa có lời rằng: Con người chẳng những soi bóng nước, còn phải ngắm mình trước gương dân.» [24]

NGŨ KỶ 4	NGŨ PHÚC 9	NGŨ SỰ 2
BÁT CHÍNH 3	HOÀNG CỰC 5 – 10	KẾ NGHI 7
THỨ TRƯNG 8	NGŨ HÀNH 1	TAM ĐỨC 6

Hồng Phạm

Mục đích của nền thiên trị trong Hồng Phạm chính là để tạo cho mọi người dân một đời sống vật chất

đầy đủ, một bảo đảm an ninh tối đa, một nền học vấn khả quan, một đời sống xã hội công bình trật tự, một nền giáo hóa hẳn hoi. Như vậy mọi người đều có cơ hội và hoàn cảnh thuận tiện để tu luyện bản thân trở nên thánh thiện chẳng khác gì thiên tử.

Nghệ thuật trị dân của Trung Dung qui vào 9 điểm gọi là Cửu Kinh, tóm tắt qua đồ bản sau:

PHƯƠNG PHÁP THI HÀNH	CỬU KINH	KẾT QUẢ
(1) Giữ tâm hồn trong sạch, nghiêm trang, không làm bậy	Tu thân	Đạo sẽ thịnh dần
(2) Không nghe nịnh hót, tránh nữ sắc, trọng nghĩa khinh tài	Kính hiền tài	Hiền tài giúp mình đỡ sai lầm
(3) Giúp đỡ và nghe lời họ hàng	Thương yêu họ hàng	Gia tộc không ai oán
(4) Giúp họ có đủ phương tiện làm việc và đủ người phụ tá	Kính đại thần	Đại thần hết dèm pha gàng quải mình
(5) Tăng lương	Thương yêu công bộc quốc gia	Sĩ phu sẽ nỗ lực đền ơn
(6) Xâu phải thời, thuế má phải chăng	Thương lê dân như con cái	Dân chúng sẽ hài lòng
(7) Lưu ý khuyến khích thi đua, tưởng thưởng	Khuyến khích nhân tài, mở mang bá nghệ	Quốc gia sẽ sung túc hóa tài
(8) Đón rước hẳn hoi, dùng người hay, thương kẻ dở	Đón tiếp người viễn xứ	Nhân tài sẽ qui tụ về mình
(9) Giúp họ có người cai trị -giúp dẹp loạn -tiếp đãi hẳn hoi-không đòi công tiền nhiều-thưởng công	Che chở chư hầu	Thiên hạ sẽ sợ uy mình

6. Tóm lại, cái gì biết trước, tính trước được mới hay. Đạo làm người có biết mới thực hiện được những gì cao cả, vĩ đại, mới tiến triển không cùng.

7. Sở dĩ có sự mất lòng tin tưởng giữa các cấp, giữa bè bạn, giữa cha mẹ con cái, đều là do tâm hồn con người chếch mác dở dang. Mà tâm hồn con người chếch mác dở dang là vì họ không biết thế nào là điều thiện.

8. Muốn trở nên hoàn thiện cần phải tốn công lao:

- Học hỏi triền miên
- Suy tư mài miệt
- Biện luận tinh tế
- Nỗ lực thực hành
- Cố gắng không ngừng
- Thất bại không nản

Nếu thực hiện được đúng như vậy thì lo gì mà không đạt được lý tưởng ước ao.

BẢNG TÓM TẮT

TU THÂN	TÔN HIỀN	THÂN THÂN	KÍNH ĐẠI THẦN	THỂ QUẦN THẦN	TỬ THỨ DÂN	LAI BÁ CÔNG	NHU VIỄN NHÂN	HOÀI CHƯ HẦU

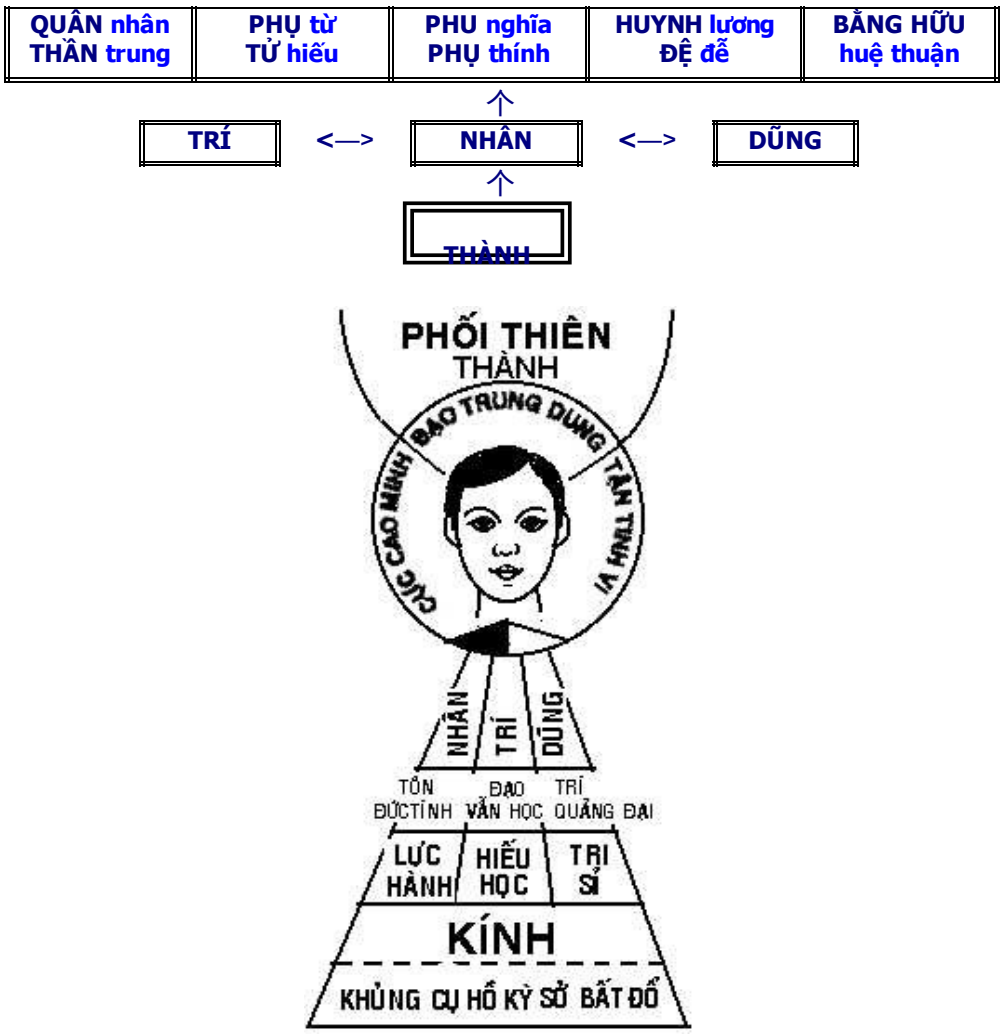

CHÚ THÍCH

[1] Sở vị nhất giả, tựu thị thành kỷ thành vật đích thành tự. 所 謂 一 者 就 是 成 己 成 物 的 誠 字 (Trung Dung kim thích, tr.46)

[2] Xem Mạnh Tử, Ly Lâu [thượng-12], lời ý cũng tương tự đoạn này.

[3] … En effect, le Jen 仁 est une participation, dans l'homme de la Raison Céleste Tien-li 天 理. De ces définitions d'ordre ontologique, découlent les autres du caractère moral. «Le Jen est le fondement de la justice Yi ¸q, la ligne de conduite entèrement conforme à la loi naturelle.» (Li Ki, I, 532). Le Jen devient alors de centre vers lequel convergent toutes les vertus morales. (Rawlinson, Chinese idea of Personality, p.572)

... Tchou-hi voit dans le Jen l'état d'intégrité du cœur originel, qui n'est autre que le principe Li 義 理 participation du Tien-li 天 理 ou de la Raison Céleste. (Trần Văn Hiến Minh, La Conception Confucéenne de l'Homme, p.157-158)

[4] Mạnh Tử viết: «Cư hạ vị nhi bất hoạch ư thượng, dân bất khả đắc nhi trị dã.» 居 下 位 而 不 獲 於 上 民 不 可 得 而 治 也 (Mạnh Tử, Ly Lâu [thượng-12])

[5] Xem: Lễ Ký, Biểu ký thiên: Nhân giả an nhân, Trí giả lợi nhân, Uý tội giả cưỡng nhân. 仁 者 安 仁 知 者 利 仁 畏 罪 者 強 仁. Chú thích của Tưởng Giới Thạch: «Con người tư chất có cao có thấp, hoàn cảnh có

dễ có khó, biết đạo lý có trước có sau, nhưng nếu cố gắng một lòng thì cũng tới đích hết.» (Trung Dung kim thích, tr.46)

[6] Chu Tử dẫn La thị thuyết: Thiên hạ quốc gia đích cơ bản tại nhất thân, sở dĩ tu thân thị cửu kinh đích cơ bản. Đãn thị tu 'thân sư thủ hữu', nhiên tu thân tài hữu tiến ích, sở dĩ yếu 'tôn hiền'. Tu thân tiến đạo, dĩ gia vi tiên, sở dĩ yếu 'thân thân'. Do gia nhiên hậu đáo triều đình, sở dĩ 'kính đại thần, thể quần thần'. Do triều đình đáo ư quốc, sở dĩ 'tử thứ dân, lai bá công'. Do nhất quốc nhiên hậu đáo thiên hạ, sở dĩ yếu 'Nhu viễn nhân, hoài chư hầu'.

[7] Trung Dung luận thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh nhi tốt viết sở dĩ hành chi giả nhất. Nhất giả hà: Thành nhi dĩ. 中庸論天下國家有九經而卒曰所以行之者一. 一者何: 誠而已 (Dương Thì [Qui sơn tiên sinh]; Bửu Cầm, Tống Nho, tr.108)

[8] Thị cố thành giả, thiên chi đạo dã, tư thành giả, nhân chi đạo dã. 是故誠者, 天之道也, 思誠者, 人之道也 (Mạnh Tử, Ly Lâu, thượng-12)

[9] Dẫn chứng I: Mạnh Tử viết: Khổng Tử bất đắc trung đạo nhi dữ chi, tất dã cuồng quyền hồ? Cuồng giả tiến thủ, quyền giả hữu sở bất vi dã. Khổng Tử khởi bất dục Trung đạo tai? Bất khả bất đắc; cố tư kỳ thứ dã. 孟子曰: 孔子不得中道而與之, 必也狂獧乎. 狂者進取, 獧有所不為也. 孔子豈不欲中道哉? 不可不得; 故思其次也 (Mạnh Tử đáp: «Đức Khổng chẳng được hạng người đạt đến mức Trung Dung đặng Ngài truyền đạo. Cho nên Ngài há chẳng chọn hạng cuồng và hạng quyến sao? Cuồng giả là kẻ sĩ có chí tấn thủ trên đường đạo lý. Quyền giả là kẻ sĩ chẳng chịu làm những điều phi nghĩa. Đức Khổng há chẳng muốn có những đệ tử đạt đến mức Trung Dung sao? Nhưng vì không tìm được nên tìm hạng thấp hơn.) (Mạnh Tử, Tận tâm [hạ-37])

- Dẫn chứng II: So sánh Trung đạo của Phật giáo: «Il y a deux extrêmes, à savoir: l'abandon aux jouissances sensuelles d'un côté, l'abandon à la mortification physique de l'autre. Le parfait a rejeté ces deux extrêmes et il a découvert le Chemin du Milieu qui, en nous ouvrant les yeux et en produisant une perception claire, nous mène à la Paix, à la Pénétration, à l'Eveil et à la Délivrance.» (Présence du Bouddhisme, p.245)

[10] Le spirituel command le politique et l'économique. L'esprit doit garder l'initiative et la maîtrise de ses buts qui vont à l'homme par-dessus l'homme et non pas au bien-être. (Emmanuel Mounier)

- Mạnh Tử viết: «Nhân giả, nhân dã, hợp nhi ngôn chi đạo dã.» 孟子曰: 仁者人也, 合而言之道也 (Mạnh Tử, Tận tâm [hạ-16], tr.264)

- Quân tử thể nhân 君子體仁: L'homme moral est la vertu incarnée. (Dịch, Càn quái).

[11] - Traduction de James Legge: «When those in inferior situations do not obtain the confidence of the sovereign, they cannot succeed in governing the people.» (Four books, p.25)

- Traduction de Couvreur: «Le peuple ne peut espérer d'être bien gouverné par celui qui étant dans un rang inférieur n'a pas la confiance ni le mandat de son supérieur.»

- Tout royaume divisé contre lui-même est ruiné, et les maisons s'y écroulent l'une sur l'autre. (Luc 11, 17)

[12] Il n'existe pas d'autre voie vers le solidarité humaine que la recherche et le respect de la dignité individuelle. (Lecomte du Noüy, L'homme et sa destinée)

- Nulle société ne peut exister sans morale. Il n'y a pas de bonne morale sans religion. Il n'y a donc que la religion qui donne à l'Etat un appui ferme et durable. une société sans religion est comme un

vaisseau sans boussole: un vaisseau dans cet état ne peut ni s'assurer de sa route, ni espérer d'entrer au port. (Correspondance de Napoléon I[er]; Allocution aux Curés de Milan)

- La richesse de l'âme est la seule richesse, les autres biens sont féconds en douleur. (Lucien 125 - 190 ap. J. C.)

- La vie même avec la gloire qui est la plus belle chose humaine est une chose vide et sans saveur quand on n'y mêle pas, toujours, absolument Dieu. (Georges Bernanos)

[13] L'unité des religions doit être recherchée dans ce qui est divin c'est-à-dire universel, en l'homme, et non dans ce qui est humain dans les doctrines. (Lecomte du Noüy, L'homme et sa destinée, ch.5)

[14] Le sacrifice de soi-même n'est pas difficile lorsqu'on est brulé par la passion d'une grande aventure. Et il n'y a pas d'aventure plus belle et plus dangereuse que la rénovation de l'homme moderne. (Alexis Carrel, L'hommme cet inconnu, ch.8)

- Ký nhất nhật nhi thiên lý, nô mã thập giá tắc diệc cập chi hĩ. 驥 一 日 而 千 里, 駑 馬 十 駕 則 亦 及 之 矣 (Tuân Tử, Tu thân thiên). (Con ngựa ký ngày đi ngàn dặm, con ngựa nô đi 10 ngày cũng tới nơi.)

[15] - Tượng viết: Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức. (Trời vận hành mạnh mẽ, người quân tử cũng cố gắng không nghỉ ngơi.) (Dịch Kinh, Càn quái; Dịch kinh tân khảo, tiết 14, tr.602)

- Cương kiện, đốc thực, huy quang, nhật tân kỳ đức. (Dịch Kinh, Thoán viết, Đại súc, Dịch kinh tân khảo, tiết 2, tr.1698)

Tăng sức mạnh tinh thần,

Tài bồi thực thể nhân.

Phát huy ánh sáng đức,

Chuốt đức sáng thêm lần.

- Ô hô, phất lự hồ hoạch, phất vi hồ thành. (Thư Kinh, Thái giáp hạ) (Ôi! không nghĩ sao được, không làm sao thành?)

- Quand l'homme fut mis dans le jardin d'Eden; il y fut mis, utoperaretur eum: pour qu'il le travaillait, ce qui prouve que l'homme n'est pas né pour le repos. (Voltaire, Candide, ch.30)

- C'est une grande erreur que d'attribuer l'innocence à l'état sauvage; tous les appétits de la nature se développent sans contrôle dans cet état: la civilisation seule enseigne les qualités morales. (Chateurbriand)

- La vie est un combat dont la palme est aux Cieux. (Casimir Delavigne)

- Mon fils si tu le veux tu t'instruiras et si tu t'appliques tu seras avisé... Médite sur les commandements du Seigneur et occupe-toi constamment de ses préceptes; lui-même affirmera ton cœur et le désir de la sagesse te sera donné. (L'Ecclésiastique 6,32,37)

[16] - Nhất nhân nguyên lương, vạn bang dĩ trinh. (Kinh Thư, Thái giáp hạ) 一 人 元 良 萬 邦 以 貞 (Một người tốt, muôn dân sẽ hay.)

- On se trompe sur le bonheur et sur le bien. Les âmes les plus génereuses se trompent aussi, parce que le silence et la solitude leur sont trop souvent refusée. J'ai bien regardé l'autoclave monstrueux sur son trône. Je vous le dis, en vérité la civilisation n'est pas dans cet objet pas plus que dans les princes brillantes dont se servait le chirurgien. La civilisation n’est pas dans toute cette pacotille terrible; et si elle

n'est pas dans le cœur de l'homme, eh bien! elle n'est nulle part. (Civilisation, Mercure de France)

- Il faudra s'efforcer d'apprendre aux hommes étonnés que le bonheur ne consiste point à parcourir cent kilomètres en une heure, à s'élever dans l'atmosphère sur une machine ou à converser par-dessus les océans, mais bien, surtout, à être riche d'une belle pensée, content de son travail, honoré d'affections ardente. (La Possession du Monde, ch.10, Mercure de France)

- Révolution? Oui! Mais entendez bien: il n'y a de vraie révolution que morale. Tout le reste est misère, sang gaspillé, larmes vaines. (Entretiens dans la Tumulte. Dernier entretien avec l'irréductible, Mercure de France)

- Un peuple est grand quand il produit de grands hommes. (Discours aux nuages. Eloge d'un petite nation, Ed. du Siècle)

[17] Ce qui perdit les dynasties de Tsin et de Soui, dit un auteur chinois, c'est qu'au lieu de se borner comme les anciens à une inspection générale, seule digne du souverain les princes voulurent gouverner tout immédiatement par eux-mêmes. (Charles de Secondat. Baron de la Brède et de Montesquieu, L'Esprit des lois VIII,6)

[18] - Les rois qui ne songent qu'à se faire craindre et qu'à abattre leurs sujets pour les rendre plus soumis, sont les fléaux du genre humain. Ils sont craints, comme ils le veulent être, mais ils sont haïs, détestés; et ils ont encore plus à craindre de leurs sujets que leurs sujet n'ont à craindre d'eux. (Nicolas de Malezieu)

- Et maintenant roi, conduisez-vous avec sagesse,

Juges de la terre, recevez l'instruction. (Psaume 11, 10)

- Tout pouvoir excessif meurt par son excès même. (Casimir Delavigne. Louis XI, act V, sc. 15.)

[19] Avant que de se jeter dans le péril, il faut le prévoir et le craindre; mais quand on y est, il ne reste plus qu'à le mépriser. (François de Salignac de la Mothé- Fénelon)

- Greffe tes poiriers, Daphnis; tes petits-fils cueilleront tes fruits. (Virgile)

- Qui veut voyager loin ménage sa monture. (Proverbes)

[20] - Fouille en dedans. C'est en dedans qu'est la source du bien et elle peut jaillir sans cesse si tu fouilles toujours. (M. Aurèle, Pensées VII, 59)

- Je ne veux plus comprendre une morale qui ne permette et n'enseigne pas le plus grand, le plus beau, le plus libre emploi et dévelopment de nos forces. (André Gide)

[21] Trong bài "Một ý niệm về Trung Dung" đăng trong Đại Học số 15, tháng 5 năm 1960, tác giả Nhân Sinh đã có những lời bình luận rất cao siêu thâm thúy về chữ Trung: «ĐẮC TRUNG... tức là đi hết đường dẫn vào miền Trung "tận kỳ tính dĩ chí ư mệnh" mà mệnh là Thiên (thiên mệnh chi vị tính), cho nên đắc Trung tức là "thánh nhân phối thiên". Trung Dung hợp một với Thiên, đi vào đến cái nõn, cái trung tâm huyền nhiệm. Nhớ lại hình 64 quẻ (chỉ vạn vật) bám chung quanh hình tròn rỗng ở giữa (Thái cực): đắc Trung là thấu đến vòng tròn giữa, tức là cái nhất quán, nghĩa là xâu được tất cả: muôn vật khác biệt mảnh vụn đều bám quanh Thái cực (Các hữu Thái cực). Trung Dung bao gồm mọi lập trường đối lập, là vì nó vượt lên trên tới chỗ "vô tư". Đây là đoạn đường Khổng gặp Lão, Thích. "Tam giáo đồng nguyên". Khổng nhằm Thái cực (Thánh nhân phối Thiên), Lão nhằm "Huyền đồng" với đạo; Phật nhằm Minh tâm kiến tính; dị danh đồng chất; cả ba đều nhằm Trung đức "Phục bổn hoàn nguyên" trở về đến trung tâm phát sinh ra vạn vật. Từ phiền tạp trở vào đơn giản, từ bát quái tiến qua đợt tứ tượng để cuối cùng tiến đến âm dương

hòa trong Thái cực. Tức là đi lên mãi, lên mãi lên nữa, lại lên nữa cho tới trí "trung hòa".

TRUNG... có thể ví với Vô cực chưa xuất lộ ra cõi hiện tượng "dịch vô vi dã, vô tư dã". HÒA có thể ví như Thái cực đã xuất hiện, đã có động có tĩnh. Trong con người Trung là tâm quân bình không có một tình dục nào vấn lên, ví được với "Xích tử chi tâm" của Mạnh, hay "Anh nhi chi tâm" của Lão, nó là lý tưởng của việc tu tập mà Lão, Thích chú trọng. "Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung" (Càng nói càng cùng, không bằng giữ trung. Đạo Đức Kinh, ch.5). Hòa, trái lại là giữ tình trong cương trực: cứ kể lý thuyết mà nói thì Hòa là dưới Trung, cũng như Thái cực ở dưới Vô cực; nhưng đối với con người nhập thế muốn xử kỷ tiếp vật, thì hòa lại càng trở nên cần, nó vừa là hiệu quả của Trung, vừa là đường đi thiết yếu, nên Khổng Tử đặt Hòa liền sau Trung.

[22] Si c'set possible c'est fait, impossible cela sera fera. (Alexandre de Calonne)

- Mon enfant tu ne seras pas un homme médiocre, il faut que tu deviennes ou entièrement bon ou entièrement mauvais. (Plutarque, Vies des Hommes illustrés. Vie de Thémis Tocle)

-... progress depends on personal effort, and to suppress this effort constitutes a crime.

The whole will of man must be concentrated in this struggle in which he is upheld by the newly acquired sense of his human dignity from which he must draw at the same time the necessary strength and the proof of his high destiny: It is in the intensity of this effort and not in its form nor in its result, that the true degree of humanization is revealed. (Lecomte du Noüy, Human destiny, p.87-88)

[23] Luận Ngữ, Nhan Uyên (ch.12) #16.

[24] Cố hữu ngôn viết: Nhân vô ư thủy giám, đương ư dân giám. 故 有 言 曰: 人 無 於 水 監 當 於 民 監 (Kinh Thư, Tửu cáo tiết, 12)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 21

THIÊN ĐẠO & NHÂN ĐẠO

第二十一章

自誠明, 謂之性. 自明誠, 謂之教. 誠則明矣. 明則誠矣. 右第二十一章. 子思承上章夫子天道, 人道之意而立言也. 自此以下十二章皆子思之言以反覆推明此章之意.

PHIÊN ÂM

Tự thành minh, vị chi tính. Tự minh thành, vị chi giáo. Thành tắc minh hĩ. Minh tắc thành hĩ. Hữu đệ nhị thập nhất chương. Tử Tư thừa thượng chương Phu Tử Thiên đạo, nhân đạo chi ý nhi lập ngôn dã. Tự thử dĩ hạ thập nhị chương giai Tử Tư chi ngôn dĩ phản phúc suy minh thử chương chi ý.

CHÚ THÍCH

- Tính 性 : nguyên động lực hướng dẫn muôn loài tới trật tự vật chất hoặc tinh thần.[1] Căn bản nhân đức là tính.[2]

- Thành 誠: Hoàn thiện.[3]

DỊCH CHƯƠNG 21

Thiên đạo và nhân đạo

Vốn hoàn thiện quang minh mọi lẽ,

Ấy tính trời muôn vẻ tinh anh.[4]

Quang minh rồi mới tinh thành,

Ấy nhờ giáo hóa tập tành mà nên.

Đã hoàn thiện, tất nhiên thông tuệ,

Thông tuệ rồi ắt sẽ tinh thành.

Chú = Đây là chương 21, Tử Tư dựa theo ý Đức Khổng nói về đạo Trời, đạo người ở chương trên mà viết ra. Từ đây trở xuống 12 chương đều là lời ông Tử Tư nói đi nói lại để bàn cho rõ ý chương này.

BÌNH LUẬN

Từ đoạn này, Trung Dung bắt đầu về thiên đạo và nhân đạo. Muốn hiểu rõ thiên đạo và nhân đạo ta phải hiểu rõ chữ thành.

Thành là một chữ rất quan hệ trong Nho giáo.

Tiên Nho cho rằng thành là:

- Thuần nhất bất tạp.[5]

- Chân thật vô vọng.[6] Tức là tinh toàn hoàn thiện, không vương vấn mảy may tà ngụy.

Tiên Nho cũng cho rằng:

- Chỉ có Trời là thành.[7]

- Thiên tính, thiên lý là thành.[8]

- Thánh nhân là thành.[9]

Tóm lại, thành là hoàn thiện. Đã là Trời, là thiên tính, thiên lý, thì tự nhiên thông tuệ, minh giác, đó là lẽ tự nhiên.

Còn như đối với con người, muốn trở nên hoàn thiện, trước hết phải minh giác, thông tuệ, mới có thể trở nên hoàn thiện được. Nhưng muốn trở nên minh giác, thông tuệ, lại cần nhờ đến sự giáo dục.

Thế là đường lối thánh phàm khác nhau, tuy là một nhưng tráo trở đầu đuôi.

THÁNH NHÂN : THÀNH —> MINH

THÀNH <— MINH <— GIÁC : THƯỜNG NHÂN

Cụ Phan Sào Nam bàn rằng: «Chữ tính với chữ giáo sở dĩ khác nhau, chỉ là cái giới hạn thiên với nhân: hoàn toàn do thiên phận mà nên, thuộc về phần thiên gọi bằng 'tính'; cần nhờ công giáo tập mà nên thời thuộc về phần nhân gọi bằng 'giáo'.»

Trình Tử cho rằng: «Người thường phải học hỏi để tiến dần từ bên ngoài vào nội tâm... Học cốt để biết tâm mình, biết đường lối tâm hồn phải noi theo, rồi ra sẽ hết sức noi theo đường ấy cho đến kỳ cùng, thế gọi là từ biết đi đến hoàn thiện. Cho nên học cần phải 'tận kỳ tâm, tri kỳ tính', rồi ra mới cố gắng thực hiện sự hoàn thiện, và nên thánh nhân vậy…» [10]

Còn thánh nhân thì ngược lại, các ngài trực giác ngay được bản tâm, bản tính, và do đó phóng phát ra bên ngoài.[11] Nói ra thì thành lời giáo huấn, mà xuất xứ, hành tàng, khởi cư, cử chỉ thì thành gương mẫu cho đời soi.

Dương Qui Sơn cũng bàn rằng: «Từ hoàn thiện đi đến minh giác là đường lối của Trời, cho nên gọi là tính. Tự minh giác đi đến hoàn thiện là đường lối của người nên gọi là giáo.

Đường lối Trời người có một nhưng tùy theo sự nhận thức của tâm mà thành ra sai biệt. Nhưng khi đã đi tới cùng thì chỉ có một đường. Vì thế lại nói: «Thành thời minh, minh thời thành.» [12]

Trình Tử cũng nói: «Thành với minh là một.» [13]

CHÚ THÍCH

[1] -... principe dirigeant, une force d'essence différente de la matière qui agit dans les êtres et particulièrement dans l'homme, c'est le moteur secondaire du développement harmonique des êtres dans l'ordre physique et dans l'ordre moral. Donc, la nature désigne l'ensemble des propriétés d'un être 'qui est né ou produit sans aucune influence artificielle. Cette nature sera pour chaque espèce ou chaque individu le fondement premier et permanent de toute modification ultérieure.' (Trần văn Hiến Minh, La Conception Confucéenne de l'Homme, p.42-43)

[2] La vertu a sa racine dans le Tính. (LK, II, 79) - Trần Văn Hiến Minh, op.cit., p.43.

[3] Trần Văn Hiến Minh, op. cit., p.158.- Couvreur, Lexique des Quatre Livres. - Lời bàn của cụ Phan Bội Châu: Chữ tính với chữ giáo sở dĩ khác nhau, chỉ là cái giới hạn thiên với nhân: hoàn toàn do thiên phận mà nên, thuộc về phần thiên gọi bằng 'tính'; cần nhờ công giáo tập mà nên thời thuộc về phần nhân gọi bằng 'giáo'. (Khổng học đăng, tr.373)

[4] - Nul arme ne peut blesser le Moi de l'homme, nul feu le bruler, nulle eau le mouiller, nul vent le dessécher. Il ne peut être ni blessé ni mouillé, ni desséché. Il est impérissable, inchangeant, immuable, sans commencement. On le dit immatériel, dépassant toute compréhension, et inchangeable. Si tu sais que le Moi de l'homme est tout cela, ne t'afflige pas. (Vishnou-Sutras, XX, 50)

- Hà kỳ tự tính bản tự thanh tịnh 何其自性本自清淨

Hà kỳ tự tính bản bất sinh diệt 何其自性本不生滅

Hà kỳ tự tính bản tự cụ túc 何其自性本自具足

Hà kỳ tự tính bản vô động dao 何其自性本無動搖

Hà kỳ tự tính năng sinh vạn pháp 何其自性能生萬法

Chẳng dè tự tính gốc vẫn thanh tịnh

Chẳng dè tự tính gốc chẳng sinh diệt

Chẳng dè tự tính gốc sẵn đầy đủ

Chẳng dè tự tính tính gốc không động lay,

Chẳng dè tự tính sanh được muôn pháp.

(Pháp Bảo Đàn Kinh, tr.28-29)

- Bồ tát giới kinh vân: «Ngã bản nguyên tự tính thanh tịnh, nhược thức tự tâm, kiến tự tính, giai thành Phật đạo.» 菩薩戒經云: 我本元自性清淨若識自心見自性皆成佛道 (Kinh Bồ tát giới nói: «Tự tính bản nguyên của ta vẫn thanh tịnh; nếu biết được tự tâm thấy được tự tính, thì đều thành Phật đạo.») (Pháp Bảo Đàn Kinh, tr.60-61)

- Brillante et immarcescible est la Sagesse. (Livre de la Sagesse)

[5] Viết: Nhất tắc thuần, nhị tắc tạp, thuần tắc thành, tạp tắc vọng. 曰: 一則純二則雜純則誠雜則妄 (Trung Dung hoặc vấn, tr.104b)

[6] Viết: Thành chi vi nghĩa... chân thật vô vọng chi vân dã. 曰: 誠之為義... 真實無妄之云也 (Ibid., tr.104b)

[7] Phù Thiên chi sở dĩ vi Thiên dã, xung mạc vô trẫm, nhi vạn lý kiêm cai, vô sở bất cụ, nhiên kỳ vi thể tắc Nhất nhi dĩ hĩ. Vị thủy hữu vật dĩ tạp chi dã. Thị dĩ vô thanh, vô xú, vô tư, vô vi nhi nhất nguyên chi khí. 夫天之所以為天也, 沖漠無朕, 而萬理兼該, 無所不具, 然其為體則一而已矣. 未始有物以雜之也. 是以無清, 無臭, 無思, 無為而一元之氣 (Ibid., tr.104b)

[8] Duy Thiên lý vi chí thật vô vọng, cố Thiên lý đắc thành chi danh. 惟天理為至實無妄, 故天理得誠之名 (Ib., tr.104a)

[9] Duy Thánh nhân chi tâm vi chí thật vô vọng, cố Thánh nhân đắc thành chi danh. 惟聖人之心為至實無妄, 故聖人得誠之名 (Ib., tr.104a)

[10] Trình Tử viết: Tự kỳ ngoại giả học nhi đắc ư nội giả vị chi minh… Quân tử chi học tất tiên minh chư tâm tri

sở vãng, nhiên hậu lực chi dĩ cầu chí. Sở vị tự minh nhi thành dã. Cố học tất tận kỳ tâm, tri kỳ tính, nhiên hậu phản nhi thành chi tác thánh nhân dã. 程子曰: 自其外者學而得於內者謂之明... 君子之學必先明諸心知所往, 然後力之以求至. 所謂自明而誠也. 故學必盡其心, 知其性, 然後反而誠之則聖人也 (Trung Dung hoặc vấn, tr.111a)

[11] Tự kỳ nội giả đắc chi nhi kiêm ư ngoại giả vị chi thành. 自其內者得之而兼於外者謂之誠 (Trung Dung hoặc vấn, tr.111a)

[12] Qui Sơn Dương thị viết: Tự thành nhi minh, thiên chi đạo dã. Cố vị chi tính. Tự minh nhi thành, nhân chi đạo dã. Cố vị chi giáo. Thiên nhân nhất đạo nhi tâm chi sở chí hữu sai yên. Kỳ qui tắc vô nhị chí dã. Cố viết thành tắc minh hĩ, minh tắc thành hĩ. 龜山楊氏曰: 自誠而明, 天之道也. 故謂之性. 自明而誠, 人之道也. 故謂之教. 天人一道而心之所至有差焉. 其歸則無二教也. 故曰誠則明矣, 明則誠矣 (Trung Dung hoặc vấn, tr.102a)

[13] Thành dữ minh nhất dã 誠與明一也 (Trung Dung hoặc vấn, tr.111a)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 22

THÁNH NHÂN CÙNG LÝ TẬN TÁNH

第 二 十 二 章

唯 天 下 至 誠 為 能 盡 其 性. 能 盡 其 性 則 能盡 人 之 性. 能 盡 人 之 性 則 能 盡 物 之 性. 能 盡 物 之 性 則 可 以 贊 天 地 之 化 育. 可 以 贊 天 地 之 化 育 則 可 以 與 天 地 參 矣.

PHIÊN ÂM

Duy thiên hạ chí thành[1] vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ Thiên địa tham hĩ.[2]

CHÚ THÍCH

- Tận 盡 = sống đúng theo tính. Sống thật hoàn thiện. Sống đúng theo thiên lý. - Tán 贊= giúp.- Hóa dục 化 育 = sinh dưỡng, biến hóa.- Tham 參 = tham dự, cộng tác. - Chí thành 至 誠 = chí thành chí thiện. [3]

DỊCH CHƯƠNG 22

Thánh nhân cùng lý tận tính

Chỉ những bậc chí thánh trong thiên hạ,

Mới phát huy vẹn cả tính nhân loài.

Tận thiện mình rồi cải thiện mọi người,

Cải thiện người, rồi tác thành muôn vật.

Tác thành cho quần sinh trong trời đất,

Là giúp đất trời dinh dưỡng sinh linh.

Giúp đất trời trong công cuộc dưỡng sinh,

Nghiễm nhiên sẽ được cùng đất trời tham tán.[4]

BÌNH LUẬN

1. Chỉ có thánh nhân mới có thể tận tính:

Thực vậy, muốn tận tính phải biết hồi quang quán chiếu, phải đi sâu vào tâm khảm, phải thoát mọi vấn vương tục lụy. Đó là những điều mà thường nhân không làm được.

Nhưng nếu đi sâu vào tâm khảm sẽ biết tính, mà biết tính tức là sẽ biết được Trời (theo Mạnh Tử).[5]

Nói theo từ ngữ thông thường, tận tính là tìm ra được căn bản tâm thần mình. Mà căn bản tâm thần

mình chính là Thái cực, là tuyệt đối thể, là Trời.[6]

2. Tận tính mình rồi sẽ tận tính người và tính vật:

Nho gia nói riêng và thánh hiền Đông Á nói chung đều chủ trương vạn vật nhất thể. Theo chủ trương này, muôn loài chỉ khác nhau về khí chất, hình thức, chủng loại bên ngoài, còn hoàn toàn giống nhau về căn cốt, tính lý bên trong.[7]

Vì thế biết tính mình sẽ biết tính người, tính vật.

Quảng Bình Du Thị cũng nói: «Tính muôn vạn người cũng là tính mình, cho nên biết rõ tính mình sẽ biết rõ tính người.» [8]

Qui Sơn Dương Thị cũng nói: «Xét về tính thì vạn vật cùng một gốc, nhưng nếu người không có thiên đức, không thể biết đến kỳ cùng thấu đáo được.» [9]

Mạnh Tử nói:

«Vạn vật giai bị ư ngã.» Thực là chí lý vậy.[10]

Nói cách khác, nếu chúng ta dùng ngũ quan, tri giác thông thường thì thấy muôn vật đều là gàng quải, chia phôi, nhưng nếu nhìn bằng con mắt tâm thần thì vạn vật chỉ là một thực thể duy nhất. Thực thể duy nhất ấy là Tính, là Đạo, hay Thái Cực.

Chu Hi cho rằng: Thái cực là Lý có trước trời đất, đã sinh ra trời đất, và hằng lồng trong trời đất vạn vật... làm khu nữu cho trời đất muôn vật.[11]

Cho nên tìm ra được tính, tức là tìm ra được thực thể vô biên, cơ cấu của vạn năng, căn bản của vạn vật hay là căn bản duy nhất theo từ ngữ của Kant.[12]

Biết rõ mình suy ra người, ra vật, vạn sự vạn loài, đó là phương pháp 'dĩ nhất quan vạn' của tiên nho.[13]

Ngày nay người ta gọi đó là phương pháp tổng quát, hay suy rộng. Nhờ phương pháp này mà nhân một có thể suy ra vạn, bất kỳ về phương diện nào.

Nhờ phương pháp này mà Mạnh Tử đã định được rằng thánh phàm đều cùng bản tính như nhau. Chỉ khác là: một đàng thì giữ được bản tâm bản tính; một đàng chẳng giữ được nó mà thôi.

Mạnh Tử viết: «Cho nên phàm những vật đồng loại thì bản tính giống nhau. Tại sao riêng về nhân loại, người ta lại nghĩ rằng bản tính chẳng tương tự ? Những vị thánh nhân và chúng ta đều cùng một loài.»[14]

Lạ lùng thay, sách Minh Triết (một trong các thánh thư Công giáo) cũng chủ trương đại khái rằng bất kỳ ai đã sinh làm người cũng do khí huyết của cha mẹ, cũng phải chịu sự thai nghén, cũng phải mang tiếng khóc chào đời, cũng phải cúc dục cù lao. sách viết thêm: «Chẳng có vua nào chào đời thể khác cả. Lối vào đời và lối ra khỏi đời chỉ có một cho bất cứ người nào.» [15]

Thiệu Tử viết: «[Thánh nhân] có thể lấy một tâm mình xem vạn tâm, lấy thân mình xem vạn thân, lấy một vật xem vạn vật, lấy một đời xem vạn đời.» [16]

3. Tận tính sẽ giúp đất trời trong cuộc hóa sinh

Đi sâu vào đáy lòng muôn vật, sẽ thấy muôn vật tiềm tàng một nguồn sinh lực vô biên, nếu biết cách khai thác sẽ có thể cải thiện, biến hóa vạn vật.

Tìm thấy rằng tuyệt đối làm căn bản cho thế giới tương đối hữu hình, sẽ suy ra được rằng nhân loại

luôn ước mơ tuyệt đối, luôn hướng về tuyệt đối, và như vậy sẽ vạch cho mọi người thấy con đường tiến hóa và mục phiêu tiến hóa của mình. Chiều hướng tiến hóa là chiều hướng nội tâm, mục phiêu tiến hóa là phối kết Thượng Đế.

Tận dụng được vạn vật, tận thiện được vạn dân, tức là đã giúp Trời trong công cuộc hóa sinh vậy.

Thiệu Tử cũng cho rằng tất cả công phu học vấn là cốt tìm cho ra điểm kết hợp giữa Trời và người; và công phu giáo hóa, tu luyện cốt để giúp con người đi hết tầm tiến hóa khả dĩ kết hợp được với Trời.[17]

4. Giúp đất trời trong công cuộc hóa sinh

Nho giáo vốn chủ trương thánh nhân phối thiên (thánh nhân kết hợp với Trời).

Thiệu Tử viết: «[Thánh nhân] lấy lòng mình thay ý Trời, miệng mình thay lời Trời, tay mình thay công Trời, thân mình thay việc Trời.» [18]

Trình Tử viết: «Thánh nhân đạt tới sự thành nhất của Trời...[19] Trời là thánh nhân, thánh nhân là Trời...[20] Thánh nhân tức là Trời đất...[21] Đại nhân đức độ hợp trời đất, quang minh hợp nhật nguyệt.» [22]

Trong một bài đại luận về thánh nhân, Chu Hi cũng kết thúc bằng mấy chữ bất hủ như sau:

«Thánh nhân tức là hiện thân của Trời.»

Dịch Kinh từ lâu vốn coi con người toàn thiện là có đức độ sánh với Trời. Dịch Kinh viết: «Đức độ người ngang với đức độ trời đất, người sáng láng như hai vầng nhật nguyệt, biến thông tựa bốn mùa, ảnh hưởng người in tựa thần minh.» [23]

CHÚ THÍCH

[1] Chí thành 至 誠: naturali integritate summe rectus, seu sanctus. 至 誠 exhaurire cognitionem et actionem in perficiendo se, tum exemplo et institutione perficere alios, dein sapienti gubernio efficere ut omnia juxta suam naturam plene evolvantur, et sic adjuvare coelum et terram, quae producunt et conservant sed nequeunt cogere homines ut juxta naturam ipsi agant rebusque utantur. (Litteraturæ Sinicæ, p.205)

[2] Bản dịch của Séraphin Couvreur:

Seul, sous le ciel, le sage par excellence est capable de développer et de déployer entièrement ses qualités naturelles. Pouvant développer et déployer entièrement ses qualités naturelles il peut (par ses exemples et ses enseignements) faire que les autres hommes développent et déploient entièrement leurs qualités naturelles. Ensiute il peut (par de sages règlements) faire que toutes choses servent à l'homme selon toute l'étendue de leurs qualités naturelles. Pouvant faire que toutes choses servent selon toute l'étendue de leurs qualités naturelles, il peut aider le ciel et la terre à former et à conserver les êtres. Pouvant aider le ciel et la terre à former et à conserver les êtres, il peut être associé au ciel et à la terre.

[3] Trước tiên trau dồi học vấn, hoàn thiện hành vi để tận thiện mình, sau treo gương sáng, lập chế độ để cải thiện người, rồi khéo léo điều khiển để mọi sự phát huy tiến triển theo đúng bản tính, như vậy là giúp trời đất. Trời đất sinh đưỡng nhưng không ép được người phải theo thiên lý, theo thiên tính và sử dụng sự vật cho phải lẽ.

[4] C'est lui (Dieu) qui m'a donné une science infaillible des êtres,

pour me faire connaître la structure de l'univers, et les propriétés des éléments.

Le commencement, la fin de le milieu des saisons,

les alternances des solstices, les vicissitudes des temps,

les cycles des années et la position des étoiles,

la nature des animaux et les instincts des fauves,

la puissance des esprits et les raisonnements des hommes,

les différentes espèces des plantes et les vertus des racines.

Tout ce qui se cache et tout ce qui se voit, je l'ai appris;

car la Sagesse, ouvrière de toutes choses, me l'a enseigné.

(Livre de la Sagesse, 7-17, 22)

[5] Mạnh Tử, Tận tâm [thượng-1]

[6] Nho viết Thái cực, Thích viết Viên giác, Đạo viết Kim đan. Thái cực, Viên giác, Kim đan kỳ danh tuy tam, kỳ vật tắc nhất. Giá cá vật thị tính mệnh chân chủng tử. Sở vị cùng lý giả, tức cùng thử chân chủng. Sở vị tận tính giả, tức tận thử chân chủng. Sở vị trí mệnh giả, tức chí thử chân chủng. Tri thử chân chủng, nghịch nhi tu chi, dĩ chi tu tính nhi tính khả minh, dĩ chi tu mệnh nhi mệnh khả lập. 儒曰太極, 釋曰圓覺, 道曰金丹. 太極, 圓覺, 金丹其名雖三, 其物則一. 這個物是性命真種子. 所謂窮理者, 即窮此真種. 所謂盡性者, 即盡此真種. 所謂致命者, 即致此真種. 知此真種, 逆而修之, 以之修性而性可明, 以之修命而命可立 (Thê Vân Sơn, Lưu Ngộ Nguyên, Ngộ đạo lục, tr.35)

[7] Nhân hòa vật, tuy nhiên hình chất khí loại hữu bất nhất dạng. Chí ư tính đô thị bẩm thụ tự thiên, bản lai một hữu thập ma bất đồng. 人和物, 雖然形質氣類有不一樣. 至於性都是稟受自天, 本來沒有什麼不同 (Trung Dung kim thích, tr.59)

[8] Thiên vạn nhân chi tính, nhất kỷ chi tính thị dã. Cố năng tận kỷ tính tắc năng tận nhân chi tính. Vạn vật chi tính, nhất nhân chi tính thị dã. Cố năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. 千萬人之性, 一己之性是也. 故能盡己性則能盡人之性. 萬物之性, 一人之性是也. 故能盡人之性, 則能盡物之性 (TD hoặc vấn, tr.114b)

[9] Qui Sơn Dương Thị viết: Tính giả, vạn vật chi nhất nguyên dã. Phi phù thể thiên đức giả, kỳ thực năng tận chi. 龜山楊氏曰: 性者, 萬物之一元也. 非夫體天德者, 其孰能盡之 (Trung Dung hoặc vấn, tr.114b)

[10] Mạnh Tử, Tận tâm [thượng-2]

[11] Nhược vô Thái cực tiện bất phiên liễu thiên địa... Cố thường tại vật chi trung vi vạn vật chi đích. Vật vô chi, tắc vô dĩ vi căn chủ, nhi bất năng dĩ hữu lập. 若無太極便不翻了天地... 故常在物之中為萬物之的. 物無之, 則無以為根主, 而不能以有立 (Stanislas le Gall S.J., Tchou Hi sa doctrine son influence)

[12] La réalité infinie est le substrat de toute possibilité, le fondement universel. Si toutes les négations sont des limites, aucune chose n'est possible que par une autre chose qu'elle suppose, sauf l'ens realissimum. (Kant, Oeuvres, 17, 4758) (cf. Lucien Goldmann, La communauté humaine et l'univers chez Kant, p.50)

- «L'unique fondement possible.» (Ib., p.76)

- Nous trouvons chez Kant un très grand nombre d'expressions pour désigner l'inconditionné: le supra

sensible, le souverain bien, la totalité, l'Universitas, le noumène, la chose en soi, l'intellect archetype, la volonté sainte, l'entendement intuitif ou créateur. (Ib., p.137)

[13] Dĩ nhất quan vạn. 以 一 觀 萬 (Thiệu Khang Tiết, Hoàng Cực Kinh Thế, q.5, tr.8)

- Phù sở dĩ vị chi quan vật giả phi dĩ mục quan chi dã, phi quan chi dĩ mục nhi quan chi dĩ tâm dã. Phi quan chi dĩ tâm nhi quan chi dĩ lý dã. Thiên hạ chi vật mạc bất hữu lý yên, mạc bất hữu tính yên, mạc bất hữu mệnh yên. 夫 所 以 謂 之 觀 物 者 非 以 目 觀 之 也 非 觀 之 以 目 而 觀 之 以 心 也. 非 觀 之 以 心 而 觀 之 以 理 也. 天 下 之 物 莫 不 有 理 焉, 莫 不 有 性 焉, 莫 不 有 命 焉 (Thiệu Khang Tiết, sđd., q.6, tr.26)

[14] Cố phàm đồng loại giả, cử tương tự dã. Hà độc chí ư nhân nhi nghi chi. Thánh nhân dữ ngã đồng loại giả. 故 凡 同 類 者, 舉 相 似 也. 何 獨 至 於 人 而 疑 之. 聖 人 與 我 同 類 者 (Mạnh Tử, Cáo Tử [thượng-7])

[15] Je ne suis, moi aussi, qu'un homme mortel, semblable à tous les autres, un descendant du premier être formé de la terre. J'ai été modelé en chair dans le sein de ma mère, òu pendant dix mois dans son sang j'ai pris consistance, grâce à la semence virile et au plaisir, compagnon du sommeil. A ma naissance, j'ai, moi aussi respiré l'aircommun, je suis tombé sur la terre qui nous reçoit tous pareillement, et des pleurs, comme pour tous, furent mon premier cri. J'ai été élevé dans les langes et parmi les soucis. Aucun roi ne connut autre début d'existence; il n'y a pour tous qu'une façon d'entrer dans la vie, comme d'en sortir. (Livre de la Sagesse, 7, 1-6)

[16] Vị kỳ năng dĩ nhất tâm quan vạn tâm, nhất thân quan vạn thân, nhất vật quan vạn vật, nhất thế quan vạn thế. 謂 其 能 以 一 心 觀 萬 心, 一 身 觀 萬 身, 一 物 觀 萬 物, 一 世 觀 萬 世 (Thiệu Khang Tiết, sđd., q.5, tr.6)

[17] Học bất tế Thiên nhân bất túc dĩ vị chi học... Cố do miễn cơ an, tận nhân khả dĩ hợp Thiên nhi nhân dữ Thiên tế, bất như thị khởi đắc vị chi học hồ? 學 不 際 天 人 不 足 以 謂 之 學... 故 由 勉 幾 安, 盡 人 可 以 合 天 而 人 與 天 際, 不 如 是 起 得 謂 之 學 乎? (Thiệu Khang Tiết, sđd., q.8, tr.26b)

[18] Hựu vị kỳ năng dĩ tâm đại thiên ý, khẩu đại thiên ngôn, thủ đại thiên công, thân đại thiên sự giả yên. 又 謂 其 能 以 心 代 天 意, 口 代 天 言, 手 代 天 工, 身 代 天 事 者 焉 (Ib., q.5, tr.5b)

[19] Thánh nhân thành nhất chi ư Thiên. 聖 人 誠 一 之 於 天 (Trình Tử kinh thuyết, 8, tr.5b)

[20] Thiên tức thánh nhân, thánh nhân tức thiên. 天 即 聖 人 聖 人 即 天 (Ib., tr.5b)

[21] Thánh nhân tức thiên địa dã. 聖 人 即 天 地 也 (Nhị Trình toàn thư, di thư nhị thượng, tr.4a)

[22] Đại nhân giả dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, phi tại ngoại dã. 大 人 者 與 天 地 合 其 德, 與 日 月 合 其 明, 非 在 外 也 (Nhị Trình toàn thư, di thư nhị thượng, tr.3a)

[23] En un mot, le Saint est le Ciel personnifié. 四 時 行 而 百 物 生, 莫 非 天 理 發 現 流 行 之 實 不 得 言 而 見 聖 人 一 動 一 靜, 莫 非 妙 道 精 義 之 際 亦 天 而 已 (Luen yu, ch.17, #18 comment)

Le I-king avait depuis longtemps déjà représenté l'homme parfait comme l'égal du Ciel en perfection: «Ses vertus, y est, il dit, égalent celles du Ciel et de la terre, il brille comme le soleil et la lune, sa régularité est comparable à celle des quatre saisons, son influence rappelle celle des Esprits. (Stanislas le Gall S.J., sđd., p.67)

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 23

PHƯƠNG PHÁP TU THÂN ĐỂ TIẾN TỚI THÁNH HIỀN

第 二 十 三 章

其 次 致 曲. 曲 能 友 誠. 誠 則 形. 形 則 著. 著則 明. 明 則 動. 動 則 變. 變 則 化. 唯 天 下 至 誠 為 能 化.

PHIÊN ÂM

Kỳ thứ trí khúc. Khúc năng hữu thành. Thành tắc hình; hình tắc trứ; trứ tắc minh; minh tắc động; động tắc biến; biến tắc hóa. Duy thiên hạ chí thành vi năng hóa.[1]

CHÚ THÍCH

- Khúc 曲: (1) Nhỏ, vụn vặt,[2] (2) Cong queo, vạy vò.[3] - Trí khúc 致 曲: (1) Chất chứa những cái lẻ loi để làm cho đầy đủ (Ph. Khoang), (2) Cố làm cho tâm tính còn khiếm khuyết trở nên hoàn hảo (Couvreur), (3) Phát triển thiện đoan (Legge).

DỊCH CHƯƠNG 23

Phương pháp tu thân để tiến tới thánh hiền

Hai là bao chếch mác liệu san cho bằng phẳng,
Bao cong queo cố uốn nắn lại cho ngay.
Rồi cũng nên trọn hảo kém chi ai,
Sự trọn hảo sẽ hiện ra ngoài hình sắc.
Sẽ sáng lên như trăng sao vằng vặc,
Sẽ huy hoàng và sẽ tác động ngay.
Tác động rồi sẽ cảm hóa liền tay.
Đã cảm hóa sẽ đổi thay thiên hạ,
Duy bậc chí thành mới có tài cảm hóa.[4]

BÌNH LUẬN

Chương trên đã nói về thiên đạo, thánh đạo, chương này nói về nhân đạo.

a. Kỳ thứ trí khúc

Dương Qui Sơn bình: «Tận tính là hoàn thiện, trí khúc là trở nên hoàn thiện. Học vấn, suy tư, biện luận, thực hành là trí khúc vậy.» [5]

Chữ trí khúc thật là khó cắt nghĩa. Các nhà bình luận mỗi người một cách.

Couvreur dịch trí khúc là 'perfectionner une nature défectueuse' (tu sửa tính tình còn khiếm khuyết cho nên hoàn thiện).

Legge dịch 'kỳ thứ trí khúc' là 'next to the above is he who cultivates to the utmost the shoots of goodness in him' (tiếp đến là kẻ phát huy đến cùng cực những thiện đoan trong người họ).[6]

Cụ Phan Bội Châu viết: «Khúc là một việc lẻ loi mà chưa được hoàn thành... Nhưng vì công phu trí khúc mà cũng hay đầy đủ được phân lượng của thành.» [7]

Tiên nho như Trình Tử, Dương Qui Sơn, v.v. cho rằng trí khúc là phát huy đến cùng cực những đức tính mình được bẩm thụ nhiều hơn, xong rồi dần dà phát huy các thiện đoan khác để cuối cùng tiến tới hoàn thiện.[8]

Các ngài cho rằng: Thiện đoan nơi con người phát sinh không đồng đều nhau. Tùy theo sự bẩm thụ dày mỏng mà thiên về nhân, về nghĩa, về hiếu, về đễ, v.v. không đồng đều nhau. Nếu nhân khí nhiều, nhân sẽ phát triển nhiều hơn, mà nghĩa sẽ kém hơn. Nếu nghĩa khí nhiều, nghĩa sẽ phát triển nhiều hơn, mà nhân sẽ kém hơn. Cứ tùy theo sự phát triển thiên thắng về phía nào mà cố gắng phát huy phía ấy cho đến cùng cực.

Ví dụ: Nhân thiên thắng thì phát huy đức nhân đến cùng cực, rồi lại quay sang nghĩa, sang trí, mà phát huy đến cùng cực, cứ thế... Như vậy, thì mỏng sẽ thành dày, khác biệt sẽ thành giống nhau. Nhân sẽ dày mà nghĩa cũng không mỏng. Như vậy sẽ quán thông được toàn thể.[9]

Ta cũng có thể nương theo nghĩa chữ khúc là 'cong queo' mà dịch chữ trí khúc là 'uốn nắn lại những gì cong queo, sửa sang lại những gì chếch mác, để trở nên hoàn thiện.'

Cắt nghĩa cách này có cái lợi là sẽ tìm ra được những âm hưởng tương tự trong Đạo Đức Kinh của Lão giáo và Thánh kinh Công giáo.

Chương 22 của Đạo Đức Kinh viết: «Khúc tắc toàn, uổng tắc trực, trật tắc doanh, tệ tắc tân.» 曲 則 全, 枉 則 直, 窪 則 盈, 敝 則 新 .

Tạm dịch:

Bao dang dở, làm cho tươm tất,
Bao cong queo, hãy bắt cho ngay.
Hãy san chỗ trũng cho đầy,
Cũ càng đổi mới, mới ngay tức thì.

Isaie (40, 3-4) viết:

«Vì Yahvé, hãy mở đường trong sa mạc,
Hãy chỉnh trang đạo lộ chốn hoang vu.
Lấp thung lũng, bạt đồi núi hoang vu,
Biến vực thẳm cho trở thành đồng nội.»

b. Thành tắc hình, hình tắc trứ, trứ tắc minh

Đã hoàn thiện bên trong, tự nhiên sẽ nhuận sắc đến thân thể, phóng phát quang huy ra bên ngoài, hiển hiện ra ngôn từ cử chỉ, phát lộ thành văn chương sự nghiệp, v.v.

Đó là định luật 'Thành ư trung, hình ư ngoại' đã được đề cập trong sách Đại Học (ch.6). Tứ Thư Ngũ Kinh thường đề cập định luật này.

Dịch Kinh viết nơi quẻ Khôn: «Quân tử hoàng trung thông lý, chính vị cư thể. Mỹ tại kỳ trung, nhi sướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp.»

Người Nhân thông lý Trung hoàng,

Vào nơi chính vị mà an thân mình.

Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,

Tứ chi sảng khoái, công trình hiển dương.

Chương 6 của Đại Học viết: «Phú nhuận ốc, đức nhuận thân, tâm quảng, thể bàn.»

Giàu thời nhà cửa khang trang,

Đức thời thân thể an khang rạng ngời.

Lòng mà khinh khoát thảnh thơi,

Rồi ra sẽ thấy hình hài tốt tươi.

Mạnh Tử viết: «Cái bản tính của người quân tử có đủ những đức nhân, nghĩa, lễ, trí. Những đức căn cứ nơi tâm, nhưng khi phát sinh ra thì hiện một cách rõ ràng nơi mặt, chiếu nơi lưng, phơi bày nơi tay chân. Chẳng đợi dùng lời nói mà giải bày, chân tay người quân tử có đủ khí tượng về nhân, nghĩa, lễ, trí vậy.» [10]

Ông còn nói: «Người quân tử lập chí ở đạo, nếu chưa thấy phát huy được đạo ra bên ngoài thì chưa đạt đạo.» [11]

Trình Tử bình rằng: «Quân tử giữ đạo mà chưa nhuận trạch được thân thể, chưa phóng phát được quang huy ra bên ngoài, là chưa đạt đạo. Dịch viết: Đẹp bên trong, thân thể sẽ sảng khoái, thế là thành chương vậy.» [12]

Nghiên cứu các bức chân dung thánh hiền ta thấy:

- Dung nhan quang nhuận, cốt cách thanh tao, dáng điệu ung dung thư thái.

- Các xương đầu đôi khi nở nang khác thường, nhất là các vị đã luyện khí công, nội công.[13]

Đó cũng là những chứng nghiệm để xác thực định luật nói trên.[14]

c. Minh tắc động, động tắc biến, biến tắc hóa

Khi sự hoàn thiện đã phát lộ ra bên ngoài[15] sẽ ảnh hưởng đến dân chúng. Đó là định luật cảm ứng của trời đất.[16] Hệ Từ viết:

Hạc kêu khuất nẻo đâu đây,

Mẹ kêu con đáp cả bầy hòa minh.

Ta đây có rượu thần linh,

Ta đem ta sẻ, ta dành cho ai.

Dạy rằng quân tử trên đời,

Ngồi nhà nói phải muôn người vâng theo.

Dặm nghìn còn phải hướng chiều,

Thời gần gang tấc đâu điều lần khân.[17]

Khi đã ảnh hưởng đến dân chúng, các bậc thánh nhân sẽ cảm hóa được mọi người.

Quảng Bình Du Thị nói: «Hoàn thiện đến mức phát lộ ra bên ngoài thì trong ngoài sẽ thông suốt, cơ thể sẽ đượm màu thanh cao, trong sáng. Vì thế, phát lộ sẽ trong sáng; trong sáng rồi sẽ động chúng; cho nên sáng sẽ động. Động rồi sẽ thay đổi được phong tục, cho nên động sẽ biến. Biến rồi sẽ thay đổi được ô trọc thành thanh cao, bạo tàn thành hiền lương. Nhưng biến là đổi mà hãy còn dấu vết, còn hóa thì đổi mà không còn dấu vết cũ nữa. Cho nên chỉ có thần thánh mới có thể làm được như vậy.» [18]

CHÚ THÍCH

[1] Couvreur dịch: Après ces hommes (qui sont naturellement parfaits), viennent ceux qui perfectionnent une nature défectueuse. Une nature défectueuse peut devenir parfaite. Aussitôt sa perfection paraît; elle devient manifeste, elle exerce de l'influence (sur les hommes et les choses), elle les change, elle les transforme. Seul sous le ciel celui qui est vraiment parfaît, a le pouvoir d'opérer des transformations.

[2] Xem các bản dịch của cụ Phan Bội Châu, Phan Khoang, bản chú của Trung Dung kim thích)

[3] Bản dịch Đoàn Trung Còn, Couvreur.

Danh ngôn đối chiếu:

[4] Ainsi ont été redressées les voies de ceux qui sont sur la terre, et les hommes ont appris ce qui t'est agréable, et ils ont été sauvés par la sagesse. (Livre de la Sagesse, 9, 18)

- Une voix crie:

Frayez dans le désert le chemin de Yahweh,

aplanissez dans le steppe une route pour notre Dieu.

Que toute vallée soit comblée,

toute montagne et colline abaissées;

que le sol montueux se fasse plaine,

et les escarpements, vallons ! (Isaïe 40-3, 4)

- Đạo Đức Kinh, ch.22:

Bao dang dở làm cho tươm tất,

Bao cong queo hãy bắt cho ngay.

Hãy san chỗ trũng cho đầy,

Cũ càng đổi mới, mới ngay tức thì.

Nghèo nàn sẽ thỏa thuê đầu đủ,

Của cải nhiều trí lự ám hôn.

Thánh nhân một dạ sắt son,

Hòa mình với đạo, treo gương cho đời.

Ít phô nhưng rạng ngời sáng quắc,

Chẳng khoe nhưng vằng vặc trăng sao.

Chẳng cầu cạnh vẫn cao công nghiệp,

Rẻ rúng thân, ngồi tít tầng cao.

Không tranh ai nỡ tranh nào,

Lời người xưa nói, lẽ nào sai ngoa.

"Bao dang dở làm cho tươm tất",

Tươm tất rồi là chắc về "Ngài".

[5] Qui Sơn Dương Thị viết: Năng tận kỳ tính giả thành dã.

Kỳ thứ trí khúc giả, thành chi dã. Học vấn, tư biện, nhi đốc hành chi, trí khúc dã. 龜山楊氏曰: 能盡其性者誠也其次致曲者誠之也學問, 思辨, 而篤行之致曲也 (Trung Dung hoặc vấn, tr.117a,b)

[6] J. Legge trans., The Doctrine of the Mean, p.417.

[7] Phan Bội Châu, Khổng học đăng I, tr.375.

[8] Trí khúc công phu thị tự nhất thiên chi thiện suy chi, dĩ quán thông hồ toàn thể. 致曲功夫是自一偏之善推之, 以貫通乎全體 (Trung Dung hoặc vấn, tr.117b)

[9] Thiện đoan sở phát tùy kỳ sở bẩm chi hậu bạc, hoặc Nhân, hoặc Nghĩa, hoặc Hiếu, hoặc Đễ nhi bất năng đồng. Như bẩm đắc nhân khí hậu, tắc phát xuất lai đa thị nhân, nhi nghĩa ý tứ toàn thiểu. Như bẩm đắc nghĩa khí hậu tắc phát hiện lai đa thị nghĩa nhi nhân ý tứ toàn thiểu. Các nhân kỳ phát hiện chi thiên nhất nhất suy dĩ chí hồ kỳ cực. Như nhân nhân chi phát hiện suy chi dĩ chí nhân chi cực. Hựu nhân nhân phát hiện chi thiên xứ nhi suy chi dĩ cập ư nghĩa, sử nghĩa diệc chí kỳ cực, nhược lễ nhược trí mạc bất giai nhiên. Thử sở vị các nhân kỳ phát hiện chi thiên nhất nhất suy chi dĩ chí kỳ cực dã. Sử kỳ bạc giả hậu nhi dị giả đồng. Tự phù suy nhân chi khúc dĩ cực ư nghĩa tắc nhân cố hậu nhi nghĩa diệc bất vi bạc. Suy nghĩa chi khúc dĩ cực ư nhân tắc nghĩa cố hậu nhi nhân diệc bất vi bạc. Thủy hữu hậu bạc bất miễn hữu dị, kim vô hậu bạc tắc dị giả đồng hĩ. Cố viết bạc giả hậu nhi nhị giả đồng. Bạc giả hậu nhi dị giả đồng tắc quán thông hồ toàn thể hĩ. 善端所發隨其所稟之厚薄, 惑仁惑義惑孝惑悌而不能同. 如稟得仁氣厚, 則發出來多是仁, 而義意思全少, 如稟得義氣厚則發現來多是義而仁意思全少. 各因其發現之偏一一推之以至乎其極. 如因仁之發現推之以至仁之極. 又因仁發現之偏處而推之以及於義. 使義亦至其極若禮若智莫不皆然. 此所謂各因其發現之偏一一推之以至其極也. 使薄者厚而異者同. 自夫推仁之曲以極於義則仁固厚而義亦不為薄推義之曲以極於仁, 則義固厚而仁亦不為薄. 始有厚薄不免有異今無厚薄則異者同矣. 故曰: 薄者厚而異者同. 薄者厚而異者同則貫通乎全體矣 (Trung Dung hoặc vấn, tr.117b-118a)

[10] Mạnh Tử, Tận tâm [thượng-21] (Đoàn Trung Còn dịch)

[11] Quân tử chi chí ư đạo dã, bất thành chương bất đạt. 君子之志於道也不成章不達 (Mạnh Tử, Tận tâm [thượng-24])

Các bản dịch của Couvreur, Legge, Đoàn Trung Còn đều dịch đại khái là: «Người quân tử lập chí ở đạo, nhưng phải thành thục văn chương, rồi mới thấu đạt ý nghĩa của thánh nhân vậy.» Dịch như thế thiết tưởng chưa ổn lắm.

[12] Quân tử bất thành chương bất đạt. Dịch viết: Mỹ tại kỳ trung, nhi sướng ư tứ chi, thành chương chi vị dã. 君子不成章不達. 易曰: 美在其中而暢於四肢, 成章之謂也.(Nhị Trình toàn thư. Di thư 18, tr.48a)

[13] Comme chez tous les Immortels (sien-jen), le crâne présente une énorme bosse frontale signifiant que les

sages ont fortifié leur cerveau en tant que réservoir d'énergie vitale. (Jean Rivolier)

[14] Thánh kinh Công giáo cũng viết: «Đầy trong lòng, phát ra miệng.» (Matthieu 12, 34)

[15] Dương Thị ký dĩ quang huy phát ngoại vi minh hĩ. 楊 氏 既 以 光 輝 發 外 為 明 矣 (Trung Dung hoặc vấn, tr.117a)

[16] Thiên địa chi gian chỉ hữu nhất cá cảm dữ ứng nhi dĩ. 天 地 之 間 只 有 一 箇 感 與 應 而 已 (Nhị Trình toàn thư. Di thư 18, tr.7b)

[17] Hệ Từ Thượng, 8.

[18] Quảng Bình Du Thị viết: Thành chí ư trứ tắc nội ngoại oa triệt, thanh minh tại cung. Cố trứ tắc minh. Minh tắc hữu động chúng. Cố minh tắc động, động tắc hữu dịch tục. Cố động tắc biến. Biến tắc cách ô dĩ vi thanh, cách bạo dĩ vi lương, nhiên do hữu tích dã. Hóa tắc kỳ tích mẫn hĩ. 廣 平 游 氏 曰: 誠 至 於 著 則 內 外 渦 徹 清 明 在 躬. 故 著 則 明 明 則 有 動 眾. 故 明 則 動 動 則 易 俗. 故 動 則 變. 變 則 革 汙 為 清, 革 暴 以 為 良, 然 猶 有 跡 也. 化 則 其 跡 泯 矣 (Trung Dung hoặc vấn, tr.117a)

- Hoặc vấn biến dữ hóa hà biệt. Vương thị vị nhân hình di dịch vị chi biến. Ly hình đốn cách vị chi hóa. Nghi kỳ thuyết chi thiện dã. Tử viết phi dã. Biến vị ly kỳ thể dã. Hóa tắc cựu tích tận vong. Tự nhiên nhi dĩ hĩ. Cố viết động tắc biến, biến tắc hóa; duy thiên hạ chí thành vi năng hóa. 或 問 變 與 化 何 別. 王 氏 謂 因 形 移 易 謂 之 變. 離 形 頓 革 謂 之 化. 疑 其 說 之 善 也. 子 曰: 非 也. 變 未 離 其 體 也. 化 則 舊 跡 盡 亡. 自 然 而 已 矣 故 曰: 動 則 變, 變 則 化; 惟 天 下 至 誠 為 能 化 (Nhị Trình toàn thư. Túy ngôn, I, tr.8b)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 24

THÁNH NHÂN TIÊN TRI

第 二 十 四 章

至 誠 之 道 可 以 前 知. 國 家 將 興 必 有 禎 祥; 國 家 將 亡 必 有 妖 孼; 見 乎 蓍 龜, 動 乎 四 體. 禍 福 將 至, 善 必 先 知 之, 不 善 必 先 知 之, 故 至 誠 如 神.

PHIÊN ÂM

Chí thành chi đạo khả dĩ tiền tri. Quốc gia tương hưng tất hữu trinh tường; quốc gia tương vong tất hữu yêu nghiệt; hiện hồ thi qui, động hồ tứ thể. Họa phúc tương chí, thiện tất tiên tri chi, bất thiện tất tiên tri chi, cố chí thành như thần.

CHÚ THÍCH

- Tương 將 = sắp. - Trinh tường 禎 祥 = điềm lành. - Yêu nghiệt 妖 孼 = điềm gở.

- Thi 蓍 = cỏ thi. - Qui 龜= mai rùa. - Tứ thể 四 體 = tứ chi.

DỊCH CHƯƠNG 24

Thánh nhân tiên tri

Biết việc trời ấy người chí thánh.
Vận nước hưng, điềm thạnh báo liền;
Giang sơn sắp sửa đảo điên,
Biết bao điềm gở ứng liền báo tri;
Hoặc nhìn thấy cỏ thi biến dạng
Hoặc mai rùa hình dáng đổi thay.
Hoặc là mấp máy chân tay,
Bất kỳ họa phúc biết ngay trước rồi.
Lành ắt có điềm trời báo trước,
Dữ tất nhiên cũng được tiên tri.
Những người tuyệt thánh tinh vi,
Tinh vi linh giác cũng y như thần.

BÌNH LUẬN

1. Chí thành chi đạo khả dĩ tiền tri.

Những bậc chí thành đều biết trước việc vị lai. Điều này lịch sử nhân loại đã chứng minh. Đạo nào cũng có những vị tiên tri. Ở Trung Quốc ta thấy có Lã Vọng (Khương Tử Nha), Gia Cát Lượng, Lưu Bá Ôn,

Lý Thuần Phong, v.v. Các vị này tiên tri được sự việc nhiều đời.

Nhưng nơi chương 24 này, Trung Dung chỉ đề cập một sự hay biết vị lai gần gũi, do những hiện tượng cảm ứng tự nhiên gây nên. Như vậy không có gì là huyền bí cả.

Lam Điền Lữ Thị viết: «Bậc chí thành đức sánh đất trời. Đức sánh đất trời nên khí hóa vận hành cùng nhịp điệu với trời đất. Các điềm hưng vong họa phúc, sẽ ứng nơi tâm, động nơi khí, nên họa phúc, hưng vong vừa manh nha đều có thể biết trước. Huống chi khi tâm linh đã hoàn thiện tột bực, thì hỏi thi qui, thi qui sẽ mách bảo, nghiệm nơi tứ chi, tứ chi sẽ cảm ứng, cho nên dẫu việc kính mấy cũng hiển hiện, nhỏ nhặt mấy cũng phát lộ. Thế là chí thành sẽ đạt tới thần minh không còn gì ngăn cách.» [1]

Đằng khác, khi vận nước sắp hưng, thường có những điềm tốt hiện ra:

- Như phượng hoàng, kỳ lân xuất hiện (theo truyền thuyết).[2]

- Như những bậc hiền tài xuất sinh.

- Như trong nước đồng tâm, nhất chí, nỗ lực hứng khởi. v.v.

Khi vận nước sắp nguy, cũng có những điềm gở xảy ra:

- Sông cạn, núi lở.[3]

- Những kẻ tiểu nhân, hung ác xuất hiện.

- Như nhân tâm ly tán, bỏ công ăn việc làm thường nhật, trở nên xao xuyến hốt hoảng, thất thường, mê tín dị đoan, mê theo những lời đồn đại quàng xiên, v.v.

Dịch Kinh cho rằng: «Nhà nào tích thiện sẽ được nhiều phúc lộc, nhà nào tích bất thiện sẽ bị nhiều tai ương. Tôi giết vua, con giết cha, không phải một sớm một chiều, nguyên do dẫn đến cơ sự ấy tuần tự nhi tiến, chỉ tại kẻ phân biệt không phân biệt được sớm thôi.» [4]

2. Hiện hồ thi qui, động hồ tứ thể

Hơn nữa, các ngài cũng có thể dùng phương pháp bốc phệ, hoặc chiêm nghiệm nơi bản thân mà tiên đoán được việc tương lai.

Cổ nhân coi việc bốc phệ là một phương pháp thỉnh ý Thượng Đế. Điều đó đã được Kinh Thi, Kinh Thư chứng minh.[5]

Cựu Ước cũng cho thấy vua Saul và David đã thỉnh ý Thượng Đế bằng cách bói Éphod.[6]

Nói rộng ra thì thánh nhân biết được vị lai bằng nhiều cách:

- Hoặc là xuất thần mà biết, tự nhiên mà biết.

- Hoặc vì quan sát và áp dụng định luật nhân quả, nguyên lý cứu cánh mà biết.

- Hoặc dùng phương pháp bói toán thi qui mà biết.

- Hoặc áp dụng phương pháp suy rộng mà biết. Nghĩa là lấy một tâm xem vạn tâm, lấy một vật xem vạn vật, lấy một đời xem vạn đời.[7] Cổ nhân coi việc đời trong vạn cổ như khí tượng trong một năm.[8]

3. Họa phúc tương chí, thiện tất tiên tri, bất thiện tất tiên tri, cố chí thành như thần.

Vì vậy mà thánh nhân biết được vị lai, hay cũng biết trước, dở cũng biết trước. Cho nên các bậc thánh nhân là thần minh vậy.

Dụng cụ bói Dịch: 50 cọng cỏ thi

Dụng cụ bói Dịch: 3 đồng xu

CHÚ THÍCH

[1] Lam Điền Lữ Thị viết: Chí thành dữ thiên địa đồng đức. Dữ thiên địa đồng đức tắc kỳ khí hóa vận hành, dữ thiên địa đồng lưu hĩ. Hưng vong chi triệu, họa phúc chi lai, cảm ư ngô tâm, động ư ngô khí, như hữu manh yên, vô bất tiền tri, huống hồ thành tâm chi chí, cầu hồ thi qui, nhi thi qui cáo; sát hồ tứ thể nhi tứ thể ứng, sở vị mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi giả dã. Thử chí thành sở dĩ đạt hồ thành minh nhi vô gián, cố viết chí thành như thần.藍 田 呂 氏 曰: 至 誠 與 天 地 同 德. 與 天 地 同 德 則 其 化 氣 運 行, 與 天 地 同 流 矣. 興 亡 之 兆, 禍 福 之 來, 感 於 吾 心, 動 田 吾 氣, 如 有 萌 焉, 無 不 前 知, 況 乎 誠 心 之 至, 求 乎 蓍 龜, 而 蓍 龜 告; 察 乎 四 體 而 四 體 應, 所 謂 莫 見 乎 隱, 莫 顯 乎 微 者 也. 此 至 誠 所 以 達 乎 誠 明 而 無 間, 故 曰 至 誠 如 神 (Trung Dung hoặc vấn, tr.118a)

[2] Như phượng hoàng kỳ lân chi loại xuất yên. 如 鳳 凰 麒 麟 之 類 出 焉 (Trung Dung hoặc vấn, tr.119a)

[3] Như sơn băng xuyên kiệt chi loại hiện yên. 如 山 崩 川 竭 之 類 見 焉 (Trung Dung hoặc vấn, tr.119a)

[4] Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương. Thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ, phi nhất triêu nhất tịch chi cố. Kỳ sở do lai giả tiệm hĩ, do biện chi bất tảo biện dã. 積 善 之 家 必 有 餘 慶, 積 不 善 之 家 必 有 餘 殃. 臣 弒 其 君, 子 弒 其 父, 非 一 朝 一 夕 之 故. 其 所 由 來 者 漸 矣, 由 辯 之 不 早 辯 也 (Dịch, quẻ Khôn, văn ngôn)

[5] Kinh Thư, Tây Bá kham lê, tiết 2: Bàn Canh; Kim Đằng; Thiệu Cáo; Lạc Cáo, tiết 3, 4. - Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Hữu Thanh, tiết 7; Mân thiên, Vật uy.

[6] Samuel 14, 41-42; Samuel 30, 7, 8.; II Samuel 2, 1.

Trong khi thỉnh ý Thiên chúa, Saul và vua David đều dùng Ephod, tức là hai thẻ urim và tummim, tương tự

lối xin âm dương của Á Đông. (cf. Bible de Jérusalem, tr.293)

[7] Nhất nhân chi tâm tức thiên địa chi tâm, nhất vật chi lý tức vạn vật chi lý, nhất vật chi vận tức nhất tuế chi vận. 一人之心即天地之心, 一物之理即萬物之理, 一物之運即一歲之運 (Nhị Trình toàn thư, Di thư II, thượng, tr.1a)

- Vị kỳ năng dĩ nhất tâm quan vạn tâm, nhất thân quan vạn thân, nhất vật quan vạn vật, nhất thế quan vạn thế. 謂其能以一心觀萬心, 一身觀萬身, 一物觀萬物, 一世觀萬世 (Hoàng Cực Kinh Thế, q.5, tr.6)

[8] Vạn cổ chi nhân sự, nhất niên chi khí tượng dã. 萬古之人事, 一年之氣象也 (Thái Cực quyền bỗng đồ thuyết, tr.68)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 25

THÁNH NHÂN TRONG NGOÀI TRỌN HẢO

第 二 十 五 章

誠 者, 自 成 也; 而 道, 自 道 也. 誠 者, 物 之 終 始, 不 誠 無 物. 是 故 君 子 誠 之 為 貴. 誠 者, 非 自 成 己 而 已 也, 所 以 成 物 也. 成 己, 仁 也; 成 物, 知 也; 性 之 德 也, 合 外 內 之 道 也. 故 時 措 之 宜 也.

PHIÊN ÂM

Thành giả, tự thành dã; nhi đạo, tự đạo dã. Thành giả, vật chi chung thủy, bất thành vô vật. Thị cố quân tử thành chi vi quý.[1] Thành giả, phi tự thành kỷ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã. Thành kỷ, nhân dã; thành vật, trí dã; tính chi đức dã, hợp ngoại nội chi đạo dã. Cố thời thố chi nghi dã.

CHÚ THÍCH

- Thành 誠 = sự hoàn thiện. Thị cố quân tử thành chi vi quí 是 故 君 子 誠 之 為 貴 = Pour cette raison, le sage met la perfection au-dessus de tout (Couvreur dịch).

DỊCH CHƯƠNG 25

Thánh nhân trong ngoài trọn hảo

Thành là tự mình nên hoàn thiện,

Đường tinh thành phải kiếm cho ra.

Thành là cùng đích duyên do,

Duyên do cùng đích khắp cho muôn loài.[2]

Bỏ lẽ ấy khôn bài có vật,

Nên hiền nhân quý nhất chữ thành.

Hoàn thành không những riêng mình,

Rồi ra hoàn thiện quần sinh muôn loài.

Hoàn thành mình là người nhân đức,

Tác thành vật là bực thông minh.[3]

Thiên nhiên tự tính uy linh,

Trong ngoài hai mặt một mình quán thâu.

Nên quân tử biết câu sau trước,

Xếp thời giờ tổ chức cho hay.[4]

BÌNH LUẬN

1. Thành giả, tự thành dã; nhi đạo, tự đạo dã.

Chí thành là đạo Trời, và cũng là đạo của thánh nhân. Thành chi (trở nên hoàn thiện) là đạo quân tử, là đạo người.

Thành là đạo Trời, là đạo thánh nhân vốn tự nhiên mà có. Nơi Trời, nơi thánh, sự hoàn thiện đã sẵn có nơi mình, mà đạo lý cũng đã sẵn có nơi mình,không phải cầu cạnh nơi đâu.

Cụ Phan Bội Châu bình rằng: «Tự thành ở đây cũng như tự cường, tự lập, tự trị. Sở dĩ mình nên được mình chỉ là mình làm lấy mình, nên không phải vay mướn nhờ cậy ai cả, nên bảo rằng tự thành; mà sở dĩ tự thành được là gốc ở cái tinh thần chân thật, nên nói rằng 'Thành giả, tự thành dã'. [...] Xem ở hai chữ tự đạo thời chúng ta nên biết rằng ta đã là người thời chính giữa chân lý của mình ta làm nên người tức là đạo. dầu Phật, dầu thánh, dầu Thượng Đế, dầu Thiên chúa cũng chỉ ở giữa mình ta mà thôi, không bao giờ ở ngoài mình ta mà có đạo, nên nói rằng tự đạo.» [5]

Vì thành là đạo Trời, là đạo thánh nhân,[6] nên có sách áp dụng câu 'Thành giả, tự thành dã; nhi đạo, tự đạo dã.' vào Trời, vào Thượng Đế.[7] Tưởng giải như vậy cũng chẳng có sai.

2. Thành giả, vật chi chung thủy, bất thành vô vật.

Thượng Đế hoàn thiện là gốc gác phát sinh ra muôn vật. Như vậy gốc gác muôn vật dĩ nhiên là hoàn thiện. Hơn nữa vạn vật dẫu biến hóa đa đoan đến mức nào, rồi ra lúc chung cuộc cũng phải trở về nguyên bản là Thượng Đế.[8] Đó là định luật tuần hoàn. Cho nên sự hoàn thiện cũng chính là mục đích muôn loài.

Không Trời, dĩ nhiên không người, không vạn vật. Nhưng sinh muôn vật mà không để cho biến thiên tiến hóa cho tới hoàn thiện, thì sinh ra đã vô nghĩa, mà biến hóa cũng vô nghĩa. Cho nên dù xét về phương diện nguyên thủy, quá trình biến hóa, hay cùng đích, thì sự hoàn thiện cũng vẫn là lẽ sống muôn loài.

3. Cố quân tử thành chi vi quý.

Hiểu biết đầu đuôi của cuộc thế, hiểu biết ý nghĩa sâu xa của lẽ biến dịch, tuần hoàn, cũng như của cuộc đời, dĩ nhiên người quân tử lấy sự hoàn thiện mình làm quý.

4. Thành giả, phi tự thành kỷ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã. Thành kỷ, nhân dã; thành vật, trí dã; tính chi đức dã, hợp ngoại nội chi đạo dã. Cố thời thố chi nghi dã.

Thành kỷ là hoàn thiện mình, thành vật là cải thiện hoàn cảnh bên ngoài. Người hoàn thiện phải có đủ hai mặt trong ngoài, không thể khinh khi một khía cạnh nào. Sách Ecclésiastique nói: «Mọi sự đều có một lúc, mọi vật đều có một thời ở dưới trời này.» [9] Cho nên dồn cả thời gian vào công việc chắc không phải là thuận theo ý Trời.

Á Đông ta từ trước đến nay thường chỉ chú trọng nội tâm, mà quên đi hoặc coi thường ngoại cảnh, nên đã phải chứng kiến cảnh bao nhiêu triệu sinh linh đói khát lầm than. Đó cũng là một bài học cần phải được ngẫm nghĩ.

Sống trong thế giới tương đối, dĩ nhiên là phải chấp nhận hai chiều, hai mặt biến thiên, cần phải có cả trong lẫn ngoài, bỏ một phương diện nào cũng có thể gọi là không hoàn toàn. Cho nên cái hay là phải biết sắp đặt thời giờ.

Tuổi trẻ thì để tâm nhiều hơn đến xác thân, vật chất, ngoại cảnh, quốc gia, xã hội. Tuổi già cần chú trọng phương diện nội tâm. Thế mới đúng là chiều Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàng của trời đất. [10]

CHÚ THÍCH

[1] Cổ chi học giả vị kỷ, kỳ chung chí ư thành vật. Kim chi học giả vị vật, kỳ chung chí ư táng kỷ. 古 之 學 者 為 己, 其 終 至 於 成 物. 今 之 學 者 為 物, 其 終 至 於 喪 己 (Người xưa học cốt vì mình, rồi ra sẽ tác thành được vật chất. Đời nay học vì vật chất, sau hủy hoại đời mình.) (Cận tư lục II, tr.9)

Danh ngôn đối chiếu:

[2] ... It signifies that every man will be confronted with the same dilemma, that every man will have to face the same conflict and that he will only triumph by crushing the animal impulses within themselves and by consecrating himself to the triumph of spirit. Thus he will fulfill his mission as a man and will contribute to the divine plan which tends to produce a spiritually perfect being. (Lecomte du Noüy, Human destiny, p.86)

[3] Il a mis son oeil dans leurs cœurs pour leur montrer la magnificence de ses oeuvres.

Et ils loueront son saint nom afin de décrire les merveilles de ses oeuvres.

Il leur a remis la science, et les a dotés de la loi de vie.

Il a institué pour eux une alliance éternelle, et il leur a révélé ses commandements. (L'Ecclésiaste 17, 7-10)

[4] Pour tout, il y a un moment,

un temps pour chaque chose sous le ciel. (Ibidem., 3, 1)

[5] Phan Bội Châu, Khổng học đăng I, tr.378)

[6] Vấn thánh nhân dữ thiên đạo hà dị. Viết vô dị. 問 聖 人 與 天 道 何 異? 曰 無 異 (Nhị Trình toàn thư, Di thư 18, tr.20b)

[7] Thượng Đế tự thành và tự đạo: Hai kiểu nói tự thành và tự đạo của sách Trung Dung nhấn mạnh tính cách tự lập, sung mãn của Thượng Đế. Thành giả tự thành dã, nhi đạo tự đạo dã. Thành (tuyệt đối thể) tự mình mà có, và thành làm đường cho chính mình. (Vũ Đình Trác & Trần Văn Hiến Minh, Triết học Đông phương, tr.140)

[8] Origène có một quan điểm tương tự như sau: Un point principal de sa doctrine était «l'apocatastase universelle»; les âmes de ceux qui ont commis le péché sur la terre, vont, après la mort, dans un feu de purification, mais peu à peu toutes, ainsi que les démons, montent de degré et finalement, totalement purifiées, ressusciteront dans des corps éthérés et Dieu sera de nouveau tout en tous... Avec Platon, Origène enseignait que, dans un changement sans fin, un monde succédait à un autre. Il niait donc l'éternité de l'enfer. (Berthold Altaner, Précis de Patrologie, p.306)

[9] L'Ecclésiaste 3, 1.

[10] Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chi giả thiện dã, thành chi giả tính dã. 一 陰 一 陽 之 謂 道, 繼 之 者 善 也, 成 之 者 性 也 (Hệ Từ thượng)

- Nhân sinh ngũ thập chi tiền vi tiến số, dụng thế chi học, đương nhất nhật, chương nhất nhật; ngũ thập chi hậu vi thoái số, thùy thế chi học, đương nhất nhật, tích nhất nhật 人 生 五 十 之 前 為 進 數, 用 世 之 學, 當 一 日, 章 一 日; 五 十 之 後 為 退 數, 垂 世 之 學, 當 一 日, 積 一 日 (Kỷ chương ngữ, tr.10)

Tuy nhiên bao giờ cũng phải tâm niệm rằng vật chất cốt là để phục vụ tinh thần, chứ không phải là tinh thần cốt để phục vụ vật chất. Suốt đời lấy tinh thần phục vụ vật chất là không biết bắc cân nặng nhẹ. Đã không biết nặng nhẹ trọng khinh thì rốt cuộc sẽ nếm mùi thất bại. Lã Thị Xuân Thu viết: «Vật dã giả sở dĩ dưỡng tính dã, phi sở dĩ tính dưỡng dã. Kim thế chi nhân hoặc giả đa dĩ tính dưỡng vật, tắc bất tri khinh trọng dã. Bất tri khinh trọng tắc trọng giả vi khinh, khinh giả vi trọng hĩ. Nhược thử tắc mỗi động vô bất bại.» 物也者所以養性也, 非所以性養也. 今世之人惑者多以性養物則不知輕重也. 不知輕重則重者為輕輕者為重矣. 若此則每動無不敗 (Chư Tử văn túy, q.47, tr.1)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 26

THÁNH NHÂN PHỐI THIÊN

第 二 十 六 章

故 至 誠 無 息. 不 息 則 久; 久 則 征; 征 則 悠遠; 悠 遠 則 博 厚; 博 厚 則 高 明. 博 厚, 所 以 載 物 也; 高 明, 所 以 覆 物 也; 悠 久, 所 以 成 物 也; 博 厚 配 地; 高 明 配 天; 悠 久 無 疆. 如 此 者, 不 見 而 章; 不 動 而 變; 無 為 而 成. 天 地 之 道, 可 一 言 而 盡 也: 其 為 物 不 貳, 則 其 生 物 不 測. 天 地 之 道 博 也, 厚 也, 高 也, 明 也, 悠 也, 久 也. 今 夫 天, 斯 昭 昭 之 多; 及 其 無 窮 也, 日 月 星 辰 系 焉, 萬 物 覆 焉. 今 夫 地, 一 撮 土 之 多; 及 其 廣 厚, 載 華 岳 而 不 重, 振 河 海 而 不 洩, 萬 物 載 焉. 今 夫 山, 一 卷 石 之 多; 及 其 廣 大, 草 木 生 之; 禽 獸 居 之; 寶 藏 興 焉. 今 夫 水, 一 勺 之 多; 及 其 不 測, 黿, 鼉, 蛟, 龍, 魚, 鱉 生 焉; 貨 財 殖 焉. 詩 云: 維 天 之 命 于 穆 不 已. 蓋 曰: 天 之 所 以 為 天 也: 于 乎. 不 顯. 文 王 之 德 之 純. 蓋 曰: 文 王 之 所 以 為 文 也 , 純 亦 不 已.

PHIÊN ÂM

Cố chí thành vô tức. Bất tức tắc cửu; cửu tắc trưng; trưng tắc du viễn; du viễn tắc bác hậu; bác hậu tắc cao minh. Bác hậu, sở dĩ tải vật dã; cao minh, sở dĩ phú vật dã; du cửu, sở dĩ thành vật dã. Bác hậu phối địa; cao minh phối thiên; du cửu vô cương. Như thử giả, bất hiện nhi chương; bất động nhi biến; vô vi nhi thành.[1] Thiên địa chi đạo, khả nhất ngôn nhi tận dã: kỳ vi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc. Thiên địa chi đạo bác dã, hậu dã, cao dã, minh dã, du dã, cửu dã. Kim phù thiên, tư chiêu chiêu chi đa; cập kỳ vô cùng dã, nhật nguyệt tinh thần hệ yên, vạn vật phú yên. Kim phù địa, nhất toát thổ chi đa; cập kỳ, quảng hậu, tải Hoa Nhạc nhi bất trọng, chấn hà hải nhi bất tiết, vạn vật tải yên. Kim phù sơn, nhất quyển thạch chi đa; cập kỳ quảng đại, thảo mộc sinh chi; cầm thú cư chi; bảo tàng hưng yên. Kim phù thủy, nhất thược chi đa; cập kỳ bất trắc, nguyên, đà, giao, long, ngư, biết sinh yên; hóa tài thực yên. Thi vân: «Duy thiên chi mệnh ô mục bất dĩ!» [2] Cái viết: Thiên chi sở dĩ vi Thiên dã: «Ô hô! bất hiển! Văn vương chi đức chi thuần.» Cái viết: Văn vương chi sở dĩ vi Văn dã, thuần diệc bất dĩ.

CHÚ THÍCH

- Tức 息 = nghỉ. - Trưng 徵 = hiện ra, trưng lên. - Du 悠 = bao la bát ngát (ví dụ: du du bỉ thương 悠 悠 彼 蒼 = Xanh kia thăm thẳm tầng trên - Chinh phụ ngâm 征 婦 吟). - Trắc 測= đoán trước. - Tinh thần 星 辰 = tinh tú. - Hệ 繫 = treo. - Toát 撮 = Nắm, tóm lấy. – Hoa 華 = núi Hoa. - Chấn 振 = thu vào. - Thược 勺 = gáo. - Nguyên 黿 = con giải. - Đà 鼉= rùa lớn. - Giao 蛟 = con thuồng luồng, cá sấu. - Biết 鱉 = ba ba. - Ô 於 = Ôi. - Mục 穆 = sâu xa. - Bất dĩ 不 已 = không cùng, vô cùng. - Bất hiển 不 顯 = phi hiển 丕 顯 (các sách cổ). - Phi hiển 丕 顯 = lớn lao hiển hách. - Thuần 純= tinh thuần, thuần nhất.[3]

DỊCH CHƯƠNG 26

Thánh nhân phối thiên

Nên bậc chí thánh không hề ngơi nghỉ,

không nghỉ ngơi nên sẽ vững bền.[4]

Vững bền muôn vẻ trưng lên,

Trưng lên, vang dội khắp miền gần xa.

Khắp gần xa, ắt là dày rộng,

Đã rộng dày, thời cũng cao minh.

Rộng dày để chở chúng sinh,

Cao minh che khắp sinh linh xa gần.[5]

Trường cửu để tác thành muôn vật,

Rộng dày nên cùng đất sánh duyên.

Cao minh kết ngãi thanh thiên,

Vô biên, vô tận triền miên vô cùng.

Được như vậy không trưng vẫn tỏ,

Tuy ở yên biến hóa khôn lường,

Không làm mà vẫn thành công.[6]

Thuyết tiến hóa:

Đạo trời đất một câu tóm hết,

Làm muôn loài chẳng biết hai khuôn.

Nhưng mà sinh hóa khôn lường,

Đất trời đường lối mênh mang rộng dày.

Cao minh trong sáng xưa nay,

Xa gần vĩnh cửu đó đây khôn lường.

*

Kìa như trời vài nguồn sang sáng,

Nhưng một khi tản mạn vô cùng.

Lửng lơ nhật nguyệt hai vừng,

Muôn vàn tinh tú tưng bừng treo trên.

Trời còn che chở mọi miền...

*

Kìa như đất vài thưng bụi cát,

Nhưng một khi bát ngát rộng dày.

Hoa sơn nó chở như bay,

Muôn vàn sông biển hút ngay vào lòng.

Đất còn chở hết non sông.

*

Kìa núi non, đá chồng mấy tảng,

Nhưng một khi khoáng đãng vươn cao.

Cỏ cây muôn khóm chen nhau,

Muôn chim cầm thú nương vào ở ăn.

Núi còn biết mấy kho tàng.

*

Kìa sông nước, mấy ang mấy gáo,

Nhưng một khi biến ảo mênh mông.

Sấu, rùa, cá, giải, giao long,

Sinh sinh, hóa hóa vẫy vùng triền miên.

Nước còn biết mấy nguồn tiền,

Biết bao hóa phẩm còn chìm biển sâu.[7]

*

Thánh nhân dữ thiên đồng đức:

Việc trời ngẫm xiết bao huyền ảo,

Thực sâu xa, ẩn áo, không cùng.

Thực là đáng mặt hóa công,

Đức vua Văn tinh thuần chói lọi.

Thế cho nên đáng gọi là Văn,

Tinh ròng vĩnh cửu vô chung.[8]

BÌNH LUẬN

1. Cố chí thành vô tức... vô vi nhi thành.

Đạo chí thành là đạo của Thánh-nhân và cũng là đạo trời đất. Thánh nhân là những người đã khuếch sung thiên tính đến cùng cực,[9] cho nên đã bước lên được thiên vị: Dữ thiên đồng đức.

Trời hoạt động không ngừng thì thánh nhân cũng bắt chước Trời hoạt động không ngừng nghỉ. Hoạt động của thánh nhân không cứ phải là lao tác tay chân, mà là hoạt động siêu việt về thần trí.

Nhờ sức hoạt động không ngừng nghỉ ấy mà thánh nhân trở nên cao minh, bác hậu, ảnh hưởng đến muôn dân, muôn đời.

Ảnh hưởng của thánh nhân không biên cương, giới hạn, biến hóa quần sinh, tác thành muôn vật. Cho nên nói: Các ngài bác hậu, cao minh, phối hợp được với đất trời.

Trung Dung coi thánh nhân với Trời là một, nên dùng cùng một thứ hình dung từ để mô tả thánh nhân và trời đất.

Thánh nhân chí thành vô tức thì Trời cũng ô mục bất dĩ. Thánh nhân bác hậu, cao minh, du cửu, vô cương thì trời đất cũng bác hậu, cao minh, du cửu, vô cương.

Đó cũng là quan niệm của các danh nho đời Tống như Chu Hi, Trình Tử.[10] Các vị thánh nhân khi đã đạt tới thiên đức, không cần phô trương mà đức độ vẫn luôn hiển hiện; không cần lao tác mà vẫn cảm hóa chúng dân, chẳng phải lao đao vất vả mà vẫn thành công rực rỡ. Dịch Kinh viết: «Trời đất cảm vạn vật mà vạn vật hóa sinh; thánh nhân cảm nhân tâm mà thiên hạ bình.» [11]

Sách Trung Dung kim thích bình rằng: «Thánh nhân cùng một thể với trời đất, cho nên chẳng phô trương mà vẫn hiển hiện, chẳng lao tác mà vẫn cảm hóa, chẳng làm mà vẫn thành công.» [12]

Thánh hiền Trung Quốc cho rằng chỉ có Trời và thánh nhân mới có thể vô ngôn nhi tín, vô vi nhi thành, [13] cho nên hai chữ vô vi ở đây cần được hiểu là hoạt động siêu việt của thần minh. Liệt Tử viết trong Xung Hư Chân Kinh: «Hoạt động cao siêu nhất gọi là vô vi.» [14]

Nhìn vào lịch sử, ta thấy Chúa Jesus, Phật, Lão Tử, Khổng Tử, tuy sống không đầy trăm năm mà ảnh hưởng đến mấy ngàn năm, đến hằng ngàn muôn triệu người. Như vậy những lời bàn của Trung Dung tưởng không ngoa vậy.

2. Thiên địa chi đạo ... hóa tài thực yên.

Cái bí quyết làm nên những công chuyện vĩ đại chính là sự hoạt động không ngừng nghỉ. Cho nên chương này khởi đầu bằng chữ chí thành vô tức, rồi lại kết thúc bằng thuần diệc bất dĩ. Đó là định luật chung cho Trời và người.

Dịch Kinh (quẻ Càn) viết: «Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức. « (Trời hoạt động mãnh liệt, người quân tử cũng phải cố gắng không ngừng.)

Nhờ sự hoạt động không ngừng nghỉ ấy mà một khuôn thiêng Thái Cực đã sinh hóa ra được muôn loài muôn vật, kỳ ảo khôn lường. Cho nên Trung Dung viết: «Kỳ vi vật bất nhị, kỳ sinh vật bất trắc.» [15]

Tiên nho cho rằng hoạt động không ngừng nghỉ sẽ súc tích mãi mãi, và càng súc tích nhiều thì càng trở nên bao la vĩ đại.[16]

Trình Tử viết: «Thần sở dĩ là thần, chính là nơi súc tích vô cùng mà thôi.» [17]

Trời đất, sông biển, núi non cũng đều là do định luật tích thiểu thành đại mà ra, đều do súc tích mà thành.[18]

Con người cũng vậy, có tích đức tích thiện thì mới trở nên thánh hiền cao cả được. Dương Qui Sơn viết: «Tích mãi cho đến bác hậu, cao minh, sẽ có thể chở che, thành tựu muôn vật, công dụng ảnh hưởng sẽ không thể nào lường, cho nên vô cùng như trời đất.» [19]

Ta cũng có thể bình luận rằng vì hoạt động không ngừng nghỉ của vũ trụ mà trời đất, núi non, sông biển được triển dương biến hóa đến cùng cực.

Cắt nghĩa câu «cập kỳ chí, cập kỳ bất trắc...» [20] là: khi triển dương, biến hóa đến kỳ cùng ta sẽ làm cho muôn vật trở nên hết sức sống động, sẽ làm nổi bật được sức tiến hóa của Tuyệt đối thể, của Nguyên động lực tiềm ẩn trong lòng vạn vật, sẽ bao quát được các lẽ biến dịch tiến hóa, bao quát không gian, thời gian, hiểu được thuyết nhất thể vạn thù của cổ nhân, cũng như phối kiểm được các thuyết khoa học mới mẻ nhất về vũ trụ và về vạn vật, như thuyết vũ trụ triển dương của linh mục Georges Lemaître, Hubble, và Eddington,[21] thuyết vạn vật tiến hóa của Lamarck và Darwin, thuyết vạn sự, vạn vật đều tàng ẩn trong nguyên thể, nguyên noãn của Weissmann, v.v.[22]

Chỗ giống nhau của thuyết Đông Tây kim cổ là tất cả đều đề xướng thuyết Nhất thể vạn thù. Chỗ khác nhau là: Á Đông chủ trương Nhất thể là Thái Cực, là Trời; còn Georges Lemaître chủ trương Nhất thể là nguyên tử ban sơ (atome primitif); Lamarck, Darwin chủ trương nguyên thể là nguyên noãn.

Đồng thời đoạn này cũng cho ta thấy rằng con người tuy tầm thường, nhưng nếu dày công tu luyện, sẽ có thể tiến hóa, triển dương đến cùng cực, có thể đạt được thiên đức, thiên vị.[23]

Chính vì vậy mà Mạnh Tử đã viết: «Mình có sẵn 4 mối (thiện đoan) ấy nơi mình, mà mình biết mở rộng ra cho chúng nó sung túc, thì chúng nó như ngọn lửa nhen nhúm sắp cháy bùng, như dòng suối phát tích sắp lưu thông. Nếu mình biết làm cho 4 mối thương xót, hổ thẹn, khiêm nhường, và phải quấy ấy được sung túc nơi mình thì mình đủ sức giữ gìn bốn biển; còn như chẳng biết làm cho chúng nó được sung túc, thì mình chẳng đủ sức phụng dưỡng cha mẹ.» [24]

3. Thi vân ... thuần diệc bất dĩ.

Cuối chương, tác giả viện dẫn Kinh Thi để cho thấy rằng thánh nhân cũng như trời đất sở dĩ làm nên được những việc cao cả chính vì đã hoạt động không hề ngừng nghỉ gián đoạn, chính vì đã đạt tới mức hoàn thiện, tinh thuần. Như vậy Trung Dung đã cho ta bí quyết để trở nên thánh hiền. Muốn thành thánh hiền cần phải học hỏi, tu luyện, cố gắng không ngừng để khuếch sung các mối thiện đoan trong mình, khuếch sung thiên lý thiên chân cho đến chỗ chí thiện, chí mỹ, chí cao, chí đại.[25]

CHÚ THÍCH

[1] L'homme, ici-bas, ne possède la vérité que comme il possède la vertu: en tant que direction d'un devenir. Il lui fait toujours faire effort, toujours conquérir, toujours se renouveler et renaître. Point d'équilibre pour lui, sinon un de ces équilibre que ne subsistent que lar le fait même du mouvement. Dès qu'il s'arrête il tombe; et la vérité qui est esprit lui échappe. (Edouard Le Roy)

[2] Mao Thi, Chu tụng, Duy Thiên chi mệnh.

[3] Trình Tử viết: Thiên địa bất dĩ; Văn vương ư thiên đạo, diệc bất dĩ. Thuần tắc vô nhị vô tạp; Bất dĩ tắc vô gián đoạn tiên hậu. 程子曰: 天地不已; 文王於天道, 亦不已. 純則無貳無雜. 不已則無間斷先後 (Thiên đạo vô cùng, Văn vương sánh với thiên đạo cũng vô cùng.)

[4] Toutes les fois qu'un homme se met, suivant ses forces, en rapport avec le Créateur, et qu'il produit une institution quelconque au nom de la Divinité; quels que soient d'ailleurs sa faiblesse individuelle, son ignorance, sa pauvreté, en un mot son dénument absolu de tous les moyens humaine, il participe en quelque manière à la toute-puissance dont il s'est fait l'insttrument; il produit des oeuvres dont la force et la durée étonnent la raison. (Joseph de Maistre)

- Il vivra aussi longtemps que le soleil et aussi longtemps que la lune d'âge en âge. (Psaume 71-5)

[5] Car la Sagesse est plus active que toute activité elle pénètre et gagne toutes choses à cause de sa pureté. (Livre de la Sagesse 7-24)

[6] Toute seule qu'elle est, elle peut tout;

et sans sortir d'elle-même, elle renouvelle tout;

se répandant, à travers les âges, dans les âmes saintes,

elle en fait des amis de Dieu et des prophètes.

(Livre de la Sagesse 7-27)

[7] Car les éléments échangeaient leurs propriétés,

comme dans le psaltérion les sons changent de rythme,

tout en conservant le même ton.

C'est ce que manifeste clairement le spectacle de ces évènements.

(Livre de la Sagesse 19-18)

[8] - Tout ce qui se cache et tout ce qui se voit, je l'ai appris car la sagesse, ouvrière de touts choses, me l'a enseigné. En elle, en effet, il y a un esprit intelligent, saint, unique, multiple, subtil,

se mouvant aisément, pénétrant, incapable de souillure, limpide, impassible, aimant le bien, allègre, incoercible, bienfaisant,

bon pour les hommes, ferme, assuré, sans inquiétudes,

tout puissant, surveillant tout,

animant tous les esprits,

les intelligents, les purs et les plus subtils.

Car la sagesse est plus active que toute activité;

elle pénètre et gagne toutes choses à cause de sa pureté.

Elle est, en effet, le souffle de la puissance de Dieu,

une pure émanation de la gloire du Tout-Puissant;

aussi rien de souillé ne peut s'insinuer en elle.

Car elle est le resplendissement de la lumière éternelle,

le miroir sans tache des operations de Dieu,

et l'image de sa bonté. (Livre de la Sagesse 7, 21-26)

- Comprenez que vous n'êtes rien, et que ce qui fut avant ne fut rien, et ce qui sera après ne sera rien. Et rien n'existe, si ce n'est toi, clarté de Dieu ! (Armand Salacrou)

[9] Hoằng vu thiên. 弘 于 天 (Kinh Thư, Khang Cáo)

- Nhiên sở dĩ chí ư thánh nhân giả, sung kỳ lương tâm, đức thịnh, nhân thục nhi hậu xưng dã. 然 所 以 至 於 聖 人 者, 充 其 良 心, 德 盛, 仁 孰 而 後 稱 也 (Trung Dung hoặc vấn, tr.126a)

[10] Thánh nhân thành nhất chi ư thiên. Thiên tức thánh nhân, thánh nhân tức thiên. 聖 人 誠 一 之 於 天. 天 即 聖 人, 聖 人 即 天 (Trình thị kinh thuyết, q.7, tr.5b)

[11] Thiên địa cảm nhi vạn vật hóa sinh; thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hòa bình. 天 地 感 而 萬 物 化 生. 聖 人 感 人 心 而 天 下 和 平. (Dịch Kinh, quẻ Hàm, thoán)

[12] Thánh nhân hòa thiên địa đồng thể, sở dĩ bất hiện nhi chương, bất động nhi năng biến hóa, vô vi nhi thành. 聖 人 和 天 地 同 體, 所 以 不 見 而 章, 不 動 而 能 變 化, 無 為 而 成. (Sđd, tr.63a)

[13] Thiên tắc bất ngôn nhi tín, thần tắc bất nộ nhi uy. 天 則 不 言 而 信 神 則 不 怒 而 威. (Di thư, q.11, 2b)

[14] Chí vi vô vi. 至 為 無 為 (Liệt Tử, Xung Hư Chân Kinh, 8-H)

[15] Nhất khí giả, tức tiên thiên. Âm Dương vị phán chi khí; chí ư phân Âm phân Dương, lưỡng nghi ký lập, tắc bất đắc danh vi nhất khí. Nho gia vân: Kỳ vi vật bất nhị, kỳ sinh vật bất trắc, diệc chỉ tiên thiên nhất khí chi ngôn. 一氣者即先天. 陰陽未判之氣;至於分陰分陽兩儀既立則不得名為一氣. 儒家云: 其為物不二, 則其生物不測, 亦指先天一氣而言. (Tôn Bất nhị nữ đan thi chú, tr.11)

[16] Qui Sơn Dương Thị viết: Thành chi nhất ngôn túc dĩ tận chi, bất tức chi tích dã. 龜山楊氏曰: 誠之一言足以盡之, 不息之積也. (Trung Dung hoặc vấn, tr.124b)

[17] Sở dĩ thần giả, tích chi vô cùng nhi dĩ. 所以神者積之無窮而已. (Trình thị kinh thuyết, q.8, tr.5b)

[18] Dĩ tích thiên chi chiêu chiêu dĩ chí ư vô cùng. 以積天之昭昭以至於無窮. (Trung Dung hoặc vấn, tr.123b)

- Đãi tích nhi hậu thành chi. 待積而後成之. (Ib., tr.123b)

[19] Qui Sơn Dương Thị viết: Tích nhi chí ư bác hậu cao minh tắc phúc tải thành vật chi sự bị hĩ, kỳ dụng tắc bất khả đắc nhi kiến dã, cố phối thiên địa vô cương ngôn chi. 龜山楊氏曰: 積而至於博厚高明則覆載成物之事備矣. 其用則不可得而見也. 故配天地無疆言之. (Trung Dung hoặc vấn, tr.124b)

[20] Có sách dịch các chữ 'cập kỳ chí, cập kỳ quảng đại, v.v.' là «nhìn cho khắp, gẫm ra vô cùng». (Đoàn Trung Còn dịch, Trung Dung)

[21] - Pierre Rousseau, Histoire de la science, p.769.

- G. Lemaître, L'Hypothèse de l'atome primitif, Essai de cosmogonie.

[22] L'homme physique ne peut être considéré que comme l'aboutissment d'une série ininterrompue d'organismes qui remontent jusqu'aux formes les plus élémentaires de la vie. (Lecomte du Noüy, L'Avenir de l'Esprit, p.106)

... D'après Donald Culross Peattie, l'ancêtre le plus ancien antérieur aux algues serait une sorte de bactérie... qui vivait autrefois aux temps les plus reculés qu'on appelle tantôt Précambrien, tantôt Algonkien, tantôt Archéozoïque, dans les grands océans d'eau douce... C'est le Leptothrix. (Ib., p.86)

... Préformation absolue et complète dans l'être originel. Tout le futur inscrit dans le 1er oeuf. (Weissmann). (Ib., p.168)

[23] Phù nhân chi sung kỳ lương tâm dĩ chí ư dữ thiên địa hợp đức. 夫人之充其良心以至於與天合德 (Trung Dung hoặc vấn, tr.123b)

[24] Mạnh Tử, Công Tôn Sửu [thượng-6], Đoàn Trung Còn dịch, tr.107.

[25] Tứ Thư Ngũ Kinh coi Văn Vương như vị thánh nhân, như là hiện thân của Thượng Đế:

- Kinh Thi viết: «Thượng thiên chi tải vô thanh vô xú, nghi hình Văn Vương vạn bang tác phu.» 上天之載無聲無臭儀刑文王萬邦作孚. (Kinh Thi, Đại nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất)

- Luận Ngữ viết: «Tử úy ư Khuông. Văn Vương ký một, văn bất tư hồ?» 子畏於匡. 文王既沒, 文不斯乎 (Luận Ngữ, Tử Hãn [ch.9], #5)

- Trung Dung viết: «Văn Vương chi đức chi thuần.» 文王之德之純 文 (Trung Dung, ch.26)

- Trình Tử viết: «Văn Vương chi đức trực thị tự thiên.» 王之德直是似天. (Di Thư, q.23, tr.21b)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 27

MÊNH MANG LÀ ĐẠO THÁNH HIỀN

第 二 十 七 章

大 哉 聖 人 之 道! 洋 洋 乎, 發 育 萬 物; 峻, 極 于 天. 優 優 大 哉! 禮 儀 三 百, 威 儀 三 千. 待 其 人 而 後 行. 故 曰: 苟 不至 德, 至 道 不 凝 焉. 故 君 子 尊 德 性, 而 道 問 學. 致 廣 大, 而 盡 精 微: 極 高 明, 而 道 中庸. 溫 故, 而 知 新; 敦 厚 以 崇 禮. 是 故 居 上, 不驕; 為 下, 不 倍. 國 有 道, 其 言 足 以 興; 國 無道, 其 默 足 以 容. 詩 曰 : 既 明 且 哲; 以 保 其 身. 其 此之 謂 與 ?

PHIÊN ÂM

Đại tai Thánh nhân chi đạo ! Dương dương hồ, phát dục vạn vật; tuấn, cực vu thiên. Ưu ưu đại tai ! Lễ nghi tam bá, uy nghi tam thiên. Đãi kỳ nhân nhi hậu hành. Cố viết: Cẩu bất chí đức, chí đạo bất ngưng yên. Cố quân tử tôn tính, nhi đạo vấn học. Trí quảng đại, nhi tận tinh vi: cực cao minh, nhi đạo Trung dung; ôn cố nhi tri tân; đôn hậu dĩ sùng lễ. Thị cố cư thượng, bất kiêu; vi hạ, bất bội. Quốc hữu đạo, kỳ ngôn túc dĩ hưng; quốc vô đạo, kỳ mặc túc dĩ dung. Thi viết: «Ký minh thả triết; Dĩ bảo kỳ thân.» [1] Kỳ thử chi vị dư.

CHÚ THÍCH

- Dương dương 洋 洋 = rộng rãi mênh mông. - Tuấn 峻= cao lớn. - Ưu ưu 優 優 = đầy đủ có thừa. - Chí đức 至 德 = đức hạnh tuyệt vời. - Chí đạo 至 道 = Đạo tuyệt vời cao cả. - Ngưng 凝 = tụ lại. - Đức tính 德 性 = chính lý, thiên tính. - Bội 倍= trái.

DỊCH CHƯƠNG 27

Mênh mang là đạo thánh hiền

Đạo thánh nhân to sao, to lớn quá,
Nó mênh mang biến hóa chúng nhân.
Nó cao, cao vút tới trời thẳm muôn tầm,
Nó rộng, rộng bát ngát khôn kể xiết.
Gồm thâu mọi điều lễ nghi chi tiết,
Bao uy nghi quán triệt hết chẳng trừ.
Đợi thánh nhân, Trời mới phú thác cho.
Không đức cả, Trời không ngưng đạo cả,
Nên quân tử dốc một lòng một dạ.
Trọng tính Trời, quyết gắn bó học hành,
Tiến sao cho đến mức rộng rãi tinh anh.

Mức cao sáng của Trung Dung đạo cả.

Ôn điều cũ, học thêm điều mới lạ,

Chuộng lễ nghĩa, sống đời sống nết na.

Ở ngôi cao, không có thói kiêu xa,

Ở cấp dưới không làm điều trái nghịch.

Nước có đạo, chỉ một lời làm tiến ích,

Nước đảo điên: lặng lẽ đủ dung thân.

Thơ rằng: Khôn lại còn ngoan,

Khôn ngoan nên mới bảo toàn tấm thân.[2]

BÌNH LUẬN

1. Đại tai thánh nhân chi đạo... chí đạo bất ngưng yên.

Đạo thánh nhân là đạo cao cả, ảnh hưởng đến quần sinh vũ trụ, cao vút đến tận trời. Như ta đã biết thánh nhân phối thiên, nên đạo thánh nhân chính là thiên đạo, là đạo hoàn thiện, là đạo Trung Dung.

Cho nên, nói đến đạo thánh nhân thì Trung Dung cho rằng: (1) Đạo đó cao vút đến tận trời. (2) Đó là đạo cao siêu nhất, chỉ để dành cho những người có đức độ cao siêu nhất.[3]

Nói đến đạo trời thì Trung Dung cho rằng đó là sự hoàn thiện tuyệt hảo.[4]

Nói đến đạo Trung Dung thì Tử Tư cho rằng phải tận tinh vi, cực cao minh mới đạt được đạo Trung Dung.

Như vậy ta có thể kết luận một cách chắc chắn rằng Trung Dung là thánh đạo, là thiên đạo.

Tiên nho cho rằng Trung Dung là thiên lý.[5] Là thiên lý nên cao minh.[6] Không lên tới cực điểm cao minh[7] thì không đạt Trung Dung, vì Trung Dung chính là cực điểm của cao minh vậy.[8] Tiên nho cũng cho rằng nhờ đạo Trung Dung, con người có thể đạt tới thiên vị, thiên đức, có thể phối hợp với Trời.[9]

Đã đạt đạo Trung Dung thì còn lễ nghi nào mà không quán triệt, còn uy nghi nào mà chẳng bao quát. Vì uy nghi và cao siêu như vậy, nên đạo Trung Dung chỉ dành cho những bậc đại hiền, đại đức.

Trung Dung viết:

«Đợi thánh nhân, Trời mới phú thác cho,

Không đức cả, Trời không ngưng đạo cả.» [10]

2. Cố quân tử đôn hậu ... dĩ sùng lễ.

Đây là phương pháp tu thân để đạt tới thiên đạo, để đạt tới Trung Dung. Muốn đạt tới Trung Dung cần phải có đủ Trí - Nhân - Dũng.

Muốn đạt đức Nhân, người quân tử phải tôn trọng đức tính, phải hàm dưỡng tính Trời nơi mình, dẹp bỏ tư dục.

Muốn đạt Trí, người quân tử phải học hỏi không ngừng. Có học hỏi không ngừng mới trở nên thông tuệ được.

Ngoài ra còn cần có sự dũng mãnh tinh thần để tiến mãi cho tới quảng đại, cho tới tinh hoa.

Chương 20 Trung Dung đã viết: «Hiếu học cận hồ Trí, lực hành cận hồ Nhân, tri sỉ cận hồ Dũng.» Nay thì nhắc lại phương pháp đạt tới Trí - Nhân - Dũng.

Người quân tử còn phải học hỏi những điều cũ, để phát minh ra những điều mới, thế mới là kế vãng khai lai. Có như vậy mới có thể đi lên quảng đại, tinh vi, và tới Trung Dung được.

Phần trên là đạo Thành, là thiên đạo. Phần này là phần thành chi, là nhân đạo, là con đường dẫn từ người lên tới trời.[11]

Tiên nho cho rằng phải đi cho tận nhân đạo, rồi mới lên đến thiên đạo.[12] Lên đến thiên đạo là đạt đạo Trung Dung, là phối thiên.

Như vậy phối thiên là thoát nhân cách, mặc lấy thiên tính. Sách Huỳnh Đình Kinh chú có chủ trương rằng: «Lòng có chết thì thần mới sống.» [13] cũng không ngoài ý đó.[14]

Abu Yazid, một vị thánh Hồi giáo, nói: «Tôi đã gặp Chúa huyền năng trong giấc mộng và hỏi ngài: 'Đường nào đưa tới Chúa?' Ngài trả lời tôi: 'Hãy trút bỏ ngã chấp và hãy vươn lên.'» [15]

3. Thị cố ... kỳ thử chi vị dư.

Khi đã dốc chí tu thân, học hỏi để tiến tới Trung Dung, người quân tử sẽ lạc thiên tri mệnh, ở địa vị nào cũng ung dung sảng khoái. Gặp khi nước có đạo thì dùng lời nói mà làm cho nước trở nên hưng thịnh; gặp khi nước đảo điên thì lặng lẽ để dung thân.

Thế là: Khôn lại còn ngoan.

Khôn ngoan nên mới bảo toàn tấm thân.

CHÚ THÍCH

[1] Mao Thi, Đại nhã Chưng dân thiên.

[2] Quân tử dĩ đa thức tiền ngôn vãng hạnh, dĩ súc kỳ đức. 君 子 多 識 前 言 往 行 以 畜 其 德. = Quân tử phải học cho biết nhiều lời xưa việc cũ, để hàm súc đức độ mình. (Dịch kinh tân khảo, q.III. Đại súc, tiết 5, tr.1706)

- Toujours plus haut

place ton rêve ou ton désir

L'idéal que tu veux servir,

Toujours plus haut !

Toujours plus haut !

Si, bien souvent, ton ciel se voile

Que de ta foi brille l'étoile

Toujours plus haut ! (Albert Schweitzer)

- Le bien suprême de l'âme est la connaissance de Dieu; et la vertu suprême de l'âme, c'est connaître Dieu. (Baruch Spinoza)

[3] Cẩu bất chí đức, chí đạo bất ngưng yên.

[4] Thành giả, thiên chi đạo dã. (Trung Dung, ch.20)

[5] Trung Dung thiên lý dã. 中 庸 天 理 也 (Trung Dung hoặc vấn, tr.125b)

[6] Thiên lý cố cao minh. 天 理 故 高 明 (Ibid.)

[7] Bất cực hồ cao minh bất túc dĩ đạo Trung Dung. 不 極 乎 高 明 不 足 以 道 中 庸 (Ibid.)

[8] Trung Dung nãi cao minh chi cực dã. 中 庸 乃 高 明 之 極 也 (Ibid.)

[9] Nhất thiên nhân, tề thượng hạ. 一 天 人 齊 上 下 (Ibid.) - Cố viết phối thiên. 故 曰 配 天 (Trung Dung, ch.31)

[10] Cẩu bất chí đức, chí đạo bất ngưng yên.

[11] Tự nhân nhi thiên, tắc thượng đạt hĩ. 自 人 而 天 則 上 達 矣. (Trung Dung hoặc vấn, tr.127a)

[12] Tận nhân đạo tắc thiên đạo chí.

[13] Huỳnh Đình Kinh chú, Ngoại Cảnh Ngọc Kinh, q.thượng, tr.17.

[14] Au bout du chemin mystique, seul Dieu est présent. Le saint peut alors disparaître complétement en Dieu: C'est l'état du 'fana', il peut aussi, à d'autres moments, subsister par Dieu c'est l'état du baqa. Mais dans les deux cas, c'est Dieu qui agit en lui. (Marijan Molé, Les mystiques musumans, p.61)

- Câu trên làm ta liên tưởng lời Phúc Âm Matthieu X, 39:

Qui invenit animam suam perdet illam; et qui perdiderit animam suam propter me, inveniet eam. (Vulgate): Ai tìm linh hồn mình sẽ mất nó, ai mất linh hồn mình vì ta, sẽ tìm thấy nó. (Dịch nguyên văn theo nghĩa huyền học). câu này cũng tương tự câu: Ce n'est plus moi qui vis, c'est le Christ qui vit en moi. (Gal. II, 20)

[15] Abu Yazid dit: «Je vis le Seigneur de la Puissance en rêve et lui demandai: 'Quel est le chemin qui mène vers Toi?' Il me dit: 'Dépouille-toi de ton toi et élève-toi.'» (Les mystiques musumans, p.54)

- Lorsque rien d'humain n'est resté en lui, alors s'infuse en lui l'Esprit de Dieu qui s'était infusé en Jésus, fils de Marie. Il ne désire plus rien d'autre que ce que Dieu a voulu, et toutes ses actions sont des actions de Dieu Très-Haut.» (Bagdadi, Farq bain al-firaq, Le Caire, 1367/1948, p.158s) (Les mystiques musumals, p.69)

- cf. Luận Ngữ, Tử Hãn: «Tử tuyệt tứ: Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.»

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 28

ĐẠO THÁNH HIỀN PHẢI HỢP VỚI ĐẠO CỔ NHÂN

第 二 十 八 章

子 曰 : 愚 而 好 自 用, 賤 而 好 字 專; 生 乎 今 之 世, 反 古 之 道; 如此 者, 災 及 其 身 者 也. 非 天 子, 不 議 禮, 不 制 度, 不考 文. 今 天 下, 車 同 軌, 書 同 文, 行 同 倫. 雖 有 其 位, 苟 無 其 德 , 不 敢 作 禮 樂 焉. 雖 有 其 德, 苟 無 其 位, 亦 不敢 作 禮 樂 焉. 子 曰 : 吾 說 夏 禮, 杞不 足 征 也. 吾 學 殷 禮, 有 宋 存 焉. 吾 學 周 禮, 今 用之; 吾 從 周.

PHIÊN ÂM

Tử viết: Ngu nhi hiếu tự dụng, tiện nhi hiếu tự chuyên; sinh hồ kim chi thế, phản cổ chi đạo; như thử giả, tai cập kỳ thân giả dã. Phi Thiên Tử, bất nghị lễ, bất chế độ, bất khảo văn. Kim thiên hạ, xa đồng quỹ, thư đồng văn, hạnh đồng luân. Tuy hữu kỳ vị, cẩu vô kỳ đức, bất cảm tác lễ nhạc yên. Tuy hữu kỳ đức, cẩu vô kỳ vị, diệc bất cảm tác lễ nhạc yên. Tử viết: Ngô thuyết Hạ lễ, Kỷ bất túc trưng dã. Ngô học Ân lễ, hữu Tống tồn yên. Ngô học Chu lễ; kim dụng chi; ngô tùng Chu.

CHÚ THÍCH

- Phản 反 = (1) trở về với;[1] (2) phản lại, vi phản 違 反.[2] (Dịch giả cũng theo nghĩa (2), vì thấy hợp lý hơn. Hơn nữa, ông Tử Tư cũng như Đức Khổng muốn đem đạo Nghiêu Thuấn mà truyền bá, tức là một đạo có từ xưa. Dĩ nhiên chủ trương không được phản lại đạo lý cổ truyền). - Tai 災 = tai ương 災 殃.- Nghị 議 = bàn. - Chế 制 = làm. - Độ 度 = phẩm chế như luật pháp, cân lượng, thước tấc, v.v. - Quĩ 軌 = trục xe, vết xe cách nhau, phép tắc. - Cẩu 苟= nếu.

DỊCH CHƯƠNG 28

Ôn cố tri tân (Đạo Thánh hiền phải hợp với cổ nhân)

Ngu si, mà ỷ tài ỷ sức,

Đã đớn hèn mà thích tự chuyên.[3]

Sinh vào thời buổi hiện kim,

Dám điều trái đạo tiên hiền cổ nhân.[4]

Làm những chuyện oái oăm như vậy,

Chẳng chóng chày hứng lấy tai ương.

Trừ phi là đấng thánh vương,

Chẳng ai mà được lạm bàn lễ nghi,

Chẳng ai được sân si chế độ,

Chẳng ai được tu bổ văn từ.

Nên nay xe một vết xe,

Văn từ, luân lý nhất tề như nhau.

Ngôi cao dẫn đứng đầu bách tính.

Chẳng thánh nhân chẳng định lễ nghi.

Dẫu rằng đức độ siêu vi,

Không ngôi cao cả lễ nghi chẳng bàn.[5]

Đem Hạ lễ ra suy gốc rễ,

Nước Kỷ không đủ lẽ chứng minh.

Ân triều lễ nhạc tuy tinh,

Nhưng nay chỉ có một mình Tống theo.

Nhận thấy lễ Châu triều thông dụng,

Nên ta đây, ta cũng theo Châu.[6]

BÌNH LUẬN

1. Ngu nhi hiếu tự dụng... bất khảo văn.

Trình Tử cho rằng ngu là người không có đức, tiện là người không có địa vị. Không có đức mà làm lễ nhạc, thế là ngu mà thích tự dụng. Có đức nhưng không có địa vị mà làm lễ nhạc, thế là tiện mà thích tự chuyên. Sinh đời Chu mà muốn theo nghi lễ của đời Hạ, đời Ân; thế là sống thời nay mà muốn theo đạo thời xưa; trong ba điều ấy nếu phạm một, là chiêu tai vạ cho mình.[7]

Các dịch giả Legge, Couvreur, Phan Bội Châu, Phan Khoang, v.v. đều dịch câu 'sinh hồ kim thế, phản cổ chi đạo' theo ý của Trình Tử là: sinh thời nay

mà theo đạo thời xưa. Dịch như vậy có thể hợp với chương này, vì Đức Khổng không theo Hạ lễ, Ân lễ, mà theo Chu lễ.

Duy có Trung Dung văn ngôn đối chiếu bình rằng: «Sinh vào thời nay mà vi phản lại những nguyên lý đã được thánh hiền xưa minh định.» [8]

Trên đây cũng đã dịch theo lối Trung Dung kim thích là: sống thời nay mà làm điều trái đạo tiên hiền thuở xưa. Dịch như vậy có nhiều lý do:

* Vì lễ nghi là những hình thức bên ngoài, chứ không phải là đạo. Lễ nghi có thể tùy thời biến đổi, tập tục có thể tùy thời biến đổi, nhưng đạo thánh hiền không biến đổi.

* Vì nếu đức Khổng và Tử Tư chủ trương không theo đạo người xưa, thì tại sao chương 30 của Trung Dung lại nói: «Trọng Ni tổ thuật Nghiêu, Thuấn, hiến chương Văn, Võ.» ?

Ta nên nhớ, vua Nghiêu tức vị năm 2356 tcn, vua Thuấn tức vị năm 2255 tcn, trước nhà Hạ (2205-1766), nhà Ân (1766-1122); như vậy chứng tỏ đức Khổng không hề chủ trương đi ngược lại đạo của tiên thánh, tiên hiền.

Hơn nữa, trong Luận Ngữ, đức Khổng cũng nói: «Ta đem kinh sách thánh hiền mà truyền lại cho đời sau, chứ ta chẳng có làm ra. Ta tin tưởng và mộ đạo người xưa. Ta trộm ví ta với ông Lão Bành.» [9]

Mạnh Tử cũng chê học thuyết của Hứa Hành là ngược với đạo lý của tiên vương.[10]

Hơn nữa, đọc Mạnh Tử ta cũng thấy rằng đệ tử của đức Khổng là những người mê say đạo lý của thánh hiền thiên cổ.[11]

Như vậy đủ chứng tỏ đức Khổng cũng như Trung Dung không hề chủ trương: sinh vào thời nay mà theo đạo thời xưa là điều họa hại.

Tuy nhiên, nhận định của Trình Tử không phải là không có lý do. Thực ra những lễ nghi, hình thức bên ngoài là các thức để tập hợp quần chúng, để cho quần chúng cảm thông nhau dễ dàng, và cũng là những phương tiện cho họ biểu lộ tâm tình, cho nên càng thống nhất được càng hay, và những lễ nghi thịnh hành nhất, phổ thông nhất cần được bảo tồn.

Quần chúng thường đặt nặng vấn đề lễ nghi, hình thức bên ngoài. Họ giống như những con trẻ mô tả trong Phúc Âm, thường hay hạch hỏi: «Ta đã thổi sáo, sao bay không nhảy múa? Ta đã hát những bài lâm khốc bi ai, sao bay không khóc lóc?» [12] Cho nên nếu mình không theo lễ nghi hình thức bên ngoài hiện đang thịnh hành, đôi khi cũng có thể chiêu hại vào thân.

2. Xa đồng quỹ, thư đồng văn, hạnh đồng luân.

Lập lễ nghi, chế độ, phép tắc, làm cho chúng được phổ biến, phổ cập khắp nơi, thi hành nhất luật khắp chốn là phận sự của thiên tử. Nhờ vậy mà khắp nước đều cùng một phép tắc, chế độ, xe cùng một thứ vết, sách cùng một thứ chữ, phong hóa cùng một lề lối.

Mấy chữ xa đồng quỹ, thư đồng văn, hạnh đồng luân đã gây nên giả thuyết rằng Trung Dung không phải do Tử Tư viết, mà đã được viết sau này vào thời Hán, khi Tần Thủy Hoàng đã thống nhất được đất nước, văn tự, chế độ, cân lượng. Lý lẽ viện dẫn là: Sử Ký (Tần Thủy Hoàng bản kỷ) có ghi: «Năm 26, ... một pháp độ, một cân lượng, một thước trượng, xe cùng một thứ vết, sách cùng một thứ chữ.» [13]

Tuy nhiên thuyết này chẳng có gì là vững chãi. Thực vậy, đọc Kinh Thư, ta đã thấy ngay các vị thiên tử như Nghiêu và Thuấn đã ra công thống nhất thể chế, cân lượng, lễ nghi.[14]

3. Ngô thuyết Hạ lễ ... ngô tùng Chu.

Đức Khổng đã theo Chu lễ, vì thời ấy Chu lễ phổ cập khắp nơi, còn Ân lễ, Hạ lễ chỉ còn nước Kỷ, nước Tống theo mà thôi.

Ta thấy rõ ràng Trung Dung phân biệt hai phương diện: đạo lý và nghi lễ (hình thức bên ngoài).

Tinh hoa đạo giáo của thánh hiền thì muôn đời không thay đổi. Vì thế chương 29 của Trung Dung viết: «Khảo chư tam vương [Đại Vũ, Thành Thang, Vũ Vương], nhi bất mậu; kiến chư thiên địa nhi bất bội; chất chư quỷ thần, nhi vô nghi, bá thế dĩ sĩ Thánh nhân, nhi bất hoặc.»

Mạnh Tử cũng viết: «Tiên thánh hậu thánh kỳ quỹ nhất dã.» [15]

Còn lễ nghi hình thức là những lề lối thi hành,

áp dụng, phát lộ ra bên ngoài, thì có thể biến dịch tùy thời. cái gì phổ thông tiện lợi thì theo, vì thế đức Khổng mới nói 'Ngô tòng Chu'.

Đoạn này chứng minh ngược lại rằng Trung Dung đã được viết trước thời Tần Thủy Hoàng vì ta thấy còn ba loại nghi lễ:

- Hạ lễ còn được thi hành ở nước Kỷ.

- Ân lễ còn được thi hành ở nước Tống.

- Chu lễ còn phổ cập thực thi ở khắp các nơi khác trong nước.

Nếu Trung Dung đã được viết sau thời Tần Thủy Hoàng thì cả chương này vô nghĩa, vì dĩ nhiên, Tần Thủy Hoàng đã hủy bỏ ba loại nghi lễ Hạ, Thương, Chu.

CHÚ THÍCH

[1] Cách giải trong các bản dịch của: Đoàn Trung Còn; Couvreur; Jame Legge; và trong bản chú giải: Trung Dung kim thích.

[2] Cách giải trong Trung Dung văn ngôn đối chiếu. Sinh tại hiện kim đích thời đại vi phản cổ thánh sở định chi nguyên lý. 生在現今的時代違反古聖所定之原理.

[3] La voie de l'insensé est droite à ses yeux, mais le sage écoute les conseils. (Proverbes 12,15)

[4] Ne déplace pas la borne ancienne, que tes pères ont posée. (Proverbes 22,28)

- Garde, mon fils, le précepte de ton père, et ne néglige pas l'enseignement de ta mère. (Proverbes 6,20)

- Kim dã, Nam Man quích thiệt chi nhân, phi tiên vương chi đạo, tử bội tử chi sư nhi học chi, diệc dị ư Tăng Tử hĩ. Ngô văn "xuất u cốc, thiên vu kiều mộc" giả; vị văn há kiều mộc nhi nhập ư u cốc giả. 今也, 南蠻鴃舌之人, 非先王之道, 子倍子之師而學之, 亦異於曾子矣. 吾聞出於幽谷, 遷于喬木者; 未聞下喬木而入於幽谷也 = Hiện nay, có người rợ Man miền Nam [tức Hứa Hành] giọng nói như tiếng chim quích, học thuyết chẳng hợp với đạo lý của các vì vua thánh thuở xưa. Người đành bội phản thầy ngươi là Trần Lương mà theo học với va. Thế là người khác với Tăng Tử rồi đó. ta từng nghe rằng: "Con chim từ bỏ chỗ hang tối, bay lên đậu trên cây cao." Nhưng ta chưa từng nghe rằng con chim bỏ cây cao, hạ mình mà chui xuống hang tối. (Vậy ngươi không nên bỏ chân lý mà theo tà thuyết). (Mạnh Tử, Đằng Văn Công [thượng-4], tr.172)

[5] Một ý niệm về lễ nghi hình thức:

Celui qui cherche simplement un refuge en des pratiques extérieures fait fausse route, parce que le progrès moral dépend de la condition intérieure de la pureté et du progrès vers la Vérité. La foi aveugle en des pratiques extérieures a d'ailleur causé une indescriptible misère dans le monde. Elle mène à la stupeur, au fanatisme, à l'intolérance, à l'exaltation de soi-même et au mépris des autres, à la dissension, au désaccord à la guerre et aux crimes sanglants, comme l'histoire du Moyen Age nous le démontre suffisamment. Cette foi en des rites extérieurs émousse la puissance de la pensée et étouffe toute émotion noble dans l'homme. Elle en fait un esclave mental pleine de suffisance, et favorise le développement de toutes sortes d'hypocrisies.

Le Bouddha l'a déclaré d'une manière claire et positive: L'homme pris dans le filet de l'aveuglement ne sera jamais purifié par la simple étude des Ecritures saintes ou par des sacrifices aux dieux, non plus que par des jeunes ou par le sommeil sur la terre nue, par des veillées difficiles et fatigantes, ou par le répétition de prières. Ni les donations aux moines, ni le châtiment de soi-même, ni l'accomplissement de rites et de cérémonies ne sauront purifier celui dont le cœur connaît encore le désir égoïste. Ce n'est certainement pas par la consommation de la viande ou du poisson qu'un homme devient impur, mais bien par ivresse, obstination, bigoterie, fraude, envie, exaltation de soi-même, mépris des autres et mauvaises intentions, -- c'est par ces choses-là que l'homme devient impur.

(Présence du Bouddhisme, p.245)

- Một ý niệm về lễ nghi tập tục:

Le Buddha dit dans le Kalamasutta: «Ne vous confiez point à de ouï-dire, ou à la tradition, à ce qu'on a transmis des temps ancienns, aux bruits, aux raisonnements et aux déductions logiques, aux apparences extérieures, aux opinions favorites, aux spéculations et aux possibilités, et ne croyez point parce que je suis votre Maître. Mais si vous avez vu par votre propre expérience qu'une chose est mauvaise et qu'elle mène au désagrément et à la souffrance, alors il faut le rejeter, et si vous avez vu qu'une chose est bonne et irréprochable, et qu'elle mène au bien-être et au salut, alors il faut la pratiquer.»

(Présence du Bouddhisme, p.245)

[6] - Nhà Hạ (2205-1786 tcn). - Nước Kỷ = hậu duệ nhà Hạ. - Nhà Ân (1783-1122 tcn). - Nước Tống = hậu duệ nhà Ân (Thương)

[7] Vô đức viết ngu, vô vị viết tiện. Hữu vị vô đức nhi tác lễ nhạc, sở vị ngu nhi hiếu tự dụng. Hữu đức vô vị nhi tác lễ nhạc, sở vị tiện nhi hiếu tự chuyên. Sinh Chu chi thế nhi tòng Hạ, Ân chi lễ, sở vị cư kim thế phản cổ chi đạo. Tam giả hữu nhất yên thủ tai chi đạo dã. 無德曰愚, 無位曰賤. 有位無德而作禮樂, 所謂愚而好自用. 有德無位而作禮樂, 所謂賤而好自專. 生周之世而從夏, 殷之禮, 所謂居今世反古之道. 三者有一焉取災之道也. (Trình thị kinh thuyết, q.8, tr.8b)

[8] Sinh tại hiện kim đích đại, vi phản cổ thánh sở định đích nguyên lý. 生在現今的代違反古聖所定的原理. (Trung Dung văn ngôn đối chiếu, tr.35)

[9] Tử viết: Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ. Thiết tỉ ư ngã Lão Bành. 述而不作信而好古竊比於我老彭. (Luận Ngữ, Thuật nhi, #1)

[10] Kim dã, Nam Man quích thiệt chi nhân, phi tiên vương chi đạo. 今也南蠻鴃舌之人非先王之道. (Mạnh Tử, Đằng Văn Công [Thượng-4])

[11] Mạnh Tử, Tận tâm [hạ-37]

[12] Luc VII, 31, 32; Mat XI, 16, 19.

[13] Sử Ký, Tần Thủy Hoàng bản kỷ: Nhị thập lục niên... nhất pháp độ, hành thạch, trượng xích, xa đồng quỹ, thư đồng văn. 史記, 秦始皇本紀: 二十六年... 一法度, 衡石, 丈尺, 車同軌, 書同文 (Trung Dung kim thích, tr.97)

[14] Il (Chouenn) établit l'uniformité des tubes musicaux, des mesures de longueur, des mesures de capacité, des balances et des poids et régla les cinq sortes de cérémonies. (Les annals de la Chine, p.18; Couvreur dịch từ Kinh Thư, Thuấn điển, 8) 同律度量衡修五禮.

[15] Mạnh Tử, Ly lâu [hạ-1]

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 29

ĐẠO THÁNH NHÂN HỢP TÂM LÝ, LỊCH SỬ, THIÊN CƠ

第 二 十 九 章

王 天 下 有 三 重 焉. 其 寡 過 矣 乎 ! 上 焉 者, 雖 善 無 征, 無 征 不 信; 不 信 民 弗 從. 下 焉 者, 雖 善 不 尊; 不 尊 不 信, 不 信 民 弗 從. 故 君 子 之 道, 本 諸 身, 征 諸 庶 民; 考 諸 三 王, 而 不 繆; 建 諸 天 地 而 不 悖; 質 諸 鬼 神, 而 無 疑, 百 世 以 俟 聖 人 而 不 惑. 質 鬼 神 而 無 疑: 知 天 也. 百 世 以 俟 聖 人 而 不 惑, 知 人 也. 是 故 君 子 動 而 世 為 天 下 道; 行 而 世 為 天 下 法; 言 而 世 為 天 下 則. 遠 之 則 有 望; 近 之 則 不 厭. 詩 曰 : 在 彼 無 惡; 在 此 無 射; 庶 几 夙 夜, 以 永 終 譽. 君 子 未 有 不 如 此, 而 蚤 有 譽 于 天 下 者 也.

PHIÊN ÂM

Vương thiên hạ hữu tam trọng yên. Kỳ quả quá hĩ hồ ! Thượng yên giả, tuy thiện vô trưng, vô trưng bất tín; bất tín dân phất tùng. Hạ yên giả, tuy thiện bất tôn; bất tôn bất tín, bất tín dân phất tùng. Cố quân tử chi đạo, bản chư thân, trưng chư thứ dân; khảo chư tam vương, nhi bất mậu; kiến chư thiên địa nhi bất bội; chất chư quỷ thần, nhi vô nghi, bá thế dĩ sĩ Thánh nhân nhi bất hoặc. Chất chư quỷ thần nhi vô nghi: tri Thiên dã. Bá thế dĩ sĩ Thánh nhân nhi bất hoặc, tri nhân dã. Thị cố quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo; hạnh nhi thế vi thiên hạ pháp; ngôn nhi thế vi thiên hạ tắc. Viễn chi tắc hữu vọng; cận chi tắc bất yếm. Thi viết: «Tại bỉ vô ố; tại thử vô đố; thứ cơ túc dạ, dĩ vĩnh chung dự.» [1] Quân tử hữu bất như thử, nhi tao hữu dự ư thiên hạ giả dã.

CHÚ THÍCH

- Vương 王 = cai trị, thống suất. - Trọng 重 = trọng hệ, quan trọng. - Tam trọng 三 重 = các sách thường cho là: (1) Lễ nhạc; (2) Luật lệ; (3) Văn tự. Dịch giả, theo ý đoạn này, thiết nghĩ tác giả trưng ra ba điều kiện truyền đạo hữu hiệu: Tam trọng = (1) Đức độ; (2) Phát huy, biểu dương đức độ; (3) Địa vị tôn quý. - Trưng 徵 = Tỏ ra, dẫn chứng. - Thượng vị quân dã... Hạ vị thần dã. 上 謂 君 也 下 謂 臣 也 (Tống bản thập tam kinh Lễ Ký) [2] - Ố 惡= ghét.- Đố 射 = nhàm, nhờn.- Cơ 幾= mong mỏi.- Túc 夙= sớm. - Dự 譽= khen.

DỊCH CHƯƠNG 29

Đạo thánh nhân hợp tâm lý, lịch sử, thiên cơ

Muốn thống suất toàn dân thiên hạ,

Cần ba điều, gồm cả mới bớt sai.

Trên có đức mà chẳng biết tỏ bày,

Không trông thấy, dân tin sao cho nổi;

Đã không tin, dân đâu theo đường lối.

Dưới có đức, nhưng ngôi vị không sang,

Ngôi không cao, nên dân ít nể nang,

Chẳng vị nể, dân tin sao cho nổi.

Đã không tin, dân đâu theo đường lối,

Nên đạo quân tử phát xuất tự thâm tâm.

Đem trưng bày phổ cập tới thứ dân,

Khảo chứng tiên vương, không có chi lầm lỗi.

Sánh với luật đất trời không phản bội,

So quỉ thần, thấy đường lối đúng không sai.

Thế là đã biết lòng Trời đó,

Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai

Thế là đã biết lòng người tỏ rõ.[3]

Mỗi động tác quân tử đều như mẫu mực,

Mỗi hành vi, là khuôn phép chúng dân theo.

Mỗi lời nói, thiên hạ đời sau sẽ nương vào,

Người ta ngưỡng vọng, người gần không hề ngán.[4]

Kinh Thi rằng: khắp đây đó không ai chê chán,

Suốt tháng ngày thiên hạ những ngợi khen.

Người quân tử nếu chẳng theo lối đường trên,

Thì sao sớm được vinh danh trong thiên hạ? [5]

BÌNH LUẬN

1. Vương thiên hạ hữu tam trọng... dân phất tùng.

Chu Hi dẫn lời Lã Thị cho rằng 'tam trọng' là 'lễ nghi, chế độ, khảo văn'. Ba điều này phải để thiên tử qui định, ban hành thì trong nước mới có cùng lệ luật, phong tục, và dân mới bớt sai lầm.[6]

Trình Tử và Trịnh Huyền cho rằng: 'tam trọng' là 'tam vương chi lễ'.[7]

Ta cũng có thể cắt nghĩa 'tam trọng' như sau:

(1) Đức độ.

(2) Phát huy, biểu dương đức độ.

(3) Địa vị tôn quý.

Tóm lại, cần phải có địa vị cao trong xã hội, cần phải có đức độ, cần phát huy và biểu dương đức độ. Đó là định luật 'Đăng cao viễn chiếu' (đèn để nơi cao chiếu sáng xa). Đức độ của vua chúa, thái độ của vua chúa rất dễ cảm hóa dân và làm cho dân phải noi theo.

Một Constantin (274-337), một Théodose (thượng vị La Mã từ 379 đến 393) theo Công giáo, thì toàn quốc theo Công giáo. Một A Dục theo Phật giáo thì cả dân theo Phật giáo.

Có lẽ vì vậy mà Khổng Tử đã mong ước có một địa vị tôn quý trong nước để thi hành và phổ biến đạo

ngài.

Các linh mục dòng Tên, khi sang Trung Quốc giảng giáo, đã quyết tâm chinh phục vua Khang Hi và triều thần, vì nghĩ rằng nếu đạt được mục đích ấy thì nước Tàu theo Công giáo rất đông.[8]

2. Thị cố quân tử chi đạo ... tri nhân dã.

Đạo người quân tử phải hội đủ những điều kiện sau đây:

(1) Phát xuất tự thâm tâm.

(2) Đem trưng bày, phổ cập được vào quần chúng, tức là có thể minh chứng được.

(3) Hợp với đạo thánh hiền thiên cổ.

(4) Hợp với định luật trời đất.

(5) Hợp với đường lối quỷ thần.

(6) Siêu việt không gian, thời gian, dẫu ngàn đời sau có thánh nhân ra đời cũng không phủ nhận được những lời mình. Tiên thánh hậu thánh kỳ quỹ nhất dã.

Những tiêu chuẩn trên đây có thể xem là những tiêu chuẩn chính yếu để nhận biết thế nào là chân lý vĩnh cửu.

Nói cách khác, chân lý vĩnh cửu là thứ chân lý mà mọi nơi, mọi đời, mọi người thường tin tưởng.[9] Nó phải hợp vũ trụ và siêu không gian, thời gian, cho nên không biến thiên theo giòng lịch sử hay theo hoàn cảnh địa lý.

Chân lý vĩnh cửu và phổ quát thực ra không phải là phát minh của một cá nhân nào, một đạo giáo nào, mà chính là đã được tất cả các bậc thánh hiền vạn cổ phát huy, và đã được lưu truyền qua các trung gian của đạo giáo và các nền văn hóa với những vo tròn bóp méo của con người, cũng như của thời gian và hoàn cảnh. Cho nên mọi người chúng ta đều có bổn phận tìm cho ra chân lý vĩnh cửu, phổ quát và nguyên tuyền ấy.

Trong một phiên họp của Hiệp hội Âu Châu Phát huy Văn hóa, linh mục Houang đã nói những lời hữu lý sau đây: «Bổn phận người Âu cũng như người Á là phải tìm cho ra chân lý hằng cửu và phổ quát... Chúng ta có nhiệm vụ khơi mào cho một cuộc đối thoại giữa Á và Âu bằng cách minh định rằng trong mọi nền văn hóa đều có những điều hằng cửu và phổ quát. Như vậy chúng ta sẽ có thể yêu nhau như anh em, và thế giới sẽ có thể sống bình yên thực. [...] Trong suốt thế kỷ 19, quý vị đã coi thế giới như là chiếc xe lửa đang di chuyển, mà chân lý phổ quát là đầu tàu, người Âu Châu thì ở toa thượng hạng và hạng nhất, còn các toa hạng ba và toa hàng hóa thì dành cho người Á Phi. Quan điểm này ngày nay không thể chấp nhận được... Trái lại phải quan niệm thế giới như là một chiếc hoa thị mà ta thấy ở các giáo đường xây vào thời Trung Cổ, trong đó mỗi cánh hoa là một chủng tộc với tất cả những điều nguyện ước, thắc mắc, băn khoăn, và đòi hỏi của họ.» [10]

3. Thị cố quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo... nhi tao hữu dự ư thiên hạ giả dã.

Cho nên người quân tử phải ăn ở sao cho ngôn ngữ, cử chỉ, hành vi mình nên như mẫu mực của chúng dân.

Gần đây Kant cũng đưa ra một phương châm tương tự: «Hãy ăn ở sao để bạn có thể muốn được rằng phương châm hành động của bạn sẽ trở thành một định luật phổ quát.» [11]

Có như vậy mới mong được xa gần tôn trọng, quý mến.

CHÚ THÍCH

[1] Mao Thi, Chu tụng, chấn lộ thiên. 毛 詩 周 頌 振 鷺 篇.

[2] 1/ Ở ngôi cao mà muốn làm điều lành, tất trước phải có việc trưng chứng cho dân biết. 2/ Ở bậc dưới, tất phải làm thế nào tạo được một thời thế mà đặt mình lên ngôi tôn. Nếu không cả hai lẽ ấy, hoặc có ngôi mà không đức sẵn, hoặc có đức mà không ngôi cao, thảy là không sử được dân; lý vẫn như thế mà thế cũng như thế. Chúng ta ra đời không phải chuyên ỷ một chữ "thiện" mà xong được. (Phan Bội Châu, Khổng học đăng, tr.388)

Danh ngôn đối chiếu:

[3] - Mais la sagesse du pauvre est méprisée,

et ses paroles ne sont pas écoutées. (L'Ecclésiaste 9–16)

- Tam trọng: 1/ Vous êtes la lumière du monde. (Mat. 5,16); 2/ Qu'ainsi brille votre lumière aux yeux des hommes, pour qi'ils voient vos bonnes oeuvres et glorifient votre Père qui est dans les Cieux. (Mat. 5,16); 3/ On n'allume pas non plus la lampe pour la mettre sous le boisseau, mais sur le support, et elle brille pour tous ceux qui sont dans la maison. (Mat. 5,15).

- La vraie religion, c'est, concordanct avec la raison et le savoir de l'homme, le rapport établi par lui envers la vie infinie qui l'entoure, qui lie sa vie avec cet infini et le guide dans ses actes. (Léon Tolstoi)

- Dữ thiên địa tương tự, cố bất vi. Tri chu hồ vạn vật, nhi đạo tế thiên hạ cố bất quá. Bàng hành nhi bất lưu, lạc Thiên tri mệnh cố bất ưu. An thổ đôn hồ nhân cố năng ái. 與 天 地 相 似 故 不 違. 知 周 乎 萬 物, 而 道 濟 天 下 故 不 過. 旁 行 而 不 流, 樂 天 知 命 故 不 憂. 安 土 敦 乎 仁 故 不 能 愛. (Giống đất trời nên không sai. Biết khắp muôn vật, giúp đỡ thiên hạ nên không lỗi.) (Hệ từ thượng)

[4] Lâm Ngữ Đường dịch: «C'est pourquoi il est vrai de dire de l'homme vraiment moral, que chacun de ses gestes devient un exemple pour les générations chacun de ses actes un modèle, chacune de ses paroles, un guide. Ceux qui sont au loin regardent à lui et ceux qui sont près ne l'en respectent pas moins.» (Lin Yutang, La Sagesse de Confucius)

- C'est une grande folie que de vouloir être sage tout seul. (François de la Rochefoucauld)

- La sagesse de la vie est toujours plus profonde et plus large que la sagesse des hommes. (Maxime Gorki)

- Outre que l'Ecclésiaste fut un sage,

il a encore enseigné le savoir au peuple;

il a pesé et sondé et il a arrangé becaucoup de sentences.

L'Ecclésiaste a cherché à trouver des paroles qui plaisent et à écrire droitement des paroles de vérité. (L'Ecclésiaste 12, 9–10)

[5] Traduction de Couvreur:

Il est dit dans le Cheu king: «Là personne ne les hait ici personne n'est lassé de leur présence; leur mémoire sera célébrée dans tous les âges.» Jamais prince n'est parvenu de bonne heure à se faire un nom dans tout l'empire, si ce n'est pas cette voie.

[6] Trung Dung văn ngôn đối chiếu, tr.37.

[7] Trung Dung hoặc vấn, tr.131a.

- James Legge, The Doctrine of the Mean, p.425.

[8] En adoptant cette politique, les Jésuites avaient clairement présent à l'esprit l'éclatant succès de la conversion de l'Empire romain au christianisme, et ils caressèrent l'espoir que les divers souverains asiatiques se révèleraient de nouveaux Constantins, prêts à ambrasser la nouvelle ici...

... Dès lors, il (Matteo Ricci) s'attacha à appliquer la méthode prescrite par ses supérieurs: au lieu de tenter la conversion de millions de paysans et d'artisans illettrés, s'efforcer d'atteindre la tête même de l'Empire. Il valait infiniment mieux convertir les milieux dirigeants de Pékin, les intellectuels et les mandarins. les Jésuites étaitent convaincus que si les couches supérieures de la nation épousaient le christianisme, le reste de l'Empire suivrait automatiquement leur exemple... (Amoury de Riencourt, L'Âme de la Chine, p.223-224)

[9] Quod ubique, quod semper, quod ab omn us creditum est. (Robert Will, Le Culte, Étude d'histoire de la philosophie religieuse, p.81)

- Thiên bách thế chi thượng, hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm, thử lý đồng dã. Thiên bách thế chi hạ, hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm, thử lý, đồng dã. 天 百 世 之 上, 有 聖 人 出 焉, 此 心, 此 理 同 也. 天 百 世 之 下, 有 聖 人 出 焉, 此 心, 此 理, 同 也. (Trung Dung hoặc vấn, tr.232)

[10] cf. Comprendre, revue de politique de la culture, N°16 (Société européenne de culture près la biennale Venise), p.334-335.

R.P. Houang: Au contraire, la tâche des Occidentaux et des Asiatiques seraient de trouver les constantes de l'universalité. Notre tâche à nous est d'amorcer un dialogue entre Asiatiques et Européens, montrant qu'à travers toutes les cultures il y a des constantes de l'universalité. Nous pourrons alors nous aimer en frères, et le monde pourra vivre vraiment en paix...

Tout au long du XIXe siècle, vous avez représenté l'universel à l'image d'un train en mouvement dont l'universalité est la locomotive et dans lequel les Européens occupent les wagons-lits et les wagons de 1e classe, laissant les 3e classe et peut-être les wagons de marchandises aux Asiatiques et aux Africains. Cette forme d'universalité est inacceptable, d'autant plus qu'aujourd'hui nous devrions former une universalité qui ressemblerait non pas à ce train à sens unique, mais plutôt à une rosace, à la belle rosace des grandes cathédrales du moyen-âge dont chaque pétale représenterait une race avec toutes ses aspirations, ses angoisses et ses besoins...

[11] Agis de telle sorte que tu puisses vouloir que la maxime de ton action soit érigée en loi universelle. (Émile Boutroux, La philosophie de Kant, p.300)

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 30

THÁNH NHÂN DỮ THIÊN ĐỒNG ĐỨC

第 三 十 章

仲 尼 祖 述 堯, 舜, 憲 章 文 武, 律 天 時, 下 襲 水 土; 辟 如 天 地 之 無 不 持 載, 無 不 覆 幬; 辟 如 四 時 之 錯 行; 如 日 月 之 代 明. 萬 物 并 育 而 不 相 害. 道 并 行 而 不 相 悖. 小 德 川 流; 大 德 敦 化. 此 天 地 之 所 以 為 大 也.

PHIÊN ÂM

Trọng Ni tổ thuật Nghiêu, Thuấn, hiến chương Văn Võ, thượng luật thiên thời, hạ tập thủy thổ; thí như thiên địa chi vô bất trì tải, vô bất phúc đảo; thí như tứ thời thác hành; như nhật nguyệt chi đại minh. Vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại. Đạo tịnh hành nhi bất tương bội. Tiểu đức xuyên lưu; đại đức đôn hóa. Thử thiên địa chi sở dĩ vi đại dã.

CHÚ THÍCH

- Tổ thuật 祖 述 = noi theo dấu tích. - Hiến chương 憲 章 = những công việc khuôn mẫu cho đời, như chế độ, lễ nhạc, tất cả thấy rõ ràng đợi ta trông thấy. (chú thích của cụ Phan Bội Châu) [1]

DỊCH CHƯƠNG 30

Thánh nhân dữ thiên đồng đức

Đức Khổng tiếp nối đạo Thuấn Nghiêu,
Làm sáng tỏ lối đường Văn Võ.
Trên thuận thiên trời, dưới theo thủy thổ,
Như đất trời bát ngát bao la.
Che chở muôn loài khắp gần xa,
Như tứ thời luân lưu chuyển động.
Như nhật nguyệt hai vầng chiếu rạng,
Muôn loài cùng chung sống chẳng hại nhau.
Đi một chiều, chẳng phản bội chi đâu,
Tiểu Đức như sông ngòi dinh dưỡng.
Đại Đức luôn hóa sinh tăng trưởng,
Phép tắc trời cao cả xiết bao! [2]

BÌNH LUẬN

Chương này tán tụng đức độ đức Khổng, và cho rằng đức độ ngài cao siêu sánh với đất trời.

Ngài truyền thuật lại đạo Nghiêu Thuấn, xiển minh nền chính trị Văn Võ, sống hợp thiên thời và thủy thổ.

Ngài như Trời không gì không bao dung che chở, như đất không gì không cưu mang. Ảnh hưởng ngài không hề ngừng nghỉ như bốn mùa vần xoay đắp đổi, như mặt trời mặt trăng lần lượt sáng soi, làm cho vạn vật vui sống bên trong mà không tác hại lẫn nhau, làm cho nhật nguyệt tinh cầu vần xoay, thời tiết biến đổi mà không lộn lạo.

Ngài cũng như trời đất: đức nhỏ thì như sông suối, lưu thông thấm nhuần khắp chốn; đức lớn thì nồng hậu làm cho vạn vật sinh hóa, ảnh hưởng bao la như vậy mới đáng bậc thánh nhân, cũng như mới là trời đất.[3]

Thế tức là chương này chủ trương 'thánh nhân phối thiên'. Thánh nhân hợp nhất với Trời. vì vậy ảnh hưởng cũng bao la sâu rộng như Trời. Nho giáo trước sau vẫn chủ trương rằng những bậc thánh nhân có đạo đức siêu việt sẽ phối hợp được với Thượng Đế.

Trình Tử viết: «Đạo thánh nhân cũng như là Trời vậy.» [4] Có người hỏi ông: «Thánh đạo và Thiên đạo khác nhau thế nào?» Ông đáp: «Không khác.» [5]

Tôn Chung Nguyên viết: «Trời với thần là một, thánh với Trời cũng chẳng là hai.» [6]

Trương Tái viết: «Đã học tất phải nên như thánh nhân mới được thôi. Đòi biết người mà chẳng biết Trời, chỉ cầu làm hiền nhân mà chẳng cầu làm thánh nhân, đó là cái tệ hại của các học giả từ thời Tần, thời Hán đến nay.» [7]

Vì thế chương 26 của Trung Dung đã đan cử trường hợp Văn Vương, nay lại đan cử trường hợp Khổng Tử.

Thực ra chính đức Khổng cũng tin rằng mình là vẻ sáng của Trời như Văn Vương, và luôn bắt chước Trời mà hành sự.[8]

Ước vọng của thánh hiền từ ngàn xưa là tu thân tích đức, khuếch sung thiện đoan, hàm dưỡng thiên tính nơi mình để đạt tới mức cao siêu, toàn mỹ như Trời.

Kinh Thư (Khang Cáo) viết: «Hoằng vu Thiên.» Đại Học (ch.1) viết: «Chỉ ư chí thiện.» Trung Dung (ch.27) viết: «Tuấn cực vu Thiên.» đều không ngoài ý đó.

Nhưng cái hay của Khổng giáo là chủ trương: không phải chỉ có Khổng Tử mới giữ được địa vị độc tôn, mà trước Khổng Tử đã có Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương, Chu Công; sau đức Khổng cũng có nhiều bậc thánh nhân khác ra đời. Vì thế Trung Dung mới nói: «Bá thế dĩ sĩ thánh nhân nhi bất hoặc.»

Tào Giao (ông Giao, em vua nước Tào) hỏi Mạnh Tử rằng: «Có phải mọi người đều có thể nên được như Nghiêu, Thuấn được chăng?» Mạnh Tử đáp: «Phải. Sở dĩ chúng ta không được như Nghiêu, Thuấn là vì chúng ta không muốn mà thôi.» [9]

Trong bài tựa quyển Khổng học đăng, cụ Phan Bội Châu viết: «Hễ ai đọc bản sách này trước phải lập định một cái chí khí tự nhiên rằng: ta là Khổng Tử, ta là Mạnh Tử, ta là Platon, ta là Kant. Chẳng qua đời tuy có xưa nay, đất tuy có Đông Tây, mà tâm lý in như nhau. Thánh hiền tức là ta. ta tức là thánh hiền. Ta chỉ là người hậu tiến của cổ nhân mà thôi.» [10]

Mấy lời trên chứng tỏ cụ Phan thâm hiểu đạo Nho vậy.

Để kết thúc chương này ta có thể mượn lời sách Khải Huyền (Apocalyse): «Kẻ nào thắng, ta sẽ cho ngồi với ta trên ngôi ta, như chính ta đã thắng và ngồi với Cha ta trên ngôi ngài.» [11]

CHÚ THÍCH

[1] THIÊN NHÂN TƯƠNG DỮ: Tự đời thượng cổ, người Tàu đã có tư tưởng cho rằng người ta sinh ra ai cũng bẩm thụ cái tính của Trời. Cái tính ấy tức là một phần thiên lý. Vậy Trời với người quan hệ với nhau rất mật thiết lắm. Bởi thế mới lấy phép tắc tự nhiên của Trời làm cái mô phạm của người và cho thiên luân là nhân luân, thiên đạo là nhân đạo. Kinh Thi nói rằng: «Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức.» (Trời sinh ra dân, có hình phép, dân giữ tính thường, muốn có đức tốt). Trời sinh ra người cho người có lòng muốn đức tốt, thì người phải lấy Trời làm gốc, phải kính Trời, sợ Trời, và phải theo cái bản tính của Trời đã phú cho, mà ăn ở cho hợp với đạo Trời. Cái tư tưởng đặc biệt của người Tàu là cho thiên đạo và nhân sự quan hệ với nhau. Trời là cái công lý tự nhiên lưu hành khắp cả mọi nơi. Vậy kính Trời và sợ Trời là phải giữ mình lúc nào cũng kính cẩn, lúc ngồi im lặng một mình cũng như lúc làm công kia việc nọ, bao giờ cũng phải theo thiên lý mà hành động: Làm việc gì hợp với lẽ Trời là phải, là hay, nghịch với lẽ Trời là trái, là dở. (Trần Trọng Kim, Nho giáo, tr.39)

[2] - Quảng đại phối Thiên Địa, biến thông phối tứ thời, âm dương chi nghĩa phối nhật nguyệt. Dị giản chi thiện phối chí đức. 廣 大 配 天 地, 變 配 四 時, 陰 陽 之 義 配 日 月. 易 簡 之 善 配 至 德 (Sự quảng đại sánh với trời đất, sự biến thông sánh với bốn mùa, cái nghĩa âm dương sánh với mặt trời mặt trăng, sự giản dị khéo léo sánh với đức siêu việt.) (Dịch kinh tân khảo, hệ từ thượng, tr.3602)

- Phù đại nhân giả, dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung. Tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời, thiên thả phất vi nhi huống ư nhân hồ, huống ư quỷ thần hồ! 夫 大 人 者, 與 天 地 合 其 德, 與 日 月 合 其 明, 與 四 時 合 其 序, 與 鬼 神 合 其 吉 凶. 先 天 而 弗 違, 後 天 而 奉 天 時, 天 且 弗 違 而 況 於 人 乎, 況 於 鬼 神 乎 (Ôi ! người lớn ấy là người hợp đức cùng trời, đất hợp sự sáng soi cùng với mặt trời, mặt trăng, hợp thứ tự với bốn mùa, hợp các hung với quỷ thần. Ở trước trời mà trời không trái, ở sau trời mà vâng theo thời trời. Trời còn không trái, huống chi người, huống chi quỷ thần!) (Dịch kinh tân khảo, II tiết 49, tr.668-669)

[3] Câu 'Tiểu đức xuyên lưu, đại đức đôn hóa» có 3 lối dịch giải: 1/ Tiểu đức, đại đức đó là của Trời. (Đoàn Trung Còn, Couvreur, Legge); 2/ Tiểu đức, đại đức đó là của Khổng Tử. (Phan Bội Châu, Phan Khoang); 3/ Tiểu đức là đức của chư tử, quần hiền; đại đức là đức của Khổng Tử. (Tứ Thư độc bản).

[4] Thánh nhân chi đạo do thiên nhiên. 聖 人 之 道 猶 天 然. (Nhị Trình toàn thư, Túy ngôn, I, tr.4b)

[5] Vấn thánh nhân dữ thiên đạo hà dị? Viết vô dị. 問 聖 人 與 天 道 何 異?曰 無 異. (Di thư, 18, tr.20b)

[6] Tôn Chung Nguyên viết: Thiên dữ thần phi nhị kiến. Thánh nhân tức thiên. 孫 鍾 元 曰: 天 與 神 非 二 見. 聖 人 即 天. (Tống Nguyên học án, q.17, tr.13)

[7] Cáo chư sinh dĩ học tất như thánh nhi hậu dĩ. Dĩ vi tri nhân nhi bất tri thiên, cầu vi hiền nhân nhi bất cầu vi thánh nhân, thử Tần Hán dĩ lai học giả chi đại tệ dã. 告 諸 生 以 學 必 如 聖 而 後 已. 以 為 知 人 而 不 知 天, 求 為 賢 人 而 不 求 為 聖 人. 此 秦 漢 以 來 學 者 之 大 敝 也 (Tống Nguyên học án, q.17, tr.2)

Cùng tính mệnh chi nguyên tất dĩ thể thiên vi học vấn chi bản. 窮 性 命 之 原 必 以 體 天 為 學 問 之 本. (Tống Nguyên học án, q.2, tr.10)

[8] Luận Ngữ, Tử Hãn (ch.9), #5 và Dương Hóa (ch.17), #18.

[9] Mạnh Tử, Công Tôn Sửu [thượng-2]; Đằng Văn Công [thượng-1]; Ly Lâu [hạ-28].

[10] Phan Bội Châu, Khổng học đăng, tựa, tr.10.

[11] Khải Huyền III, 21. Đọc thêm thư thứ hai thánh Jean, 1,2.

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 31

THÁNH NHÂN LÀ HIỆN THÂN CỦA THƯỢNG ĐẾ

第 三 十 一 章

唯 天 下 至 聖, 為 能 聰, 明, 睿, 知, 足 以 有 臨 也; 寬, 裕, 溫, 柔, 足 以 有 容 也; 發, 強, 剛, 毅, 足 以 有 執 也; 齊, 莊, 中 正 足 以 有 敬 也; 文, 理, 密, 察, 足 以 有 別 也. 溥 博, 淵 泉, 而 時 出 之. 溥博 如 天, 淵 泉 如 淵; 見 而 民 莫 不 敬; 言 而 民 莫 不 信; 行 而 民 莫 不 說. 是 以 聲 名 洋 溢 乎 中 國, 施 及 蠻 貊. 舟 車 所 至, 人 力 所 通, 天 之 所 覆, 地 之所 載 日 月 所 照, 霜 露 所 隊, 凡 有 血 氣 者, 莫 不 尊 親, 故 曰 配 天.

PHIÊN ÂM

Duy thiên hạ chí thánh, vi năng thông, minh, duệ, trí, túc dĩ hữu lâm dã; khoan, dụ, ôn, nhu, túc dĩ hữu dung dã; phát, cường, cương, nghị, túc dĩ hữu chấp dã; tề, trang, trung chính túc dĩ hữu kính dã; văn, lý, mật, sát, túc dĩ hữu biệt dã. Phổ bác, uyên tuyền, nhi thời xuất chi. Phổ bác như thiên, uyên tuyền như uyên; hiện nhi nhân mạc bất kính; ngôn nhi dân mạc bất tín; hành nhi nhân mạc bất duyệt. Thị dĩ thanh danh dương dật hồ Trung quốc, thi cập Man Mạch. Chu xa sở chí, nhân lực sở thông, thiên chi sở phú, địa chi sở tải, nhật nguyệt sở chiếu, sương lộ sở trụy, phàm hữu huyết khí giả, mạc bất tôn thân, cố viết phối Thiên.

CHÚ THÍCH

- Duệ 睿 = thông minh, sâu sắc. - Dụ 裕 = rộng rãi, giàu có, khoan thai. - Cường 強 = mạnh. – Cương 剛 = cứng. - Chấp 執 = cầm giữ. - Trang 莊= trang nghiêm. - Phổ 溥 = khắp. - Bác 博 = rộng. - Uyên 淵 = sâu. - Uyên tuyền 淵 泉 = sâu như suối sâu. - Duyệt 說 = thích. - Dương 洋 = mênh mang. - Man 蠻 = mọi rợ phía Nam. – Chu 舟 = thuyền. - Tải 載 = chở. - Phối thiên 配 天 = kết hợp với trời. - Dật 溢= dầy. - Mạch 貊 = mọi rợ phía Bắc. - Phú 覆 = che. - Trụy 墜= rơi.

DỊCH CHƯƠNG 31

Thiên nhân nhất quán

Chỉ có đấng chí thánh trong trần thế,

Mới có đầy đủ thông minh trí tuệ.

Y như thể có trời ẩn áo giáng lâm,

Mới khoan dung, hòa nhã, ôn thuần.

Y như có dung nhan Trời phất phưởng,

Phấn phát, tự cường, kiên cương, hùng dũng.

Y như là đã cầm giữ được sức thiêng;

Trang trọng, khiết tinh, trung chính, triền miên,

Y như thừa hưởng được đôi phần kính cẩn.

Nói năng văn vẻ rõ ràng, tường tận,

Y như là chia được phần thông suốt tinh vi.[1]

Mênh mang sâu thẳm, ứng hiện phải thì,

Mênh mang như khung trời bao la vô hạn,

Sâu thẳm như vực muôn trùng thăm thẳm.

Thấy bóng ngài, dân một dạ kính tôn,

Nghe lời ngài, dân tin tưởng trọn niềm,

Ngài hành động: muôn dân đều hoan lạc.[2]

Nên thanh danh ngài vang lừng Trung Quốc,

Vượt biên cương lan tới các nước ngoài.

Đâu xe có thể đi, người có thể tới lui,

Đâu có được trời che và đất chở.

Đâu còn nhật nguyệt hai vầng tỏ mở,

Đâu có móc đọng đâu có sương rơi.

Đâu còn có dòng máu nóng con người,

Ở nơi đó ngài vẫn được tôn sùng quí báu.

Thế nên gọi là «cùng trời phối ngẫu».[3]

BÌNH LUẬN

Chương này luận về thánh nhân phối thiên. Vì phối thiên nên đầy đủ thông minh, trí tuệ, ôn hòa, nhu thuận, phấn phát, tự cường, nghiêm trang, cung kính, lý sự khúc chiết, y như đã thông phần bản tính Trời, và là hiện thân của Trời.

Cũng vì thế mà thánh nhân được trọng vọng tin theo. Thanh danh ngài sẽ truyền ra khắp các nước và sẽ bền vững với núi sông.

Đoạn đầu chương này xưa nay thường được dịch đại khái như sau: «Trong thiên hạ chỉ có bậc chí thánh mới [có đủ năm đức hạnh này]: (1) [về trí thức thì] tai thông mắt tỏ, độ suốt, hiểu làu, như vậy đủ mà cai trị trăm họ; (2) [về bụng dạ thì] rộng rãi, dũ hòa, ôn nhã, nhu thuận, như vậy đủ mà bao dung chúng dân; (3) [về tính tình thì] phấn phát tự cường, cang dũng, quyết nghị, như vậy đủ mà giữ gìn phận sự; (4) [về nết hạnh thì] trai giới, nghiêm trang, trung thành, chính trực, như vậy đủ mà giữ niềm cung kính trong mọi việc; (5) [về ngôn ngữ thì] có văn, có lý, cặn kẽ, minh bạch, như vậy đủ mà phân biệt sự lý.» [4]

Dịch như vậy thiết tưởng không lột được ý thánh nhân phối thiên của chương sách.

Vì thế tôi mới dịch lại như trên. Lối dịch này làm sáng tỏ đường lối Nho giáo nói riêng và chủ trương của thánh hiền Âu Á cổ kim nói chung, cho rằng thánh nhân hợp nhất với Trời.

Chủ trương thánh nhân phối thiên, thánh nhân là hiện thân của Thượng Đế đã được thấy trong Kinh Thi, Kinh Thư, Tứ Thư, cũng như ở các hiền triết Nho giáo.

Kinh Thi viết:

«Việc Trời chẳng tiếng chẳng tăm,

Nên dùng dạng thức vua Văn hiển hình.

Cho muôn dân thấy mà tin...» [5]

Lại viết:

«Thuở nhà Ân còn thời thịnh trị,

Đã từng cùng Thượng Đế tất giao.» [6]

Trung Dung cũng nhiều lần đề cập tới sự phối hợp của Thượng Đế.[7] Đại Học (ch.10) cũng nhắc đến sự phối thiên bằng cách đan cử câu Kinh Thư: «Ân chi vị táng sư, khắc phối Thượng Đế.» Đối với Trung Dung ta thấy đó là đề tài chính yếu.[8]

Liêm Khê viết: «Hiểu đến nguồn gốc của tính mệnh, ắt sẽ lấy sự hợp nhất với Trời làm căn bản cho sự học vấn.» [9]

Thượng Thái (1050-?) nói: «Người học đạo phải nên cùng lý. Muôn vật đều có lý. Cùng lý hẳn biết được sở vi của Trời. Biết được sở vi của Trời hẳn cùng Trời làm một.» [10]

Hoành Cừ viết: «Nho gia từ minh giác tiến tới toàn thiện, lại từ toàn thiện tiến tới minh giác hoàn toàn. Cho nên Trời người hợp nhất, học đến cùng tột để nên thánh nhân.» [11]

Nhìn sang đạo Lão, ta thấy Đạo Đức Kinh (ch.68) viết: «Sống kết hợp với Trời là lý tưởng cao siêu nhất của người xưa.»

Trương Kỳ Quân, một học giả Trung Hoa lỗi lạc hiện nay, đã viết trong tạp chí Trung Quốc nhất chu và trong bộ Trung Hoa ngũ thiên niên sử của ông như sau: «Trung Hoa từ thời Đường, Ngu (Nghiêu, Thuấn) đến nay đều có chủ trường Trời người kết hợp. Kính Trời cốt để yêu người, yêu người cốt để kính Trời.» [12]

Tư tưởng 'thánh nhân là hiện thân của Thượng Đế' thực ra là tư tưởng chung của hoàn vũ. Bergson viết: »… Bây giờ thì Thượng Đế hoạt động bởi tâm hồn; sự phối hợp đã hoàn toàn, và vì thế vĩnh cửu.» [13]

Abu Yazid, một vị thánh Hồi giáo, viết: «Một hôm Thượng Đế đem tôi lên đặt trước mặt ngài và phán: 'Hỡi Abu Yazid, tạo vật ta muốn thấy con.' Tôi liền thưa: 'Xin Chúa trang điểm con bằng sự duy nhất Chúa, xin hãy mặc cho con cá tính Chúa, để hễ thấy con, tạo vật sẽ nói: Ta đã thấy Chúa. Và đó là Chúa chẳng còn có con nữa.'» [14]

Al Hallag, một vị đại thánh Hồi giáo khác, cũng viết: «Ta là đấng ta yêu. Đấng ta yêu là ta. Chúng ta là hai thần trong một xác. Nếu bạn thấy ta, bạn sẽ thấy ngài. Nếu bạn thấy ngài, bạn sẽ thấy ta.» [15]

Tạm dịch ra thơ:

«Ta cùng với đấng ta yêu,

Hai đàng là một, khôn chiều qua phân.

Một thân mà có hai thần,

Thấy ta, thấy Chúa, cũng ngần ấy thôi.»

Những lời lẽ này làm ta liên tưởng đến lời Chúa Cơ Đốc phán trong Phúc âm thánh Jean: »Ai đã thấy ta tức là thấy Cha. Sao ngươi lại nói rằng: 'Xin chỉ Cha cho chúng tôi?' Ngươi há không tin rằng ta ở trong Cha

và Cha ở trong ta hay sao?» [16]

Chương 31 này của Trung Dung còn có một điểm lạ lùng là có những âm hưởng tương tự như thánh kinh Cựu Ước của Công giáo. Để minh chứng, xin viện dẫn một đoạn trong Thánh Vịnh David, là một đoạn minh triết.

Trung Dung cho rằng danh tiếng của thánh nhân sẽ lâu bền với tinh cầu, nhật nguyệt, thì Thánh Vịnh David cũng viết:

«Danh người sẽ muôn đời sáng tỏ,

Cùng vầng dương muôn thuở lưu lai.

Muôn dân diễm phúc nhờ Người,

Phúc Người truyền tụng muôn đời dài lâu.» [17]

Minh Triết viết:

«Nhờ minh triết, tiếng ta vang dậy,

Trẻ như ta già thảy kính tôn.

Ngồi tòa thiên hạ khen khôn,

Gặp ta vương tướng cũng còn ngạc nhiên.

Ta nín lặng người thêm mong đợi,

Ta nói năng người vội lắng nghe.

Lời ta nhả ngọc phun huê,

Làm cho thiên hạ say mê nghe hoài.

Nhờ minh triết muôn đời trường thọ,

Ta lưu danh vạn cổ hậu lai.

Muôn dân ta quản ta coi,

Muôn dân muôn nước trong ngoài phục ta.» [18]

CHÚ THÍCH

[1] - Tout ce qui se cache et tout ce qui se voit, je l'ai appris;

car la sagesse, ouvrière de toutes choses, me l'a enseigné.

En elle, en effet, il y a un esprit intelligent, saint,

unique, multiple, subtil,

Se mouvant aisément, pénétrant, incapable de souillure, limpide, impassible, aimant le bien, allègre, incoercible, bienfaisant,

bon pour les hommes, ferme, assuré, sans inquiétudes,

tout-puissant, surveillant tout,

animant tous les esprits,

les intelligents, les purs et les plus subtils.

(Livre de la sagesse, 7 21-23)

- Liêm Khê tiên sinh viết: Thánh hi thiên, hiền hi thánh, sĩ hi hiền. 廉 溪 先 生 曰: 聖 希天, 賢 希 聖, 士 希 賢 (Thánh mong nên giống trời, hiền mong nên thánh, sĩ mong thành hiền). (Cận tư lục II, tr.1)

[2] - Les sages tiennent leur savoir en réserve. (Livre des Proverbes 10, 14)

- Par elle, (me disais-je) je serai considéré dans assembleés

et malgré ma jeunesse, jeunesse, j'aurai l'estime des anciens

on reconnaîtra ma pénétration dans les jugements,

et devant moi les grands seront dans l'admiration.

Si je me tais, ils attendront que je (prenne la parole);

si je parle, ils seront attentifs,

et si je prolonge mon discours,

ils mettront la main sur leur bouche.(Livre de la Sagesse 8 10-12)

[3] Tiên vương duy thời, mậu kính quyết đức, khắc phối thượng đế. Kim vương tự hữu lệnh tự, thượng giám tư tai. 先 王 惟 時, 懋 敬 厥 德, 克 配 上 帝. 今 王 嗣 有 令 緒, 尚 監 茲 哉 (Kinh Thư, Thái Giáp hạ)

= vua trước đã luôn tu nhân tích đức để phối hợp cùng thượng đế. Nay ngài nối nghiệp tưởng nên soi gương đó. (Lời Y-Doãn khuyên vua Thái Giáp).

- Son nom sera béni à jamais;

tant que brillera le soleil, son nom sera redit.

Toutes les tribus de la terre auront en lui bénédiction;

toutes les nations proclameront sa félicité. (Psaume 72, 17)

- Par elle (la sagesse) j'obtiendrai l'immortalité

et je laisserai à la postérité un souvenir éternel,

je gouvernerai des peuples et les nations (étrangères) me seront soumises. (Livre de la Sagesse 7, 9, 14)

[4] Đoàn Trung Còn dịch, Trung Dung, tr.21.

[5] Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, nghi hình Văn Vương, vạn bang tác phù. 上 天 之 載, 無 聲 無 臭, 儀 形 文 王, 萬 邦 作 孚. (Đại nhã tam, Văn Vương chi thập tam chi nhất)

[6] Ân chi vị táng sư, khắc phối Thượng Đế. 殷 之 未 喪 師 克 配 上 帝. (Kinh Thư, Thái Giáp hạ, 3)

[7] - Khắc phối thượng đế. 克 配 上 帝 (Kinh Thư, Thái Giáp hạ, 3)

- Kỳ tự thời phối Hoàng Thiên. 其 自 時 配 皇 天 (Kinh Thư, Thiệu cáo, 14)

- Cố Ân lễ trắc phối thiên. 故 殷 禮 陟 配 天 (Kinh Thư, Quân thích, 8)

[8] - Cố viết phối thiên. 故 曰 配 天 (ch.31)

- Thánh nhân chi đạo... tuấn cực vu thiên. 聖 人 之 道... 峻 極 于 天 (ch.27) - Trung Dung, ch.26; 30; v.v.

[9] Cùng tính mệnh chi nguyên tất dĩ thể thiên vi học vấn chi bản. 窮 性 命 之 原 必 以 體 天 為 學 問 之 本 (Tống Nguyên học án, q.2, tr.10)

[10] Bửu Cầm, Tống Nho, tr.99.

[11] Nho gia tắc nhân minh trí thành, nhân thành trí minh. Cố Thiên nhân hợp nhất trí học nhi khả dĩ thành thánh. 儒 家 則 因 明 致 誠, 因 誠 致 明. 故 天 人 合 一 致 學 而 可 以 成 聖

(Tống Nguyên học án, q.17, tr.55)

- Tôn Chung Nguyên viết: Thiên dữ thần phi nhị kiến. Thánh nhân tức thiên. 孫 鍾 元 曰: 天 與 神 非 二 見. 聖 人 即 天. (Tống Nguyên học án, q.17, tr.13)

[12] Trung Quốc tự Đường Ngu dĩ lai, tức hữu Thiên nhân hợp nhất chi tư tưởng. Kính thiên tức sở dĩ ái nhân, ái dân tức sở dĩ tôn thiên. Lịch đại thánh triết mạc bất kế tục hoành dương thử thiên nhân hợp nhất chi đạo. 中 國 自 唐 虞 以 來, 即 有 天 人 合 一 之 思 想. 敬 天 即 所 以 愛 人, 愛 民 即 所 以 宗 天. 歷 代 聖 哲 莫 不 繼 續 宏 揚 此 天 人 合 一 之 道.- Trung Quốc nhất chu, kỳ 623, tr.21.- Trung Hoa ngũ thiên niên sử, q.3, chương Lão Tử.

[13] «… Maintenant c'est Dieu qui agit par elle (l'âme), en elle: l'union est totale et par conséquent définitive.» (Les deux sources de la morale et de la religion, Paris, 1932, p.247-248)

- (Louis Oechslin, L'intuition mystique de Sainte Thérèse, p.167)

[14] Abu Yazid dit: «Il m'éleva un jour et me plaça devant Lui... et dit: 'O Abu Yazid ! Mes créatures veulent te voir.' Je dit alors: 'Orne-moi de Ton unicité, habille-moi de Ton individualité, élève-moi à Ton unité, afin que me voyant, tes créatures disent: 'Nous t'avons vu. Et ce sera Toi et moi je n'y serai pas.'» (Marijan Molé, Les mystiques musulmans, p.56)

[15] Je suis celui que j'aime, et celui que j'aime est moi.

Nous sommes deux esprits infus en un seul corps.

Si tu me vois, tu le vois; et si tu le vois, tu me vois.

(Le divin d'Al-Hallag, éd. Massignon, M 57)

(Marijan Molé, Les mystiques musulmans, p.70)

[16] Jean, 14, 9, 10. Kinh Thánh, nhà in hội thánh Tin Lành Đông Pháp, Hà Nội, tr.128.

Bible de Jérusalem, tr.1420, dịch như sau:

Qui m'a vu, a vu le Père,

Comment peux-tu dire: Montre-nous le Père?

Ne crois-tu pas

que je suis dans le Père et que le Père est en moi?

[17] Thánh Vịnh David 72, 17.

[18] Minh Triết, 8, 10-14.

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 32

THÁNH NHÂN LÀ BẬC ĐẠI TRÍ VÀ HOÀN HẢO

第三十二章

唯天下至誠, 為能經綸天下之大經, 立天下之大本, 知天地之化育, 夫焉有所倚? 肫肫其仁; 淵淵其淵; 浩浩其天. 苟不固聰明聖知, 達天德者, 其孰能知之?

PHIÊN ÂM

Duy thiên hạ chí thành, vi năng kinh luân thiên hạ chi đại kinh, lập thiên hạ chi đại bản, tri thiên địa chi hóa dục, phù yên hữu sở ỷ ? Chuân chuân kỳ nhân; uyên uyên kỳ uyên; hạo hạo kỳ thiên. Cẩu bất cố thông minh thánh trí, đạt thiên đức giả, kỳ thục năng tri chi ?

CHÚ THÍCH

- Kinh luân 經 綸 = sửa sang. - Kinh 經 = luật lệ. - Kinh 經 = gỡ tơ. - Luân 綸 = xắp tơ. - Ỷ 倚 = dựa.

- Chuân chuân 肫 肫 = khẩn thiết. - Uyên uyên 淵 淵 = sâu xa. - Hạo hạo 浩 浩 = man mác.

DỊCH CHƯƠNG 32

Thánh nhân là bậc đại trí và hoàn hảo

Chỉ những đấng chí thánh trong thiên hạ,
Mới có thể vì đời sang sửa đại kinh.
Mới có thể xây căn bản cho xã hội quần sinh,
Mới thấu rõ luật đất trời sinh hóa.
Những bậc ấy hết cần nương tựa,
Đức nhân ngài tuyệt thế.
Trí tuệ ngài thâm uyên.
Tâm hồn ngài mang nhiên.
Nên trừ phi bậc thông minh thánh trí,
Trừ những ai đạt mức trời tuyệt mỹ,
Ai là người hiểu nổi được khúc nhôi.[1]

BÌNH LUẬN

1. Duy thiên hạ chí thành ... tri thiên địa chi hóa dục.

Các nhà bình dịch Trung Dung giải đại kinh là:

- Ngũ luân.[2]

- Những đường lối chính trị.[3]

và giải đại bản là ngũ thường,[4] hoặc là gốc lớn của thiên hạ.

Thiết tưởng còn có thể cắt nghĩa đoạn này như sau: Thánh nhân là những người đã có thể:

- Tháo gỡ và tìm ra những đường lối chính yếu của nhân loại.

- Tìm ra được căn bản của nhân loại.

- Hiểu được mục đích biến thiên, hóa dục của trời đất.

Thánh nhân đã tìm ra được căn bản của nhân loại và minh định căn bản căn nguyên ấy chính là Trời.

Đồng thời các ngài cũng nhận định rằng tất cả mọi cuộc biến thiên, tiến hóa trong trời đất là cốt giúp con người cải thiện mình, giúp con người đạt được mục đích cao siêu ấy.

Như vậy đường lối chính yếu của con người là phải biết tận dụng hoàn cảnh xã hội và tha nhân, thời gian và không gian, và phải hiểu biết về mình cho tận tường để có thể tiến hóa, để có thể phục hồi bản nguyên, hay quy nguyên phục mệnh theo từ ngữ của Đạo Đức Kinh.

Đường lối nhân loại tưởng chừng hết sức đa đoan, phức tạp, nhưng kỳ thực chỉ có hai chiều hướng chính yếu:

a/ Hướng ngoại để mưu sinh. Chiều hướng ngoại tức là chiều vãng, tức là chiều đi ra ngoại cảnh, đi vào xã hội. Á Đông xưa gọi là nhập thế.

b/ Hướng nội để mưu đạo. Chiều hướng nội tức là chiều lai, chiều đi vào tâm linh, để cầu đạo, đắc đạo, phối thiên.

Trung Dung đã xác định hai chiều hướng ấy nơi chương 25: «Tính chi đức dã, hợp nội ngoại chi đạo dã.» Hai chiều hướng ấy cũng đã ghi trong tượng hình Thái Cực:[5]

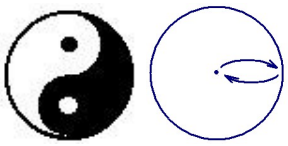

—> : chiều hướng ngoại (VÃNG)
<— : chiều hướng nội (LAI)
Tâm điểm là Thái Cực, Trời.
Vòng tròn là ngoại cảnh, xã hội.

Xác định được rằng căn nguyên và cùng đích con người là một, ấy là Trời, tức là tìm ra định luật tuần hoàn, thủy chung như nhất.

Xác định được hai chiều vãng lai, từ nhất tiến ra vạn, rồi lại từ vạn trở về nhất, là tìm ra được định luật Âm Dương thác tống, vãng lai, phản phúc của Dịch Kinh.[6]

2. Chuân chuân kỳ nhân ... hạo hạo kỳ Thiên.

Thánh nhân là những người siêu việt, có một lý tưởng cao siêu tuyệt đỉnh, sống một cuộc đời hoàn thiện tuyệt vời, sâu xa như vực thẳm, mênh mang như Trời.

Legge dịch câu 'hạo hạo kỳ thiên' là 'Hãy gọi Ngài là Trời, Ngài mênh mang biết bao'.[7]

Thiệu Văn biên giải câu 'hạo hạo kỳ thiên' hết sức đặc biệt. Tạm dịch thành mấy vần thơ như sau:

«Trời người đâu có chia hai,

Con người vì có hình hài mới xa.

Trông, nghe, suy nghĩ, lân la,

Ai ai cũng tưởng tự ta tự mình.

‘ Ta ’, ‘mình’ khi đã phát sinh,

Con người thôi thế đã đành nhỏ nhoi.

Nếu trừ được hết hình hài,

Con người hợp nhất với Trời như xưa.

Hình hài làm thế nào trừ?

Muốn trừ: Bỏ hết riêng tư, ta, mình.

Trừ xong lộng lộng trời xanh,

Tâm ta lồng lộng một vành mênh mang.

Hết còn cách trở quan san,

Trời người hợp nhất muôn vàn khinh phiêu.» [8]

Những lời bình giải như vậy thiết tưởng cũng phù hợp với ý Trình Tử. Trình Tử viết trong Di Thư: «Người và trời đất là một, nhưng con người tự coi mình là ti tiểu, tại sao?» [9]

3. Cẩu bất cố thông minh thánh trí... kỳ thục năng tri chi.

Trung Dung cho rằng thánh nhân là những người:

- Đạt đạo Trung Dung,

- Thông minh thượng trí,

- Đạt tới thiên đức, thiên đạo,

cho nên phi là những bậc thánh nhân, thì không ai hiểu nổi thánh nhân. Điều đó không lạ, vì định luật ‘Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu’.[10] Tam Quốc Chí có câu: «Yến tước an tri hồng hạc chí tai?» 燕 雀 安 知 鴻 鵠 志 哉 (Chim di, chim sẻ làm sao biết được chí của chim hồng, chim hạc?) [11]

Trang Tử cũng viết trong thiên Tiêu tiêu du: «Người trí nhỏ không hiểu được người trí lớn, vật sống ít năm không thể hiểu được những chuyện lâu dài nhiều năm.» [12]

Tại sao? Vì thánh nhân là những người thông minh tuyệt phẩm, nhìn thấy toàn thể, bao quát không gian, thời gian, lịch sử, địa dư; còn những người tiểu trí chỉ trông thấy một vài vấn đề, biết một vài khía cạnh, lại bị giam hãm trong những khung cảnh lịch sử, địa dư eo hẹp, trong những thành kiến hẹp hòi, như vậy làm sao hiểu được thánh nhân?

CHÚ THÍCH

[1] Danh ngôn đối chiếu:

- Thánh nhân ký kiệt mục lực yên, kế chi dĩ qui, củ, chuẩn, thằng dĩ vi viên, phương, bình, trực, bất khả thắng dụng dã. Ký kiệt nhĩ lực yên, kể chi dĩ lục luật chính ngũ âm, bất khả thắng dụng dã. Ký kiệt tâm tư yên, kế chi dĩ bất nhẫn nhân chi chính nhi nhân phú thiên hạ hĩ. 聖 人 既 竭 目 力 焉. 繼 之 以 規, 矩, 準, 繩 以 為 圓, 方, 平, 直, 不 可 勝 用 也. 既 竭 而 力 焉, 繼 之 以 六 律 正 五 音, 不 可 勝 用 也. 既 竭 心 思 焉. 繼 之 以 不 忍 人 之 政 而 仁 覆 天 下 矣. (Mạnh Tử, Ly lâu [thượng-1])

- Car elle connaît et comprend toutes choses,

et elle me conduira avec prudence dans mes activités

et me protégera par sa gloire.

Et mes oeuvres seront acceptables, je gouvernerai ton peuple avec justice,

et je serai digne du trône de mon père.

Quel homme, en effet, peut connaître les desseins de Dieu,

ou bien qui peut considérer ce que veut le Seigneur?

(Livre de la Sagesse 9, 11-13)

- Lorsqu'une barque appareille, son patron connaît d'ordinaire toute la traversée à l'avance; mais s'il s'agit d'une frégate ce n'est qu'au large que le capitaine ouvre enfin son ordre de route. Il en va de même avec le génie: taillé pour la haute mer, c'est là qu'il reçoit ses ordres - mais nous autres nous ne savons guère que des bribes sur les bribes d'entreprises qui nous occupent. (Kierkegaard Carnet VI, A, 93)

[2] Đoàn Trung Còn, Phan Khoang.

[3] Trung Dung độc bản, Trung Dung văn ngôn đối chiếu.

[4] Đoàn Trung Còn.

[5] Les deux aspects de la dualité existentielle humaine, le Biologique et le Spirituel s'unissent dans ce mandala en une synthèse expressive, on dirait qu'ici le pouvoir de s'élever vers l'Absolu détient encore sa force toute entière que rien n'a brisée. (Wilfried Daim, Transvaluation de la psychanalyse, p.200)

[6] Cũng còn gọi là Âm Dương điên đảo.

[7] Call him Heaven, how vast is he. (James Legge, The Doctrine of the Mean, p.430)

[8] cf. James Legge, The Doctrine of the Mean, p.430, notes:

In the 紹聞編 we read: 天人本無二, 人只有此形體, 與天便隔, 視聽, 思慮, 動作皆曰由我, 各我其我, 可知其我小也. 除卻形體, 便渾是天. 形體如何除得? 只克去有我之私, 便是除也. 天這般廣大, 吾心亦這般廣大, 而造化無間於我, 故曰浩浩其天.

Thiên nhân bản vô nhị, nhân chỉ hữu thử hình thể, dữ Thiên tiện cách, thị thính, tư lự, động tác giai viết do ngã, các ngã kỳ ngã, khả tri kỳ ngã tiểu dã. Trừ khước hình thể, tiện hồn thị Thiên. Hình thể như hà trừ đắc? Chỉ khắc khử hữu ngã chi tư, tiện thị trừ dã. Thiên giá ban quảng đại, ngô tâm diệc giá ban quảng đại, nhi tạo hóa vô gián như ngã, cố viết «hạo hạo kỳ Thiên».

[9] Nhân dữ Thiên địa nhất vật, nhi nhân đặc tự tiểu chi, hà da? 人與天地一物而人特自小之何耶? (Di Thư II, tr.3b)

[10] Kinh Dịch, Càn quái, Văn ngôn cửu ngũ.

[11] Lời Tào Tháo trả lời Trần Cung. (Hồi 4, tr.15)

[12] Tiểu trí bất cập đại trí. Tiểu niên bất cập đại niên. 小知不及大知. 小年不及大年. (Tiêu diêu du, đoạn A)

14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

QUYỂN II: TRUNG DUNG BÌNH DỊCH

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

Chương 33

CHÂN ĐẠO TẠI NHÂN TÂM

第三十三章

詩曰衣錦尚絅惡其文之著也. 故君子之道闇然而日章. 小人之道的然而日亡. 君子之道, 淡, 而不厭; 簡而文溫, 而理. 知遠之近, 知風之自, 知微之顯; 可與入德矣. 詩云: 潛雖伏矣, 亦孔之昭. 故君子內省不疚, 無惡于志. 君子之所不可及者其唯人之所不見乎. 詩云: 相在爾室, 尚不愧于屋漏. 故君子不動而敬, 不言而信. 詩曰: 奏假無言, 時靡有爭. 是故君子不賞, 而民勸; 不怒而民威于鈇鉞. 詩曰: 不顯惟德, 百辟其刑之. 是故君子篤恭, 而天下平. 詩云: 予懷明德, 不大聲以色. 子曰: 聲色之于以化民, 末也. 詩云: 德輶如毛, 毛猶有倫. 上天之載, 無聲無臭, 至矣.

右第三十三章

子思, 因前章極致之言, 反求其本, 復自下學為己謹獨之事, 推而言之. 以馴致乎篤恭而天下平之盛. 又贊其妙, 至于無聲無臭, 而後已焉. 蓋舉一篇之要而約言之. 其反復丁寧示人之意, 至深切矣. 學者其可不盡心乎 ?

PHIÊN ÂM

Thi viết: «Ý cẩm thượng quýnh» ố kỳ văn chi trứ dã. Cố quân tử chi đạo, ám nhiên nhi nhật chương. Tiểu nhân chi đạo, chước nhiên nhi nhật vong. Quân tử chi đạo, đạm, nhi bất yểm; giản, nhi văn ôn, nhi lý. Tri viễn chi cận, tri phong chi tự, tri vi chi hiển; khả dữ nhập đức hĩ. Thi vân: «Tiềm tuy phục hĩ, diệc khổng chi chiêu», Cố quân tử nội tỉnh bất cứu, vô ố ư chí. Quân tử chi sở bất khả cập giả kỳ duy nhân chi sở bất kiến hồ. Thi vân: «Tướng tại nhĩ thất, thượng bất quí vu ốc lậu». Cố quân tử bất động nhi kính, bất ngôn, nhi tín. Thi viết: «Tấu cách vô ngôn, thời mỹ hữu tranh.» Thị cố quân tử bất thưởng, nhi dân khuyến; bất nộ, nhi dân oai ư phủ việt. Thi viết: «Bất hiển duy đức, bá tích kỳ hình chi.» [1] Thị cố quân tử đốc cung, nhi thiên hạ bình. Thi vân: «Dư hoài minh đức, bất đại thanh dĩ sắc.» Tử viết: «Thanh sắc chi ư dĩ hóa dân, mạt dã.» Thi vân: «Đức thù như mao: Mao do hữu luân. Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, chí hĩ.» [2]

Hữu đệ tam thập tam chương.

Tử tư, nhân tiền chương cực trí chi ngôn, phản cầu kỳ bổn, phục tự hạ phục vị kỷ cẩn độc chi sự, suy nhi ngôn chi, dĩ tuần trí hồ đốc cung nhi thiên hạ bình chi thịnh. Hựu tán kỳ diệu, chí ư vô thanh vô xú, nhi hậu dĩ yên. Cái cử nhất thiên chi yếu nhi ước ngôn chi. Kỳ phản phúc đinh ninh thị nhân chi ý, chí thâm thiết hĩ. Học giả kỳ bất tận tâm hồ ?

CHÚ THÍCH

Thi 詩 = Mao thi tiểu nhã chính nguyệt thiên 毛 詩 小 雅 正 月 篇 .

- Khổng 孔 = rất. - Chiêu 昭 = sáng tỏ (briller). - Cứu 疚 = buồn, lỗi.

- Thi 詩 = Mao thi Thương tụng Liệt tổ thiên 毛 詩 商 頌 烈 祖 篇 .

- Tấu 奏 = tiến lên. - Cách 假 = giáng lâm.[3] - Mỹ 靡 = không. - Khuyến 勸= phấn khởi.

- Phủ việt 鈇 鉞 = rìu búa.[4] - Hiển 顯 = tỏ ra. - Bá tích 百 辟 = chư hầu. - Hình 刑 = bắt chước.

- Dư 予 = ta. - Hoài 懷= nhớ. - Minh đức 明 德 = nhân đức hoàn hảo. - Dĩ 以= dữ = và.

- Thù 輶= nhẹ. – Luân 倫 = so sánh. - Xú 臭 = khí vị. - Chí hĩ 至 矣 = tuyệt vời.

DỊCH CHƯƠNG 33

Đạo trời ẩn áo đáy lòng

Thơ rằng: «Gấm mặc trong, ngoài phủ áo sa,
Là vì ngại gấm đầy hoa lòe loẹt.

Nên đạo quân tử ám nhiên ẩn ước,[5]
Sau dần dà mới sáng rực mãi lên;
Đạo tiểu nhân mới ngó ngỡ là đèn,
Nhưng càng ngày càng tối đen tối sẩm.
Đạo quân tử đạm thanh không ngán ngẫm,
Đơn sơ nhưng chứa chan vẽ đẹp tươi,
Thuần phác nhưng lý sự chẳng kém ai.
Biết xa gần, biết nguyên lại, bản mạt,
Biết lẽ vi hiển,[6] vừa rỡ ràng vừa e ấp,
Là có thể bước vào nẻo đức đường nhân.[7]

Thơ rằng: Cá tuy lặn sâu thẳm mấy tầm,
Nhưng bóng dáng vẫn rõ ràng hiển hiện.
Nên quân tử lo xét mình cho chín,
Đừng cho tội khiên làm u ám thâm tâm.
Người quân tử vượt trội quá chúng nhân,
Chính ở chỗ mọi người trông chẳng đặng.[8]

Thơ rằng: chái tây bắc một mình thanh vắng,
Cũng đừng làm chi đáng để hổ ngươi.
Nên quân tử không làm, vẫn thu phục lòng người,
Chẳng nói năng nhưng ai nấy đều tin tưởng.[9]
Thần thánh giáng lâm, không một lời động dạng
Nhưng mọi người tuyệt nhiên hết tranh dành.
Nên quân tử không thưởng, mà dân vẫn đua tranh,
Không giận dữ, mà người sợ hơn oai rìu búa.[10]
Khéo cai trị không cần oai vũ,
Chiến trận tài không cứ căm hờn.

Thắng người đâu tại tranh hơn,

Dùng người khéo chỗ biết tôn trọng người.

Thế là chẳng ganh tài vẫn thắng,

Thế là khiêm mà vẫn trị người.

Thế là kết hợp với Trời,

Thế là diệu pháp của người đời xưa.

Thơ rằng: Văn vương chẳng cần phô trương đức độ,

Nhưng chư hầu đâu đấy vẫn khuôn theo.

Người quân tử nếu dốc một dạ kính yêu,

Đạo đức cả, thiên hạ lẽ tất nhiên thịnh trị.[11]

Thơ rằng: Ta muốn đức rạng ngời sáng tỏ ,

Không cần chi lớn tiếng hay làm bộ ra oai.

Đức Khổng nói:

Dùng miệng lưỡi hay kiểu cách bên ngoài,

Cảm hóa dân lối ấy rất nên thô thiển.

Thơ rằng:

Đức nhẹ như lông, lông còn có bề hơn kém,

Đức trời cao siêu việt chẳng tăm hơi,

Thực là hoàn hảo tuyệt vời.[12]

Tử Tư trên kia vừa nói tới điều chí cực,

Nay quay về nói lại chủ chốt căn nguyên:

Nhắc ta tu thân căn cốt ở kính tin,

Dẫu chiếc bóng cũng không làm điều tà khuất.

Suy rộng ra, nếu ai cũng dốc một lòng chính trực,

Thì thiên hạ lo chi chẳng an bình.

Khen nhân đức khi đạt mức huyền linh,

Sẽ bát ngát vô thanh và vô xú.

Một lời lẽ gồm biết bao tự sự,

Lòng thiết tha khẩn khoản muốn dạy người,

Bao ý tình thắm thiết biết mấy mươi,

Học giả ta lẽ nào không hết lòng hết sức.[13]

BÌNH LUẬN

1. Thi vân: Ý cẩm thượng quýnh... Bất quý vu ốc lậu.

Chương 33 này tổng luận về đạo người quân tử.

Đạo quân tử theo Trung Dung là thứ đạo nội tâm, không có những hình thức thờ phụng, van vái bên ngoài, mà chỉ cốt theo gương toàn thiện của Trời, tu sửa tâm hồn cho nên toàn thiện.

Để phối thiên, người quân tử nên hết sức tránh sự lòe loẹt bên ngoài.[14] Trọng tâm của người quân tử là giữ cho tâm hồn của mình luôn thanh cao trang nhã, lúc nào cũng mường tưởng như có thần minh ở bên cạnh mình.[15]

Lý luận rằng cá ở trong nước sâu mà vẫn còn thấy được bóng dáng thì những điều kín nhiệm trong lòng mình làm sao thoát khỏi mắt thần minh, cho nên người quân tử luôn luôn cẩn trọng dẫu là khi ở một mình. Người quân tử hơn người chính là ở chỗ đó.

Kẻ tiểu nhân thì trái lại, cần có một thứ đạo phô trương lộ liễu để được tiếng khen bên ngoài; tâm hồn có xấu xa mấy cũng không sao, miễn là đậy điệm, giấu giếm được.

Quân tử theo nội đạo (ésotérisme), tiểu nhân theo ngoại đạo (exotérisme), khác nhau ở chỗ đó.[16]

2. Cố quân tử bất động nhi kính... đốc cung nhi thiên hạ bình.

Người quân tử nếu giữ cho tâm chính ý thành thì chẳng bao lâu nhân đức sẽ hiển lộ ra bên ngoài, ảnh hưởng đến quần chúng xa gần, và cảm hóa được chúng dân. Đó là định luật của trời đất.

Người quân tử cũng không cần phải vất vả bon chen, lao tác mới cảm hóa được chúng dân, mà có thể cảm hóa mọi người bằng ảnh hưởng tâm thần, đức độ lời lẽ và đời sống mình.

Đạo Đức Kinh viết:

«Thánh nhân chẳng đi mà vẫn đến,
Chẳng phô trương mà vẫn tiếng tăm.
Chẳng làm mà vẫn thành công.» [17]

Dịch Kinh cũng viết:

«Dạy rằng quân tử trên đời,
Ngồi nhà nói phải muôn người vẫn theo.
Dặm nghìn còn phải hướng chiều,
Thời trong gang tấc đâu điều lần khân.» [18]

Người xưa cho rằng đức Khổng viết kinh Xuân Thu thì: «Một chữ khen vinh hơn áo cổn hoa, một chữ chê nhục hơn hình rìu búa.» [19] Thế tức là thánh nhân tu kỷ mà đem được an bình cho thiên hạ vậy.[20]

3. Thi vân: Dư hoài minh đức... vô thanh vô xú chí hĩ.

Trung Dung cho rằng đạo nội tâm chính là đạo của thánh hiền muôn thuở, là đạo của Văn Vương, và viện dẫn lời Kinh Thi (thiên Hoàng hĩ) để chứng minh điều đó. Để thấu triệt vấn đề, xin tạm dịch đoạn Kinh Thi ấy như sau:

«Thượng Đế gọi Văn Vương phán bảo,
Ta ưa người hoài bão đức nhân.
Chẳng cần khoe tiếng khoe tăm,
Chẳng cần thanh sắc lố lăng bên ngoài.
Không hay, không biết, thảnh thơi,

Ung dung theo đúng luật Trời ở ăn.» [21]

Phúc Âm Công giáo cũng đã rao truyền đạo nội tâm đó. Trong Matthieu (đoạn 6, 1-6), Chúa Jésus dạy chớ nên phô trương đức độ, vì làm thế sẽ mất phần thưởng Thiên Chúa. Cho nên làm phúc hay cầu nguyện cũng phải làm cho âm thầm kín đáo, đừng để cho ai hay, ai biết, chỉ cần một mình Chúa Trời biết mà thôi.

Trong Phúc Âm Jean (4, 23-24) ngài lại dạy: «Chúa là Thần và những kẻ thờ người phải thờ bằng tâm thần và chân lý. Vì Thiên Chúa chỉ ưa những người thờ phụng ngài bằng tâm thần và chân lý.» Trái lại những kẻ phụng thờ ngài bằng môi miệng, hình thức bên ngoài, thì bị công kích kịch liệt bằng những lời lẽ sau:

«Dân này môi miệng thờ ta,

Nhưng mà lòng nó cách xa ngàn trùng.

Phụng thờ hình hạc luống công,

Những lời giảng giáo thuần dòng nhân vi.» [22]

Phật cũng dạy trong kinh Kim Cương: «Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai.» (Ai lấy sắc tướng mà xem ta, lấy âm thanh mà tìm ta, ấy là kẻ theo tà đạo, không thể thấy Như Lai được.) [23]

Đức Khổng thì nói: «Lấy thanh sắc mà cảm hóa dân ấy là đường lối thấp kém nhất.»

Tư tưởng của ba ngài quả thật giống nhau vậy.

Tổng luận về Trung Dung cụ Phan Bội Châu viết: «Thế thời tuyền bộ sách, mở đầu ra chữ Thiên, thắt đuôi lại cũng chữ Thiên,biết được thâm ý của người làm sách, chỉ cốt nói rõ Thiên chi đạo, tức là đạo của Trời. Nhưng mà đạo của Trời đó há phải để mắt vào chỗ xanh cao ngất, mà bảo là Trời hay sao? Đạo của Trời cũng chỉ ở nơi lòng người ta mà thôi. Lòng người ta tức là nhân chi đạo, mà nhân chi đạo tức là Thiên chi đạo. Nên bản sách này có hai câu rằng: 'Thành giả thiên chi đạo dã, thành chi giả, nhân chi đạo dã.' Nói cho đúng, nhân chi đạo và Thiên chi đạo chỉ khác nhau bằng hai cái danh từ, mà ý nghĩa tinh thần thì tóm vào trong một chữ thành.[24]

James Legge bình rằng: «Chương cuối và chương đầu tương ứng với nhau. Chương nào cũng có thể coi là toát lược cả toàn bộ Trung Dung.»

CHÚ THÍCH

[1] Mao Thi, Chu tụng Liệt văn thiên. 毛 詩 周 頌 列 文 篇.

[2] Thi 詩 = Mao Thi Đại nhã 毛 詩 大 雅: 1/ Hoàng hĩ thiên 皇 矣 篇; 2/ Chưng dân thiên 烝 民 篇; 3/ Văn Vương thiên 文 王 篇.

[3] Thần giáng lâm đích thời hậu, tuy nhiên một hữu âm thanh ngôn ngữ, đãn thị nhân đô thụ tha cảm hóa. 神 降 臨 的 時 候, 雖 然 沒 有 音 聲 言 敔, 但 是 人 都 受 他 感 化.

[4] Nhất tự chi bao vinh ư hoa cổn; nhất tự chi biếm nhục ư phủ việt. 一 字 之 褒 榮 於 華 衮; 一 字 之 貶 辱 於 鈇 鉞 (Một chữ khen vinh hơn áo cổn hoa, một chữ chê nhục hơn hình rìu búa). (Trần Trọng Kim, Nho giáo, I, tr.198)

[5] Le sentier des justes est comme la brillante lumière du matin,

dont l'éclat va croissant jusqu'au plein jour. (Proverbes 4, 18)

[6] Oui c'est un Dieu caché que le Dieu qu'il faut croire.

Mais tout caché qu'il est, pour réveler sa gloire

Quels témoins éclatants devant moi assemblés.

(Louis Racine, Poème de la religion, chant I)

- Le plus grand explorateur sur cette terre, ne fait pas d'aussi longs voyages que celui qui descend au fond de son cœur et se penche sur les abîmes où la face de Dieu se mire parmi les étoiles. (Julien Green)

- Peut-être le mystère est-il un peu trop clair, dit Dupin. (Edgar Poe, Oeuvres complètes. Histoires extraordinaires et Nouvelles Histoires extraordinaires. La lettre volée. Trad. de Baudelaire)

[7] Cố kiến ngôn hữu chi: minh đạo nhược muội, tiến đạo nhược thoái, di đạo nhược loại. Thượng đức nhược cốc, đại bạch nhược nhục, quảng đức nhược bất túc. Kiến đức nhược thu, chất chân nhược du. Đại phương vô ngung, đại khí vãn thành, đại âm hi thanh, đại tượng vô hình, đạo ẩn vô danh, phù duy đạo, thiện thải thả thành. 故 建 言 有 之. 明 道 若 昧, 進 道 若 退, 夷 道 若 類. 上 德 若 谷, 大 白 若 辱, 廣 德 若 不 足, 建 德 若 偷, 質 真 若 渝, 大 方 無 隅, 大 器 晚 成, 大 音 希 聲, 大 像 無 形, 道 隱 無 名, 夫 唯 道, 善 貸 且 成.

Xưa nay đã có lời truyền tụng,

Người biết đạo như vụng, như dần.

Tiến lên mà ngỡ lui chân,

Tới bên đạo cả mà thân tưởng hèn.

Đức siêu việt thấp in thung lũng,

Đức cao dầytưởng những vô tài.

Thực chất vẽ ngoài ngỡ kém,

Hình vuông to, góc biến còn đâu.

Những đồ quí báu làm lâu,

Tiếng to nhường sấm mà hầu vô thanh.

Tưởng to mới vô hình vô ảnh,

Trời mênh mang yên tĩnh như không.

Đạo trời tản mạn vô cùng,

Không làm mà vẫn thành công mới là.

- Mao Thi, Vệ phong Thạc nhân thiên 衛 風 碩 人 篇 và Trịnh phong phong thiên 鄭 風 丰 篇 viết: Y cẩm quýnh y 衣 錦 褧 衣.

[8] Parce que le progrès moral dépend de la condition intérieure de la pureté et du progrès vers la Vérité. (Présence du Bouddhisme, p.245)

- Et moi, je vous dis: quiconque regarde une femme aver convoitise, a déjà, dans son cœur, commis l'adultère avec elle. (Mathieu 5, 28)

- Tử viết: «Nội tỉnh bất cứu phù hà ưu hà cụ.» 子 曰 內 省 不 疚 夫 何 憂 何 懼. (Luận Ngữ, Nhan Uyên [ch.12] #4)

There is no conscience where there is no grace.

There is no conscience where there is no chivalry.

There is no conscience where there is no compassion.

Conscience is a diamond reflecting innumerable colours.

Conscience feeling must be compassionate,

Conscience acting must be chivalrous.

It is breadth of vision that is wanting.

We must see that we produce it.

(condensed from «Conscience», Mira, April, 1960, tr.223)

[9] - Tử viết: Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn, thiện tắc thiên lý ngoại ứng chi, huống kỳ nhĩ giả hồ. 子 曰: 君 子 居 其 室 出 其 言 善 則 天 里 外 應 之 況 其 邇 者 乎. (Dịch Kinh, Hệ từ thượng)

- Phu tử nói: «Người quân tử ở trong nhà nói ra điều lành, thì người ngàn dậm ứng với, huống hồ là kẻ ở gần.»

- Thị dĩ thánh nhân, bất hành nhi chí bất hiện nhi danh bất vi nhi thành. 是 以 聖 人 不 行 而 至 不 現 而 名 不 為 而 成.

Thánh nhân chẳng đi mà vẫn đến,

Chẳng phô trương vẫn tiếng vẫn tăm.

Chẳng làm mà vẫn thành công. (Đạo Đức Kinh, tr.47)

- Thí như nhất năng trừ thiên niên ám, nhất trí năng diệt vạn niên ngu. 譬 如 一 燈 能 除 千 年 暗, 一 智 能 滅 萬 年 愚. (Ví như một ngọn đèn có thể trừ cái tối ngàn năm, một trí có thể trừ cái ngu muôn thủa) (Pháp bảo đàn kinh, tr.132-133)

- Bất ngôn nhi tín, bất nộ nhi uy, vô vi nhi trị. 不 言 而 信 不 怒 而 威 無 為 而 治. (Không nói mà người vẫn tin, không giận mà vẫn oai, không làm vẫn trị nổi người.)

- L'homme dont la conscience est parfaite, influence tous les êtres, meut le ciet et la terre, fléchit les Mânes et les Génies et parcourt les six régions de l'espace sans que rien s'oppose à lui. (Lie-Tseu, Traduction de R. Brémond.)

[10] Thiện vi sĩ giả bất vũ, Thiện chiến giả bất nộ, Thiện thắng giả bất tranh. Thiện dụng nhân giả vi hạ. Thị vị bất tranh chi đức, Thị vị dụng nhân chi lực, Thị vị phối thiên, cổ chi cực. 善 為 士 者, 不 武. 善 戰 者, 不 怒. 善 勝 敵 者, 不 與. 善 用 人 者, 為 之 下. 是 謂 不 爭 之 德, 是 謂 用 人 之 力, 是 謂 配 天, 古 之 極. (Đạo Đức Kinh, ch.68)

[11] The lotus blooms and draws the bees, Bloom thou, my soul ! in God-life and thou wilt bless many. Live in God, and thy vibrations will attract many though thou speak not a word. (TL. Vaswani)

Sen nở tung hoa quyến bướm ong,

Nở ra, hãy nở hỡi hoa lòng.

Sức thiêng Thượng đế dâng rào rạt,

Nhân Loại bao người sẽ cảm thông.

Trong tình Thượng đế sống ung dung

Cho phím đàn lòng tới tấp rung,

Tuy chẳng âm thanh vang khắp chốn,

Muôn người sau trước vẫn so cung.

- So many Gods, so many creeds!

So many ways, that wind and wind

While just the art of being kind.

Is all this sad world needs. (Ella Wheeler Wilcox)

Bao thần phật, bao nhiêu đạo giáo,

Biết bao đường uốn éo quanh co.

Trong khi thế giới tiêu sơ,

Chỉ cần nhân loại hiệp hòa yêu đương.

[12] - Make the plough of truth

Plant the seed of earnestness

Remove the weeds of untruth

Water it with patience,

Always introverting thyself

Fence it with self satisfaction

If such be thy steadfastness.

Self-realization is thy harvest.

(Saint Appar, The divine life, vol. XXII Jan. 1960)

- Within you is hidden god

Within you is immortal soul

Kill this little «I»

Die to live,

Lead the divine life.

Within you (is the) fountain of joy,

Within you (is the) ocean of bless

Rest peacefully in your own Atma,

(and) Drink the nectar of immotality.

(Sri Swami Sivanada)

[13] Serve, love, meditate realize, be good, do good, be kind, be tolerant be virtuous, adapt, adjust, accommodate, practise Ahimsa, Satva Brahmacharya, this is the essence of divine life.

(Sri Swami Sivananda)

- Hymn from the Veda:

Steep and high is your path of pilgrimage, o man: never descending low. I have equipped thee with the divine wisdom and power to live a full and vigorous life.

Come and enter the divine chariot of immortal bless.

Never say you are old, o my traveller,

With advancing age, blessed with the wealth of wisdom, you shall ever remain young and vigorous.

Up and high goes your path, never descending low.

(Atharvaveda)

Tạm dịch:

Đường trời cao vút tầng mây,

Ai ơi đừng có một ngày lui chân.

Đức trời lồng với kinh luân,

Ta đem ta xẻ ta phần cho ai.

Hãy lên rong ruổi xe trời,

Băng miền cực lạc muơn đời trường sinh.

Răng long đầu bạc mặc tình,

Đừng bao gời nói rằng mình già nua.

Thần thông trời đã phú cho,

Bạc đầu lòng vẫn phởn phơ nhẹ nhàng.

Vén mây, vượt núi, băng ngàn,

Đường trời chót vót chớ màng lui chân.

[14] Đức thành phản bản dĩ tận Trung Dung chi đạo. 德 誠 反 本 以 盡 中 庸 之 道. (Trung Dung hoặc vấn, tr.137b)

[15] Quảng Bình Du Thị viết: Vô tàng ư trung, vô giao ư ngoại, bạc nhiên thuần tố, độc dữ thần minh cư. 廣 平 游 氏 曰: 無 藏 於 中, 無 交 於 外, 泊 然 純 素, 獨 與 神 明 居. (Ib., tr.138b)

[16] Dục học giả tiên tri dụng tâm ư nội, bất cầu nhân tri, nhiên hậu khả dĩ cẩn độc, thành thân, nhi tuần trí hồ kỳ cực dã. 欲 學 者 先 知 用 心 於 內, 不 求 人 知, 然 後 可 以 謹 獨, 誠 身, 而 馴 致 乎 極 也. (Ib.,tr.136a)

[17] Thị dĩ thánh nhân, bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành. 是 以 聖 人 不 行 而 知, 不 見 而 名, 不 為 而 成. (ĐĐK, ch.47)

[18] Quân tử cư kỳ thất xuất kỳ ngôn thiện, tắc thiên lý chi ngoại ứng chi, huống kỳ nhĩ giả hồ. 君 子 居 其 室 出 其 言 善 則 天 里 之 外 應 之 況 其 邇 者 乎. (Hệ Từ thượng, ch.8)

[19] Nhất tự chi bao vinh ư hoa cổn; nhất tự chi biếm nhục ư phủ việt. 一 字 之 褒 榮 於 華 衮; 一 字 之 貶 辱 於 鈇 鉞 (Trần Trọng Kim, Nho giáo, I, tr.198)

[20] Thánh nhân tu kỷ dĩ an bách tính, đốc cung nhi thiên hạ bình. 聖 人 修 己 以 安 百 姓, 篤 恭 而 天 下 平

(Trung Dung hoặc vấn, tr.137a)

[21] Đế vị Văn Vương: Dư hoài minh đức bất đại thanh dĩ sắc, bất trường hạ dĩ cách, bất thức bất tri, thuận Đế chi tắc. 帝 謂 文 王: 予 懷 明 德 不 大 聲 以 色, 不 長 夏 以 革, 不 識 不 知, 順 帝 之 則 (Kinh Thi, Đại nhã, Hoàng hĩ thiên, 7)

[22] Marc 7, 6-7.

[23] Kim Cương Kinh, 26.

[24] Phan Bội Châu, Khổng học đăng, I, tr.398.

» Mục lục » Tựa của Chu Hi » Chương: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13
14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

TRUNG DUNG YẾU CHỈ

«Luân lạc mãi tới bến bờ xa lắc»
Trong đêm tăm tối biết dạt về đâu!
Lênh đênh sống trên trùng dương thời khắc,
Chẳng buông neo dừng lại được ngày sao.[1]
Biên khu luân lạc từ bao,
Tìm sao cho thấy đường vào Trung dung! [2]
Đường Trung dung lung linh ẩn khuất.[3]
Nẻo Bồng lai gai dấp lau che.[4]
Bao giờ mới tỉnh giấc mê,[5]
Bao giờ tâm mới hướng về tinh vi.
Bao giờ cái thế nguy mới hết.[6]
Biết bao giờ 'Nhân hiệp với thiên',[7]
Bao giờ thiên mệnh sáng lên,[8]
Trời mây khắp chốn âm êm hiệp hòa.[9]
Ngẫm cho kỹ: Tính là thiên mệnh,[10]
Là tinh hoa[11] là chính đạo trời.[12]
Vầng trăng 'minh đức sáng ngời',[13]
Mà mây 'nhân dục' lấp vùi mất trăng.[14]
Nhưng trăng sáng muôn năm vẫn sáng
Mây dù che chẳng phạm đến trăng.
Chỉn e trần thế tối tăm,
Con đường phiêu lãng muôn phần gian lao.[15]
Trời cao cả lẽ nào không sợ?

Trời chẳng xa, trời ở đáy lòng.[16]

Cho nên nội kính ngoại cung,[17]

Mắt nhìn chẳng thấy, tưởng chừng kề bên.[18]

Trời tuy nhị vô biên vô tận,

Nhưng mà Trời vẫn lẩn trong tâm.[19]

Thật là kỳ ảo khôn cùng,[20]

Không hơi không tiếng vẫn lừng uy danh.[21]

Khuôn phép Trời 'chí thành, chí thiện'.[22]

Tiếng của Trời là tiếng lương tâm.[23]

Mới hay trong chốn cát lầm,

Muôn ngàn đã sẵn, vô ngần ngọc châu.[24]

Mới hay giữa sông sâu núi thẳm,

Vẫn có đường bằng phẳng thênh thênh.

«Đường trời rong ruổi mặc tình,

Không xiên, không vẹo, không vênh không tà.

Đường trời nọ bao la thảng đãng,

Không quanh co, không vặn, không xiên;

Đường trời phẳng lặng êm đềm.

Không hề tráo trở, đảo điên, vậy vò.

Đường trời nọ thẳng vo, thẳng tắp,

Vút một lèo tới cực cao minh.» [25]

Đó là duy nhất duy tinh,[26]

Đó là thái cực tinh, thành xưa nay.[27]

Cuộc phù thế chớ say danh lợi,[28]

Bả lợi danh phất phới hão huyền,

Chớ mê những cái đảo điên,

Mà quên mất cái vững bền ngàn thu.

Sông thế sự hãy ưa chèo ngược,

Chèo ngược dòng lên tuốt căn nguyên.[29]

Căn nguyên là chính thanh thiên,

Vô biên, vô tận, triền miên không cùng.[30]

Bỏ phù phiếm tìm tông tìm tích,[31]

Dương cung thần ngắm đích thâm tâm.[32]

Bắn vào trung điểm tâm thần,

Ấy là thoát cõi hồng trần lầm than.[33]

Như trăng sáng băng ngàn trần thế,

Rẽ Đẩu, Ngưu, đượm vẻ thần tiên.[34]

Ấy là tâm pháp Thánh, Hiền,

Ấy là Trung đạo tương truyền xưa nay.[35]

Máy tạo hóa phơi bày trước mắt,

Lẽ huyền vi đâu bặt tăm hơi.[36]

Mới hay muôn sự tại người,

Một lòng vàng đá, thì trời cũng thua.[37]

Hãy học hỏi cho ra gốc ngọn,[38]

Hãy cố công làm trọn mệnh Trời.[39]

Tâm kia lạc lõng tả tơi,

Thu về chớ để vãi rơi ngoài đàng.[40]

Tính trời ấy khuôn vàng, thước ngọc,[41]

Phải chắt chiu bao bọc ngày đêm.[42]

Tồn tâm dưỡng tính cho nguyên,

Tơ hào nhân dục chớ hoen gương Trời.[43]

Lòng băng tuyết thảnh thơi thảng đãng,[44]

Sống đơn sơ kết bạn vô biên.

Rộng dày cùng đất sánh duyên,

Cao minh kết ngãi thanh thiên muôn nghìn.[45]

Mỗi động tác phải nêu gương mẫu,

Mỗi hành vi nêu dấu nên khuôn,

Lời lời ngọc nhả châu phun,

Lưu cho hậu thế muôn ngàn dài lâu.[46]

Gẫm đạo lý có sau có trước,

Lẽ âm dương có ngược có xuôi.

Xuôi là gió cuốn bụi đời,

Đẩy đưa vào chốn trần ai cát lầm.

Có thử thách mới phân vàng đá,

Có lầm than mới rõ chuyện đời.

Ngược là sấm chớp tơi bời,

Tầng sâu bày giãi căn trời nội tâm.[47]

Trông tỏ đích chí nhân chí chính

Biết mục phiêu sẽ định sẽ an.[48]

Rồi ra suy xét nguồn cơn,

Con đường «phối mệnh» chu toàn tóc tơ.[49]

Vốn hoàn thiện quang hoa mọi lẽ,

Ấy tính Trời muôn vẻ tinh anh.

Quang minh rồi mới tinh thành,

Ay nhờ giáo hóa tập tành mà nên.

Đã hoàn thiện tất nhiên thông tuệ,

Thông tuệ rồi ắt sẽ tinh thành.[50]

Việc gì tính trước cũng linh,

Không toan tính trước âu đành dở dang.

Lời xếp trước hoang mang khôn lẽ,

Việc tính rồi hồ dễ rối ren.

Hành vi đã sẵn chốt then,

Sẽ không vấp vướng, sẽ nên tinh thành.

Đạo làm người có rành duyên cớ,

Sẽ mênh mang muôn thuở muôn đời.[51]

Hoàn toàn là đạo của Trời,

Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay.

Người hoàn thiện cất tay là trúng,

Chẳng cần suy, cũng đúng chẳng sai.

Thung dung Trung Đạo tháng ngày,

Ấy là vị thánh từ ngay lọt lòng.

Còn những kẻ cố công nên thánh,

Gặp điều lành phải mạnh tay co.

Ra công học hỏi thăm dò,

Học cho uyên bác, hỏi cho tận tường.

Đắn đo suy nghĩ kỹ càng,

Biện minh đã thấu, quyết mang thi hành.

Đã định học, chưa thành chưa bỏ,

Đã hỏi han, chưa tỏ chưa thôi.

Đã suy, suy hết khúc nhôi,

Chưa ra manh mối, chưa rời xét suy.

Biện luận mãi, tới khi vỡ lẽ,

Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua.

Đã làm, làm tới tinh hoa,

Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.

Người một chuyến thâu toàn thắng lợi,

Ta tốn công dở dói trăm khoanh;

Người làm mười lượt đã thành,

Ta làm nghìn thứ, ta ganh với người.

Đường lối ấy nếu ai theo được,

Dẫu u mê sau trước sẽ thông.

Dẫu rằng mềm yếu như không,

Sớm chày cũng sẽ ra lòng sắt son.

Đạo quân tử như in lữ thứ,

Muốn đi xa phải tự chỗ gần.

Đạo người như cuộc đăng san,

Muốn lên tới đỉnh, đầu đàng là chân.[52]

Việc Trời thực muôn phần huyền ảo,

Thực sâu xa ẩn áo khôn cùng.[53]

Cho hay đức nhẹ như lông,

Như lông chưa thoát được vòng trọng khinh.[54]

Đức Trời thực uy linh siêu việt,

Không tiếng tăm, trác tuyệt vô cùng.[55]

Cho người cái đạo Trung Dung,[56]

«Thiên nhân nhất quán» thần thông điệu huyền

Khủng cụ[57] rồi phối Thiên,[58] phối mệnh,[59]

Ấy đầu đuôi động tĩnh phù trầm.

Nguyên lai, bản mạt,[60] thiển thâm,

Hiển vi,[61] tụ tán , xa gần,[62] ngược xuôi.

Cái tạm bợ bao ngoài vĩnh cửu,

Áo thô sơ che dịu gấm hoa,[63]

Rồi ra vàng ngọc sáng lòa,

Trời người định vị «Trung, Hòa» [64] vô biên.

---

[1] Ainsi toujours poussés vers de nouveaux rivades,

Dans la nuit éternelle emportés sans retour,

Ne pourrions-nous jamais sur l'océan des âges,

Jeter l'ancre d'un seul jour. (Lamartine, La lac)

[2] Thi vân: bang kỳ thiên lý, duy dân sở chỉ. 詩 云: 邦 畿 千 里 惟 民 所 止. (Đại học)

[3] Tử viết: Trung Dung kỳ chí hĩ hồ. Dân tiển năng cửu hĩ. 子 曰: 中 庸 其 至 矣 乎. 民 鮮 能 久 矣. (Trung Dung, ch.2)

[4] Mạnh Tử vị Cáo tử viết: Sơn kính chi khê gian, giới nhiên dung chi, nhi thành lộ. Vi gián bất dụng, tắc mao tắc chi hĩ. Kim mao tắc tử chi tâm hĩ! 孟 子 謂 高 子 曰: 山 徑 之 蹊 間, 介 然 用 之 而 成 路. 為 間 不 用 則 茅 塞 之 矣. 今 茅 塞 子 之 心 矣. (Mạnh Tử, Tận tâm [ha-21])

- Tâm tức thị đạo, đạo tức thị tâm. Tâm dữ đạo li, tắc nhập lục đạo tam đồ. Tâm dữ đạo hợp, tắc tạo Bồng lai, Tam đảo. 心 即 是 道. 道 即 是 心. 心 與 道 離, 則 入 六 道 三 途. 心 與 道 合. 則 造 蓬 萊 三 島 (Thái Thượng bảo phiệt đồ thuyết, q.I, tr.16)

[5] Chuyển mê khải ngộ. 轉 迷 啟 悟.

[6] Nhân tâm duy nguy. 人 心 惟 危 (Kinh Thư, Đại Vũ mô)

[7] Thiên nhân tương dữ. 天 人 相 與.

[8] Minh minh tại hạ. Hách hách tại thượng. 明 明 在 下 赫 赫 在 上. (Kinh Thi, q.6, Đại minh bát chương)

[9] Trí trung hòa, Thiên địa vị yên. Vạn vật dục yên. 致 中 和 天 地 位 焉. 萬 物 欲 焉. (Trung Dung)

[10] Thiên mệnh chi vị tính. 天 命 之 謂 性 (Trung Dung)

[11] Tự thành minh vị chi tính. 自 誠 明 謂 之 性 (Trung Dung, ch.21)

[12] Thiên tính, Thiên mệnh dữ thiên đạo bản thị nhất quán đích. 天 性 天 命 與 天 道 本 是 一 貫 的 (Trung Dung kim thích, tr.5)

[13] Minh đức. 明 德.

[14] Tính vi dục luy tắc hôn. 性 為 欲 累 則 昏. (Thái Thượng bảo phiệt đồ thuyết, q.I, tr.3)

[15] Tử viết: Nhân giai viết dư trí. Khu nhi nạp chư cổ, hoạch hãm tỉnh chi trung nhi mạc tri tỵ dã. 子 曰 人 皆 曰 予 知. 驅 而 納 諸 罟 擭 陷 阱 之 中 而 莫 知 辟 也. (Trung Dung, ch.7)

[16] (1) Thi viết: Thần chi cách tư, bất khả đạc tư; Thẩn khả địch tư. 詩 曰: 神 之 格 思, 不 可 度 思. 矧 可 射 思.

Thần giáng lâm lúc nào ta đâu biết,

Cớ sao ta dám bơ thờ khinh miệt.

(2) Nhân gian tư ngữ thiên văn nhược lôi, ám thất ô tâm, thần mục như điện. 人 間 私 語 天 聞 若 雷,

闇 室 汙 心 神 目 如 電. (Thuận Trị quá giang, hồi 1)

(3) Giới thận hồ kỳ sở bất đổ. 戒 慎 乎 其 所 不 睹 (Trung Dung, ch.1)

[17] Khâm minh văn tư an an, doãn cung khắc nhượng quang bị tứ biểu. 欽 明 文 思 安 安, 允 恭 克 讓 光 被 四 表 (Kinh Thư, Nghiêu điển)

- Khâm tồn ư trung, cung hiện ư ngoại. 欽 存 於 中 恭 見 於 外.

[18] Thị chi nhi phất kiến, thính chi nhi phất văn, thể vật nhi bất khả di. 視 之 而 弗 見 聽 之 而 弗 聞 體 物 而 不 可 遺 (Trung Dung, ch.16)

[19] Phóng chi tắc di lục hạp, Quyện chi tắc thoái tàng ư mật. 放 之 則 彌 六 合, 卷 之 則 退 藏 於 密 (Trung Dung, Chu Hi chương cú)

[20] Kỳ vị vô cùng. 其 味 無 窮 (Trung Dung, Chu Hi chương cú)

[21] Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú chí hĩ. 上 天 之 載 無 聲 無 臭 至 矣 (Trung Dung, ch.33)

[22] Thiên sinh chưng dân hữu vật hữu tắc. Dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức. 天 生 蒸 民 有 物 有 則. 民 之 秉 彝 好 是 懿 德.

Trời sinh ra khắp muôn dân,

Vật nào phép nấy định phân rành rành.

Lòng dân chứa sẵng căn lành,

Nên ưa những cái tinh lành tốt tươi. (Thi Kinh, Chưng dân)

- Duy hoàng Thượng đế giáng trung vu hạ dân. Nhược hữu hằng tính, khắc tuy quyết du duy hậu. 惟 皇 上 帝 降 衷 于 下 民. 若 有 恆 性, 克 綏 厥 猷 惟 后. (Thi Kinh, Thang cáo)

- L'Auguste roi du Ciel imprime la loi morale dans le coeur de tous les hommes. Ceux qui la suivent conservent leur bon naturel. Leur constante persévérance dans l'observation de ses préceptes dépend du souverain.

- Chú: Thiên chi giáng mệnh, nhi cụ nhân nghĩa lễ chí tín chi lý, vô sở thiên ỷ, sở vị trung dã. 天 之 降 命 而 具 仁 義 禮 智 信 之 理 無 所 偏 倚 所 謂 中 也. «Le ciel en donnant l'existence à l'homme met dans son coeur des principes d'humanité, de justice, d'urbanité, de prudence et de bonne foi. Ces principes ne dévient ni dans un sens ni dans l'autre c'est pour cela qu'on les appelle 中 le juste milieu. (Thi Kinh, Thang cáo; Couvreur dịch)

[23] Tứ di tiểu tử, tương thiên mệnh minh uy. 肆 台 小 子 將 天 命 明 威. (Vua Thang: Tôi thơ dại, xin thi hành mệnh Trời.) (Kinh Thư, Thang cáo)

[24] Đạo gia phù lê chi châu, Phật gia tu di chi giới, Tiên gia thử mễ chi túc, diệc như Nho gia thước thủy chi giao long, quyển thạch chi bảo tàng, liễm chi tắc vi vô ngoại, sung chi tắc đại nhi vô gián, giai ngô tâm chi toàn thể diệu dụng dã. 道 家 浮 梨 之 珠, 佛 家 須 彌 之 芥, 仙 家 黍 米 之 粟, 亦 如 儒 家 勺 水 之 蛟 龍, 拳 石 之 寶 藏, 斂 之 則 微 無 外, 充 之 則 大 而 無 間 皆 吾 心 之 全 體 妙 用 也. (Hàm phân Lâu bí cấp. Kỷ thượng ngữ, tr.3)

[25] - La route Royale des mystiques: «Seigneur, Celui qui vous aime vraiment est en sureté sur une route large et royale.» (Ste Thérèse d'Avila Vie, chap.27; Marcelle Auclair, La vie de Ste Thérèse d'Avila, p.91)

- Tuân vương chi lộ, vô thiên vô đảng, Vương đạo đãng đãng, vô đảng vô thiên, Vương đạo biền biền, vô phản, vô trắc. Vương đạo chính trực, hội kỳ hữu cực, qui kỳ hữu cực. 遵 王 之 路, 無 偏 無 黨, 王 道 蕩 蕩 無 黨 無 偏. 王 道平 平 無 反 無 側 王 道 正 直 會 其 有 極, 歸 其 有 極 (Kinh thư, Hồng phạm)

- Dĩ thượng tá dịch lý: hoặc ngôn thiên đạo, hoặc ngôn vương đạo, hoặc ngôn thánh đạo. 以 上 借 易 理: 或 言 天 道, 或 言 王 道, 或 言 聖 道 (Tham đồng trực chỉ, tr.24)

Xem thế thì: Thiên đạo = Vương đạo = Thánh đạo.

[26] Nhân tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi, Duy tinh duy nhất, Doãn chấp quyết trung. 人 心 惟 危. 道 心 惟 微. 惟 精 惟 一. 允 執 厥 中. (Kinh thư, Đại vũ mô)

Lòng của trời siêu vi huyền ảo,

Lòng con người điên đảo ngả nghiêng.

Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,

Ra công ra sức giữ nguyên lòng trời.

[27] - Chu Tử viết: Thái cực chi nghĩa chính vị lý chi cực trí nhĩ. 朱 子 曰: 太 極 之 義 正 謂 理 之 極 致 耳.

- Đạo tức Thái cực, Thái cực tức đạo, dĩ kỳ thông hành nhi ngôn chi viết đạo; dĩ kỳ cực trí nhi ngôn chi viết Cực. 道 即 太 極, 太 極 即 道, 以 其 通 行 而 言 之 曰 道, 以 其 極 致 而 言 之 曰 極 (Dịch kinh đại toàn, Chu Hi đồ thuyết, tr.14)

[28] Quân tử dĩ đạo sung vi quí, an thân vi phú, nhi thù thị hiên miện, trần thị kim ngọc. 君 子 以 道 充 為 貴, 安 身 為 富, 而 殘 視 軒 冕 塵 視 金 玉 (Chu Liêm Khê, Tống Nho, tr.52)

[29] Diên lưu tố nguyên, do uẩn thám vi. 沿 流 溯 源, 由 蘊 探 微. (Dịch kinh đại toàn, Cương lĩnh, tr.13)

[30] Phù thiên giả nhân chi thủy dã. Phụ mẫu giả nhân chi bản dã. Nhân cùng tắc phản bản; Cố lao khổ quyện cực, vị thường bất hô Thiên dã. Tật thống thảm đát, vị thường bất hô phụ mẫu dã. 夫 天 者 人 之 始 也. 父 母 者 人 之 本 也. 人 窮 則 反 本, 故 勞 苦 倦 極, 未 嘗 不 呼 天 也. 疾 痛 慘 怛 未 嘗 不 呼 父 母 也 (Sử ký Tư Mã Thiên, Khuất Nguyên Truyện; và Chou-King Couvreur dịch, tr.110)

[31] – Dục cùng tượng chi ẩn vi, tận số chi hào hốt. 欲 窮 象 之 隱 微, 盡 數 之 毫 忽. (Muốn hay bí ẩn muôn hình ảnh, muốn rõ tăm hơi mọi số phận) (Dịch kinh đại toàn, Cương lĩnh, tr.1)

– Thái cực giả, tượng số vị hình toàn thể. 太 極 者 象 數 未 形 之 全 體. (Thái cực là toàn thể nguyên phân, chưa hiện nên hình, chưa chia ra số) (Dịch kinh đại toàn, Chu Hi đồ thuyết, tr.20)

– Thiên địa chi gian mạc phi Thái cực âm dương chi diệu. Thánh nhân ngưỡng quan phủ sát, viễn cầu cận thủ, cố hữu siêu nhiên nhi mặc khế ư tâm hĩ. 天 地 之 間 莫 非 太 極 陰 陽 之 妙. 聖 人 仰 觀 俯 察, 遠 求 近 取, 固 有 超 然 而 默 契 於 心 矣.

Trong trời đất, chi thoát Thái cực, âm dương,

Hiền thánh xem xét trên dưới tận tường,

Tìm xa xôi, mà lượm thu gần gũi,

Bao siêu nhiên cố hữu, ghi tâm trường.

(Dịch kinh đại toàn, Chu Hi đồ thuyết, tr.220)

– Trình Tử viết: Thượng thiên chi tải vô thanh vô xú, kỳ thể tắc vị chi Dịch, kỳ lý tắc vị chi đạo, kỳ dụng tắc vị chi thần.

程 子 曰: 上 天 之 載 無 聲 無 臭, 其 體 則 謂 之 易, 其 理 則 謂 之 道, 其 用 則 謂 之 神 (Dịch kinh đại toàn, Cương lĩnh, tr.1)

– Nghiêu phù viết: Tri dịch số vi tri thiên, tri dịch lý vi tri thiên. 堯 夫 曰 知 易 數 為 知 天. 知 易 理 為 知 天. (Dịch kinh đại toàn, Cương lĩnh, tr.2)

[32] Trung 中 theo từ nguyên là một tên bắn vào hồng tâm của cái đích (Tchoung 中 = le centre; Tchoung 中 = toucher le centre, atteindre; image d'une cible carrée percée au centre par une flèche (Wieger, Leçons étymologiques, tr.260). Và đây là hồng tâm theo kinh Upanishad: O bel adolescent, prends cet arc, l'arme puissante de la sagesse sacrée, fixe la flèche (du moi) aiguisée par une adoration dévouée, tire-la avec le mental absorbé dans sa pensée et frappe le but, cet être impérissable: (Mundaka 2,2.3,4) (Enseignement de Ramakrishna, tr.132) = Hỡi thiếu niên ưu tú, hãy dương cung thần khôn ngoan, lắp tên bản ngã đã được mài nhọn bằng lòng sốt mến kính thờ, hãy bắn đi, bắn đi với tất cả một tâm trí miệt mài chăm ngắm vào ngài, hãy bắn trúng đích, bắn trúng vào đấng vô cùng!

- Tử viết: xạ hữu tự hồ quân tử, thất chư chính hộc, phản cầu chư kỳ thân. 子 曰: 射 有 似 乎 君 子, 失 諸 正 鵠, 反 求 諸 其 身 (Trung Dung, ch.14)

[33] So sánh: «Thi tịch» của Ngô Án thiền sư:

Diệu tính hư vô bất khả phan,	妙 性 虛 無 不 可 攀
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan.	虛 無 心 悟 得 何 難
Ngọc phần sơn thượng quang thường nhuận,	玉 焚 山 上 光 常 潤
Liên phát lô trung thấp vị can.	蓮 發 爐 中 濕 未 乾

«Hư vô tính ấy khó vin noi,

Riêng bụng hư vô hiểu được thôi

Trên núi ngọc thiêu màu vẫn nhuận

Trong lò sen nở, sắc thường tươi.»

(Ngô Tất Tố, Văn học đời Lý, tr.54)

[34] Phỏng câu: Thiểu yên, nguyệt xuất ư đông sơn chi thượng, bồi hồi ư Đẩu Ngưu chi gian. 少 焉, 月 出 於 東 山 之 上, 徘 徊 於 斗 牛 之 間. (Tô Đông Pha, Xích Bích phú)

Chẳng mấy chốc đông ngàn trăng ló,

Rẽ Đẩu Ngưu, bỡ ngỡ đường mây.

- Mạnh Tử viết: «Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành lạc mạc đại yên.» 孟 子 曰: 萬 物 皆 備 於 我, 反 身 而 成 樂 莫 大 焉 (Mạnh Tử, Tận tâm [thượng-4])

Mạnh Tử nói:

Cả vạn vật ở trong ta đó,

Quay về ta, ta cố tinh thành.

Kiện toàn hoàn thiện tinh anh,

Vui nào hơn được vui mình đang vui.

[35] Tâm pháp chi nguyên ư tính mệnh giả, tiên hậu đồng quỹ, bách thế chi thánh quân hiền phụ vị năng dịch dã. 心 法 之 原 於 性 命 者, 先 後 同 揆, 百 世 之 聖 君 賢 輔 未 能 易 也. (Xưa nay 'tâm pháp' đều bắt

nguồn ở hai chữ 'tính mệnh'. Thánh hiền muôn đời chưa thay đổi được.) (Kinh thư đại toàn, q.1, Tựa)

- Tinh nhất chấp trung Nghiêu, Thuấn tương thụ chi tâm pháp dã. 'Kiến trung' (Thang) 'Kiến Cực' (Vũ) Thương, Thang, Chu, Vũ tương tuyền chi tâm pháp dã. Viết Đức, viết Nhân, viết Kính, viết Thành. Ngôn tuy thù nhi lý tắc nhất; vô phi sở dĩ minh thử tâm chi diệu dã. Chí ư ngôn Thiên, tắc nghiêm kỳ tâm chi sở tự xuất, ngôn dân, tắc cẩn kỳ tâm chi sở tự thi. Lễ nhạc giáo hoá, tâm chi phát dã, điển chương văn vật tâm chi trứ dã. Gia tề quốc trị thiên hạ bình tâm chi suy dã, tâm chi đức kỳ thịnh hĩ hồ. 精 一 執 中 堯 舜 相 授 之 心 法 也 建 中 (湯)建 極 (武)商 湯 周 武 相 傳 之 心 法 也 曰 德 曰 仁 曰 敬 曰 誠. 言 雖 殊 而 理 則 一;無 非 所 明 此 心 之 妙 也 至 於 言 天 則 嚴 其 心 之 所 自 出 言 民 則 謹 其 心 之 所 自 施 禮 樂 教 化 心 之 發 也. 典 章 文 物 心 之 著 也 家 齊 國 治 天 下 平 心 之 推 也, 心 之 德 其 盛 矣 乎 (Kinh thư đại toàn, q.1) Dịch:

«Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,

Ra công ra sức giữ nguyên tính trời.»

Đó là tâm pháp Nghiêu truyền cho Thuấn. 'Kiến trung': cố đạt tới Trung Dung, tới tinh hoa nhân loại (Thang). 'Kiến cực': cố đạt tới tuyệt đỉnh tinh hoa toàn thiện (Vũ). Đó là tâm pháp của các đời Thương, Thang, Chu, Vũ. Sự toàn thiện đó hoặc gọi là Đức, là Nhân, là Kính, là Thành; lời tuy khác nhau nhưng ý là một; nghĩa là không ngoài sự làm sáng tỏ nguồn mạch kỳ diệu của tâm hồn. Nói đến Trời, thì nghiêm chỉnh lòng lại trời tự hiện, nói đến dân thì cố cẩn thận tâm tư, là dân sẽ được nhờ. Lễ nhạc, giáo hóa, cốt là để phát huy tâm hồn. Điển chương văn vật là sự biểu dương phát lộ của tâm hồn. Suy lòng mình ra thì có thể làm cho nhà yên, nước trị, thiên hạ bình. Sức mạnh tâm hồn thiệt là kỳ diệu vậy.

[36] Thể dụng, nhất nguyên, hiển vi vô gián. 體 用 一 源 顯 微 無 間 (Dịch kinh đại toàn, Truyện tự)

Thể và dụng đều chung một gốc,

Hiển cùng vi liên tục chẳng phân.

[37] Thế thượng vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên. 世 上 無 難 事 人 心 自 不 堅.

[38] … Quảng đại tất bị, tương dữ thuận tính mệnh chi lý; thông u minh chi cố, tận sự vật chi tình, nhi thị khai vật thành vụ chi đạo dã. 廣 大 悉 備, 將 與 順 性 命 之 理; 通 幽 明 之 故, 盡 事 物 之 情, 而 示 開 物 成 務 之 道 也. (Đầy đủ mọi điều cao rộng; từ lẽ thuận tính mệnh, hiểu nguyên do sáng tối, và đầu đuôi công chuyện mà giảng cách hiểu sự vật để thành công trình.) (Dịch kinh đại toàn, truyện tự)

- Mạnh Tử viết: Quân tử thâm tháo chi dĩ đạo; dục kỳ tự đắc chi dã. Tự đắc chi, tắc cự chi an; Cư chi an, tắc tư chi thâm; Tư chi thâm, tắc thủ tả hữu, phùng kỳ nguyên. Cố quân tử dục kỳ tự đắc chi dã. Bác học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phản thuyết ước dã. 君 子 深 造 之 以 道; 欲 其 自 得 之 也. 自 得 之, 則 居 之 安; 居 之 安, 則 資 之 深. 資 之 深, 則 取 之 左 右, 逢 其 原. 故 君 子 欲 其 自 得 之 也. 博 學 而 詳 說 之, 將 以 反 說 約 也 (Mạnh Tử, Ly Lâu, [hạ-14])

Ngày đêm suy rộng xét sâu,

Xét suy sâu rộng ngõ hầu tìm ra.

Tìm ra rồi sống an hoà,

An hòa thanh thản, vốn nhà càng tăng.

Vốn tăng mặc sức tiêu dùng,

Vén mây tỏ nhẽ cùng thông gốc nguồn.

Nên người quân tử lo toan,

Cố sao nắm được vẹn toàn tinh hoa.

Học nhiều bàn tỏ mãi ra,

Để rồi tóm lại chẳng qua vài lời.

[39] Mạnh Tử viết: Tận kỳ tâm giả tri kỳ tính dã. Tri kỳ tính tắc tri thiên hĩ. Tồn kỳ tâm dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã; yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã. 孟子曰: 盡其心者知其性也. 知其性則知天矣. 存其心養其性, 所以事天也; 殀壽不貳修身以俟之, 所以立命也 (Mạnh Tử, Tận tâm [thượng-1])

Mạnh Tử viết:

Thấu triệt lòng sẽ hay biết tính,

Hay biết tính nhất định biết Trời.

Tồn tâm dưỡng tính chẳng rời,

Đó là giữ đạo thờ Trời chẳng sai.

Yểu hay thọ không thay lòng dạ,

Cố tu thân một thuở đợi ngài.

Đó là theo đúng mệnh trời…

[40] Hữu phóng tâm nhi bất tri cầu. Học vấn chi đạo vô tha: cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ. 有放心而不知求. 學問之道無他. 求其放心而已矣 (Mạnh Tử, Cáo Tử [thượng-2])

[41] Thiên sinh chưng dân. Hữu vật hữu tắc. Dân chi bỉnh di. Hiếu thị ý đức. 天生蒸民. 有物有則. 民之秉彝. 好是懿德. (Kinh Thi, chưng dân)

«Trời sinh ra khắp muôn dân,

Vật nào phép nấy mười phân rành rành.

Lòng dân chứa sẵn căn lành,

Nên luôn yêu chuộng tinh thần đẹp tươi.»

[42] Tồn tâm dưỡng tính. 存心養性 (Mạnh Tử, Tận tâm, [thượng-1])

[43] Nhân giả vô tư tâm nhi hợp thiên lý chi vị. 仁者無私心而合天理之謂 (Người nhân đức là người dẹp hết lòng tư tà ngang trái, hoàn toàn sống đúng thiên lý.) (Trung Quốc triết học sử, q.I, tr.61)

- Nhân giả, nãi tối cao chi nhân cách dã. 人者乃最高之人格也 (Người nhân đức là người có nhân cách siêu việt.) (Ib., tr.62)

- Tận phù thiên lý chi cực nhi vô nhất hào nhân dục chi tư. 盡夫天理之極而無一毫人欲之私 (Vương Dương Minh toàn tập, q.1, tr.1)

[44] Quân tử thản đãng đãng. 君子坦蕩蕩 (Luận Ngữ, Thuật nhi, #36)

[45] Bác hậu phối địa, cao minh phối thiên, du cửu vô cương. 博厚配地高明配天悠久無疆 (Trung Dung, ch.26)

[46] Thị cố quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo, hành nhi thế vi thiên hạ pháp; ngôn nhi thế vi thiên hạ tắc. 是故君子動而世為天下道行而世為天下法, 言而世為天下則 (Trung Dung, ch.29)

[47] Nhĩ mục thông minh nam tử thân, 耳 目 聰 明 男 子 身

Hồng quân phú dữ bất vi bần.[a] 洪 鈞 賦 予 不 為 貧

Tu tham nguyệt quật phương tri vật, 須 探 月 窟 方 知 物

Vị nhiếp thiên căn khởi thức tâm. 未 躡 天 根 豈 識 心

Càn ngộ Tốn thời quan nguyệt quật,[b] 乾 遇 巽 時 觀 月 窟

Địa phùng lôi xứ kiến thiên căn.[c] 地 逢 雷 處 見 天 根

Thiên căn nguyệt quật, nhàn lai vãng, 天 根 月 窟 閑 來 往

Tam thập lục cung, đô thị xuân. 三 十 六 宮 都 是 春

(Dịch Kinh đại toàn, Chu Hi đồ thuyết, tr.36) Thiệu Khang Tiết

[a]/ Hồng quân=tạo hóa; [b]/ Thiên phong Cấu; [c]/ Địa lôi Phục. Dịch:

Thông tuệ nam nhi đứng cõi đời,

Lòng mang tạo hoá, phải đâu chơi?

Quyết thăm nguyệt đông cho hay vật,

Cố hiểu thiên căn để biết người.

Trời nổi gió, thông động nguyệt,

Đất vang sấm chớp, lộ căn trời.

Căn trời đông thường lai vãng,

Ba sáu cung xuân trọn vẹn đời.

[48] –Tri chỉ nhi hậu định. 知 止 而 後 定 (Đại Học)

- Tâm dữ huyền đồng cố dâm tà bất năng hoặc. Lão tử viết: Bất kiến khả dục sử tâm bất loạn, hựu viết: thánh nhân vị phúc bất vị mục dã. 心 與 玄 同 故 淫 邪 不 能 惑. 老 子 曰: 不 見 可 欲 使 心 亂, 又 曰: 聖 人 為 腹 不 為 目也(Nếu tâm hồn hợp với đấng Huyền linh thì dâm tà không làm mê hoặc được, Lão Tử nói: không nhìn những cái kích động lòng ham muốn để lòng khỏi hỗn loạn. Lại nói «khinh giác quan giữ chắc lòng son.») (Hoàng Đế Nội Kinh Tố Vấn, q.1, tr.1)

- Âm Dương phối hợp 'thủ khảm điền ly'… luyện thần hoàn hư… Phục qui vô cực. 陰 陽 配 合 取 坎 填 離... 鍊 神 還 虛... 復 歸 無 極 (Chu Liêm Khê, Thái Cực đồ thuyết; Trung Quốc triết học sử, q.5, tr.5)

[49] Vĩnh ngôn phối mệnh. Tự cầu đa phúc. 永 言 配 命 自 求 多 福. (Kinh Thi, Đại nhã tam, Văn vương chi thập tam chi nhất) Mệnh trời phối hiệp vào thân, muôn nghìn phúc lộc xa gần chiêu lai.

[50] Tự thành minh, vị chi tính. Tự minh thành vị chi giáo. Thành tắc minh hĩ. Minh tắc thành hĩ. 自 誠 明, 謂 之 性. 自 明 誠 謂 之 教, 誠 則 明 矣, 明 則 誠 矣 (Trung Dung, ch.21)

- Chu Tử viết: Nhân tâm đạo tâm chỉ thị giá nhất cá tâm. Tri giác tòng nhĩ mục chi dục thượng khứ, thị đạo tâm; tòng nghĩa lý thượng khứ, thị đạo tâm. Tự nhân tâm nhi thu chi, tắc thị đạo tâm; tự đạo tâm nhi phóng chi, tiện thị nhân tâm. Nhân tâm như tốt đồ, đạo tâm như tướng soái… Nhân tâm thắng nhi đạo tâm vong, đạo tâm vi chủ tắc nhân tâm diệc hóa vi đạo tâm. Nhân tâm như thuyền, đạo tâm như đà. Nhậm thuyền tắc sở tại vô đinh hướng, nhược chấp định đà tắc khứ trú tại ngã. 朱 子 曰: 人 心 道 心 只 是 這 命 箇 心, 知 覺 從 耳 目 之 欲 上 去 是 人 心 從 義 理 上 去 是 道 心. 自 人 心 而 收 之 則 是

道心;自道心而放之便是人心人心如卒徒,道心如將帥.人心勝而道心亡.道心為主則人心亦化為道心矣人心如船道心如柁.任船則所在無定向若執定柁則去住在我 (Chu Tử nói: «Nhân tâm đạo tâm vẫn là 2 phương diện 1 chữ tâm. Tri giác theo đà ngũ quan ham muốn mà đi thì là nhân tâm, theo chân lý thì là đạo tâm. Nhân tâm như tôi tớ, sĩ tốt, đạo tâm như tướng soái. Nhân tâm thắng thì đạo tâm mất, đạo tâm làm chủ thì nhân tâm sẽ hóa thành đạo tâm. Nhân tâm như thuyền, đạo tâm như lái. Ngồi thuyền mà không lái thì chẳng biết đi ngả nào, nhưng cầm vững lái thì đi ở là tùy mình.)(Kinh Thư đại toàn, q.1, tr.67)

[51] Phàm sự dự, tắc lập; bất dự, tắc phế. Ngôn tiền định, tắc bất cáp. Sự tiền định, tắc bất khốn. Hạnh tiền định, tắc bất cửu. Đạo tiền định, tắc bất cùng. 凡事豫則立,不豫則廢,言前定則不跲,事前定,則不困,行前定則不疚,道前定則不窮 (Trung Dung, ch.20)

[52] Quân tử chi đạo thí như hành viễn tất tự nhĩ, thí như đăng cao, tất tự ty. 君子之道辟如行遠必自邇,辟如登高必自卑 (Trung Dung, ch.15)

[53] Thượng thiên chi tải vô thanh vô xú chí hĩ. 上天之載無聲無臭至矣. (Trung Dung, ch.33)

[54] Đức thù như mao, mao do hữu luân. 德輶如毛毛猶有倫 (Trung Dung, ch.33)

[55] Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên, thiên hà ngôn tai. 天何言哉,四時行焉,萬物生焉,天何言哉. (Luận Ngữ, Dương Hóa [ch.17] #18)

[56] Trung Dung: le mysticisme confucéen = đạo huyền đồng của Nho giáo.

- Nhân tâm nhi lập Trung đạo, vị thiên nhân cộng do chi tiêu chuẩn; viết: Thiên địa chi bản kỳ khởi do ư trung hồ. Thị dĩ càn khôn giao biến nhi bất ly hồ trung. Nhân cư thiên địa chi trung, tâm cư nhân chi trung, nhật trung tắc thịnh, nguyệt trung tắc doanh, cố quân tử quí trung dã. 因心而立中道,為天人共由之標準;曰:天地之本其起由於中乎.是以乾坤交變而不離乎中.人居天地之中,心居人之中.日中則盛月中則盈,故君子貴中也 (Thiệu Khang Tiết, Quang vật ngoại thiên; Tử Đồng Tạ Vô Lượng, Trung Quốc triết học sử, q5, tr.15) = Nhân tâm hồn mà lập ra Trung Đạo để làm tiêu chuẩn chung cho Trời người. Phải chăng căn bản đất Trời phát ra từ 1 trung điểm (cf. Hà đồ và Phục Hi bát quái), cho nên đất Trời tuy trao đổi sinh biến hóa mà vẫn không lìa trung điểm (cf. Phục Hi 64 quái phương vị đồ. Dịch kinh đại toàn, q.2, tr.33) Người ở giữa đất Trời, tim ở giữa người, mặt Trời mà lên chính ngọ trung thiên thì sáng quắc, mặt trăng mà tới trung nguyệt (hôm rằm) thì sẽ tròn vành vạnh, cho nên quân tử quí chữ Trung là vì vậy.

- Nhân quân cư thiên hạ chi chí trung tắc tất hữu thiên hạ chi tuyệt đức, nhi hậu khả dĩ lập chí cực chi tiêu chuẩn. 人君居天下故至中則必有天下之絕德,而後可以立至極之標準 (Vua ở chỗ Trung ương trong thiên hạ tất cần phải có nhân đức tuyệt vời, thì mới lập ra được tiêu chuẩn tối cao cho mọi người.) (Kinh thư đại toàn, q.3, tr. 27)

[57] Khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. 恐懼乎其所不聞 (Trung Dung, ch.1)

[58] Cố viết phối thiên. 故曰配天. (Trung Dung, ch.31)

[59] Vĩnh ngôn phối mệnh. Tự cầu đa phúc. 永言配命自求多福 (Kinh Thi, Đại Nhã tam Văn vương chi thập tam chi nhất.

[60] Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy. Tri sở tiên hậu, tắc cận Đạo hĩ. 物有本末,事有終始.知所先後,則近道矣 (Đại Học)

[61] Thể dụng nhất nguyên, Hiển vi vô gián. 體 用 命 原 顯 微 無 間.

[62] Tri viễn tri cận. 知 遠 知 近 (Trung Dung, ch.33)

[63] Ý cẩm thượng quýnh. 衣 錦 上 絅 (Trung Dung, ch.33)

[64] Trí trung hòa thiên địa vị yên vạn vật dục yên. 致 中 和 天 地 位 焉 萬 物 育 焉(Trung Dung, ch.1)

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 1

A. ĐẠO THỐNG ĐẠO TRUNG DUNG CỦA MẠNH TỬ

1. Hán văn:

孟子曰:由堯舜至於湯, 五百有餘歲. 若禹, 皋陶, 則見而知之. 若湯則聞而知之.

由湯至於文王五百有餘歲. 若伊尹, 萊朱, 則見而知之. 若文王則聞而知之.

由文王至於孔子, 五百有餘歲. 若太公望, 散宜生則見而知之. 若孔子則聞而知之.

由孔子而來至於今,百有餘歲. 去聖人今世, 若此其未遠也. 近聖人今居, 若此其甚也. 然而無有乎爾. 則亦無有乎爾.

2. Phiên âm:

Mạnh Tử viết: «Do Nghiêu Thuấn chí ư Thang, ngũ bá hữu dư tuế. Nhược Vũ, Cao Dao, tắc kiến nhi tri chi. Nhược Thang tắc văn nhi tri chi.

Do Thang chí ư Văn Vương, ngũ bá hữu dư tuế, nhược Y Doãn, Lai Châu, tắc kiến nhi tri chi, Nhược Văn vương, tắc văn nhi tri chi.

Do Văn vương chí ư Khổng Tử, ngũ bá hữu dư tuế. Nhược Thái Công Vọng, Tản Nghi Sinh tắc kiến nhi tri chi. Nhược Khổng tử, tắc văn nhi tri chi.

Do Khổng Tử nhi lai chí ư kim, bá hữu dư tuế. Khứ thánh nhân chi thế, nhược thử kỳ vị viễn dã; cận thánh nhân chi cư, nhược thử kỳ thậm dã; nhiên nhi vô hữu hồ nhĩ. Tắc diệc vô hữu hồ nhĩ.» [1]

3. Dịch việt văn:

Mạnh Tử nói: «Từ vua Nghiêu vua Thuấn cho đến vua Thang đã trải qua trên 500 năm (2357-1783=574). Ông Vũ, ông Cao Dao (hiền thần của vua Nghiêu, vua Thuấn) có thấy tận mắt vua Nghiêu, vua Thuấn và biết được đạo lý của hai ngài; đến vua Thang thì nghe truyền tụng mà biết vậy.

Từ vua Thang đến vua Văn Vương đã trải qua trên 500 năm (1783-1231=552) Ông Y Doãn, ông Lai Châu (hiền thần của vua Thang) có thấy tận mặt vua Thang và biết được đạo lý của ngày. Đến vua Văn Vương thì nghe truyền tụng mà biết vậy.

Từ vua Văn Vương cho đến đức Khổng Tử đã trải qua trên 500 năm (Văn Vương băng 1135 – Khổng Tử sinh 551 = 584 năm). Ông Thái Công Vọng, ông Tản Nghi Sinh (hiền thần của vua Văn Vương) có thấy tận mắt vua Văn Vương và biết được đạo lý của ngài. Đến đức Khổng Tử thì nghe truyền tụng mà biết vậy.

Từ đức Khổng Tử cho đến nay (đến đời Mạnh Tử) đã trải qua trên 100 năm. Từ đời đức Thánh nhân tới nay thời kỳ chẳng lâu xa gì, vả lại nước Trâu quê quán ngài với nước Lỗ thì rất gần nhau vậy. Há không có ai thấy tận mắt và biết được đạo lý của ngài sao. Há không có ai nghe truyền tụng mà biết được sao.»

B. THÁNH HIỀN ĐẠO THỐNG TRUYỀN THỤ TỔNG TỰ THUYẾT

聖賢道統傳授總敘說

của Miễn Trai

1. Hán văn:

有太極而陰陽分, 有陰陽而五行具. 太極二五妙合而人物生. 賦於人者秀而靈. 精氣凝而為形. 魂魄交而為神, 五常具而為性, 感於物而為情. 措諸用而為事. 物之生也雖偏且塞而亦莫非太極, 二五之所為. 此道之原之出於天者然也. 聖人者又得其秀之秀而最靈者焉. 於是繼天立極, 而得道統之傳. 故能參天地, 贊化育而統理人倫, 使人各遂其生, 各全其性者; 其所以發明道統以示天下後世者, 皆可考也. 堯之命舜, 則曰: 允執厥中. 中者, 無所偏倚; 無過不及之名也. 存諸心而無偏倚措之事而無過不及, 則合夫太極矣. 此堯之得於天者, 舜之得統於堯也. 舜之命禹, 則曰: 人心惟危道心惟微惟精惟一允執厥中. 舜因堯之命而推其所以執中之由: 以為人心, 形氣之私也. 道心, 性命之正也. 精以察之, 以守之, 則道心為主, 而人心聽命焉. 則存之心, 措之事, 信能執其中. 曰精曰一此又舜之得統於堯, 禹之得統於舜者也. 其在成湯, 則曰: 以義制事, 以禮制心. 此又因堯之中, 舜之精一, 而推其制之之法. 制心以禮, 制事以義, 則道心常存而中可執矣. 曰禮曰義. 此又湯之得統於禹者也. 其在文王則曰: 不顯亦臨無射亦保. 此湯之禮制心也. 不聞亦式不諫亦入. 此湯之以義制事也. 此文王之得統於湯者也. 其在武王受丹書之戒, 則曰: 敬勝怠者吉義勝欲者從. 周公繫易爻之辭曰: 敬以直內, 義以方外. 曰敬者文王之所以制心也. 曰義者文王之所以制事也. 此武王周公之得統於文王者也. 至於夫子, 則曰: 博學於文約之以禮. 又曰: 文行忠信. 又曰克己復禮. 其著之大學曰: 格物致知誠意正心修身齊家治國平天下. 亦無非所聖人制心制事之意焉. 此又孔子得統於周公者也. 顏子得於博文約禮克己復禮之言. 曾子得之大學之義. 至於子思, 則先之以戒懼謹獨, 次之以知仁勇而終之以誠. 至於孟子則先之以求放心而次之以集義, 終之以擴充. 此又孟子得統於子思者然也. 及至周子則以誠為本以欲為戒. 此又周子繼孔孟不傳之緒者也. 至二程子則曰: 涵養須用敬進學則在致知. 又曰非明則動無所之非動則明無所用. 而為四箴以著克己之義焉. 此二程得統於周子者也. 先師文公之學見之四書而其要則尤以大學為入道之序. 蓋持敬也誠意正心修身而見於齊家治國平天下, 外有以極其規模之大而內有以盡其節目之詳. 此又先師之得其統於二程者也. 聖賢相傳垂世立教燦然明白, 若天之垂象昭昭然而隱也. 雖其詳略之不同愈講而愈明也. 學者之所當遵承而固守也. 違乎是則差也. 故嘗撮其要旨而明之居敬以立其本, 窮理以致其知, 克其以滅其私. 存誠以致其實. 以是四其存諸心則千聖萬賢所以傳道而教人也, 不越乎此矣.

2. Phiên âm:

«Hữu Thái Cực nhi âm dương phân, hữu âm dương nhi ngũ hành cụ, Thái cực nhị ngũ diệu hợp nhi nhân vật sinh. Phú ư nhân giả tú nhi linh, tinh khí ngưng nhi vi hình, hồn phách giao nhi vi thần, ngũ thường cụ nhi vi tính, cảm ư vật nhi vi tình, thố chư dụng nhi vi sự. Vật chi sinh dã tuy thiên thả tắc nhi diệc mạc phi Thái cực, nhị ngũ chi sở vi. Thử đạo chi nguyên chi xuất ư Thiên giả nhiên dã. Thánh nhân giả, hựu đắc kỳ tú chi tú nhi tối linh giả yên; ư thị kế Thiên lập cực, nhi đắc đạo thống chi truyền; cố năng tham thiên địa, tán hóa dục, nhi thống lý nhân luân, sử nhân các toại kỳ sinh, các toàn kỳ tính giả; kỳ sở dĩ phát minh đạo thống dĩ thị thiên hạ hậu thế giả, giai khả khảo dã. Nghiêu chi mệnh Thuấn, tắc viết: «Doãn chấp quyết Trung». Trung giả, vô sở thiên ỷ; vô quá bất cập chi danh dã. Tồn chư tâm nhi vô thiên ỷ, thố chi sự

nhi vô quá bất cập, tắc hợp phù Thái cực hĩ. Thử Nghiêu chi đắc ư Thiên giả, Thuấn chi đắc thống ư Nghiêu dã. Thuấn chi mệnh Vũ, tắc viết: «Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi; duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung.» Thuấn nhân Nghiêu chi mệnh nhi suy kỳ sở dĩ chấp trung chi do: dĩ vi nhân tâm, hình khí chi tư dã; đạo tâm, tính mệnh chi chính dã. Tinh dĩ sát chi, dĩ thủ chi, tắc đạo tâm vi chủ, nhi nhân tâm thính mệnh yên. Tắc tồn chi tâm, thố chi sự, tín năng chấp kỳ trung. Viết tinh, viết nhất, thử hựu Thuấn chi đắc thống ư Nghiêu, Vũ chi đắc thống ư Thuấn giả dã. Kỳ tại Thành Thang, tắc viết: «Dĩ nghĩa chế sự, dĩ lễ chế tâm.» Thử hựu nhân Nghiêu chi trung, Thuấn chi tinh nhất, nhi suy kỳ chế chi chi pháp. Chế tâm dĩ lễ, chế sự dĩ nghĩa, tắc đạo tâm thường tồn nhi trung khả chấp hĩ. Viết lễ, viết nghĩa. Thử hựu Thang chi đắc thống ư Vũ giả dã. Kỳ tại Văn Vương, tắc viết: «Bất hiển diệc lâm, vô dịch diệc bảo.» Thử Thang chi dĩ lễ chế tâm dã. «Bất văn diệc thức, bất gián diệc nhập.» Thử Thang chi dĩ nghĩa chế sự dã. Thử Văn Vương chi đắc thống ư Thang giả dã. Kỳ tại Võ Vương, thụ Đan thư chi giới, tắc viết: «Kính thắng đãi giả cát, nghĩa thắng dục giả tùng.» Chu Công hệ Dịch hào chi từ viết: «Kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại.» Viết kính giả, Văn Vương chi sở dĩ chế tâm dã; viết nghĩa giả, Văn Vương chi sở dĩ chế sự dã. Thử Võ Vương Chu Công chi đắc thống ư Văn Vương giả dã. Chí ư Phu tử, tắc viết: «Bác học ư văn, ước chi dĩ lễ.» Hựu viết: «Văn, hạnh, trung, tín.» Hựu viết: «Khắc kỷ phục lễ.» Kỳ trứ chi Đại Học, viết: «Cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ.» Diệc vô phi sổ thánh nhân chế tâm chế sự chi ý yên. Thử hựu Khổng Tử đắc thống ư Chu Công giả dã. Nhan Tử đắc ư bác văn ước lễ, khắc kỷ phục lễ chi ngôn; Tăng Tử đắc chi Đại Học chi nghĩa. Chí ư Tử Tư, tắc tiên chi dĩ giới cụ cẩn độc, thứ chi dĩ trí nhân dũng, nhi chung chi dĩ thành. Chí ư Mạnh Tử, tắc tiên chi dĩ cầu phóng tâm, nhi thứ chi dĩ tập nghĩa, chung chi dĩ khuếch sung. Thử hựu Mạnh Tử đắc thống ư Tử Tư giả nhiên dã. Cập chí Chu Tử, tắc dĩ thành vi bản, dĩ dục vi giới. Thử hựu Chu Tử kế Khổng Mạnh bất truyền chi tự, giả dã. Chí nhị Trình tử tắc viết: «Hàm dưỡng tu dụng kính, tiến học tắc tại trí tri.» Hựu viết: «Phi minh tắc động vô sở chi, phi động tắc minh vô sở dụng.» Nhi vi «Tứ châm» dĩ trứ khắc kỷ chi nghĩa yên. Thử nhị Trình đắc thống ư Chu Tử giả dã. Tiên sư Văn công chi học, kiến chi Tứ Thư, nhi kỳ yếu tắc vưu dĩ Đại Học vi nhập đạo chi tự. Cái trì kính dã, thành ý, chính tâm, tu thân nhi kiến ư tề gia trị quốc bình thiên hạ; ngoại hữu dĩ cực kỳ qui mô chi đại, nhi nội hữu dĩ tận kỳ tiết mục chi tường. Thử hựu tiên sư chi đắc kỳ thống ư nhị Trình giả dã. Thánh hiền tương truyền, thùy thế lập giáo, xán nhiên minh bạch, nhược thiên chi thùy tượng, chiêu chiêu nhiên nhi ẩn dã. Tuy kỳ tường, lược chi bất đồng, dũ giảng nhi dũ minh dã. Học giả chi sở đương tuân thừa nhi cố thủ dã. Vi hồ thị tắc sai dã. Cố thường toát kỳ yếu chỉ nhi minh chi: Cư kính dĩ lập kỳ bản, cùng lý dĩ trí kỳ tri, khắc kỷ dĩ diệt kỳ tư, tồn thành dĩ trí kỳ thực. Dĩ thị tứ kỳ tồn chư tâm, tắc thiên thánh vạn hiền sở dĩ truyền đạo nhi giáo nhân giả, bất việt hồ thử hĩ.[2]

3. Dịch việt văn:

THÁNH HIỀN ĐẠO THỐNG TRUYỀN THỤ TỔNG TỰ THUYẾT của Miễn Trai

Có Thái Cực rồi âm dương phân, có âm dương rồi ngũ hành đủ. Thái Cực, lưỡng nghi, ngũ hành diệu hợp, mà nhân vật sinh. Bao đẹp đẽ linh diệu phú cả cho con người: Tinh khí tụ thành hình, hồn phách giao thành thần, ngũ thường hợp thành tính; cảm xúc sinh tình, ứng dụng nên việc, mọi vật sinh ra, bề ngoài tuy có vẻ khiếm khuyết, bế tắc nhưng đều do công trình Thái cực âm dương, ngũ hành. Nguồn mạch đường lối có xuất sinh tự Trời. Điều này hiển nhiên vậy.

Nhân lại bẩm thụ được hết tinh hoa tú khí nên mới kế Trời lập ra mục đích thâm viễn cùng cực cho nhân loại, mới thức thưởng được đạo thống. Vì thế có thể tham dự vào công việc đất Trời, góp phần vào công trình hóa dục, tìm ra mối manh lý sự cho đời sống con người, để ai cũng phát huy được khả năng đời mình, kiện toàn được tính mệnh mình.

Sở dĩ phát sinh ra được đạo thống là để dạy thiên hạ cho đời sau ai cũng truy khảo được.

I. Vua Nghiêu truyền đạo cho vua Thuấn, đã nói: «Ra công sức giữ nguyên lòng Trời.» (Doãn chấp quyết trung).

Lòng Trời không nghiêng tựa, không thái quá, không bất cập, giữ trong tâm không nghiên tựa, ứng ra việc không thái quá bất cập, cho nên hợp Thái cực.

Thế là Trời truyền đạo cho vua Nghiêu, vua Nghiêu truyền đạo cho vua Thuấn.

II. Vua Thuấn truyền đạo thống cho vua Vũ nói:

«Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,

Lòng con người điên đảo ngả nghiêng.

Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,

Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.»

Vua Thuấn nghiền ngẫm lời vua Nghiêu để tìm ra manh mối hai chữ «Chấp trung», đã nhận ra rằng: Lòng người tức là phần hình khí riêng tư, lòng đạo, lòng Trời tức là phần tính mệnh công chính; khảo sát cho tới tinh vi, giữ gìn cho đến chuyên nhất, thì lòng đạo, lòng Trời làm chủ mà lòng người sẽ vâng theo.

Có vậy, thì giữ trong lòng, hay làm ra việc, vẫn giữ được đạo Trung.

Tinh, nhất là khẩu hiệu tương truyền giữa các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ.

III. Vua Thành Thang chủ trương:

«Lấy nghĩa tiết chế việc. Lấy lễ tiết chế lòng.»

Phương pháp này chẳng qua cũng nhân chữ «Trung» của Vua Nghiêu chữ «Tinh, Nhất» của vua Thuấn mà phát sinh.

Dùng lễ tiết chế chế lòng, lấy nghĩa tiết chế việc, thì lòng Đạo sẽ còn mãi và lòng Trời có thể giữ được vậy.

Tóm lại, lễ nghĩa là chủ trương của vua Thang, khi đã đắc truyền từ vua Vũ.

IV. Văn Vương nói:

«Chẳng thấy nhãn tiền nhưng vẫn giáng lâm,

Chẳng phải long đong mà vẫn giữ được.»

Thế cũng y như chủ trương lấy lễ chế tâm của vua Thang. Văn Vương còn nói:

«Chưa từng nghe, vẫn đúng khuôn phép,

Không cần can vẫn hợp qui mô.»

Thế cũng y như tôn chỉ lấy nghĩa chế sự của vua Thang. Như vậy Văn Vương đã được đạo thống ở Thành Thang.

V. Võ Vương hội ý sách Đan thư nói:

«Thành kính thắng đãi mạn là tốt,

Công nghĩa thắng tư dục là hay.»

Chu Công bàn giải các hào Dịch có nói:

«Kính để trong ngay thẳng,

Nghĩa cho ngoài vuông vắn.»

Kính cũng là cách Văn Vương dùng để tiết chế lòng, nghĩa cũng là cách Văn Vương dùng để tiết chế sự. Như vậy Võ Vương, Chu Công đã nhận đạo thống nơi Văn Vương.

VI. Đức Khổng Tử chủ trương: «Học rộng nhờ văn, rút gọn nhờ lễ.» Lại nói: «Văn, hạnh, trung, tín.» Lại nói: «Tự thắng để phục lễ.» Tất cả cốt làm sáng tỏ vấn đề.

Đại Học viết: «Cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.» Tất cả đều không ngoài tôn chỉ chế tâm chế sự của thánh hiền xưa. Như vậy Khổng Tử đã được đạo thống nơi Chu Công.

VII. Nhan Tử lĩnh hội được câu: «Bác văn ước lễ.» Tăng Tử thấu triệt được tôn chỉ sách Đại Học, đều là được chân truyền vậy.

VIII. Đối với Tử Tư, trước hết phải e dè kính sợ khi ở một mình, sau là phải rèn luyện cho có đủ nhân, trí, dũng, cuối cùng là trở nên hoàn thiện.

IX. Mạnh Tử dạy trước hết không được để con tim tán loạn lạc lõng, tiếp đến phải chuyên làm điều nghĩa, cuối cùng là phải khuyếch sung tính Trời.

X. Chu Tử lấy hoàn thiện làm căn bản, coi lòng dục là điều phải kiêng lánh. Chu Tử đã nối tiếp được mối đạo bất truyền của Khổng Mạnh.

XI. Đến Nhị Trình thì nói: «Muốn hàm dưỡng tính tình phải kính sợ (Trời), muốn thông suốt phải học hỏi.» Lại nói: «Không sáng suốt thì hành động không có mục đích, không hành động thì cái sáng suốt không có chỗ dùng.» Rồi soạn thiên Tứ Châm đề cao nghĩa lý của hai chữ Khắc kỷ. Thế là Nhị Trình lĩnh hội được mối đạo của Chu Tử.

XII. Cái học của Chu Văn Công xuất xứ từ Tứ Thư mà chủ yếu là dùng sách Đại Học để làm bậc thang tiến vào cõi đạo, cho nên cũng chủ trương thành kính, lo tu luyện ý chí tâm tình cho toàn thiện rồi áp dụng tôn chỉ đó vào công cuộc tề gia trị quốc bình thiên hạ; ngoài thì đặt ra qui mô lớn lao cao cả, trong thì thấu được mọi điều tiết minh xác tinh tường. Thế là tiên sư cũng được đạo thống ở hai Trình.

Thánh hiền tương truyền đạo thống treo gương cho đời, sáng láng rực rỡ, y như thiên tượng, vừa sáng láng, vừa ẩn ước. Tùy phân giải có chỗ khác nhau, nhưng càng giảng giải càng tỏ rõ. Học giả nên noi theo, nên cố giữ, đi ngược lại thì lầm lạc.

Cho nên cố toát lược thuyết minh như sau:

Cư xử cung kính để lập căn bản, học cho thông suốt để biết đến cùng cực, rèn luyện mình cho tuyệt hết niềm tây, toàn thiện để thành tựu mình cho toàn vẹn. Gắn bó được bốn điều ấy trong lòng thì dù là chủ trương của nghìn thánh vạn hiền dùng để truyền đạo dạy người cũng sẽ không hơn được.

---

[1] Mạnh Tử, Tận tâm [hạ]-38.

[2] Tống Nguyên học án, q.63, tr.2; Bửu Cầm, Tống Nho, tr.188-193.

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 2

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

A. BÀN VỀ CHỮ TÍNH THEO MẠNH TỬ

1. Phần Hán văn:

孟子曰: 人皆有不忍人之心. 先王有不忍人之心, 斯有不忍人之政矣. 以不忍人之心, 行不忍人之政, 治天下可運之掌上.

所以謂人皆有不忍人之心者今人乍見孺子將入於井, 皆有怵惕惻隱之心. 非所以內交於孺子之父母也. 非所以要譽於鄉黨朋友也. 非惡其聲而然也.

由是觀之無惻隱之心非人也, 無羞惡之心非人也, 無辭讓之心非人也. 無是非之心非人也.

惻隱之心仁之端也, 羞惡之心義之端也, 辭讓之心禮之端也, 是非之心智之端也. 人之有是四端也猶其有四體也. 有是四端而自謂不能者自賊者也. 謂其君不能者賊其君者也.

凡有四端於我也知皆擴而充之矣, 若火之始然, 泉之始達. 苟能充之足以保四海. 苟不充之不足以事父母.

2. Phiên âm:

Mạnh Tử viết: «Nhân giai hữu bất nhẫn nhân chi tâm. Tiên vương hữu bất nhẫn nhân chi tâm, tư hữu bất nhẫn nhân chi chính hĩ. Dĩ bất nhẫn nhân chi tâm, hành bất nhẫn nhân chi chính, trị thiên hạ khả vận chi chưởng thượng.

Sở dĩ vị nhân giai hữu bất nhẫn nhân chi tâm giả: Kim nhân sạ kiến nhụ tử tương nhập ư tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm. Phi sở dĩ nạp, giai ư nhụ tử chi phụ mẫu dã. Phi sở dĩ yêu dữ ư hương đảng bằng hữu dã; phi ố kỳ thanh nhi nhiên dã.

Do thị quan chi: Vô trắc ẩn chi tâm, phi nhân dã; vô tư ố chi tâm, phi nhân dã; vô từ nhượng chi tâm, phi nhân dã; vô thị phi chi tâm, phi nhân dã.

Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã; từ nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã; thị phi chi tâm, trí chi đoan dã. Nhân chi hữu thị tứ đoan dã, do kỳ hữu tứ thể dã. Hữu thị tứ đoan, nhi tự vị bất năng giả, tự tặc giả dã. Vị kỳ quân bất năng giả, tặc kỳ quân giả dã.

Phàm hữu tứ đoan ư ngã giả, tri giai khuếch nhi sung chi hĩ, nhược hỏa chi thủy nhiên, tuyền chi thủy đạt. Cẩu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải; cẩu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ mẫu.» [1]

3. Dịch Việt văn:

Mạnh Tử nói rằng: «Người ta ai cũng có lòng chẳng nỡ đối với kẻ khác. Những vị Thiên tử đời trước nhân có lòng chẳng nỡ đối với kẻ khác, thành ra phổ cập lòng thương xót người trong việc chính trị của mình. Bởi có lòng chẳng nỡ ấy, các ngài bàn đem lòng thương xót mà thi hành trong chính sự cho nên các ngài trị thiên hạ dường như có thể xây trở món đồ trên bàn tay.

Mình nói rằng người ta ai cũng có lòng chẳng nỡ đối với kẻ khác, vậy hãy đem một ví dụ này làm bằng chứng: Tỷ như có một đám người thấy một đứa bé sắp té xuống giếng. Thấy vậy, ai cũng động lòng kinh sợ, thương xót mà muốn cứu đứa bé.

Đó không phải họ vì tình giao kết với cha mẹ đứa trẻ mà muốn làng xóm, kẻ bằng hữu khen tặng mình; lại cũng không phải vì tránh tiếng xấu là người bất nhân.

Do theo ví dụ ấy mà xét, mình có thể quả quyết rằng: kẻ nào chẳng có lòng thương xót, kẻ ấy chẳng phải là người: kẻ nào chẳng có lòng thổ thẹn, kẻ ấy chẳng phải lá người; kẻ nào chẳng có lòng khiêm nhượng, kẻ ấy chẳng phải là người; kẻ nào chẳng có lòng phải quấy, kẻ ấy chẳng phải là người.

Này, lòng thương xót là mối đầu của đức nhân; lòng thổ thẹn là mối đầu của đức nghĩa; lòng khiêm nhượng là mối đầu của đức lễ; lòng phải quấy là mối đầu của đức trí.

Người ta tự nhiên có đủ bốn mối ấy nơi lòng, cũng như thân thể mình có hai tay hai chân vậy. Đã có đủ bốn mối thương xót, hổ thẹn, khiêm nhượng và phải quấy ấy nơi lòng thế mà lại nói rằng mình chẳng có thể làm theo những đức nhân, nghĩa, lễ, trí, đó là tự hại mình vậy. Lại nếu nói rằng vua mình chẳng có thể làm theo bốn đức ấy, đó là mình hại vua vậy (vì mình xúi vua bỉ việc đức hạnh).

Hễ mình có sẵn bốn mối ấy nơi mình, mà mình biết mở rộng ra cho chúng nó được sung túc, thì chúng nó như ngọn lửa nhen nhúm sắp cháy bung, như dòng suối phát tích sắp lưu thông. Nếu mình biết làm cho bốn mối thương xót, hổ thẹn khiêm nhượng và phải quấy ấy được sung túc nơi mình, thì mình đủ sức giữ gìn bốn biển; còn như mình chẳng biết làm cho chúng nó được sung túc, thì mình chẳng đủ sức phụng dưỡng cha mẹ.» [2]

B. LUẬN VỀ TÍNH THEO CHU HI

1. Phần Hán văn:

性是太極渾然之體, 本不可以名字言但其中含具萬理而綱領之大者有四. 故命之仁, 義禮智. 孔門未常備言. 至孟子而始備言之者. 蓋孔子時性善之理素明雖不詳者其條而說自具. 至孟子時異端蜂起往往以性為不善. 孟子思有以明之. 于是別而言之. 蓋四端之未發也. 雖寂然不動而其中自有條理. 自有間架, 不是儱侗都無一物. 所以外邊纔感中間便應. 如赤子入井之事感則仁之理便應而惻隱之心於是乎形. 如過朝過廟之事感則禮之理便應. 而恭敬之心於是乎形. 蓋由其中眾理渾具各各分明. 故外邊所過隨感而應, 所以四端之發各有面貌之不同. 是以孟子析而為四以示學者使知渾然全體之中而燦然有條. 若此各性之善可知矣. 然四端之未發也所謂渾然全體無聲臭之可言. 無形象之可見, 何以知其燦然有條如此. 蓋示理之可驗乃依然就他發處驗得. 凡物必有本根. 性之理雖無形而端的之發最可驗. 故由其惻隱所以必知其有仁由其羞惡所以必知其有義由其恭敬所以必知由其有禮, 由其是非所以必知其有智. 使其本無是理于內則何以有是端于外. 由其有是端于外所以必知其有是理于內, 而不可誣也. 故孟子言乃若其情則可以為善矣, 乃所謂善也, 是則孟子之言性善, 蓋亦溯其情而逆知之爾.

2. Phiên âm:

Tính thị Thái cực hồn nhiên chi thể, bản bất khả dĩ danh tự ngôn. Đãn kỳ trung hàm cụ vạn lý, nhi cương lĩnh chi đại giả hữu tứ. Cố mệnh chi viết nhân, nghĩa, lễ, trí. Khổng môn vị thường bị ngôn; Chí Mạnh Tử nhi thủy bị ngôn chi giả. Cái Khổng Tử thời, tính thiện chi lý tố minh, tuy bất tường trứ kỳ điều nhi thuyết tự cụ. Chí Mạnh Tử thời dị đoan phong khởi, vãng vãng dĩ tính vi bất thiện. Mạnh Tử tư hữu dĩ minh

chi. Vu thị biệt nhi ngôn chi. Cái tứ đoan chi vị phát dã, tuy tịch nhiên bất động nhi kỳ trung tự hữu điều lý, tự hữu gian giá, bất thị lung thống đô vô nhất vật. Sở dĩ ngoại biên tài cảm trung gian tiện ứng. Như xích tử nhập tỉnh chi sự cảm, tắc nhân chi lý tiện ứng, nhi trắc ẩn chi tâm ư thị hồ hình; như quá triều quá miếu chi sự cảm, tắc lễ chi lý tiện ứng, nhi cung kính chi tâm ư thị hồ hình. Cái do kỳ trung chúng lý hồn cụ, các các phân minh, cố ngoại biên sở quá, tùy cảm nhi ứng; sở dĩ tứ đoan chi phát, các hữu diện mạo chi bất đồng. Thị dĩ Mạnh Tử tích nhi vi tứ dĩ thị học giả, sử tri hồn nhiên toàn thể chi trung, nhi xán nhiên hữu điều. Nhược thử các tính chi thiện khả tri hĩ. Nhiên tứ đoan chi vị phát dã, sở vị hồn nhiên toàn thể vô thanh xú chi khả ngôn, vô hình tương chi khả kiến, hà dĩ tri kỳ xán nhiên hữu điều như thử ? Cái thị lý chi khả nghiệm, nãi y nhiên tựu tha phát xứ nghiệm đắc. Phàm vật tất hữu bản căn, tính chi lý tuy vô hình, nhi đoan đích chi phát tối khả nghiệm. Cố do kỳ trắc ẩn, sở dĩ tất tri kỳ hữu nhân; do kỳ tu ố, sở dĩ tất tri kỳ hữu nghĩa, do kỳ cung kính sở dĩ tất tri kỳ hữu lễ, do kỳ thị phi, sở dĩ tất tri kỳ hữu trí. Sử kỳ bản vô thị lý vu nội, tắc hà dĩ hữu thị đoan vu ngoại. Do kỳ hữu thị đoan vu ngoại, sở dĩ tất tri kỳ hữu thị lý vu nội, nhi bất khả vu dã. Cố Mạnh Tử ngôn nãi nhược kỳ tình, tắc khả dĩ vi thiện hĩ, nãi sở vị thiện dã, thị tắc Mạnh Tử chi ngôn tính thiện, cái diệc tố kỳ tình nhi nghịch tri chi nhĩ.

3. Dịch Việt văn:

Tính là bản thể hồn nhiên của Thái cực, khó dùng lời lẽ mà tả được. Tuy Tính hàm súc vạn lý, nhưng đại khái có 4 cương lĩnh lớn là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí.

Khổng môn không minh xác vấn đề. Mạnh Tử là người đầu tiên bàn bạc nghị luận tới một cách đầy đủ. Lý do là vì thời Khổng Tử, thuyết tính thiện là một sự kiện hiển nhiên, tuy không phân giải tỏ tường nhưng ai cũng chấp nhận. Đến thời Mạnh Tử dị đoan tà thuyết nổi dậy tứ tung; thiên hạ đua nhau chủ trương tính ác, vì thế Mạnh Tử mới để tâm phân giải cho tường tận.

Thực ra, khi bốn mối manh chưa phát hiện. Tính tuy tịch nhiên bất động nhưng đã bao hàm mọi điều lý, đã có rường cột ngăn nắp chứ không phải mung lung trống rỗng. Tuy nhiên, có bên ngoài tới cảm, bên trong mới ứng, ví dụ: có thấy đứa bé sa xuống giếng thì nguồn nhân mới ứng và lòng trắc ẩn mới sinh; như có đi qua đền chùa miếu mạo, nguồn lễ mới ứng và lòng cung kính mới hiện. Tính bao hàm vạn lý, có manh có mối phân minh, nhưng tùy cảm xúc bên ngoài mà ứng biến, vì thế bốn mối manh khi phát hiện đều có diện mạo khác nhau.

Do đó Mạnh Tử phân tính làm bốn mối để cho học giả thấy rằng trong sự hồn nhiên toàn thể vẫn có điều lý phân minh và sự hoàn thiện của tính có thể hay biết được.

Nhưng, khi 4 mối manh chưa phát, khi tính còn hồn nhiên toàn thể không tiếng không tăm không hình không tượng, khó nói ra, khó nhìn thấy, làm sao biết nổi là điều lý phân minh ?

Sở dĩ biết được là nhờ căn cứ vào sự phát hiện của tính mà suy nghiệm ra:

Phàm vật gì cũng có căn nguyên. Cái lý của tính tuy vô hình nhưng mối manh nó phát ra dễ nghiệm.

Cho nên, do lòng trắc ẩn sẽ biết điều nhân, do lòng tu ố sẽ biết điều nghĩa, do lòng cung kính sẽ biết điều lễ, do lòng thị phi sẽ biết điều trí. Nếu không có căn bản bên trong, làm sao có mối manh bên ngoài; cho nên có mối manh bên ngoài dĩ nhiên phải có căn bản bên trong. Suy luận này sao mà lầm được.

Nên theo Mạnh Tử thì căn cứ vào nhân tình ta có thể suy ra điều thiện (thiện đây là tính thiện) ý nói đi ngược dòng tình cảm sẽ hay biết tính vậy.[3]

---

[1] Mạnh Tử 孟 子, Công Tôn Sửu 公 孫 丑 [thượng-6].

[2] Mạnh Tử, Công Tôn Sửu [thượng], tr.104-107 (Đoàn Trung Còn dịch).

[3] Dịch theo Tống Nguyên học án, q.48, tr.19; Hối Ông học án.

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 3

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

A. Ý NIỆM VỀ TRỜI VỀ THƯỢNG ĐẾ TRONG TỨ THƯ NGŨ KINH

1. LỄ KÝ (Tống bản thập tam kinh chú sớ)

Quyển 17	- Nguyệt lệnh	tr.25
Quyển 26	- Giao đặc sinh	tr.18
Quyển 50	- Kinh giải	tr.7
Quyển 50	- Trọng Ni yến cư	tr.10
Quyển 51	- Khổng Tử nhàn cư	tr.14
Quyển 52	- Trung Dung	tr.23,26
Quyển 54	- Biểu ký	tr.5
Quyển 55	- Tri y	tr.12
Quyển 60	- Đại học	tr.6

2. DỊCH KINH

Càn quái

Quan quái

Hằng quái

Hệ từ thượng - Nhu quái

3. THI KINH

Đường phong	- Bảo vũ VIII, 1,2,3.
Tần phong	- Hoàng Điểu VI, 1
Tiểu nhã - Lộc Minh:	- Thiên bảo VI, 1,2
Tiểu nhã - Đồng cung:	- Hạc minh X, 2
Tiểu nhã	- Tiết nam sơn VII 2,3,5,6,9.
Kỳ phụ.	- Chính nguyệt VIII 4, 7
	- Thập nguyệt chi giao IX, 8
	- Vũ vô chính X, 1, 3.
Tiểu nhã - Tiểu mân:	- Tiểu mân I, 1
	- Tiểu uyển II, 2

- Tiểu biền III, 1
- Sảo ngôn IV, 1
- Hạng Bá VI, 5

Tiểu nhã - Bắc sơn: - Tiểu minh III, 1
- Tính nam sơn VI, 4

Tiểu nhã - Tang hỗ: - Uyển liễu X 2,3.

Đại nhã - Sinh dân: - Sinh dân I, 1,2,8
- Ký túy III, 7
- Giả lạc V
- Quyển a VIII,3
- Bản X, 1,2,4,5,6,8

Đại nhã - Đảng: - Đảng I, 1,2,7
- Úc II,4, II
- Tang nhu III, 1,2,7
- Vân hán IV, 1,2,44,5,6,7,8
- Chưng dân VI, 1
- Chiêm ngưỡng X, 3,5,6,7
- Chiêm mân XI,1,2

Chu tụng - Thanh miếu: - Duy thiên chi mệnh I, 1
- Thiên tác V, 1
- Hạo thiên VI
- Ngã tương VII, 1
- Chấp cạnh

Chu tụng - Thần công: - Thần công I
- Ung VII

Mẫn dư: - Kính chi III
- Huyên IX

Lỗ tụng: - Liệt tổ II
- Huyền ô III
- Trường phát IV 3,4,5,7
- Ân vũ V, 4

4. THƯ KINH (Các chương đoạn theo Les Annales de la Chine của Séraphin Couvreur)

- Ngu thư I Cam thệ 3.
  II Thuấn điển 26
  III Đại Vũ mô 4,17,21

IV Cao dao mô 6,7

V Ích Tắc 2

- Thương thư I Thang thệ 4

II Trọng Hủy chi cáo 2, 3, 9

III Thang cáo 2, 3, 4, 5, 7, 8

IV Y huấn 2, 8

V Thái giáp thượng 2

Thái giáp trung 3

VI Hàm hữu nhất đức 4

VII Bàn khang thượng 3

Bàn khang hạ 6

VIII Duyệt mệnh trung 2, 3, 10

IX Cao tông đồng nhật 3, 4

X Tây bá kham Lê 2, 3, 4, 5, 6

XI Vi tử 4

- Chu thư I Thái thệ thượng 4, 5, 6, 7, 9, 11

Thái thệ trung 3, 4, 5, 7

Thái thệ hạ 2

II Mục thệ 7

III Vũ Thành 3

IV Hồng Phạm 2

VI Kim đằng 5, 7

VII Đại cáo 1, 2, 3, 4, 8, 9, 10, 13, 14.

VIII Vi tử chi mệnh 2

IX Thang cáo 4, 5, 6, 20, 21

X Tửu cáo 3, 9, 11

XII Tử tài 6

XII Thiệu cáo 9, 10, 11, 19, 20, 24

XIII Lạc cáo 2, 3, 4, 14

XIV Đa sĩ 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 14, 17, 18, 21, 23, 24.

XV Vô dật 4

XVI Quân thích 2, 3, 4, 7, 9, 10, 14, 20, 22.

XVII Thái trọng chi mệnh 4

XVIII Đa phương 4, 5, 6, 7, 15, 17, 18, 19, 22, 28, 29

XIX Lập chính 2, 4.

XXII Cô mệnh 6, 7

XXIII Khang vương chi cáo 2, 5

XXVII Quýnh mệnh ch. 11, 12, 13, 17, 21

XXVIII Văn hầu chi mệnh 1, 2

5. XUÂN THU (Bản dịch của Séraphin Couvreur)

- Ẩn công thập hựu nhất niên Quyển I tr.58, 59
- Trang công thập hựu nhất niên tr.153
- Mẫu công nguyên niên tr.213
- Hi Công ngũ niên tr.255
- Hi công thập hựu ngũ niên tr.301
- Hi công nhị thập tam niên tr.347
- Hi công nhị thập tứ niên. tr.356
- Tuyên công tam niên. tr.577
- Tuyên công thập hựu nhị niên. tr.639
- Tuyên công thập hựu ngũ niên. tr.655
- Thành công nhị niên. Quyển II tr.20
- Thành công tứ niên. tr.45
- Thành công thập hựu tam niên. tr.106
- Thành công thập hựu lục niên. tr.130
- Tương công thập hựu tứ niên. tr.308
- Tương công tam thập niên. tr.541
- Tương công tam thập nhất niên. tr.564, 574, 575
- Chiêu công nguyên niên. Quyển III tr.5, 9
- Chiêu công nhị niên. tr.49
- Chiêu công nhị thập lục niên tr.416,417
- Chiêu công nhị thập thất niên tr.430
- Định công nguyên niên tr.487

6. ĐẠI HỌC Chương 10

7. TRUNG DUNG Chương 1, 17, 19, 20, 26, 29, 30, 32, 33.

8. LUẬN NGỮ

- Thái Bá đệ tam 12, 24
- Công Dã Tràng đệ ngũ 12
- Ung dã đệ lục 26
- Thuật nhi đệ thất 19
- Tử Hãn đệ cửu 5,6,11

- Tiên Tiến đệ thập nhất, 8
- Nhan Uyên đệ thập nhị, 5
- Hiến Vấn đệ thập tứ, 37
- Dương Hóa đệ thập thất, 18
- Tử Trương đệ thập cửu, 25
- Nghiêu viết đệ nhị thập, 1

9. MẠNH TỬ

- Lương Huệ Vương chương cú hạ 3, 16
- Công Tôn Sửu chương cú thượng 7
- Công Tôn Sửu chương cú hạ 13
- Đằng Văn Công chương cú thượng 4
- Ly Lâu chương cú thượng 7, 12
- Vạn Chương chương cú thượng 1, 5, 6
- Vạn Chương chương cú hạ 3, 16
- Cáo Tử chương cú hạ 15
- Tận Tâm chương cú thượng 1, 20
- Tận Tâm chương cú hạ 24.

B. QUAN NIỆM THIÊN NHÂN TƯƠNG DỮ, THIÊN NHÂN HỢP NHẤT TRONG TỨ THƯ NGŨ KINH

1. LỄ KÝ (Tống bản thập tam kinh chú sớ)

- Vạn vật bản hồ thiên, nhân bản hồ tổ thử sử dĩ phối Thượng Đế dã. (Lễ Ký, Giao đặc sinh tr.18, XXVI)

2. DỊCH KINH

- Phù đại nhân giả dữ thiên địa hợp kỳ đức… Tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời. (Dịch Khôn quái)

3. THI KINH

- Thượng đại nhân giả dữ thiên địa hợp kỳ đức… Tiên hình Văn Vương. Vạn bang tác phu. (Đại nhã I Văn Vương, ch.IV)
- Ân chi vị táng sư, khắc phối thượng đế. (ib., ch.6)
- Thiện chi dũ dân, như huân như trì, như chương như khuê. (Thi bản) Đại nhã - Hoàng hĩ VII,5,7.

4. THƯ KINH (Annales de la Chine, Séraphin Couvreur)

NGU THƯ	IV Cao dao mô 7	tr.48
	V Thái giáp hạ 3	tr.125
	IX Cao tông đồng nhật 3	tr.162
CHU THƯ	I Thái thệ trung 7	tr.179
	I Thái thệ hạ 2	tr.181

XIV Đa sĩ 8 tr.284

XVI Quân thích 7 tr.300

XXVII Quýnh mệnh,11 tr.380

5. XUÂN THU (Xem Séraphin Couvreur)

Tương công nhị thập tứ niên Quyển II tr.410

Chiêu công nguyên niên Quyển III tr.9

6. ĐẠI HỌC Chương 10

7. TRUNG DUNG Chương 16, 21, 26, 29, 31.

8. LUẬN NGỮ

- Thái bá đệ bát, 19
- Hiến vấn đệ thập tứ, 37

9. MẠNH TỬ

- Đằng Văn Công chương cú thượng, 4
- Ly Lâu chương cú thượng, 12
- Vạn Chương chương cú thượng, 5
- Cáo Tử chương cú hạ, 15
- Tận tâm chương cú thượng, I.

»» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 4

TRUNG ĐỒ [1]

1. Phần Hán Văn:

儒曰執中. 道曰守中. 釋曰虛中. 中之一字乃三教聖人之心法, 所以修性修命而成大道. 千經萬典說來說去只說的這一字. 篆文中一字從〇從在人即秉彝之良, 為至善無惡, 圓明不昧之. 物, 所謂先天真一之氣者是也. 〇中有|, 渾然天理一氣上下, 流行不息之義. 且|在〇之當心, 〇左為陽右為陰, 即河圖左陽右陰, 一氣上下之象. 薛道光曰: 有物先天地, 無名本寂寥, 能為萬象主, 不逐四時凋. 寂寥即〇. 萬象主即|. 至無而含至有, 至虛而含至實, 故謂中. 是中者不偏不倚, 無前無後, 無背無面, 無頭無尾, 無有無無, 非色非空, 虛圓不測, 無象而能主砟宰萬象, 無形而能造化有形, 生天生地, 生人物. 在人非四大一身而中, 非中外之中, 無方所, 無定位, 視之不見聽之不聞, 搏之不得, 古人推其理而肖其形, 強名之曰十字街, 曰四會田, 曰通衢路, 曰戊己門, 曰元牝門, 曰元關竅, 曰生殺舍, 曰刑德門, 曰生死關, 曰陰陽戶, 曰性命竅, 曰天地根, 曰人獸關, 曰懸胎鼎, 曰造化爐, 名號多端, 總而言之曰中. 中也者天下之大本也. 亙古聖賢仙佛皆從此中而出. 其大無外, 其小無內. 放之則彌六合, 卷之則退藏於密. 悟之者立躋聖位, 迷之者萬劫沉淪. 蓋此中乃性命之根. 在先天性命如一而為中 . 在後天中分而為性命 . 其實後天中返出先天. 性了命凝, 性命歸根. 仍是一中. 老子云: 谷神不死是謂元牝(玄牝), 元牝之門是謂天地根. 紫陽云: 要得谷神長不死, 須從元牝立根基. 谷神即中也. 元牝為陰陽, 即性命也. 谷神不死中含性命, 元牝立基, 性命成中. 守此中者聖人也. 失此中者凡人也. 聖凡之分在得失之間耳. 一切常人為氣質所拘, 為積習所染, 性命分居兩處中有虧損, 日虧月損, 性亂命搖, 神昏氣濁, 將中之原物. 全然失卻. 中有一失性命無本. 形雖動而神已喪, 焉能長久乎. 三教聖人以中為本也, 欲人執守此中保全性命耳. 中之一字為修道者始終之要著. 筑基在此, 采藥在此, 烹煉在此, 溫養在此, 進陽在此退陰在此, 結丹在此, 脫丹在此. 七返九還, 無一不在此. 但這個中人不易見, 亦不易知不可以有心求, 不可以無心守. 有心求之, 則落於色相, 無心守之則入於空寂, 均非中道. 真正之中非有非無即有即無, 非色非空即色即空, 不落〇偏. 於恍惚中求, 於杳冥內尋, 庶乎近焉. 天下學人不知此中是個什麼物事. 或謂黃庭穴, 或謂天谷穴, 或謂百會穴, 或謂絳宮或謂明堂, 或謂咽喉, 或謂兩腎中間. 執此幻身穴竅, 便謂守中抱一. 妄冀長生. 不但不能長生反而促死. 哀哉. 儒曰: 喜怒哀樂之未發, 謂之中. 又曰: 不偏不倚之謂中. 道曰: 前弦之後後弦前. 樂味平平氣象全. 又曰: 陰陽得類歸交感, 二八相當自合親. 釋曰: 吾有一物, 上柱天, 下柱地, 無頭無尾, 無背無面, 又曰舍利子, 色不異空空不異色色即是空, 空即是色. 凡此皆言中之實落處也. 若人能於此等處留心, 極深研幾, 就正於真師認得真正之中, 將柱杖子穿在牛鼎孔內立登彼岸, 絕無費力. 從此直進大路, 緩步而行, 終有到家之日. 經云: 得

其一, 萬 事 畢. 豈 虛 語 哉.

2. Phiên âm:

Nhu viết: chấp trung. Đạo viết: thủ trung. Thích viết: hư trung. Trung chi nhất tự, nãi tam giáo thánh nhân chi tâm pháp, sở dĩ tu tính mệnh, nhi thành đại đạo. Thiên kinh vạn điển thuyết lai thuyết khứ, chỉ thuyết đích giá nhất tự. Triện văn 'Trung' nhất tự tòng ○ tòng |.

Tại nhân tức 'bỉnh di chi lương', vi chí thiện vô ác, viên minh bất muội chi vật, sở vị 'tiên thiên chân nhất chi khí' giả thị dã. ○ trung hữu |. Hỗn nhiên thiên lý, nhất khí thượng hạ, lưu hành bất tức chi nghĩa. Thả | tại ○ chi đương tâm. ○ tả vi dương, hữu vi âm, tức Hà đồ 'tả dương hữu âm' nhất khí thượng hạ chi tượng.

Tiết Đạo Quang viết: «Hữu vật tiên thiên địa, vô danh bản tịch liêu, năng vi vạn vật chủ, bất trục tứ thời điêu.» Tịch liêu tức ○. Vạn tượng chủ tức |. Chí vô nhi hàm chí hữu, chí hư nhi hàm chí thật, cố vị Trung.

Thị Trung dã, bất thiên bất ỷ, vô tiền vô hậu, vô bối vô diện, vô đầu vô vĩ, vô hữu vô vô, phi sắc phi không, hư viên bất trắc, vô tượng nhi năng chủ tể vạn tượng, vô hình nhi năng tạo hóa hữu hình, sinh thiên sinh địa, sinh nhân vật.

Tại nhân phi tứ đại nhất thân chi trung, phi trung ngoại chi trung, vô phương sở, vô định vị, thị chi bất kiến, thính chi bất văn, bác chi bất đắc, cổ nhân suy kỳ lý, nhi tiếu kỳ hình, cưỡng danh chi:

Viết: Thập tự nhai,

Viết: Tứ hội điền,

Viết: Thông cù lộ,

Viết: Mậu kỷ môn,

Viết: Nguyên tẫn môn,

Viết: Nguyên quan khiếu,

Viết: Sinh sát xá,

Viết: Hình đức môn,

Viết: Sinh tử quan,

Viết: Âm dương hộ,

Viết: Tính mệnh khiếu,

Viết: Thiên địa căn,

Viết: Nhân thú quan,

Viết: Huyền thai đỉnh,

Viết: Tạo hóa lô,

Danh hiệu đa đoan, tổng nhi chi viết Trung.

Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã. Cắng cổ thánh hiền tiên phật giai tòng thử trung nhi xuất. Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội. Phóng chi tắc di lục hợp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật. Ngộ chi giả lập tề thánh vị, mê chi giả vạn kiếp trầm luân.

Cái thử trung nãi Tính Mệnh chi căn. Tại Tiên Thiên Tính Mệnh như nhất nhi vi Trung. Tại Hậu Thiên Trung phân nhi vi Tính Mệnh.

Kỳ thật Hậu Thiên trung, phản xuất Tiên Thiên. Tính liễu mệnh ngưng, tính mệnh qui căn. Nhưng thị nhất Trung. Lão Tử vân: Cốc thần bất tử, Thị vị Nguyên Tẫn (Huyễn Tẫn), Nguyên Tẫn chi môn, thị vị Thiên Địa Căn.

Tử Dương vân:

Yêu đắc Cốc Thần trường bất tử,

Tu tòng Nguyên Tẫn lập căn cơ.

Cốc Thần tức Trung dã. Nguyên Tẫn vi âm dương, tức tính mệnh dã; Cốc Thần bất tử, Trung hàm tính mệnh. Nguyên Tẫn lập cơ tính mệnh thành Trung. Thủ thử Trung giả thánh nhân dã. Thất thử Trung giả phàm nhân dã. Thánh phàm chi phân tại đắc thất chi gian nhĩ. Nhất thiết thường nhân vi khí chất sở câu, vi tích tập sở nhiễm, tính mệnh phân cư lưỡng xứ, Trung hữu khuy tổn. Nhật khuy nguyệt tổn, tính loạn mệnh dao, thần hôn khí trọc, tương Trung chi nguyên vật, toàn nhiên thất khước. Trung hữu nhất thất, tính mệnh vô bản. Hình tuy động, nhi thần dĩ táng, yên năng trường cửu hồ. Tam giáo thánh nhân dĩ Trung vi bản giả, dục nhân chấp thủ thử Trung bảo toàn tính mệnh nhĩ.

Trung chi nhất tự, vi tu đạo giả thủy chung chi yếu trước. Trúc cơ tại thử, thái dược tại thử, phanh luyện tại thử, Ôn dưỡng tại thử, tiến dương tại thử, thoái âm tại thử, kết đơn tại thử, thoát đơn tại thử. Thất phản cửu hoàn [2] vô nhất bất tại thử. Đản giá cá Trung nhân bất dị kiến, diệc bất dị tri, bất khả dĩ hữu tâm cầu, bất khả dĩ vô tâm thủ. Hữu tâm cầu chi, tắc lạc ư sắc tướng, vô tâm hữu chi, tắc nhập ư không tịch, quân phi trung đạo. Chân chính chi trung phi hữu phi vô tức hữu tức vô, phi sắc phi không, tức sắc tức không, bất lạc ○ thiên, ư hoảng hốt trung cầu, ư yểu minh nội tầm, thứ hồ cận yên.

Thiên hạ học nhân bất tri thử trung thị cá thậm ma vật sự. Hoặc vị Huỳnh đình huyệt, hoặc vị Thiên cốc huyệt, hoặc vị Bá hội huyệt, hoặc vị Giáng cung, hoặc vị Minh đường, hoặc vị Yết Hầu, hoặc vị «Lưỡng thận trung gian». Chấp thử ảo thân huyệt khiếu, tiện vị «Thủ Trung bão Nhất». Vọng ký trường sinh. Bất đãn bất năng trường sinh, phản nhi xúc tử, Ai tai.

Nhu viết: Hỉ nộ ai lạc chi vị phát vị chi Trung.

Hựu viết: Bất thiên bất ỷ chi vị Trung.

Đạo viết: Tiền huyền chi hậu hậu huyền tiền,

Dược vị bình bình khí tượng tuyền.[3]

Hựu viết: Âm dương đắc loại qui giao cảm,

Nhị bất tương đương tự hợp thân.

Thích viết: Ngô hữu nhất vật,

Thượng trụ thiên

Hạ trụ địa

Vô đầu, vô vĩ

Vô bối vô diện.

Hựu viết: Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Phàm thử giai ngôn Trung chi thật lạc xứ dã. Nhược nhân năng ư đẳng xứ lưu tâm, Cựu thâm nghiên cơ, tựu chính ư chân sư, nhận đắc chân chính chi Trung, tương trự trượng tử, xuyên tại ngưu tị khổng trung, lập đăng bỉ ngạn, tuyệt bất phí lực. Tòng thử trực tiến đại lộ, hoãn bộ thi hành, chung hữu đáo gia chi nhật.

Kinh vân: «Đắc kỳ nhất, vạn sự tất», khởi hư ngữ tai.

TRUNG ĐỒ 中 圖

Sinh sát xá 生 殺 舍	Thông cù lộ 通 衢 路
Nguyên quan khiếu 元關竅	Tứ hội điền 四 會 田
Nguyên tẫn môn 元 牝 門	Thập tự nhai 十 字 街
Mậu kỷ môn 戊 己 門	Hư linh khiếu 虛 靈 竅
Sinh tử quan 生 死 關	Hữu vô địa 有 無 地
Hình đức môn 刑 德 門	Nhân thú quan 人 獸 關
Âm dương hộ 陰 陽 戶	Tạo hóa lô 造 化 爐
Tính mệnh khiếu 性 命 竅	Huyền thai đỉnh 懸 胎 鼎
Thiên địa căn 天地 根	Chúng diệu môn 眾 妙 門

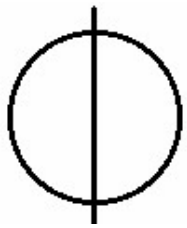

Chí linh chí thánh chí thần.	至 靈 至 聖 至 神
Sinh thiên sinh địa sinh nhân.	生 天 生 地 生 人

Thị chi bất kiến, thính chi bất văn, bác chi bất đắc.

視 之 不 見 聽 之 不 聞 搏 之 不 得

Nghĩ chi tắc thất, nghị chi tắc phi, tầm chi tắc vô.

擬 之 則 失 議 之 則 非 尋 之 則 無

3. Dịch Việt Văn:

Nho nói: Chấp trung. Đạo nói: Thủ trung. Thích nói: Hư trung. Một chữ TRUNG mà làm tâm pháp cho cả ba tôn giáo Phật, Thích, Lão, để tu tính mệnh, thành đại đạo. Sách vở trăm nghìn, nói lui nói tới, rút cục chỉ cốt giảng luận một chữ đó.

Theo chữ triện thì chữ TRUNG phát sinh do một vòng tròn ○, và một nét sổ |.

Ở nơi người TRUNG tức là điểm Thiên lương cầm cân nảy mực, hoàn hảo, trong sáng vì thế gọi là Khí tiên thiên chân nhất. Trong vòng tròn ○ có nét sổ | . Ý nói, thiên lý hỗn nhiên lưu hành trên dưới chẳng hề ngừng ! và nét sổ ở giữa vòng tròn. Vòng tròn chia đôi ϕ tả là dương, hữu là âm, tượng trưng cho hình Hà Đồ, phía trái có khí dương, phía hữu có khí âm thăng giáng.[4]

Tiết Đạo Quang viết: Trước Trời đất có một vật không tên tuổi, tịch liêu vắng lặng, có thể làm chủ vạn vật, không hề tàn tạ với quang âm.

Vòng tròn tượng trưng cho tịch liêu, nét sổ tượng trưng ngôi chủ tể vạn vật, hư không vô đối mà bao hàm thực hữu tuyệt đối, chí hư mà bao hàm chí thực, vì thế gọi là Trung.

Trung này không thiên ỷ, không trước sau,không lưng mặt đầu đuôi, vượt trên các danh từ hữu vô, không sắc, hư linh viên mãn, biến ảo vô lường, không hình tượng mà sinh hóa hữu hình, chủ tể vạn tượng:

sinh trời, sinh đất, sinh nhân vật.

Ở nơi người Trung không phải là khoảng giữa hữu hình của xác thân, không phải là Khoảng giữa của không gian trong ngoài; Trung đây không nơi chốn, không sở cứ, nhìn chẳng ra, nghe chẳng thấy, cầm chẳng được.[5] Tạm gọi là:

Thập tự nhai, [6]

Tứ hội điền,

Thông cù lộ,

Mậu kỷ môn,

Nguyên tẫn môn,

Nguyên quan khiếu,

Sinh sát xá,

Hình đức môn,

Sinh tử quan,

Âm dương hộ,

Tính mệnh khiếu,

Thiên địa căn,

Nhân thú quan,

Huyền thai đỉnh,

Tạo hóa lô.

Danh hiệu tuy nhiều nhưng thực ra chỉ tóm lại một chữ Trung. Trung là gốc lớn của thiên hạ. Từ xưa đến nay, thánh hiền, tiên, phật, đều do đó mà ra. Trung to không có gì ngoài được, mà nhỏ thì không có gì ở trong được. Tung ra thì bao trùm không gian vũ trụ, thu lại thì ẩn áo huyền vi. Ai biết ra thì thành Hiền, Thánh, ai không biết ra thì vạn kiếp trầm luân.

Trung đó là căn bản của tính Mệnh. Trong Tiên Thiên, tính mệnh hợp nhất thành Trung. Trong hậu thiên, Trung phân chia thành tính mệnh. Thực ra trong hậu thiên sẽ xuất phát lại Tiên Thiên: Thế là tính mệnh quay về nguồn gốc, âm dương đôi ngả vẹn tròn để trở về Nhất, Trung như cũ.

Lão Tử nói:

«Trời bất tử trường sinh bất tử,

Cửa trường sinh là cửa Càn Khôn.» [7]

Tử Dương nói:

«Muốn được Cốc Thần thường bất tử,

Phải từ Huyền tẫn lập căn cơ.»

Cốc thần là Trung, huyền tẫn là âm dương, là tính mệnh, «Cốc thần bất tử» là chữ Trung bao hàm tính mệnh. «Huyền tẫn lập cơ» là tính mệnh ngưng kết thành Trung.[8]

Người giữ được Trung là thánh nhân, người không giữ được Trung là phàm tục. Thánh phàm khác nhau là ở chỗ được và chỗ mất đó. Người phàm tục bị khí chất câu thúc, bị tập tục tiêm nhiễm, làm cho

tính mệnh phân ly. Chữ Trung một ngày một khuy tổn, tính mệnh giao động tán loạn, thần khí hôn mê ô trọc, mà Trung kia thôi cũng đã sẩy sa. Mất Trung điểm thì mệnh không còn nền tảng. Thân xác tuy còn cử động mà thần hồn đã chết từ bao, làm sao mong trường cửu ?

Thánh nhân tam giáo lấy chữ Trung làm căn bản, dạy người nắm lấy Trung mà bảo toàn tính mệnh. Chữ Trung là gốc ngọn cương kỷ cho phương pháp tu thân: Xây nền đắp tảng ở đó, hái thuốc luyện đơn ở đó, làm cho tinh thần tăng tiến, vật chất thoái giảm cũng ở đó, mà thuốc trường sinh thành tựu cũng ở đó, biết hoàn thành sứ mạng con người, lui gót về căn bản cũng nhờ đó. [9]

Nhưng chữ Trung đó không dễ thấy dễ biết, không thể để lòng phàm tục mà cầu, không thể dùng lòng yếm thế mà giữ. Dùng lòng phàm tục mà cầu thì sẽ lạc vào hình thức sắc tướng, dùng lòng yếm thế mà giữ thì sẽ sa vào vòng hư không quạnh quẽ; cả hai chẳng phải Trung Đạo. Trung chân chính siêu việt trên có trên không, không tù túng trong giới hạn nào. Muốn tìm Trung phải tìm trong nơi phảng phất âm u của đáy lòng may ra mới thấy.

Học giả trong thiên hạ không biết Trung đó là cái gì. Người thì bảo đó là huyệt Huỳnh Đình, người thì nói là huyệt Thiên Cốc, huyệt Bá hội hay Giáng Cung, Minh Đường, Yết hầu, Mệnh môn. Ôm ấp một cái huyệt trong tấm thân hư ảo của mình mà cho là giữ được Trung được Nhất, thật là tìm trường sinh một cách lầm lạc, nên chẳng được trường sinh mà chỉ gặp chết chóc. Thương thay.

Nho nói: «Khi chưa phát vui thương mừng giận thì gọi là Trung.» (Tức là khi chưa sinh hiện tượng thì gọi là Trung).

Lại nói: Không thiên ỷ là Trung.

Đạo nói: Đứng sau thượng huyền, trước hạ huyền.

Dược vị bình bình, khí tượng nguyên.

Lại nói: Âm dương đôi lứa về giao cảm,

Hai tám tương đương tự hợp duyên.[10]

Thích nói:

Ta có một vật

Trên chạm Trời

Dưới chạm đất

Không đầu đuôi

Không lưng mặt

Lại nói: Này Xá Lợi Tử, sắc tức không, không tức sắc, sắc không giao hảo, không sắc hỗn hợp.[11]

Tất cả những lời đó, đều là mô tả sở cứ của Trung.

Nếu ta có thể lưu tâm nghiên cứu cho tận tường, tìm thấy hay mà học hỏi, nhận chân ra được chữ Trung chân chính đó thì chẳng khác gì xỏ khoen vào mũi trâu [12] lập tức tới bờ bên kia, không phí sức lực. Từ đó thẳng tiến trên con đường rộng rãi thênh thang thong thả tiến bước rồi ra có ngày về tới nhà. Lời kinh nói «Được một sự là vạn sự xong xuôi» chẳng lẽ lại là lời vô căn cứ hay sao ?

---

[1] Xem Chu Dịch Xiển Chân của Lưu Nhất Minh trong Chu Dịch đồ thích đại điển, Chủ Biên: Thi Duy,

Khưu Tiểu, Trung Quốc Công Nhân xuất bản xã, q. hạ, tr. 1615.

[2] Thất phản giả phản bản. Cửu hoàn giả qui nguyên. (Hoàn nguyên thiên, tr.4)

[3] Các sách Đạo Lão gọi Trung điểm ở bát quái đồ, hay Trung điểm tâm thần là "Huyền quan nhất khiếu". Do đó ta có thể giải thích hai câu thơ trên như sau: Theo Hà đồ thì: Trung thuộc Thổ, Thổ làm liên tưởng tới Khôn: (Tây Nam chân Thổ thị khôn cùng; Đại dược căn nguyên sản tại Trung.) (Nhập dược kính, tr.4) mà theo la bàn thì quẻ khôn hậu thiên nằm sau Thượng Huyền và trước Hạ Huyền. Nên câu thơ trên ám chỉ Trung Điểm. Đạo Lão thường nói giữa Thượng huyền (Thượng Thước Kiều) và Hạ Huyền (Hạ Thước Kiều) là nơi kim thủy hỗn dung, là Huyền quan nhất khiếu, là Trung. (Nhập dược kính, tr.3)

[4] ϕ tượng trưng cho Tiên thiên bát quái vì 32 hào sơ phía trái đều dương, 32 hào sơ phía phải đều âm.

[5] Xem Lão Tử Đạo đức kinh, ch.14.

[6] Những danh từ này trong Đạo Lão dùng để ám chỉ Trung Điểm của Bát quái, tượng trưng cho ngôi Thái Cực hay Vô cực. Đó là chỗ "Ngũ khí triều nguyên", đó là "Cửa càn khôn" cõi bờ của 2 đường sinh tử (Sinh tử quan, âm dương hộ, sinh sát xá).

Đạo Lão gọi Trung điểm ấy là Huyền tẫn, Cốc thần,... Đó là căn để của Trời đất (Thiên địa căn) là nơi hun đúc các bậc thánh hiền muôn thủa (tạo hóa lô, v.v..)

[7] Cf. Đoạn VI Lão Tử Đạo Đức Kinh.

[8] Hiểu được Trung điểm của Dịch là hiểu được Trung Đạo của cổ nhân. Hiểu được chữ Trung là hiểu được phương pháp: «Toàn thốc ngũ hành. Hội hợp bát quái.» (Thâu tóm ngũ hành bát quái về Trung cung Thái cực) của đạo Lão. Phương pháp này đơn gia gọi là "Tạo hóa qui Trung chi diệu" (phương pháp huyền diệu của Tạo hóa để trở về Trung điểm). Kết quả sẽ là: Tam hoa tụ đỉnh. Ngũ khí triều nguyên. (Tinh, khí, thần hợp nhất tại tâm đỉnh, ngũ khí chầu về nguồn gốc). Tử Dương có thơ: «Đông tam, Nam nhị đồng thành ngũ. Bắc nhất, Tây phương tứ cộng chi. Mậu kỷ tự cư sinh số ngũ. Tam gia tương kiến kết anh nhi.» (Nhập dược kính, tr.7). Muốn hiểu bài thơ này coi Hà đồ sau đây:

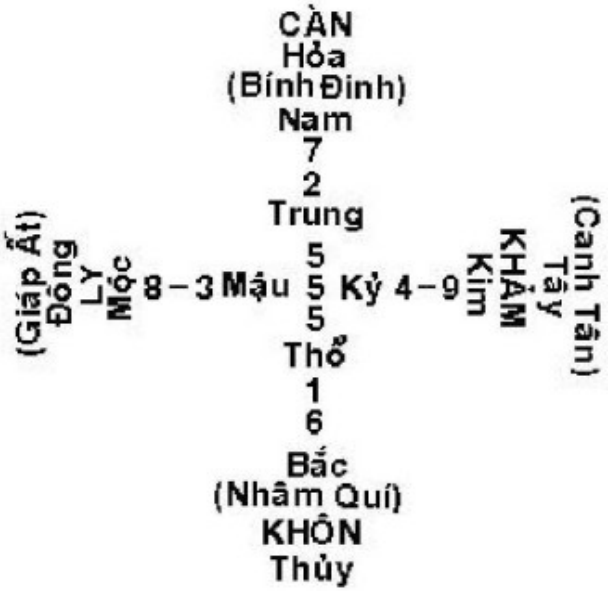

[9] Cf. Frédéric Copleston, Histoire de la philosophie, Tome: La Renaissance, ch.1, p.213: Le Mysticisme spéculatif de Henri Suso.

Suso affirme que l'union mystique a lieu dans l'essence dans 'l'étincelle de l'âme'. Cette essence, ce centre, est le principe unificateur des puissance de l'âme et c'est en elle que réside l'image de Dieu. Par l'union mystique qui naît d'une connaissance et d'un amour d'origine surnaturelle cette image de Dieu s'actualise. Cette actualisation est appelée la 'naissance de Dieu' (Gottesgeburt) ou 'naissance du Christ' (Christusgeburt) dans l'âme; par elle l'âme devient encore plus semblable et unie à la divinité dans et par le Christ...

[10] Ý nói tâm điểm trong vòng Dịch là nơi xung mô vô trẫm, khí tượng nguyên tuyền, nơi âm dương qui tụ thành Thái cực. Gọi là 2 tám vì: Càn ☰, Đoài ☱, Ly ☲, Chấn ☳ (Dương) có tám hào dương, Tốn ☴, Khảm ☵, Cấn ☶, Khôn ☷ (Âm) có tám hào âm.

[11] Coïnsidentia oppositorum de Nicolas de Cuse.

[12] cf. Le Zen, la vache et le Koan. (Edouard Longue, Le Yoga pour soi, p.237-250)

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 5

NGUYÊN ĐẠO HUẤN [1]

原 道 訓

Hoài Nam Tử 淮 南 子

1. Hán văn:

夫 道 者 覆 天 載 地. 廓 四 方 柝 八 極. 高 不 可 際 深 不 可 測, 包 裹 天 地, 稟 受 無 形, 源 流 泉 渟 沖 而 徐 盈. 混 混 泊 泊, 濁 而 徐 清. 故 植 之 而 塞 天 地. 橫 之 而 彌 於 四 海. 施 之 無 窮 而 無 所 朝 夕. 舒 之 幎 於 六 合, 卷 之 不 盈 於 一 握. 約 而 能 張 幽 而 能 明. 弱 而 能 強, 柔 而 能 剛. 橫 四 維 而 含 陰 陽. 紘 宇 宙 而 而 彰 三 光, 甚 淖 而 滒, 甚 纖 而 微. 山 以 之 高, 淵以之 深, 獸 以 之走, 鳥 以 之 飛.

日 月 以 之 明. 星 歷 以 之行. 麟 以 之 遊, 鳳 以之 翔. 泰 古二 皇, 得 道 之 柄, 立 於 中 央. 神 與 化 游 以 撫 四 方. 是 故 能 天 運 地 滯, 輪 轉 淵 無 廢. 水 流 而 不 止 與 萬 物 終 始. 風 興 雲 蒸, 事 無 不 應. 雷 聲 雨 降, 並 應 無 窮.

2. Phiên âm:

Phù đạo giả, lý thiên, tải địa, khuếch tứ phương, thác bát cực. Cao bất khả tế, thâm bất khả trắc, bao lý thiên địa, bẩm thụ vô hình, nguyên lưu tuyền bột, xung nhi từ doanh. Hỗn hỗn bạc bạc, trọc nhi từ thanh. Cố thực chi nhi tắc thiên địa, hoành chi nhi di ư tứ hải, thi chi vô cùng, nhi vô sở chiêu tịch. Thư chi minh ư lục hợp, quyển chi bất doanh ư nhất ốc. Ước nhi năng trương u nhi năng minh, nhược nhi năng cường, nhu nhi năng cương. Hoành tứ duy nhi hàm âm dương. Hoành vũ trụ, nhi chương tam quang, thậm náo nhi ca, thậm tiêm nhi vi. Sơn dĩ chi cao, uyên dĩ chi thâm, thú dĩ chi tẩu, điểu dĩ chi phi.

Nhật nguyệt dĩ chi minh, tinh lịch dĩ chi hành. Lân dĩ chi du phượng dĩ chi tường. Thái cổ nhị hoàng, đắc Đạo chi bính, lập ư trung ương, thần dữ hóa du, dĩ tứ phương. Thị cố năng thiên vận địa trệ, luân chuyển nhi vô phế. Thủy lưu nhi bất chi, dữ vạn vật chung thủy. Phong hưng vân chưng, sự vô bất ứng; lôi thanh vũ giáng, tịnh ứng vô cùng.

3. Phỏng dịch: [2]

Hóa công chở đất che Trời,

Mênh mông bốn hướng, chơi vơi tám tầng

Cao, cao vô tận vô ngần,

Thẳm sâu , sâu mấy muôn tầm, đo sao !

Trùm Trời, mà đất cũng bao,

Vô hình, vô tượng, dễ nào hình dung.

Nguồn tung, suối tỏa tưng bừng,

Ngỡ là sắp cạn, bỗng dưng đầy tràn.
Ào ào, cuồn cuộn, vang vang,
Ngỡ là vẫn đục, vẫn hoàn trong veo.
Trồng lên đất ngợp Trời teo,
Tung ra , bốn biển có chiều mung lung.
Ra tay linh diệu khôn cùng,
Quang âm khôn cản dặm chừng vân du,
Khi tung, Trời đất chưa vừa,
Khi thu, nhỏ xíu lọt thừa nắm tay,
Tuy co, mà dãn như mây,
Tuy mờ, mà sáng như ngày nắng chang.
Tơ non mà rất cương cường,
Mềm nhung mà dắn in tuồng thép gang.
Tràn bốn hướng, cưu mang nhật nguyệt,
Ngất Trời mây, soi hết trăng sao.
Mịn màng, thắm thiết biết bao,
Tế vi tiêm tất tả sao cho cùng,
Núi nhờ thế mà tung cao vút
Vực dựa uy, sâu ngút mịt mùng.
Ngài cho thú chạy trong rừng,
Cho chim tung cánh chín tầng mây xanh
Ngài tô ánh quang minh nhật nguyệt,
Ngài rong cương ruổi hết tinh huy.
Kỳ lân đùa rỡn cũng vì,
Phượng loan, bay bổng, quyền uy không ngoài
Đời thái cổ, có hai Hoàng đế,
Nhờ ơn Ngài chỉ vẽ trước sau,
Mới nên nhân đức nhiệm màu,
Thần thông hóa dục, dẫn đầu muôn phương.
Quyền uy Ngài khôn lường khôn tả,
Rung chuyển Trời, lắng cả đất đai,
Quay cho Trời đất vần xoay,
Xô cho nước chảy đêm ngày chẳng thôi.
Thủy chung để sánh đôi muôn vật,
Thổi gió giông, ủ ấp ngàn mây.

Việc gì cũng có dúng tay,

Ầm ầm sấm động, mưa bay tỏa quyền...

---

[1] Chư tử văn túy, q.52, tr.1.

[2] Đã in ở chương 10 của quyển 1: Bản thể và Hiện tượng luận theo Trung Dung và Dịch lý .

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 6

Giải thích các hình vẽ trong quyển 1

☯ Hình 1: Trung Quốc đạo thống đồ, tr. 40. Có hình: Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương, Chu Công, Khổng Tử. (Trích: Trương Kỳ Quân, Trung Hoa ngũ thiên niên sử tr.178, q.2: Tây Chu sử).

☯ Hình 2: Nhân tâm đạo tâm, tr.49. Tác giả diễn tả bằng hình vẽ tâm hồn con người. Dựa vào những tài liệu Nho Giáo, tác giả phân tâm hồn con người làm hai phần:

a) Nhân tâm biến thiên (tượng trưng băng mặt trăng).

b) Đạo tâm hằng cửu (tượng trưng bằng mặt trời); ý muốn nói trong «tâm» (anima, âme) còn có «Đạo» (logos).

☯ Hình 3: Các tầng lớp của con người, tr.50.

(1) Đồ bản này dùng hình tròn để tượng trưng các tầng lớp trong con người, để đối chiếu với các đồ bản của Copernic về thiên văn (cf. Histoire générale des sciences, Presses universitaires de France, tome II: La science moderne, tr.63; cf. phụ lục VIII hình A của Bohr về nguyên tử.

(2) Đồ bản này phối hợp các đạo giáo và triết học, xác định chân tâm, vọng tâm (hay thần và tâm) minh xác bằng đồ bản hai phần «thể» (essence, être, Nature naturante, le Logos, le Nous, le Verbe, le Noumène, Dieu manifesté...), «dụng» (l'accident, le devenir, le phénomène, nature naturée, l'âme) của một tâm hồn con người muôn thủa.

(3) Tâm điểm đây chính là điểm bất biến, hằng cửu tùy nơi tùy thời mang những danh hiệu khác biệt, như Hoàng cực, Thần, Đạo, Chân như, Chân, Thể, Hữu, Tạo hóa, Hóa nhi, v.v., le Verbe, le Logos, l'Absolu, le Soi véritable, v.v.)[1]

(4) Nói đến Hữu tức là gợi đến vô, mà đồ bản này không trình bày được, vô hay hư hay không hay Tịch diệt không phải là hư vô, hư không hư ảo mà chính là vô thanh, vô xú, vô hình, vô tượng, chí hư chí linh; Vô đây là «Đạo ẩn vị hình cố vị chi vô (Trần Trụ). Vô đây chính là trời ẩn (Dieu non manifesté, Dieu le Père). Lão Tử nói «Thiên hạ vạn vật sinh ư Hữu, Hữu sinh ư Vô» là nghĩa vậy. Hiểu hai chữ hữu, vô như trên ta sẽ gỡ được mối tơ vò Phật giáo, Lão giáo, v.v.

(5) Phân biệt tâm thần, vọng tâm, chân tâm như trong đồ bản, ta mới hiểu áo nghĩa của các nhà huyền học khi đề cập «vô ngã» (cf. Galates I, 4-20) (cf. Evangelicum secundum Matthaeum caput XVI,25: Qui enim voluerit animam suam salvam facere, perdet eam; qui autem perdiderit animam propter me, inveniet eam.) Đời xưa nói: «Tâm tử thần hoạt» 心 死 神 活 hay «Nhân dục tận nhi thiên lý hiện.» 人 欲 盡 而 天 理 現 [2]

(6) Để hiểu rõ ý nghĩa hình vẽ, hiểu rõ nhiệm vụ các tầng lớp con người, xin đọc thêm mấy bài thơ do

tác giả làm hoặc hoặc dịch sau đây:

I. Vịnh Đạo tâm, Thái cực.

Nhân tâm Thái Cực dữ Thiên đồng,

人 心 太 極 與 天 同

Hoặc vị Đạo tâm, hoặc vị Trung.

或 謂 道 心 或 謂 中

Tán lý bao la khan bất tận,

散 理 包 羅 看 不 盡

Thu thời vi ẩn mịch vô tung.

收 時 微 隱 覓 無 蹤

Tri phong tri tự tri hằng biến,

知 風 知 自 知 恆 變

Giáo kính giáo thành giáo thủy chung.

教 敬 教 誠 教 始 終

Khiết tịnh tinh vi tâm thể đạo,[3]

潔 淨 精 微 心 體 道

Âm dương biến hóa diệu nan cùng.

陰 陽 變 化 妙 難 窮

Phỏng dịch Việt văn:

Thâm tâm sẵn có ảnh trời,

Di luân, trung chính, muôn đời y nguyên.

Khi tung vô tận vô biên,

Khi thu ấm áo im lìm tiếng tăm.

Nguồn cơn rõ lẽ biến hằng.

Kính tin rồi mới thành thân thành người.

Thanh qua người lần bóng Trời.

Âm dương biến hóa ngược xuôi không cùng.

II. Mượn lời Ecclésiastique (17-3,9)

Trời đã khoác cho người uy võ,

Lại khuôn người in tỏ ảnh mình.

Lại ban cho được uy linh,

Muôn vàn âu hẳn quần sinh đứng đầu.

Ban trí tuệ suy sau xét trước,

Cho ngũ quan xem ngược rõ xuôi.

Huyền vi bày giải đầu đuôi,

Thị phi soi tỏ khúc nhôi ngọn ngành.

Cho tuệ nhãn huyền linh trác tuyệt,

Ngắm trần hoàn mà biết việc Trời.

Tấc thành cô đọng nên lời,

Cao xanh tuyệt diệu, ngàn đời hoan ca.

III. Mượn lời Thiệu Khang Tiết

Tính giả Đạo chi hình thể dã,

性 者 道 之 形 體 也

Tính thương tắc Đạo diệc tòng chi hĩ.

性 傷 則 道 亦 從 之 矣

Tâm giả tính chi phu quách dã,

心 者 性 之 郛 郭 也

Tâm thương tắc tính diệc tòng chi hĩ.

心 傷 則 性 亦 從 之 矣

Thân giả tâm chi khu vũ dã,

身 者 心 之 區 宇 也

Thân thương tắc tâm diệc tòng chi hĩ.

身 傷 則 心 亦 從 之 矣

Vật giả thân chi chu xa dã,

物 者 身 之 舟 車 也

Vật thương tắc thân diệc tòng chi hĩ.

物 傷 則 身 亦 從 之 矣

Dịch Việt văn:

Tính là hình đấng tối cao,

Tính mà thương tổn ứng vào tầng xanh.

Tâm là thành quách bao quanh,

Tâm mà thương tổn, tính đành họa theo.

Thân như non nước mỹ miều,

Xác thân thương tổn, tâm nhiều xác xơ.

Vật là thuyền chở xe đưa,

Đảo điên vật chất thân nhờ vào đâu...

IV. cf. Pháp bảo đàn kinh, quyết nghi phẩm, đệ tam, câu 21.

☯ Hình 4: Tính mệnh song tu, âm dương hợp nhất (Phổ chiếu đồ) tr.55. (Trích: Henri Doré S.J., Recherches sur les superstitions en Chine, 3ème partie. 3ème section, Tome XVIII p.132. Nguyên bản không có giải thích).[4] Theo thiển ý tác giả, thì «Tính mệnh», «nguồn sống» và định mệnh con người đều

nằm trong đầu óc (Nê Hoàn cung). Sách Đại Đỗng chân kinh, tr.10, viết: «Cửu thiên chi thượng thần tiên sở cư. Tại nhân tức «Nê hoàn lưu châu cung» thị dã. Thiên mệnh chân nguyên, trước ư tổ khiếu.» 九天之上神仙所居. 在人即泥丸流珠宮是也. 天命真元著於祖竅. Muốn tìm được trường sinh, muốn thực hiện được định mệnh, con người phải biết phối hợp âm dương, hay nói cách khác, phải biết phối hợp «tâm, thần». Thế tức là phối hợp «nhật, nguyệt» lại thành «Dịch», thành «Thái cực»... Ta có thể diễn tả bằng phương trình sau:

Thân 身 (Kim ô; thái dương)	+ Tâm 心 (ngọc thố; thái âm)	= Thái Cực 太極

Hay: Nhật 日 + Nguyệt 月 = Dịch 易

«Tính mệnh» hay «Chân Nguyên» còn được gọi bằng nhiều danh hiệu khác như: Tâm nguyên, Tính hải, Linh đài, Linh quan, Xích thủy, Chân thổ, Hoàng trung, Huỳnh đình, Qui trung, Tây phương, Giá cá, Huỳnh bà, Trung hoàng, Quan nguyên, Khí hải, Thổ phủ, Huyền khiếu, Sinh môn, Tử hộ, Hoa trì, v.v. (Đây là những danh từ của đạo Lão để trong hình).

☯ Hình 5: Trung quốc tinh tòa khái lược đồ, tr.68. Lấy Bắc Cực làm trung tâm cho xích đạo, Hoàng cực làm Trung tâm cho hoàng đạo. (Trích: Trương Kỳ Quân, Trung Hoa ngũ thiên niên sử, q.I, tr.49)

☯ Hình 6: Trung điểm trong đồ thư, tr.69-70. Xiển minh huyền nghĩa của Trung cung, Trung điểm trong các đồ bản của cổ nhân. Tùy theo mỗi đồ bản, tâm điểm có thể là khu nữu cho thời gian (Trung cung Minh đường), là chủ chốt cho bát quái (Thái cực) là tinh hoa cho tứ tượng (Ngũ = quinte essence, quintessence).

☯ Hình 7: Trung điểm là Đế vị, Thiên vị (Đế xuất Chấn đồ), tr.77. (Trích: Lô Lăng Cao Tuyết Quân, Dịch kinh lai chú đồ giải, q.12, tr.161)

☯ Hình 8: tr.76. Oum mani padme hum = Ngọc châu viên giác chiếu diệu trong tâm não bộ.

☯ Hình 9: tr.75. Om (Trung điểm, Tuyệt đối thể) là con đường đại đồng. (Hình 8 và 9 trích từ: Anagarika Govinda, Foundation of the Tibetan mysticism. Bản dịch tiếng Pháp của Charles Andrieu: Les fondements de la mystique tibétaine - Spiritualités vivantes, Jean Herbert. Xem ảnh các trang 200, 201). Minh chứng chữ Om (hay Ngọc châu viên giác hay Tạo hóa) nằm ngay trong trung tâm bông hoa sen nghìn cánh (tức là trong Trung tâm não bộ của con người). Theo Áo Nghĩa Thư (Upanishad) thì Liên hoa hay Trung tâm não bộ cũng chính là Thiên cung, nơi Trời (Brahma) ngự trị.[5]

☯ Hình 10: tr.77. Chữ Oum mani Padme tạc trên các vách đá trong xứ Boutan. Tượng trưng chữ Om mani padme Hum bằng bông hoa, và các chữ Om mani padme hum viết bằng chữ Phạn tạc vào các tường đá.[6] Phiên âm sang chữ Hán-Việt là: án ma ni bát minh hồng.唵 嘛 呢 叭銘吽.

☯ Hình 11: tr.75. Cốc thần hay Đạo là Trung điểm trong đạo Lão. (Trích: Lưu Nhất Minh, Chu Dịch xiển chân). Trung điểm của vòng Dịch ở đây được tượng trưng bằng Cốc thần, hay Kim đơn (Lão), Thái cực (Nho), hay Viên giác (Phật). Các chữ viết quanh đại khái có nghĩa là: Âm dương hợp nhất, nguyên tẫn tương giao, lương tri lương năng hỗn thành, thì kim đơn ngưng kết, siêu phàm nhập thánh, đắc đạo phối thiên. Nói cách khác, ta sẽ có Kim đơn, hay Cốc thần, hay kết thành «thánh thai».

Nếu ta viết phương trình:

Dương (Càn, Nguyên, Thần)	+ Âm (Khôn, Tẫn, Tâm)	= Cốc Thần (Thái Cực)

Ta sẽ hiểu hai câu thơ:

Yêu đắc Cốc thần thường bất tử,

Tu bằng Nguyên tẫn lập căn cơ.

☯ Hình 12, Hình 13: A. Nê hoàn cung (Thời chiếu đồ) tr.78; B. Nê hoàn cung (Tẩy tâm thoái tàng đồ) tr.78. (Trích: Henri Doré S.J., Recherches sur les superstitions en Chine: Lao Tse et le Taoisme). Nguyên tác không có chú giải. (cf. Tính mệnh khuê chỉ, I tr.21; II, tr.1). Tác giả mượn hai hình này để minh chứng: Nê hoàn theo đạo Lão là ở trung tâm não bộ. Đạo Lão cho rằng: Trong đầu có chính cung mà Nê hoàn ở chính giữa. (xem hình 12). Chín cung là: Thái hoàng, Đế ất, Đơn huyền, Lưu châu, Cực chân, Nê hoàn, Thiên đình, Động phòng, Minh đường. Độc giả xem kỹ 5 vòng tròn chỗ bụng của hình, sẽ thấy bí quyết luyện đơn của đạo Lão cũng phỏng theo đồ Dịch: vì theo kinh Dịch thì: Thái Cực = Âm + Dương.

Mà theo các đơn gia thì:

Kim Đơn = LY (Cống, Xá Nữ) + Khảm (Diên, Anh Nhi). Tác giả không muốn bàn rộng về vấn đề này ở đây. ở đây tác giả muốn nhấn mạnh điểm này là Nê hoàn cung hay Thượng đơn điền cũng vậy.[7]

Nê hoàn cung hay Thượng đơn điền được các đạo gia xác định vị trí như sau: (1) Ở trung cung não bộ (xem lại chú giải về hình 4 ở trên. (2) Ta có thể tìm ra, theo phương pháp sau: Từ giữa hai làn lông mi, đi sâu vào 1 tấc (4cm) là Minh đường, hai tấc là Động phòng, ba tấc là Thượng đơn điền hay Nê hoàn.[8]

☯ Hình 14: tr.89, 90. Nê hoàn cung, Liên hoa tâm hay Thiên địa chi tâm tức là não thất 3. Tác giả muốn minh chứng bằng các hình ảnh cơ thể học rằng «Chân tâm» con người ở trung điểm não bộ.

* Hình A. Trích: Séméiologie radiologique; collection médico-chirurgicale à revision annuelle. (Edition médicale Flammarion, p.249) (Encéphalographie gazeuse fractionnée).

* Hình B. Trích: Isadore Meschan (Saunders), An atllas of normal radiographic anatomy, p.271.

* Hình C. Trích: Oliver S. Strong & Adolph Elwyn, Human neuro-anatomy, The Williams and Wilkins Co., p.242.

* Hình D. Trích: Roy R. Grinker MD and Paul C. Bucy MD, Neurology, Charles C. Thomas Publisher Springfield, Illinois USA, p.514.

* Hình E. Trích: Roger Godel, Vie et Rénovation, Gallimard, p.34-48.

☯ Hình 15: tr.83. Não thất ba chụp thẳng. Hình chụp não thất 3 (Nê hoàn cung = 3ème ventricule) Trích: Isadore Meschan (Saunders), An atllas of normal radiographic anatomy, p. 285.

☯ Hình 16: tr.84. Trích: tạp chí Réalités fémina, Juin 1963, N^{o}290. Hình A. (Trích hình bìa tạp chí trên): Tinh thể nước đá dưới quang tuyến X (Cristal de glace sous les rayons X). Hình B: (Trích tạp chí đó tr.79): Nguyên tử trong một tinh thể tungstène chụp bằng kính siêu vi phóng đại trên 5 triệu lần (Le microscope à émission d'ions et à champ électrique permet enfin de saisir avec un grossissement supérieur à 5 millions de la perspective des atomes dans un cristal de tungstène).

☯ Hình 17: tr.102. Thiên đạo, Nhân đạo, Vật đạo. Chủ trương: muốn tìm đạo trời phải tìm nơi đáy lòng.

☯ Hình 18: tr.127. Đồ biểu tâm tính tương giao và âm dương thuận nghịch. Phân biệt «tính và tâm» đồng thời xiển minh huyền cơ tạo hóa, xác định 2 chiều vãng phản của đạo Trời. Hình này xác đinh Tâm Điểm ở giữa và vòng tròn bên ngoài. Vòng giữa là Bản Thể bất Biến còn vòng bên ngoài là Hiện Tượng biên thiên. Vòng trong là Tính, thì vòng ngoài là Tâm; Vòng trong là Nhất, thì vòng ngoài là Vạn; Vòng

trong là Hằng, thì vòng ngoài là Biến; vòng trong là Chân thì vòng ngoài là Vọng; Vòng trong là Tinh thì vòng ngoài là Thô; Vòng trong là Phác Giản thì vòng ngoài là Tần Phiền ; vòng trong là Chính, thì vòng ngoài là Tùy, vòng trong là Đại thì vòng ngoài là Tiểu, vòng trrong là Lý, thì Vòng ngoài là Khí; vòng trong là Bản thì vòng ngoài là Mạt; Vòng trong là Thể thì vòng ngoài là Dụng; vòng trong là Tự (chân tướng) thì vòng ngoài làPhong (dáng dấp); trong là Trường Sinh, thì ngoài là Phù Sinh; trong là Vi Ẩn thì ngoài là Trứ Hiện, Trong là Thái Cực, là Trung thì ngoài là Âm Dương, là Biên Khu.

Và như vậy, cuộc đời con người cũng chia làm 2 phần: ½ đời trước và ½ đời sau, đối đáp nhau:

* Nửa đời trước gồm 32 quẻ Âm từ Cấu đến Khôn.

* Nửa đời sau gồm 32 quẻ Dương tù Phục đến Kiền.

* Nửa đời trước đẩy đưa con người ra Vật Chất, hình hài, ngoại cảnh, ra ngoài ngọn nên tôi dùng 2 chữ Tồ ủy (đi ra Ngọn). Đi ra ngoại cảnh, Thần sẽ bị tán loạn (Tán), sẽ bị khí Âm làm cho Khuất lấp (Khuất), và y như là đi nghịch lại với Trời (Nghịch), là đi ra (Vãng), là Phản lại với Trời (Phản), là đi ra Biến (Biến), là đi xuống, là đi ra Phân loạn (Phân Loạn), là đi vào Âm Đạo, đi vào Địa đạo, đi vào Quan Nguyệt Quật (Đi vào Cung Trăng, vào Vô Minh) theo lời Thiệu Khang Tiết.

* Nửa đời sau khởi đầu bằng quẻ Phục. Phục là biết giác ngộ, là quay lại với Trời. Phục là qui nguyên, phản bản (Qui Nguyên). Thần như Tụ lại, như lớn lên (Tụ, Thân), đi thuận đường Trời (Thuận), như trở lại (Lai), như đi lên (Thượng), như đã biến hóa (Hóa), như được bình an, bình trị (Trị), như đi vào Dương Đạo, Thiên Đạo, như đã tìm ra được Căn Cốt của mình (Kiến Thiên Căn) theo lời Thiệu Khang Tiết.

☯ Hình 19: tr.130. Trung hòa đồ hay ba đoạn đường tiến hóa nhân loại: (a) Âm đạo: chú trọng cải thiện vật chất. (b) Dương đạo: chú trọng cải thiện tinh thần. (c) Trung đạo: hoàn thiện, siêu việt trên các quan niệm thiện, ác.

Bên trái, vẽ vòng Thái cực tượng trưng sự hoàn thiện bất biến khi chưa có hiện tượng manh nha. (Ai lạc hỉ nộ chi vị phát chi vị trung). Bên phải, vẽ vòng dịch thu gọn, gồm hai chiều Âm Dương lượn quanh vòng Thái cực, mô tả thế nào là con đường Trời được được phát huy theo đúng nhịp điệu trời đất. (Phát nhi trúng tiết vị nhi hòa.)

Nếu hiểu Dương là động, Âm là tĩnh, Dương là quí, Âm là tiện ta sẽ thâu tóm được các luật về Âm Dương dịch lý như sau:

- Âm đạo: là đoạn đường trước, đoạn đường đầu (tiên 先 , thủy 始). Đó là giai đoạn đi vào bóng tối (hối 晦), đi ra (xuất 出), đi xuống (hạ 下) những điều ti tiện (ti tiện 卑 賤), phù du, lộ liễu bên ngoài (biểu 表 , hiển 顯 , xuất 出 , ngoại 外). Trong giai đoạn này tinh thần còn ù lì (tĩnh 靜), luôn bị ngoại vật chi phối (khuất 屈) xa dần Thượng Đế (vãng 往), và như xoay lưng (bối 背) lại Thượng Đế. Đó là một thứ văn minh tiến bộ dật lùi (thoái 退) văn minh vật chất; tinh thần càng ngày càng tiêu ma táng tận (tiêu 消 , táng 喪) và cửa Trời y như đã đóng lại (hạp 闔).

- Dương đạo: Dương đạo là một đoạn đường sau (hậu 後 , chung 終). Đó là giai đoạn tiến tới ánh sáng (minh 明) đi vào (nhập 入), đi lên (thượng 上) tới những điều tôn quí (tôn quí 尊 貴), tới những điều ẩn áo huyền vi (lý 裏 , ẩn 隱 , nhập 入 , nội 內). Trong giai đoạn này tinh thần khinh khoát hoạt động (động 動), thoải mái không còn bị ngoại vật chi phối (thân 伸), tiến dần đến Thượng Đế (lai 來), hướng về Thượng Đế (hướng 向). Đó mới chính là tiến bộ thật (tiến 進). Tinh thần càng ngày càng tăng trưởng, đầy đủ (tồn 存 , tức 息 , doanh 盈) và cửa trời y như được mở ra (tịch 闢).

Hiểu như vậy có nghĩa là hiểu được Dịch lý. Tiên nho viết: Dịch chi vi đạo: nhất âm nhất dương nhi dĩ: Tiên hậu; thủy chung; động tĩnh; hối minh; thượng hạ; tiến thoái; vãng lai; hạp tịch; doanh hư; tiêu trưởng;

tôn ti; quí tiện; biểu lý; ẩn hiện; hướng bối; thuận nghịch; tồn vong; đắc táng; xuất nhập; hành tàng. (Tống Nguyên học án, q.12, tr.6)

Vãng lai giả, dĩ nội ngoại ngôn dã, dĩ tiêu tức ngôn dã; tự nội nhi ngoại vị chi vãng; tự ngoại nhi nội vi chi lai. (Tống Nguyên học án, q.37, tr.3)

Tích thần sinh khí, tích khí sinh tinh, thử tự vô nhi chi hữu dã. Luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hóa hư, thử tự hữu nhi chi vô dã. (Hưu Ninh, Y phương tập giải, q.33)

☯ Hình 20: tr.176. Phục Hi bát quái phương vị đồ. (Trích: Nguyễn Mạnh Bảo, Dịch kinh tân khảo, q.1, tr.35)

☯ Hình 21: tr.177. Dịch tòng trung khởi đồ (vũ trụ tòng trung khởi đồ). Đồ bản này theo đúng thứ tự 64 quẻ của Phục Hi: phía trái 32 quẻ Dương từ Càn đến Phục; phía phải 32 quẻ Âm từ Cấu đến Khôn. Tác giả phỏng theo: (1) Đồ hình 23 trong: Nguyễn Mạnh Bảo, Dịch kinh tân khảo, q.1, tr.252. (2) Đồ hình: «Suy diễn Chu Tử huấn thích tiên thiên lục thập tứ quái viên đồ âm dương giao thác chi tượng» trong: Phạm Đình Hổ, Hi kinh đồ thuyết, (tài liệu viết tay của Nguyễn Văn Ba).

☯ Hình 22: tr.182. Chu kỳ mặt trăng. Biến tượng của mặt trăng theo thiên văn Âu Mỹ đối chiếu với tiên thiên bát quái. (Trích: Nguyễn Mạnh Bảo, Dịch kinh tân khảo, q.1, tr.100)

☯ Hình 23: tr.186. Vòng Hoàng Đạo đối chiếu với vòng Dịch. Sự phối hợp này được thực hiện theo những định tắc sau:

(1) Định hướng lại vòng Hoàng Đạo: khởi điểm từ sau ngày Hạ chí (nhất Âm sinh) bát đầu bằng quẻ Cấu theo Thiệu Khang Tiết, và cung Cự giải theo Macrobe

Như vậy quẻ Phục sẽ bắt đầu sau ngày Đông chí, và cung Ma yết. Thiệu Tử thì cho rằng: Cấu là giai đoạn phong trần luân lạc của con người vào vòng trần hoàn vật chất, còn Phục thì khởi đầu đoạn đường giác ngộ, giai đoạn tâm thần bừng tỉnh giấc mộng hoàng lương thế sự, để trở về cùng Thượng Đế. Hai bề Âm Dương ấy cách trở nhau bằng một đường lượn qua tâm. Macrobe gọi cung Cự giải là «cửa người», cung Ma yết là «cửa thần minh» cách nhau bằng cả giải Ngân hà. Sự trùng hợp thực là lạ lùng.

(2) 12 cung Á Âu đồng tên.

(3) Cho 12 cung ứng ngày tháng trong năm, dựa theo các tài liệu của Papus (xem hình trong: ABC de l'occultisme, p.250), và các sách chiêm tinh học Âu (ví dụ: Grande Encyclopédie illustrée des sciences occultes de D. Néroman, Tome II, ch.2: L'influence traditionnelle du Soleil pour chaque signe, chaque mois et chaque degré, p.193 et ss.)

(4) Xếp Nhị thập bát tú vào các cung tương ứng: dựa theo Couvreur, Dictionnaire classique de la langue Chinoise, p.1060 (mục Constellations zodiacales) và những hình vẽ của Trung Hoa ví dụ: hình «Trung Quốc tinh tòa khái lược đồ» (trích: Trung Hoa ngũ thiên niên sử. Xem hình 5 trên đây). Xếp theo lối này tuy nhiên cũng có khác với nhiều sách (xem Qui nguyên trực chỉ, trung quyển, Đỗ Thiếu Lăng dịch chú, tr.362; và Kim Bích cổ văn Long Hổ thượng kinh chú sớ, quyển hạ, tr.20). Sự khác nhau không lạ vì tác giả chú ý tới một vị trí lý tưởng, còn nhiều sách ghi chú vị trí các sao theo từng thời kỳ.) Xếp theo lối này, thì sao Sâm sẽ ở vào cung Song Tử hay Âm Dương tượng trưng bằng hình ☿ (Âm Dương hợp nhất) trong khi theo thiên văn Âu châu thì trong cung ấy cũng có những sao Pollux và Castor. Phải chăng cổ nhân xưa muốn nói rằng: trước khi vào Trung cung cần phải phối hợp cùng Âm Dương, Sâm -Thương phải được đoàn tụ, Pollux - Castor phải được phối ngẫu, Trời - Người phải được kết hợp, cho tới mức tâm tử thần hoạt, vô ngã, vì thế chỉ ghi có Sâm...

(5) Xếp các quẻ tương ứng với 24 tiết trong năm. (Trích: Bửu Cầm, Tìm hiểu kinh Dịch).

(6) Đặt Thái Cực vào giữa vòng Hoàng Đạo, cũng như Âu Châu đặt Thái Dương vào giữa vòng Hoàng Đạo tượng trưng Thượng đế làm khu nữu cho vũ trụ, là căn nguyên và là cùng đích cho vũ trụ.

(7) Vẽ lại vòng Hoàng Đạo Á - Âu phối hợp này mục đích trình bày vi ý cổ nhân: muốn tìm về Thượng đế phải biết tùy thời biến dịch, khéo sử dụng cả vật chất lẫn tinh thần để tiến tới tuyệt đỉnh tinh hoa, trước khi vào được Trung Cung Thái Cực. Những tư tưởng này được lưu truyền lại bằng các pho kinh Dịch, Tarot, và Astrologie, bằng các vòng Dịch tiên thiên và vòng Zodiaque. Xin đọc quyển Le Zodiaque của M. Senard sẽ thấy những điểm tương đồng với vòng Dịch rất là kỳ thú.

☯ Hình 24: tr.227. Hình A: Chân tâm hay Thái Cực hay Dịch (Nhật + Nguyệt). Trích: C.G. Jung, Psychology and Alchemy, ảnh 123, p.230 (Hermaphrodite from Hermaphroditisches Sonn-und Mondskind 37, p.16, detail). Có Thái Cực có Âm dương, Biến hằng vạch sẵn đôi đường tử sinh. Hình B: Âm Dương tương thôi và Thái Cực trung hòa. Trích: C.G. Jung, Psychology and Alchemy, ảnh 146, p.280 (Mercurius as «uniting symbol»; from Valentinus duodecim claves, 6 IX, p.396). Thực là: Hai bộ mặt một con người. Trung tâm lại có Trời soi vào lòng.

☯ Hình 25: tr.230. Vừng Thái dương tượng trưng Thượng đế hay Thái Cực ngự giữa hoàn võ. Trích: C.G. Jung, Psychology and Alchemy, ảnh 181, p.331. (Sun as symbol of God; from Boschius Ars symbolica 127, Symb. CXII Class I, Tab. VII.)

☯ Hình 26: tr.233. Ý nghĩa tâm điểm và vòng tròn trong huyền học Ai Cập. Trích: Freemasonry, Mackey's revised Encyclopedia; mục Point within a circle; Vol.2, p.787-788, với phụ chú: «Egytian point within a circle».

☯ Hình 27: tr.236. Phục Hi cầm Qui, Nữ Oa cầm Củ. Trích: Trương Kỳ Quân, Trung Hoa ngũ thiên niên sử, q.1, tr.7.

☯ Hình 28: tr.236. Hình Qui Củ dùng làm ấn tín của hội Tam Điểm. Trích: bìa tự điển: Freemasonry, Mackey's revised encyclopedia.

☯ Hình 29: tr.236. Hình Thái Cực (Lưỡng Nghi) cầm qui củ. Trích: C.G. Jung, Psychology and Alchemy, p.357. Hình này tượng trưng Thái Cực đứng trên hỗn độn cầu, tay cầm qui củ, với thất tinh và thần long (Hermaphrodite on the winged planets and the dragon; from Jamsthaler Viatorium Spagyricum 199, p.75)

☯ Hình 30: tr.245. Tâm điểm và vòng Hoàng Đạo trong con người. Các hình chứng minh: (1) Hai mạch Nhâm Đốc là vòng Hoàng Đạo trong người; (2) Tâm điểm là Nê hoàn cung.

Hình A: Nhân diện nại hàn đồ. Trích: Trần Tu Viên, Linh Khu tố vấn tạp chú, q.3, tr.26.

Hình A này trình bày hình 1 con người với 3 tầng:

- Tầng giữa là Bát quái Hậu thiên. Cuối chân là phương bắc là quẻ Khảm. Ngang rốn phía trái là quẻ Cấn.. Ngang ngực là quẻ Chấn, Gần vai là quẻ Tốn. Ly là Đỉnh đầu. Dưới cổ phía phải là quẻ Khôn, ngang ngực phía phải là quẻ Đoài, ngang bẹn phía phải là quẻ Kiền.

- Tầng trong phía trái là 24 Tiết Khí. Bắt đầu là Đông Chí (nơi cuối trục giữa), rồi sang phía trái là Tiểu Hàn, Đại Hàn, Lập Xuân, Vũ Thủy, Kinh Trập, Xuân Phân, Thanh Minh, Cốc Vũ, Lập Hạ, Tiểu Mãn, Mang Chủng, rồi tới Đỉnh đầu là Hạ Chí. Sang phía phải là Tiểu Thử, Đại Thử, Lập Thu, Xử Thử, Bạch Lộ, Thu Phân, Hàn Lộ, Sương Giáng, Lập Đông, Tiểu Tuyết, Đại Tuyết, Đông Chí.

- Tầng ngoài cùng đi từ phía chân trái lên là 12 kinh mạch: Túc quyết Âm Can Kinh, Thủ Thái Âm Phế Kinh, Thủ Dương Minh Đại Tràng Kinh, Túc Dương Minh Vị Kinh, Túc Thái Âm Tì Kinh. Thủ Thiếu Âm Tâm

Kinh, Thủ Thái Dương Tiểu Trường Kinh, Túc Thái Dương Bàng Quang Kinh, Túc Thiếu Âm Thận Kinh, Thủ Quyết Âm Tâm Bào, Thủ Thiếu Dương Kinh Tam Tiêu, Túc Thiếu Dương Đởm Kinh. Người xưa hay trình bày con người với 24 tiết khí, với 12 kinh mạch ý nói con người luôn biến thiên tiến hóa.

Hình B: Ngọc đỉnh, kim lô. Trích: Thiên Phong Lão Nhân Triệu Tị Trần, Tính mệnh pháp quyết minh chỉ, q.2, tr.1. Trang 2 có chú: Ngọc đỉnh chính tại đại não trung tâm nội tàng nhất bào, vi tiên thiên chân tính sở cư chi xứ tức nguyên thần thất dã. 玉 鼎 正 在 大 腦 中 心 內 藏 一 胞, 為 先 天 真 性 所 居 之 處 即 元 神 室 也. cf: Tính mệnh khuê chỉ, q.2, tr.56: Bạch Tổ vân: Duy nhân đầu hữu cửu cung, trung nhất cung danh viết Cốc thần... 白 祖 云: 唯 人 頭 有 九 宮, 中 一 宮 曰 谷 神.

☯ Hình 31: tr.259. Trung là tâm điểm vòng Dịch.

Cắt nghĩa chữ Trung bằng tâm điểm của vòng Dịch. Mà tâm điểm của vòng Dịch tức là Thái Cực, là Thiên. Trích: Kim bích cổ văn Long Hổ thượng kinh chú sớ, q.Hạ, tr.20.

☯ Hình 32: tr.261. Trời ở trong người. Trích: Trần Việt Nhân và Trương Thế Hiền, Đồ chú nạn kinh mạch quyết, Hương Cảng Trường Hưng thư cục, tr.78. Thay chữ Trung hình 18 bằng chữ Thiên. Chữ Thiên trong hình vẽ này đặt giữa 12 kinh mạch; phải chăng đó là một hình ảnh của thuyết «Thiên nhân tương dữ» trong triết học Á Đông ?

☯ Hình 33: tr.264. Vòng tuần hoàn của nhân loại. Hình này phác họa con người toàn diện với 7 tầng lớp và hai chiều tiến thoái của cuộc đời. Phóng ngoại là tiến về xã hội, nhân sinh, hướng nội là tiến về luân lý đạo đức.[9]

☯ Hình 34: tr.267. Thiên đạo, Nhân đạo, địa đạo. Phác họa con người lý tưởng «quán tam tài». Đầu tải thiên, túc lý địa (đầu mang Trời, chân đạp đất). Tác giả muốn đưa Thiên địa chi tâm vào trung tâm não bộ con người. Huỳnh Đình kinh viết: Tử dục bất tử tu Côn Lôn 子 欲 不 死 修 崑 崙 , và chú thích Côn lôn là đầu, là Nê hoàn nằm trong não bộ (Huỳnh Đình ngoại cảnh kinh, tr.2)

☯ Hình 35: tr.277. Con đường Trung Dung, hay con đường hoàn thiện đã nằm gọn trong tâm thần con người. (Le royaume de Dieu est en nous).

Bị Chú: Các hình chụp điều có ghi rõ đã trích ở sách nào để độc giả tiện việc tra tầm suy cứu. Số trang nêu ở đây (ở sau hình vẽ) là ở sách in.

---

[1] Pour désigner le Centre de l'homme le coeur, le trésor, c'est-à-dire le Soi véritable, la faculté de communiquer avec l'Absolu, C.G. Jung a découvert un symbole, désigné, d'après son prototype oriental, du nom de mandala. Sa forme fondamentale est un cercle doté d'un centre. En outre, le cercle est divisé par quatre ou par trois, plus rarement par six, huit ou douze rayons... Le mandala symbolise par conséquent: Le Soi véritable, le coeur, le trésor, la région la plus secrète du temple, le centre existentiel ou selon la formule la plus directe, la faculté de correspondre avec Dieu... Ce trésor intérieur se mue fréquemment aussi en un "enfant intérieur"... (Wilfried Daim, Transvaluation de la psychanalyse, p.163)

[2] Huỳnh Đình Kinh chú, Ngoại cảnh ngọc kinh, q.thượng, tr.17.

[3] Tiên nhu vị thành kính giả thánh học chi nguyên. 先 儒 謂 誠 敬 者 聖 學 之 源 (Dịch kinh đại toàn, tr.104, Càn quái)

- Cố Càn cửu nhị ngôn thành, Khôn lục nhị ngôn kính. Thành kính nhị tự thủy thiên địa tự nhiên chi lý dã. 故 乾 九 二 言 誠 坤 六 二 言 敬. 誠 敬 二 字 始 天 地 自 然 之 理 也 (Dịch kinh đại toàn, tr.104, Càn quái)

[4] Xem giải thích trong quyển Tính mệnh khuê chỉ I, chương "tà chính luận", từ trang 15 đến 20.

[5] Om! now, what is here in the city of Brahma is an abode, a small lotus-flower, within that is a small space. What is within that should be searched out; that assuredly, is what one should desire to understand... within it, indeed are contained both heaven and earth, both fire and wind, both sun and moon, lightning and stars, both what one possesses here and what one does not possess; everything here is contained within it... (Chãndogya Upanishad 8th prãpathanka, lst khanda, shruti 1 and 3).

- Xem thêm đoạn Le centre vital de l'Etre humain, séjour de Brahma trong quyển L'homme et son devenir của René Guenon, chương 3.

- Đọc thêm đoạn Katha Upanishad, 2è Adhyâya, 5è Valli, shruti 15:

The sun shines not there, nor the moon and stars

These lightnings shine not, mut less this (earthy) fire

After him, as He shines, doth everything shine,

This whole world is illumined with his light !

[6] Xin so sánh với các đoạn Mundaka Upanishad, 2è Mundaka, 2è Khanda, shruti 10. Shwêtâshawatara Upanishad, 6è Adhhyâya, shruti 14 và Bhagavad Gita XV, 4,6 v.v... và xin so sánh với Apocalypse XXI, 23: «Et cette ville n'a pas besoin d'être éclairée par le soleil ou par la lune, parce que c'est la gloire de Dieu qui l'éclaire et que l'Agneau en est la lampe.»

[7] Đạo gia dĩ Thượng đơn điền vi Nê hoàn. 道 家 以 上 丹 田 為 泥 丸 (Huỳnh đình nội cảnh kinh & Y học đại từ điển)

[8] Hoặc tại nhân lưỡng mi gian, khước hành nhất thốn vi Minh đường, nhị thốn vi Động phòng, tam thốn vi Thượng đơn điền. 或 在 人 兩 眉 間, 卻 行 一 寸 為 明 堂, 二 寸 為 洞 房, 三 寸 為 上 丹 田 (Trù ẩn cư sĩ tu đính niên phả, tr.112. Trích: Phật học đại từ điển, quyển đầu).

[9] - Branly distingue la Religion comme effort vers le Créateur, la Science comme effort vers la Création.

- Teilhard insiste sur la Convergence finale, sur l'unité de l'humanité à venir.

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 7

Aperçu du Nouvel Essai sur le Centre Eternel [1]

J'entreprends de vous soumettre, dans le cadre succinct de cet article, un aperçu général de mon livre intitulé «Essai sur le Centre Eternel» qui a pour objet l'étude du Tchoung-young, un des livres canoniques du Confucianisme dont l'auteur était Tzeu-seu petit fils de Confucius.

Comme le titre de mon livre le suggère éloquemment, tout ce que j'expose au cours des trois volumes du livre - à plus forte raison tout ce que je consigne dans cet article n'a qu'une portée explicative, personnelle et problématique sujette à être revisée dans l'avenir.

A mon avis, ils serait préférable de changer l'ancien titre du livre celui de Juste Milieu - en un nouveau titre beaucoup plus pittoresque, celui de Centre Eternel.

Ce dernier correspondrait d'ailleurs davantage à l'étymologie des termes, et cadrerait beaucoup mieux avec les idées de Tzeu-seu.

Tout d'abord, après nombre de lectures et réflexions, j'ai cette conviction que le Tchoung-young peut être considéré comme le Bhagavad-Gita du Confucianisme.

En effet, tandis que dans le Livre des Mutations, les Anciens faisaient épanouir un univers fictif sur les fleurs de leur symboles pairs et impairs, procédaient à la féerie des multiplications des êtres par une mitose binaire, pour s'enquérir ensuite sur les lois de relativité qui régissent les couples de mouvements (expansion-concentration, dispension-union, charge-décharge, dissolution-cohésion, dépense-réserve) c'est-à-dire tous les mouvements de va-et-vient, tous les cycles de transformations continues, harmonieuses et réversibles d'une seule énergie initiale, dans le Centre Eternel, l'Auteur trace aux lecteurs une voie divine qui nous mènerait à travers les vicissitudes harmonieuses d'une vie bien conçue au Centre Eternel initial, immuable Origine et a la fois «Téléfin» de l'homme.

Ce livre est donc le chef-d'oeuvre du Confucianisme, dans lequel l'auteur ne vise qu'une élite déjà initié aux difficultés linguistiques, philosophiques et métaphysiques de l'école, soumise depuis longtemps à la discipline rigoureuse de l'éthique et dont l' me est déjà rendue très fine, très délicate et très subtile grce à la calligraphie, à la peinture et à la musique douce et majestueuse. C'est pourquoi le style devient ici si éthéré, si concis, si élagé, si élaboré qu'on se sent émerveillé de la délicatesse de ses suggestions et du doux murmure de sa musique.

Ce style si sobre, si ténu au commencement s'enfle de plus en plus pour atteindre les longeurs périodiques, atteindre «les dimensions» de l'infini, pour s'évanouir finalement dans le silence de la perfection impondérable de Dieu.

Tout semble être très bien calculé, très bien mesuré pour être compris seulement des gens de qualité. Ainsi le contenu est transparent pour les uns, obscur ou opaque pour les autres, jusqu'au point de devenir

un scandale, un non-sens pour la plupart des gens, une douce philosophie de nonchalance, de béat vivotement pour certains mais aussi et surtout un mot de passe qui enseigne la voie de la perfection a quelques disciples préférés.

Le livre débute très suggestivement par «la Volonté Divine» et finit éloquemment dans le silence infini de la Perfection impondérable de Dieu.

Le livre nous donne ainsi l'Alpha et l'Oméga de la voie divine considérée comme un cercle parfait quand les deux bouts de perfection vont se rejoindre après avoir passé par toutes les nuances, les tonalités, la poésie et la musique d'un couple en parfaite harmonie et les phases d'une vie humaine tour à tour active, tour à tour contemplative selon les modulations de la loi des Variations et du Devenir.

Laissons parler l'auteur pendant une minute: «La Volonté Divine est notre Nature; suivre notre Nature, c'est la voie divine; cultiver cette voie divine s'appele instruction. Cette voie divine est indissolublement liée a nous. Toute séparation, ne fut-ce que pour un clin d'oeil, est un non-sens car si elle pouvait l'être, elle ne mériterait plus son nom de voie.

«C'est pourquoi, l'homme religieux doit craindre l'Invisible, doit vénérer l'Imperceptible, car rien n'est plus patent que l'Invisible, plus manifeste que l'Imperceptible. C'est pourquoi, l'homme religieux doit être très réservé dans sa solitude...»

Combien ces paroles sont imprégnées de spiritualité, de dignité, de dévotion et de grandeur !

Le problème ontologique de la nature humaine, en tant qu'Homme, se concrétise dans une équation charmante:

Volonté Divine (天 命) = Nature (性)

La Parole divine était donc le souffle de notre vie, était donc la nature originelle de l'humanité nature d'une perfection et d'une pureté sans mélange comme une eau de vie couleur cristal qui vient de jaillir de la source divine, qui vient de prendre a peine son élan, dont chaque goutte deviendra une nouvelle vie, deviendra une semence de l'arbre de l'immortalité future, deviendra un modèle de perfection, une voix de conscience amicale qui murmure silencieusement au tréfonds de notre me pour nous enseigner dans le silence et dans l'amour, la póesie , la musique et les secrets de «l'Alchimie de l'immortalié».

Le but que se proposait l'auteur du Tchoung-young est d'exhorter les lecteurs a remonter a cette source, a cette Nature originelle.

C'est cette expression divine, cette perfection divine, cette Parole sans langage que nous devrions retrouver au cours de notre vie temporelle. L'auteur nous suggère de recourir à l'instruction qui nous aiderait a retrouver cette voie divine.

Il nous révèle ingénument que cette voie divine est comme collée a nos pas. Quel paradoxe ! quel humour ! quelle ironie ! sommes-nous tentés de le dire.

Cependant le paradoxe cesse comme par enchantement si nous nous reportons à ce verset du Livre des Mutations: «La voie divine a deux phases: Une phase ombre et une phase lumière. Il est bon de vous engager dans cette voie, mais si vous parvenez à la parcourir en entier, ce sera la perfection, ce sera la réalistion de votre Nature.» (Livre des Mutations, le grand commentaire, ch.IV, v.2)

一 陰 一 陽 之 謂 道. 繼 之 者 善 也. 成 之 者 性 也.

Si l'on considérait le Centre Eternel comme étant la Lumière, comme étant l'Esprit de Dieu, la phase ombre, ce serait la phase d'éloignement, d'expansion, d'extériorisation, de superficialisation, d'aliénation,

d'engagement - engagement dans la société, engagement au service du temporel et du matériel, - la phase d'épanouissement physique, intellectuel et sentimental, la phase errante à la recherche des distractions, des aventures et des nourritures terrestres. Cette première phase c'est l'enfance et la jeunesse de la Vie correspondrait d'ailleurs au courant expansif et prolifique initial de la nature où le printemps et l'été se parent de bourgeonnements, de frondaison, de floraison et qui dicte aux oiseaux du ciel de quitter leurs nids pour aller foltrer, chercher leur nourriture et prendre leurs ébats d'amour dans des coins des cieux lointains.

Mais bientôt l'ombre cède insensiblement le pas à la lumière. Graduellement et insensiblement l'automne de la vie fait vibrer ses harpes de vent et d'oiseaux, fait iriser les couleurs de ses feuilles jaunissantes, et nous entrons dans la seconde phase de la vie en changeant de plans, de vues et de direction apparente. Nous allons entonner la même mélodie mais comme à rebours, mais à une gamme plus élevée: c'est donc en quelque sorte un changement de clavier et de rythme pour éviter la monotonie du timbre. C'est maintenant le chemin de retour, c'est maintenant la phase d'intériorisation, de concentration progressive, d'introversion, d'approfondissement, de recueillement progressif, la phase de récupération spirituelle après la prodigalité de la jeunesse, la phase de la «recherche du temps perdu de Proust», la phase de spiritualisation, de sublimation qui se fait grce aux expériences vécues, grce aux méditations, aux réflexions à travers les diverses étapes de l'éthique et de l'esthétique pour revenir grce à une touche magique de l'Etincelle divine, à la perfection originelle, pour redevenir l'expression de Dieu, le Symbole de Dieu. Tandis que la première phase était le propre d'un homme attiré hors de soi , la deuxième phase se caractérise par le reploiement de l'homme sur lui-même. La deuxième phase est donc une phase de dégagement progressif, de libération des liens et fardeaux qui commencent déjà a étrangler et à peser pour se consacrer graduellement a sa réalisation spirituelle. La vie de l'homme ainsi conçue serait comme un perpétuel devenir en vue d'une identification finale avec l'Etre, une existence toujours en quête de la Vie, de la Vie totale, après avoir gouté aux saveurs des vies partielles et successives, une randonnée palpitante à travers le temps et l'espace pour revenir enfin au foyer, radieux et triomphant.

La vie ainsi conçue est donc un gérondif et non un participe, un faciendum et non un factum, une «récréation» et un épanouissement continus et non un étiolement, un dépérissement, un languissement berné d'illusions et de velléités. Le «Que ma volonté soit faite» initial redevient le «Ta volonté est faite», dans le bonheur indicible de réunion, dans un cadre de neige immaculée miroitant de fierté là-bas au loin dans le monde sensible encore assoupi par l'hibernation récente, dans la musique douce des bourgeons qui commence à chanter le renouveau sur les branches encore engourdies par le froid et dans le gazouillement des oiseaux qui palpitent déjà de printemps et de vie nouvelle.

Le contraste apparent initial, - les malheurs initiaux, les malentendus initiaux causés par une fausse dénomination,[2] aggravés par l'éloignement progressif, se résout en union finale, en mélodie finale, en symbiose et synthèse finale.

Les pleurs de la naissance feront place au sourire de la mort. Et le rideau des paupières retombe pour laisser la scène du monde aux autres acteurs novices encore étriqués et maniérés dans leur évolution et leur expression.

Pour retrouver ce centre de Perfection, il nous est enseigné d'ailleurs dans le livre des Hautes Etudes, que nous devons faire un effort de concentration, de méditation, d'aller de simplifications en simplifications pour arriver à la sublimation finale.

C'est donc remonter la lignée des causes pour s'élever à la Cause première qui ne peut être qu'Esprit.

Parvenu au terminus de la chaýne des causes, on peut alors poser son petit doigt sur «la Forme Spirituelle» des choses qui était auparavant mobile, diffuse, protéiforme, méconnaissable à travers la féerie des réfractions, des diffractions, des dispersions, des mirages, des déformations et des interférences qui se jouent à travers les diverses couches des temps et des lieux.

On se rend compte alors du mystère de Latence - Manifestation, de Silence-Parole; de l'Etre et de son expression, la pensée; de l'Etre et des symboles; de la Pensée et du langage; de l'Un et du Multiple.

Alors dans l'admiration, dans l'amour et dans la vénération, les auteurs chinois cherchaient à se réaliser, pour tendre à l'union avec l'Un, avec le Très Haut (T'ai-chi 太 極).

Ainsi au point de vue philosophique, l'Ecole confucianiste se donne comme tche de retrouver l'Un derrière le Multiple, le Global à partir des détails, la Réalité à travers les Symboles, l'Absolu à partir des relativités, l'Immuable derrière le voile trompeur des changements, la Parole à travers les mots, les phrases, les livres et les collections de livres, la Personne humaine à travers les individus, la Vie derrière ses manifestations si variées et si capricieuses, la vraie identité de l'Homme après toutes les identifications possibles et imaginables.

Armés de foi et de connaissance, ces rares vrais religieux chinois de l'école confucianiste, marchaient dignement dans la voie de Dieu ainsi tracée dont ils connaissaient à l'avance toutes les étapes. Ils cherchaient le Royaume de Dieu caché dans leur me. C'est pourquoi, ils étaient si confiants, si joyeux, si heureux malgré toutes les vicissitudes de fortune, malgré leur pauvreté.

Ils faisaient l'ascension de la colline éternelle en mesurant leurs pas, en savourant chacun de leurs moments, en débutant par des actions très terre à terre pour s'élever graduellement aux accomplissement de plus en plus nobles, avec cette conviction que leur évolution indéfinie est possible, qu'ils étaient en mesure de rivaliser avec leurs maîtres en vertus et en perfection.

Il est à remarquer en dernier lieu, que dans le Tchoung-young, l'auteur parle abondamment des grces que Dieu réserve à ses Elus, ce qui constitue comme la replique de la Bible. (cf. Livre de la Sagesse).

Cela est très frappant, si l'on considère qu'à ce stage ancien de l'histoire, aucune communication n'était possible et les secrets des nations s'entouraient de plusieurs remparts de mers, de montagnes et de langues.

En étudiant les grands penseurs chinois et surtout le Tchoung-young, je suis sidéré de constater combien ils étaient religieux - profondément religieux - comme si la présence divine transparaissait à travers leurs écrits, leurs paroles, leur attitude et leur vie... et aussi de constater qu'ils employaient le même langage des Mystiques de tous les temps, de toutes les nations, de toutes les religions.

Comme il est beau de considérer après eux, la vie comme une mélodie grandiose qui commence et finit avec une même note de Perfection, tout en passant par toutes les palpitations, les cascades de dissonnances, de consonnances, de mélodies, de voix et de silence...

Le Tchoung-young me rappelle la douce musique des pòemes de Kabir , de Tagore, les chaudes paroles de Ramakrishna, la passion de Bodhidharma, la mélodie du Bhagavad-Gita.

Il me fait penser aux paroles du Psalmiste:

«Yahvé qui habitera sous ta tente?

Qui demeurera sur ta montagne sainte?

Celui qui marche dans l'innocence, qui pratique la justice,

Qui dit la vérité avec son cœur.» (Psaume 15)

Et aux belles paroles de Saint Paul:

«Le Dieu qui a dit à la lumière de resplendir

du fond des ténèbres est celui qui a resplendi dans nos coeurs.» (Corinthiens 11 -4,6)

Combien il est consolant que de pouvoir retrouver son vrai Centre de Gravité aux cours de moments de tourbillons de la nature et de l'Histoire. Et je termine mon aperçu par un voeu sincère: Que tout le monde travaille au rehaussement des vraies valeurs morales et spirituelles des hommes, que tout le monde cherche à btir sur ce Centre Eternel, sur ce Socle de Perfection et d'amour toutes les constructions futures au plus grand bonheur de l'humanité entière.

---

[1] Dành cho các thính giả người Pháp, hôm Phát Giải Thưởng Văn Chương Tinh Việt Văn Đoàn Lecomte du Noüy.

[2] Il n'y a pas en effet de contraires dans notre vie et dans l'univers mais plutôt des forces complémentaires, des couleurs complémentaires, des notes d'accompagnement, des corrélatifs en un mot, qui sont appelés à jouer une fonction plus ou moins prédominante à leur temps et à leur place. Ainsi conçu, tout a sa part, tout a son temps, tout a son utilité et rien, absolument rien dans cet univers ne serait mauvais, ne serait à rejeter, si ce n'est le contretemps.

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 8

Glance on the New Essay of the Eternal Center [1]

I am now going to give you a quick glance on my 'New Essay on the Eternal Center' essay focused on the rehabilitation of the 'Golden Mean' of Tzeu-seu, grandson of Confucius.

I like to approach this philosophical problem with a poetical mind — because I am not a philosopher — to repeat after Tzeu-seu his ideas, and to present them to you, veiled in the starry and colorful apprearance of modern language, perfumed and crowned with all my best feelings, as a token of my admiration for you.

First of all I would like to change the ancient title 'The Golden Mean' into a more picturesque one: 'The Eternal Center'.

I think this new title will correspond better to the etymological meaning of the original title and will frame better the ideas of Tzeu-seu.

You will see in few minutes that the 'Tchoung-young', the 'Eternal Center' of Tzeu-seu can be considered as the Bhagavad-Gita of Confucianism.

In fact, while in the Book of Changes, the ancient philosophers made their fictitious universe bloom on the petals of their odd and even symbols, proceeded to the fairy creation of all beings by the binary mitosis and inquired about all the laws of relativity that govern all the couples of forces, of movements: 'expansion-concentration, dispersion-union, discharge-recharge, dissolution-cohesion, expense-reserve', that is to say, of all back and forth movements, of all cycles, of all continuous and harmonious and reversible transformations of an initial energy. In the Eternal Center the author liked to trace us a divine way which leads us through all the vicissitudes of a well conceived and harmonious life to the Eternal Center, immutable Origin and 'Telegoal' of the man.

This book can be considered as the finest work of Confucianism, in which the author had only in view the cream, the best elements of the school, already very familiar with all the linguistical, philosophical and metaphysical subtleties, whose energy has been canalized carefully into the self-fulfillment, whose soul has been sensibilized to beauty, refined and exalted by calligraphy, paintings and music.

Therefore, the style becomes so ethereal, so concise, so elaborate that one is sweetly caressed by the delicacy of its suggestions and by the soft murmur of its musical phrases.

The style is so sober, so tenuous in the beginning, swells more and more, embraces periodical lengths, expands itself to espouse the infinite and vanishes finally into the silence of the imponderable perfection of God.

Everything is so well conceived, so well measured to be understood, between the lines, only by men

of high culture.

Therefore, the enclosure is transparent to one, obscure or opaque to other at the point of becoming a scandal, a nonsense for the mass, a sweet philosophy of nonchalance to many, but also and specially a hint which teaches the way of perfection to some selected disciples.

The book begins very suggestively by 'The Divine Will' and ends eloquently with the infinite silence of the imponderable perfection of God.

The book gives us then the A (Alpha) and the W (Omega) of the divine way considered as a perfect circle when the two ends of perfection will rejoin each other after passing through all the shades, the accents, the poetry, the music of a couple rotating in perfect harmony, and through all the seasons of life, in turn active, in turn, contemplative, according to the modulation of the law of changes and relativity.

Let the author speak for one minute:

«The divine will is our Nature, to follow our Nature is the divine way; to cultivate this divine way is called instruction. This divine way is indissolubly linked to us; A separation - even for a twinkle - is a nonsense, because then it does not deserve its denomination.

«Therefore, the religious man should fear the Invisible, should honour the Imperceptible, because nothing is more patent than the Invisible, more obvious than the Imperceptible. Therefore, the religious man should be very cautious when he is alone."

How these words are imbued of spirituality, of dignity, of devotion and of magnitude.

The ontological problem of human nature, of Man is condensed into this charming equation: God's Will (天 命) = Nature (性).

The Word of God is, therefore, the breath of life, is therefore the original Nature of Humanity, nature of Perfection and of Purity without blending, like a water of life of cristal color, just springing from the divine source, each drop of which will be a seed of a future immortality arbor, will become a model of perfection, a voice of a friendly conscience which murmurs silently in the fathomless bottom of our soul to teach us silently the poetry, the music, and all the secrets of the 'Alchemy of the Immortality'.

The Author aimed to advise us to go upstream back to this source, to this original nature.

It is that divine expression, that divine perfection that Word without words, that we should find out in our lifetime.

The Author suggests us to resort to instruction, to find this divine life.

He revealed us ingeniously that this divine way is attached to our feet. What a paradox, what a humour, what an irony! We are tempted to say so.

But the paradox ceases as by incantation, if we refer to this verse of the Book of Changes:

«The divine life has two phases: one phase of shadow (Inn) and one phase of light (Yang). It would be nice that you will be engaged in this way, but if you could go through this way, you would reach the perfection, you would realize your Nature.» (Book of Changes, Appended judgment, chap. IV, verse 2)

一 陰 一 陽 之 謂 道. 繼 之 者 善 也. 成 之 者 性 也.

If we consider the Eternal Center as the Light and the Spirit, the phase of shadow would be the phase of the going away, of expansion, of exteriorisation, of superficialisation, of opacification, of materialisation, of extroversion, of alienation, of engagement - engagement into the society, into the service of the

temporal and of the material, of the sensual, of the physical, intellectual and sentimental blooming, the rambling phase to research distractions, adventures and the terrestrial living.

This first phase is the childhood and the youth of life which corresponds to the initial current, expansive and prolific of the nature where the Spring and the Summer decorate themselves with buds, foliage and flowers and which dictates to birds of the sky to leave their nests to fly away sallying, feeding themselves, enjoying themselves in some unknown corners of the sky...

But gradually shadow gives up the path to light -- gradually, insensibly the Autumn of the life vibrates its harp of wind and of birds, and we enter into the second phase of the life in changing our plans, our views, our delectation, our direction.

We will sing the same melody but backward and on a higher gamut; It is something like changing the keyboard and the rythm to avoid the monotony of the song - now it is time to go back home, now it is the phase of interiorisation, of progressive concentration, of introversion, of deepening, of progressive recollection, the phase of spiritual recuperation after the prodigality of the youth, phase of 'The research of the lost time of Proust' which could be done thanks to all the diastases of our past experiences, of our meditations, of our reflections, thanks to the ethics, the aesthetics, thanks to the final touch of a divine spark, we can go back to our original perfection, to become again the expression of God, the symbol of God.

While the first phase was characterized by men attracted out of them, the second phase should be conceived as a spiritual coiling back. It will be a phase of disengagement, of liberation from links, chains and burden which become more and more strangling, more and more crushing, to consecrate himself to his own spiritual realization. The life so conceived will be a perpetual change to find out the final identification with the Being, an existence always on the quest of the Life, of the total and eternal Life.

Such a life would be a Gerundive instead of a Participle, a 'to be done', not 'done' one, a recreation, a continuous expansion and not a chlorosis, a decay, a pining away of life.

The 'My will be done' will be echoed by the 'Thy will has been done' in the indicible hapiness of the reunion, in a cadre of immaculate snow glittering proudly somewhere in the sensible world still drowsy from the recent hibernation, among the music of buds which begin to sing the renovation on branches still stiff from the cold, and among the warbling of birds which are now palpitating of Spring and of the new life.

The initial contrast - caused by the initial misunderstanding, aggraved by the progressive distance on the first phase of life, but more and more decreased and gradually changed into a harmonious cooperation in the second phase of the temporal life, is now melted into the final melody, the final synthesis and symbiosis for Eternity.

The tears at birth day give place to the smile at death time. And the curtains of our eyelids drop for ever, yielding the mundane scences to other actors, still stiff and unnatural in their manner, and in their expression.

To refind this center of Perfection, there is taught elsewhere in the High Study, that we should make efforts of concentration, of meditation, that we should go from simplification to simplification to reach the final sublimation, that is, goining up through the chain of causes to the First Cause which can only be Spirit and Light.

Reaching this final step, we can put our finger on the 'Spiritual Form' of things which was before mobile, diffused, unknown, unrecognizable, through the enchantment of refractions, diffractions,

dispersions, deformations and interferences which happen through many layers of space and time, we then realize the mystery of Latence-Manifestation, of Silence-Word, of Supreme Being and his expression the Thought, of Supreme Being and Symbols, of Thought and Word, of Word and Words, of the One an the Manifold.

Then, in admiration, in love, and in veneration, these Chinese authors seek to realize themselves to aim to the union with the One, the Absolute (T'ai-chi 太 極).

So, in the philosophical standpoint, Confucianism tried to detect the One behind the Multiple, to find the Total through the details, the Reality behind symbols, the Absolute behind the relativities, the Immutabilitiy behind all the variations, the Word behind words, phrases, books and collections of books, the Person out of persons, Life behind all its manifestations, the true identity of Man after all the possible identifications.

Equipped with faith and knowledge, these rare Chinese philosophers walked in the path of God. They sought and found God and the Kingdom of God hidden in their soul. Therefore, they are very confident, very happy in spite of their material poverty.

Upward, they climed the Holy Hill, beginning their way by clumsy steps; then more and more alert, more and more living, they became expert in climbing. They were so convinced that with energy, study and action combined, they could compete with their masters.

It is also remarkable that in the Book of Eternal Center the author described eloquently all the blessings that God reserves to his Chosens almost as in the Bible.

It is very impressive when we consider that in this period of history, no communication was possible and the secrets of each nation were well kept by many barriers of mountains, of seas, and of languages.

In studying all the great Chinese thinkers, I was struck by their faith and their spirituality as if the divine presence transpirates through their expression, through their thoughts and their scriptures, and by realizing that they used the same mystical language as other mystics of all ages and nations.

How beatiful it is to consider after them, the life as a grandiose melody beginning and finishing with one Note of perfection after passing through all the richness of voices, movements, rhythms, and poetry.

The book of Eternal Center recalls me the music in the Poems of Kabir of Tagore, the living words of Ramakrishna, the warmness of Bodhidharma, the melody of the Bhagavad-Gita.

It recalls me also the song of the Psalmist:

> O Lord, who shall abide in thy tabernacle
>
> Who shall dwell in thy holy hill?
>
> He that walketh uprightly and worketh righteousness
>
> And speaketh the truth in his heart.
>
> (Psalm, XV)

And the beautiful words of Paul:

> For God, who commanded the light to shine
>
> out of darkness, hath shined in our heart...
>
> (Corinthians, II 4-6)

How beautiful and consolatory it will be if we can find our center of gravity in these times of storm and

war. And in summary, I would wish that every man will cooperate to exalt all the moral and spiritual values and that every man will build on this Eternal Center and this Socle of Perfection all his buildings to the happiness of the Humanity.

---

[1] Dành cho các thính giả người Anh, hôm Phát Giải Thưởng Văn Chương Tinh Việt Văn Đoàn Lecomte du Noüy.

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 9

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Tầm quan trọng của Trung Điểm trong Thiên văn và Địa lý

A. Thái dương hệ của Copernic

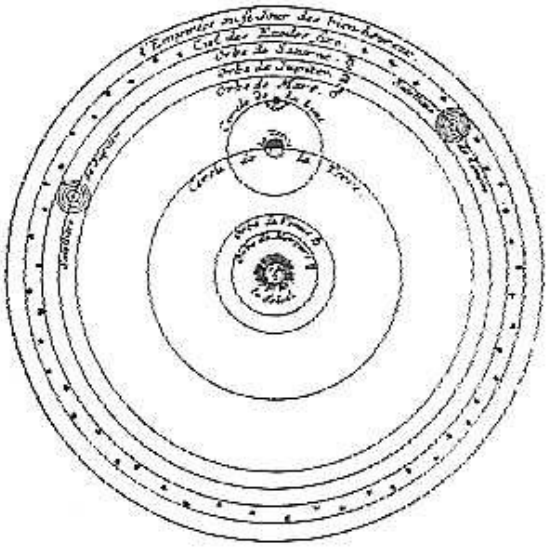

Hình vẽ này trích trong Histoire générale des sciences publiée sous la direction de René Taton; Tome II: la Science moderne, tome 2, tr.63.

Copernic đặt mặt trời vào tâm điểm Thái dương hệ, khác hẳn với quan niệm thiên văn cổ truyền và quan niệm của Ptolémé lấy trái đất làm tâm điểm của vũ trụ.

Quan niệm của Copernic về thiên văn tương ứng với những quan niệm triết học lấy “Thần” (Esprit) làm tâm điểm con người. Quan niệm Ptolémé giống những quan niệm triết học lấy “Tâm” (âme) làm tâm điểm con người.

Đây chỉ là một tượng trưng, một hình bóng. Như trong tất cả bộ sách, tác giả đã chứng minh: chỉ có Trời bất biến, còn vạn vật đều biến thiên, nên suy ra thì mặt trời cũng chuyển vần. Trong thực tại, mặt trời và cả Thái dương hệ vần xoay quanh một tâm điểm huyền ảo trong giải Ngân hà. (Cf. Papus, A.B.C. de l'occultisme, p.406)

B. Bản đồ thế giới với Jérusalem ở trung điểm

Trích trong sách của Joseph Needham, Science and civilisation in China, Cambridge at the University press, vol.3, p.528-529.

- Theo Do Thái thì trung điểm vũ trụ là núi Sion, là Jérusalem.

- Pindare, Sophocle, Tite Live, Ovide cũng chủ trương Athènes, hay Delphes là trung tâm trái đất (Omphalos).

cf. Karppe, loc. cit., p.192; - Henri Sérouya, La Kabbale, p.151.

C. Địa đồ với núi Côn Lôn ở trung điểm

“Tứ hải tổng đồ” 四 海 總 圖. Trích trong sách của Joseph Needham, Science and civilisation in China, Cambridge at the University press, vol.3, p.566-567.

Nhìn vào khoảng giữa bản đồ ta thấy ghi: Trung nguyên, Côn Lôn sơn, Thiên địa tâm. Theo đạo Lão thì, cũng như ở trong hoàn võ, thiên địa tâm ở Bắc Cực, làm khu nữu cho tạo hóa, ở trong con người, thì “thiên tâm” ở trong đầu, tức là ở Nê hoàn cung. (Thiên tâm chi cư ư Bắc Cực, vi Tạo hóa chi khu cơ giả... Tại nhân diệc nhiên. Thủ hữu cửu cung... kỳ trung nhất viết Thiên tâm, viết Tử Phủ, viết Thiên Uyên, Thiên Quan, Thiên Lương, Thượng Quan, Côn Lôn đỉnh. Kỳ danh phả chúng, tổng nhi ngôn chi, viết Huyền Quan nhất khiếu.” (Kim đơn đại thành tập, tr.2). Cf. Trung Dung tân khảo, q.I, tr.53.

D. Địa đồ với núi Tu Di ở trung điểm

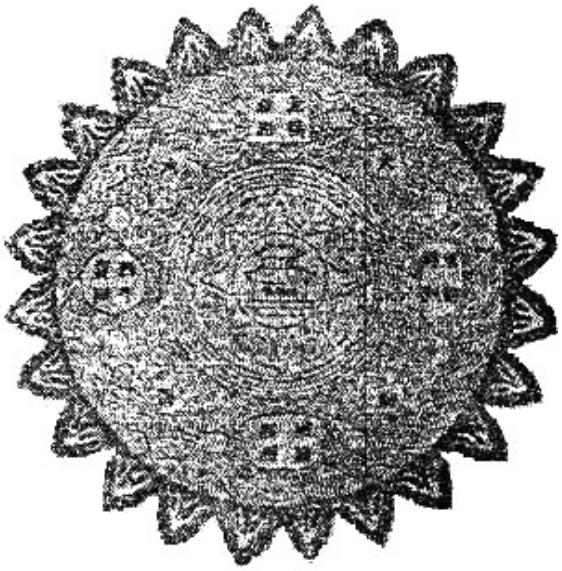

Đồ bản này là một trong 5 đồ bản in ở đầu sách “Hoa nghiêm kinh phổ hiền hạnh nguyên phẩm”, bản Hán văn của chùa Hoa Nghiêm chợ Bà Chiểu, Gia Định. Vòng tròn trong cùng là núi Tu Di (trên ngọn núi là Đao Lợi Thiên Cung). Bảy vòng ngoài là thất Kim Sơn, và thất Hương Hải Thủy; ngoài là “đại Diêm Hải Thủy” với 4 bộ châu: Đông Thắng thần châu, Nam Thiên bộ châu, Tây Ngưu hóa châu, Bắc Câu lô châu. Năm đồ bản này dụng ý nói trong Liên hoa, hay trong tâm hồn con người có trăm ngàn thế giới khác nhau. Muốn tìm Trời, Phật phải vào Trung điểm.

Sách chú thích thêm rằng: “Tu Di chính là chân trí tâm” (Hoa nghiêm thế giới biểu tâm thuyết, tr.12) và viện lời Kinh: Muốn tìm cho ra Pháp giới tính, nhất định phải do nơi tâm khảm (Kinh vân: Ưng quan Pháp giới tính, nhất thiết duy tâm tạo. 經 云: 應 觀 法 界 性, 一 切 惟 心 造) (Ibidem, tr.12)

E. - Địa đồ với Babylone làm tâm điểm, trung điểm

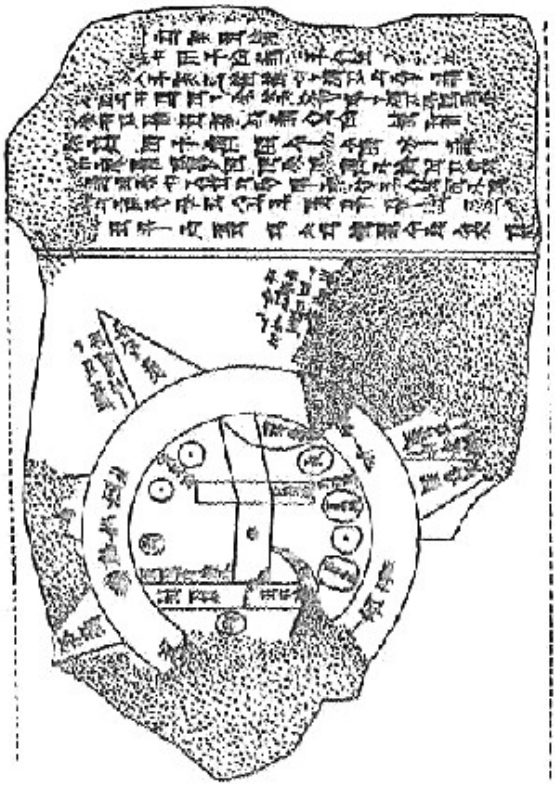

Trích trong sách của Joseph Needham, Science and civilisation in China, Cambridge at the University

press, vol.3, P.528-529.

Xem thêm: Histoire générale des sciences (PUF): La science antique et médiévale, tr.87-88.

» Mục Lục » Trung Dung Yếu Chỉ » Phụ lục: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG DUNG TÂN KHẢO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

PHỤ LỤC 10

Trung Đạo chi truyền phú

中 道 之 傳 賦

(Dĩ Đường, Ngu, Hạ, Thương, Chu vi vận)

以 唐 虞 夏 商 周 為 韻

Nguyên tác của cụ Lương Gia Hòa [1]

Khách hữu gia ư Vô danh công chi hương,

客 有 家 無 名 公 之 鄉

Học ư Phi hữu tiên sinh chi trường,

學 於 非 有 先 生 之 場

Tự hiệu vi Huyền Mặc Tử,

自 號 為 玄 默 子

Nhơn xưng vi Hiếu Biện Lang,

人 稱 為 好 辨 郎

Toại nãi tạo cửu nhẫn chi tường, đăng ngũ giáo chi phường.

遂 乃 造 九 刃 之 墻 登 五 教 之 坊

Cao đàm tính mệnh, tắc cổ thánh, nhi xưng Tiên Vương.

高 談 性 命 則 古 聖 而 稱 先 王

Đường thượng chủ nhân tấn nhi vấn chi viết:

堂 上 主 人 進 而 問 曰

Tử diệc thẩm phù đạo chi danh sở do chương hồ?

子 亦 審 夫 道 之 名 所 由 章 乎

Bỉ phù nhược Phật, nhược Lão, nhược Cáo, nhược Trang, nhược Châu, nhược Mặc, nhược Tuân, nhược Dương ?

彼 夫 若 佛 若 老 若 告 若 莊 若 朱 若 墨 若 荀 若 揚

Hoặc trệ ư hình khí,

或 滯 於 形 氣

Hoặc nhập ư hoang đường,

或 入 於 荒 唐

Hoặc trạch yên nhi bất tinh,

或 擇 焉 而 不 精

Hoặc ngữ yên nhi bất tường,

或 語 焉 而 不 詳

Hoặc quả ư phú quý lợi đạt,

或 果 於 富 貴 利 達

Hoặc nịch ư huấn hỗ từ chương,

或 溺 於 訓 詁 辭 章

Hoặc cấm độc thơ cùng lý,

或 禁 讀 書 窮 理

Hoặc quý ngưng thần tọa vương,

或 貴 凝 神 坐 忘

Hà giả vi cộng do chi lộ,

何 者 為 共 由 之 路

Hà giả vi trí viễn chi phương?

何 者 為 致 遠 之 方

Nguyện tử lự hoằng đạo chi tố uẩn, thí thị ngã dĩ châu hành.

願 子 壚 弘 道 之 素 蘊 試 示 我 以 周 行

Khách viết: Thị sở vị:

客 曰 是 所 謂

Ngư mục bất khả dĩ hỗn châu,

魚 目 不 可 混 珠

Vi hư vi vô,

為 虛 為 無

Vi chủ vi nô,

為主 為 奴

Thiên kỳ vạn triệt, dị vức thù xu, cố công hồ tư hại dã dĩ, nhi cự giả Thánh nhân chi đồ.

千 歧 萬 轍 異 域 殊 趨 故 攻 乎 斯 害 也 已 而 拒 者 聖 人 之 徒

Tưởng phù, Hà xuất thiên bào, lạc thổ địa phù, ngũ, thập cư trung, bị Thái Cực chi động tĩnh, trung chính vi chủ, diệu Hoàng cực chi liễm phu.

想夫河出天苞洛吐地符五十居中備太極之動靜中正為主妙皇極之斂敷

Kỳ tại ư nhân, tắc:

其在人則

Nghiêu chi khắc minh tuấn đức,

堯之克明峻德

Thuấn chi kính giới vô ngu

舜之敬戒無虞

Vũ chỉ thai nhi giáo cật

禹祗台而教訖

Cao, Doãn địch nhi trần mô

皋允迪而陳謨

Thang chấp chi dĩ lập hiền, nhi Y Doãn, Lai Châu hàm kỳ đức.

湯執之以立賢而伊允萊莱咸其德

Văn vọng chi nhi vi kiến, Vũ vương, Châu công trì kỳ đồ.

文望之而未見武王周公馳其圖

Sĩ, chỉ, cửu, tốc, Thánh chi thời, Trọng Ni bất khả du dã.

仕止久速聖之時仲尼不可踰也

Cao, kiên, tiền, hậu hữu sở lập, Nhan thị kỳ thứ cơ hồ.

高堅前後有所立顏氏其庶幾乎

Nhứt quán chi đạo, Tăng cầu chư kỷ,

一貫之道曾求諸己

Hạo nhiên chi khí, Mạnh thiện dưỡng ngô.

浩然之氣孟善養吾

Đạo dữ thời hành, vi ấp tốn, vi chinh tru, vi ẩn cư, vi hành nghĩa,

道與時行為揖遜為征誅為隱居為行義

Danh tùy xứ đắc, viết Thánh đế, viết Minh vương, viết Hiền thần, viết cự Nhu.

名隨處得曰聖帝曰明王曰賢臣曰巨儒

Nhiên quan phù,

然觀夫

Tinh nhất nhi quyết trung doãn chấp,

精一而厥中允執

Vũ dĩ kế Thuấn, Thuấn dĩ kế Nghiêu,

禹以繼舜舜以繼堯

Tổn ích nhi kỳ lễ khả tri,

損 益 而 其 禮 可 知

Châu nhân ư Ân, Ân nhân ư Hạ.

周 因 於 殷 殷 因 於 夏

Tổ thuật hiến chương chi hữu tác, văn tại tư hồ.

祖 述 憲 章 之 有 作 文 在 斯 乎

Thành minh nhơn nghĩa chi vi ngôn, thức kỳ đại giả.

誠 明 仁 義 之 為 言 識 其 大 也

Thời nhi dĩ hĩ,

辰 而 已 矣

Nhan Tử đồng Vũ, Tắc ư hạng cư,

顏 子 同 禹 稷 於 巷 居

Ngộ thích nhiên yên,

遇 適 然 焉

Y Doãn lạc Nghiêu, Thuấn ư Sằn Dã.

伊 尹 樂 堯 舜 於 莘 野

Do Châu công nhi thượng nhi vi quân, do Khổng Tử nhi lai cùng nhi tại hạ, đạt tắc kiêm thiện. Phi thiên càn ngự chi long. Hạ nhi vi thần; hành địa khôn trinh chi mã.

由 周 公 而 上 而 為 君, 由 孔 子 而 來 窮 而 在 下 達 則 兼 善. 飛 天 乾 御 之 龍. 下 而 為 臣, 行 地 坤 貞 之 馬.

Thiên dư lý, địa chi tương khứ, Đông di nhân dã. Tây di nhân dã thử lý đồng nhiên.

千 餘 里 地 相 去 東 夷 人 也 西 夷 人 也 此 理 同 然

Ngũ bách niên, vương giả hữu hưng, văn nhi tri chi, kiến nhi tri chi, kỳ quỹ nhất dã.

五 百 年 王 者 有 興 聞 而 知 之 見 而 知 之 其 撰 一 也

Lương dĩ kỳ,

良 以 其

Sở xử tất hữu chí yếu,

所 處 必 有 至 要

Sở thao tất hữu chí thường.

所 操 必 有 至 常

Ải, Dự bất cung, quân tử bất do Di, Huệ,

隘 與 不 恭 君 子 不 由 夷 惠

Quá, Do bất cập, thánh hiền hà luận Sư, Thương.

過 由 不 及 聖 賢 何 論 師 商

Tinh kỳ đức, ư Thi xá chi dõng, Cung ảo chi dõng, tự phản chi dõng,

精 其 德 施 舍 之 勇 宮 拗 之 勇 自 反 之 勇

Thẩm kỳ trạch ư Nam phương chi cường, Bắc phương chi cường, bất ỷ chi cường.

審 其 擇 於 南 方 之 強 北 方 之 強 不 倚 之 強

Tu tri ! Hoàng khủng ư Minh Điều, Mục Dã,

須 知 皇 恐 於 明 條 牧 野

Hà dị hồ ung dung ư Bồ Bản, Bình Dương.

何 異 乎 雍 容 於 蒲 版 平 陽

Hành quyền chi nghĩa bổn tương đương dã,

行 權 之 義 本 相 當 也

Nhất đường chi sư sư tế tế,

一 堂 之 師 師 濟 濟

Hà dị hồ,

何 異 乎

Tứ quốc chi cấp cấp hoàng hoàng,

四 國 之 汲 汲 皇 皇

Ngô tâm chi nhân bất tương phường dã.

吾 心 之 仁 不 相 妨 也

Xuân Thu chi phủ việt, tức càn khôn chi y thường, nhiếp hữu nhu nhi phất hữu nghi cương dã.

春 秋 之 斧 鉞, 即 乾 坤 之 衣 裳, 燮 友 柔 而 弗 有 宜 剛 也

Tề Lương chi thuyết trí vương, tức chính nguyệt chi hệ ư vương, hạ nhật thủy nhi đông nhựt nghi thang dã.

齊 梁 之 說 致 王, 即 正 月 之 繫 於 王, 夏 日 水 而 冬 日 宜 湯 也

Phàm thử,

凡 此

Phi tính thượng chi thâm trước, bổn thiên lý dĩ hành tương,

非 性 上 之 深 著 本 天 理 以 行 將

Truy đại nguyên chi sở tự, nhi vi thông hành chi trang khương,

追 大 原 之 所 自 而 為 通 行 之 莊 康

Thử ngô Nho chi sở dĩ đại nhất thống, nhi phi bách gia chi khả dĩ giảo đoản trường dã.

此 吾 儒 之 所 以 大 一 統 而 非 百 家 之 可 以 較 短 長 也

Chủ nhân ư thị, tái sắc, tái tiếu, thả mệnh chi lưu, nhụ tử khả giáo, dư tương yên cầu. Thủy ngô dĩ tử vi tục học chi vọng, chúng Sở chi hưu. Kim tử suy tâm pháp ư thiên địa, tự thánh hiền chi đồng dị, hữu dĩ tố kỳ nguyên nhi cùng kỳ lưu.

主 人 於 是 載 色 載 笑 且 命 之 留. 孺 子 可 教. 余 將 焉 求. 始 吾 以 子 為 俗 學 之 妄, 眾 楚 之 咻. 今 子 推 心 法 於 天 地, 敘 聖 賢 之 同 異, 有 以 溯 其 源 而 窮 其 流.

Đại luận dĩ định,

大 論 以 定

Tâm yên tương đầu,

心 焉 相 投

Hoảng nhược:

恍 若

Kiến Ky công ư mộng mị,

見 姬 公 於 夢 寐

Đổ Văn Vũ ư Tây Châu,

睹 文 武 於 西 周

Duy ngã Tố vương biệt thành vũ trụ,

惟 我 素 王 別 成 宇 宙

Tỷ ngã thành mệnh vi đồng đạo mưu.

俾 我 成 命 為 同 道 謀

Kim phân tử ư nhất châu,

今 分 子 於 一 洲

Phong tử vi Tố hầu,

封 子 為 素 侯

Vị tại Khâu Minh chi thượng,

位 在 丘 明 之 上

Ấp ư Ung Dã chi khâu.

邑 於 雍 也 之 丘

Tứ chi mệnh phục hạ cát, đông cầu

賜 之 命 服 夏 葛 冬 裘

Tứ chi di khí Hy đồ, Cơ trù.

賜 之 彝 器 羲 圖 箕 疇

Mệnh chi viết: Thượng vệ ngô đạo duật truy tiền tu.

命 之 曰 尚 衛 吾 道 聿 追 前 修

Khách ư thị, bái thủ, khể thủ, đối dương Tố vương chi hưu.

客 於 是 拜 手 稽 首 對 揚 素 王 之 休

☯ Lương Gia Hòa

ᘓᘓᘓ

Trung Dung Ca [2]

(phóng tác)

Khách cùng quê, với ông không tên tuổi,

Học trường ngài Phi hữu đã từ lâu.

Khách tự xưng Huyền Mặc Tử trước sau,

Đời kêu khách là chàng ưa biện luận.
Khách bèn xây bức tường cao chín nhẫn,
Trèo lên đài ngũ giáo để rong chơi.
Thích bàn câu tính mệnh để mua vui,
Theo cổ thánh, tán dương vua thời cổ.
Chủ ngôi nhà, bỗng đâu ra đon đả,
Hỏi khách sao mà Đạo vẫn hiển dương,
Khi những người theo Phật, Lão, Cáo, Trang
Theo Chu, Mặc, Tuân, Dương thường lầm lỗi
Hoặc nặng hình thức, bề ngoài xốc nổi
Hoặc sa chân theo những thói hoang đường.
Hoặc giải thích, nông cạn chẳng tinh tường,
Hoặng trình diễn nói năng không khúc chiết.
Hoặc cốt phú quý, lợi danh hiển đạt,
Hoặc xa vòa vòng huấn hỗ từ chương.
Hoặc đọc sách không cạn lẽ tinh tường,
Hoặc thích lối ngồi ngưng thần trơ gỗ đá.
Vậy dám hỏi đâu là dường chung một ngả ?
Đâu là nơi xa, xa tít xa mù ?
Xin cắt nghĩa Đạo, xin phơi bày, hết thâm u
Cho ta thấy chính đạo mênh mông bát ngát
Khách mới nói, bao dang dở là do lầm lạc.
Thấy mắt cá, đã vội vàng ngỡ trân châu,
Cho màu tím, màu son đỏ in nhau
Tưởng như Trời là hư không, hư ngụy,
Hoặc quá phân ngôi chủ tớ, chia uyên rẽ thúy.
Muôn gập ghềnh, ngàn vạn vết bánh xe.
Đi nhiều nơi, xông nhiều ngả le te,
Tin dị đoan,chuốt cho mình muôn điều hại.
Nhưng thánh hiền cho thế là chẳng phải:
Trộm nghĩ rằng duyên do sinh Bát Quái, Lạc Thư
Làm chủ chốt cho cuộc trời đất doanh hư
Gồm Thái cực cả hai bề động tĩnh,
Làm chủ chốt cho muôn điều chân chính,
Thao túng hết vi diệu của Hoàng Thiên,

Duyên do ấy ngự trong thâm tâm ta ẩn áo an nhiên.
Làm vua Nghiêu treo cao gương đức cả.
Làm vua Thuấn, kính tin vô tư lự,
Cho Đại Võ nương vào khi giáo hóa,
Cho Cao Dao lấy đó để dạy đời,
Thành Thang nhờ đó nên hiền thánh hơn người,
Y Doãn Lai Châu nương vào nên nhân đức.
Văn Vương những ước mơ mà chưa thấy được
Võ Vương, Châu Công rong ruổi trên đường ngài.
Ngài cho đức Khổng biết chóng, chậm, tiến, lui,
Cái thuật ấy xưa nay, ai vượt nổi,
Cảm thấy Ngài cao, chắc trước sau vươn khó tới,
Như Nhan Hồi thiên hạ dễ mấy mươi.
Đạo «nhất quán» thầy Tăng thấy nơi người,
Mạnh Tử nhờ đức tài bồi «Hạo nhiên chi khí».
Cách hành đạo: tùy thời cơ xử sự.
Cũng có khi nhường nhịn miếng đỉnh chung
Cũng có lúc chinh thảo kẻ tàn hung.
Cũng có khi chốn thảo lư ẩn dật,
Cũng có lúc đem đạo nghĩa ra truyền đạt
Và tùy nghi, tùy xứ được tiếng tăm:
Hoặc thánh đế, hoặc minh vương, hoặc hiền thần,
Cũng có lúc là văn gia cự phách.
Nhưng sau trước vẫn «quyết trung doãn chấp»,
Vũ noi gương Thuấn, Thuấn bắt chước Nghiêu,
Còn nghi lễ tăng giảm có bao nhiêu:
Chu phỏng Ân, Ân theo chân triều Hạ.
Tinh thần theo, hình thức không hoàn toàn bỏ
Đấy phải chăng là thấu triệt hết tinh hoa.
Hoàn thiện, quang minh, nhân nghĩa chẳng lìa xa,
Như thế là hiểu hết lẽ mầu cao cả.
Trước Châu Công, đạo ấy nhờ tay vua truyền bá.
Từ Đức Khổng, đạo hạ thấp xuống dân gian
Lúc hiển đạt, đạo ấy thực hoàn toàn
Như rồng vàng, bay trên trời mây thẳm.

Khi nương náu, nhờ tay hiền thần nắm
Cũng tung hoành như ngựa quí ở trần gian.
Ngoài nghìn dậm, chỗ bờ cõi ly tan,
Man đông, mọi tây: lẽ Trời ấy điều thế cả.
Cứ năm trăm năm lại có hiền vương truyền bá,
Ngài thoạt nghe là hiểu, thoạt nhìn thấy là hay.
Khuôn phép ấy sau trước chẳng hề thay.
Khéo xử sự, nắm được ngay điều chính yếu,
Lẽ chí thường, biết giữ gìn không hề thiếu.
Không nhặt nhiệm mà cũng chẳng buông tung.
Bá Di, Hạ Huệ chẳng phải mẫu mực chung:
Hoặc bất cập, hoặc là vì thái quá.
Đạo thánh hiền, Tử Cống khác chi Tử Hạ.
Hơn Thi Bá, hãy can đảm tiến đức tu thân,
Hơn Cung Ảo, hãy can đảm trở gót lui chân.
Cường dõng ta: kiểu phương Nam hay phương Bắc,
Hay là cường dõng của người tu đạo thực.
Mối lo âu Thang Võ nơi Mục Dã, Minh Điều,
Sự ung dung nơi Bình Dương,
Bồ Bản của Thuấn Nghiêu,
Hai nỗi lòng ấy, suy ra nào có khác ,
Đó là hai phương diện hành quyền thưởng phạt.
Khi ngồi trong nhà thư thái ung dung,
Hay khi chu du bốn nước, lận đận vội vàng.
Nhân đức ta, không bao giờ suy suyển.
Lời búa bổ trong Xuân Thu bao biếm,
Là y thường đẹp đẽ của càn khôn.
Yêu đằm thắm ôn hòa hơn cứng cỏi bạo tàn,
Rong ruổi Tề Lương, dạy các Vua chính trị,
Hay Viết Xuân Thu dạy dân tôn vương, trọng lễ,
Như hè thời nước thường, đông đến phải nấu sôi.
Những cái đó chưa phải chính ánh sáng mệnh trời.
Thiên lý đó, muốn đem ra áp dụng,
Phải xét suy, cho biết ngọn nguồn tường tận,
Rồi ung dung thảng đãng cứ noi theo.

Kẻ hèn này, đem thống nhất thành một điều,
Không còn có vắn dài, như bách gia chư tử
Chủ lúc ấy mặt mày hớn hở,
Truyền Khách ngồi, giữ Khách ở lại chơi.
Chủ mới bảo chú bé đáng dạy người,
Nên ta muốn cậy nhờ người công việc,
Mới đầu, ta tưởng người một phường không biết
Ấm ớ như dân Sở đứng ngoài đàng
Nhưng người theo trời đất, hiểu được cả tâm can.
Những chỗ thánh hiền giống nhau hay sai biệt
Ngược dòng đời người đã thấy ngọn nguồn tình tiết.
Đại luận xong, ta đã rõ trước sau.
Ta với ngươi nay ý hiệp tâm đầu
Ta tưởng thấy Châu Công trong giấc ngủ,
Ta tưởng ở Tây Châu, thấy vua Văn vua Vũ
Ta có riêng vũ trụ, ta đây chính Tố Vương.
Ngươi hãy giúp ta sửa sang đạo lý cương thường.
Nay cho ngươi cả một châu rộng rãi
Phong ngươi làm tố hầu riêng một cõi,
Địa vị ngươi hơn cả Tả Khâu Minh,
Đất đai Ung Dã ngươi hãy giữ cho mình.
Ta ban cho ngươi mãng bào mệnh phục
Hồ cừu, khinh cát tùy tiết trời hàn nhiệt
Cho ngươi phương tiện để truyền bá đạo trời,
Cho Hà đồ Phục hi, Cửu Trù Cơ tử cả hai,
Và truyền rằng, đạo ta người gắng công bảo vệ,
Khảo sát lại công tu luyện các tiền thế hệ ...
Khách lúc đó chấp tay kính cẩn khấu đầu chào,
Cảm kích nhìn Tố Vương thong thả bãi trào.

[1] Xem Cổ Học Tinh Hoa Văn Tập của Tỉnh hội Việt Nam Cổ Học Quảng Nam, Tập Thu năm Canh Tý 1960.

[2] Xem Cổ Học Tinh Hoa Quảng Nam Thu Canh Tý 1960, tr.21.